TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

QUYỂN 9

Chủ giảng: **LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG**

*****

Trưởng ban biên dịch:
TK. Thích Đồng Bổn

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

淨土大經解演義

QUYỂN 9

(Tập 81 – 90)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 81

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

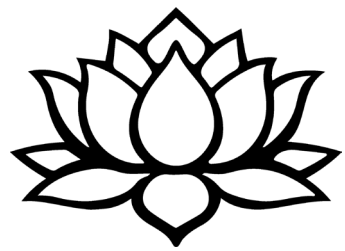

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 85, dòng thứ 2 từ dưới đếm lên, xem từ chữ *Kinh*.

"Kinh giả, Phạn ngữ Tu Đa La. Trực dịch vi Tuyến, ý dịch vi Khế Kinh. Khế giả, nhất giả khế Lý. Lý giả, Thật Tế lý thể dã. Nhị giả khế Cơ, Cơ giả, cơ nghi, chúng sinh căn cơ dã, kiêm chỉ thời cơ, thời tiết nhân duyên dã. Cố khế Cơ giả, thiết hợp chúng sinh thủy bình dữ thời đại dã" (Kinh: Tiếng Phạn là Tu Đa La, dịch sát nghĩa là Tuyến (sợi dây), dịch ý là Khế Kinh. Khế: Một là Khế Lý. Lý là Thật Tế lý thể. Hai là Khế Cơ. Cơ là cơ nghi, tức căn cơ của chúng sinh, đồng thời có nghĩa là thời cơ, thời tiết nhân duyên. Do vậy, Khế Cơ là phù hợp trình độ của chúng sinh và thời đại).

Chúng ta đọc tới chỗ này. Kinh là những lý luận và phương pháp do Phật Thích Ca Mâu Ni thuở tại thế đã dùng để giáo hóa hết thảy chúng sinh, nhưng thuở ấy Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng viết thành tài liệu giảng dạy. Vào thời cổ, dường như đều giống như vậy, như tại Trung Quốc, Khổng Tử chỉ dùng ngôn ngữ để dạy dỗ, không có sách giáo khoa, ngay cả đại cương cũng chẳng có. Nhìn từ chỗ này, suốt 49 năm, đức Phật giảng kinh, dạy học mỗi ngày chẳng gián đoạn, sau khi Ngài viên tịch, các học trò dựa trên ký ức, dùng văn tự ghi chép lời thầy đã dạy, lưu truyền hậu thế; đấy là cội nguồn

của kinh điển Phật giáo. Kinh điển là những lời "giảng nghĩa" trong lúc Phật giáo học thuở ấy. Nay, chúng tôi dùng từ "giảng nghĩa" cho mọi người dễ hiểu! Phân lượng kinh điển nhà Phật vô cùng to lớn, công tác kết tập gian truân do Tôn giả A Nan phức giảng (nhắc lại lời giảng).

Trong các đệ tử, cũng như trong số các đồng học, Ngài A Nan có trí nhớ tốt nhất. Sở trường đặc biệt của Ngài là trí nhớ mạnh mẽ, gần như nghe qua một lần sẽ vĩnh viễn chẳng quên. Ngài có năng lực ấy, sức lý giải rất mạnh. Vì thế, mọi người cùng đề cử Ngài phức giảng, tức là nhắc lại những gì Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong thuở ấy. Có 500 vị đồng học, các đồng học đều chứng quả A La Hán. Các vị A La Hán và Bồ tát ngồi ở dưới nghe, chứng minh lời Ngài nói chẳng sai! Nếu có một vị nào bảo: "A Nan! Hình như đức Phật chẳng nói câu này", câu ấy phải gạt bỏ, chẳng thể lưu hành. Nghiêm ngặt như vậy, chủ yếu nhằm mục đích giữ chữ Tín với đời sau, chẳng phải là đa số thông qua, mà hễ có một người có ý kiến sẽ không thể ghi lại câu nói ấy. Vì thế, kinh điển được thẩm tra nghiêm ngặt; nói cách khác, những câu nói được chép trong kinh Phật đều do chính miệng Phật Thích Ca Mâu Ni thốt ra. Đó là nguồn gốc của kinh điển vậy!

Chữ *"Kinh"* là chữ Hán, chúng ta dùng chữ này để dịch chữ Ấn Độ. Tiếng Ấn Độ gọi Kinh là Tu Đa La (Sūtra). Tu Đa La vốn có nghĩa là Tuyến (sợi dây). Vì sao? Do trước đây, vào thời kỳ đầu, chép kinh trên lá cây, tức lá cây Bối-đa-la.

Đương nhiên, thuở ấy vẫn chưa có giấy, nên dùng lá cây Bối-đa-la. Lá cây ấy rất bền, có thể giữ rất nhiều năm chẳng bị hư hoại. Lá cây được cắt thành từng miếng, cắt thành miếng dài, hai bên đục lỗ. Mỗi bên đục một lỗ, dùng dây xâu qua để buộc lại cho khỏi lạc mất. Các miếng lá đã xỏ dây được gọi là một quyển sách, khi dịch sát nghĩa chữ Sūtra thì dịch theo cách như vậy. Quý vị đến Cố Cung sẽ có thể thấy hình dạng nguyên thủy của kinh lá Bối. Nếu dịch nghĩa thì nên dùng ý nghĩa của chữ Kinh trong tiếng Hán để dịch sẽ rất hay. Bởi lẽ, những giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc lưu lại, chúng ta đều gọi là Kinh. Do giáo huấn của đức Phật cũng vô cùng quý báu, dùng chữ Kinh này để phiên dịch là hay nhất.

Trước chữ Kinh, thêm chữ Khế (契). Khế là Khế Lý. Lý là Thật Tế lý thể, là chân tướng sự thật. Nói theo cách bây giờ, Thật Tế lý thể là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, mọi người dễ hiểu điều này. Do vậy, kinh nhất định giảng chân tướng sự thật, chẳng phải là nói mò, chẳng phải là nói tùy tiện. Đây là chân tướng sự thật thứ nhất.

Thứ hai là phải Khế Cơ, tức là thích hợp trình độ của chúng sinh. Quý vị giảng quá sâu, họ nghe sẽ không hiểu. Quý vị giảng quá cạn, họ sẽ chẳng hứng thú! Nhất định phải thích hợp! Lại còn phải thích hợp thời đại. Vì thế, kinh điển sống động. Kinh Phật do đức Phật nói. Quý vị thấy, mỗi triều đại đều chú giải kinh điển rất nhiều. Chú giải là gì? Chú giải nhằm khế cơ. Trong mỗi triều đại, trong mỗi xã hội và

dân tộc khác nhau, họ cần những gì, dùng phương pháp gì để giảng cho thích hợp, đó là sống động. Lời Phật giảng là nguyên lý, nguyên tắc, các vị tổ sư đại đức giảng giải, tức là đã giảng theo kiểu hiện đại hóa, người hiện thời đều có thể thụ dụng, đó là Khế Cơ.

Kinh Phật ắt phải phù hợp 2 điều kiện ấy. Nếu nói khế cơ chẳng khế lý, đó là ma thuyết, chẳng do Phật thuyết. Rất thích hợp với người nghe, người ta rất thích nghe, nhưng chẳng phù hợp Lý, chẳng phải là chân tướng sự thật, đấy là tà thuyết. Nếu khế lý chẳng khế cơ, sẽ là lời lẽ vô ích. Lý hay lắm, nhưng người ta nghe chẳng hiểu, nghe xong chẳng vận dụng được! Vì vậy, ắt phải phù hợp 2 điều kiện ấy thì mới gọi là *"kinh điển".* Đây là cách thông thường để giới thiệu những ý nghĩa được bao hàm trong chữ Kinh, trên thực tế, còn có rất nhiều ý nghĩa mà các đồng học học Phật chúng ta chớ nên không biết. Không biết, tức là quý vị chưa phải là kẻ thông hiểu!

"Kim vị tỉnh văn, lược khử Khế tự" (Nay vì nói gọn, lược bỏ chữ Khế). Người Trung Quốc chuộng đơn giản, tuyệt đối chẳng thích rườm rà, không giống người Ấn Độ. Người Ấn Độ ưa rườm rà, càng nói chi tiết càng hay! Người Trung Quốc yêu cầu như thế nào? Nói tới trọng tâm rồi thôi, chẳng dây cà dây muống. Người Trung Quốc là như vậy đó. Vì thế, ngôn ngữ và văn tự Trung Quốc thời cổ đòi hỏi phải đạt tiêu chuẩn gồm 4 từ là *"giản, yếu, tường, minh"*, tức là đơn giản,

tóm tắt, nhưng vẫn phải cặn kẽ, vẫn phải rõ ràng. Ăn nói như vậy mới là ăn nói giỏi; văn chương như thế mới là văn chương hay. Nhưng người Ấn Độ lại khác, quả thật chẳng ngại phiền.

Người Hoa nói gì chẳng lặp đi lặp lại, văn chương nhắc đi nhắc lại sẽ gọi "trùng lặp", chẳng phải là văn chương hay! Nhưng kinh Phật chẳng vậy, kinh Phật là nhắc đi nhắc lại. Lặp đi lặp lại cũng có lợi, đối với kẻ trung, hạ căn sẽ rất hữu ích. *"Giản, yếu, tường, minh"* thật sự chỉ hữu ích cho người thượng thượng căn, kẻ trung, hạ căn nghe một lần chưa hiểu, nhưng không được nghe lần nữa! Không giống như kinh Phật, quý vị nghe một lần không hiểu, chẳng sao! Phía sau còn nhắc lại nhiều lượt, quý vị cứ thong thả mà học, nói chung rồi sẽ nghe hiểu! Đấy là Phật từ bi, từ bi hơn Khổng lão phu tử rất nhiều! Khổng Tử và Mạnh Tử chẳng từ bi như Phật, mà đòi hỏi rất cao, cho nên sách Nho mới chép: *"Cử nhất ngung, bất dĩ tam ngung phản"* (Nêu lên 1 góc, chẳng suy ra được 3 góc kia), Khổng lão phu tử chẳng dạy quý vị, ý chê bai: "Nhà ngươi quá đần độn!".

Giống như căn nhà này, tôi bảo quý vị góc này vuông vức đúng 90^{o}, quý vị phải nghĩ là 3 góc kia cũng giống như thế. Nếu quý vị chẳng nghĩ ra, phải dạy quý vị từng thứ một, thì Khổng lão phu tử chẳng dạy quý vị, *"gã này đần quá!".* Nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni rất từ bi, Ngài sẽ dạy quý vị: "Góc này 90^{o}, nhìn sang góc kia, góc kia cũng là 90^{o}", Ngài

chẳng nề hà phiền phức. Từ chỗ này, ta thấy được lòng từ bi của đức Phật. Vì vậy, nói thật thà, học Phật dễ hơn học Nho. Vì thế, Phật giáo truyền sang Trung Quốc, Phật giáo là giáo dục, giáo dục Phật giáo thịnh vượng hơn giáo dục Nho gia. Vì sao? Thuận tiện, hòa đồng, 3 căn thượng, trung, hạ. Thượng thượng căn, hạ hạ căn Phật đều dạy. Khổng lão phu tử dạy học, thì học trò phải là trung, thượng căn trở lên. Thấp hơn trung thượng căn, phu tử sẽ chẳng muốn dạy, "rõ ràng là ngươi quá đần độn!". Đây là một nhân tố khiến cho nền giáo dục Phật giáo có thể phổ biến, phổ cập toàn dân tại Trung Quốc, tỏ rõ tấm lòng yêu thương của đức Phật.

Chữ Kinh này có 4 ý nghĩa, thông thường, hễ giảng kinh, nhất định phải giới thiệu. Kinh có 4 ý nghĩa là *"quán, nhiếp, thường, pháp"*:

1) Quán (貫) là *"quán xuyên sở thuyết chi lý"* (thông suốt, xuyên suốt Lý đã được nói). Nói theo cách bây giờ là phù hợp lý luận, thật sự là một môn học thuật cao sâu, người hiện thời gọi là *"La-tập"* (Logic, Luận lý học) giảng về Biện chứng pháp (Dialectics)[1], nói theo danh từ Phật pháp là Nhân minh (Hetuvidyā). Vì thế, trong Phật pháp có khoa Nhân minh học. Nhân minh học nay được gọi là La tập, hoặc Biện chứng pháp. *"Quán"* là có phương pháp tuân theo Luận lý học, vì thế, giảng hết sức mạch lạc, có trật tự; người Trung

[1] Biện chứng pháp: Cách lý luận nhằm giải quyết những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề, áp dụng những lý luận, giải thích hợp lý.

Quốc gọi điều đó là *"hữu điều bất vặn"* (有條不紊: sắp xếp mạch lạc, hợp phương pháp, chẳng rối loạn). Quý vị nghe rất dễ hiểu, rất minh bạch.

2) Ý nghĩa thứ hai là Nhiếp (攝). *"Nhiếp tắc nhiếp trì sở hóa chi sinh (chúng sinh)"* (Nhiếp là thâu giữ những chúng sinh được giáo hóa). Đây là Nhiếp trì. Trì là gìn giữ, tức là gìn giữ những chúng sinh đã được giáo hóa. Nếu dùng 4 từ tiêu chuẩn này để nhận định, thì văn chương Trung Quốc chỉ đạt được điều thứ nhất là Quán, thực hiện được từ ấy! Tất cả văn chương đạt được điều ấy, còn 3 từ sau đó chưa chắc đã đạt được! *"Nhiếp"* là nhiếp thọ hết thảy chúng sinh, cũng là giống như nó có sức hấp dẫn, sức thu hút. Sau khi tiếp nhận, quý vị rất ưa thích, muốn bỏ mà chẳng thể bỏ được. Điều này chẳng đơn giản.

Vì thế, kinh Phật khiến cho quý vị đọc một lần, vẫn muốn đọc lần thứ hai, lần thứ ba, càng đọc càng ưa thích. Sức nhiếp thọ của kinh có thể chiếm lĩnh tâm hồn người đọc. Điển tịch của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng có sức mạnh này, chẳng hạn như *Tứ Thư, Ngũ Kinh* có năng lực này. Quý vị thuở bé đọc *Tứ Thư*, đến lúc 70-80 tuổi, đọc *Tứ Thư* vẫn hứng thú tràn trề. Chúng có sức mạnh ấy! Quý vị đọc tiểu thuyết, sau khi đọc một hai lượt, chẳng muốn đọc lần thứ ba.

Tiểu thuyết dù hay cách mấy, thuở bé, tôi thích coi, ưa chuộng nhất 4 bộ tiểu thuyết Trung Quốc là *Tam Quốc, Thủy*

Hử, Tây Du Ký, và *Hồng Lâu Mộng.* Mỗi bộ đại khái, tôi đọc tới 10 lần, nhưng sau khi đọc 10 lần, suốt đời này, chẳng muốn đọc lại nữa! Nói cách khác, sức nhiếp thọ của chúng chỉ lớn chừng đó. Sau khi xem 10 lượt, sẽ chẳng muốn đọc nữa! Chẳng giống như kinh Phật, quý vị đọc kinh Phật một vạn biến cũng chẳng ngán, càng đọc càng ưa thích, sức nhiếp thọ to lớn.

3) Chữ thứ ba là Thường (常). *"Thường tắc cổ kim bất dịch"* (Thường là xưa nay chẳng thay đổi). Người hiện thời gọi điều này là Chân lý. Những điều kinh Phật giảng chính là chân lý. Chân lý vĩnh hằng chẳng thay đổi. Những điều đức Phật giảng từ 3.000 năm trước là chính xác, tới nay, 3.000 năm sau vẫn chính xác. Tại Ấn Độ, dạy người Ấn Độ chính xác, truyền sang Trung Quốc, dạy người Trung Quốc vẫn chính xác! Cũng có nghĩa là những lý luận và phương pháp của đức Phật siêu việt thời gian và không gian, nên gọi là Thường. Điều này hết sức khó đạt được!

4) Điều cuối cùng là Pháp (法). *"Pháp tắc cận viễn đồng tuân"* (Pháp là xa gần cùng tuân thủ). Người thời cổ và người hiện tại đều phải tuân những phương pháp đã được dạy trong kinh điển.

Có thể phù hợp 4 điều kiện ấy mới gọi là Kinh. Văn chương của phàm nhân sáng tác chẳng thể trọn đủ 4 điều kiện này, nên chẳng thể gọi là Kinh. Trọn đủ 4 điều kiện này

mới có thể gọi là Kinh. *Tứ Thư* của Trung Quốc có thể gọi là Kinh, vì quả thật *Tứ Thư* có *"quán, nhiếp, thường, pháp"*, phù hợp 4 điều kiện ấy. Nói tới *Ngũ Kinh,* thì phần lớn là có 4 điều kiện ấy. Trong thời đại hiện tại, có thể dùng tinh thần, chứ không thể dùng phương pháp được nói trong *Ngũ Kinh*, vì phương pháp phù hợp thời đại đó, chẳng phù hợp thời đại này, chẳng giống như kinh Phật. Những điều được giảng trong kinh Phật là sống động.

"Thượng thuật tứ tự, khả tận Kinh tự chi nghĩa" (4 từ vừa nói trên đây, có thể gồm trọn hết những ý nghĩa của chữ Kinh). Thông thường, để giải thích chữ Kinh, luôn dùng 4 từ *"quán, nhiếp, thường, pháp"* này!

"Hựu Phật sở thuyết giả, thông danh vi Kinh" (Lại nữa, những điều do đức Phật nói đều gọi chung là Kinh). Những gì do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng, *"cố đề trung Kinh chi nhất tự thị thông danh"* (nên một chữ Kinh trong nhan đề là tên chung). Phàm những gì do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng đều gọi là Kinh; vì thế, Kinh là thông danh (tên chung). Hết thảy những giáo huấn của thánh hiền cũng gọi là Kinh, nhưng Kinh của thánh hiền chưa chắc đã có hội đủ ý nghĩa gồm trong 4 từ *"quán, nhiếp, thường, pháp".* Tuy đều là Kinh, nhưng có rất nhiều thứ chẳng phù hợp định nghĩa *"quán, nhiếp, thường, pháp"* này. Đấy chính là chỗ vượt trội của kinh Phật so với các thứ kinh điển khác! Những câu này nhằm giới thiệu Kinh danh xưng chung.

Tiếp đó, sách *Chú Giải* viết: *"Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác"*, 14 từ ấy, *"thị bổn kinh độc cụ chi biệt danh"* (là tên riêng chỉ mình kinh này có). Mặc dù đều do đức Phật nói, nhưng không giống những kinh khác, được gọi là Biệt danh. Như vậy, đề mục kinh này gồm 15 từ bao gồm Thông đề (Thông danh) và Biệt đề (Biệt danh). 14 từ đầu là Biệt đề, một chữ Kinh sau đó là Thông đề.

"Chư kinh lập danh, bất ly nhân, pháp, dụ, hoặc đơn, hoặc phức, khả đắc thất loại: Đơn nhất giả tam, cụ nhị giả tam, cụ túc giả nhất, cộng thành thất loại" (Đặt tên các kinh, chẳng ngoài nhân, pháp, dụ, có thể là đơn hoặc phức, chia thành 7 loại: Đơn danh, tức chỉ một thứ, gồm 3 loại, gồm 2 thứ có 3 loại, có đủ 3 thứ chỉ có 1 loại, cộng thành 7 loại). Đây là nói đến việc đặt tên kinh Phật có quy củ, chẳng phải là nói tùy tiện. Vì thế, người thông hiểu vừa nhìn vào đề mục kinh, đã biết kinh này là thật hay là ngụy tạo. Những kinh ngụy tạo có đề mục chẳng phù hợp nguyên tắc này. Chẳng phù hợp nguyên tắc này, sẽ chẳng phải là kinh Phật chân chính. Kinh Phật chân chính nhất định phải phù hợp nguyên tắc này, tức 7 tiêu chuẩn. Nói tóm lại, 7 tiêu chuẩn chẳng ngoài *"nhân, pháp, tỷ dụ"*, trong đề mục nhất định lấy những điều ấy làm nguyên tắc.

"Đơn nhân", là chỉ dùng người (nhân) làm đề mục, *"A Di Đà Kinh, A Di Đà thị nhân"* (kinh *A Di Đà*, A Di Đà là người).

A Di Đà là Biệt đề, Kinh là Thông đề. Trong nhan đề kinh ấy chỉ có nhân, không có pháp, không có tỷ dụ.

"Đơn pháp, Đại Bát Nhã Kinh, Bát Nhã thị pháp" (Đơn pháp là như kinh *Đại Bát Nhã*, Bát Nhã là pháp), không có nhân, không có dụ, tức là không có tỷ dụ.

"*Đơn dụ, Phạm Võng Kinh"* (Chỉ có Dụ là như kinh *Phạm Võng*). Phạm Võng (Brahmajala) là cái lưới của Đại Phạm Thiên. Dùng cái lưới của Đại Phạm Thiên để sánh ví. Vì thế, Phạm Võng là tỷ dụ, không có nhân, mà cũng chẳng có pháp.

3 loại ấy được gọi là *"đơn tam đề"* (3 loại đề mục kinh chỉ dùng một thứ để đặt tên).

"Phức nhị đề" cũng có 3 loại; trong ấy có:

- Nhân Pháp, tức là trong đề mục có người và pháp, như *Văn Thù Vấn Bát Nhã Kinh*. Văn Thù là nhân, Bát Nhã là pháp, trong ấy chẳng có tỷ dụ.

- Dùng Pháp và Dụ để đặt tên như *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.* Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là tỷ dụ, trong ấy chẳng có nhân.

- Dùng Nhân và Dụ để đặt tên kinh như *Bồ Tát Anh Lạc Kinh.* Bồ tát là nhân, Anh Lạc là tỷ dụ, trong ấy chẳng có pháp.

3 thứ này gọi là *"phức tam chủng lập đề"*.

Nhân, pháp, dụ, thảy đều có đủ. Cả 3 thứ ấy đều có, đầy đủ nhân, pháp, dụ là *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*.

Đề kinh có đủ cả 3 thứ ấy. Phật là nhân, Đại Phương Quảng là pháp, Hoa Nghiêm là tỷ dụ (Dụ). Do vậy, nhân, pháp, dụ đều có.

Đây là 7 nguyên tắc để đặt nhan đề cho kinh Phật. Nếu chẳng tương ứng với 7 nguyên tắc ấy, nhất định chẳng phải là kinh Phật. Nếu bảo nó là kinh Phật thì đó là giả, chẳng thật! Kinh Phật thật sự sẽ chẳng trái phạm quy củ này.

"Kim bản kinh đề diệc cụ túc nhân, pháp, dụ" (Nay nhan đề kinh này cũng trọn đủ nhân, pháp, dụ). Hạ lão cư sĩ hội tập kinh này, đặt nhan đề trọn đủ nhân, pháp, dụ. *"Đề trung Phật tự biểu thử độ quả nhân"* (Chữ Phật trong nhan đề biểu thị người đã chứng quả trong cõi này): *"Phật"* là Phật Thích Ca Mâu Ni, tức là vị đã chứng quả trong cõi này. *"Quả nhân"* là người đã chứng Phật quả, là Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta học Phật nhất định phải biết, bất luận ở chỗ nào cũng phải nói rõ ràng với người khác, nếu người ta hỏi đến Phật, thì Phật là giáo dục.

Chúng ta tiếp nhận sự giáo dục của Phật Thích Ca Mâu Ni, nói rõ Phật chẳng phải là tôn giáo, chẳng liên quan gì đến tôn giáo! Kể từ khi tôi được tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu tiếp xúc Phật giáo, tôi học theo sự giáo dục của Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng theo tôn giáo. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Hiệp hội của chúng ta là hiệp hội giáo dục của đức Phật, chớ nên mơ hồ, khiến cho người khác nảy sinh hiểu lầm!

Phật, Bồ tát, A La Hán là những danh xưng học vị trong nền giáo dục của đức Phật, mà cũng là những danh xưng chung. Phật là học vị tối cao, Bồ tát là học vị thứ hai, A La Hán là học vị thứ ba, có cùng một ý nghĩa với các học vị tiến sĩ, thạc sĩ, học sĩ (cử nhân) như trong nhà trường hiện thời. Phật Thích Ca Mâu Ni tu học đã đạt tới tầng lớp cao nhất, nên gọi Ngài là Phật Đà.

Còn những vị như Văn Thù, Phổ Hiền được nhắc đến trong kinh sách, tuy chưa đạt tới tối cao, nhưng tu cũng rất khá, thuộc vào học vị Bồ tát. Lại còn có Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên là A La Hán, thuộc học vị thứ ba. Gọi Phật, Bồ tát, A La Hán là nói tới danh xưng học vị, các Ngài chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên, các Ngài là người. Phải hiểu rõ ràng, minh bạch thì chúng ta mới thật sự học được thứ này thứ nọ trong Phật pháp, có lợi ích cho chúng ta.

Lợi ích phổ biến nhất là thân tâm khỏe mạnh. Quý vị có muốn hay không? Quý vị học Phật, khẳng định phải đạt được điều đầu tiên này! Nhà Phật nói *"trường sinh bất lão"* là thật, chẳng phải là mê tín. Đáng tiếc là chúng ta công phu chẳng tới mức, phải nâng công phu lên cao hơn. Nâng cao tới cảnh giới nào? Nâng cao tới A La Hán là được rồi. A La Hán trường sinh bất lão. Nay, chúng tôi chỉ mới dính dáng một chút bên ngoài, hưởng nhờ một tí bên bề ngoài. Hết thảy quý vị thấy tôi tuổi tác không ngừng tăng lên, nhưng cũng chẳng suy lão, thật đấy, chẳng giả!

Năm 1999, tôi giảng kinh tại Tân Gia Ba (Singapore) có một vị cư sĩ là nữ tu Thiên Chúa giáo tại Tân Gia Ba, đến gặp tôi, muốn quy y Phật môn. Bà ta hỏi: "Tôi có đủ điều kiện để quy y hay không?". Tôi nói: "Chẳng có vấn đề gì, bà hội đủ điều kiện". Tôi quy y cho bà ta, năm ấy, bà ta đã 101 tuổi, được gọi là *"người thanh niên 101tuổi"*. Bà làm công tác thiện nguyện chăm sóc người già.

Người già đều là bảy, tám chục tuổi! Bà ta phục vụ, chăm sóc họ mỗi ngày, chăm nom hai mươi mấy người già, rất khó có! Hiện thời, thân thể bà ta vẫn vô cùng khỏe mạnh. Mấy hôm trước, tôi nghe nói bà ta muốn sang một viện dưỡng lão ở Tân Cương phục vụ nửa năm. Năm 1999, bà ta đã 101 tuổi, năm nay là năm 2010, bà ta phải là 111 tuổi. Không phải vậy, năm 1999, bà ta đã 101 tuổi, năm nay phải là 112 tuổi. 112 tuổi vẫn làm công tác thiện nguyện, vẫn chăm sóc người già sáu, bảy chục tuổi, bà ta chẳng già, vẫn nói mình là thanh niên!

Đầu tiên là thân tâm khỏe mạnh, quý vị chẳng có phiền não, mà có trí tuệ, phiền não nhẹ đi, trí tuệ tăng trưởng. Gia đình quý vị hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, nơi quý vị sống hòa thuận, chẳng có gì không tốt đẹp! Đấy là lợi ích hiện tiền của Phật pháp. Một người tu hành như vậy ở nơi ấy, các nhà lượng tử học cho biết: Người ấy ở khu vực nào, trong vùng phụ cận, tỷ lệ phạm tội chắc chắn rất ít, do nguyên nhân nào? Từ trường tốt đẹp! Một đạo tràng thành lập ở đây,

người thật sự học tập rất nhiều, tỷ lệ phạm tội trong khu vực này sẽ giảm bớt với một mức độ to lớn, đó là sự thật. Vì vậy, chúng ta nói tới Phật, Pháp, Tăng, nói chung phải hiểu ý nghĩa thật sự. Nếu không, người ta sẽ nói chúng ta mê tín, sai lầm rất lớn. Do vậy, chữ Phật ở đây là *người chứng quả* trong thế gian này. Ngài là một người tu học đã đạt được học vị tối cao.

"Vô Lượng Thọ thị bỉ phương quả nhân" (Vô Lượng Thọ là người chứng quả trong phương kia). Vô Lượng Thọ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là Phật A Di Đà đạt học vị tối cao. A Di Đà dịch là Vô Lượng Thọ. Phật là danh xưng học vị. Ngài và Phật Thích Ca Mâu Ni có học vị tương đồng, bình đẳng. *"Cố đề trung cụ lưỡng độ quả nhân"* (Do vậy, trong đề kinh có đủ 2 vị chứng quả trong 2 cõi). Trong một đề kinh có 2 người, chẳng phải là 1 người, mà là 2 người, đều đạt được học vị tối cao.

7 từ *"Trang nghiêm, Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác"* là pháp, *"Đại thừa nhị tự"* (2 từ Đại thừa) là tỷ dụ. *"Thừa giả"* (Thừa là), âm cổ là Thặng (乘), nay chúng ta thường đọc là Thừa, âm cổ đọc là Thặng, có nghĩa là xe, thuở ấy là xe ngựa! *"Thử kinh khả vận tải vô lượng chúng sinh hàm đạt bảo sở"* (Kinh này có thể chuyên chở vô lượng chúng sinh cùng đến được chỗ có của báu). Nói theo cách bây giờ, "bảo sở" là "bảo địa" (nơi đất báu). Bộ kinh này có thể chở chúng ta sang Tây Phương Cực Lạc thế giới bảo địa.

Kinh *Pháp Hoa* đã nói: *"Đại bạch ngưu xa"*. Đại bạch ngưu xa là xe ngựa. Thời cổ, xe ngựa lớn nhất, có thể ngồi được rất nhiều người. Tôi nhớ lúc bé, đi học tại Nam Kinh, lúc ấy đang học Sơ Trung (Trung học cơ sở, cấp hai), phương tiện giao thông ở Nam Kinh rất ít, xe ngựa rất nhiều. Xe ngựa rất rẻ, hình như là một hai xu, rất rẻ! Một cỗ xe ngựa, tôi nhớ thường ngồi được 14 đứa học trò. 14 đứa nhỏ ngồi chung một chiếc xe ngựa đi học. Do vậy, dùng Đại thừa làm tỷ dụ, Đại thừa là cỗ xe ngựa lớn.

"Chư kinh giai cụ Giáo, Hành, Lý" (Các kinh đều có đủ Giáo, Hành, Lý). Hết thảy các kinh đều có mấy ý nghĩa ấy. Ở đây, lời chú giải đã tỉnh lược một từ, lẽ ra phải là Giáo - Hành - Lý - Quả. Một bộ kinh nhất định có 4 ý nghĩa ấy; ở đây, Quả bị lược đi. Quả là chứng quả, tức đạt được học vị. *"Phật thuyết Đại thừa thị Giáo"* (Phật thuyết Đại thừa là Giáo), đấy là giáo học. *"Trang nghiêm, Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác thị Hành"* (Trang nghiêm, Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác là Hành). Như vậy, thì đây là Giáo kinh mà cũng là Hành kinh. Quý vị hành sẽ đạt được, chẳng hành sẽ chẳng đạt được! *"Vô Lượng Thọ thị Lý"* (Vô Lượng Thọ là Lý). Vô Lượng Thọ là Lý mà cũng là Quả.

Các vị tổ sư đại đức xưa nay giải thích nhan đề kinh chẳng hoàn toàn giống nhau. Có những vị có cách giảng riêng, nhưng đều giảng hợp lý, đúng lý, đúng pháp, nên thuyết của các Ngài đều được công nhận. Do vậy, chúng ta đọc nhiều

về giáo pháp Đại thừa, đối với những thứ do tổ sư đại đức đã giảng từ xưa, quý vị có thể dung hội, hòa hợp, tham khảo nhiều bản chú giải khác nhau.

Ở Trung Quốc, vào thời cổ, kinh *Vô Lượng Thọ* có 2 bản chú giải để tham khảo. Những tác phẩm chú giải của Nhật Bản càng nhiều, có hơn hai mươi thứ như trong phần trước chúng ta đã thấy. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giới thiệu, phần nhiều là nhìn vào cách người khác giảng giải nhan đề kinh và huyền nghĩa. Bậc tu hành lão luyện, thật sự thâm nhập kinh tạng thường chẳng nhìn xem quý vị giảng giải nội dung kinh như thế nào, chẳng xem phần ấy, mà xem phần huyền nghĩa. Huyền nghĩa là gì? Là báo cáo tâm đắc tu học của quý vị, trong ấy có cảnh giới của chính quý vị, nên bậc tu hành lão luyện thường thích xem phần ấy. Kẻ sơ học thích xem cách giảng từng câu kinh một, xem lời chú giải.

"Vô Lượng Thọ biểu tam tế nhất như, Niết bàn thường trụ chi Pháp thân bản thể" (Vô Lượng Thọ biểu thị 3 đời giống hệt như nhau, Pháp thân bản thể thường trụ Niết bàn). *"Tam tế"* (三際) là quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng có thể nói là Lý thể được chứng bởi tam thế chư Phật. Lý thể ấy thường được gọi là *"chư pháp thật tướng"*, tức là chân tướng của hết thảy các pháp, chẳng hề mê tín! Khoa học và triết học hiện tại đang nghiên cứu những gì? Chân tướng của vũ trụ và vạn vật. Trải qua nhiều niên đại như thế, những triết gia và khoa học gia xưa nay trong, ngoài nước đã nghiên cứu. Có thể

nói là họ đã đạt thành tựu khá khả quan; nhưng còn có khá nhiều nghi vấn chưa thể giải đáp!

Nói tới khởi nguyên của vũ trụ, các khoa học gia hiện đại cho rằng có một vụ Bùng Nổ Lớn (Big Bang), nhưng thuyết Bùng Nổ Lớn ấy chẳng thể nói trọn vẹn. Cái gì đã bùng nổ? Do nguyên nhân nào mà bùng nổ? Chẳng thể giảng rõ ràng những điều ấy. Nói Big Bang là chỉ nhìn vào một hiện tượng, quan sát thấy bằng viễn vọng kính: Trong vũ trụ, thấy tất cả những tinh cầu bùng nổ ấy dường như đều ở quá xa chúng ta. Đây là một hiện tượng Bùng Nổ, do nhìn từ chỗ này mà lập ra thuyết ấy. Thuyết ấy chẳng thể nói trọn vẹn, chỉ do tạm thời quan sát hiện tượng mà có được kết luận như vậy, vẫn phải tiếp tục nghiên cứu. Hiện thời, Lượng tử lực học (Quantum Mechanics) lại phát hiện, phát hiện gì vậy? Phát hiện hiện tượng vật chất sinh khởi là *"vô trung sinh hữu"* (từ trong Không mà sinh ra Có), tốc độ vô cùng nhanh chóng, sau khi sinh ra, bèn tiêu diệt trong khoảng sát-na.

Cách nói này hết sức giống với những điều được giảng trong kinh Phật; bởi lẽ, Phật pháp giảng nguyên khởi của vũ trụ là A Lại Da nguyên khởi. A Lại Da là gì vậy? Hiện thời, A Lại Da quả thật đã bị các nhà lượng tử lực học phát hiện; nhưng còn có một vấn đề: A Lại Da do đâu mà có? Họ chẳng có cách nào khám phá, nhưng kinh Phật có thể nói rõ: A Lại Da do đâu mà có? Vì sao có A Lại Da?

Do vậy, thuở ấy, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp với tôi, đã bảo Phật Thích Ca Mâu Ni là một bậc đại triết gia. Tôi học triết với cụ, chúng tôi muốn tìm triết gia, chẳng tìm tôn giáo, không tìm đến mê tín! Cụ nói: *"Thích Ca Mâu Ni là đại triết gia. Kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học cả thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người".* Tôi được cụ uốn nắn quan niệm sai lầm trước kia như vậy. Tôi cứ tưởng Phật giáo là tôn giáo, mê tín, cụ đã chuyển đổi quan niệm sai lầm ấy. Tôi học Phật từ lúc bắt đầu học với thầy Phương cho tới nay là 59 năm, sang năm là một giáp. 59 năm học tập, chứng tỏ lời thầy nói là thật, chẳng giả. Vì thế, tôi nhớ mãi không quên ân đức của thầy. Nếu không được thầy chỉ dẫn, làm sao chúng tôi biết trên thế giới có thứ tốt đẹp như vậy, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, quý vị nói có đáng tiếc lắm không? Bao nhiêu người bỏ lỡ!

Hiện thời, chúng tôi đã nghiên cứu, học tập Phật giáo 59 năm, phát hiện nó không là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là khoa học đạt tới đỉnh cao nhất. Những vấn đề mà khoa học và triết học hiện tại chẳng thể giải quyết, đều có toàn bộ lời giải đáp trong kinh Đại thừa. Khoa học gia phát hiện vấn đề ấy, chúng ta mở kinh Phật ra xem thấy ngày càng gần gũi. Rốt cuộc, họ có thể đạt tới cảnh giới của Phật hay chăng? Chẳng thể nào! Vì sao chẳng thể? Trong kinh Đại thừa, đức Phật đã giảng: Ý thức là tâm phân biệt. Năng lực của tâm ý thức rất lớn, chúng ta hãy nghĩ thức thứ 6, tức ý

thức, bên ngoài có thể duyên khắp pháp giới hư không giới. Khoa học hiện thời gọi điều này là *"hoằng quan thế giới"* (đại vũ trụ, vũ trụ vĩ mô, macrocosm).

Quý vị có thể phan duyên toàn bộ vũ trụ, bên trong quý vị có thể duyên tới A Lại Da. Hiện thời, lượng tử lực học đã thật sự duyên đến A Lại Da. Họ nói tới 3 tế tướng của A Lại Da, đương nhiên chẳng rõ ràng, minh bạch như trong kinh Phật đã giảng! Hiện nay, họ phát hiện trong vũ trụ, thứ gì cũng đều không có, chỉ có 3 thứ, giống như trong Pháp Tướng Duy thức đã giảng. Các nhà Pháp Tướng Duy thức chẳng thừa nhận trong vũ trụ có thứ gì, họ chỉ thừa nhận duy thức, nghĩa là chỉ có thức, chỉ có một mình thức! Thức là 3 tế tướng, tức Nghiệp tướng, Chuyển tướng, Cảnh giới tướng. Họ dùng các danh từ ấy. Hiện thời, các nhà lượng tử lực học nói gì? *Vật chất, Năng lượng, Thông tin* là 3 tế tướng của A Lại Da. Năng lượng là Nghiệp tướng của A Lại Da, diễn đạt bằng những danh từ khác nhau, nhưng là cùng một chuyện! Thông tin là Chuyển tướng của A Lại Da. Cảnh giới tướng được các nhà khoa học hiện tại gọi là "Vật chất". Hoàn toàn tương đồng với Pháp Tướng, chẳng đơn giản! Vũ trụ sâu xa kín nhiệm!

Đức Phật dạy đến khi nào mới có thể thấy sự sâu xa kín nhiệm ấy, là ai? Trong kinh Phật nói Bát Địa Bồ tát có công phu định lực ấy. Bởi lẽ, các khoa học gia dùng dụng cụ, máy móc để quan sát, phát hiện, Phật pháp không như thế, Phật

pháp dùng công phu định lực! Ngài nhập định rất sâu, từ trong định thấy được.

Trong định, chẳng có giới hạn thời gian và không gian, chẳng có chiều không gian. Ngài trực tiếp thấy, cho nên thấy rõ ràng hơn các khoa học gia. Các khoa học gia phải nhờ vào dụng cụ, máy móc, họ chưa đoạn ý niệm. Vì vậy, đức Phật nói phải đoạn sạch ý niệm, quý vị chớ nên dùng tâm ý thức! Dùng tâm ý thức sẽ chẳng thể thấy chân tướng. Vì sao? Cái mà quý vị trông thấy chính là huyễn tướng. Tâm ý thức cũng là huyễn tướng! Huyễn tướng có thể duyên huyễn tướng, chẳng thể duyên chân tướng.

Vì thế nói: Các khoa học gia chắc chắn chẳng thể kiến tính. Nếu khoa học gia, triết gia buông phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm xuống, họ sẽ thành Phật, mới có thể thật sự thấy chân tướng. Do vậy, chúng ta có thể nói: Các nhà lượng tử lực học đã mon men bên lề Phật pháp. Nếu họ thật sự có thể tiến thêm một bước đột phá nữa, buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, họ sẽ chứng đắc, không cần dùng dụng cụ khoa học, chẳng cần phiền phức như vậy.

Do các lẽ đó, nói *"Thật tế lý thể"*, nói *"Tam tế nhất như"*. *"Niết bàn thường trụ"*. Niết bàn (Nirvāna) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là bất sinh bất diệt. Trong Phật pháp, *"Pháp thân bổn thể"* được gọi là Chân như, mà cũng là Chân tâm, hoặc Bản tính, rất nhiều danh từ, tới mấy chục loại! Vì sao đối

với một chuyện, mà đức Phật nói ra lắm danh từ như thế? Đấy là giáo học thiện xảo, dạy quý vị chớ nên chấp trước tướng danh tự! Nói cách nào cũng được, chỉ cần nói đúng chuyện này, phá chấp trước, phá phân biệt đấy mà! Nói một danh từ, quý vị liền chấp trước, phân biệt. Nói mấy chục danh từ đều nhằm nói về chuyện này, danh tướng là giả, đừng chấp trước, quý vị mới hiểu nghĩa chân thật do đức Phật đã giảng.

Pháp thân bản thể *"diệc tức chúng sinh bổn cụ chi Phật tính"* (cũng chính là Phật tính mà chúng sinh vốn sẵn có). Pháp thân bản thể là Phật tính của chính mình. *"Thị tâm thị Phật chi bổn tâm. Cố phán thuộc ư Lý, cái kỳ vi Thật tế lý thể dã"* (Là bản tâm "tâm này là Phật", nên phán định Vô Lượng Thọ thuộc về Lý, vì nó chính là Thật tế lý thể). Nói tới cuối cùng, vũ trụ và chính mình là một, chẳng hai. Đấy là gì? Nêu rõ quan hệ luân lý trong Phật pháp. Phật pháp giảng luân lý thật tuyệt vời, rốt ráo viên mãn.

Cổ thánh tiên hiền nói tới luân lý, lấy thí dụ như trong hiện thời là một gia tộc, từ gia tộc mở rộng đến người ngoài: *"Phàm thị nhân, giai tu ái"* (Phàm là người, đều phải yêu thương). Quan hệ luân lý như trong Phật pháp giảng, không chỉ là hết thảy mọi người và chính mình là nhất thể. Lão Tử nói *"Thiên địa dữ ngã đồng căn. Vạn vật dữ ngã nhất thể"* (Trời đất và ta cùng một căn bản. Vạn vật và ta cùng một thể). 2 câu ấy hết sức gần với Đại thừa Phật pháp. Luân lý

Phật pháp giảng điều gì? Hoa, cỏ, cây cối và chính mình là nhất thể; núi, sông, đại địa và chính mình là nhất thể; hư không pháp giới và chính mình là nhất thể.

Giảng luân lý viên mãn, giảng đến rốt ráo. Hiểu rõ ràng mối quan hệ, phẩm đức thứ nhất trong tự tính là gì? Là Ái. Phật không gọi là Ái, vì sợ nói Ái, người ta sẽ nẩy sinh hiểu lầm, vì trong Ái có tình, Ái đó sẽ chẳng thật, bị biến đổi; nhà Phật nói là Từ bi. Từ bi là Ái. Trong từ bi có trí tuệ, chẳng có tình. Khi giác ngộ gọi là trí tuệ. Khi mê, trí tuệ bèn biến thành tình, nên gọi là "tình thức". Vì lẽ đó, trí tuệ và tình thức là một chuyện. Một thể mà có 2 phương diện! Khi ngộ thì là trí tuệ, lúc mê gọi là "tình chấp".

Đức Phật dạy chúng ta hãy giác ngộ, chớ nên mê hoặc. Chúng sinh trong mười pháp giới đều mê, chẳng giác. Đến khi nào mới thật sự giác ngộ? Từ bậc Sơ Trụ trong Viên giáo như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói trở lên là giác ngộ. Trong tâm các Ngài, hoàn toàn là trí tuệ, chẳng còn có tình chấp. Trong mười pháp giới, Phật pháp giới có 9 phần giác ngộ, vẫn còn 1 phần tình chưa đoạn. Đạt đến địa vị Sơ Trụ Bồ tát trong Viên giáo, tình chẳng còn, trí tuệ mười phần viên mãn hiện tiền, mới hữu dụng, mới chẳng lui sụt, mới chẳng đọa lạc. Vì thế, mục tiêu chung cực của giáo học Phật pháp là dạy chúng ta trở về tự tính. Trí tuệ viên mãn trong tự tính chính là Thật tế lý thể.

"Phật thuyết Đại thừa thị Giáo, tức y thử Vô Lượng Thọ chi Lý thể, trực chỉ Đại thừa vi Dụ, vị tuyên thuyết chúng sinh bổn cụ chi đại kinh, phán chi vi Giáo, nghĩa thậm phân minh" (*"Phật thuyết Đại thừa"* là Giáo, nghĩa là nương theo lý thể của "Vô Lượng Thọ" để trực chỉ Đại thừa. Vô Lượng Thọ là tỷ dụ, vì đức Phật tuyên thuyết đại kinh để nói về cái chúng sinh vốn sẵn có đủ. Ý nghĩa phán định cụm từ *"Phật thuyết Đại thừa"* là Giáo hết sức rõ ràng).

Ý nghĩa này rất rõ ràng, rất minh bạch. Phần đầu bản chú giải kinh này, Hoàng lão cư sĩ đã nói một câu rất hay: *"Chúng sinh bổn cụ chi đại kinh"* (Đại kinh nói về cái chúng sinh vốn sẵn có đủ, hoặc có thể hiểu là: Đại kinh mà chúng sinh vốn sẵn có). Nay, chúng ta học kinh *Vô Lượng Thọ* là học kinh *Vô Lượng Thọ* của ai? Chẳng phải là A Di Đà Phật, chẳng phải là Phật Thích Ca Mâu Ni, mà là chính mình. Vì sao? Trong tâm của chính mình, trong chân tâm, trong tâm thanh tịnh đã trọn đủ *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.*

Người xưa cũng nói tới bản tính. Câu đầu tiên trong *Tam Tự Kinh* là *"Nhân chi sơ, tính bản thiện"* (Thoạt đầu, con người tánh vốn lành). Đối với *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, Tam Tự Kinh* dùng một từ là Thiện, bản tính vốn lành! Thiện nghĩa là gì? Chính là 14 từ trong nhan đề kinh. Chính mình, chẳng phải bên ngoài, học điều này để làm gì? Học để chúng ta trở về bổn thiện,

quý vị liền thành Phật. Hiện thời, chúng ta như thế nào? Hiện thời, chúng ta *"Tính tương cận, tập tương viễn"* (Tính gần giống như nhau, do huân tập mà khác xa). Tính của chúng ta là một, đều là thanh tịnh, bình đẳng, giác, đều là *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*, đều là như vậy; nhưng hiện thời mê muội, lệch lạc, tà vạy, lệch sang tập tính.

Tập tính là gì? Ích kỷ, tự lợi, thị phi, nhân ngã, tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn. Làm những chuyện ấy, lệch lạc rồi! Tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật là gì? Từ lệch lạc, tà vạy quay trở lại, trở về *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác,* trở về bản thiện. Từ tập tánh trở về bản thiện là đúng. Điều đó gọi là sự giáo dục của đức Phật. Sự giáo dục của đức Phật là gì? Quý vị vốn là Phật, nay quý vị đang mê muội, lệch lạc, nên là chúng sinh. Chúng sinh chẳng làm gì, cứ luân hồi trong lục đạo, bị khốn khổ ngần ấy bèn oán trời hờn người, chẳng biết là tự làm, tự chịu! Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, sẽ thấy Phật pháp vốn là sự giáo dục tốt nhất trong thế gian và xuất thế gian!

Thầy Phương về già, dạy học tại Đài Loan. Từ lúc tôi được biết cụ cho đến khi cụ mất, trong hơn 20 năm, hết thảy những lớp cụ dạy đều là giảng kinh Phật. Nhưng cụ chẳng giảng từng bộ kinh một mà giảng đại ý. Cụ dạy học cũng giống như Phật Thích Ca hay Khổng Tử, dạy học chẳng có sách giảng nghĩa, chẳng có sách giáo khoa. Cũng may là

thuở ấy, cụ còn phóng khoáng hơn thầy Lý một chút. Thầy Lý giảng kinh chẳng cho phép người khác thâu âm; thâu hình càng không chấp nhận!

Nếu quý vị mang máy ghi âm đến, Ngài sẽ chẳng giảng, nhưng thầy Phương cho phép học trò ghi âm, chuyện này cũng tốt lắm. Quý vị đọc *Toàn Tập* của cụ Phương Đông Mỹ sẽ thấy đó là do học trò ghi lại. Ghi từ đâu ra? Chép từ băng thâu âm ra. Sách do chính cụ viết không nhiều lắm, chỉ có mấy loại. Hiện thời, *Toàn Tập* có kích thước lớn như vậy toàn là chép từ băng thâu âm ra. Cụ chẳng thích dùng sách, cũng chẳng thích dùng bài giảng soạn sẵn, mà tùy ý nói ra không hạn chế. Tôi theo cụ một thời gian, cụ đặc biệt giảng cho một mình tôi.

Vì thế, tôi là học trò rất đặc biệt, các bạn đồng học rất hâm mộ. Ở HongKong, tiên sinh Đường Quân Nghị[2] là học trò của cụ. Những học trò thuở đầu ai nấy đều có thành tựu rất khá. Vì thế, phương pháp cổ nhân đã sử dụng hiện thời vẫn còn có người dùng, nhưng học sinh phải có một trình độ nhất định. Chưa đạt đến trình độ, nghe giảng cũng chẳng hiểu thầy đang giảng gì! Thật sự nghe hiểu, sẽ thấy vô cùng thú vị.

---

[2] Đường Quân Nghị (1909-1978), người huyện Nghi Tân, tỉnh Tứ Xuyên, là một nhà tư tưởng, triết học kiêm giáo dục nổi tiếng của Trung Hoa hiện đại. Cụ được coi là truyền nhân của tiên sinh Phương Đông Mỹ. Năm 1949, cụ cùng Tiền Mục, Trương Phi Giới v.v... sáng lập Á Châu Văn Thương Học Viện (nay là HongKong Trung Văn Đại Học Viện), từng sang Mỹ dạy học theo lời mời của Quốc hội Mỹ, dạy học tại nhiều đại học ở Đài Loan, HongKong. Trước tác rất phong phú về nhiều đề tài, nổi tiếng nhất là các tác phẩm *Trung Tây Triết Học Tư Tưởng Chi Tỷ Giảo Nghiên Cứu Tập, Trung Quốc Triết Học Nguyên Luận, Triết Học Khái Luận, Nguyên Giáo Thiên v.v...*

Do vậy, phải hiểu: Hết thảy các kinh Phật, không chỉ là một bản kinh này, mà hết thảy đều là tự tính, là một phần của Tính đức, một phần là toàn phần. Kinh *Hoa Nghiêm* nói: *"Một tức là nhiều. Nhiều tức là một"*. Chuyện này, vừa mới được lượng tử lực học phát hiện. Lượng tử lực học phát hiện bất luận một tế bào nào, một phân tử còn nhỏ hơn tế bào, nhưng trong một phân tử có thông tin viên mãn về vũ trụ. Họ phát hiện điều này! Trong Phật pháp, điều này được nói rất nhiều. Phật pháp nói trong mỗi một hạt vi trần có toàn thể vũ trụ. Trong vi trần có thế giới, thế giới chẳng rút nhỏ, vi trần chẳng phình to, trong ấy có thế giới viên mãn. Đối với thế giới ấy, chúng ta đã đọc kinh *Hoa Nghiêm*, thấy kinh nói ai có thể thấy thế giới trong vi trần? Phổ Hiền Bồ tát.

Phổ Hiền Bồ tát có thể đến tham học và giáo hóa chúng sinh trong thế giới ở trong vi trần. Mỗi hạt vi trần đều là như vậy, chẳng có ngoại lệ, một chính là nhiều, nhiều chính là một. Một và nhiều chẳng hai! Trong tự tính không có lớn hay nhỏ, chẳng có xa hay gần. Không có xa gần là chẳng có không gian; không có trước sau là chẳng có thời gian, không có đối lập. Đấy chính là Tính đức viên mãn thấu lộ.

Tiếp đó, sách viết: *"Hựu tòng Giáo khởi Hành, cố hạ văn trung Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác tức thị Phật sở giáo hóa chi diệu hạnh dã"* (Lại còn từ Giáo khởi Hành, nên *Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác* chính là diệu hạnh do đức Phật giáo hóa). Nay, chúng ta nói Trang nghiêm

là *"mỹ hảo"* (đẹp đẽ), Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác là điều chúng ta tu học.

Tôi cũng có một cách giảng riêng khác với cách giảng của cụ Hoàng. Tôi nghĩ cách tôi nói khiến cho mọi người dễ hiểu hơn. Tôi đem nhan đề kinh phối hợp với 3 giai đoạn tu học là A La Hán, Bồ tát, và Phật.

Buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, tâm thanh tịnh hiện tiền; đấy là A La Hán. Bước thứ nhất là quý vị khôi phục tâm thanh tịnh. Tiến hơn bước nữa là buông phân biệt xuống, chẳng còn có ý niệm phân biệt, tâm quý vị đắc định. Chẳng còn phân biệt là tâm bình đẳng hiện tiền; đấy là Bồ tát. A La Hán còn có phân biệt, Bồ tát chẳng phân biệt.

Cuối cùng, khởi tâm động niệm đều không có, sự giác ngộ ấy chính là Phật Đà. Vì thế, "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" là 3 tầng tu học theo thứ tự, 3 giai đoạn. Bậc thượng thượng căn bỏ ngay, đoạn ngay khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Lục Tổ Huệ Năng trong Thiền tông là người như vậy. Ngài có thể buông xuống ngay lập tức, nên thành Phật, phàm phu bèn thành Phật. Vì thế, nói theo lý luận, phàm phu thành Phật cần bao nhiêu thời gian? Một niệm! Trong một niệm, phàm phu có thể thành Phật. Quý vị nghĩ xem, trong một niệm chúng ta có thể tiêu diệt tội nghiệp hay không? Quý vị chẳng hiểu rõ ư? Hễ một niệm giác, thì mầm

mống tội lỗi đã tạo trong vô lượng kiếp sẽ chẳng còn nữa, đều tiêu hết, thành Phật rồi!

Trong kinh, đức Phật có nêu một tỷ dụ: *"Phòng tối ngàn năm".* Căn phòng ấy tối tăm cả ngàn năm, chẳng hề có ánh đèn chiếu tới. Phòng tối ngàn năm tỷ dụ điều gì? Tỷ dụ thời gian quý vị tạo tác tội nghiệp rất dài, tội rất nặng, nhưng thắp một ngọn đèn sẽ chiếu sáng, tối tăm chẳng còn nữa! Vì thế, chúng ta hiểu đạo lý này, buông khởi tâm động niệm xuống sẽ thành Phật. Trong kinh Đại thừa, khởi tâm động niệm được gọi là "Căn bản vô minh".

Tất cả hết thảy các hiện tượng hư vọng, Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới là huyễn tướng. *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. *"Hết thảy hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*. Hết thảy mọi người đều biết đọc những câu ấy, nhưng quý vị có cảm nhận được hay chăng? Chúng ta chia nó thành từng giai đoạn. Chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, lục đạo sẽ chẳng còn. Vì thế biết: Tạo thành lục đạo nghiêm trọng nhất chính là chấp trước. Chẳng còn chấp trước, lục đạo sẽ chẳng còn! Còn có Tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, đó là gì? Phân biệt.

Quý vị có phân biệt, sẽ có Tứ thánh pháp giới. Chẳng có phân biệt, Tứ thánh pháp giới sẽ chẳng có, mười pháp giới cũng chẳng có, chỉ còn lại cái được gọi là Nhất chân pháp

giới. Chẳng có khởi tâm động niệm sẽ vượt thoát mười pháp giới. Nay, chúng ta hiểu rõ: Sở dĩ cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai tồn tại là vì tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn sạch, nên các Ngài hiện tướng này. Khi tập khí đoạn sạch, tướng ấy sẽ chẳng có.

Do vậy, *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, đức Phật chẳng nói "trừ cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai ra", chẳng nói câu ấy. Chẳng nói câu ấy, thì nói cách khác là cõi Thật Báo cũng vậy, cũng là chẳng thật.

Tập khí vô thỉ vô minh đoạn sạch, sẽ là hình dạng ra sao? Vẫn còn có, trong Tịnh Độ gọi là cõi Thường Tịch Quang hiện tiền. Thường Tịch Quang là tự tính của chúng ta. Thường Tịch Quang là Bổn Tế. Thường Tịch Quang chính là Bản Tâm đang được nói ở đây. Ở đây, Thường Tịch Quang được gọi là "Thật tế lý thể", quy về Thường Tịch Quang. Thường Tịch là nói về tự tính.

Huệ Năng Đại sư minh tâm kiến tính là thấy gì vậy? Thấy Thường Tịch Quang. Ngài mô tả Thường Tịch là như thế nào, chứ các nhà khoa học chẳng thể nói được!

- Thứ nhất là thanh tịnh. *"Nào ngờ tự tính, vốn tự thanh tịnh"*, mảy may ô nhiễm cũng chẳng có, chưa hề bị ô nhiễm. Trong lục đạo chẳng ô nhiễm. Trong địa ngục A Tỳ cũng không ô nhiễm. Chân tính của quý vị trước nay chưa hề bị ô nhiễm.

- Thứ hai là *"Vốn chẳng sinh diệt"*, bất sinh, bất diệt, vĩnh hằng.

- Thứ ba là *"Vốn tự trọn đủ"*. Trong Thường Tịch Quang, thứ gì cũng đều không có. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, cũng chẳng phải là hiện tượng tự nhiên, nhưng những thứ ấy đều ẩn tàng trong đó, chẳng tỏ lộ ra. *Vốn tự trọn đủ*, giống như máy TV. Chúng ta tắt nguồn điện, thì thứ gì cũng chẳng có, nhưng quý vị chẳng thể nói là nó không có. Quý vị bật điện lên, nó bèn xuất hiện. Nhà Phật gọi điều này là *"ẩn hiển".* Trong Thường Tịch Quang, những hình tướng, hiện tượng đều ẩn, thứ gì cũng chẳng có.

- Nếu gặp duyên, *"Có thể sinh ra vạn pháp".* Có thể sinh ra vạn pháp là hiển, sinh ra mười pháp giới, sinh ra cõi Thật Báo của chư Phật là hiển. Khi hiển, quý vị chẳng thể nói là nó có. Khi chẳng hiển, chẳng thể nói là nó không có. Tự tính vốn định, do vậy, định rất quan trọng.

- Huệ Năng Đại sư bảo: *"Nào ngờ tự tính, vốn chẳng dao động"*, cũng là chân tâm bất động. Vọng tâm bị động, chứ không phải là chân tâm. Chúng ta nói "khởi tâm động niệm", nghĩ Đông tưởng Tây là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Đấy là thức thứ 6, tức Ý thức thuộc A Lại Da, phải hiểu rõ ràng! Khoa học vận dụng tận hết sức lực, đúng như đức Phật đã nói, có thể phát hiện A Lại Da, chứ chẳng thể kiến tính. Vì sao? Kiến tính cần phải buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống.

Các khoa học gia chẳng buông những thứ ấy xuống, nên họ chẳng thể kiến tính. Đạt đến cảnh giới này, khoa học chẳng thể tiến cao hơn được nữa, vẫn mong truy tầm, khảo sát bản thể vũ trụ, nhưng chẳng tìm được. Chắc chắn là tìm không được! Buông xuống sẽ tìm được. Chuyện này đòi hỏi phải có công phu định lực. Vì thế, *Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*, chính là diệu hạnh giáo hóa của đức Phật.

"Nhất cú A Di Đà, dĩ chi trang nghiêm tự tâm, thanh tịnh tự tâm, thị tức y giáo tu hành dã" (Một câu A Di Đà dùng trang nghiêm tự tâm, thanh tịnh tự tâm thì chính là "y giáo tu hành"). Đây là quy về Tịnh Độ tông, quy về phương pháp tu hành được giảng trong bộ kinh này, tức là một câu A Di Đà, *"Phát Bồ Đề tâm. Nhất hướng chuyên niệm"*.

Đặc biệt, trong xã hội hiện tiền, tai nạn rất nhiều, chúng ta buông xuống vạn duyên, buông xuống hết thảy, thật sự buông xuống giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều chẳng có, tâm quý vị vui sướng lắm, tự tại lắm! Đấy mới là như Phương tiên sinh đã nói: *"Sự hưởng thụ tối cao trong đời người"*. Chính mình chắc chắn sinh về Tịnh độ, hễ sống thêm một ngày trên thế giới này thì phải thêm nỗ lực một ngày. Để làm gì? Nâng cao phẩm vị! Nâng cao phẩm vị bằng cách nào? Trọn chẳng lưu luyến thế gian này, phẩm vị của quý vị mới có thể nâng cao.

Mảy may vướng mắc đối với thế gian này chính là sợi dây trói buộc khiến cho quý vị chẳng thể vãng sinh, quý vị đã sai rồi, hãy buông hết thảy xuống! Vì thế, chúng ta sống trong thời đại này, đối với một người tu hành thật sự mong chứng quả. Mong thành Phật mà nói, thì là hoàn cảnh tốt đẹp! Lắm tai nạn là hoàn cảnh tốt đẹp, vì nó bức bách quý vị không dụng công cũng chẳng được, ép quý vị không buông xuống cũng chẳng xong.

Đó gọi là Nghịch Tăng Thượng Duyên. Nếu là đời thái bình thịnh trị, hết thảy đều có thể vừa lòng như ý, quý vị sẽ chẳng muốn rời đi, vẫn mong sống trên thế giới này thêm vài năm nữa. Nếu thấy hiện thời tai nạn dồn dập như thế, trong tâm sẽ mong "ước gì ta vãng sinh ngay lập tức, vãng sinh ngay hôm nay là tốt nhất!". Tâm thành tựu sẽ dũng mãnh, tinh tấn, khiến cho quý vị có cái tâm cảnh giác rất cao trong hoàn cảnh, chẳng mê hoặc mảy may nào! Vì thế, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói: "Trong thế gian này, ai cũng là người tốt, mọi chuyện đều là chuyện tốt". Người tìm đến gây chuyện, tạo chướng ngại đều là người tốt, đều là chuyện tốt. Vì sao? Khiến cho chúng ta chẳng còn mảy may lưu luyến thế giới này. Đối với người tu hành, đó là chuyện tốt, quyết định thành tựu trong một đời này, lại còn thành tựu rất nhanh!

Tiếp đó, sách viết: *"Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai"* (Chẳng nhờ vào phương tiện, tự được tâm khai). *"Bất giả*

phương tiện" là chẳng cần nhờ đến phương pháp nào khác giúp đỡ, chỉ đơn độc một câu A Di Đà Phật là được rồi, tự được tâm khai. *"Tâm khai"* là khai ngộ, minh tâm kiến tính. *"Viên hiển bản cụ chi bình đẳng giác, thị dĩ Hành hiển Lý dã"* (Hiển lộ trọn vẹn bình đẳng, giác sẵn có. Ấy là dùng Hành để hiển Lý). Chúng ta thật sự niệm, thật sự hành, trong sự niệm Phật của quý vị có định. Định sinh ra tuệ.

Khi thật sự buông xuống, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Hễ khai ngộ, tất cả nghiệp chướng đều tiêu. Chúng ta hãy nghĩ xem, đời Đường, Huệ Năng Đại sư thật sự khai ngộ trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, nghiệp chướng tiêu sạch, vì sao vẫn phải ẩn núp trong phường thợ săn 15 năm, pháp duyên mới thành thục? Nghiệp chướng của chính mình đã tiêu rồi, nhưng phúc báo của chúng sinh chưa hiện tiền. Chúng sinh có nghiệp chướng, nên chẳng có cách nào! Quý vị không có cách nào tiêu nghiệp giùm họ được! Ắt phải chờ đến lúc nghiệp chướng của chúng sinh cũng tiêu mất, thì quý vị mới có thể giúp đỡ họ. Điều này được gọi là gì? *"Phật chẳng độ kẻ vô duyên".*

Chúng sinh có nghiệp, chúng sinh đáng thương, vẫn chưa thể tiếp nhận, quý vị đành phải thong thả chờ đợi họ, Huệ Năng Đại sư có thể chờ 15 năm. Sau đấy, các vị Bồ tát giúp đỡ Ngài. Ngài Ấn Tông là Bồ tát, rất phi phàm, chẳng có tí xíu tâm ghen ghét nào. Ngài là Bồ tát, chẳng phải là phàm nhân. Có tâm ghen ghét sẽ chèn ép, luôn mong khống chế,

lợi dụng, chiếm hữu Lục Tổ để tạo tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình. Ngài Ấn Tông không như thế, nhận biết đại sư thật sự đắc pháp từ chỗ Ngài Hoàng Mai, là vị pháp sư được truyền y bát. Lúc đó, Lục Tổ vẫn còn là một cư sĩ chưa xuống tóc, Ấn Tông bèn quy y cho đại sư.

Vì thế, Ngài Ấn Tông là thầy quy y của Lục Tổ. Sau khi xuống tóc, Ấn Tông bái Lục Tổ làm sư phụ, bái Ngài làm thầy. Do vậy, Huệ Năng là thầy truyền pháp cho Ấn Tông; mà Ấn Tông lại là thầy thế độ của Huệ Năng. Hết sức phi phàm! Thuở ấy, tại vùng Lãnh Nam[3], Quảng Đông, Ngài Ấn Tông có danh vọng rất cao, pháp duyên rất thịnh, Ngài bái đại sư làm thầy, tôn thầy lên cao, ngay lập tức, đại sư bèn được nổi tiếng. Ấn Tông làm hộ pháp cho Ngài, thỉnh Ngài giảng kinh, giáo học, ai không phục? Ai chẳng nghe theo? Ấn Tông dẫn đầu đến nghe, đến học. Điều này, được Phật pháp diễn tả là: *"Nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ"* (Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ).

"Hựu đắc vãng sinh giả ngộ Vô Sinh Nhẫn, tòng Thể khởi Dụng, phục dĩ thử bình đẳng diệu pháp, bình đẳng phổ độ nhất thiết chúng sinh, vãng sinh Tịnh Độ, đồng chứng Đại Giác, phục thị tòng chúng hạnh hiển Lý dã" (Hơn nữa, được

[3] Lãnh Nam là phía Nam rặng Ngũ Lãnh, bao gồm toàn bộ vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Giang Tây (đó là nói theo thời Đường), hiện thời Lãnh Nam chỉ bao gồm Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam. Ngũ Lãnh là một quần thể núi bao gồm 5 rặng Việt Thành Lãnh, Đô Bàng Lãnh, Manh Chử Lãnh, Kỵ Điền Lãnh, và Đại Dữu Lĩnh, là ranh giới thiên nhiên phân cách lưu vực của 2 sông Trường Giang và Châu Giang. Do thế núi hiểm trở, văn hóa cũng như quân đội Trung Nguyên khó thể xâm chiếm, khống chế vùng này, hơn nữa đây là địa bàn cổ của tộc người Bách Việt, có những nét văn hóa dị biệt, đặc sắc riêng. Người Hán với thói quen ngạo nghễ cố hữu bèn gọi nơi này là *"man di chi địa"*.

vãng sinh bèn ngộ Vô Sinh Nhẫn, từ Thể khởi Dụng, lại dùng diệu pháp bình đẳng này bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sinh vãng sinh Tịnh độ, cùng chứng Đại Giác. Đấy cũng chính là từ các Hạnh hiển Lý vậy). Vãng sinh mới thật sự chứng đắc Vô Sinh. Địa vị Vô Sinh Pháp Nhẫn rất cao!

Theo kinh Đại thừa đã giảng, hàng Đăng Địa Bồ tát[4] mới chứng đắc, nhưng thật sự chứng đắc Vô Sinh Pháp Nhẫn là từ Thất Địa trở lên. Vô Sinh Pháp Nhẫn là gì? Thật ra, nay chúng ta cũng biết, hiện thời chúng ta chưa phải là chứng ngộ, mà là giải ngộ. Chẳng phải là chứng ngộ, thì chưa dùng được, chẳng phải là cảnh giới của chúng ta.

Chúng ta biết đích xác, vì sao? Quý vị đọc đoạn đối thoại giữa Bồ tát Di Lặc và Phật Thích Ca Mâu Ni, sẽ biết hết thảy các pháp bất sinh, hết thảy các pháp bất diệt. Nhẫn (忍) là quý vị thừa nhận, đồng ý, tán thành: Hết thảy các pháp thật sự bất sinh. Pháp là gì? Bồ tát Di Lặc đã giảng: *"Trong một khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu niệm, niệm niệm thành hình"*. *"Hình"* là hiện tượng vật chất. *"Hình đều có thức"*. Thức là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất do đâu mà có? Do huyễn tướng từ ý niệm liên tục tích lũy lại! Cách nói này là cách nói của các khoa học gia lượng tử, vì họ cũng phát hiện vật chất và tinh thần đột nhiên phát sinh, trong Không sinh ra Có, thời gian rất ngắn ngủi, vừa sinh ra liền bị tiêu diệt, chẳng còn nữa.

[4] Đăng Địa Bồ tát: Bồ tát chứng đắc từ Sơ Địa trở lên.

Đấy là hiện tượng Vô Sinh. Khoa học gia dùng máy móc để chứng đắc, vẫn chưa thật sự hiểu rõ ràng, nhưng người tu hành do công phu định lực chứng đắc. Công phu định lực là gì? Tâm thanh tịnh hiện tiền. Khoa học gia giống như chúng ta, chưa rời khỏi phân biệt, chấp trước, nhờ vào máy móc để quan sát tình hình vật chất là như thế đó.

Vì thế, các nhà khoa học nói: Dựa trên sự nghiên cứu nguyên tử và các hạt cơ bản, đạt đến kết luận cuối cùng, trong vũ trụ chẳng có những thứ vật chất gì cả! Hiện tượng vật chất và tinh thần đều là một hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm. Vì thế, trong khi giảng kinh *Hoa Nghiêm*, chúng tôi thường xuyên nhắc nhở các đồng học: Hiện tượng ấy là hiện tượng gần giống như liên tục (tương tự tương tục tướng), chẳng phải là thật sự liên tục, mà thật sự là sinh khởi trong mỗi niệm, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều độc lập, niệm trước và niệm sau khác nhau, niệm niệm đều khác nhau, chúng là tương tự, chẳng phải là hoàn toàn giống nhau. Vì thế, chẳng thể nói là "liên tục", mà nói là "tương tự tương tục".

Do đó, tôi cảm thấy các nhà khoa học nói như vậy rất hay, họ nói là "tích lũy". Các hiện tượng vật chất và tinh thần đều là huyễn tướng của ý niệm được tích lũy liên tục; cách nói này rất khá, giảng rất rõ ràng. Quý vị thật sự thừa nhận Vô Sinh Nhẫn, biết những thứ ấy (các hiện tượng tinh thần và vật chất) chẳng phải là thật, kể cả thân thể chúng ta, quý vị

liền an tâm. An tâm liền tự tại. Hễ an tâm, các tế bào trong toàn bộ thân thể sẽ khôi phục bình thường. Quý vị chẳng an lòng, hôm nay nghĩ tới chỗ này, ngày mai nghĩ đến gan, hôm sau lại nghĩ đến phổi, hôm sau nữa lại nghĩ đến tim, trong lòng luôn căng thẳng. Căng thẳng sẽ như thế nào? Dễ sinh ra bệnh tật, tế bào bèn sinh ra sự biến hóa.

Quý vị biết hết thảy đều bình thường, hễ sinh ra liền lập tức diệt, căn bản là quý vị chẳng còn nghĩ tới nó, liễu giải chân tướng sự thật, mặc kệ nó! Toàn bộ sẽ khôi phục bình thường, những tế bào vốn mắc bệnh sẽ khôi phục bình thường. Do vậy, đây là chỗ tốt đẹp tối thiểu do học Phật. Học được điều gì? Quý vị chẳng ngã bệnh! Tôi lại bảo quý vị: Quý vị chẳng chết, sinh tử là giả. Đó là thật, chẳng phải là lời giả dối, tuyệt đối chẳng phải là mê tín!

Do vậy, đối với sinh tử, Phật pháp nói "liễu sinh tử", thì "liễu" là gì? Hiểu rõ! Thật sự hiểu rõ sinh tử là chuyện gì, hiểu rõ ràng; vì thế, quý vị chẳng sợ hãi nó một chút nào! Sinh tử là chuyện gì? Thay một bộ quần áo mà thôi! Thân thể vật chất này sử dụng một khoảng thời gian đã trục trặc rồi. Trục trặc thì thay đổi cái khác, giống như quần áo đã mặc dơ, rách nát, hoặc chẳng thích mặc nữa, bèn thay bộ khác. Chuyện này rất bình thường. Tinh thần bất diệt, không chỉ là thay đổi, quý vị thấy thân thể này vứt bỏ, nhưng còn có linh tính.

Chúng ta nói "linh hồn", thì linh hồn đang mê; sau khi giác ngộ chẳng gọi là "linh hồn" mà gọi là "linh tính". Học Phật chẳng phải là làm chuyện gì khác, mà là nâng cao linh tính của chính mình. Thân thể là cái kèm theo, linh tính dựa vào cái thân này, thân thể chẳng có tí xíu bệnh tật nào. Do linh hồn có mê, mê rồi nên nó có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Linh tính chẳng mê. Do vậy, sẽ hình thành *"Kim cương bất hoại thân"* như kinh Phật đã nói, chuyển mê thành ngộ là Kim cương bất hoại thân.

"Từ Thể khởi Dụng" là gì vậy? Ứng hóa trên thế gian là từ Thể khởi Dụng. Lại dùng phương pháp này, tức là dùng phương pháp "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" để bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sinh. Phương pháp này tuyệt diệu. "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" ở ngay trong một câu A Di Đà Phật. Toàn bộ câu A Di Đà Phật này là tiếng Phạn, có thể dùng "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" để dịch ý nghĩa của nó. A Di Đà Phật nghĩa là gì? "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác". Dùng phương pháp này để độ hết thảy chúng sinh, giúp họ vãng sinh thế giới Cực Lạc cùng chứng Vô Thượng Bồ Đề. Đại Giác là Vô Thượng Bồ Đề, là quay về tự tính.

Đấy là từ các Hạnh để hiển Lý. Các Hạnh gồm nhiều hạnh môn, kể cả cuộc sống hằng ngày và công việc của chúng ta, xử sự, đãi người, tiếp vật, toàn là A Di Đà Phật, hoàn toàn là "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác". Điều khẩn yếu là chúng ta phải thật sự hiểu rõ, thật sự biết dùng,

biết dùng phương pháp đơn giản nhất là trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự đãi người, tiếp vật, trong tâm có A Di Đà Phật. Trong tâm trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều không có. Câu này (tức câu *"Từ Thể khởi Dụng"*) có ý nghĩa như vậy đó.

Trong tâm chẳng cần nghĩ đến "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác", chỉ nghĩ tới A Di Đà Phật, 4 từ đơn giản là được rồi, sẽ nhập cảnh giới ấy. Vận dụng "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" vào cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, do các Hạnh mà hiển Lý, đấy là tự tính.

"Nhược dĩ kinh đề phối Tam Đại" (Nếu đem nhan đề kinh phối hợp với Tam Đại). Tam Đại là Thể, Tướng, Dụng. Trong nhan đề kinh có những ý nghĩa ấy hay không? *"Vô Lượng Thọ thị Thể đại, Trang Nghiêm Thanh Tịnh thị Tướng đại, Bình Đẳng Giác thị Dụng đại"* (Vô Lượng Thọ là Thể đại, Trang Nghiêm, Thanh Tịnh là Tướng đại, Bình Đẳng, Giác là Dụng đại), thật sự có ý nghĩa Tam Đại, rất rõ rệt.

Chúng ta đọc phần tiếp theo: *"Y Hán dịch Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác tức A Di Đà Phật nghĩa"* (Căn cứ theo bản Hán dịch, *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác* tức là ý nghĩa của cụm từ A Di Đà Phật). Trong 5 bản dịch gốc, bản dịch đời Hán có nhan đề là *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.* Nhan đề này là dịch theo nghĩa, nguyên văn tiếng Phạn là A Di Đà.

"Cánh khả dĩ bổn kinh đề phối tam giác. Vô Lượng Thọ Phật thị ngã Bản Giác. Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, dĩ trang nghiêm tự tâm thị danh Thỉ Giác. Thỉ Giác hợp Bản Giác, trực xu Cứu Cánh Giác, tức đề trung Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác dã" (Ta có thể đem nhan đề kinh này phối hợp với Tam Giác. Vô Lượng Thọ Phật là Bản Giác của ta. Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm để trang nghiêm tự tâm là Thỉ Giác. Thỉ Giác hợp với Bản Giác, tiến thẳng đến Cứu Cánh Giác chính là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác trong nhan đề kinh). Đây là phối hợp với ba món Giác: Thỉ Giác, Bản Giác, và Cứu Cánh Giác.

Trong đó, Bản Giác là Lý thể, Thỉ Giác là bắt đầu tu hành. Chúng ta suốt ngày mê muội, bất giác, quý vị phải hiểu: Niệm Phật là giác chứ không mê. Nhưng quý vị phải biết: Nếu không hiểu, mà chẳng nghe kinh, chẳng học giáo, quý vị niệm câu A Di Đà Phật này vẫn là mê hoặc, điên đảo, mê tín. A Di Đà Phật là gì? Không biết! Người ta nói A Di Đà Phật là gì? "Tượng Phật được thờ trong nhà tôi là A Di Đà Phật", kẻ ấy bèn chỉ vào tượng đó, về căn bản chẳng biết A Di Đà Phật là gì! A Di Đà Phật là tự tính, là bản tính của chính mình, là "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" chính mình vốn sẵn đủ. Liễu giải, thì khi niệm sẽ tương ứng, giống như phương pháp được gọi là *Tam Mật Tương Ứng* trong Mật tông: Tay kết thủ ấn, nay chúng ta gọi là "thủ ngữ", miệng trì chú, trong tâm quán tưởng, thảy đều tương ứng thì mới được.

Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật này cũng giống như thế. Khi niệm A Di Đà Phật chắp tay niệm cũng được, cung kính! Lần tràng hạt niệm Phật cũng được. Cầm tràng hạt trên tay nhưng không lần cũng được! Vì sao? Nhắc nhở chính mình. Không lần tràng hạt để nhắc nhở chính mình, cầm tràng hạt giống như thủ ấn, giống như kết ấn, bằng với kết ấn. Một câu A Di Đà Phật chẳng rời miệng, giống như trì chú. Trong tâm thanh sạch, chẳng nhiễm mảy trần. Hoặc là miệng niệm Phật, trong tâm có Phật, niệm một tiếng A Di Đà Phật, biết A Di Đà Phật là tự tính của chính mình, biết A Di Đà Phật là "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" của chính mình, biết A Di Đà Phật là đại viên mãn của chính mình, chẳng phải là chẳng có gì khác *Tam Mật Tương Ứng* ư? Cùng là một chuyện! Còn đơn giản, thuận tiện hơn Mật giáo! Trong Mật giáo có rất nhiều quy củ, pháp môn này không có, hoàn toàn khiến quý vị thoải mái. Vì thế, nếu quý vị biết niệm, đúng là một pháp môn sẽ là hết thảy các pháp môn. Một câu A Di Đà Phật này bao gồm trọn hết thảy Đại thừa, Tiểu thừa, Hiển giáo, Mật giáo, Tông Môn, Giáo Hạ! Quý vị nói xem pháp môn này có thù thắng, vi diệu lắm hay không?

Tiếp đó là*: "Hựu khả giải vi Bình Đẳng Giác thị ngã Bản Giác. Khởi tâm niệm Phật, dĩ tự trang nghiêm, thị vi Thỉ Giác. Thỉ Bổn bất ly, trực xu giác lộ, đốn nhập Tịch Quang, chứng Vô Lượng Thọ. Như thị tắc Bình Đẳng Giác thị ngã nhân tâm, Vô Lượng Thọ thị ngã Quả Giác. Như thị diệu nghĩa triển*

chuyển vô tận, tất tại nhất đề chi trung" (Lại có thể hiểu như sau: Bình Đẳng Giác là Bản Giác của ta. Khởi tâm niệm Phật để tự "trang nghiêm" là Thỉ Giác. Thỉ, Bản chẳng rời nhau, thẳng tiến trên đường giác ngộ, chóng vào được Tịch Quang, chứng Vô Lượng Thọ. Như vậy, Bình Đẳng, Giác là nhân tâm (cái tâm dùng làm nhân, cái tâm tu nhân) của ta, Vô Lượng Thọ là Quả giác của chúng ta). Diệu nghĩa được phát triển đến vô tận như thế, nhưng đều nằm gọn trong nhan đề). Những ý nghĩa ấy đều bao gồm trong nhan đề kinh. Trong nhan đề kinh bao hàm vô lượng nghĩa, thật vậy, chẳng giả!

"Thị cố Viên Trung Sao sớ viết: 'Văn thủ đề danh tự, hoạch vô lượng công đức'. Sao viết: Như Kim Quang Minh, cập chư Đại thừa, đa tác thử thuyết" (Vì vậy, trong sách *Viên Trung Sao* có lời sớ như sau: "Nghe nhan đề kinh được vô lượng công đức". Lời *Sao* giảng: "Như kinh *Kim Quang Minh* và các kinh Đại thừa khác phần nhiều nói như vậy"). Từ các bản chú sớ kinh Đại thừa của cổ đức, chúng ta thấy nói như vậy rất nhiều! Không chỉ là nhan đề kinh trọn đủ viên mãn vô lượng nghĩa, mà trong các buổi giảng, chúng tôi đã từng báo cáo cùng quý vị: Một câu A Di Đà Phật trọn đủ vô lượng nghĩa. Trong một câu A Di Đà Phật dung nhiếp trọn vẹn nhan đề của 12 bộ kinh. Nói "12 bộ kinh" ở đây, là nói tới 12 bản dịch gốc của kinh *Vô Lượng Thọ.*

Mỗi nhan đề đều được bao gồm trong Phật hiệu. Vì vậy, quý vị niệm một câu Phật hiệu này là niệm trọn hết nhan

đề của 12 bộ kinh. Niệm nhan đề là niệm toàn bộ bản kinh. Niệm toàn bộ kinh này sẽ giống như niệm toàn bộ kinh *Hoa Nghiêm* và hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng trong 49 năm, chẳng sót một bộ nào! Chúng ta học phần giải thích nhan đề kinh của cụ Hoàng Niệm Tổ đến đây là xong.

Tiếp theo đây, tôi sẽ đơn giản giới thiệu cách tôi giảng nhan đề bộ kinh này như thế nào khi tôi giảng kinh này trong quá khứ. Hiện thời, chúng tôi giảng bộ kinh này lần thứ 11, trước kia đã giảng 10 lần, nhưng cả 10 lần, chúng tôi không giảng bản *Chú Giải* của cụ Hoàng Niệm Tổ, chỉ là giảng kinh, chẳng giảng chú giải. Tham khảo chú giải, sử dụng một phần, còn lần này là học tập bản *Chú Giải* chẳng sót một chữ nào.

"Phật Thuyết Đại Thừa", Phật là Phật Thích Ca Mâu Ni nói, ý nghĩa này rất rõ rệt. Phật là Phật Thích Ca Mâu Ni, Bổn Sư. *"Thuyết"* là thỏa thích điều từng ấp ủ trong lòng. Đức Phật xuất hiện trên thế gian này, nhằm mục đích gì? Vì rộng độ chúng sinh, giúp chúng sinh mau chóng thành Phật. Dùng phương pháp gì để giúp chúng sinh có thể thành Phật trong một đời? Bằng pháp môn này, bằng bộ kinh này! Đức Phật thấy chúng sinh cơ duyên thành thục; cơ duyên là gì? Họ có thể tin, nghe hiểu, lý giải.

Sau khi nghe hiểu, họ sẽ chịu làm, chịu phát nguyện vãng sinh, cơ duyên đã chín muồi! Phật bèn giảng bộ kinh này

cho mọi người, nhằm mãn nguyện của quý vị. Một đời này, quý vị chắc chắn sẽ được như nguyện, sinh về thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành chứng quả, thành Phật độ sinh giống như Ngài. Đấy là ý nghĩa của 2 từ Phật Thuyết.

"Đại thừa" là trí tuệ, vì trong phẩm *Như Lai Xuất Hiện* của kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta: *"Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai"*. Tôi dùng điều đó để dung thông, phối hợp với nhan đề kinh này, thì *"Đại thừa"* là trí tuệ sẵn có trong bản tính, *"Vô Lượng Thọ"* là tự tính trọn đủ các đức, *"Trang Nghiêm"* là tự tính vốn trọn đủ tướng hảo. Trí tuệ và đức tướng là quả. Quả đương nhiên có nhân. Nhân là gì? Nhân là *"Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác".* Tu 3 nhân ấy, quý vị sẽ chứng quả *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*, tức Phật quả. Thanh tịnh: Người học Phật chúng ta tu gì? Tu "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác".

Dùng phương pháp gì để tu? 84.000 pháp môn! 84.000 là phương pháp, đường lối. Tu gì? Tu "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác". Kinh này trực tiếp chỉ dạy chúng ta. "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" là Tam học, Tam Tạng. Tam học là Giới - Định - Tuệ. Thanh tịnh là Giới. Bình đẳng là Định. Giác là Tuệ, Giới - Định - Tuệ - Tam học. "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" là Tam Tạng, 12 bộ kinh (thể loại kinh) trong Tam Tạng. Thanh tịnh là *Luật Tạng*, Bình đẳng là *Kinh Tạng*, Giác là *Luận Tạng*.

Quý vị thấy đó là Tam học, Tam Tạng. Lại còn là Tam Bảo. Thanh tịnh là Tăng Bảo. Lục căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần là Tăng Bảo, tức người trì giới. Hiện thời, xuất hiện vấn đề: Tại gia, học Phật chẳng thể hành *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, xuất gia học Phật chẳng làm được *Sa Di Luật Nghi*, nên vấn đề xuất hiện! Vì thế, bất luận tại gia hay xuất gia học Phật cũng đều chẳng thể thành tựu. Trong vài chục năm qua, chúng tôi thấy vấn đề này quá nhiều. Nghĩ bao nhiêu năm, tôi mới nghĩ ra vì sao có hiện tượng ấy, vì sao cổ nhân chẳng giống như vậy? Cổ nhân dù tại gia hay xuất gia đều có thể tu hành chứng quả, vì sao người hiện tại lại không được?

Suy đi nghĩ lại, cuối cùng tìm ra cội rễ của vấn đề. Kể từ sau khi nhà Mãn Thanh mất nước cho đến hiện tại, trong 100 năm thuộc thế kỷ này, chúng ta đã sơ sót không vun bồi căn bản giáo dục. Trước kia, quả thật là 20 năm đầu thời Dân Quốc, tức là 20 năm sau khi nhà Mãn Thanh mất nước, vẫn còn ảnh hưởng, người trong xã hội thuở ấy vẫn còn phổ biến coi trọng giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, hết sức coi trọng! Chúng tôi thuở bé cũng được hưởng lây một chút, vun bồi căn bản giáo dục rất trọng yếu. Ngạn ngữ có câu: *"Giáo nhi anh hài, giáo phụ sơ lai"* (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về). Dạy con cái là dạy ra sao? Từ thuở trứng nước, con sinh ra gọi là *"anh hài".*

Dạy con dâu lúc mới về nhà chồng. Khi cưới vợ về, vừa vào cửa liền chỉ bảo vợ nề nếp sinh hoạt của gia đình. Đó là

dạy vợ từ thuở ban đầu; nếu không, vợ sẽ dưỡng thành thói quen, chẳng nghe lời quý vị. Con thơ từ lúc được sinh ra phải dạy dỗ. Nó sinh ra, mở mắt ra sẽ thấy, tai sẽ nghe tiếng, tuy nó chưa thể nói chuyện, nhưng đã học tập. Học gì vậy? Học theo người lớn. Đầu tiên là cha mẹ mỗi ngày dẫn dắt nó. Cha mẹ khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, cử chỉ đối với nó đều có ấn tượng. 1.000 ngày từ lúc được sinh ra cho đến 3 tuổi được gọi là "vun bồi căn bản giáo dục". Có được 1.000 ngày ấy, cổ nhân bảo *"Tam tuế khán bát thập"*; nghĩa là dạy dỗ kỹ càng 1.000 ngày từ lúc sinh ra cho đến lúc 3 tuổi thì 80 tuổi sẽ không thay đổi, vì có căn bản rồi! Đầu thời Dân Quốc, xã hội Trung Quốc chẳng an định, quân phiệt cát cứ, tiếp đó, chiến tranh với người Nhật.

Sau 8 năm kháng chiến, Trung Quốc chiến bại, chẳng có chiến thắng. Bại ở chỗ nào? Vứt bỏ truyền thống văn hóa, chẳng còn gia giáo. Không chỉ chẳng có gia giáo, mà gia tộc cũng chẳng còn! Hãy nên biết Trung Quốc thời cổ là đại gia đình, ngũ đại đồng đường[5], chẳng tách thành tiểu gia đình. Vì thế, mỗi nhà có gia quy, có gia đạo, gia học, gia nghiệp. Sau khi kháng chiến thắng lợi, toàn bộ đều chẳng còn. Đấy là chúng ta bị đánh bại, bề ngoài là thắng lợi, chứ thật sự là bị đánh bại!

Nếu thật sự chiến thắng, xã hội ngày nay sẽ ổn định vững bền, phải thịnh vượng giống như thuở Hán, Đường, đại

[5] Năm thế hệ cùng sống chung một nhà.

quốc mênh mông. Vì sao ngày nay chúng ta vẫn khổ sở, xã hội động loạn như thế? Đấy là chiến bại. Bề ngoài là thắng lợi, chứ trên tinh thần đã xong hết cả rồi, chúng ta chớ nên không biết nguyên nhân ấy! Do vậy, tôi đã nghĩ, học Phật thì phải tìm lại sự vun bồi căn bản giáo dục ấy. Dùng gì để vun bồi? Dùng 3 căn bản của Nho, Thích, Đạo. Mọi người đã sơ sót những điều này. Căn bản của Nho là *Đệ Tử Quy*, căn bản của Đạo là *Thái Thượng Cảm Ứng Thiên*, căn bản của Phật là *Thập Thiện Nghiệp Đạo*.

Nếu 3 căn bản này đã được dạy dỗ tốt đẹp từ nhỏ, thì *Sa Di Luật Nghi* rất dễ dàng, vì mỗi điều đã nói trong *Thập Thiện Nghiệp* đã đều có thể làm được. Lúc ấy, mới khiến cho chúng tôi nghĩ ra vì sao người thuở trước học Phật dễ thành tựu như vậy, mà hiện thời không được. Hiện thời, vun bồi căn bản giáo dục do ai dạy? TV dạy! Học sinh lên lớp học theo Internet. Dạy gì? Dạy bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối! Căn bản để học Phật của quý vị được vun bồi bằng bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, làm sao quý vị học Phật tốt đẹp cho được? Xã hội làm sao yên ổn cho được? Có thể nào chẳng xảy ra tai nạn? Toàn bộ vấn đề đã được bộc lộ, chúng ta thấy rõ ràng, rành rẽ. Vì thế, nhiều năm qua, chúng tôi cực lực đề xướng phải học 3 căn bản, nhằm học bù đắp những chỗ sai sót.

Học Phật là học từ đâu? Học từ *Đệ Tử Quy*. Không làm được *Đệ Tử Quy,* thì quý vị học Phật 100 năm, hay 300 năm

đều vô dụng, thiếu căn bản! Nếu làm được *Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo* sẽ chẳng có vấn đề. Quý vị không vun bồi cội rễ ở chỗ này, đúng là học Phật 300 năm, tối đa bất quá là trở thành học giả mà thôi. Tối đa là giống như tôi đã thấy tại nước Anh, những nhà Hán học, những vị giáo sư lừng danh, hoặc những người giống như họ, chẳng thể thật sự thụ dụng Phật pháp, những lợi ích trước mắt đều chẳng đạt được, sức khỏe, trường thọ, phiền não nhẹ bớt, trí tuệ tăng trưởng, đó là những gì lẽ ra quý vị phải đạt được trong hiện tiền, nhưng quý vị vẫn lắm phiền não, thiếu trí tuệ, còn làm sao được nữa? Sai lầm rồi! Sai lầm do coi nhẹ căn bản. Vun bồi căn bản giáo dục trọng yếu lắm; may sao là trong mấy năm nay, nhiều người đã dần dần coi trọng *Đệ Tử Quy*, dần dần cũng coi trọng *Cảm Ứng Thiên*, tốt lắm!

Trong phần trước, chúng ta đã nói tới sự trọng yếu của Phật; Phật là phúc báo bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian. Quý vị chẳng học Phật sẽ không tu phúc. Chẳng tu phúc sẽ chẳng có phúc báo. Thiếu phúc báo sẽ khổ sở. Đại phú đại quý trong thế gian này là do tu từ đâu? Đời quá khứ đã tu trong Phật môn. Trong Phật môn có thể tu cái nhân đại phú đại quý, cảm được quả báo phú quý.

Hiện tại, hưởng phú quý, nhưng chẳng tu nữa, phúc báo sẽ hưởng hết rất nhanh. Sau khi hưởng hết, khổ nạn sẽ hiện tiền. Đấy là đạo lý nhất định, chớ nên không biết. Vì thế, sau khi vun bồi tốt đẹp 3 căn bản, quý vị lại khéo học Phật, phúc

huệ song tu, tiền đồ sẽ tốt đẹp vô lượng, cớ sao chẳng làm? Bởi lẽ, nhà Phật tu hành là "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác". Thanh tịnh là Chính Giác, bình đẳng là Chính Đẳng Chính Giác, sau đấy là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Trong giáo pháp Đại thừa, từ trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức là "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác". Do vậy, tu thanh tịnh như thế nào? Chẳng chấp trước, đoạn Kiến Tư phiền não là thanh tịnh. Chẳng phân biệt, đoạn Trần Sa phiền não bèn bình đẳng. Không khởi tâm, chẳng động niệm, Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác liền hiện tiền, đạt được quả báo *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm. "Trang Nghiêm"* có ý nghĩa vô cùng rộng! Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới thảy đều hàm nhiếp trong ấy. Đây là nói đại lược về nhan đề bộ kinh này.

Tôi nói kiểu này đơn giản, dễ hiểu, dễ lãnh hội, quý vị mới biết nội dung giáo học trong bộ kinh này phong phú khôn sánh, thật sự giúp chúng ta giải quyết hết thảy vấn đề. Bất cứ một nghề nghiệp nào trong xã hội nảy sinh vấn đề, đều có thể tìm được lời giải quyết trong đây. Về chính trị, cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều có thể giúp quý vị giải quyết những chỗ nảy sinh vấn đề. Cớ sao quý vị chẳng học?

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 82

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

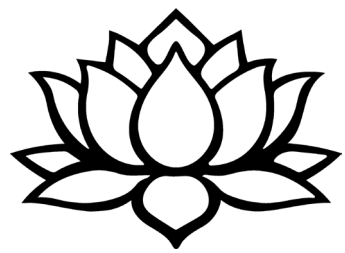

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 88, dòng thứ 3, đếm từ dưới lên.

"Chính thích kinh nghĩa" (Chính thức giải thích ý nghĩa kinh văn). Đây là phần lớn thứ ba trong bản *Chú Giải* kinh này, chính thức giải thích ý nghĩa trong kinh văn. *"Tiền minh toàn kinh cương tông"* (Trong phần trên, đã nói về cương lãnh và tông chỉ của cả kinh), nêu cương lãnh và tông chỉ, *"dữ kinh đề tổng nghĩa"* (và ý nghĩa tổng quát của nhan đề kinh). *"Cẩn dĩ cục tâm hạn lượng chi ngôn, lược chương Tịnh tông vô tận chi diệu"* (Kính cẩn dùng cái tâm hạn hẹp để phô bày đại lược sự mầu nhiệm vô tận của Tịnh tông). Đây là lời khiêm hư của cụ Hoàng Niệm Tổ.

"Cục tâm hạn lượng", ý nói: Chưa khai ngộ, tâm lượng phàm phu. Sau khi khai ngộ, tâm lượng sẽ giống như Phật, Bồ tát. Quả thật là *"Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới"* (Tâm trọn khắp hư không, tâm lượng rộng khắp các cõi nhiều như cát). *"Cục"* (局) là có giới hạn. *"Cục tâm hạn lượng"* là tâm lượng và kiến giải phàm phu. *"Lược chương Tịnh tông"*, đây là một bộ kinh điển trọng yếu nhất trong Tịnh tông, quả thật là vô tận diệu nghĩa.

"Tư y tiên lệ, toàn kinh phân tam" (Nay dựa theo lệ trước, chia toàn bộ kinh này thành 3 phần). *"Tiên lệ"* là thông lệ giảng giải kinh văn của cổ thánh tiên hiền, luôn chia một bộ kinh thành 3 phần lớn, tức là 3 bộ phận. Bộ phận thứ

nhất gọi là Tự phần, bộ phận thứ hai là Chính tông phần, bộ phận thứ ba gọi là Lưu thông phần.

Tự (序) là như trong các tác phẩm văn chương hiện thời, phía trước có phần Tự luận (dẫn nhập), giữa là Chính thuyết (nội dung chính yếu), sau đó là Tổng kết, 3 đoạn lớn như vậy. Trong kinh Phật, bản thân mỗi kinh có 3 đoạn, thứ nhất là Tự, sau Tự là Chính tông, sau Chính tông là Lưu thông. Phần này cũng gần như quá nửa là đức Phật dặn dò chúng ta nên thực hiện nghĩa lý, giáo huấn và cảnh giới của bộ kinh này như thế nào trong cuộc sống hằng ngày, nâng cao chính mình, thậm chí thực hiện trong công việc, trong toàn bộ công tác. Đây là dạy quý vị sau khi chính mình đã thành tựu, còn phải tạo ảnh hưởng người khác, mong cho người khác cũng có thể tu học, cùng nâng cao cảnh giới giống như chính mình. Đấy là Lưu thông phần.

"Ngẫu Ích Đại sư viết: Tự như thủ, ngũ quan câu tồn. Chính tông như thân, phủ tạng vô khuyết. Lưu thông như thủ túc, vận hành bất trệ" (Ngẫu Ích Đại sư nói: "Tự như đầu, ngũ quan đầy đủ. Chính tông như thân, phủ tạng chẳng thiếu, Lưu thông như chân tay, vận hành không trệ ngại"). Thuở tại thế, suốt đời Ngẫu Ích Đại sư cũng giảng kinh giáo học. Ngẫu Ích Đại sư là người xuất gia thuở trước, sống vào những năm cuối triều Minh và những năm đầu triều Thanh. Ngài sống vào cuối đời Minh, viên tịch trong đời Thanh, là Tổ sư đời thứ 9 của Tịnh Độ tông. Trước tác vô cùng phong phú. Tuy tuổi tác chẳng cao

lắm, sáu mươi mấy tuổi đã viên tịch, nhưng Ngài lưu lại trước tác vô cùng phong phú, đúng là trước tác suốt cả đời.

Đối với chuyện giải thích kinh chia thành 3 phần, Ngài đã nêu thí dụ, dùng con người chúng ta làm tỷ dụ: Tự phần giống đầu người, ngũ quan đầy đủ, vừa nhìn thấy vẻ mặt liền biết quý vị là người như thế nào. Kế đó là Chính tông giống như thân thể, bên trong có ngũ tạng, lục phủ. Lưu thông phần giống như tay chân, quý vị có thể hoạt động, có thể khởi tác dụng.

Tiếp đó, cụ Niệm Tổ nói: *"Y đại sư ý, Tự như thủ (đầu dã) chỉ kinh chi Tự phần do nhân chi hữu thủ. Do thủ chi ngũ quan (mi, nhãn, nhĩ, tỵ, khẩu) khả khuy kỳ nhân chi thiện, ác, trí, ngu"* (Theo ý đại sư, "Tự như đầu" tức là Tự phần của kinh giống như người có đầu, từ ngũ quan (lông mày, mắt, tai, mũi, miệng) có thể biết được phần nào con người ấy là thiện hay ác, trí hay ngu), quý vị vừa nhìn liền hiểu rõ. *"Quán nhất kinh chi Tự phẩm, tiện khả tri toàn kinh chi Đại, Tiểu, Thiên, Viên"* (Nhìn vào Tự phần của một bộ kinh, liền có thể biết toàn bộ bản kinh ấy là Đại thừa hay Tiểu thừa, Thiên giáo hay Viên giáo). Từ Tự phần, quý vị có thể thấy, trong Tự phần có ý nghĩa biểu thị pháp. Nếu quý vị hiểu, vừa nhìn vào Tự phần sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ những ý nghĩa biểu thị pháp ấy.

"Cố Tự phần trung, diệc tất hàm hữu thâm văn" (Vì thế trong Tự phần ắt phải có những đoạn kinh văn ý nghĩa sâu xa). Điều này, chẳng sai tí nào! Trong Tự phần chứa đựng

những ý nghĩa sâu xa, quyết định chẳng khác gì Chính tông và Lưu thông. *"Kim y đại sư chi chỉ, phán phân bản kinh như hạ"* (Nay y theo ý chỉ của đại sư, phân định kinh này như sau), chia làm 3 phần:

1) Phần thứ nhất từ phẩm thứ nhất tới phẩm thứ 3, đó là Tự phần.

2) Từ phẩm thứ 4 đến phẩm 42 là Chính tông phần, tức là phần diễn nói chính yếu trong kinh này.

3) Từ phẩm 43 đến phẩm 48 là Lưu thông phần. Phần này rất dài, đều thuộc về phần Lưu thông.

"Kim chi tam phần, diệc chính như ngã quốc Tịnh Ảnh, Gia Tường lưỡng gia đối bản kinh Ngụy dịch bản chi phán phân" (Nay 3 phần này cũng chính là cách phán định của hai vị Tịnh Ảnh và Gia Tường[6] của Trung Quốc đối với bản Ngụy dịch

[6] Gia Tường Cát Tạng (549-623) là cao tăng đời Tùy. Ngài quê ở Kim Lăng, họ An, tên Thế, tổ tiên vốn là người An Tức, về sau di cư đến Kim Lăng, nên đôi khi người ta còn gọi Ngài là Hồ Cát Tạng. Năm lên 4 tuổi, Sư theo cha yết kiến Ngài Chân Đế, được ban pháp danh là Cát Tạng. Sau đấy, cha Ngài xuất gia hiệu là Đạo Lượng. Sư thường theo cha đến chùa Hưng Hoàng nghe Ngài Pháp Tuyên giảng *Tam Luận*, năm lên 7 tuổi bèn xin xuống tóc với Ngài Pháp Lãng. Do Ngài Pháp Lãng chuyên nghiên cứu *Tam Luận giáo học*, nên Sư chuyên học *Trung Luận, Bách Luận* và *Thập Nhị Môn Luận.* Năm 19 tuổi, Sư lên giảng kinh khiến cho thính chúng kinh ngạc trước biện tài. Năm Sư 32 tuổi, Ngài Pháp Lãng thị tịch, nên Sư lui về chùa Gia Tường ở Cối Kê, chuyên tâm giảng thuyết, viết sách, người hỏi đạo cả ngàn người, pháp duyên rất thịnh. Do cách sách chú giải về *Tam Luận* của Sư được các tăng chúng hân thưởng, nên mọi người chỉ gọi Sư bằng danh hiệu Gia Tường Đại sư, chứ không gọi tên húy. Sư cũng từng viết thư thỉnh Ngài Trí Khải (Trí Giả Đại sư) giảng *Pháp Hoa*. Sư từng tự chép 2.000 bộ kinh *Pháp Hoa*, tạo 25 pho tượng Phật, cạn hết lòng thành lễ sám. Năm Vũ Đức nguyên niên (618), đời Đường Cao Tổ, triều đình tuyển chọn mười vị cao tăng để thống lãnh tăng chúng, Ngài cũng được cung thỉnh vào đó. Tháng Năm năm Vũ Đức thứ sáu (623), Sư tắm gội, thay áo mới, thắp hương, niệm Phật, viết xong tác phẩm *Tử Bất Bộ Luận*, rồi an tường viên tịch. Bình sinh, Sư giảng *Tam Luận* hơn 100 lần, kinh *Pháp Hoa* 300 lần, giảng các kinh *Đại Phẩm, Hoa Nghiêm, Duy Ma,* và *Đại Trí Độ Luận* hơn 10 lần. Trước tác phong phú, nổi tiếng nhất là các bộ *Trung Quán Luận Sớ, Thập Nhị Môn Luận Sớ, Bách Luận Sớ, Tam Luận Huyền Nghĩa, Đại Thừa Huyền Luận, Pháp Hoa Huyền Luận, Pháp Hoa Nghĩa Sớ* v.v. Hầu như các kinh Đại Thừa quan trọng như *Pháp Hoa, Niết Bàn, Thắng Man, Đại Phẩm, Kim Quang Minh, Duy Ma, Nhân Vương, Vô Lượng Thọ* v.v... Ngài đều viết chú sớ.

của kinh này). Quy củ của lịch đại tổ sư đại đức đều giống nhau, nhất định chia một bộ kinh thành 3 phần. Phân đoạn sớm nhất là pháp sư Đạo An, Ngài làm như vậy sớm nhất. Sau này, tuy các vị chú giải kinh đều chia chính kinh thành 3 phần, nhưng 3 phần chia từ chỗ nào trọn chẳng giống nhau. Đó là mỗi vị có cách nhìn khác nhau, chúng ta phải chú tâm quán sát mới hiểu được điều này.

Tiếp theo đây là bộ phận thứ nhất, tức Tự phần: *"Hựu Tự phần phục phân vi nhị"* (Lại nữa, Tự phần lại được chia thành 2 phần). Trong Tự phần có 2 khoa lớn. Thứ nhất là Thông tự, thứ hai là Biệt tự. *"Thông tự, hựu danh Chứng tín tự, chư kinh giai cụ"* (Thông tự còn gọi là Chứng tín tự, các kinh đều có), mở đầu hết thảy kinh đều có.

"Như Thiên Thai dữ Gia Tường đẳng" (Như các vị Thiên Thai, Gia Tường v.v...). Thiên Thai là Trí Giả Đại sư. Ngài Gia Tường chú giải kinh *Vô Lượng Thọ*. "*Y Pháp Hoa Luận dĩ lục chủng thành tựu vi Chứng tín tự. Lục thành tựu giả, Tông Mật Đại sư viết"* (Dựa theo *Pháp Hoa Luận*[7], lấy 6 thứ thành tựu làm Chứng tín tự. 6 thứ thành tựu là như Tông Mật Đại sư nói). Tông Mật là Tổ sư đời thứ 5 của tông Hoa Nghiêm, là học trò Tổ Thanh Lương. Thứ nhất là Tín, thứ hai là Văn, thứ ba là Thời, thứ tư là Chủ, thứ năm là Xứ, thứ sáu là Chúng. *"Lục duyên bất cụ, giáo tắc bất hưng"* (6 duyên chẳng đủ, giáo pháp chẳng thể hưng khởi). Đây là nói về giáo học; giáo

[7] *Pháp Hoa Luận* chính là bộ *Pháp Hoa Luận Sớ* của Ngài Gia Tường Cát Tạng, gồm 3 quyển.

học nhất định phải có 6 duyên này, thì mới có thể thành tựu. Thiếu một điều, giáo học sẽ chẳng thể thành tựu. Vì thế, 6 điều ấy gọi là Lục chủng thành tựu. 6 thứ thành tựu:

- Thứ nhất là Tín thành tựu, trong phần sau sẽ nói đến. Từ *"Như thị"* trong kinh văn là Tín thành tựu, nói rõ bộ kinh này quả thật do đức Phật nói, chân thật đáng tin. Đó là Tín thành tựu.

- Thứ hai là Văn. *"Văn"* là khi tôn giả A Nan kết tập Kinh Tạng, Ngài nói: "Phật Thích Ca Mâu Ni nói kinh này, chính tôi đích thân nghe". Chẳng phải là nghe nói lại, nên đáng tin cậy.

- Thứ ba là giảng vào thời gian nào?

- Thứ tư là do ai nói? *"Chủ"* là Phật Thích Ca Mâu Ni, nhất định do đức Phật nói.

- Thứ năm, giảng ở nơi nào?

- Thứ sáu là khi giảng kinh bộ kinh này, có bao nhiêu người đang nghe?

Do vậy, sự giáo học ấy mới là viên mãn, trong đó, thiếu một điều cũng không được, giáo học cũng chẳng thể thành tựu. Vì thế, gọi là Chứng tín. *"Dĩ chứng kinh văn, xác vi Phật thuyết, chân thật khả tín, cố danh Chứng Tín"* (Dùng 6 điều ấy để chứng thực kinh văn, xác quyết đây là lời Phật dạy chân thật đáng tin; vì thế gọi là Chứng tín). 2 phẩm đầu trong kinh này đều thuộc về Chứng tín, phẩm thứ nhất là

"Pháp hội thánh chúng đệ nhất", phẩm thứ hai là "*Đức tuân Phổ Hiền đệ nhị".* 2 phẩm này đều là Chứng tín, cũng đều nói về 6 thứ thành tựu.

Phẩm thứ 3 mới là phần Phát khởi kinh này. *"Hựu danh Phát Khởi tự"* (Còn gọi là Phát khởi tự), đó là Biệt tự. Chứng tín tự là phần đầu hết thảy các kinh văn đều có, nên gọi là Thông tự. Tuy kinh nào cũng có, nhưng trong đó, quan trọng nhất là người nào tham gia, tức là nêu ra đức hiệu của các vị thượng thủ nào, giống như nay chúng ta nhìn vào một cuộc họp. Quý vị thấy những người nào tham dự, liền biết cuộc họp ấy nhằm bàn thảo vấn đề gì! Nếu hội nghị toàn là giới giáo dục, tức là người tham gia toàn là các nhân sĩ thuộc giới giáo dục, các vị chủ quản giáo dục như hiệu trưởng, giáo vụ, quản giáo vụ, nhất định họ sẽ thảo luận về đề tài giáo dục. Nếu những người tham dự hội nghị này toàn là nhân viên tài chính, kinh tế, mậu dịch, họ nhất định bàn về kinh tế. Do vậy, quý vị nhìn thấy người nào tham dự, sẽ biết pháp hội ấy thảo luận chuyện gì. Vì thế, trong phần Thông tự, nhìn vào tên hiệu của các vị thượng thủ được liệt kê khác nhau, sẽ biết tính chất khác biệt của bộ kinh này, thảo luận những gì. Phát khởi tự là *"phát khởi toàn kinh chi đoan do"* (đầu mối phát khởi cả bộ kinh). Vì sao đức Phật giảng bộ kinh này? Trong phần Phát khởi tự sẽ nói rõ nguyên nhân phát khởi của cả bộ kinh này.

"Dĩ pháp bất cô khởi, khởi tất hữu do, chư kinh các biệt, cố hựu danh Biệt tự" (Vì pháp chẳng thể tự khởi lên một

mình. Phát khởi phải có duyên do. Duyên do phát khởi của các kinh khác nhau, nên lại gọi là Biệt tự). Pháp nhất định có nguyên nhân, chẳng thể nói không có nguyên nhân nào mà sinh khởi được, quyết định là có nhân duyên. Nhân duyên phát khởi của mỗi bộ kinh khác nhau; vì thế, gọi là Biệt tự.

"Lệ như Tiểu Bản A Di Đà Kinh" (Chẳng hạn như Tiểu bản *A Di Đà Kinh*). Kinh *A Di Đà* được phát khởi không do ai hỏi, mà do đức Phật tự nói. Đây là chuyện như thế nào? Pháp môn này quá trọng yếu, tuy chẳng có ai khải thỉnh, không có ai thỉnh pháp, nhưng đức Phật thấy hết thảy chúng sinh duyên đã chín muồi.

Duyên như thế nào sẽ được gọi là "chín muồi"? Có người nghe rồi sẽ có thể tin tưởng, lý giải, phát nguyện, nương theo phương pháp này tu hành vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy không có ai hỏi, nhưng đức Phật thấy trong đại chúng có người như vậy, cho nên chẳng cần hỏi, đức Phật tự mình nói ra. Cũng chính vì pháp môn này là pháp khó tin, nên không ai có thể hỏi. Vì sao? Phàm phu thành Phật trong một đời, ai có thể tin tưởng?

Nếu quý vị nói tu hành 3 đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp mới có thể thành tựu, sẽ có rất nhiều người tin tưởng. Phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, có thể thành Phật trong một đời, chưa hề có ai nghĩ đến vấn đề này, cho nên không có ai hỏi; nhưng đức Phật thấy trong các chúng sinh quả

thật có căn cơ ấy, họ thật sự hiểu, thật sự làm, sẽ thành tựu trong một đời.

Quý vị nói xem pháp môn này có thù thắng lắm hay chăng? Pháp môn thù thắng khôn sánh, cho nên đức Phật chẳng đợi ai hỏi, tự mình nói ra. Còn bộ kinh này, thì *"bản kinh tắc nhân Thế Tôn phóng quang, hiện thụy"* (kinh này do đức Thế Tôn phóng quang minh, hiện tướng lành). Cuối phần Biệt tự chúng ta có thể thấy đức Phật làm như vậy để dẫn dắt tôn giả A Nan khải thỉnh, nêu câu hỏi. *"Các kinh bất đồng, cố danh Biệt tự. Kim kinh đệ tam phẩm thuộc chi"* (Mỗi kinh chẳng giống nhau nên gọi là Biệt tự. Phẩm thứ 3 của kinh này thuộc về phần Biệt tự). Đấy là Biệt tự của bộ kinh này. Từ phẩm thứ 4 trở đi là phần Chính tông.

Trước hết, chúng ta xem đoạn lớn thứ nhất giảng về Thông tự: *"Pháp hội thánh chúng đệ nhất"*, trong đây bao hàm học vấn to lớn. Chúng ta đọc kinh văn:

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung. Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều Trần Như, Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn giả Ca Diếp, Tôn giả A Nan đẳng, nhi vi thượng thủ. Hựu hữu Phổ Hiền Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Di Lặc Bồ tát, cập hiền kiếp trung nhất thiết Bồ tát, giai lai tập hội. (Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Phật ở tại

thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, với các đại tỳ-kheo chúng một vạn hai ngàn người câu hội. Hết thảy các vị đại thánh đã đạt thần thông, tên các Ngài là: Tôn giả Kiều Trần Như, Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn giả Ca Diếp, Tôn giả A Nan v.v... làm thượng thủ. Lại có Bồ tát Phổ Hiền, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Di Lặc và hết thảy Bồ tát trong hiền kiếp đều đến nhóm hội).

Đoạn Thông tự được nói đến chỗ này. Đối với đoạn kinh văn này, chúng ta xem trong 5 bản dịch gốc, trong mỗi bản liệt kê số người rất nhiều, lão cư sĩ Hạ Liên Cư khi hội tập đã chỉ chọn 5 vị tôn giả làm đại biểu, 3 vị Bồ tát, 5 vị thường tùy đệ tử, tỉnh lược rất nhiều. Mấy vị ấy có thể làm đại biểu cho toàn bộ kinh hay không? Có thể chứ, từ mấy vị ấy, có thể thấy nghĩa thú của cả bộ kinh, tức là nghĩa lý của cả bộ kinh hướng về đâu. Nay chúng ta học tập kinh văn.

Câu đầu tiên là *"Như thị ngã văn"*. Trong phần Thông tự ở đầu mỗi bộ kinh đều có 4 từ này. *"Chư kinh giai trí thử tứ tự ư kinh thủ, cái tôn Thế Tôn chi di giáo"* (Các kinh đều dùng 4 từ này để đặt ở đầu kinh là do tôn trọng di giáo của đức Thế Tôn). Kinh văn được mở đầu bằng 4 từ ấy là do Phật Thích Ca Mâu Ni răn dạy.

Tiếp đó, sách viết: *"Thế Tôn tương bát Niết bàn"* (đức Thế Tôn sắp nhập Niết bàn). Khi Phật Thích Ca Mâu Ni sắp viên tịch, *"A Nan bi bất năng thắng"*, nghĩa là tôn giả A Nan

quá đỗi bi thương, tuy Ngài đã chứng Sơ Quả, nhưng tình chấp vẫn còn rất sâu. Ngài A Nê Lâu Đà (Anirudha) dạy A Nan, kinh *Di Đà* chép là A Nậu Lâu Đà, *"đồ bi hà ích"* (đau buồn suông ích chi). Đức Phật sắp diệt độ, lão nhân gia rời khỏi chúng ta, bi thương có được gì? Có ích lợi chi đâu? Ông hãy nên ngay lập tức thưa hỏi đức Phật 4 chuyện. Đối với 4 chuyện ấy, trong bản chú giải này, cụ Hoàng chỉ nhắc tới một chuyện. Trong kinh *Niết Bàn*, trạng huống lúc đó được ghi chép rất rõ ràng. Ngài A Nê Lâu Đà dạy tôn giả A Nan, vì A Nan nghĩ không ra. Ngài nói sau khi đức Phật diệt độ, có 4 chuyện lớn cần phải được chính miệng đức Phật dặn dò.

Thứ nhất là đức Phật tại thế, mọi người chúng con nương theo đức Phật làm thầy, nương theo Phật để trụ, Phật ở nơi đâu, chúng con đều cùng ở đó. Nay Phật mất đi, chúng con nương theo ai? Đây chính là như trong nhà Phật nói "y chỉ một người nào đó". Có ai thay mặt đức Phật hay không? Đức Phật trả lời, chẳng dặn dò nương theo bất cứ ai, mà là *"y Tứ Niệm Xứ trụ"* (nương vào *Tứ Niệm Xứ* để trụ). Nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ, chẳng khác gì nương vào Phật mà trụ. Phần thứ nhất của 37 đạo phẩm là *Tứ Niệm Xứ.*

Điều thứ nhất trong *Tứ Niệm Xứ*, đức Phật dạy chúng ta *"Quán thân bất tịnh".* Quý vị phải thường nghĩ thân thể này chẳng phải là thứ sạch sẽ, chớ nên lưu luyến thân thể này, đừng thường vì thân thể này mà sinh phiền não, vì thân thể

này mà tạo nghiệp chướng. Nếu vậy, quý vị đã sai mất rồi, thân là giả! Trong Phật pháp thường nói *"tá giả tu chân"* (nhờ vào cái giả để tu cái thật). Chúng ta dùng cái thân thể huyễn giả này để tu hành, nâng cao linh tính của chính mình. Điều này trọng yếu! Thân là công cụ, quý vị hãy khéo lợi dụng nó, chớ nên lợi dụng nó để tạo nghiệp, phải lợi dụng nó để tu hành, đó là đúng. Không biết tu hành, chắc chắn sẽ tạo nghiệp! Quả báo của tạo nghiệp: Tạo thiện nghiệp sẽ vào tam thiện đạo để tiêu nghiệp.

Tam thiện đạo hay tam ác đạo đều nhằm tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng có thiện và ác. Tạo nghiệp bất thiện sẽ vào tam ác đạo để tiêu nghiệp. Quý vị thấy: Đều là tiêu nghiệp, bình đẳng! Vì sao? Trong tự tính thanh tịnh tâm không có nghiệp chướng, thiện nghiệp lẫn ác nghiệp đều không có. Ác nghiệp bất hảo, thiện nghiệp cũng bất hảo! Phải giác ngộ điều này, chỉ cần tạo nghiệp, quý vị sẽ không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Luân hồi trong lục đạo, chắc chắn thời gian quý vị ở trong ác đạo dài lâu, thời gian ở trong thiện đạo ngắn ngủi. Đó là sự thật, chúng ta chớ nên không cảnh giác. Vì sao? Hễ sinh ra đời là có phiền não, phải biết rằng thiện hay ác đều là phiền não, phải biết điều này, chúng đều là phiền não. Trong ấy, thiện ít, ác nhiều. Trong *Bách Pháp Minh Môn Luận*, đã quy nạp những nghiệp ấy (nghiệp chướng) thành 26 loại bất thiện; thiện cũng được quy nạp thành 11 loại.

Quý vị thấy: So sánh giữa 2 loại này, ác còn nhiều hơn 2 lần thiện, ác có 26 thứ, thiện chỉ có 11! Chúng ta suy ra sẽ biết vì sao con người học điều tốt lành rất khó khăn, học theo chuyện xấu rất dễ dàng! Tự tính không có thiện hay ác, nó có thể hiện, có thể sinh, có thể hiện vạn pháp, có thể sinh vạn pháp. A Lại Da có thể biến. Trong A Lại Da có thiện và ác, có nhiễm và tịnh. Vì thế, trong kinh, đức Phật thường nói: *"Hết thảy các pháp sinh từ tâm tưởng".*

Lại nhìn vào hoàn cảnh bên ngoài, hoàn cảnh có thánh nhân trụ thế, thì hoàn cảnh thiện nhiều, ác ít; khi không có thánh nhân trụ thế, chắc chắn là hoàn cảnh ấy ác nhiều, thiện ít. Đối với xã hội hiện thời của chúng ta, chuyện này quả thật là quá rõ rệt. Nói rõ điều gì? Nói rõ trong thời đại này không có thiện nhân! Không chỉ nơi chúng ta đang sống không có thiện nhân, mà cả thế giới đều không có. Thiện nhân xuất hiện trên thế gian, đặc biệt là bậc đại thánh, đại hiền, chư Phật, Bồ tát, các Ngài thật sự từ bi. Vì sao các Ngài không đến? Không có chúng sinh cảm, nên các Ngài chẳng ứng. Hằng ngày, tâm chúng ta mong mỏi Phật, Bồ tát hiện đến, các Ngài có đến hay không? Chẳng đến! Chúng ta cảm, vì sao các Ngài chẳng ứng? Chúng ta chẳng cảm bằng chân tâm, cho nên các Ngài không tới. Do chân tâm, các Ngài sẽ đến.

Chúng ta cầu Phật, Bồ tát, mục tiêu thứ nhất là gì? Làm sao để các Ngài phù hộ tôi thăng quan, phát tài, cho nên các Ngài không tới. Nếu khi quý vị dấy lên ý niệm, chẳng vì phù

hộ tôi, mà do chúng sinh trong thế gian quá khổ, cầu Phật, Bồ tát đến giúp đỡ thế giới này, cứu khổ, cứu nạn, các Ngài sẽ đến. Nay, chúng ta thấy các tai nạn, bao nhiêu người trên toàn thể thế giới cầu đảo? Nhưng họ vì ai mà cầu đảo? Có ai chẳng vì chính mình? Cũng có người cầu đảo vì chúng sinh, nhưng vì chính mình là chủ yếu, chúng sinh chỉ là kèm thêm! Tâm thái như vậy làm sao quý vị cảm động Phật, Bồ tát cho được? Đâu có đạo lý ấy! Phải làm như thế nào? Hoàn toàn chẳng có chính mình! Hoàn toàn không có chính mình sẽ chẳng phải là người bình thường. Trong quá khứ, họ đã có cơ sở tu học của thánh hiền, trong A Lại Da thức có chủng tử mạnh mẽ, đời này gặp thiện duyên, gặp được thiện hữu giúp đỡ, nên họ giác ngộ, hiểu rõ. Người như vậy hễ cảm bèn có ứng. Vì thế, quán thân bất tịnh rất trọng yếu. Tu học Phật pháp, nếu muốn nhập môn, điều thứ nhất là buông thân kiến xuống, đừng chấp trước thân là ta. Thân chẳng phải là ta thì thân là gì? Thân là cái ta có, giống như y phục. Y phục chẳng phải là ta, mà là cái ta có. Thân thể cũng là cái ta có, chẳng phải là ta. Đức Phật dạy chúng ta hãy nương vào đó để trụ.

Thứ hai, *"Quán thọ là khổ"*. Thọ là gì? Thọ là hưởng thụ. Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm được! Thuở tại thế, Ngài giữa trưa ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, toàn bộ tài sản là ba y một bát. Đó là toàn bộ tài sản của Ngài, thứ gì cũng chẳng có. Không giống người thế gian chấp trước thân là ta, phải cho cái thân này hưởng thụ, vì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, lại

còn thêm ý, vì lục căn mà hưởng thụ, tạo đủ thứ tội nghiệp. Trong khi hưởng thụ, dường như là sung sướng, nhưng đó chẳng phải chân lạc. Vì sao? Sau khi sướng sẽ khổ! Sướng biến thành khổ, chân thật ở chỗ nào? Chúng ta lắng lòng quan sát, không gì chẳng là tạo ác nghiệp. Sát sinh ăn thịt, ngỡ đó là sướng! Chẳng biết những thứ quý vị đã ăn đều là hữu tình chúng sinh, đó là sinh mạng.

Quý vị giết chúng nó, chúng nó có cam tâm tình nguyện để cho quý vị giết hại hay chăng? Trong kinh, đức Phật đã dạy: *"Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân"* (Người chết thành dê, dê chết thành người). Nay con người ăn dê, đời sau nó đầu thai làm người, những người ăn dê hiện thời, về sau chết đi, đầu thai làm dê, lại bị nó ăn, oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong! Nếu quý vị thấy nhân quả 3 đời, sẽ biết nhân quả thông 3 đời. Chẳng phải là thân người này chết đi là xong, đâu có dễ dàng như vậy? Trong các buổi giảng, trong quá khứ, chúng tôi thường nói, không thể chết được, chết thì còn làm gì được nữa! Nói thật đấy! Không thể chết, thì làm như thế nào mới không thể chết? Niệm Phật sẽ không chết!

Quý vị phải biết: Vãng sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi trong khi sống, chẳng phải chết rồi mới đi, quý vị phải hiểu rõ ràng! Khi quý vị lâm chung, đầu óc sáng suốt, tai nghe mắt thấy rõ ràng, thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quý vị. Theo Ngài ra đi, chẳng cần đến thân thể này, vứt bỏ, ra đi trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới ra đi. Do

vậy, pháp môn này là *"pháp môn bất tử"*, ai có thể hỏi cho được? Vì thế, kinh *Di Đà* là *"vô vấn tự thuyết"* (không ai hỏi mà tự nói). Hơn nữa, bất luận người nào, chỉ cần quý vị tin tưởng, đối với 3 điều kiện Tín, Nguyện, Hành, chỉ cần trọn đủ 3 điều kiện ấy, không một ai chẳng vãng sinh. Pháp môn này đến nơi đâu để tìm? Bất luận tạo bao nhiêu tội nghiệp vẫn chẳng sợ, chỉ cần quý vị chuyển biến ý niệm, thật sự cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận Phật A Di Đà, nghiệp chướng sẽ tiêu mất.

Quá khứ, đời này thiếu nợ mạng của chúng sinh, thiếu nợ tình, thiếu nợ tiền bạc, sau khi quý vị thành Phật, bất luận họ ở trong đường nào, quý vị đều thấy rõ ràng, sẽ chẳng trái bản nguyện, nhất định giúp đỡ họ, giúp cho họ giác ngộ, giúp họ niệm Phật vãng sinh thành Phật. Ân lẫn oán đều báo! Đối với các oan gia đối đầu, dùng đức báo oán. Do vậy, phải hiểu: Những gì chúng ta hứng chịu đúng là khổ! Trong kinh, đức Phật thường nói tam khổ hoặc bát khổ, trong những phần sau sẽ giảng giải.

"Quán tâm vô thường". *"Tâm"* là vọng tâm. Chân tâm quý vị sẽ chẳng quán được. Đây là chân tâm đã bị mê mất rồi, nên thành vọng tâm. Vọng tâm là vô thường. Thật ra, Bồ tát nói một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, nên gọi là *"vô thường".* Nó chẳng phải là như như bất động, vọng niệm tơi bời, niệm trước diệt, niệm sau dấy lên, tốc độ quá nhanh.

"Quán pháp vô ngã". Ngã là gì? Ngã có nghĩa là "chủ tể, tự tại". Quý vị hãy quán sát cẩn thận, trong hết thảy các pháp đều không có chủ tể, đều là tùy duyên. Duyên sinh, duyên diệt, trong ấy không có chủ tể, chẳng tự tại. Chỉ có càng gần với Tính đức, mới phát hiện có chủ tể, có tự tại. Do vậy, trong Phật pháp, hễ minh tâm kiến tính, thì Tứ đức "Thường, Lạc, Ngã ,Tịnh" sẽ hiện tiền.

Ngã ấy là chân ngã, chân lạc. Thường là vĩnh hằng bất diệt. Lạc là chẳng có nỗi khổ nào! Lìa khổ là lạc, chủ tể chân chính, tự tại xuất hiện. Sau đó là Tịnh. Tịnh là thanh tịnh. Khi kiến tính, câu đầu tiên Huệ Năng Đại sư thốt ra là *"Nào ngờ tự tính, vốn tự thanh tịnh"*. Tâm thanh tịnh hiện tiền, pháp thanh tịnh hiện tiền, thấy hết thảy các pháp đều thanh tịnh. Đó là câu hỏi thứ nhất "*Chúng con nên nương vào ai để trụ?*". Đức Phật dạy *"Nương vào Tứ Niệm Xứ mà trụ".*

Câu hỏi thứ hai là khi đức Phật tại thế, chúng con đều tôn Phật làm thầy. Phật khuất bóng, chúng con nương cậy ai làm thầy? Phật pháp quả thật có người truyền thừa. Truyền Tông Môn là Tôn giả Đại Ca Diếp, truyền Giáo Hạ là Tôn giả A Nan. Đức Phật chẳng dạy nương theo Ngài Ca Diếp hay Ngài A Nan làm thầy, không có! Đức Phật chẳng nói như thế. Đức Phật dạy chúng ta: *"Dĩ giới vi sư"* (Lấy giới làm thầy). Chỉ cần quý vị có thể trì giới, sẽ chẳng khác gì Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế. Đức Phật còn nói: *"Dĩ khổ vi sư"* (Lấy khổ làm thầy). Vì sao? Có thể chịu khổ, sẽ có thể trì giới. Chẳng thể

chịu khổ, sẽ không thể trì giới; chắc chắn quý vị sẽ phá giới, phạm giới. Vì thế, lấy giới làm thầy, dùng khổ để phụ trợ quý vị trì giới. Thành tựu tịnh giới, thì quý vị mới có thể đắc định. Nhân giới đắc định, nhân định khai tuệ, quý vị mới có thể thành tựu. Nếu không có giới, Phật pháp sẽ biến thành Phật học. Chư vị phải biết: Có giới là học Phật, chẳng có giới là Phật học. Không có giới, sẽ không có định, chẳng có tuệ, coi Phật học một loại học thuật bậc nhất trong thế gian để nghiên cứu, chẳng liên quan gì đến cuộc sống của chúng ta. Như thế là sai mất rồi, toàn thể Phật pháp bị biến chất. Do vậy, hiện tại tìm kiếm Phật pháp trên thế gian, đến nơi đâu để tìm? Tìm không ra! Thời cổ, đến nơi nào cũng tìm được.

Tất cả tự viện, am đường đều là trường học, giống như hiện thời gọi là "trường học chuyên khoa", quý vị muốn học thứ gì, quý vị đến trường đó để học. Núi Thiên Thai ở tỉnh Chiết Giang là trường chuyên khoa của tông Pháp Hoa, quý vị thích kinh *Pháp Hoa,* thì đến núi Thiên Thai. Thích kinh *Hoa Nghiêm* thì đến núi Ngũ Đài. Núi Ngũ Đài là trường chuyên khoa của tông Hoa Nghiêm.

Thích Pháp Tướng Duy thức, quý vị đến chùa Đại Từ Ân ở Trường An, hiện thời là Tây An[8]. Huyền Trang Đại sư,

[8] Thành phố Tây An (tỉnh Thiểm Tây) chính là tên gọi hiện thời của Trường An. Thành phố này còn được gọi là Kiều, Kiều Kinh, Tông Châu, Nội Sử, Đại An, Hàm Dương, Thường An, Đại Hưng, Phụng Nguyên, Kinh Triệu, Phụng Thành, Đầu Thành, Tây Kinh, hoặc chỉ gọi đơn giản là An, nằm ở trung tâm vùng Quan Trung, đã có lịch sử hơn 6.000 năm, vốn có tên là Phong Kiều từ thời Tây Châu. Nơi này từng là kinh đô của các triều đại Châu, Tần, Hán, Tấn, Tiền Triệu, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Ngụy, Bắc Châu, Tùy và Đường. Cái tên Tây An phát xuất từ tên gọi Tây An Phủ được đặt ra dưới triều Nguyên.

Khuy Cơ Đại sư đều dạy học nơi đó. Thích Tịnh Độ, Huệ Viễn Đại sư mở trường chuyên khoa ở Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Gần như mỗi tự viện, am đường đều có khóa trình chủ tu. Quý vị đến nơi đó, thật sự có cao nhân hướng dẫn, chỉ dạy. Quý vị đi cầu học, có thể y chỉ, thân cận thiện tri thức ở nơi đó; hiện thời không có.

Lúc tôi học Phật, muốn tìm một nơi, nhưng tìm không ra. Đi khắp nơi trên cả thế giới, tìm 59 năm vẫn chưa tìm ra. Kể ra vận số cũng còn khá, được mấy vị cư sĩ hộ trì, chẳng đến nỗi phải hoàn tục; nếu không, chẳng có đường nào để đi. Học hết sức nhọc nhằn! Điều khó có là thuở đầu, tôi thân cận 3 vị thầy, theo thầy 13 năm, đặt vững căn bản. Chẳng có 13 năm vun bồi căn cội ấy, nếu muốn tự học, sẽ chẳng thể nào, mà cũng chẳng có cách nào! Vì thế, cổ nhân nói: *"Thập tải hàn song, nhất cử thành danh"* (10 năm khổ nhọc, thi đậu, thành danh)[9] là có đạo lý.

Không có 10 năm công phu, đã thế, 10 năm còn phải thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, quý vị mới có thể thành tựu. Người hiện thời khác hẳn tiền nhân, cũng chịu ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, ưa chuộng học rộng nghe nhiều! Họ học rất

[9] Thành ngữ này dựa theo 2 câu trong *Nho Lâm Ngoại Sử*: *"Thập niên hàn song khổ độc thư, nhất cử thành danh thiên hạ tri"* (Mười năm song lạnh chăm đọc sách, thi đậu thành danh thiên hạ quen). Theo sách đó, 2 câu thơ ấy lại dựa theo ý bài thơ *Trúc Ổ Thính Cầm* của Thạch Tử Chương đời Nguyên: *"Thập niên hàn song tích tuyết dư, độc đắc nhân gian vạn quyển thư"* (Mười năm song lạnh tuyết phủ đầy, đọc khắp nhân gian muôn quyển sách). Do vậy, *"thập niên hàn song"* chỉ quá trình học tập khổ luyện, không xao nhãng. Cũng có thuyết giải thích câu trong *Nho Lâm Ngoại Sử* lại xuất phát từ 2 câu thơ trong bài *Tỳ Bà Ký* của Cao Minh đời Nguyên: *"Thập niên hàn song vô nhân vấn, nhất cử thành danh thiên hạ tri"* (Mười năm song lạnh không ai hỏi, thi đậu thành danh cả nước quen). Dù xuất phát từ đâu, từ ngữ *"thập niên hàn song"* đều có nghĩa là gắng công chuyên chú học tập, không xao nhãng!

nhiều thứ, lãng phí rất nhiều thời gian, rốt cuộc học được gì? Học rộng, nhưng chẳng tinh tường. Cổ nhân dạy học khác hẳn. Tôi theo thầy Lý 10 năm, 10 năm chỉ học 5 bộ kinh. Tôi đã nói với quý vị, tôi học hơn 30 bộ kinh, đều là bàng thính (dự thính). Thầy dạy cho các bạn học khác, tôi nghe ké, còn học chính thức chỉ có 5 bộ. Nói ra, quý vị nghe sẽ thấy rất đơn giản.

Bộ thứ nhất tôi học là *A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh*, bộ thứ hai là *A Di Đà Kinh*, bộ thứ ba là *Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm*, một quyển, tức quyển cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm* giảng về 10 đại nguyện vương, bộ thứ tư là kinh *Kim Cương*, bộ thứ năm là kinh *Lăng Nghiêm.* 10 năm đấy nhé!

Khi dạy, thầy quy định rất nghiêm ngặt, nhưng Ngài không bó buộc học trò. Vì sao? Thời đại hiện nay là dân chủ, tự do rộng mở, nếu quý vị kiềm chế quá ngặt nghèo sẽ vi phạm nhân quyền, không được đâu, sẽ phải ngồi tù! Vì thế, khác hẳn trước kia. Trước kia, cha mẹ có thể dạy con cái, thầy có thể dạy trò, nay thì không thể, chỉ có thể nói là dùng thân phận đồng học, dâng kiến nghị cho quý vị tham khảo. Quý vị tiếp nhận hay không, quý vị có chủ quyền. Chủ quyền ấy rất thiêng liêng, ai cũng không thể can thiệp!

Vì thế, trong thời đại này, có thể thành tựu hay không là do chính mình chịu trách nhiệm. Thầy có muốn lãnh trách nhiệm cũng chẳng thể được, người ấy đâu có chịu! Kể ra,

chúng tôi vẫn còn ngoan ngoãn một chút, nghe lời, nên mới có một chút thành tựu. Nếu chẳng nghe lời, tôi cũng học rộng nghe nhiều, thế là xong luôn! Quả thật cổ nhân nói có lý: *"Một kinh thông, hết thảy các kinh sẽ thông"*. Tuy chúng ta chưa thông một kinh, nhưng đã dốc sức rất nhiều nơi một bộ kinh. Một bộ kinh phải học rất nhiều lượt, chẳng phải một lần là xong! Mỗi lượt đều khác nhau, dần dần sẽ nếm được pháp vị. Đặt vững vàng cơ sở rồi, đối với kinh chưa học, quý vị muốn học tập sẽ chẳng khó. Chẳng hạn như tôi chưa từng học kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Pháp Hoa* cũng chưa hề học, nhưng tôi đều giảng được! Đổ công sức nơi kinh *Lăng Nghiêm*, học *Lăng Nghiêm* với thầy Lý. Tôi giảng kinh *Lăng Nghiêm* 7 lần. Đó là cơ sở, đấy cũng là một bộ kinh lớn. Tôi nhớ năm 1977, lần đầu tiên tôi sang HongKong, giảng kinh *Lăng Nghiêm* suốt 4 tháng, pháp duyên lần ấy cũng thù thắng.

Vì thế, hiện thời đạo thầy trò rất khó thành tựu là có nguyên nhân. Vì sao? Trong thời đại hiện thời, không có đạo cha con. Phật pháp là sư đạo, mà sư đạo kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Xã hội này chẳng có hiếu đạo, đương nhiên cũng chẳng có sư đạo. Vì thế, vấn đề này nghiêm trọng, chẳng phải là vấn đề nhỏ nhoi, có quan hệ đến sự tồn vong của mạng mạch quốc gia, dân tộc và văn hóa truyền thống. Thật sự phải là gì? Phải là bậc Bồ tát tái lai, thật sự phát đại tâm, phải cảm nhận chính mình có sứ mạng, hy sinh tính mạng

cũng không bận lòng hòng học tập văn hóa truyền thống.

Sau khi học xong, sẽ dạy truyền thống văn hóa, phát huy rực rỡ văn hóa truyền thống. Đó là gì? Đó chính là Chúa Cứu thế, Phật, Bồ tát tái lai, chẳng phải là người phàm! Người phàm đến thế gian để cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, đến hưởng thụ sự vui sướng do ngũ dục, lục trần, đến làm những chuyện ấy. Vì thế, đức Phật dạy *"Lấy khổ làm thầy"* vô cùng hữu lý. Thật sự có thể chịu khổ, nhẫn nhục, người ấy mới có thành tựu. Người ấy nhất định thành tựu giới luật. Giới luật nhằm mục tiêu nào? Mục tiêu của giới luật là tâm thanh tịnh. Chỉ có trì giới, quý vị mới có thể khôi phục cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là thiền định. Có công phu định lực đạt đến độ sâu nhất định, trí tuệ sẽ khai.

Đối với thiền định, quý vị phải biết, hễ chúng ta nói đến thiền định, trong đầu mọi người đều nghĩ đến quan niệm: Ngồi xếp bằng, nhìn vào vách thì gọi là "tham Thiền"'; đó là phương pháp sơ học trong Thiền tông. Quý vị phải hiểu thiền định theo nghĩa rộng, đừng hiểu theo nghĩa hẹp.

84.000 pháp môn, thảy đều là thiền định. Phương pháp tu học thiền định khác nhau, đường lối khác nhau, nên gọi là pháp môn! Nếu chẳng phải là tu thiền định, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Nếu là tu thiền định, thì gọi là Phật pháp. Nay, Tịnh Độ tông chúng ta dùng phương pháp gì để tu thiền định? Nay, chúng ta dùng một câu Phật hiệu A Di Đà Phật,

dùng phương pháp chấp trì danh hiệu để tu thiền định. Cách tu ra sao? Trước hết, quý vị phải hiểu thiền định nghĩa là gì? Giảng 2 từ thiền định theo cách nào? Thiền là gì? Định là gì? Ngoài chẳng chấp tướng là thiền, trong chẳng động tâm là định. Toàn bộ 84.000 pháp môn đều là tu phương pháp này!

Chúng ta mới có một chút chấp trước, hoặc mới có một tí phân biệt, liền A Di Đà Phật! Tổ sư Tông Môn bảo: *"Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm!".* Thiền định là giác, ý niệm mới dấy lên, bất luận thiện niệm hay ác niệm, hễ niệm dấy lên là trật rồi! Vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có ý niệm. Ý niệm dấy lên thì làm sao? Trở về Phật A Di Đà, thảy đều quy vào Phật A Di Đà. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật A Di Đà cũng không có, quý vị sẽ minh tâm kiến tính. Đây là dùng một niệm để xóa trừ tất cả những niệm khác. Tịnh tông dùng phương pháp này, nên gọi là Niệm Phật. Dùng phương pháp Niệm Phật để đạt đến minh tâm kiến tính, đạt tới đại triệt đại ngộ.

Bất luận pháp môn nào, Tịnh tông chẳng phải là ngoại lệ, mục tiêu cuối cùng là minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật. Vì vậy, trong kinh *Bát Nhã*, đức Phật đã dạy: *"Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*. Lời này là thật, chẳng giả. Phương pháp khác nhau, nhưng phương hướng như nhau, mục tiêu giống nhau. Vì thế, không có giới, thì làm sao được? Quý vị chẳng thể chịu khổ, sẽ chẳng thể trì giới sẽ không thể đắc định; chẳng thể đắc định, làm sao có thể khai

tuệ? Vậy thì những điều quý vị mong cầu, nghiên cứu sẽ là Phật học, là pháp thế gian, chúng ta chớ nên không biết! Một bộ kinh *A Di Đà* có thể giúp quý vị tới Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Trong thế gian này, quý vị thông minh, hiếu học, nghiên cứu thấu suốt Tam Tạng 12 bộ kinh của Phật Thích Ca Mâu Ni, học thuộc nhuyễn nhừ, nhưng không có giới! Không có giới, nói đến từ này, quý vị phải hiểu: Quý vị chẳng có Giới - Định - Tuệ. Vì lẽ đó, trước kia, thầy Lý thường nói: Trong lục đạo luân hồi, quý vị đáng sinh tử ra sao, thì vẫn sinh tử như thế ấy, chẳng có một tí xíu biện pháp nào! Chớ nên xem thường những ông già, bà cả, chẳng thể khi dễ họ! Họ do một bộ kinh *Di Đà*, một câu A Di Đà Phật, niệm vài chục năm, khi lâm chung, đứng vãng sinh, ngồi vãng sinh, biết trước lúc mất. Đó là gì? Giới - Định - Tuệ thành tựu, họ dùng được! Họ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, còn quý vị vẫn luân hồi trong lục đạo!

Chư vị phải biết đấy là chân tướng sự thật, thì quý vị mới hiểu. Năm 2007, một nhà Hán học của Trường Đại học Kiếm Kiều (Cambridge) là Giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) sang HongKong kiếm tôi, muốn tôi sang Kiếm Kiều mở một học viện, ông ta đã chọn sẵn tên cho tôi rồi, Học viện Đại Thừa Phật Học thuộc Đại học Kiếm Kiều. Tôi rất cảm kích ông ta, đúng là hảo ý. Trên thế giới, Kiếm Kiều được xếp hàng thứ 3. Theo quy chế đại học của Anh Quốc,

các trường như Ngưu Tân (Oxford), Kiếm Kiều, nói chung đều có từ 50 học viện (academy) trở lên. Họ theo quy chế ấy. Tôi cảm tạ ông ta, tôi nói tôi không thể đi. Vì sao? Quy chế và quy ước trong trường các vị là nghiên cứu Phật học, chẳng tu Giới - Định - Tuệ. Quý vị nghiên cứu Phật học, chẳng phải là học Phật. Quý vị phải biết: Phật học và học Phật là 2 chuyện khác nhau, học Phật có Giới - Định - Tuệ. Không có Giới - Định - Tuệ sẽ là Phật học, chẳng phải là học Phật. Phật học là tri thức, học Phật là trí tuệ, khác nhau! Trí tuệ và tri thức là 2 chuyện.

Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả. Tri thức giải quyết vấn đề sẽ để lại cả đống hậu quả, chúng ta chớ nên không biết điều này. Do vậy, Ngài A Nậu Lâu Đà dạy A Nan hỏi 4 câu ấy, rất trọng yếu! *Lấy khổ làm thầy. Lấy giới làm thầy!* Nếu chúng ta không coi trọng chuyện này, xong luôn! Ở trong thế gian này, quý vị dùng Phật pháp để đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng thì được, có thể đạt được! Quý vị nói sinh viên khoa Hán học của Âu Châu lấy kinh Phật để viết luận án nhằm giành học vị Tiến sĩ, chẳng có vấn đề gì, có thể đạt được, tương lai cũng có thể là một vị giáo sư hay nhà Hán học nổi tiếng. Thầy Lý nói: *"Đáng sinh tử như thế nào, thì vẫn sinh tử như thế ấy".* Quý vị không có cách nào vãng sinh thành Phật!

Câu hỏi thứ 3, cũng là hỏi rất hay! Hiện thời, hiện tượng này rất nhiều, trong đoàn thể, kẻ chẳng tuân thủ quy củ của

người xuất gia, thì nên làm sao? Lúc đức Phật tại thế, đức Phật có thể kiềm chế họ, đức Phật có thể giáo huấn họ. Nay đức Phật đã khuất, sau này, gặp những kẻ như vậy, ai sẽ giáo huấn họ? Đức Phật dạy một phương pháp rất hay, đừng quan tâm đến họ, đó là Mặc Tẫn (Brahma-danda). Mặc Tẫn là không bận tâm đến kẻ ấy, dùng phương pháp này. Khổng lão phu tử nói: *"Kính nhi viễn chi"* (Kính trọng nhưng giữ khoảng cách), chẳng kết oán với người khác. Chúng tôi nghe thấy điều này trong giáo huấn của thánh nhân, theo thầy Lý 10 năm, tôi thấy lão nhân gia đã làm được.

Trong đoàn thể của cụ cũng có những học trò chẳng nghe lời, bề ngoài tuân phục, bên trong chống đối, cụ đối với kẻ ấy như thế nào? Chúng tôi thấy thầy đúng là kính nhi viễn chi. Thấy kẻ ấy, thầy rất tôn kính, lễ độ, luôn luôn rất hoan hỷ. *"Viễn"* là gì? Viễn là quý vị tùy tiện làm gì, tôi trọn chẳng can thiệp, chẳng nghe, chẳng hỏi đến! Quý vị thích làm gì thì làm. Đúng rồi, chính xác! Lão nhân gia nêu gương cho chúng ta thấy. Trong xã hội hiện tại, điều này vô cùng trọng yếu, phải biết kính nhi viễn chi đối với kẻ bất thiện! Viễn chẳng phải là cố ý giữ khoảng cách. Chẳng phải! Gặp mặt vẫn rất thân thiết, nhưng hết sức khách sáo, lễ tiết gì cũng chu đáo; nhưng quý vị làm gì, tôi không can thiệp, tôi làm gì, quý vị cũng chẳng dính líu tới.

Đấy chẳng phải là đối xử tốt đẹp ư? Mọi người đều vui vẻ ư? Phật Thích Ca Mâu Ni đúng là có trí tuệ, thật sự có trí tuệ.

Nói đến hài hòa, thì làm như vậy mới thật sự đạt được hài hòa. Phải học chẳng phê bình kẻ khác, đừng nên can thiệp vào chuyện của người khác. Chính mình nêu gương tốt cho kẻ khác thấy, điều này rất trọng yếu. Họ nhìn thấy, hiểu, có cảm nhận, tốt lắm! Nhìn nhưng không hiểu, chẳng sao! Họ nhìn lâu ngày sẽ hiểu. Một vài năm mà nhìn không hiểu, thì chắc họ nhìn thấy 10 năm, 20 năm sẽ hiểu, không nhất định! Vì thế, thái độ nhu hòa, chất trực quan trọng lắm! *"Oai nghi hữu tắc"* (Oai nghi theo đúng khuôn khổ) là chính mình phải thực hiện Giới - Định - Tuệ.

Câu hỏi thứ 4 là mọi người đều biết, trong tương lai nhất định sẽ dùng văn tự ghi chép những điều Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói, đã dạy trong một đời để truyền cho hậu thế. Vậy thì đầu kinh văn, câu đầu tiên phải viết như thế nào? Đức Thế Tôn chỉ dạy, dùng *"Như thị ngã văn"*. Đấy là khi đức Phật diệt độ, A Nan hướng về Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi 4 vấn đề. Đây là vấn đề thứ 4 trong 4 vấn đề. *"Nhất thiết kinh thủ, đương trí như thị ngã văn, Phật tại mỗ phương đẳng lục sự"* (Đầu hết thảy các kinh, nên để *"Như thị ngã văn"*, Phật tại chốn mỗ, thời mỗ...", [tức là] 6 thứ thành tựu). Tôi nghe như thế này, đức Phật vào lúc nào, ở địa điểm nào, cùng với người nào, tức là 6 sự đã nói trong phần trước, tức 6 món thành tựu.

"Như thị ngã văn". Ngã này chỉ A Nan. A Nan vừa mở miệng liền bảo mọi người, *"Như thị"* là tôi đã nghe đức Phật răn dạy như thế, tức là khi đức Phật giảng bộ kinh này, tôi

đích thân nghe đức Phật nói. *"Biểu như thị pháp môn nãi ngã A Nan sở văn ư Thích Tôn giả dã. Thử chính khả phá đương thời chi nghi"* (Biểu thị pháp môn như thế ấy do chính A Nan tôi được nghe từ đấng Thích Tôn. Câu này phá được nỗi nghi ngờ của người đương thời). Vì khi kết tập Kinh Tạng, Tôn giả A Nan phức giảng, tức là nhắc lại các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng. Phức giảng là đại sự, Phật pháp mới có thể lưu truyền mười phương ba đời, công đức ấy vô lượng vô biên! Vì thế, Ngài A Nan thăng tòa, không chỉ Phật Thích Ca Mâu Ni gia trì, mà hết thảy chư Phật cũng đều gia trì Ngài. Do lẽ đó, trên đài, hình tướng của Ngài A Nan giống như đã thành Phật, vì thế, mọi người hoài nghi, có phải là A Nan đã thành Phật đó chăng? Hoặc là Phật từ phương khác đến? Như vậy, thứ nhất là nghi Phật, tức Phật Thích Ca Mâu Ni trở lại, quay lại.

Thứ hai là nghi A Nan thành Phật. Thứ ba là nghi Ngài là Phật từ phương khác đến. A Nan vừa nói *"Như thị ngã văn"*, những nghi vấn ấy đều được giải quyết, mọi người đều hiểu trên đài là Tôn giả A Nan. Vì thế, các đồng học thường nghe giảng kinh, có khi quý vị có thể nhận thấy người đang giảng kinh trên giảng đài đều có Phật, Bồ tát gia trì. Không được Phật, Bồ tát gia trì, sẽ không giảng được. Vì thế, giảng trên đài, oai nghi, tướng mạo, thần thái của người ấy khác với lúc ở dưới giảng đài. Quan sát cẩn thận sẽ có thể nhận ra: Quả thật được Tam Bảo gia trì!

Tiếp đó, còn có vấn đề: *"Hoặc nghi viết: Phật thành đạo trấp niên, A Nan phương xuất gia"* (Hoặc nghi: Phật thành đạo 20 năm, A Nan mới xuất gia). Phật thành đạo năm 30 tuổi, A Nan mới sinh ra. Lại phải qua 20 năm sau, A Nan mới xuất gia. A Nan xuất gia năm 20 tuổi, Phật Thích Ca Mâu Ni đã 50 tuổi. Trong khoảng thời gian trước đó, những kinh đức Phật đã giảng, A Nan chưa hề nghe, khi kết tập làm sao Ngài có thể phức giảng được? Chúng ta đọc tiếp lời chú giải:

"Hựu thập niên phương mạng vi thị giả. Như thử, tắc tạp niên tiền Phật sở thuyết kinh, A Nan hà năng giai viết ngã văn" (Lại nữa, 10 năm sau mới được làm thị giả đức Thế Tôn. Như thế thì đối với những kinh do đức Phật trong 30 năm trước đó, làm sao A Nan có thể đều nói là "tôi nghe"). Kết tập Kinh Tạng, phía trước mỗi kinh đều thêm câu *"Như thị ngã văn"*, quả thật có nghi vấn này. Tiếp đó, sách *Chú Giải* có 3 lời giải thích: Thứ nhất là *"triển chuyển"*, thứ hai là *"Phật trùng thuyết"*, thứ ba là *"A Nan tự thông"*, nghĩa là tự mình khai ngộ.

- *"Triển chuyển văn: Báo Ân kinh ngôn, A Nan sở bất văn kinh, tòng chư tỳ-kheo văn, hoặc chư thiên tử thuyết"* (Triển chuyển văn: Kinh *Báo Ân* nói những kinh nào A Nan không được nghe trước đó thì nghe từ các Tỳ-kheo khác, hoặc nghe chư thiên nói). Nghe từ đồng học, từ những vị đồng học đã thân cận đức Thế Tôn từ thuở đầu, những vị đồng học ấy như Ngài Kiều Trần Như đã nói trong phần trước là

vị chứng A La Hán đầu tiên ở Lộc Dã Uyển, có thể nói là hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm, Ngài nghe toàn bộ, chẳng sót buổi nào. Các Ngài có quan hệ thân thích với Phật Thích Ca Mâu Ni và A Nan. Do vậy, đây là người khác nói với Ngài.

- Thứ hai là *"Phật trùng thuyết"*, trong kinh *Báo Ân* có chép: *"A Nan nhân Phật mạng vi thị giả, nãi cầu tam nguyện"* (A Nan tuân lệnh đức Phật làm thị giả, bèn cầu xin được thỏa 3 điều nguyện). A Nan xuất gia, sau khi xuất gia, làm thị giả của Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi ấy, Ngài bèn cầu xin 3 chuyện, trong ấy có một điều như sau: *"Sở vị văn kinh, thỉnh Phật trùng thuyết"* (Những kinh con chưa được nghe, xin Phật nhắc lại). Những kinh đức Phật đã giảng trong 20 năm, Ngài chưa được nghe, xin Phật giảng lại cho Ngài, giảng lần nữa, *"Phật hứa chi"* (đức Phật chấp thuận). Trong kinh có chép một đoạn như vậy.

- Thứ ba là *"A Nan tự thông: Kim Cương Hoa Kinh ngôn, A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại Tam-Muội, sở vị văn kinh, tự năng ức trì"* (A Nan tự thông hiểu: Kinh *Kim Cương Hoa* nói A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại Tam-Muội, những kinh chưa được nghe, có thể tự ghi nhớ).

Quý vị thấy: Khai ngộ đấy! Quý vị thấy ở Trung Quốc, Thiền tông Lục Tổ Huệ Năng Đại sư khai ngộ, chẳng nghe người khác giảng kinh, chỉ có lúc tiếp nhận y bát ở Hoàng

Mai, Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn đêm khuya giảng đại ý kinh *Kim Cương* cho Ngài, chắc chắn là không có kinh sách. Chúng tôi dự đoán thời gian tối đa là 2 tiếng đồng hồ, giảng tới câu: "*Ưng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm"* (Hãy nên chẳng trụ vào đâu để sinh tâm), Ngài hoát nhiên đại ngộ, bèn thông suốt.

Hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói, quý vị đọc cho Ngài nghe, Ngài bèn có thể giảng cho quý vị nghe. Quý vị là người đọc chẳng giác ngộ, Ngài giảng cho quý vị nghe, rất có thể là quý vị sẽ đại triệt đại ngộ. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng chẳng phải là một thí dụ rất rõ rệt đó ư? Vị này là người được Huệ Năng Đại sư độ đầu tiên, đắc độ đầu tiên, Ngài gặp trên đường lánh nạn. Tại thôn Tào Hầu gặp gỡ, vị tỳ-kheo-ni này cả đời thọ trì kinh *Đại Niết Bàn*.

Kinh *Đại Niết Bàn* kích thước cũng rất lớn, có 2 bản dịch, một bản 40 quyển, bản dịch kia gồm 36 quyển, đều là phân lượng khá lớn. Con người xưa kia tốt đẹp, thâm nhập một môn! Như Thiền sư Pháp Đạt học kinh *Pháp Hoa* 10 năm, thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn, Sư đắc Tam-Muội, tâm thanh tịnh, trong tâm chẳng có gì khác, chỉ có một thứ này. Vì thế, Lục Tổ bảo ni sư hãy niệm kinh.

Sau khi niệm xong, Lục Tổ vừa nghe một đoạn đã giảng ý nghĩa của đoạn ấy cho ni sư nghe. Ni sư nghe xong: "Hay quá!", hết sức hoan hỷ, cầm quyển kinh hướng về Huệ Năng Đại sư thỉnh giáo. Huệ Năng Đại sư bảo: "Ta không biết chữ,

ngươi đừng đưa kinh cho ta". Ni sư hỏi: "Chẳng biết chữ thì làm sao Ngài giảng hay như thế?". Tổ dạy: "Chuyện ấy chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không biết chữ".

Chúng ta có thể suy ra: Huệ Năng Đại sư có năng lực ấy, thì A Nan cũng có năng lực ấy. Chỉ cần chuyên, nay chúng ta nói là "chuyên chú", còn Phật pháp gọi là "chuyên nhất". Khi đạt đến Nhất tâm bất loạn sẽ khai, tự được tâm khai, tự nhiên thông suốt. Khi con người đã kiến tính, thứ gì cũng đều thông. A Nan là Đại Bồ tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân, diễn tuồng cho chúng ta xem. Trên sân khấu, Ngài chứng quả Tu Đà Hoàn, trên thực tế, là bậc Đại Bồ tát, chẳng phải là phàm nhân. Ngài minh tâm kiến tính. Vì thế, một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ, chúng ta biết điều này, sau khi quý vị liễu giải sẽ chẳng còn hoài nghi.

Do A Nan kết tập Kinh Tạng, Ngài là người lưu truyền Giáo Hạ của Phật, Ca Diếp là người lưu truyền Tông Môn, truyền Thiền tông. Vì thế, Phật giáo được gọi là *"Tông Môn Giáo Hạ".* Bản thân Phật giáo xưng là Tông Giáo, khác với chữ "tôn giáo" hiện thời, Tông là Tông Môn, Giáo là Giáo Hạ. Tại Trung Quốc có 10 tông, Thiền tông xưng là Tông Môn, 9 tông phái kia đều gọi là Giáo Hạ. Đây là phương thức giáo học khác nhau.

Tông Môn trước tiên bảo quý vị tham cứu, không có sách giáo khoa. Ngộ rồi sẽ bắt đầu tu, tức là sau khi đại triệt đại

ngộ, mới cho phép quý vị xem kinh. Trước khi khai ngộ, chẳng được phép xem kinh.

Đây là pháp môn dành cho nhân vật thiên tài đặc biệt, chẳng dành cho người tầm thường. Vì thế, lúc tôi vừa tiếp xúc Phật pháp, 3 vị thầy đều cảnh cáo tôi. 3 vị thầy đều cảnh cáo tôi một chuyện, bảo tôi ngàn vạn phần đừng mon men Thiền tông. Đó là pháp môn dành cho kẻ thượng thượng căn, là nhân vật thiên tài trong Phật môn. Nếu anh muốn học pháp môn ấy, đó là "một bước lên trời". Nếu một bước không lên trời được, rớt xuống sẽ tan thân nát xương, xong luôn! Vì thế, tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy tôi Pháp Tướng Duy thức. Ngài chỉ điểm cho tôi con đường ấy. Sau khi học Phật, tôi thân cận Chương Gia Đại sư, tôi theo Phương tiên sinh đại khái nửa năm, theo Chương Gia Đại sư 3 năm, Chương Gia Đại sư đặt vững cơ sở cho tôi.

Chương Gia Đại sư dạy tôi "*Thấy thấu suốt, buông xuống*". Đây là pháp môn tổng quát, tổng nguyên tắc, tổng cương lãnh. Bất luận tu pháp môn nào cũng đều phải thực hiện từ nơi đây! Ngài dạy tôi học Phật Thích Ca Mâu Ni. Tác phẩm Ngài dạy tôi đọc đầu tiên là *Thích Ca Phổ* và *Thích Ca Phương Chí*: "Anh nhận biết Phật Thích Ca Mâu Ni, khéo học tập theo Ngài, sẽ chẳng đến nỗi đi sai đường". Chúng tôi mới liễu giải sau khi khai ngộ vào năm 30 tuổi, Phật Thích Ca Mâu Ni liền tiến hành dạy học, dạy suốt 49 năm. Vì thế, Phật pháp chẳng phải là tôn giáo.

Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, đệ tử Phật môn chúng ta có tội lỗi. Thầy chúng ta là một đại giáo dục gia, là đại thánh đại hiền, cớ sao lại khiến cho Ngài dính mắc vào tôn giáo, tôn giáo là mê tín? Chúng ta hiểu rõ ràng, bất luận nơi nào, chúng ta đều phải bảo cho mọi người biết: "Phật pháp chẳng phải là tôn giáo". Lời này chẳng phải do tôi nói đầu tiên, mà do Âu Dương Đại sư (Âu Dương Cánh Vô) nói trước tiên. Hình như vào năm Dân Quốc 12 (1933), tôi còn chưa sinh ra.

Ông ta ở Đại học Đệ Tứ Trung Sơn, nay là Đại học Sư phạm Nam Kinh, đã có lần giảng diễn rất nổi tiếng với đề mục *"Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, chẳng phải là triết học, mà là nhu cầu thiết yếu trong hiện thời"*, giảng về đề tài như thế. Phật giáo là gì? Phật giáo là giáo dục của đức Phật, là giáo dục của Phật Thích Ca Mâu Ni, rất rõ ràng. Chúng ta học Phật là tiếp nhận sự giáo dục của Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài giáo dục là dạy gì? Dùng một câu nói trong kinh điển để nói thì sẽ là *"chư pháp thật tướng".*

Câu này giải thích ra sẽ là: Thật tướng của nhân sinh và vũ trụ, Ngài dạy chúng ta điều này. Nói cụ thể cùng quý vị, nói theo cách người hiện thời, nội dung lời Ngài nói là gì? Nói cụ thể sẽ không ngoài 5 hạng mục lớn. 5 hạng mục ấy là luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, và khoa học. 5 hạng mục đều giảng đến mức viên mãn rốt ráo, quá sức quý báu! Người đời sau gọi giáo học của lão nhân gia và các sách vở,

tức là những tài liệu dạy học thuở ấy là Pháp Bảo, có lý lắm! Vì thế, bản thân chúng ta phải khéo học, phải nghiêm túc học, phải uốn nắn những ngộ nhận của xã hội, đó là trách nhiệm và sứ mạng của chúng ta. Thầy Phương cả đời nỗ lực làm chuyện này, rất đáng tiếc là cụ mất quá sớm, 79 tuổi đã ra đi. Khi ấy tôi nghĩ, nếu thầy sống thêm ít năm nữa, hiệu quả sẽ vô cùng rõ rệt, có thể khiến cho đại chúng trong xã hội suy nghĩ lại, xác định đúng vị trí của Phật pháp. Phật pháp thật sự chẳng phải là tôn giáo.

Tiếp đó, cụ Hoàng lại giải thích cặn kẽ *"Như thị"*. *"Như thị"* là Tín thành tựu. *"Cư lục chủng thành tựu trung chi thủ vị"* (Đứng đầu trong 6 món thành tựu). Đây là điều đầu tiên phải tin tưởng. Quý vị tiếp nhận giáo dục, chẳng có lòng tin đối với thầy, chẳng có lòng tin đối với môn quý vị đang học, sẽ chẳng thể nào học thành công được! Vì thế, đầu tiên, phải tin tưởng thầy, thứ hai là tin tưởng vào môn học, thì quý vị mới thật sự học được điều gì đó. Nếu tâm quý vị chẳng mười phần cung kính thầy, sẽ chẳng đạt được mười phần lợi ích.

Trong *Văn Sao*, Ấn Quang Đại sư đã giảng rất nhiều lần: *"Một phần thành kính được một phần lợi ích. Hai phần thành kính được hai phần lợi ích. Mười phần thành kính được mười phần lợi ích".* Thành kính đối với ai? Thành kính đối với thầy, tin tưởng môn học, có lòng thành tín, quý vị mới thật sự học được. Cùng một môn học, cùng một vị thầy, vì sao hiệu quả

học tập của mỗi trò khác nhau? Chẳng có chi khác, do lòng tin khác nhau! Đạo lý ở chỗ ấy! Thầy xét coi học trò nào có thể dạy được, học trò nào chẳng có cách dạy! Vì sao thầy biết? Thầy chẳng có thần thông, thầy chỉ coi trò có tâm tôn kính hay không? Thầy cũng trọn chẳng đòi hỏi quý vị tôn kính thầy như thế nào, chẳng phải vậy, mà là thầy xem quý vị có thể tiếp nhận được bao nhiêu?

Do tôi được cha dạy tôn sư trọng đạo từ nhỏ; thuở ấy, khoảng chừng năm Dân Quốc hai mươi mấy, tôi nhớ hình như tôi 5-6 tuổi, hoặc 6-7 tuổi, vào trường tư thục, nay gọi là trường học dành cho con em trong gia đình. Thầy dạy là họ hàng, ở trong nhà cô tôi, thuở ấy là đại gia tộc. Do tôi vẫn còn tiếp xúc với đại gia đình, nên có ấn tượng. Thôn trang ấy có phạm vi rất lớn. Ước chừng tới 200 người, là một gia tộc, chẳng tách ra thành từng nhà riêng biệt. 10 người anh em của cha tôi chẳng tách riêng.

Vì vậy, cả nhà từ trên xuống dưới có khoảng chừng 200 người, là gia tộc rất lớn. Họ có một từ đường. Từ đường trừ Xuân Thu tế lễ ra, chẳng dùng để làm gì. Vì thế, trường tư thục mở ngay trong từ đường. Tư thục là trường học cho con em trong gia tộc. Trẻ nhỏ trong gia tộc đều đến học tại đó. Tôi nhớ các bạn học dường như không nhiều lắm, phải là từ 30 đến 50 người, không nhiều lắm! Lớn tuổi thì đại khái có 17-18, nhỏ tuổi thì giống như chúng tôi, rất bé, 6-7 tuổi. Cùng dạy trong một phòng học, một vị thầy.

Ngày nhập học, cha dẫn tôi đi, mang theo lễ vật, biếu *"thúc tu"*[10] cho thầy, cho nên mang theo lễ vật dâng lên thầy. Vào trường học, tức là đại điện (gian chính của từ đường), đại điện là nơi tế tổ được đổi thành lễ đường. Chính giữa điện, đặt một bài vị, chữ trên bài vị tôi đều đọc được, vì khi đó, cha đã dạy cho tôi biết mặt chữ tại nhà, đại khái có thể nhận biết tới 500 chữ. Vì thế, mấy chữ trên bài vị tôi đều đọc được: *"Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Phu Tử Thần Vị".* Tôi nhận biết bài vị ấy, bài vị rất lớn. Thầy ngồi bên cạnh, hai bên là học trò, bạn học đứng hai bên.

Cha tôi dẫn tôi, cha ở trước, tôi ở đằng sau, hướng về Khổng lão phu tử hành lễ tối kính, tức là 3 lần lạy, 9 lần dập đầu. Sau khi lạy xong, cha tôi mời thầy ngồi trên ghế. Thầy ngồi phía dưới bài vị Khổng Tử. Cha con cùng hướng về thầy 3 lần quỳ, 9 lần dập đầu. Chúng tôi biết tôn sư trọng đạo từ chỗ này. Quý vị thấy cha tôi đối đãi thầy, 3 lần quỳ, 9 lần dập đầu trịnh trọng như thế, chúng tôi còn dám nói gì nữa hay không? Thầy và bậc trưởng thượng trong nhà biểu diễn cho quý vị xem, dạy quý vị biết tôn sư trọng đạo như thế nào. Tôi học từ chỗ ấy, nên cả đời luôn rất tôn kính thầy.

---

[10] Thúc tu (束脩) theo nghĩa gốc là 10 miếng thịt khô bó lại, là một lễ vật thông dụng thời cổ. Chương *Thuật Nhi* trong sách *Luận Ngữ* có ghi: *"Tử viết: Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối"* (Khổng Tử nói: Từ lúc tiếp nhận thịt khô làm lễ vật đến giờ, ta chưa bao giờ hối hận). Ý nói: Từ khi khởi sự dạy học đến nay, ta chưa bao giờ hối hận. Về sau, chữ *"thúc tu"* dùng theo nghĩa rộng để chỉ lễ vật hay một món tiền do phụ huynh biếu cho thầy dạy, xin cho con nhập học. Chữ này còn được mở rộng ra để chỉ lương bổng của thầy giáo, hoặc thời điểm bắt đầu làm quan như truyện *Diên Đốc* trong *Hậu Hán Thư* có câu: *"Thả ngô tự thúc tu dĩ lai, vi nhân thần bất hãm ư bất trung, vi nhân tử bất hãm ư bất hiếu"* (Từ khi ta làm quan đến giờ, làm bề tôi người khác chẳng đến nỗi bất trung, làm con người khác chẳng đến nỗi bất hiếu). Thậm chí, mở rộng ra thành sự ước thúc, tu dưỡng chính mình, giữ trọn lòng nghiêm túc, cung kính.

Sau này, quý vị thấy tôi học Phật tại Đài Loan, tôi chiếm được một chút tiện nghi đối với 3 vị thầy. Tôi chẳng có mảy may quan hệ gì với thầy, nhưng sau khi thân cận thầy, thầy đặc biệt quan tâm, đặc biệt chăm chút tôi. Tôi thân cận thầy Phương, chỉ cầu thầy đồng ý cho tôi đến dự thính tại trường, thì duyên ấy đã vô cùng hy hữu. Nào ngờ, thầy cho phép tôi mỗi tuần đến nhà thầy, dạy tôi 2 tiếng, chỉ có mình tôi là học trò. Thuở ấy, tôi được sủng ái mà đâm ra sợ, cảm kích năm vóc sát đất. Lúc đó, đời sống tôi rất nghèo khó, một đồng biếu thầy cũng không có, thầy tình nguyện dạy miễn phí cho tôi. Do nguyên nhân nào? Mười mấy năm sau, chúng tôi mới nghĩ ra, đối với thầy, tâm tôi có một phần cung kính.

Tôi và thầy chẳng quen biết, tôi viết một lá thư gởi đến Ngài. Thư viết bằng bút lông, dùng lối chữ Công Khải[11], đúng quy củ viết một bức thư, gởi một bài văn cho thầy xem; bài văn ấy viết bằng lối chữ Tiểu Khải[12], hết sức cung kính. Đại khái là trong trường học, người có tâm cung kính đối với thầy như thế rất ít. Vì thế, lần đầu tiên gặp mặt, thầy gọi tôi đến nói chuyện, hiểu rõ tình hình cuộc sống của tôi, hiểu

[11] Công Khải tức là loại chữ Khải (một trong bốn cách viết chữ Hán), chữ viết đầy đủ nét, rõ ràng, ngay ngắn, không viết tắt, dễ đọc, nên còn gọi là Chân Thư, Chính Thư. Khải có nghĩa là khuôn mẫu, mực thước.

[12] Tiểu Khải tức là lối chữ Khải viết chữ nhỏ. Thể loại này do Chung Diêu sáng chế vào đời Ngụy (thời Tam Quốc). Lối viết này thường được sử dụng thể hiện sự trang trọng, mực thước, không quá nhỏ, không quá lớn, gây cảm giác hài hòa, đẹp đẽ. Thường được mô tả là *"nét chữ trông như chim hồng bay lượn trên mặt biển"*. Khoảng cách giữa các dòng chữ phải cân đối, nét bút chặt chẽ, bay bướm, nhưng mực thước. Cỡ chữ phải đều nhau, rất khó viết, nên mỗi khi tỏ ý tôn kính ai, thường viết bằng chữ Tiểu Khải. Thuở ấy, người ta đã bắt đầu viết chữ Hán bằng bút chì, bút máy, hoặc bút nguyên tử (bút Bic), hầu như không ai sử dụng bút lông để viết nữa, nên lão pháp sư trịnh trọng dùng bút lông, viết thư theo lối chữ cổ để tỏ lòng cung kính, chân thành.

rõ chí thú của tôi: Tôi ưa thích triết học, nhưng chưa hề học qua, chưa hề thân cận một vị thầy triết học nào, cũng chưa từng đọc những sách triết học nào, là một tờ giấy trắng. Đó là gì? Thầy thích nhất, chưa từng bị ô nhiễm. Vì thế, thầy chẳng cho tôi đến trường nghe kinh, sợ bị ô nhiễm. Đến trường nghe kinh, nhất định quen biết rất nhiều thầy và bạn học, sẽ bị ô nhiễm, thầy ngăn ngừa ô nhiễm!

Đấy là sư thừa Trung Quốc thời cổ, nghe lời dạy của một vị thầy mà thôi! Một vị thầy chỉ dạy quý vị, quý vị sẽ đi theo một con đường, có thể đạt thành tựu. 2 vị thầy là 2 loại tư tưởng, 2 phương hướng, có 2 con đường! 3 vị thầy là ngã 3 đường, 4 vị thầy là ngã tư, xong luôn! Vì thế, trường học hiện thời phiền phức lắm. Quý vị thấy mỗi ngày có bao nhiêu lớp, mấy vị thầy dạy quý vị, dạy đến nỗi quý vị hồ đồ! Nguyên nhân vì sao Giáo sư David McMullen từ Cambridge đến kiếm tôi mà tôi không đi là ở chỗ này. Vì thế, phương pháp dạy học truyền thống của Trung Quốc thật là hay, đời nào cũng xuất hiện thánh hiền. Hiện nay chẳng có, vì ngay cả trẻ nhỏ cũng bị dạy đến mức rối tung, đầu óc bị dạy đến nỗi mê muội, hồ đồ.

Vì thế, Trung Quốc từ xưa tới nay, cổ thánh tiên hiền dạy dỗ, nguyên tắc chỉ đạo giáo dục tối cao là: *"Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên"* (Đường lối giảng dạy, quý ở chỗ chuyên tâm). Do vậy, 3 vị thầy đối với tôi đều là chuyên, chẳng thể học tạp, học loạn mảy may nào, chắc chắn là chẳng thể! Tôi theo thầy

Lý 10 năm, những môn học được chỉ là đôi chút. Đó là gì? Vun bồi căn bản giáo dục.

Tuy Ngài chẳng giảng giới luật, vì Ngài là tại gia cư sĩ, nhưng Ngài bảo tôi đọc *Ngũ Chủng Di Quy*, dùng *Ngũ Chủng Di Quy* thay thế giới luật. Học giảng kinh, Ngài có mở lớp học, đối với hơn 20 bạn học thuộc lớp ấy. *Ngũ Chủng Di Quy* là một giáo trình các học trò học giảng kinh bắt buộc phải học. Hiện thời, hết sức khó khăn! Nếu muốn tìm được cơ duyên ấy thì thầy tìm trò, trò tìm thầy đều chẳng dễ dàng. Cổ nhân bảo: *"Khả ngộ, bất khả cầu"* (Chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu)!

Tiếp đó, sách viết: *"Trí Độ Luận viết: Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập"* (*Trí Độ Luận* nói: "Biển cả Phật pháp, do lòng tin có thể vào"). Phật pháp quả thật là đại hải. *"Hải"* là Tính hải. Giáo học Phật pháp nhằm trở về tự tính, trở về tự tính, quý vị sẽ đắc đại viên mãn. Không có cách nào hình dung sự đại viên mãn này. Nói đơn giản là như trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã nói trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, không có gì chẳng viên mãn. Sự viên mãn ấy chẳng do quý vị học được, mà vốn sẵn có trong tự tính, chỉ cần kiến tính sẽ thảy đều chứng đắc.

Do vậy, người kiến tính được gọi là Phật. Phật Phật đạo đồng. Phật Phật trí tuệ giống nhau, đức năng giống nhau, tướng hảo giống nhau, không có gì khác nhau. Tuyệt đối

chẳng thể nói vị Phật này biết nhiều hơn vị Phật kia một chút, không hề có, các vị Phật đều viên mãn. Chứng đắc của hết thảy chư Phật chẳng tăng, chẳng giảm. Thật ra, hết thảy chúng sinh chúng ta và Phật chẳng khác gì nhau, chỉ là mê mất tự tính mà thôi. Ngày nào chúng ta buông mê hoặc, điên đảo xuống, quý vị sẽ thành Phật.

Quý vị và chư Phật Như Lai chẳng sai biệt, pháp thế gian thông suốt toàn bộ, pháp xuất thế gian cũng thông suốt. Vì sao? Hết thảy các pháp chẳng lìa tự tính. Hết thảy các pháp đều là do tự tính sinh và hiện, ngay cả những gì do A Lại Da biến ra, hết thảy đều hiểu rõ. Làm thế nào để có thể cầu được? *"Quý dĩ chuyên"*, hễ chuyên bèn có thể cầu được, còn tạp sẽ chẳng có cách nào! Phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống.

Trong kinh Đại thừa thường nói điều này, quý vị thấy: Buông chấp trước xuống, quý vị sẽ chứng quả A La Hán, thành Chính Giác. Nếu buông phân biệt xuống, quý vị sẽ là Bồ tát, thành Chính Đẳng Chính Giác. Nếu chẳng khởi tâm bất động niệm, quý vị sẽ chứng đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, là Phật. Minh tâm kiến tính, đúng như Huệ Năng Đại sư đã nói, chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không biết chữ, học hay chẳng học, mà liên quan đến buông xuống hay không! Dẫu quý vị học cho nhiều, nhưng không buông xuống được, quý vị sẽ là học giả trong thế gian, chẳng thể nào sánh bằng bậc Tu Đà Hoàn trong Phật giáo, mà cũng

chẳng được thụ dụng như bậc Tu Đà Hoàn. Tu Đà Hoàn có trí tuệ, quý vị có tri thức, nhưng không có trí tuệ. Nhất định phải hiểu rõ ràng điều này.

"Hựu Hoa Nghiêm Kinh thuyết, tín vi thủ. Như nhân hữu thủ, chí trân bảo xứ, tùy ý thái thủ. Nhược nhân vô thủ, không vô sở hoạch. Khả kiến, tín giả nãi nhập pháp chi sơ môn, xả thử mạc do" (Kinh *Hoa Nghiêm* lại dạy: "Tín làm tay, như người có tay đến chốn trân bảo, tùy ý nhặt lấy. Người nếu không tay, không được thứ gì". Rõ ràng, Tín là cửa đầu tiên để nhập pháp, bỏ Tín thì không cách nào nhập được). Tín rất trọng yếu! Vì thế, đại kinh là *Hoa Nghiêm*, đại luận là *Đại Trí Độ Luận*, đều nói: *"Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu"* (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức), ý nói: Cội nguồn của đạo là Tín, hết thảy các công đức đều sinh từ tín tâm. Không tin, quý vị chẳng có công đức, có thể tu phúc đức, nhưng chẳng có cách nào tu công đức.

Công đức nhất định phải phát xuất từ tín tâm, chúng ta chớ nên không biết điều này. Chúng ta học Phật, có đạt thành tựu trong Phật pháp hay không? Nói thật ra, quý vị hãy chú tâm quan sát, quý vị có tin Phật hay không? Có tin pháp hay không? Có tin thiện tri thức hay không? Nếu đối với 3 điều ấy mà lòng tin chẳng đủ, trong Phật môn, quý vị chỉ có thể tu được phúc báo, phúc đức, chẳng có công đức; nhưng phúc đức chẳng thể giải quyết vấn đề! Phúc đức có thể giải quyết cuộc sống trước mắt: Có phúc báo, có thể đạt

được tiếng tăm, lợi dưỡng, nhưng chẳng có mảy may dính dáng đến liễu sinh tử, thoát luân hồi, vãng sinh thành Phật. Phải biết điều này! Nhưng chuyện này đối với những người truy cầu tri thức mà nói, thì cũng là chuyện rất bình thường. Họ nói sao? Đó là mê tín, chẳng hợp khoa học. Họ chịu thua thiệt rất lớn.

May sao, trong hiện tại, lượng tử lực học xuất hiện. Đây là ngành khoa học mới xuất hiện, tôi tin trong ít năm nữa, nó sẽ phổ biến. Từ những phát hiện của lượng tử lực học, những nguyên lý và nguyên tắc do đức Phật đã giảng đều được chứng thực. Trước hết, họ chứng minh một chuyện: Vũ trụ xuất hiện trong sát-na, từ Không mà sinh Có. Cách nói này hết sức gần với Phật pháp. Trên thực tế, chẳng phải là từ Không sinh ra Có, mà là một niệm bất giác, tự tính biến hiện một A Lại Da. A Lại Da là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa). Từ A Lại Da xuất hiện vũ trụ vạn vật, sinh mạng, kể cả bản thân chúng ta. Điều này rất gần gũi. Vì thế, những điều này có lợi. Có thể thấy: Tín là sơ môn để nhập pháp. Bỏ lìa lòng tin sẽ không có cách nào nhập đạo.

"Hựu vi nhiếp pháp chi thượng thủ, cố vân: Tài nhập tín môn, tiện đăng tổ vị" (Tín lại là điều quan trọng nhất để gồm thâu các pháp (lãnh hội các pháp), nên có câu: "Vừa vào cửa Tín, liền lên địa vị Tổ"). Đây là nói đến chân tín. Vì sao Huệ Năng Đại sư nghe Ngũ Tổ nói mấy câu bèn khai ngộ? Chẳng có gì khác, lòng thành tín đã đạt tới viên mãn, cho nên vừa

được chỉ điểm bèn thông suốt. Vì sao nay chúng ta chẳng thể? Trong tín tâm của chúng ta xen tạp hoài nghi, chẳng phải hoàn toàn là thành tín, mức độ tin tưởng chẳng đủ! Trong đây có đại học vấn! Tín tâm viên mãn dẫn đến thành tựu viên mãn. Tín tâm cũng chẳng dễ dàng sinh khởi! Đặc biệt là đối với khoa học hiện thời.

Các nhà khoa học theo đuổi hoài nghi, hoàn toàn trái nghịch với đường lối nhập đạo của nhà Phật. Trong Phật pháp, mảy may hoài nghi cũng chẳng thể có. Quý vị có một phần hoài nghi, sẽ có một phần chướng ngại. Có mười phần hoài nghi, sẽ có mười phần chướng ngại. Chúng ta chia tín tâm thành 100 phần, tín tâm viên mãn 100 phần, sẽ lập tức có thể thành Phật. Ở đây nói là: *"Tài nhập Tín môn, tiện đăng tổ vị"*, Huệ Năng Đại sư là một ví dụ! Tín tâm 100 phần, có 10 phần tin tưởng là đã khá lắm, cũng rất khó có! Tôi theo mấy vị thầy, tôi nghĩ khi ấy thầy thấy tôi tín tâm bất quá được 10 phần mà thôi; 100 phần chỉ được 10 phần.

Nếu tôi là 100%, tôi sẽ giống như Huệ Năng Đại sư, thành Phật, thật sự chẳng sai tí nào! Chúng ta phải nâng cao bản thân như thế nào, phải làm cho lòng tin sâu đậm hơn như thế nào? Tín tâm liên quan đến đọc tụng Đại thừa. Nay, quý vị nghe một bộ kinh này, có thể thật sự nghe bộ kinh này đến 3.000 lượt, tín tâm của quý vị tối thiểu có thể đạt tới vài ba chục phần trăm, sẽ có năng lực lãnh ngộ kha khá, Giới - Định - Tuệ sẽ dần dần hình thành.

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 83

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

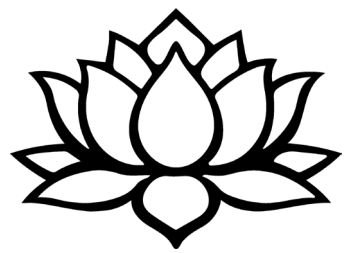

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 92, dòng thứ 3.

"Hựu Như thị giả, chỉ sở văn chi pháp thể, tức Thật tướng chi Lý thể. Thật tướng diệu lý, cổ kim bất biến, cố viết Như. Như Lý nhi thuyết, cố viết Thị" (Lại nữa, Như thị chỉ pháp thể của điều được nghe, tức là Lý thể của Thật tướng. Diệu lý Thật tướng xưa nay chẳng thay đổi, nên gọi là Như. Đúng như Lý mà nói nên gọi là Thị). Chúng ta xem đoạn này trước. Vừa mới mở kinh ra, câu đầu tiên là *"Như thị ngã văn"*.

2 từ "Như thị" là Tín thành tựu, trong phần trước chúng ta đã đọc về Tín thành tựu. Những ý nghĩa được bao hàm trong 2 từ "Như thị" nói về pháp thể của cái được nghe (sở văn), cũng có nghĩa là nói những đạo lý do đức Phật đã nói trong khi giảng kinh và giáo học đã căn cứ vào đâu? Nhất định phải biết điều này.

Ngài căn cứ trên những gì, Ngài nói những điều gì đều được hoàn toàn bao quát trong 2 từ này. Pháp thể là bản thể của pháp do đức Phật nói và pháp chúng ta được nghe. Lý thể là gì? Là Lý thể của Thật tướng. Nói theo cách bây giờ, Thật tướng là chân tướng. Nói cách khác, những điều đức Phật đã giảng, những điều chúng ta nghe từ nơi đức Phật đều giảng về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Chư vị hãy suy nghĩ: Vấn đề này rất trọng yếu, các triết gia và khoa học

gia xưa nay, trong ngoài nước đều nghiên cứu vấn đề này, chân tướng của vũ trụ rốt cuộc là gì? Vì sao có vũ trụ? Vì sao có vạn vật? Nếu nói sát sao hơn một chút, ta do đâu mà có? Vì sao có ta? Những chân tướng sự thật ấy do đức Phật nói ra, chúng ta cũng do học từ đức Phật mà biết.

Lúc tôi mới học Phật, chẳng biết Phật pháp rốt ráo là gì, nghe người trong xã hội nói sao, thì cũng hùa theo thế ấy. Người ta nói như thế nào? Người ta bảo Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, chúng tôi cũng thật sự tin tưởng Phật giáo là tôn giáo, mê tín. Vì thế, trong một thời gian rất dài, chúng tôi chẳng có ý muốn tiếp xúc Phật giáo. Du sơn ngoạn thủy chẳng thể nào không thấy chùa miếu, vào trong ấy ngắm nghía, cũng chẳng có ai giới thiệu Phật giáo với chúng tôi. Thấy trong chùa thờ rất nhiều tượng thần; vì thế, đã tạo cho chúng tôi một quan niệm sai lạc: Phật giáo là tôn giáo, là đa thần giáo, là phiếm thần giáo! Trong Tôn giáo học, đa thần giáo và phiếm thần giáo là tôn giáo cấp thấp; tôn giáo cao cấp chỉ có một vị chân thần. Điều ấy tạo thành sai lầm nghiêm trọng đối với những kẻ bình phàm chẳng thông hiểu Phật pháp. Nếu cả đời này, tôi chẳng gặp thầy Phương Đông Mỹ, sẽ chẳng thể tiến nhập Phật môn.

Tôi theo học Triết học với thầy Phương. Thầy chỉ bảo tôi, giảng cho tôi nghe một bộ *Triết Học Khái Yếu*, phần cuối cùng là triết học trong kinh Phật. Thầy bảo tôi: *"Phật Thích Ca Mâu Ni là một triết gia vĩ đại nhất thế giới. Kinh Phật là đỉnh*

cao nhất trong triết học toàn thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời". Chúng tôi học Phật 59 năm, phát hiện triết học trong kinh Phật không chỉ là triết học, mà còn là khoa học, và cũng là đỉnh cao nhất trong khoa học toàn thế giới. Học Phật không chỉ là hưởng thụ tối cao, mà còn là phúc báo tối cao trong cuộc đời! Người có phúc mới có thể tiếp xúc Phật pháp, chẳng được tiếp xúc là thiếu phúc! Phật giáo chẳng phải là tôn giáo. Tôi mới hiểu rõ ràng, minh bạch, tiếp nhận sự giáo dục của Phật Đà là phúc báo lớn bậc nhất trong đời người. Đức Phật giảng về chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thật tướng của các pháp.

"Thật tướng diệu lý, cổ kim bất biến, cố viết Như" (Diệu lý thật tướng xưa nay chẳng thay đổi nên gọi là Như). Đấy là một hạng mục nghiên cứu chủ yếu trong triết học và khoa học, mãi cho đến hiện tại, có thể nói là khoa học hiện đại và kinh Phật đã trở nên rất gần gũi. Khoa học lượng tử nghiên cứu về thế giới vi mô. Khoa học phát triển theo 2 phương hướng:

- Một là thế giới vĩ mô (macrocosm), tức vũ trụ. Những điều được giảng trong phẩm *Thế Giới Hoa Tạng* và *Thế Giới Thành Tựu* của kinh *Hoa Nghiêm* chính là thế giới vĩ mô.

- Hai là thế giới vi mô (microcosm), chính là 3 tế tướng của A Lại Da như đức Phật đã giảng, nói đến khởi nguyên của vũ trụ.

Trong hiện thời, lượng tử lực học rất tuyệt vời, cũng nói đến A Lại Da khiến cho chúng tôi thật sự bội phục năm vóc sát đất. Nói tới chân tướng vũ trụ, thì khởi nguyên của vật chất cũng là khởi nguyên của vũ trụ. Vũ trụ do vật chất hợp thành. Vật chất do đâu mà có? Các nhà lượng tử lực học bảo chúng ta: "Vật chất là từ Không sinh ra Có". Trong Không vì sao có thể sinh ra Có? Họ không thể nói được, chỉ phát hiện những thứ từ trong Không sinh ra Có; lại còn xuất hiện với tốc độ vô cùng nhanh trong thời gian tột bực ngắn ngủi, tạm bợ, gần như vừa hiện ra bèn lập tức tiêu diệt, hiện tượng thứ hai lại xuất hiện.

Do vậy, rốt cuộc vật chất là gì? Vật chất là một thứ hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm (trong lượng tử lực học nói tới "thông tin", đó cũng là ý niệm); nói nghiêm ngặt, vật chất chẳng tồn tại! Trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật thường bảo: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Tướng ấy là hiện tượng vật chất, mà cũng bao gồm cả hiện tượng tinh thần, đều là hư vọng. Kinh *Kim Cương* dạy: *"Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng"*, có hay không? Chẳng thể nói chúng không có, mà cũng chẳng thể nói là chúng thật sự có. Vì sao?

Hiện tượng ấy ở ngay trước mặt, *"đương thể tức không, liễu bất khả đắc"* (bản thể chính là Không, trọn chẳng thể được). Chân tướng đấy! Hiện tượng này rất khó hiểu, chẳng ngờ hiện thời lượng tử học đã phát hiện! Các nhà lượng tử

lực học bảo chúng ta: Trong vũ trụ chỉ có 3 thứ, trừ 3 thứ ấy ra, quả thật thứ gì cũng đều không có. 3 thứ do họ phát hiện chính là 3 tế tướng của A Lại Da; họ nói trong vũ trụ có năng lượng, vật chất, và thông tin. Thông tin là hiện tượng tinh thần. Đây là một môn khoa học mới nổi lên[13], tôi tin tưởng dăm ba năm nữa, mọi người trên cả thế giới sẽ thừa nhận, khẳng định học thuyết này. Đây là một phát hiện chưa lâu!

Họ nói tới *Năng lượng*, trên thực tế năng lượng là Nghiệp tướng của A Lại Da trong Phật pháp. Nghiệp tướng là hiện tượng dao động hết sức vi tế, chúng ta không có cách nào cảm nhận hiện tượng dao động ấy, vì nó vô cùng vi tế. Theo kinh Phật, ai mới có thể phát hiện, có thể thấy hiện tượng ấy? Kinh dạy chúng ta: Bát Địa Bồ tát; quý vị nghĩ xem, công phu định lực ấy sâu lắm.

Nếu chúng ta suy tính, dựa theo kinh *Hoa Nghiêm* để nói, luận theo thứ tự công phu định lực, thì trong các địa vị thuộc hàng Thập Tín Bồ tát, địa vị Sơ Tín mới tu thành tiểu định. Những đẳng cấp trong Phật pháp là nói theo trình độ công phu định lực sâu hay cạn, chứ không phải nói về điều gì khác, quý vị không có định sẽ chẳng được. Nếu muốn đắc định, quý vị nhất định phải trì giới, *"do Giới đắc Định, do*

[13] Lượng tử lực học (Quantum mechanism) có thể coi như bắt nguồn từ sự phát hiện ra tia bức xạ từ âm cực (cathode ray) của Michael Faraday vào năm 1838 và sự phát hiện bức xạ của thể đen (black body radiation) vào năm 1859 bởi Gustav Kirchoff. Nhưng cơ sở lý thuyết chỉ hình thành cụ thể và thu hút sự chú ý mạnh mẽ của giới khoa học kể từ khi Max Planck đưa ra thuyết lượng tử vào đầu thế kỷ 20 và Albert Einstein đã vận dụng giả thiết của Max Planck để giải thích hiện tượng quang điện. Lý thuyết Lượng tử tiếp tục được hoàn thiện bởi Niels Bohr, W. Heisenberg, Max Born, John Von Neuman, Paul Dirac...

Định khai Tuệ”. Khai tuệ là gì? Trong định, quý vị sẽ thấy. Địa vị Thập Tín là mười đẳng cấp đầu tiên, công phu định lực từ bậc thứ nhất, thứ hai cho đến thứ mười.

Trong kinh, đức Phật thường nói Tứ thiền Bát định, đó là 8 cấp bậc. 8 cấp bậc ấy là thiền định thế gian. Chưa thoát khỏi lục đạo nên gọi là thiền định thế gian. Đến môn định thứ 9 mới gọi là xuất thế gian. Địa vị thứ 9, thứ 10 trong Thập Tín là xuất thế gian. Đó là các địa vị thuộc Thập Tín như trong kinh *Hoa Nghiêm* đã nói, nhưng địa vị thứ 10 vẫn chưa ra khỏi mười pháp giới. Đến tầng bậc 11 (Sơ Trụ) mới vượt thoát mười pháp giới.

Sau khi vượt thoát mười pháp giới, còn có 41 đẳng cấp. Quý vị thấy các đẳng cấp ấy là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa. Bát Địa trong Thập Địa, tức Bát Địa Bồ tát mới thấy được A Lại Da. Quý vị nghĩ xem: Công phu định lực ấy sâu lắm! A La Hán và hàng Bồ tát thông thường vẫn chưa thấy được, từ Bát Địa trở lên mới thấy. Nói cách khác, có thể thấy được nguyên khởi và đầu mối của vũ trụ là Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa (Đẳng Giác), và Diệu Giác, 5 địa vị tối cao. Công phu định lực ấy từ sơ cấp mãi cho đến địa vị tối cao, thành Phật, là 52 đẳng cấp. 5 đẳng cấp cao nhất mới có thể thấy A Lại Da, những cấp thấp hơn đều chẳng thấy. Công phu định lực vi tế rất sâu như vậy, cho nên họ có thể cảm nhận những dao động cực kỳ vi tế.

Vì thế, Diệu lý thật tướng do đức Phật đã giảng là do chính Ngài đích thân thấy. Các nhà khoa học dùng toán học. Toán học là mẹ của khoa học, họ tìm được căn cứ lý luận từ toán học, sau đấy lại dùng phương pháp khoa học để chứng minh, đắc lực nhờ dùng các dụng cụ khoa học để quan sát, chứng minh, có thể phát hiện A Lại Da, chẳng đơn giản! Trong kinh Đại thừa, đức Phật đã từng giảng chuyện này, thức thứ 6, tức Ý thức, nay chúng ta gọi nó là "tư tưởng". Thức thứ 6 tức Ý thức là phân biệt; năng lực của tư tưởng quá lớn, đối với bên ngoài, nó có thể tưởng toàn thể vũ trụ, tức là thế giới vĩ mô, đối với bên trong, nó có thể duyên tới A Lại Da, đấy là nói về thế giới vi mô. Dùng thức thứ 6 tức Ý thức, nó có tác dụng lớn như thế. Sử dụng thức thứ 6 (Ý thức), có thể duyên tới A Lại Da. Quý vị hãy nghĩ xem, cho đến hiện thời, khoa học mới phát hiện A Lại Da, nhưng trong kinh Phật đã nói tới chuyện ấy, giống như đã tiên đoán vậy! Trước khi khoa học phát triển, hoàn toàn cậy vào công phu định lực.

Công phu định lực chưa đạt tới trình độ Bát Địa, quý vị sẽ chẳng thấy. Trong 3 tế tướng, Nghiệp tướng là Năng lượng, Cảnh giới tướng là Vật chất, Chuyển tướng là Thông tin. Kinh *Hoa Nghiêm* bảo chúng ta: Toàn thể vũ trụ là *"duy tâm sở hiện, duy thức sở biến"*. Năng hiện, năng sinh là tự tính. *"Tự tính thanh tịnh viên minh thể"* như trong sách *Hoàn Nguyên Quán* đã nói chính là Lý thể của thật tướng đang được nói tới ở đây, nó là "tự tính thanh tịnh viên minh thể". Thể ấy chẳng

phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng nó có thể sinh ra vật chất và tinh thần, nó có thể sinh, có thể hiện. Sau khi những hiện tượng ấy được hiện ra, chúng bèn thiên biến vạn hóa, biến thành Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Biến như thế nào?

Ý niệm biến, thức biến. *"Thức"* là A Lại Da, Mạt Na, và Ý thức, nó biến hóa, nó có thể biến. Nhưng nếu không có năng hiện, năng sinh, nó sẽ chẳng thể biến. Vì vậy, nhất định phải có sở hiện, sở sinh thì nó mới có thể biến. Sự biến hóa ấy là thiên biến vạn hóa, điều này được sách *Hoàn Nguyên Quán* diễn tả là *"xuất sinh vô tận"*. Năng lượng chính là loại thứ nhất trong 3 thứ *"châu biến"* (trọn khắp) được nhắc tới trong *Hoàn Nguyên Quán*, *"châu biến pháp giới"* (trọn khắp pháp giới). Năng lượng của ý niệm, năng lượng của hiện tượng vật chất đều trọn khắp pháp giới.

Vật chất chẳng chết cứng, bất luận vật chất nào cũng do các hạt cơ bản hợp thành. Nói "tế bào" hãy còn quá lớn, phân tử của tế bào cũng hãy còn quá lớn, phân tử do các hạt cơ bản hợp thành. Hiện thời, các nhà vật lý học lượng tử nói vật chất cơ bản vẫn còn có thể chia nhỏ, lại tách ra thành lượng tử (quantum), lượng tử gọi là tiểu quang tử (photon), chẳng còn gì nhỏ hơn thứ này; nhưng trong đó có hiện tượng vật chất mà quý vị có thể thấy được, nó cũng có hiện tượng tinh thần. "Hiện tượng tinh thần" là nói về Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nó có cảm thụ. Chúng ta đối xử

với nó bằng thiện ý, chúng sẽ phản ứng tốt đẹp; đối đãi bằng ác niệm, nó sẽ phản ứng chẳng tốt đẹp. Tình hình này giống như Tiến sĩ Giang Bổn Thắng đã làm thí nghiệm đối với nước. Vì vậy, chúng ta mới biết những điều kinh Phật đã nói, trước kia chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được, cũng rất khó tin tưởng.

Quý vị nói núi, sông, đại địa hiểu được ý nghĩ của con người ư? Hiểu chứ! Hoa, cỏ, cây cối hiểu được ý nghĩ của con người, thì chúng ta còn có thể tưởng tượng được, vì sao? Chúng là sinh vật, chứ núi, sông, đại địa là khoáng vật mà cũng hiểu được ý nghĩ của con người ư? Thật sự hiểu! Nước là khoáng vật. Ông Giang Bổn Thắng làm thí nghiệm12 năm, đã nhiều lần báo cáo tại Liên Hiệp Quốc. Đúng vậy, chẳng giả chút nào! Tôi sang Nhật Bản, đặc biệt đến thăm phòng thí nghiệm của ông ta. Tôi đến đấy đôi ba lần, chẳng giả tí nào! Chứng tỏ điều gì? Chứng tỏ vật chất, chẳng phải là sinh vật, nay chúng ta gọi chúng là "vô sinh", nghĩa là chẳng phải là sinh vật, chúng có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩa của con người.

Chuyện này nói rõ điều gì? Phật pháp nói toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ sống động, chẳng phải là chết cứng. Do vậy, con người sống trên địa cầu, mà địa cầu là một vật thể sống, quý vị chớ nên có lỗi đối với nó! Nay, chúng ta ở trên địa cầu, mặc sức phá hoại hoàn cảnh tự nhiên, địa cầu tức giận, nổi nóng. Nay, chúng ta nói là "thiên tai xảy ra". Thật ra,

chẳng phải là thiên tai, mà là địa cầu nổi giận. Chúng ta có lỗi với nó, mặc sức phá hoại nó, cho nên nó báo thù: Động đất, lũ lụt, núi lửa bùng nổ, sóng thần, nhiệt độ địa cầu tăng lên. Địa cầu đang nổi giận đấy!

Chúng ta hiểu đạo lý này, tức là hiểu rõ Diệu lý thật tướng, có thể hóa giải những tai nạn ấy hay không? Có thể! Những nhà tôn giáo thông thường dùng phương pháp gì? Họ dùng cách cầu đảo. Những pháp hội kinh sám Phật sự trong Phật môn chúng ta, kể cả *Tam Thời Hệ Niệm* như chúng tôi đề xướng, đều thuộc loại cầu đảo. Cầu đảo bằng cách nào? Thiện niệm của tập thể, rất nhiều người nhóm lại, những ý niệm do chúng ta phát khởi đều là thuần thiện. Thiện niệm có thể giảm nhẹ tai nạn, có thể khiến cho tai nạn chậm xảy ra, chứ không thể tiêu diệt; bởi lẽ, đó là trị đằng ngọn, chẳng trị tận gốc.

Cách vài ngày, quý vị chẳng cầu đảo, tai nạn lại hiện tiền. Trị tận gốc bằng phương pháp nào? Giáo dục trị tận gốc. Trong giáo dục, kinh điển là sách giáo khoa, kinh Phật là sách giáo khoa của Phật Thích Ca Mâu Ni, dạy bảo chúng ta, chúng ta hiểu rõ: Khởi tâm động niệm nhất định phải tương ứng với Tính đức. Nói theo cách bây giờ, Tính đức tương ứng với pháp tắc của thiên nhiên, tùy thuận thiên nhiên thì mưa hòa, gió thuận, tai nạn gì cũng đều không có. Nếu chẳng tùy thuận thiên nhiên, phiền phức sẽ xảy ra, tai nạn gì cũng đều xảy ra. Quy tắc của thiên nhiên đúng mực là

gì? Trước khi Phật giáo truyền sang Trung Quốc, người xưa cũng phát hiện; vì thế, tôi nói cổ thánh tiên hiền là Phật, Bồ tát hóa thân. Đúng vậy, chẳng giả, họ nói giống như Phật. Thánh hiền dạy chúng ta Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đức Phật cũng giảng những điều ấy.

Ngũ Luân là nói về quan hệ. Ta và hết thảy mọi người có quan hệ gì? Ta và hết thảy động vật có quan hệ gì? Với hết thảy thực vật có quan hệ gì? Với núi, sông, đại địa có quan hệ gì? Với toàn thể vũ trụ có quan hệ gì? Đấy là luân lý, nói về các mối quan hệ. Giảng quan hệ thấu triệt và viên mãn nhất là nền giáo dục của đức Phật! Quan hệ gì vậy? Nhất thể. Phát hiện toàn thể vũ trụ là một sinh mạng, có chung một thể; hết thảy chúng sinh và ta là nhất thể. Nếu quý vị hiểu rõ ràng mối quan hệ ấy, chấp nhận nó, quý vị sẽ yêu thương con người, chẳng hại người; hại người là hại chính mình.

Người trong thế gian dẫu đáng ghét đến mấy đi nữa vẫn là chính mình, chẳng phải là người ngoài, quý vị có thể chỉ trích kẻ ấy hay chăng? Quý vị có thể gây tổn hại cho người ấy hay chăng? Chẳng thể, mà phải là như thế nào? Phải dạy dỗ kẻ ấy, giúp cho kẻ ấy quay đầu. Cổ nhân nói con người tánh vốn lành: *"Nhân chi sơ, tánh bổn thiện"* (Con người ban đầu tánh vốn lành). Không chỉ con người tánh vốn lành, mà như kinh Phật có nói: *"Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai"*. *"Hết thảy chúng sinh"* bao gồm cây cối,

hoa cỏ, bao gồm núi, sông, đại địa, bao gồm các hiện tượng thiên nhiên; trong bất luận hiện tượng nào cũng đều có trí tuệ, đức năng, tướng hảo. Nhất thể mà!

Quan niệm giáo học của đức Phật và quan niệm giáo học của cổ thánh tiên hiền hoàn toàn tương đồng, đúng như ngạn ngữ đã nói: *"Anh hùng sở kiến, đại lược tương đồng"* (Anh hùng nói chung, có cách nhìn giống nhau). Phật Thích Ca Mâu Ni chưa hề gặp gỡ các vị thánh hiền của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu Công, vì sao có cách nghĩ giống nhau, phương pháp giáo học giống nhau? Vì sao vậy? Phật pháp nói "minh tâm kiến tính", chỉ cần quý vị kiến tính, sẽ hoàn toàn tương đồng, tìm được Diệu lý thật tướng, xưa nay chẳng thay đổi, vĩnh hằng! Nay nói đến "chân lý", thì quý vị đã tìm được chân lý, chứng thực chân lý, cho nên khởi tâm động niệm thuần tịnh, thuần thiện, đấy là Phật, Bồ tát.

Cổ nhân nói tới Ngũ Luân chỉ bàn về con người, nói đến mức cao nhất là *"Phàm thị nhân, giai tu ái"* (Hễ là người, thì đều phải yêu thương), chẳng bao gồm những loại khác. Phật pháp truyền tới Trung Quốc, chúng ta vừa nhìn bèn thấy Phật pháp giảng tỉ mỉ hơn. Phật pháp nói: Không chỉ là người khác và ta là nhất thể, mà hết thảy động vật và ta là nhất thể; hết thảy thực vật và ta là nhất thể; núi, sông, đại địa và ta là nhất thể. Mở rộng quan hệ luân lý ấy, ông Thang

Ân Tỷ (A. J. Toynbee) đã nói ông ta hết sức bội phục người xưa có tâm lượng lớn, do lượng lớn nên phúc lớn, có thể tiếp nhận văn hóa của dị tộc. Phật giáo là văn hóa dị tộc, từ Ấn Độ truyền đến, là ngoại lai, chẳng phải là thứ có sẵn tại bản địa, mà vẫn có thể tiếp nhận; nhưng Phật pháp đã thật sự làm phong phú văn hóa bản địa.

Văn hóa bản địa chỉ nói Ngũ Luân, chỉ luận định trong phạm vi ấy. Phật pháp truyền đến, chúng ta vừa nhìn vào đã thấy mối quan hệ ấy (Ngũ Luân) được mở rộng, bao quát cả vũ trụ, hiện tượng tự nhiên cũng được bao gồm, Phật pháp đã nâng cao những thứ vốn có của Trung Quốc, có đạo lý ấy! Vì thế, trong 2.000 năm qua, tại Trung Quốc, Phật pháp và văn hóa Trung Quốc đã hoàn toàn dung hợp thành một thể, chẳng tách rời. Nếu tách rời Phật pháp ra, văn hóa Trung Quốc sẽ biến thành hết sức hữu hạn. Thuở sinh thời, cụ Triệu Phác Sơ thường nói một câu: *"Nếu chúng ta chẳng cần đến văn hóa Phật giáo, thì người Trung Quốc ngay cả nói năng cũng chẳng nói được!".* Nghĩa là gì? Trong cuộc sống hằng ngày, trong ngôn ngữ có rất nhiều thành ngữ phát xuất từ kinh Phật, đã biến thành thói quen, mở miệng hay ngậm miệng luôn dùng những thuật ngữ trong kinh Phật. Câu nói ấy rất có lý!

Đây là một môn đại học vấn, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu: *"Đây là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn bộ*

thế giới triết học"; nay chúng ta nhìn lại, thì cũng là đỉnh cao nhất trong khoa học toàn thế giới. Hiện thời, khoa học và triết học còn có rất nhiều vấn đề chưa được giải quyết, nhưng lời giải đáp cho những vấn đề ấy hoàn toàn ở trong kinh Phật. Kinh Phật có thể giải thích những vấn đề vũ trụ, mà chẳng thể giải quyết những tệ trạng nảy sinh trên quả địa cầu nhỏ nhoi này ư? Đâu có lẽ ấy! Còn như những hiện tượng rối ren trong xã hội, đúng là dễ dàng, đáng gọi là *"lông gà, vỏ tỏi"* (vụn vặt), đáng kể chi đâu? Quý vị thật sự hiểu, sẽ biết cách giải quyết như thế nào, lại còn giải quyết trong một thời gian rất ngắn, dễ dàng!

Ngày nay, nếu mọi người đều nghiên cứu Phật pháp Đại thừa, sẽ như Tiến sĩ Thang Ân Tỷ đã nói *"dùng học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại thừa Phật pháp"* để giải quyết những vấn đề trong xã hội. Phải tốn thời gian bao lâu để thế giới này khôi phục an định, hòa bình? Theo cách nghĩ và cách nhìn của tôi, tối đa là một năm, người trên thế giới sẽ hưởng phúc. Cách làm ra sao? Thật sự có 50-60 giáo viên đã nghiên cứu Đại thừa Phật pháp và học thuyết Khổng Mạnh; không chỉ là đã nghiên cứu mà còn thật sự làm theo, áp dụng những điều đã học vào cuộc sống, vào công việc, áp dụng vào đãi người, tiếp vật. Nói theo Phật pháp, người ấy có Tín, có Giải, có Hành, có Chứng, tự mình đã đạt tới giai đoạn có thể dạy người, lợi dụng khoa học kỹ thuật cao, truyền hình vệ tinh, mạng Internet, trong xã hội có một băng tần tốt đẹp

dường ấy, dạy học chẳng gián đoạn suốt 24 tiếng đồng hồ. Làm như vậy suốt một năm, toàn thể thế giới đều nảy sinh những sự biến hóa, biến thành tốt đẹp!

Tôi tin tưởng. Dựa vào đâu mà tin tưởng? Dựa vào thí nghiệm đã làm trong 3 năm tại Thang Trì trong quá khứ. Chúng tôi dùng một tiểu trấn, cư dân trong tiểu trấn ấy là 48.000 người, chúng tôi thực hiện *Đệ Tử Quy* để xem thử có làm được suôn sẻ hay không? Thực hiện thí nghiệm nhỏ nhặt ấy, chúng tôi dùng một món trong ba cội gốc của Nho, Thích, Đạo để thí nghiệm. Không ngờ, chưa đầy 4 tháng, tiểu trấn ấy đã dấy lên sự biến hóa rất lớn, khiến cho người ta được mở rộng tầm mắt.

Chúng ta cảm nhận được, chứng tỏ câu nói của cổ thánh tiên hiền: *"Nhân chi sơ, tánh bản thiện"*, khiến cho chúng ta đích thân tận mắt thấy nhân dân dễ dạy dường ấy! Chỉ dạy một thứ trong ba cội rễ của văn hóa truyền thống mà hiệu quả đã to ngần ấy. Nếu cả ba cội rễ đều dạy, hiệu quả sẽ to hơn nhiều! Khi ấy, các giáo viên dạy học của chúng tôi gồm 37 người; vì vậy, tôi nghĩ, nếu quốc gia có thể bồi dưỡng 50-60 giáo viên như vậy, họ thật sự thực hiện, tức là đối với ba thứ căn bản của Nho, Đạo, Thích đều làm được, hằng ngày dạy trên đài truyền hình, chính mình có nơi chốn thực nghiệm, quý vị đến đó xem, đích thân đến đó học tập, trong một năm, xã hội an định, thiên hạ đại trị!

Qua nhiều năm học tập, tôi đã nhìn thấy, hiểu rõ, chúng tôi chẳng đủ điều kiện, muốn tìm một nơi để thực nghiệm, nhưng tìm chẳng ra. Cuộc thực nghiệm tại Thang Trì đã làm suốt 3 năm, rất khó có, đến cuối cùng vẫn phải giải tán; nhưng hiện thời tại Cát Long Ba (Kuala Lumpur) của Mã Lai (Malaysia), họ tiếp tục thực hiện; hiện thời đã bồi dưỡng huấn luyện đến lần thứ ba. Nếu thực hiện thành công, sẽ ảnh hưởng cả thế giới, quý vị thật sự nêu gương, sau đấy, để cho những giáo viên đó lên đài truyền hình quốc gia giảng giải, đề xướng giáo dục toàn dân trong cả xã hội. Chính phủ Mã Lai rất muốn làm theo kiểu ấy, tôi tin họ sẽ có thể thực hiện thành công. Con người có thiện hạnh, thiện hạnh có nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, trong tôn giáo thường nói là *"được chư thần phù hộ"*, sẽ có thể làm chuyện ấy viên mãn, làm thành công!

Vì chân lý vĩnh hằng không thay đổi, nên gọi là Như, đúng lý mà nói, những điều Ngài nói hoàn toàn tương ứng với đạo lý ấy, chẳng hề trái nghịch, nên gọi là Thị. Đấy là ý nghĩa chân thật của 2 từ Như Thị. Đó là cách giải thích thông thường, vì câu đầu tiên trong tất cả các kinh Phật là *"Như thị ngã văn"*. Cách nói ấy thích hợp tất cả các kinh điển.

Tiếp theo đó, cụ Hoàng viết: *"Kim y bổn kinh"* (Nay xét theo kinh này), chúng ta giảng 2 từ Như Thị trong kinh này như thế nào? *"Ngẫu Ích Đại sư viết"* (Ngẫu Ích Đại sư nói). Ngẫu Ích Đại sư là người cuối đời Minh đầu đời Thanh. Ngài sinh vào năm cuối thời Vạn Lịch nhà Minh, viên tịch vào đời

Thanh, là Tổ sư đời thứ 9 của Tịnh Độ tông, đời thứ 8 là Liên Trì Đại sư. Qua trước thuật của Ngài (Ngẫu Ích Đại sư), chúng ta thấy thuở trẻ, Ngài vô cùng bội phục Liên Trì Đại sư, hết sức tôn kính, mong học theo Liên Trì Đại sư. Liên Trì Đại sư đã vãng sinh, nhưng những trước tác của Liên Trì Đại sư vẫn còn đó. Nay chúng ta thấy *Liên Trì Đại Sư Toàn Tập*, bộ sách này hãy còn. Tổ Ngẫu Ích bèn học theo bộ sách ấy, nương theo trước tác của Liên Trì Đại sư để học tập, làm học trò của Liên Trì Đại sư.

Giống như Mạnh Tử ở Trung Quốc vào thời cổ. Mạnh Tử ngưỡng mộ Khổng Tử, muốn học theo Khổng Tử. Khổng Tử đã khuất bóng, nhưng trước tác của Khổng Tử hãy còn, Ngài bèn tự học tập theo trước tác của Khổng Tử, chỗ nào không hiểu bèn hỏi học trò của Khổng Tử. Ngài thật sự học thành công, đó gọi là *"Tư thục đệ tử".* Ngài học vô cùng giỏi.

Quý vị thấy Trung Quốc nói "Khổng Mạnh", có thể thấy được thành tích học tập của Ngài. Chúng ta biết trong các đệ tử của Khổng Tử có Tăng Tử (Tăng Sâm). Quý vị đọc *Luận Ngữ*, thấy nhiều chỗ đề *"Tăng Tử nói"*, những chỗ do Khổng Tử nói, sẽ ghi là *"Tử thuyết"*.

Những học trò của Khổng Tử thuở ấy đều thua Mạnh Tử. Tư thục đệ tử cũng có thể vượt trội những học trò do đích thân Khổng Tử giảng dạy, xuất loại bạt tụy. Ngày nay, hễ nói đến Nho giáo, người ta nói Khổng Mạnh, chẳng nói Khổng Tăng,

chẳng nói Khổng Hữu[14]. Mạnh Tử đã thành công! Ngẫu Ích Đại sư là tư thục đệ tử của Liên Trì Đại sư, trong Phật môn. Quả thật, thành tựu của Ngài cũng vượt trội những học trò do chính Liên Trì Đại sư dạy bảo thuở ấy. Trong số các môn đệ của Tổ Liên Trì, chẳng có ai sánh bằng Ngài Ngẫu Ích.

Do vậy, nhìn từ những trường hợp ấy, đúng là *"Sư phụ lãnh tiến môn, tu hành tại cá nhân"* (Thầy dẫn trò nhập môn, tu hành do cá nhân). Có thành tựu hay không, chẳng liên quan đến thầy cho lắm, mà vấn đề ở chỗ quý vị khéo học, tức là quý vị biết học. Câu thường xuyên được nói trong Tông Môn là *"Hội ma?"* (Hiểu không?). Câu ấy có ý nghĩa rất sâu! Thật sự biết học, không chỉ học giống như Khổng Tử, mà có khi còn vượt trội, học trò giỏi hơn thầy! Cổ nhân đã nói: *"Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam"* (Màu xanh phát xuất từ màu chàm, mà trội hơn màu chàm). Đấy là học trò vượt trội thầy, do biết học.

Chẳng biết học, thì thầy dạy bảo quý vị hằng ngày, quý vị vẫn chẳng thể thành tựu! Do vậy, chữ Hội (hiểu) này có quan hệ khá lớn! Thế nào mới là Hội? Thật sự hiểu, thì nói thật ra 6 từ đã gồm trọn: *"Thật thà, nghe lời, thật hành"*,

[14] Tăng Tử (505-435 trước Công Nguyên), tên thật là Tăng Sâm, tự là Tử Dư, người xứ Nam Vũ, nước Lỗ, có mỹ hiệu là Tông Thánh. Ông nổi tiếng với câu nói *"Ta mỗi ngày ba lượt phản tỉnh"*. Tương truyền, ông là tác giả các sách *Đại Học* và *Hiếu Kinh* của Nho gia. Ông cũng được xếp vào 24 tấm gương hiếu hạnh (*Nhị Thập Tứ Hiếu*) và có lăng mộ, miếu thờ riêng tại huyện Gia Tường, thành phố Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông.

Hữu Tử là môn đệ của Khổng Tử, tên là Hữu Nhược, tự là Tử Hữu, người huyện Phì Thành, tỉnh Sơn Đông, được xếp vào hàng *Thất Thập Nhị Hiền*, chủ trương *"Lễ vi dụng, hòa vi quý"*. Do có hình dáng rất giống Khổng Tử, nên sau khi Khổng Tử mất, ông được các bạn đồng học kính trọng. Ông là người chuộng cổ, thông hiểu lễ nhạc, đề xướng tôn trọng lễ giáo.

người ấy là người biết học. Quý vị phải biến những thứ đã học thành cuộc sống của chính mình, chẳng hạn như Ngũ Luân giảng về quan hệ, quý vị hiểu rõ, biết tôn ty trên dưới, đối với bậc trưởng thượng phải tôn kính, đối với kẻ dưới phải yêu thương, phải làm được như thế. Làm những gì? 12 từ! Tất cả đức hạnh, Ngũ Luân, Tứ Duy, Bát Đức của Trung Quốc được gom chung lại thành 12 từ *"hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình".* 12 từ ấy được hoàn toàn biểu hiện trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, tức là quý vị đã hiểu.

Quý vị học theo thánh sẽ là thánh nhân, học theo hiền sẽ là hiền nhân, trọn chẳng kém cổ thánh tiên hiền, mà cũng có thể là quý vị sẽ vượt trội họ. Quý vị học Phật, có thể thành Phật; học Bồ tát, có thể thành Bồ tát. Chư vị phải biết "Phật, Bồ tát" là thuật ngữ trong Phật môn. Nghĩa là gì? Phật là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là "giác ngộ". Phật nghĩa là gì? Phật là người giác ngộ. Giác chứ không mê, người ấy được gọi là Phật, có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với chữ Thánh của Trung Quốc. Thánh (聖) là người hiểu rõ, thông đạt, thấu suốt hết thảy sự lý, người ấy được gọi là *"thánh nhân".*

Vì thế, Phật và thánh rất gần gũi. Thuở ấy, vì sao dịch kinh chẳng dùng chữ Thánh để dịch chữ Phật, mà vẫn giữ nguyên âm gốc? Phật bao hàm những ý nghĩa rộng và sâu hơn thánh. Dịch giả Trung Quốc chẳng tìm được chữ nào

thích hợp; vì thế, dịch âm, rồi giải thích thêm. Vì Phật được dịch là Giác, thì trong Giác lại có: Tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn, chẳng tìm được từ nào tương ứng với những ý nghĩa ấy tại Trung Quốc. Trong chữ Phật có ý nghĩa trí tuệ, nhưng cũng chẳng có cách nào dùng từ "trí tuệ" để dịch chữ Phật, vì trí tuệ của Phật có 3 loại: Nhất Thiết Trí, Đạo Chủng Trí, và Nhất Thiết Chủng Trí. Từ "trí tuệ" của Trung Quốc chẳng có những ý nghĩa ấy. Vì thế, chữ Phật hàm nghĩa sâu rộng hơn chữ Thánh, nhưng ý nghĩa rất gần gũi. Quý vị hiểu ý nghĩa ấy, nó là danh xưng của học vị trong Phật môn.

Trong kinh, đức Phật đã nói rất hay: *"Hết thảy chúng sinh vốn là Phật"*. Hiện thời, quý vị có phải là Phật hay không? Phải! Trong mắt Phật, đúng là như vậy! Quý vị phản đối Phật là phản đối chính mình. Phản đối điều gì nơi chính mình? Phản đối sự giác ngộ của chính mình.

Nói cách khác, quý vị chẳng muốn giác ngộ, chẳng phải là đã biến thành kẻ hồ đồ ư? Quý vị có mong làm một kẻ hồ đồ hay chăng? Hay là mong làm một người có trí tuệ? Phật là người có trí tuệ; quý vị vốn là Phật, vì sao chẳng thể giác ngộ, mà bị mê hoặc? Vì như đức Phật đã giảng: Quý vị mê mất tự tính, sau khi đã mê bèn nảy sinh tự, tư tự lợi. Tự tư, tự lợi mở rộng ra nhất định sẽ là đuổi theo tiếng tăm, lợi dưỡng, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình. Đấy là sai lầm. Quý vị vốn khởi tâm động niệm là vô ngã, lợi ích chúng sinh, nay quý vị đang mê.

Quý vị phải biết vô ngã, khởi tâm động niệm lợi ích chúng sinh, hết thảy hành vi cũng nhằm lợi ích chúng sinh, đó chính là "bản lai diện mục" (diện mạo vốn có) của quý vị. Thời hiện đại, có người nói: "*Toàn tâm toàn ý vì nhân dân phục vụ".* Người làm được như vậy là Phật. Phản đối Phật là phản đối "toàn tâm toàn lực vì nhân dân phục vụ", chẳng phải là có ý nghĩa như thế hay sao? Do vậy, quý vị phải hiểu thấu suốt, rõ ràng thì mới được. Nếu không, sẽ là lời đùa bỡn. Phật là gì? Chẳng biết, ngỡ Phật là thần, oan uổng lớn tầy trời! Ngỡ Bồ tát là thần, có hỏng bét hay là không? Trong Phật giáo chẳng có thần, trong tôn giáo mới có thần, nên Phật giáo chẳng phải là tôn giáo.

Trong Phật giáo chỉ có hai thứ quan hệ: Một là thầy, hai là trò. Bồ tát là học trò, A La Hán là học trò, chúng ta cũng là học trò. Bồ tát và A La Hán đã đạt được quả vị, giống như đi học trong nhà trường, người nào đạt được học vị Thạc sĩ thì là Bồ tát; đạt được học vị Cử nhân thì là A La Hán. Chúng ta học trong nhà trường chưa đạt được học vị; nói cách khác, chúng ta học Tiểu học, học Trung học, phải học Đại học mới có học vị. Phật, Bồ tát, La Hán là những danh xưng học vị.

Học vị tối cao là Phật Đà tương đương học vị Tiến sĩ. Mỗi cá nhân đều có thể đạt được, ai nấy đều có thể thành Phật, giống như người xưa nói *"Ai cũng đều có thể thành thánh nhân"*, có ý nghĩa như vậy đó! Học Phật, chẳng có mảy may mê tín. Hết sức đáng tiếc, hiện thời khá nhiều đệ tử Phật

môn, bất luận xuất gia hay tại gia, chẳng thể hiểu rõ hay nói rõ về Phật pháp, điều này thật đáng tiếc! Nếu tôi không gặp 3 vị thầy tốt đẹp là thầy Phương, Chương Gia Đại sư và lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, chắc chắn là chúng tôi mê tín, nhất định chẳng chịu nhập Phật môn. Vì sao? Chẳng biết gì về Phật môn! Gặp được 3 vị ấy giảng giải rõ ràng, minh bạch Phật pháp, chúng tôi mới thật sự phát tâm, thật sự tình nguyện học tập nền giáo dục của đức Phật, biết đây là một môn đại học vấn.

Đức Phật dạy những điều gì? Nếu nói theo cách bây giờ, chẳng ngoài 5 hạng mục sau đây: Đức Phật dạy chúng ta luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, và khoa học. 5 môn công khóa đều đạt đến tột đỉnh, đạt đến rốt ráo viên mãn. Những thứ tốt đẹp dường ấy, đã gặp gỡ mà không chịu sốt sắng học tập, quý vị nói có phải là đáng tiếc lắm hay chăng? Nghiêm túc học tập, chẳng phí uổng sinh trong nhân gian lần này. Lần này đến đây có ý nghĩa, có giá trị. Cổ nhân nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được).

Học Phật, nhất là học tập Đại thừa, đối với câu nói này rất bội phục. Vì sao? Trong Phật pháp, tất cả toàn bộ những vấn đề của bản thân chúng ta đều được giải quyết, thân tâm tự tại, đúng như thầy Phương đã nói, là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người, tôi còn thay đổi câu ấy thành: *"Phúc báo khôn sánh, phúc báo lớn nhất trong đời người!".*

Ngẫu Ích Đại sư nói: *"Y thật tướng lý, niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, quyết định vô phi, viết Thị"* (Nương theo lý thật tướng, niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, quyết định chẳng sai, đó là Thị). Ngẫu Ích Đại sư nói câu này hoàn toàn quy về pháp môn Tịnh Độ.*"Y thật tướng lý niệm Phật"*. Câu này khẩn yếu. Mấu chốt ở ngay trong câu này. Nay, chúng ta niệm Phật, chẳng phải là nương theo lý thật tướng. Vì sao chúng ta niệm Phật chẳng thể thành tựu, chuốc lấy sự chán ghét của người khác, họ nghĩ quý vị đang làm chuyện mê tín? Không thể trách người khác, bản thân chúng ta nương theo tập khí phiền não niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, làm sao có thể vãng sinh cho được? Không thể được! Quý vị niệm Phật nhằm mục đích nào? Quý vị hãy suy xét, tuyệt đại đa số là vì thăng quan, vì phát tài, nên cầu Phật, Bồ tát phù hộ, chẳng phải là cầu sinh Tịnh độ.

Động cơ (motivation) niệm Phật của kẻ ấy chẳng thanh tịnh. Mục đích niệm Phật của người ấy trái ngược với phương hướng mà Phật pháp đã giảng, làm sao có thể có thành tựu cho được? Phật, Bồ tát không thể nào phù hộ quý vị thăng quan, phát tài, chẳng có lẽ ấy! Vậy là quý vị đi tìm thần thánh để cầu xin; thật ra, thần thánh cũng chẳng thể thật sự phù hộ quý vị, lừa gạt quý vị đó thôi!

Quý vị nghe lừa, chẳng nghe lời khuyên, chẳng có cách nào hết! Nhưng quý vị mong thăng quan, phát tài, Phật thật sự có thể giúp đỡ. Vì sao? Quý vị muốn được quả báo ấy, có

quả ắt có nhân. Đức Phật biết nhân, có thể giảng đạo lý ấy rõ ràng, giảng rõ phương pháp, quý vị nương theo lý luận và phương pháp ấy để hành, quả báo có thể hiện tiền. Điều ấy được gọi là *"Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng"* (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Thật đấy! Cầu phúc báo, đắc phúc báo, cầu thông minh, trí tuệ, được thông minh, trí tuệ, cầu trường thọ được trường thọ, cầu con cái được con cái, đúng là *"hữu cầu tất ứng".*

Năm xưa, Chương Gia Đại sư dạy tôi đạo lý này. Ngài nói rất rõ ràng: *"Anh hãy học tập đúng lý, đúng pháp, vẫn do chính anh tu nhân đắc quả báo"*. Đức Phật chỉ có thể chỉ dẫn quý vị trên phương diện lý luận và phương pháp, vẫn phải do chính quý vị làm. Nếu bản thân quý vị không làm, sẽ chẳng đạt được! Bởi lẽ, *"ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, chẳng tu chẳng đắc"*. Đức Phật nói như thế, chẳng phải là mê tín. Mục đích của người niệm Phật là muốn cầu sinh về thế giới Cực Lạc, quý vị nhất định nương theo lý thật tướng. Lý thật tướng là gì? 3 điều kiện trong pháp môn Tịnh tông, tức Tín, Nguyện, Hành.

Chúng ta thấy người tu Tịnh Độ có mấy kẻ thật sự trọn đủ 3 điều kiện ấy? Mỗi cá nhân đều nói "tôi tin tưởng, tôi phát nguyện", thật ra, quý vị chú tâm phản tỉnh, sẽ thấy lòng tin của quý vị chẳng phải là chân tín. Quý vị tiếp xúc tiếng tăm, lợi dưỡng của thế gian, vẫn còn bị động tâm, tham luyến, tức là tín chẳng thật, nguyện cũng chẳng thật, chẳng phải là

"chân tín, thiết nguyện" (tin chân thành, nguyện thiết tha). Do vậy, quý vị niệm Phật nhiều năm mà chẳng có cảm ứng gì, đến cuối cùng bèn chẳng tin tưởng. Vấn đề này chẳng phải do Phật Thích Ca Mâu Ni, mà cũng chẳng do kinh điển, mà do công phu của chính chúng ta không đủ. Bản thân chúng ta hiểu lầm kinh điển, chẳng lý giải chính xác, hiểu biết nửa vời, tu mù, luyện đui, vẫn khiến cho chư Phật và kinh điển bị oan uổng. Quý vị nói xem, tội lỗi ấy có nặng lắm hay chăng?

Trong phần sau, cụ Hoàng Niệm Tổ có giải thích 3 câu nói ấy của đại sư, chúng ta xem lời giải thích của cụ Hoàng. *"Cái Thật tướng diệu lý, chỉ thị đương tiền nhất niệm tâm chi tự tính"* (Bởi Diệu lý thật tướng chỉ là tự tính của một niệm tâm hiện tiền). Câu này giảng rất hay! Tự tính của nhất niệm chẳng dễ hiểu. Nhưng chúng ta cùng nhau học tập một thời gian dài, nghe câu nói ấy sẽ chẳng thấy khó hiểu. Vì sao? Kinh *Hoa Nghiêm* đã giảng rõ ràng Nhất niệm tâm là gì? Là như sách *Hoàn Nguyên Quán* đã nói *"Tự tính thanh tịnh viên minh thể"*. Đấy là Nhất niệm tâm. Dùng tâm ấy để niệm Phật, quả báo sẽ rất thù thắng. Đấy chính là như trong Tịnh tông đã nói: *"Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật. Niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*, chẳng giả tí nào.

Quý vị và Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật liên kết, thật sự thông suốt. Quay trở lại suy nghĩ, nay chúng ta đang dùng tâm gì? Dùng tâm vọng tưởng, tâm tạp loạn. Cái tâm ấy quá nhiều ý niệm. Nhất niệm là định, chẳng có tạp niệm nào, tức

là như Đại Thế Chí Bồ tát đã yêu cầu *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Trong câu này, Đại Thế Chí Bồ tát nói 8 từ, há có lẽ nào chẳng thành tựu! *"Nhiếp trọn sáu căn"* là buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; đấy gọi là *"nhiếp trọn sáu căn". "Tịnh niệm tiếp nối"* là ý niệm thanh tịnh. Tịnh niệm là gì? Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp là tịnh. Đấy là Nhất niệm tâm. Rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tự tính. Trong tự tính không có những thứ ấy. *"Tương kế"* là chẳng gián đoạn, niệm niệm chẳng gián đoạn. Đấy là *"Như thị ngã văn".*

"Phi sinh, phi diệt, vô khứ, vô lai, trạm nhiên thường trụ, cố danh viết Như" (Chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đi, chẳng đến, lặng trong, thường trụ, nên gọi là Như). Mấy câu này do cụ Niệm Tổ nói. Tâm này chẳng phải là tâm sinh diệt, chẳng có đến, đi, là nhất niệm ngay trong hiện tại. *"Trạm nhiên thường trụ"*. Thường trụ là chân tâm. *"Trụ"* là định, Niệm Phật Tam-Muội. Niệm niệm đều là một câu A Di Đà Phật. Niệm niệm là tâm thanh tịnh. Niệm niệm chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị tương ứng với Như.

"Y thử tâm tính niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Năng niệm thị thật tướng tâm (thị chân tâm), sở niệm thị thật tướng Phật, sở sinh thị thật tướng độ, hàm vị thật tướng chính ấn chi sở ấn. Cố đại sư viết, quyết định vô phi, viết Thị" (Nương theo tâm tính ấy niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Chủ thể để niệm là cái tâm thật tướng (tức là chân tâm), đối tượng được niệm

là thật tướng Phật, cõi được sinh về cõi thật tướng, đều được chính ấn thật tướng in vào. Vì thế, đại sư nói: "Quyết định chẳng sai là Thị"). Mấu chốt trong mấy câu này là tâm thật tướng. Tâm thật tướng là chân tâm. Năng niệm là chân tâm. Sở niệm là chân Phật. Phật do đâu mà có? Phật do tâm quý vị hiện, duy tâm sở hiện. Trong phần khai thị của *Hệ Niệm Phật Sự*, Thiền sư Trung Phong đã giảng về A Di Đà Phật rất trọng yếu, hoàn toàn giống như lời giảng ở đây: *"A Di Đà Phật tức thị ngã tâm"* (A Di Đà Phật chính là tâm ta). Tâm ta là A Di Đà Phật.

Năng niệm là tâm thật tướng, chân tâm. A Di Đà Phật do tâm quý vị hiện, duy tâm sở hiện, quý vị thấy trong mối quan hệ luân lý, nó có cùng một Thể với quý vị. *"Độ"* (cõi nước) là gì? Thế giới Cực Lạc! Thiền sư Trung Phong nói: *"Thử phương tức Tịnh Độ. Tịnh Độ tức thử phương"* (Phương này chính là Tịnh Độ. Tịnh Độ chính là phương này). Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây. Quý vị là chân tâm sẽ thấy thế giới này là Tịnh Độ; quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy thế giới này là uế độ. Cảnh chuyển theo tâm mà!

Chân tướng sự thật này được các nhà khoa học lượng tử hiện thời phát hiện. Họ bảo cho chúng ta biết, chúng ta đối với địa cầu sinh khởi tín tâm khôn sánh, chúng ta có thể cứu vớt địa cầu. Cứu vớt bằng cách nào? Quý vị chuyển biến tâm thái, địa cầu sẽ chuyển biến. Hiện thời, trên địa cầu có lắm

bệnh tật như thế là do tâm thái của chúng ta không bình thường, trái nghịch Tính đức. Cũng là như người xưa đã nói, người xưa gọi Tính đức là "hiếu, đễ, trung, tín". Quý vị bất hiếu, bất đễ, bất trung, bất tín, chẳng có lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Vô lễ, vô nghĩa, vô liêm, vô sỉ, nhân, ái, hòa, bình cũng không có, cho nên địa cầu nảy sinh vấn đề. Nếu chúng ta đổi lại, 12 từ ấy thảy đều làm được, trên địa cầu này sẽ chẳng có tai nạn gì; thật đấy, chẳng giả tí nào! Thân thể chúng ta có bệnh, quý vị thấy thầy lang Bành Hâm nói bệnh do đâu mà có?

Quý vị trái nghịch nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô tín, cho nên ngũ tạng, lục phủ có bệnh. Nếu quý vị giác ngộ, buông xuống những thứ trái nghịch tự tính, nâng cao Tính đức, tức là Ngũ Thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, quý vị thật sự có thể làm được, những tế bào bị bệnh bên trong thân thể sẽ khôi phục bình thường rất nhanh chóng, khôi phục bình thường là khỏe mạnh. Có cần dùng đến thuốc men hay không? Không cần! Chính mình có thể tự điều trị. Chuyện này là thật, chẳng phải giả.

Quý vị thấy hiện thời có nhiều người bị ung thư, bệnh viện bó tay, hết cách, tuyên bố người bệnh chỉ có thể sống tối đa 3 tháng, nhưng người ấy gặp văn hóa truyền thống, hiểu đạo lý này, điều chỉnh tâm thái, sau 3 tháng bèn lành bệnh, kiểm tra lại chẳng còn nữa, kỳ tích phát sinh! Chẳng kỳ quái một tí nào! Kỳ tích ở chỗ nào! Là đạo lý gì? Hết thảy các pháp sinh từ tâm tưởng. Tâm tưởng thuần chính, sẽ khỏe mạnh,

trường thọ, tất cả tật bệnh sẽ khôi phục bình thường, chẳng phải là mê tín!

Cổ nhân bảo chúng ta như vậy, mà trong kinh điển, đức Phật cũng dạy chúng ta như vậy, rất khó có, chúng ta rất cảm kích. Cận đại, các khoa học gia ngành lượng tử cũng nói như vậy. Điểm mấu chốt là quý vị có thể tin tưởng hay không? *"Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu"* (Tin là nguồn đạo, mẹ công đức). Mấu chốt ở chữ Tín này. Chân tín, chẳng hoài nghi một tí nào, sẽ khôi phục, các tế bào bị bệnh sẽ khôi phục bình thường. Vì sao? Do hết thảy các pháp sinh từ ý niệm. Các nhà khoa học lượng tử cho biết tế bào là vật chất, tế bào khỏe mạnh là vật chất, virus cũng là vật chất, chẳng phải là thứ gì khác.

Vật chất nghe theo ai? Nghe theo ý niệm. Vì thế, ý niệm của chúng ta cải tà quy chính, toàn bộ những tế bào trong ấy sẽ khôi phục bình thường. Thuần tịnh, thuần thiện, quý vị là thân Kim cương bất hoại. Phật có thể chứng đắc, mà chúng ta cũng có thể chứng đắc. Thứ gì là cội nguồn của tật bệnh? Tham, sân, si, còn thêm ngạo mạn, trở thành 4 thứ là tham, sân, si, mạn. Đấy là cội nguồn của hết thảy bệnh tật. Chuyển biến tế bào khỏe mạnh thành tế bào bệnh tật là do 4 thứ ấy.

Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: *"Siêng tu Giới, Định, Tuệ, dứt diệt tham, sân, si"*, đối với chính mình mà nói, sẽ khỏe mạnh, trường thọ, hạnh phúc, vui sướng. Quý vị thật sự có

thể làm được, gia đình quý vị mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi; sống ở nơi nào, quý vị có thể cảm hóa nơi ấy, nơi ấy hài hòa, chẳng gặp tai nạn. Thật sự làm được, chẳng phải là làm không được! Vì thế, phải dùng chân tâm. Tâm thật tướng là thật tướng Phật, là tự tính Di Đà; thế giới Cực Lạc là thật tướng độ, duy tâm Tịnh độ, *"đều được chính ấn thật tướng in vào"*. Câu này là tỷ dụ. Từ thời cổ, người xưa dùng ấn chương để thể hiện sự tín nhiệm; con dấu biểu thị chữ Tín. Ở đây, con dấu ấy là thật tướng chính ấn. Không có gì chẳng phải là thật tướng, nó hoàn toàn tương ứng với thật tướng, hoàn toàn tương ứng. Vì thế, Ngẫu Ích Đại sư nói *"quyết định không sai là Thị"*. Chúng ta học "Như Thị" đến đây.

Tiếp đến là nói về Ngã Văn. *"Ngã văn giả, Văn Thành Tựu"* (Ngã Văn là Văn Thành Tựu), tức là Văn Thành Tựu trong 6 món thành tựu. *"A Nan kết tập pháp tạng thời tự ngôn, như thị pháp môn, ngã tòng Phật văn"* (Khi Ngài A Nan kết tập pháp tạng tự nói: "Pháp môn như thế tôi nghe từ đức Phật"). Đây là nói rõ, Ngài lên tòa phức giảng (複講: nhắc lại lời giảng, trùng tuyên), chẳng phải do chính Ngài nói, mà do nghe đức Phật đã nói như vậy. *"Ngã"* là chính mình, *"Văn"* là tôi đích thân nghe, bảo đại chúng như vậy hòng chứng tín.

Trong hết thảy các việc học tập và tu hành thuộc Phật pháp, điều này vô cùng trọng yếu. Theo lịch sử Trung Quốc ghi chép về Phật pháp, Phật Thích Ca Mâu Ni nhập diệt, cũng là đã qua đời, cho đến nay là 3.037 năm. Lịch sử Trung Quốc

ghi chép như vậy. Ngài nhập diệt năm thứ 53 đời Châu Mục Vương, tính từ đó cho đến nay là 3.037 năm. Đương nhiên, người ngoại quốc cũng có căn cứ, họ nói năm nay là năm thứ 2.554 (kể từ khi đức Phật nhập diệt).

Trung Quốc và ngoại quốc ghi chép gần như sai lệch 600 năm, chúng ta chớ nên bận tâm đến điều này, đừng nên phân biệt, chấp trước. Nói chung, tối thiểu Phật Thích Ca Mâu Ni cách chúng ta 2.500 năm trở lên theo cách ghi chép của người Trung Quốc. Trong quá khứ, những vị đại đức trong Phật môn Trung Quốc, kể cả Lão Hòa thượng Hư Vân, và những vị đại đức thời đầu Dân Quốc, đều dùng cách ghi Phật lịch theo niên đại của Trung Quốc, tức là 3.037 năm, đều dùng lối này. Thời gian lâu dài như thế, những vị đại đức hoằng pháp và hộ pháp trải các đời, đặc biệt là những vị hoằng pháp, giảng kinh, giáo học, họ bồi dưỡng, học tập thành công như thế nào? Toàn là học theo kiểu của Ngài A Nan, phải biết điều này, tức là đều do giảng tiểu tòa mà thành công.

Tôi đến HongKong giảng kinh *Lăng Nghiêm* lần đầu, suốt 4 tháng. Lần đầu tiên, tôi ở đó 4 tháng, vào năm 1977, hơn 30 năm trước đây, nhằm lúc pháp sư Diễn Bồi ở nơi đấy. Tôi và Ngài đã quen biết tại Đài Loan. Các Ngài có một chiếc xe bus đi ngoạn cảnh HongKong, mời tôi đi cùng. Chúng tôi ngồi cùng một chỗ. Ngài nhắc tới các pháp sư hoằng pháp, nói tới Phật học viện, vô cùng cảm khái bảo: "Phật học viện

không đào tạo nổi nhân tài!". Vào lúc ấy, còn có những vị đại đức giảng kinh, thảy đều xuất thân từ giảng tiểu tòa, Ngài chỉ tôi: "Kể cả ông nữa!". Đúng vậy! Chúng tôi là giảng tiểu tòa, là phức giảng. Phức giảng do Ngài A Nan khởi đầu. Ngài A Nan lên tòa giảng kinh, hoàn toàn là phức giảng lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng thể thêm vào đó một tí ý kiến nào của chính mình.

Cổ nhân giáo học rất nghiêm ngặt, chính mình có ngộ xứ, quý vị chẳng thể giảng những gì thuộc về ngộ xứ ấy, mà vẫn phải giảng theo lời thầy. Vì sao? Huấn luyện định lực và sự khiêm hư cho quý vị, cũng là quyết định không thêm một chữ nào vào lời giảng của thầy. Đấy là gì? Thật thà, nghe lời! Tới khi nào mới có thể nêu tỏ ý nghĩa của chính mình? Khi chính mình đã có ngộ xứ, khai ngộ.

Trước khi chính mình khai ngộ, quyết định tuân thủ lời thầy dạy; trước kia, nghiêm ngặt như thế đó. Do vậy, đời nào cũng xuất hiện cao tăng, cao nhân, phương pháp ấy hay lắm! Nhưng trong hiện thời, dân chủ cởi mở, tự do, sẽ không thể hạn chế. Do vậy, ít người xuất hiện trong đời này, chẳng bằng quá khứ. Vì sao? Chẳng nghiêm ngặt như vậy. Nghiêm ngặt thì có lợi ở chỗ nào? Trong ấy, có Tam học Giới - Định - Tuệ. Hiện tại, quý vị có thể tự do phô diễn ý tưởng, chính mình sưu tập tài liệu, chứ Giới - Định - Tuệ chẳng có. Không có Giới - Định - Tuệ, sẽ biến thành gì? Biến thành Phật học, biến thành học thuật, khác hẳn trước kia: Hoàn toàn từ Giới

- Định - Tuệ bồi dưỡng Tính đức của quý vị. Muốn thật sự phục hưng Phật giáo, vẫn phải dùng phương pháp cũ; không dùng đến biện pháp cũ, sẽ bồi dưỡng thành học giả, chuyên gia, giống như trong đại học hiện thời bồi dưỡng những tiến sĩ, đức hạnh thua sút rất xa.

Đức hạnh là gì? Thật thà, nghe lời, thật sự tu tập, họ chẳng có những đức hạnh ấy. Ngài A Nan nêu gương đầu tiên, mấy ngàn năm qua đã bồi dưỡng pháp sư giảng kinh bằng phương pháp này. Bồi dưỡng theo cách nào? Pháp sư thăng tòa giảng kinh, trong một giảng đường có 2 điều kiện để tuyển chọn, tức là 2 điều kiện bắt buộc đối với người học kinh để làm pháp sư giảng kinh: Thứ nhất là có trí nhớ tốt, nghe xong một lần sẽ chẳng quên mất; thứ hai là có sức lý giải mạnh mẽ. Đấy là 2 điều kiện cơ bản, không có 2 điều kiện này, quý vị chẳng có cách nào học giảng kinh. Không có cách nào học giảng kinh, thì cùng nhau học tập để tương lai làm hộ pháp. Chùa miếu là một ngôi trường, người giảng kinh là giáo viên, người chẳng giảng kinh làm chức viên (người có chức trách), lo liệu các chuyện hành chính hằng ngày. Trong nhà trường có 2 loại người là giáo viên và chức viên. Vì thế, giáo viên nhất định phải hội đủ 2 điều kiện này!

Bất luận là giáo viên hay chức viên, đức hạnh cơ bản giống như nhau, chúng tôi gọi những đức hạnh cơ bản ấy là 4 "căn cội", tức là *Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp*, lại còn có *Giới luật*, phải trì giới; đấy là khoa mục

chung phổ biến. Mấy người học giảng kinh được thầy chọn ra, ngồi ở hàng đầu tiên, đối diện thầy. Họ ngồi ngay hàng thứ nhất. Hàng thứ nhất phải đảm nhiệm phức giảng. Nghe thầy giảng buổi này xong, ngày mai quý vị phải nhắc lại lời thầy giảng hôm trước một lần, không thêm vào ý nghĩa của chính mình. Thầy giảng như thế nào, quý vị bèn giảng như thế đó. Thầy giảng trật, quý vị cũng giảng trật, cũng chẳng cần phải sửa cho đúng, hoàn toàn chiếu theo thầy. Cổ nhân dùng phương cách này.

Trong quá khứ, chúng tôi học giảng kinh tại Đài Trung theo phương pháp ấy. Thầy Lý giảng kinh một lần cho chúng tôi nghe, chúng tôi ghi nhớ. Ngày mai, chúng tôi phải giảng lại cho thầy nghe, hoàn toàn giống hệt, chẳng thể thêm thắt, có thiếu cũng chẳng sao; đã quên thì có thể chẳng giảng, nhưng chẳng được thêm vào! Thuở ấy, tôi theo thầy, chiếm được một chút tiện nghi, tôi có trí nhớ tốt, có đủ 2 điều kiện này, sức lý giải và trí nhớ rất tốt. Tôi nghe một lượt, nói chung trong vòng một tuần, do trí nhớ mạnh mẽ, tôi có thể nhớ được 95%. Tôi có năng lực ấy. Vì thế, tôi được thầy để mắt tới.

Nếu không có năng lực ấy, quý vị chẳng có cách nào học được! Mức độ thấp nhất là quý vị có thể nhớ được 70%, thì mới có điều kiện học giảng kinh. Nếu chưa đạt được 70%, chẳng có cách nào học tập! Khi đó không có máy ghi âm, đúng là phải cậy vào trí nhớ tốt; vì thế, khá khó khăn! Tôi

theo thầy Lý 10 năm, học 5 bộ kinh, nhất định tuân thủ quy củ làm môn hạ của thầy. Chúng tôi luyện tập giảng kinh tại Đài Trung Liên Xã, còn một nơi nữa là chùa Linh Sơn. Bọn học trò chúng tôi luyện tập giảng kinh ở 2 nơi ấy. Phức giảng, nhất định nghiêm ngặt tuân thủ quy củ.

Tôi sang HongKong giảng kinh *Lăng Nghiêm*. Tôi học bộ kinh lớn ấy từ thầy Lý. Ngài giảng 3 năm, tôi cũng giảng 3 năm, phức giảng. Đã phức giảng kinh ấy một lượt, trong tâm nắm vững, người HongKong mời, tôi liền nhận lời. Nhưng giảng kinh ở HongKong, tôi có thể phát huy, cũng tham khảo chú giải các vị cổ đại đức; đấy là khế cơ, căn cơ HongKong và Đài Loan khác nhau! Vì thế, trong học tập và chính mình vận dụng cũng khác nhau. Học tập là cơ sở, nhất định phải chiếu theo quy củ, theo nề nếp, chớ nên sai lầm thì căn cội của quý vị mới được vun bồi sâu xa. Học giảng kinh theo lối phức giảng, huấn luyện nhẫn nhục, chính mình có kiến giải gì muốn giảng, nhất định phải nhẫn.

Thầy chẳng chấp thuận, chẳng phải là thầy hẹp hòi, không cho quý vị phát biểu ý kiến, mà nhằm bồi dưỡng công phu định lực và lòng khiêm hư cho quý vị. Sợ nhất là ngạo mạn. Nếu một người có mảy may ngạo mạn, thì xong rồi, giống như trong *Luận Ngữ* có nói: *"Như hữu Châu Công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư tắc bất túc quán dã"* (Dẫu có tài hay khéo như Châu Công, nhưng nếu vừa kiêu ngạo lại vừa keo kiệt, thì những điều tốt đẹp khác chẳng đáng để xét tới

nữa). Quý vị muốn đạt được học vấn ấy, thì điều ấy kỵ nhất, mảy may ngạo mạn sẽ hủy sạch toàn bộ. Do vậy, quý vị áp chế điều gì? Dằn ép tập khí ngạo mạn. Đối với chuyện bồi dưỡng thế hệ kế tiếp, cổ thánh tiên hiền dụng tâm vất vả; do vậy, có thể biết là chẳng dễ dàng, thật sự quan tâm quý vị, thật sự bồi dưỡng quý vị.

Con người hiện thời thiếu phúc, nếu dùng chuyện này bó buộc họ, họ sẽ cảm thấy tự do bị xâm phạm, chẳng phục, xong luôn. Do vậy, thầy có thể dạy hay không? Chẳng thể dạy! Chúng tôi ở Đài Trung gồm hơn 20 học trò theo thầy. Trong số đó, chúng tôi biết, có 3-4 người thầy hoàn toàn nghe theo họ. Chính họ thích như thế nào, thầy bèn chiều theo như thế ấy, chẳng hề chỉ trích. Đối với những ai thật sự nghe lời, thầy rất nghiêm khắc, có đánh, có chửi!

Chúng tôi cũng thấy sao mà thầy đối xử đặc biệt tốt với những đồng học khác, luôn cười hề hề? Tuy chúng tôi không nói ra, nhưng thầy nhìn ra thái độ của chúng tôi, tìm tôi, cho biết vì sao thầy đối xử tốt đẹp đối với những người ấy như thế? Họ không chịu học, chẳng nghe lời. Kẻ chẳng nghe lời, không chịu học, quý vị chỉ trích hắn, hắn chẳng tiếp nhận, còn oán hận. Cớ gì phải kết oán với kẻ khác? Quý vị chịu học, tôi bèn dạy; quý vị không chịu học, được thôi! Tùy ý, dự thính! Chúng tôi mới liễu giải dụng tâm của thầy Lý! Đấy là chỗ chúng ta phải học tập, quyết định chớ nên đắc tội với người khác, điều ấy quan trọng lắm! Chịu học là chuyện của

hắn, không chịu học cũng là chuyện của hắn, cần gì miễn cưỡng? Trường học thời cổ có thể miễn cưỡng, vì sao? Cả xã hội đều yêu cầu như vậy.

Xã hội hiện thời là tự do, cởi mở, xã hội chẳng đòi hỏi, chúng ta phải tùy thuận thói đời, phải tùy thuận tâm tình thế gian, chớ nên không biết điều này! Sau khi quý vị hiểu rõ, cuộc sống, xử sự, đãi người, tiếp vật của quý vị sẽ sống động, hoạt bát, chẳng khô khan tí nào. Thiện nhân ưa thích quý vị, mà kẻ bất thiện cũng ưa thích quý vị. Đó gọi là học Phật, đúng là *"Bồ tát sở tại chi xứ, linh nhất thiết chúng sinh sinh hoan hỷ tâm"* (Bồ tát ở chỗ nào đều làm cho hết thảy chúng sinh sinh tâm hoan hỷ), thật đấy! Học Phật mà còn có chấp trước, oán hận, lầm lẫn quá đỗi, quý vị học Phật bằng cách nào? Đức Phật dạy quý vị đoạn phiền não, tăng trưởng Bồ đề. Chúng ta thấy Ngài A Nan kết tập pháp tạng, *"như thị pháp môn, ngã tòng Phật văn"* (pháp môn như thế, ta nghe từ đức Phật), nhất định phải có ý nghĩa thâm mật trong ấy. Chúng ta đã học tập, thì hãy vận dụng ngay trong cuộc sống.

Lại đọc đoạn tiếp theo: *"Thánh nhân vô ngã, nhi A Nan nhưng tự xưng vi Ngã giả, bất hoại giả danh cố"* (Thánh nhân vô ngã, nhưng A Nan vẫn tự xưng là Ta, vì chẳng hoại giả danh). Thánh nhân tu hành đến trình độ nào mới là thánh nhân? Vừa nhập môn, Tu Đà Hoàn, trong Đại thừa thì như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói, địa vị Sơ Tín Bồ tát trong Thập Tín bèn vô ngã, là thánh nhân. Chúng ta thường gọi họ là tiểu

thánh. Họ thật sự là thánh nhân. Vì sao? Đã đạt được vô ngã. Tiểu thánh phá 88 phẩm *Kiến hoặc* trong tam giới. Trong khi dạy học, đức Phật đã quy nạp chúng thành 5 loại lớn cho thuận tiện.

Phẩm *Kiến hoặc* là quá nhiều, quá rườm rà, nên chia thành 5 loại lớn. Thứ nhất là thân kiến, Tiểu thừa Sơ Quả chẳng còn chấp trước thân là ngã. Họ biết thân chẳng phải là ngã, nên sẽ không chấp trước thân là ngã. Thân là gì? Thân là ngã sở hữu (cái ta có), giống như quần áo. Quần áo chẳng phải là ngã, mà là ngã sở hữu. Thân chẳng phải ngã, mà là ngã sở hữu, thấy thân giống như y phục, cho nên gọi là tiểu thánh. Người bình thường sẽ không được, phàm nhân nhất định chấp trước thân là ngã. Ngã là gì? Linh tính là ngã, chẳng phải là linh hồn; nhưng linh tính và linh hồn là một, không hai. Linh hồn là mê, linh tính là giác ngộ. Linh hồn đã giác ngộ gọi là linh tính. Linh tính mê thì gọi là linh hồn. Linh hồn chẳng thoát khỏi lục đạo, còn linh tính ra khỏi lục đạo, vượt thoát lục đạo luân hồi. Tiểu thánh không có thân kiến, chẳng có biên kiến. Chẳng có biên kiến là không có đối lập.

Những năm qua, chúng tôi tham gia hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, thảo luận chủ đề "hóa giải xung đột". Xung đột từ đâu sinh ra? Từ đối lập sinh ra. Nếu không có đối lập, xung đột do đâu mà có? Do vậy, quý vị phải hiểu: Trong Phật môn không có đối lập, mâu thuẫn, hay xung đột. Người khác

đối lập, mâu thuẫn, xung đột đối với ta, ta đối với người ấy chẳng có. Đừng nên đòi hỏi người khác đối xử tốt đẹp với chính mình, mà phải đòi hỏi ta đối đãi người khác như thế nào, thì quý vị mới có thể thành tựu trong Phật pháp. Đòi hỏi người khác đối xử với ta như thế nào, là trật rồi! Đó gọi là gì? Cầu pháp ngoài tâm, biến thành ngoại đạo.

Phật pháp cầu trong tự tâm, chẳng cầu ở bên ngoài. Vì sao? Tâm có thể chuyển cảnh giới. Thí dụ như người khác hủy báng, lăng nhục, hãm hại ta, kẻ chẳng học Phật bèn nói: "Đó là kẻ oan gia đối đầu của ta, ta phải trả thù hắn", khởi lên ý niệm ấy. Ý niệm ấy sai lầm, do chẳng biết Tự và Tha là nhất thể. Quý vị báo thù lần này, oan oan tương báo, luân hồi trong lục đạo chẳng xong, khổ chẳng thể nói nổi, trật rồi! Người giác ngộ sẽ như thế nào? Người giác ngộ biết ta và kẻ khác là nhất thể. Kẻ khác hủy báng, làm nhục, tổn hại ta là vì kẻ ấy mê, chẳng giác, hãy nên tha thứ, chẳng có dấu vết gì, chẳng cần nói là tha thứ, dấu vết gì cũng không có, vẫn hoan hỷ đối với kẻ ấy. Kẻ ấy là gì? Bồ tát.

Lại suy nghĩ sâu xa hơn, người ấy tạo lợi ích cho ta, là ân nhân của ta. Kẻ ấy hủy báng ta, coi thử ta có phải là chẳng khởi tâm động niệm hay chăng? Ta chẳng khởi tâm động niệm là ta được nâng cao. Người ấy giúp ta nâng cao, ta đã vượt qua cửa ải khảo thí ấy. Kẻ ấy hãm hại ta, ta chẳng có chút tâm oán hận nào. Chư vị đọc kinh Đại thừa thấy khi Phật Thích Ca Mâu Ni tu *Nhẫn Nhục Ba La Mật*, Ngài được

gọi là Nhẫn Nhục tiên nhân, gặp vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, đó là chuyện thê thảm, đau đớn dường ấy. Thích Ca Bồ tát chẳng có mảy may tâm oán hận nào, lại còn bảo vua Ca Lợi: *"Trong tương lai, tôi thành Phật sẽ độ bệ hạ đầu tiên. Vì sao? Báo ân bệ hạ. Vì bệ hạ đối xử tử tế với tôi như vậy, khảo nghiệm xem tôi có tâm nhẫn nhục hay không, tôi có thể nhẫn".* Tốt nghiệp *Nhẫn Nhục Ba La Mật*. Ải cuối cùng đã tốt nghiệp rồi. Chịu nổi khảo nghiệm, phàm những ai đến khảo nghiệm đều là ân nhân. Tất cả hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, hễ có hình tướng đều là hư vọng, quý vị chấp trước chúng để làm gì? Sai lầm rồi! Thảy đều buông xuống, ai cũng là người tốt, chuyện gì cũng là chuyện tốt, lẽ nào quý vị chẳng sinh tâm cảm ơn?

Thật sự học Phật, đối với bất luận kẻ nào cũng đều cảm ơn, kẻ ấy đối xử tốt với ta, ta cảm kích kẻ ấy; kẻ ấy đối xử xấu với ta, ta cũng cảm kích kẻ ấy, đều là giúp ta nâng cao. Người đối xử tốt với quý vị, chẳng tham luyến sự tốt đẹp ấy, sẽ đoạn gì? Đoạn phiền não, đoạn tham luyến, tham ái. Kẻ xử tệ với quý vị, giúp quý vị đoạn sân khuể. Ở chỗ này, tùy thuộc quý vị buông xuống tham, sân, si bao nhiêu. Thật sự buông xuống, giống như chẳng có chuyện ấy.

Nếu quý vị hãy còn đôi chút oán hận, chẳng buông xuống, trong thuận cảnh còn hoan hỷ đôi chút, chưa buông xuống. Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn được gọi là thất tình, ngũ dục, đó là phiền não, phải rèn luyện trong hoàn

cảnh, tức hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) và hoàn cảnh vật chất, luyện tới mức chẳng sinh phiền não, tâm bình, khí hòa, giống như trong nhan đề bản kinh này, tâm thanh tịnh hiện tiền. Kẻ khác đối với quý vị tệ bạc như thế ư? Đại ân, đại đức!

Quý vị còn muốn trả thù bậc đại ân đại đức, là xong luôn! Vẫn phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo! Khi nào sẽ có thể thoát ra? Khi nào gặp những chướng nạn, gặp những khảo đảo, tâm bình, khí hòa, sẽ có thể thoát ra. Vì vậy, người tu hành sống ở đâu? Vĩnh viễn sống trong thế giới cảm ơn. Trong thế giới này, chẳng ai đối với quý vị chẳng khởi tác dụng, chẳng có ai không giúp đỡ, thành tựu quý vị, tùy thuộc quý vị có hiểu hay không, có nhận biết hay không?

Lần này, tôi sang thăm Ấn Ni (Indonesia), cũng gặp được một xí nghiệp gia, nói chung kinh doanh khá lắm, mời tôi dùng cơm, hỏi tôi một vấn đề: Có kẻ gạt tiền ông ta, nói chung chẳng ít. Ông ta hỏi tôi: "Có nên kiện kẻ ấy ra tòa để lấy tiền lại hay không?". Tôi nói: "Ông học Phật bao lâu?". "Hơn 10 năm!". Tôi nói: "Nếu ông thật sự học Phật, coi như chuyện ấy đã xong! Vì sao? Số tiền ấy tuy nhiều, nhưng ông có tiền, là một vị đại tài chủ. Đối với ông mà nói, thì món tiền ấy chẳng thấm vào đâu, cần gì phải so đo, cần gì phải ghim trong lòng? Ông cũng chẳng phải là thiếu tiền xài, cũng lại chẳng thiếu món tiền ấy, kẻ ấy dùng cũng giống như ông dùng, có gì khác nhau?".

Tôi coi thử ông ta nghe nói như vậy có hiểu hay không. Nếu ông ta hiểu, sẽ là thật sự học Phật. Nếu nghe mà chẳng hiểu, còn có oán khí, vẫn đi thưa kiện, uổng công học Phật rồi, phí hoài mười mấy năm học Phật. Đấy là gì? Trong khi bị khảo nghiệm công phu, quý vị chẳng thể buông xuống được! Đến cửa ải ấy, vẫn chưa buông xuống được, vẫn là dẫm chân tại chỗ, học Phật chẳng tiến một bước nào! Vì thế, nói tới vô ngã, quý vị thấy điều kiện nhập môn là vô ngã, không có đối lập, không có thành kiến. Tiếp đó là kiến thủ kiến và giới thủ kiến, 2 thứ này là thành kiến. Không có thành kiến, quý vị mới có thể tùy duyên. Điều cuối cùng là không có tà kiến, tri kiến của quý vị rất chính đáng, chẳng thiên lệch, chẳng tà. Chẳng thiên lệch, chẳng tà là do Phật pháp mà đạt được! Nương theo giáo huấn của đức Phật để sống, làm việc, đãi người, tiếp vật chẳng có chuyện gì, vui sướng lắm, hạnh phúc lắm!

Nếu quý vị so đo với người khác, quý vị đáng thương lắm, phiền não vô lượng. Toàn là giả, lục đạo luân hồi là giả, mười pháp giới là giả, cớ gì làm chuyện giả? Coi giả là thật, đó là mê hoặc, điên đảo, sai lầm mất rồi! Hãy nên biết: Người thật sự tu hành là như cổ đại đức đã nói *"tá giả tu chân"* (nương vào cái giả để tu cái thật). Hết thảy đều là giả, ta rèn luyện chính mình trong cái giả, rèn luyện sao cho vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình đều sạch sành sanh, luyện tới mức Nhất niệm bất sinh. Tâm thanh tịnh hiện tiền là A La Hán. Tâm bình đẳng hiện tiền, quý vị là Bồ tát. Nếu

Chính Giác hiện tiền sẽ thành Phật. Những tâm này đều nằm trong nhan đề kinh *Vô Lượng Thọ*.

Chúng ta đọc tiếp: *"Thật tướng vô tướng".* Khi A Nan tự xưng là Ta, chẳng hoại giả danh; bởi lẽ, qua lại với người thế gian, mọi người đều nói Ngã, nếu mình nói chẳng phải là Ngã, mọi người sẽ nghĩ đầu óc ta có vấn đề, cho nên ta cũng nói Ngã. Nhưng ta nói Ngã, ta biết nó là giả, chẳng thật, trọn chẳng chấp trước. Khi quý vị nói Ngã bèn thật sự chấp trước, chẳng giống như Ngài A Nan nói Ngã ở đây. Do phải hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, thì mới có thể trao đổi ý kiến, thực hiện công cuộc giáo học. Do vậy, Phật, Bồ tát ứng hóa trong thế gian này cũng nói Ngã.

Các Ngài hiểu Thật tướng vô tướng,*"cố phi đồng ư phàm phu chi hữu Ngã"* (chẳng giống như phàm phu có Ngã). Phàm phu thật sự chấp trước thân này là ta, Phật, Bồ tát chẳng vậy. *"Thật tướng vô bất tướng"* (Thật tướng chẳng phải là không có tướng). Chẳng phải là không có tướng vì nó hiện huyễn tướng, *"cố phi đồng ư Nhị thừa chi vô ngã"* (nên chẳng giống Nhị thừa vô ngã). Người Nhị thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, họ thật sự chấp trước thân này chẳng phải là ta, chấp trước thân vô ngã, chẳng có cách nào trao đổi với người khác. Vì thế, Bồ tát rất hoạt bát, thông quyền đạt biến, bên trong không có ta, nhưng bên ngoài quý vị nói gì ta cũng đều có thể tùy thuận, ta chẳng tranh cãi với quý vị. Quý vị nói thân này là ta, không sai! Thân này là ta. Đấy là Bồ tát, là Đại thừa.

Tiếp đó, cụ giải thích: *"A Nan tùy thuận thế gian, giả danh vi Ngã, vô quai ư Đệ nhất nghĩa đế"* (A Nan tùy thuận thế gian, giả gọi là Ngã, chẳng trái nghịch Đệ nhất nghĩa đế). Đệ nhất nghĩa đế là vô ngã. Đệ nhất nghĩa đế là tự tính. Trong tự tính chẳng chấp trước Ngã, chẳng có ý niệm về Ngã. *"Hựu Quán Kinh Sớ vân, vô ngã tắc vô văn"* (Lại nữa, *Quán Kinh* nói: "Không có Ngã nên không nghe"). Không có Ngã thì ai nghe? Ai nói, ai nghe? *"Vô văn tắc hóa đạo tuyệt"* (Không có nghe thì sự giáo hóa chấm dứt), giáo học coi như xong, chẳng thể thành lập! *"Vị truyền hóa bất tuyệt, giả danh thuyết Ngã"* (Vì truyền thừa, giáo hóa bất tuyệt, nên giả gọi là Ngã). *"Truyền"* (傳) là lưu truyền giáo pháp, giáo học của Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo hóa chúng sinh, đời đời truyền cho nhau, nhất định phải giả danh nói là Ngã.

Phật, Bồ tát thị hiện trong thế gian này, nếu chẳng thể hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, Phật giáo sẽ đoạn diệt. Do vậy, tiếp xúc với người đời, nhất định phải hằng thuận chúng sinh, họ nói Ngã, ta cũng nói Ngã, chẳng có vấn đề, dễ dàng trao đổi, thông quyền đạt biến, chớ nên không biết những chuyện này. Bởi thế, Phật pháp là sống động, chẳng khô khan chút nào!

Lại xem tiếp, từ *Văn* trong *Ngã Văn*. *"Văn giả, nhĩ căn phát nhĩ thức"* (Văn là nhĩ căn sinh ra nhĩ thức). Văn là từ nơi tai sinh khởi nhĩ thức, nên người ấy mới có thể nghe. Nhĩ căn là nhục thân, nếu trong ấy chẳng có nhĩ thức sẽ

chẳng thể nghe. Người đã chết, thần thức rời khỏi thân, tuy có tai, nhưng chẳng thể nghe. Vì thế, Nghe chẳng phải là tai nghe, mà là thức, tức là Nhĩ thức. *"Kim bất vân nhĩ văn, nhi ngôn ngã văn"* (Nay chẳng nói tai nghe, mà nói ta nghe). Nghe quả thật là do tai, nhưng không nói tai nghe mà nói ta nghe. "*Cái dĩ Ngã tự thống thâu chư căn thức đẳng"* (Vì chữ Ngã bao gồm trọn vẹn các căn thức). Mắt thấy, từ nhãn căn phát sinh nhãn thức, quý vị mới có thể thấy. Nếu lục căn chẳng phát sinh các thức, lục căn sẽ chẳng có cách nào khởi tác dụng. Khi thần thức rời khỏi thân thể, lục căn được gọi là đã chết, chẳng khởi tác dụng. Vì vậy, dùng một từ Ngã là đã nói trọn 6 căn. *"Dĩ tổng đại biệt, dĩ ngã đại nhĩ, cố viết ngã văn. Dĩ thượng như thị biểu tín thuận"* (Dùng tổng quát thay thế riêng biệt, dùng Ngã thay cho Tai, nên nói là "Ta nghe".

Những điều như trên đây nhằm biểu thị sự tín thuận, tín thuận thầy, tín thuận giáo huấn của thầy. *"Ngã văn biểu sư thừa"* ("Ta nghe" biểu thị sư thừa). Những gì ta nói hoàn toàn là lời thầy đã nói. Ta vâng nhận những lời thầy dạy. *"Ngã chi sở văn, giai Thế Tôn kim khẩu sở tuyên, truyền thừa hữu tự, quyết phi tha thuyết, hoặc vi ức tạo, dĩ chi chứng tín"* (Những điều tôi nghe đều do miệng vàng của đức Thế Tôn tuyên nói, truyền thừa có chỗ khởi nguồn đích xác, quyết chẳng phải do kẻ khác nói, hoặc là tôi bịa đặt, dùng điều đó để chứng tín). Đây là nói tới sự truyền thừa, có căn cứ.

Chúng ta học Phật, vị thầy bậc nhất là Phật Thích Ca Mâu Ni, đời đời cũng không trái nghịch, quý vị nói tâm ấy có sâu đậm lắm chăng? Hiện thời, rất nhiều học trò sau khi tốt nghiệp bèn quên tuốt thầy, thậm chí đối với cha mẹ, chính mình trưởng thành bèn độc lập, cha mẹ cũng chẳng cần tới! Trẻ nhỏ lớn lên, thành tựu, rời khỏi gia đình, có khi suốt đời chẳng hề gặp lại cha mẹ.

Chúng tôi ở Mỹ rất nhiều năm, khoảng chừng 15 năm, người Mỹ là như vậy. Thỉnh thoảng, gặp dịp lễ tết, con cái gởi bưu thiếp hỏi thăm một lần, cha mẹ nhận được vui sướng khôn cùng, con cái vẫn chưa quên bẵng ta! Khá nhiều người, con cái đã rời đi, suốt đời chẳng có tin tức gì, đấy là xã hội của họ. Tại Mỹ, 16 tuổi coi như đã thành niên. Nếu thiếu niên 16 tuổi bỏ nhà trốn đi, quý vị đừng tìm nó, có tìm cũng vô ích. Quý vị tìm đến cảnh sát, cảnh sát nói: "Đã 16 tuổi rồi mà quý vị còn phải lo cho nó ư?". Nó có thể tự lập, cảnh sát cũng chẳng tìm cho quý vị. Vì vậy, ý vị tình người chẳng có, chẳng biết phụng dưỡng cha mẹ, chẳng biết tôn trọng thầy.

Gần đây nhất cũng có những bạn bè từ trong nước đến thăm tôi. Chúng tôi cho họ xem gia phả của chúng tôi. Gia phả là lịch sử gia đình; vì sao người Hoa ái quốc như vậy? Vì sao yêu quê hương đến thế? Nguyên nhân ở chỗ này! Người Hoa có từ đường, kỷ niệm tổ tiên, đời đời chẳng quên gốc, căn cội rất sâu. Người Hoa có lịch sử gia đình, truyền thừa từ đời này sang đời kia, làm sao họ chẳng trân quý cho được!

Trong Cách mạng Văn hóa, từ đường không còn, gia phả bị đốt, chúng tôi ở hải ngoại chẳng làm gì được, hằng ngày đọc nghĩ tới chuyện ấy, nên làm như thế nào? Từ đường bị hủy cũng không sao, gia phả có còn hay không? Còn có ai giữ được hay không? Chúng tôi là người ở hải ngoại quan tâm chuyện này nhất. Hỏi dò khắp nơi, nhiều năm chẳng có tin tức gì, hỏi người trong gia tộc họ cũng không biết.

Năm 2005, tôi đích thân về quê hương, gia tộc chúng tôi vẫn được coi là một gia tộc lớn. Ở quê nhà hãy còn một vạn năm ngàn người chưa rời khỏi. Anh em trong họ rất nhiều, tôi hỏi mọi người gia phả có còn hay không? Có ai biết hay không? Trong số ấy, có người cho tôi biết hãy còn. Tôi hỏi: "Ở đâu?". Trong nhà người ấy. "Cớ sao lại dời đến nhà anh?". Khi từ đường bị hủy, người ấy lén lút đem gia phả giấu đi. Giấu trong nhà không ai biết, mãi cho đến hôm tôi hỏi người ấy, người nhà của ông ta cũng chẳng biết. Ông ta bỏ bộ sách ấy trong một chiếc rương nhỏ, xếp dưới gầm giường, không ai biết. Tôi nói bây giờ ông có thể lấy ra, không sao đâu, hãy lấy ra cho chúng tôi xem. Gia phả gồm 37 quyển in theo lối khâu gáy bằng chỉ, chúng tôi như có được món quý báu nhất. Mất đi bộ sách ấy, thì sẽ chẳng còn cội rễ gì nữa!

Do vậy, tôi yêu cầu mọi người, cho chúng tôi in ra 300 bộ, 100 bộ gởi đến thư viện các trường đại học nổi tiếng ở hải ngoại, họ sẽ bảo tồn, chẳng thể bị mất đi. Mọi người đồng ý, làm chuyện ấy thành công.

Truyền thừa Phật pháp, từ Phật Thích Ca Mâu Ni cho đến các vị thầy trong mỗi đời, lịch đại tổ sư đại đức đều có truyền thừa, đều biết do đâu mà có, chẳng phải do chính mình tùy tiện tưởng tượng, chẳng phải là như vậy, thật sự có chứng cứ, đó gọi là Chứng Tín.

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 84

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

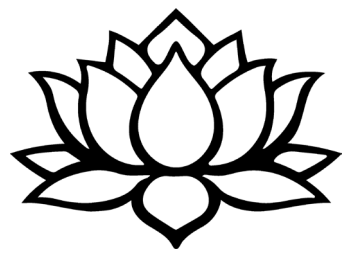

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 93, dòng thứ 2, bắt đầu từ *"Nhất thời".*

"Nhất thời giả, Thời thành tựu dã. Cái thời vô thật pháp, trường đoản tùy tâm, diên xúc đồng thời, tam kỳ, nhất niệm. Như Sớ Sao viết: Hoặc thuyết giả đắc Đà-la-ni, nhất sát-na khoảnh, nhất tự chi trung, thuyết nhất thiết pháp môn, hoặc thính giả đắc tịnh nhĩ căn, ư nhất sát-na, văn nhất tự thời, ư dư nhất thiết tất vô chướng ngại; hoặc thuyết giả thời thiểu, thính giả thời đa, hoặc thuyết giả thời đa, thính giả thời thiểu, hoặc thuyết giả thần lực diên xúc tùy nghi, thính giả căn khí lợi độn bất nhất" ("Nhất thời" là Thời thành tựu. Do Thời chẳng phải là thật pháp, dài hay ngắn tùy tâm, kéo dài hay rút gọn cùng một lúc, 3 A-tăng-kỳ trong một niệm, như *Sớ Sao* đã nói: "Hoặc kẻ nói đắc Đà-la-ni, trong khoảng một sát-na, trong một chữ, nói hết thảy pháp môn. Hoặc người nghe đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong một sát-na, lúc nghe một chữ, đối với những thứ khác đều chẳng chướng ngại. Hoặc người nói trong một thời gian ngắn, người nghe cảm thấy thời gian lâu dài. Hoặc kẻ nói lâu lắc, người nghe thành chốc lát. Hoặc người nói dùng thần lực kéo dài hay rút ngắn tùy nghi, người nghe là căn khí lợi hay độn chẳng phải chỉ một loại").

Chúng ta đọc tới đây. Đây là nói về Thời thành tựu. Đức Phật nói kinh vào lúc nào? Điều này cũng do đức Thế Tôn

dạy Ngài A Nan. 6 thứ thành tựu do đức Phật dạy, sau *"Như thị ngã văn"* là *"Nhất thời"*, Phật ở nơi nào. Chẳng ghi chép năm, tháng, ngày, chỉ nói là *"Nhất thời"*. Lúc chúng tôi mới học Phật, vừa mới nhập môn, đối với chuyện này, chúng tôi rất hoài nghi. Cổ nhân luôn ghi chép năm, tháng, ngày, thời cổ dùng Can Chi để ghi chép. Vì sao đối với kinh Phật, Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh 49 năm, vì sao chẳng chép thời gian, chỉ nói mơ hồ là *"Nhất thời"?* Nói chung là chẳng rõ rệt!

Trải qua bao nhiêu thời gian, nghiên cứu kinh tạng đôi chút, tôi mới thật sự hiểu rõ, nói *"Nhất thời"* là thật, nói ra năm, tháng, ngày là giả, chẳng thật. *"Nhất thời"* là thật. Tiếp đó, giải thích căn cứ theo kinh Đại thừa, đức Phật thường nói Thời chẳng phải là thật pháp. Thời gian, đối lập với thời gian là không gian. Thời gian và không gian đều chẳng thật. *"Thật"* là chân thật. Thời gian và không gian chẳng phải là thật. *"Trường đoản tùy tâm"*: Quý vị thấy thời gian dài hay ngắn, cảnh chuyển biến theo tâm. Không chỉ là thời gian được cảm nhận chẳng giống nhau theo ý niệm sai khác của chúng ta, mà không gian cũng giống như thế.

Không gian lớn hay nhỏ tùy tâm, dần dần nhập cảnh giới Đại thừa bèn hiểu rõ điều ấy. Không chỉ như thế, trong kinh Phật, đúng là chúng ta thấy *"diên xúc đồng thời"*. *"Diên"* (延) là một thời gian dài; *"xúc"* (促) là thời gian ngắn ngủi. Ngắn là một sát-na, dài là vô lượng kiếp. Vô lượng kiếp

và một sát-na đồng thời. Cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới ấy là chân thật. *"Tam kỳ nhất niệm"*: 3 đại A-tăng-kỳ kiếp là một thời gian dài; nhất niệm là thời gian ngắn ngủi. 3 đại A-tăng-kỳ kiếp có thể rút gọn thành nhất niệm. Nhất niệm có thể kéo dài thành 3 đại A-tăng-kỳ kiếp, đó là thời gian rất ư là dài!

Đức Phật nói *"Nhất thời"* là chính xác. Đối với người học Phật chúng ta mà nói, nói *"Nhất thời"* đã ban cho chúng ta hy vọng chân thật. Chúng ta nghĩ thuở ấy, đức Phật giảng kinh này tại *"Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn"*, tức là Linh Sơn, cùng một địa điểm giảng kinh *Pháp Hoa*. Chúng ta có thể tham dự hội ấy hay không? Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, chúng ta có thể đích thân đến nghe hay không? Có thể!

Trong Phật giáo sử Trung Quốc có chép: Khi Trí Giả Đại sư đọc kinh *Pháp Hoa*, nhập định. Trong định, đại sư thấy đức Thế Tôn đang giảng kinh *Pháp Hoa*, Ngài còn ngồi bên cạnh nghe một buổi, nghe một lần. Sau khi xuất định, bảo với mọi người, Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh *Pháp Hoa* tại Linh Sơn, pháp hội còn chưa giải tán, Ngài đích thân tham dự một buổi. Trong định đột phá chiều không gian và thời gian, Trí Giả Đại sư sau Phật Thích Ca Mâu Ni hơn 1.000 năm, mà Ngài có thể tiến nhập đạo tràng hơn 1.000 năm trước, có thể đích thân nghe đức Phật giảng kinh. Không chỉ có thể trở lại quá khứ, mà cũng có thể vượt đến tương lai.

Phật Thích Ca Mâu Ni có thấy thời đại hiện tại của chúng ta hay không? Thấy được! Nếu chẳng thấy, cớ sao Ngài có thể nói đoạn kinh văn *Ngũ Thiêu, Ngũ Thống*? Đoạn ấy miêu tả gì vậy? Xã hội hiện thời của chúng ta, Ngài đã thấy! Không chỉ thấy hiện tại, mà còn thấy tới lúc pháp diệt tận. Đức Phật có nói một bộ kinh là *Pháp Diệt Tận Kinh*, đấy là thời đại nào? Pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni là 12.000 năm. Lúc ấy là 12.000 năm sau khi đức Phật diệt độ. Đức Phật đã nói rõ trạng huống lúc ấy. Chẳng phải là tiên đoán, mà là chính mắt thấy, thấy chính xác.

Khi chúng tôi còn trẻ, thấy rất nhiều dự ngôn của Trung Quốc và ngoại quốc. Tôi từng hỏi thầy Lý, Thôi Bối Đồ[15],

[15] *Thôi Bối Đồ* là một trong 7 tác phẩm tiên tri nổi tiếng nhất. Về 7 tác phẩm dự ngôn nổi tiếng, có thuyết bảo đó là *Càn Khôn Vạn Niên Ca* của Khương Tử Nha, *Mã Tiền Khóa* của Khổng Minh, *Tàng Đầu Thi* của Lý Thuần Phong, *Mai Hoa Thi* của Thiệu Khang Tiết, *Thiêu Bính Ca* của Lưu Bá Ôn, *Hoàng Thi*, và *Kim Lăng Tháp Bi Văn* của Lưu Bá Ôn (trong thuyết này, *Thôi Bối Đồ* không được nhắc tới). Thuyết thứ hai nói 7 tác phẩm ấy là *Mã Tiền Khóa, Thôi Bối Đồ, Thiêu Bính Ca, Càn Khôn Vạn Niên Ca, Tàng Đầu Thi và Mai Hoa Thi.* Thuyết thứ ba gần giống thuyết thứ hai, nhưng thay *Mai Hoa Thi* bằng *Hoàng Bá Thiền Sư Thi*.

Theo các nhà nghiên cứu, *Thôi Bố Đồ* xuất hiện vào khoảng thời gian 626-649, không rõ do ai trước tác. Dân gian thường cho rằng tác phẩm này do Lý Thuần Phong và Viên Thiên Cương biên soạn. Theo đó, Lý Thuần Phong vận dụng *Châu Dịch* để tiên đoán lịch sử Trung Quốc từ thời Đường đến 2.000 năm sau, cho đến khi Viên Thiên Cương đẩy vào lưng, bảo hãy ngưng lại (nên gọi là *Thôi Bối Đồ*). Lời dự ngôn gồm 58 đoạn.

Bản *Thôi Bối Đồ* lưu hành hiện thời có lời giải thích của Kim Thánh Thán. Mỗi một lời dự đoán bao gồm 3 phần Sấm (lời dự đoán chính), Tụng là một bài thơ ngắn nói rộng thêm lời Sấm, Đồ là hình vẽ và phần Quái Tượng chỉ rõ lời Sấm ứng với quẻ nào trong *Châu Dịch*. Chẳng hạn, lời đoán thứ hai như sau: *"Lũy lũy thạc quả, mạc minh kỳ số, nhất quả nhất nhân, tức tân tức cố. Tụng viết: Vạn vật thổ trung sinh, nhị cửu tiên thành thật, nhất thống định Trung Nguyên, âm thịnh dương tiên kiệt"* (Quả to đầy ăm ắp, chẳng biết số bao nhiêu, cứ một quả, một nhân, vừa mới lại vừa cũ. Tụng rằng: Vạn vật sinh từ đất, hai chín thành trái trước, thống nhất, Trung Nguyên yên, âm thịnh, dương cạn trước). Kim Thánh Thán giảng: *"[Đồ hình vẽ] một đĩa đầy ắp quả mận, gồm 21 trái, tức là từ Đường Cao Tổ đến Chiêu Tuyên Đế (Đường Ai Đế Lý Chúc) là 21 đời vua. 'Nhị cửu' có nghĩa là vận của nhà Đường là 289 năm. 'Âm thịnh' chỉ Võ Tắc Thiên nắm quyền, dâm dật, hôn mê, rối loạn triều chính, khiến nhà Đường nghiêng ngả. Sau đấy, đến thời thịnh trị Khai Nguyên (Đường Huyền Tông), tuy đẹp đẽ sánh ngang thời Trinh Quán (Đường Thái Tông), nhưng rồi Dương Quý Phi chuốc họa, tông thất phải bôn tẩu...*".

Thiêu Bính Ca[16] của Trung Quốc có đúng hay không? Thầy bảo tôi: Trong các dự ngôn của cổ nhân Trung Quốc, dự ngôn của Thiền sư Hoàng Bá đáng tin. Vì sao? Ngài thấy trong định. Còn những thứ như Thôi Bối Đồ không nhất định hoàn toàn chuẩn xác, vì tác giả dựa vào lý số, toán học để suy đoán. *Kinh Dịch* của Trung Quốc là một cuốn sách cao thâm về toán học, từ toán học có thể suy đoán. Toán học là mẹ của khoa học.

Nhưng chúng đúng là *"sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm"*, chẳng thể hoàn toàn chính xác, trong ấy vẫn còn có sai lầm. Còn có những tin tức do bọn đồng cốt truyền lại, tùy thuộc những linh quỷ dựa xác bọn đồng cốt thuộc đẳng cấp nào. Tin tức do đồng cốt có quỷ thần cao cấp dựa thân truyền lại thường chính xác. Nhưng tin tức của bọn đồng cốt thuộc tầng lớp rất thấp sẽ chẳng chính xác. Chúng ta biết quỷ đạo có Ngũ Thông, do quả báo mà có, chẳng phải do tu được, do quả báo mà đạt được. Tầng lớp thông linh cũng khác nhau, và tùy thuộc tâm thái mỗi cá nhân khác nhau.

Nay, chúng ta hiểu điều này, tâm thái chủ tể hết thảy: Tâm thái tốt, tầng lớp của quỷ bèn cao; tâm thái bất thiện, tầng lớp của quỷ cũng rất thấp. Nhưng chúng đều có năng lực

[16] *Thiêu Bính Ca* là tác phẩm dự ngôn lưu truyền trong dân gian, tương truyền do quân sư của Minh Thái Tổ là Lưu Bá Ôn nói ra. Theo đó, Minh Thái Tổ (Châu Nguyên Chương) đang ăn thiêu bính (một loại bánh ngọt) thì có Lưu Cơ (Lưu Bá Ôn) cầu kiến, Thái Tổ lấy chén úp lên bánh rồi thách Lưu Bá Ôn đoán dưới chén là gì. Lưu Bá Ôn trả lời đúng, nhân đó, hai người bàn về vận số của nhà Minh. Những lời dự đoán ấy được gọi là *Thiêu Bính Ca. Thiêu Bính Ca* lời lẽ bí hiểm, được rất nhiều người giải thích rất chi tiết, nhưng cũng chỉ là phỏng đoán dựa trên những sự kiện lịch sự đã xảy ra, gần giống như cách giải thích sấm Trạng Trình tại Việt Nam.

vượt qua thời gian và không gian, còn quỷ thuộc tầng lớp thấp, thì mức độ vượt qua chẳng lớn. Những chuyện giống như vậy, trong đời này, đặc biệt là trong thời đại này, chúng ta thường gặp. Vì vậy, chính mình chớ nên không hiểu rõ. Hễ gặp bèn chẳng thấy nó là chuyện hiếm hoi, kỳ lạ gì, đó là một hiện tượng bình thường trong vũ trụ.

Chúng ta nhớ một câu nói của đức Thế Tôn: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*, chớ nên ghim trong lòng. Hễ tiếp xúc thì có thể tham khảo, nhất định phải dùng định tuệ của chính mình để ứng phó, chớ nên dùng tình thức. Dùng tình thức để ứng phó sẽ thường bị thua thiệt, bị lừa. Phải dùng định tuệ, tâm thanh tịnh sẽ chẳng bị chúng ảnh hưởng. Dùng trí tuệ để quan sát, chúng ta sẽ biết ứng phó tin tức nhận được như thế nào, đó là chính xác. Vì vậy, phải nhớ Phật pháp là *"phá mê khai ngộ"*, chẳng mê tín!

Chúng ta thấy ở đây, Hoàng lão cư sĩ nói với chúng ta, trước tiên là những điều kinh nói. *"Như Sớ Sao viết"* (Như *Sớ Sao* nói). *Sớ Sao* là *A Di Đà Kinh Sớ Sao* do Liên Trì Đại sư trước tác. Trong *Sớ Sao*, có mấy câu giảng về *"Nhất thời"* theo cách như vậy. *"Thuyết giả đắc Đà-la-ni"*. *"Đà-la-ni"* là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng trì, bao gồm hết thảy các pháp, trì hết thảy các nghĩa.

Trong Phật học, danh từ này được dùng rất phổ biến, đấy cũng là đắc định khai ngộ. Người học Phật nhất định phải

xem trọng Tam học Giới - Định - Tuệ, không thể coi thường. Nếu Giới chẳng trọng yếu như vậy, cần gì Phật Thích Ca Mâu Ni phải coi trọng dường ấy, cớ gì phải buốt lòng rát miệng khuyên dạy ngần ấy? Nó đúng là rất trọng yếu, là cội rễ! Ngày nay, chúng ta học Phật chẳng thể thụ dụng là do nguyên nhân gì? Chúng ta bỏ sót căn bản. Các đồng học tại gia học Phật sơ sót *Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo* là đại pháp căn bản để tu học Phật pháp.

Quý vị thấy: Trong kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, nói từ pháp nhân thiên. Pháp nhân thiên là gì? Trong lục đạo, quý vị đạt được phương pháp của nhân đạo và thiên đạo. Đó là gì vậy? *Thập Thiện Nghiệp Đạo*. Lên cao hơn là nói tới Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề. Nói cách khác, từ trong lục đạo, quý vị đạt được nhân đạo, thiên đạo, mãi cho đến khi chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn, thảy đều dựa vào *Thập Thiện Nghiệp Đạo;* há chẳng phải là trọng yếu ư? Giống như nay chúng ta xây một cao ốc, xây cao ốc cao đến mấy chục tầng, hay một trăm tầng, *Thập Thiện Nghiệp Đạo* là gì? Là nền móng, là nền tảng.

Quý vị thiếu cơ sở, dù xây vài ba tầng còn chẳng thành, làm sao có thể xây cao ốc một trăm tầng? Càng lên cao, quý vị mới hiểu căn cơ càng bền vững. Hiện thời, chúng ta thấy chẳng ai làm được Thập thiện; vì vậy, tôi thường nghĩ vì sao người thuở trước làm được, mà nay chúng ta chẳng làm

được? Tôi nghĩ thật lâu rồi mới vỡ lẽ: Người thuở trước có thể làm được là do giáo dục gia đình tốt đẹp! Giáo dục gia đình: Trẻ nhỏ vừa sinh ra đã được cha mẹ dạy dỗ, cho nên nó thật sự đặt vững căn cơ. Sau này, khi đọc kinh, qua kinh điển chúng tôi thấy được điều này.

Từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc chẳng dùng Tiểu thừa nữa, dù Tiểu thừa cũng lấy *Thập Thiện Nghiệp Đạo* làm cơ sở. Trung Quốc không dùng Tiểu thừa, mà chọn Nho và Đạo làm cơ sở cho Đại thừa. Trải qua hơn 1.700 năm, đã thí nghiệm thành công. Quý vị thấy từ giữa đời Đường cho đến đầu thời Dân Quốc, trong mỗi triều đại, người tu hành thật sự có khai ngộ, chứng quả, đắc công phu định lực rất nhiều.

84.000 pháp môn, pháp môn nào cũng đều có thể giúp quý vị đắc Tam-Muội. Đắc Tam-Muội là đắc thiền định. Niệm Phật đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền là Niệm Phật Tam-Muội thành tựu. Chúng tôi mới dần dần hiểu rõ: Chúng ta phải học tập bổ sung, bù đắp bằng *Đệ Tử Quy* của Nho gia và *Thái Thượng Cảm Ứng Thiên* của Đạo gia. Có 2 cơ sở này thì *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, Tam quy, Ngũ giới sẽ dễ dàng, thật sự đạt được. Tam quy là thật, chẳng giả. Hiện thời, Tam quy là giả, chẳng thật. Quý vị thấy Tam quy là *"quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng".* Đọc *Lục Tổ Đàn Kinh*, chúng ta liền hoát nhiên đại ngộ. Lục Tổ Huệ Năng là người đời Đường, nhằm thời đại Võ Tắc Thiên. Thuở ấy, lão nhân gia truyền quy y,

chẳng đọc "*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*". Ngài chẳng đọc như thế, mà đọc như thế nào? *"Quy y Giác, quy y Chính, quy y Tịnh".* Vì sao Ngài đọc theo cách ấy? Chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ! Khẳng định là Phật pháp truyền tới Trung Quốc đã hơn 1.000 năm, truyền đã lâu như thế, cho nên xuất hiện rất nhiều sai lệch, lầm lẫn.

Mọi người hễ nghe nói Phật, Pháp, Tăng, chắc là nghe nói đến Phật bèn nghĩ tới tượng Phật, nghe nói "quy y Pháp" bèn nghĩ tới kinh sách, "quy y Tăng" bèn nghĩ tới người xuất gia. Sai rồi! Đó chẳng phải là ý nghĩa thật sự của Tam quy, ý nghĩa thật sự của Tam quy là Giác, Chính, Tịnh. Vì thế, Tổ truyền quy y bèn nói *"quy y Giác, quy y Chính, quy y Tịnh"* rồi mới giải thích *"Phật là Giác, Pháp là Chính, Tăng là Tịnh".* Ngài giải thích cho chúng ta, vừa giải thích như thế, chúng ta bèn hiểu rõ.

Quy y Phật nghĩa là gì? Giác chứ chẳng mê. Chúng ta từ mê hoặc, điên đảo, quay về nương vào tự tính giác, đó là quy y Phật thật sự. Phật trong Tam quy là tự tính Phật của quý vị, chẳng phải là Phật ở bên ngoài. Tượng Phật ở bên ngoài là gì? Nhằm nhắc nhở quý vị, Phật tượng trưng điều gì? Phật tượng trưng tự tính giác. Quý vị thật sự quy y, chẳng phải là quy y bên ngoài, mà là từ mê hoặc, điên đảo quay lại, ta phải giác ngộ, chẳng còn mê hoặc nữa. Quy y Pháp, chính chứ không tà, ta từ tà tri, tà kiến, tà hạnh quay lại, nương theo chính tri, chính kiến, chính hạnh. Tiêu chuẩn này thuộc

về giới luật, mà nền tảng của giới luật là *Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy* dạy quý vị chính tri, chính kiến, chính niệm, chính hạnh. Những điều ấy đều ở trong tự tính.

Thái Thượng Cảm Ứng Thiên gồm một 195 điều. Thiện ác báo ứng cũng là tự tính. Nói chung, Phật pháp từ đầu tới cuối, từ sơ học cho đến địa vị Như Lai, chẳng rời khỏi tự tính. Rời khỏi tự tính sẽ là ngoại đạo. Cầu Phật ngoài tâm, đấy là ngoại đạo. Phật là gì? Phật là tự tính của quý vị, nhất định phải biết điều này.

Quy y Tăng, người xuất gia đại diện Tăng. Thấy người xuất gia bèn ngay lập tức cảnh tỉnh: Ta hãy nên tịnh, đừng nhiễm. Ta từ ô nhiễm quay lại, nương vào tự tính tịnh. Quý vị thấy Huệ Năng Đại sư khai ngộ, câu đầu tiên Ngài nói: *"Nào ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh".* Quy y *"vốn tự thanh tịnh"* là quy y Tăng chân thật, chẳng liên can tới cảnh giới bên ngoài. Vì thế, Phật pháp được gọi là *"nội học"*, hoàn toàn tương ứng với tự tính. Tự tính tịnh, tự tính chính, tự tính giác, quả thật đã được nói trong nhan đề bộ kinh của chúng ta *"Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác"*.

Tự tính tịnh, thanh tịnh là Tăng bảo, bình đẳng là Pháp bảo, giác là Phật bảo. Tam quy y là gì? Chính là 5 từ *"Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác"*, đó là đúng. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, quý vị thật sự quy y. Thầy lấy Tam quy, Tam quy là Phật pháp, bất

luận Đại thừa hay Tiểu thừa, Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiển giáo hay Mật giáo, làm nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao, từ khởi tâm động niệm cho đến ngôn ngữ, tạo tác, chẳng thể rời khỏi thanh tịnh, bình đẳng, giác. Đấy là nguyên tắc chỉ đạo tối cao.

Quý vị thấy: Vừa vào cửa Phật, trước hết liền truyền dạy nguyên tắc này cho quý vị; từ nay trở đi, quý vị nương theo phương hướng và mục tiêu ấy để tu học thì mới có thể siêu phàm nhập thánh. Đấy là Tam quy y thật sự. Nay, chúng ta thọ Tam quy. Thọ xong thì sao? Vẫn mê chứ chẳng giác, vẫn nhiễm chứ chẳng tịnh, vẫn tà chứ chẳng chính, chẳng khác gì chưa thọ, chẳng thay đổi gì hết! Tam quy kiểu đó là giả, chẳng thật! Nếu thật sự Tam quy, trong tâm quý vị chẳng rời khỏi giác, chính, tịnh. Trong kinh, đức Phật bảo chúng ta, ngày đêm có 36 vị thần hộ pháp bảo vệ quý vị; đối với mỗi điều trong Ngũ giới đều có 5 vị thần hộ giới. Ngũ giới quý vị đều làm được thì có 25 vị thần hộ giới bảo vệ quý vị.

Quý vị sẽ không bị tà mị dựa thân, chẳng bị là do thần hộ pháp và thần hộ giới của quý vị rất nhiều. Học Phật mà vẫn còn có hiện tượng bị ma quỷ dựa thân, cho thấy quý vị chưa làm được Ngũ giới, thần hộ giới lẫn thần hộ pháp đều lánh xa, bỏ đi, chẳng hộ trì quý vị. Nhất định phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta thọ Tam quy hoặc thọ giới, có cần phải đến giới đàn tiếp nhận theo nghi thức truyền giới hay không?

Thưa quý vị, nghi thức không quan trọng. Thuở tôi mới học Phật, Chương Gia Đại sư bảo tôi: *"Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức"*.

Thực chất là gì? Quý vị thật sự phát tâm muốn học, sẽ được! "Tôi thật sự phát tâm muốn học Phật, tôi đọc kinh điển thấy viết về Tam quy y, tôi thật sự muốn học, nghiêm túc học tập, tôi hiểu rõ", tức là quý vị thật sự thọ. Thấy Ngũ giới dạy "chẳng sát sinh", chính mình bèn phát nguyện, suốt đời này ta trọn chẳng tổn thương, gây hại hết thảy chúng sinh, quý vị đạt được giới điều này! Chẳng trộm cắp, ta phát tâm suốt đời này trọn chẳng chiếm chút tiện nghi nào của người khác, quý vị đạt được giới điều này. Tại giới đàn, tiếp nhận những nghi thức, nhưng chẳng làm được thì vẫn vô dụng! Đấy chẳng phải là thật.

Những vị thần hộ pháp chỉ nhận thật, chẳng nhận giả. Hễ giả, họ vừa nhìn bèn cười khì, xong chuyện! Còn thật thì tuy chẳng trải qua những nghi thức tại giới đàn, họ vẫn một mực thủ hộ quý vị. Đạo lý này là sự thật, chúng ta phải hiểu rõ ràng.

Dường như vào năm 1999, tôi sang Tân Gia Ba (Singapore), giảng kinh, dạy học tại Cư Sĩ Lâm, quen biết Tổng thống hiện thời là tiên sinh Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan), khi ấy, ông ta mới vừa từ Mỹ trở về. Ông ta là đại sứ của Tân Gia Ba tại Mỹ, vừa mới trở về. Chúng tôi dùng cơm

với nhau, ngồi với nhau, ông ta cho biết: Ông ta là người Ấn Độ, là tín đồ Ấn Độ giáo. Tầng ba của tòa cao ốc này là Ấn Độ giáo. Ông ta nói: *"Tôi vô cùng ưa thích Phật giáo, Phật giáo trọng thực chất, không trọng hình thức".* Ông ta nói một câu như thế, khi ấy, tôi nghe xong, hết sức kinh ngạc.

Trong quá khứ, tôi chỉ nghe Chương Gia Đại sư nói câu ấy, chưa nghe người thứ hai nào nói, không ngờ ông ta có thể nói ra câu ấy. Đấy là bậc thông hiểu, chẳng phải là kẻ lơ mơ. Về sau, ông ta trở thành Tổng thống Tân Gia Ba, mãi cho đến bây giờ vẫn là Tổng thống Tân Gia Ba. Khi tôi ở Tân Gia Ba, mỗi năm tối thiểu có đôi ba lần gặp gỡ; vì thế, chúng tôi cũng rất thân thuộc!

Đắc Đà-la-ni chính là đắc định, khai ngộ, người ấy có năng lực trong khoảng một sát-na, thời gian ấy rất ngắn, vài giây, trong một chữ, nói hết thảy các pháp môn. Hết thảy các pháp do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm, có thể trình bày trọn hết trong một giây, trong một chữ ư? Có thể! Nếu có người biết nghe, đó là gì? Là thông tin! Quý vị thấy hiện thời một bộ *Đại Tạng Kinh*, chẳng ít, đóng thành sách bìa cứng gồm 120 tập, có thể rút gọn lại trong một con chip. Đúng là nhỏ như một cái móng tay, trong con chip ấy là toàn bộ *Đại Tạng Kinh*.

Cổ nhân cũng có một phương pháp xảo diệu, kinh *Hoa Nghiêm* rất dài, thật đấy, chẳng giả; tôi chẳng biết ở Đại Lục

hiện thời có còn làm như vậy hay không. Cổ nhân đúc bộ kinh *Hoa Nghiêm* lên chuông, mặt ngoài, bên trong hồng chung đều là kinh văn, chuông vừa gõ, toàn bộ kinh *Hoa Nghiêm* được xướng lên. Quý vị thấy đó. Trong một niệm sẽ là toàn bộ kinh *Hoa Nghiêm.* Người biết nghe thì ngay trong một niệm liền hiểu rõ toàn bộ kinh *Hoa Nghiêm*, được thụ dụng. Cũng giống như vậy, ở Đại Lục, kinh *Pháp Hoa*, kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Kim Cương*, kinh *Di Đà* được đúc trên chuông rất nhiều, họ có khuôn mẫu để đúc trên chuông. Đấy là *"Trong một chữ, chứa đựng hết thảy các pháp môn".* Kinh *Hoa Nghiêm* nói: *"Một tức hết thảy. Hết thảy tức một",* chính là ý nghĩa này.

"Hoặc thính giả đắc tịnh nhĩ căn, ư nhất sát-na, văn nhất tự thời, ư dư nhất thiết tất vô chướng ngại" (Hoặc là người nghe đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong một sát-na, khi nghe một chữ, đối với hết thảy các thứ khác đều không chướng ngại). Đây là nói người nghe khai ngộ. Người ấy nghe một chữ, hay nghe một câu bèn hiểu rõ toàn bộ. Đấy là gì? Đắc tịnh nhĩ căn. Chúng tôi nghĩ đến trường hợp Lục Tổ Huệ Năng Đại sư, Ngài ở trong phương trượng thất của Ngũ Tổ. Ngũ Tổ giảng kinh *Kim Cương* cho Lục Tổ, chúng tôi phỏng đoán thời gian ước chừng một giờ, tối đa là hai giờ, không thể lâu hơn hai giờ đồng hồ.

Ngũ Tổ giảng đại ý kinh *Kim Cương*, giảng đến câu *"Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm"* (Hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sinh tâm), Lục Tổ bèn hoát nhiên đại ngộ, thưa bày điều

tâm đắc: "*Nào ngờ tự tính, vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tính, vốn chẳng sinh diệt. Nào ngờ tự tính, vốn tự trọn đủ*". Những câu ấy tuyệt diệu, trong tự tính chẳng thiếu thứ gì, như trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã nói, trí tuệ và đức tướng chẳng thiếu, thảy đều trọn đủ. Thảy đều trọn đủ là đầy đủ Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới, đều thuộc trong tự tính, chẳng lìa khỏi tự tính. *"Nào ngờ tự tính, vốn chẳng lay động"*. Vốn chẳng lay động là tự tính vốn định. Cái tâm của chúng ta hiện thời là niệm này diệt, tức niệm trước diệt, niệm sau sinh. Đấy chẳng phải là tự tính, mà là A Lại Da. Tự tính là chân tâm. A Lại Da là vọng tâm. Vọng tâm là động. Chân tâm là định, chẳng dấy động. Câu cuối cùng: *"Nào ngờ tự tính, có thể sinh ra muôn pháp"*. Nó hiển lộ, có thể sinh ra vạn pháp. Hễ nó ẩn, thì hết thảy các pháp đều chẳng thấy.

Tự tính chẳng phải là sắc pháp, chẳng phải là vật chất, mà cũng không phải là tinh thần. Trong kinh miêu tả tự tính bằng từ ngữ Thường Tịch Quang. Thường là vĩnh hằng, Tịch là tịch tĩnh, trong ấy thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm, không có ý nghĩa sinh diệt, nó là quang minh, cho nên còn gọi là Đại Quang Minh Tạng. Đấy là sự miêu tả của kinh điển đối với tự tính. Tự tính ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại.

Thời gian và không gian đều do nó biến hiện. Đấy là Huệ Năng Đại sư đắc tịnh nhĩ căn. Trong một thời gian rất ngắn,

nghe mấy câu, toàn bộ đều chẳng chướng ngại, đều hiểu rõ, thông đạt rành rẽ hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm, chẳng hiểu lầm tí nào! Người nói đắc Đà-la-ni, nghe đắc tịnh nhĩ căn, giáo học quá thuận tiện, quá dễ dàng! Dưới tòa của Huệ Năng Đại sư quả thật có mấy người giống như vậy, khai ngộ trong hội của Ngài tổng cộng 43 người, trong ấy có vài người có tình hình như thế. Đặc biệt rõ rệt là Vĩnh Gia Đại sư, tác giả của bài *Chứng Đạo Ca*.

Quý vị thấy Vĩnh Gia Đại sư là một trường hợp như vậy, khai ngộ nhờ một câu nói của Lục Tổ. Khai ngộ rồi Ngài muốn rời đi. Lục Tổ hỏi: "Sao ông đi nhanh như thế?". Quý vị thấy Ngài trả lời vô cùng ý nghĩa: "Ở lại một đêm!". Đến ngày hôm sau mới đi, vì thế gọi là *"Nhất túc giác"* (Một đêm giác ngộ). Ngài trụ một đêm tại nơi hiện thời là Nam Hoa Tự một đêm, ngày hôm sau mới đi. Vốn Ngài muốn đi ngay trong lúc ấy, quay đầu đi luôn, thật sự khai ngộ.

Ngài là một trong 43 người khai ngộ; đấy là Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác. Từ truyện ký Trung Quốc, chúng ta thấy xuất gia lẫn tại gia đều có người đạt được cảnh giới ấy!

"Hoặc thuyết giả thời thiểu, thính giả thời đa" (Hoặc người nói trong thời gian ngắn, người nghe cảm thấy thời gian dài). Khi nói, thời gian cũng chẳng nhiều, người nghe cảm thấy thời gian rất dài, nghe rất nhiều. Hoặc là người nói thời gian dài, người nghe cảm thấy thời gian ít, cho thấy rõ

ràng thời gian chẳng phải là pháp cố định. *"Hoặc thuyết giả thần lực diên xúc tùy nghi"* (Hoặc người nói dùng thần lực kéo dài hay rút ngắn tùy nghi), đấy là nói tổng quát. Người giảng kinh có thần thông, thời gian dài hay ngắn có thể biến hóa theo ý niệm.

Người ấy có ý niệm "hy vọng thời gian lâu dài" nó sẽ biến thành dài. Chẳng cần một thời gian dài, chỉ trong thời gian ngắn, người nghe có thể khế nhập cảnh giới, thời gian bèn có thể rút ngắn. *"Thính giả, căn khí lợi độn bất nhất"* (Căn khí của người nghe là lợi căn hay độn căn chẳng phải chỉ một). Căn khí nhạy bén có thể ngộ nhập trong một sát-na. Căn khí độn phải mất một thời gian khá dài mới có thể ngộ nhập. Chúng ta thường nói *"Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài"* là đối với căn cơ nào? Độn căn! Lợi căn không cần. Nhưng chúng sinh trong lục đạo lợi căn quá ít, độn căn nhiều; vì thế, nhiều kinh luận đều thiên về độn căn để giảng, đề xướng *"Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài"*. Đấy là nói với kẻ độn căn, chẳng phải dành cho kẻ lợi căn, chẳng dạy lợi căn theo cách ấy! Lợi căn thật sự là *"nghe một, ngộ cả ngàn"* giống như Huệ Năng Đại sư là bậc lợi căn, trong thời gian rất ngắn, qua mấy câu, đã hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ, thông đạt hết thảy các pháp. Độn căn cũng là như vậy, họ có thể huân tu lâu dài, 10 năm, 20 năm, 30 năm bèn đại triệt đại ngộ.

Vì sao căn tính khác nhau? Nói thật ra, ai nấy có cùng một tự tính, há lẽ nào khác nhau; nhưng do trong kiếp quá

khứ, hoàn cảnh sống của mỗi cá nhân khác nhau, nếu bỏ sót giáo huấn của thánh hiền sẽ bị nhiễm dơ; có người bị ô nhiễm nghiêm trọng, có người ô nhiễm nhẹ hơn, chẳng phải là do đạo lý ấy hay sao? Ô nhiễm nhẹ, căn cơ bèn nhạy bén. Ô nhiễm nghiêm trọng, căn cơ chậm lụt. Nếu suy xét cẩn thận, căn cơ lợi hay độn cũng liên quan đến đời quá khứ. Chúng ta biết: Chúng ta luân hồi trọn chẳng phải chỉ một đời này, trong quá khứ, đường nào cũng đều đã sinh vào, mọi người đều giống như vậy, chẳng có ngoại lệ. Trong quá khứ, quý vị cũng đã làm thiên vương, thiên thần, mà cũng đã biến thành súc sinh, cũng từng đọa địa ngục, đều như nhau.

Nhưng trong lục đạo, nhân đạo rất đặc thù, nhân đạo là mấu chốt: Sinh lên thiên đường phải qua nhân đạo, đọa tam đồ cũng trải qua nhân đạo, thoát khỏi tam giới chứng Bồ Đề cũng ở ngay trong nhân đạo. Nhân đạo là mấu chốt, là cốt lõi. Tu thiện, tu phúc trong nhân đạo, đời sau hưởng báo trong thiên đạo. Phải nên thay một từ trong "hưởng phúc" cho thích hợp hơn, tức là "tiêu phúc". Quý vị tu phúc, phúc báo ấy phải tiêu trừ. Vì sao phải tiêu trừ? Trong tự tính không có thứ ấy, đó là ô nhiễm, chẳng thanh tịnh.

Huệ Năng Đại sư nói: *"Nào ngờ tự tính, vốn tự thanh tịnh"*. Tội và phúc đều chẳng phải là thanh tịnh. Trong tự tính không có những thứ ấy. Do vậy, quý vị tu phúc báo nhiều như vậy, phải lên cõi Trời để tiêu. Hưởng phúc là tiêu phúc báo. Quý vị làm chuyện bất thiện thì sao? Vào trong

tam đồ để tiêu tội nghiệp, thảy đều tiêu trừ, bèn trở lại nhân gian, lại trở về nơi này. Nếu quý vị gặp gỡ Phật pháp, rất khó có, quý vị vượt thoát, đấy là tình trạng thật sự trong lục đạo. Lúc ở trong nhân đạo, đúng là tùy theo ý niệm của chính mình mà đường nào cũng đều có thể vào. Nhưng quý vị ở trong đường nào mà nghiệp thuộc đường ấy chưa tiêu, sẽ chẳng thể rời khỏi đường ấy! Đó là căn khí lợi hay độn không giống nhau.

"Cổ vị tam thừa phàm thánh sở kiến Phật thân báo hóa, niên tuế đoản trường, thành Phật cửu cận, các các bất đồng cố" (Cổ nhân nói: "Tam thừa phàm thánh thấy báo thân và hóa thân của Phật có thọ mạng dài hay ngắn, thành Phật đã lâu hay gần đây, mỗi người mỗi khác"). Đây cũng là hiện tượng có thật. Do vậy, ta biết lời đức Phật dạy là đúng: *"Hết thảy các pháp sinh từ tâm tưởng"*. Câu này quá quan trọng. Trong hết thảy cảnh giới, nếu chúng ta thường có thể khởi lên câu này, quý vị sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, mà có thể chuyển đổi cảnh giới. Hết thảy các pháp sinh từ tâm tưởng. Tâm tưởng của ai? Tâm tưởng của chính mình. Đã là sinh từ tâm tưởng của chính mình, vì sao ta chẳng sinh Phật? Sinh Phật bằng cách nào? Niệm Phật bèn sinh Phật. Niệm niệm là A Di Đà Phật. Niệm niệm bèn sinh A Di Đà Phật.

Trong *Cao Tăng Truyện* có chép vị Tổ thứ 2 của Tịnh tông là Thiện Đạo Đại sư đời Đường. Theo truyện ký ghi chép, lão

nhân gia niệm Phật, niệm Phật hiệu một tiếng, trong miệng tỏa ra một tia bạch quang. Trong bạch quang có một tượng Phật A Di Đà, niệm mỗi câu đều hiện tượng Phật. Theo truyện ký cho biết, Thiện Đạo Đại sư là Phật A Di Đà tái lai, đó chính là Phật A Di Đà thị hiện cho chúng ta thấy. Thị hiện điều gì? *"Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật. Niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*.

Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có ánh sáng hay không, có Phật hay không? Có! Khẳng định là có. Vì sao không thấy? Chúng ta nghiệp chướng chưa tiêu trừ, ánh sáng và Phật rất nhạt, người bình phàm chúng ta chẳng thấy được. Thiện Đạo Đại sư niệm Phật, quang minh và Phật mọi người đều có thể trông thấy vì tâm Ngài thuần, thuần tịnh, thuần thiện. Đúng là niệm niệm tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, cho nên Ngài hiện tướng rõ rệt như vậy. Đạo lý là như vậy đó!

"Tam thừa phàm thánh": Tam thừa là Bồ tát, Duyên Giác, Thanh Văn. Đấy là thánh. Tam thừa đều là thánh. Phàm là lục đạo phàm phu. Chúng ta học Phật, thấy thân Phật, Phật có báo thân, hóa thân, tuổi thọ dài hay ngắn, thành Phật đã lâu hay gần đây, mỗi người thấy khác nhau.

Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong thế gian này, thế thọ, tức tuổi thọ trên thế gian này là 80 tuổi. Người Trung Quốc tính tuổi theo lối hư tuế (tuổi ta) là 80 tuổi; người

ngoại quốc nói tuổi thật sự, nên là 79 tuổi. Đức Phật thị hiện thành đạo lúc 30 tuổi, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, sau khi thành đạo bèn bắt đầu giáo học. Dạy cho đến khi Ngài viên tịch, 79 tuổi viên tịch. Vì thế, thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội.

Chúng ta thấy sách này nhắc tới thân tướng của Phật Thích Ca Mâu Ni, đó là ứng thân, tức thân ứng hóa, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Kinh ghi chép thân Phật cao 1,6 trượng, tức *"trượng lục kim thân"*.

Khi chúng ta thấy "một trượng sáu", bèn nghĩ quá lớn, cao gấp đôi người thông thường! Chẳng phải vậy! Thước trong hệ thống đo lường thuở ấy chẳng dài như vậy. Chúng ta hãy xem trước tác của Hoằng Nhất Đại sư. Hoằng Nhất Đại sư nghiên cứu giới luật, Ngài có bài *Châu Xích Khảo* (Khảo sát về thước đời Châu). Ngài đã nghiên cứu đời Châu, một thước vào đời Châu dài bao nhiêu? Gần như bằng 6 tấc hiện thời, nói theo thị xích[17], tức một thước đời Châu bằng 6 tấc của một thị xích Trung Quốc hiện thời. Đo lường thời cổ và hiện tại khác nhau. Do vậy, chiếu theo đó, Phật Thích Ca Mâu Ni là người có chiều cao rất bình thường, chẳng có gì đặc biệt lắm. Thị hiện 8 tướng thành đạo, hợp tình, hợp lý, chúng ta đọc được điều ấy từ kinh thư.

---

[17] "Thị xích" (市尺) là đơn vị đo lường được áp dụng tại Đài Loan và Hương Cảng. Chữ *"thị xích"* hàm ý thước được dùng trong thị trường nhằm phân biệt với Công xích (mét) và Anh xích (foot). Một thị xích bằng 1/3 mét, tức 33,33 cm. Một thị xích gồm 10 thốn (tấc), như vậy một thước đời Châu bằng 6 thốn của thị xích, tức là chừng 18 cm.

Hóa thân cũng rất nhiều. Thuở trước, tôi sang HongKong giảng kinh lần đầu, pháp sư Thánh Nhất bảo tôi, thuở ấy, Đại Lục vẫn chưa mở cửa, bọn họ gồm 3 vị pháp sư đi triều bái Bồ tát Quán Thế Âm. Triều Âm Động ở Phổ Đà Sơn là nơi Bồ tát thường hiện thân, họ thành tâm thành ý đến lạy, lễ bái ở cửa động. Họ là 3 người xuất gia. 3 người kết bạn, lạy ở cửa động nửa giờ, Bồ tát Quán Thế Âm xuất hiện, 3 người đều hoan hỷ.

Lúc trở về, 3 người trò chuyện, hỏi nhau có thấy Bồ tát hay không? Thấy! 3 người đều thấy, "nhưng ông thấy như thế nào?". Pháp sư Thánh Nhất thấy Bồ tát có hình dạng giống như Bồ tát Địa Tạng, đội mão Tỳ Lô. Bồ tát Địa Tạng đội mão, kim thân, tức toàn thân là sắc vàng, Ngài thấy hình tượng ấy. Một pháp sư khác thấy Bồ tát hiện hình Bạch Y Quán Âm giống như chúng ta thường thấy hình tượng Bạch Y Quán Âm, thầy ấy thấy hình dáng đó. Còn một vị pháp sư nữa thì thấy Ngài là người xuất gia, mang hình dáng Tỳ-kheo. Quý vị thấy 3 người cùng lúc lạy Bồ tát Quán Thế Âm tại động Triều Âm, đều thấy được Bồ tát, nhưng hóa thân khác nhau, thời gian dài hay ngắn cũng khác nhau. Có người thấy hơn nửa giờ rồi tướng ấy chẳng còn nữa. Có người thấy mấy phút; đấy là mỗi cá nhân duyên phận khác nhau. Những việc như vậy rất phổ biến, cũng có thể là bản thân chúng ta đã từng gặp.

Chúng ta lại thấy cụ Niệm Tổ viết tiếp: *"Kim chỉ thủ Phật cập đệ tử sư tư cơ cảm tương ngộ chi khoảnh, thuyết thính*

sự tất, tiện danh Nhất thời dã" (Nay chỉ lấy lúc Phật và đệ tử, thầy trò cơ cảm gặp gỡ, nói nghe xong xuôi bèn gọi là Nhất thời). Đây là cách nói của những nhà giảng kinh từ xưa, những pháp sư giảng kinh đều chọn cách nói này để giải thích từ *"Nhất thời"*. *"Nhất thời"* là lúc gặp gỡ.

Phật Thích Ca Mâu Ni khai thị, giảng kinh *Vô Lượng Thọ* cho chúng ta, giảng viên mãn bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này thì gọi là *"Nhất thời".* Rất nhiều nhà giảng kinh đều nói theo cách này; vì thế, quý vị thấy *Phật Địa Luận* cũng giảng giống như vậy: *"Thuyết thính cứu cánh, tổng ngôn Nhất thời"* (Nói nghe xong xuôi, gọi chung là "Nhất thời"). Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp, chúng ta nghe pháp. Ngài giảng xong, chúng ta cũng nghe xong, đấy là *"Bất ngôn mỗ niên, mỗ nguyệt, đản dĩ sư cập đệ tử, cơ ứng hòa hợp, thuyết thính sự tất, tức danh Nhất thời"* (Vì thế trong kinh chẳng nói năm nào, tháng nào, chỉ lấy chuyện thầy và đệ tử cơ cảm tương ứng, hòa hợp, nói và nghe xong xuôi, liền gọi là *Nhất thời*). *"Cơ ứng"*: Cơ là học trò, chúng sinh có cảm, Phật bèn có ứng. *"Cơ ứng hòa hợp"* cũng chính là cảm ứng đạo giao. Nói nghe đã viên mãn, bèn gọi là Nhất thời.

Tiếp đó, cụ Hoàng bảo chúng ta: *"Hựu kinh trung bất cử niên nguyệt giả, các địa lịch pháp bất đồng"* (Lại nữa, trong kinh chẳng nêu năm tháng vì lịch pháp các nơi sai khác). Lịch pháp Ấn Độ và Trung Quốc khác nhau, dẫu ghi chép năm, tháng, ngày thì người Hoa cũng chẳng có cách nào khảo sát.

"Hựu thế giới thời phần bất nhất" (Lại nữa cách phân định thời gian trên thế giới chẳng giống nhau). Nếu quý vị mở rộng phạm vi, hướng đến đại thế giới, nay chúng ta gọi là *"múi giờ sai khác"* (thời sai), thì múi giờ sai biệt khác nhau.

"Tứ Thiên Vương Thiên nhất nhật, tiện thị nhân gian ngũ thập niên" (Một ngày trên cõi Trời Tứ Thiên Vương là 50 năm trong nhân gian). Tứ Thiên Vương là tầng thấp nhất của 6 tầng trời thuộc Dục giới, gần chúng ta nhất, được gọi là Tứ Đại Thiên Vương. Thời gian trên cõi Trời ấy khác biệt với thời gian trên địa cầu rất lớn, một ngày của họ bằng 50 năm trong nhân gian. Đao Lợi Thiên lại lâu gấp đôi. Người Trung Quốc gọi chúa tể Đao Lợi Thiên là Ngọc Hoàng Đại Đế, một ngày trên cõi Trời Đao Lợi bằng 100 năm trong nhân gian. Lên cao hơn, tăng gấp bội. Một ngày trên cõi Trời Dạ Ma bằng 200 năm trong nhân gian. Một ngày trên Đâu Suất Thiên, đạo tràng của Bồ tát Di Lặc ở đó, một ngày ở đó bằng 400 năm trong nhân gian. Vì thế, Đâu Suất Thiên thấy nhân gian rất đáng thương, con người sống 100 tuổi, chỉ là 1/4 của một ngày trên Đâu Suất Thiên, tức 6 giờ, họ thấy chúng ta chỉ sống 6 giờ, chưa được nửa ngày. Vì thế, nói *"Thời phần chẳng nhất định".*

"Thả hiện đại khoa học chứng minh" (Hơn nữa, khoa học hiện đại chứng minh), lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ học khoa học, *"Thái dương vi nhiễu Ngân hà hệ trung tâm vận hành nhất châu (tức thái dương thượng chi nhất niên)"* (Mặt trời xoay

quanh hệ Ngân hà một vòng, tức là một năm mặt trời). Một vòng ấy được gọi là một năm, tức *"thái dương niên".* Một năm mặt trời bằng bao nhiêu năm trên địa cầu? *"Tương đương ư địa cầu thời gian chi nhị vạn vạn niên"* (Tương đương với thời gian hai vạn vạn năm trên địa cầu), tức hai ức năm! Mặt trời xoay quanh Ngân hà một vòng, một năm mặt trời là hai ức năm trên nhân gian.

"Tắc thời gian tùy vật thể vận động tốc độ nhi biến dị, bổn phi định lượng. Cố kinh trung kỳ ngôn nhất thời tối thiết thực tế" (Vậy thì thời gian tùy thuộc tốc độ chuyển động của vật thể mà thay đổi khác biệt, vốn chẳng phải là một đại lượng cố định. Vì thế, trong kinh nói "Nhất thời" sát với thực tế nhất). Nói thật ra, nói *"Nhất thời"* hay quá. *"Nhất thời"* là gì, rốt cuộc giải thích như thế nào? Nay, chúng tôi đã hiểu, liễu giải ý Phật, tức là như Bồ tát Di Lặc đã nói một niệm, trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm. Một niệm ấy là *"Nhất thời".* Hết thảy hiện tượng vật chất trong vũ trụ đều là huyễn tướng tích lũy liên tục của ý niệm, do vậy, nói *"Nhất thời"* rất chính xác, rất chân thật. *"Nhất niệm"* là một phần trong ba trăm hai mươi triệu phần của một cái khảy ngón tay, chẳng phải là một giây; nếu là giây thì giây hãy còn dài, niệm là một phần rất nhỏ của một cái khảy ngón tay.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *"Phật giả, Chủ Thành Tựu dã"* (Phật là Chủ Thành Tựu). Chủ là chủ tịch đại hội, chủ giảng trong giảng đường. Ở đây, chúng tôi dùng từ *"chủ*

giảng" mọi người sẽ dễ hiểu. Vì đức Phật giáo học, nên lão nhân gia là chủ giảng. *"Phật vi nhất thiết chúng sinh chi tông chủ, cố danh vi Chủ"* (Đức Phật là đấng chính yếu được hết thảy chúng sinh tôn sùng, nên gọi là Chủ). Đối với ý nghĩa chữ Tông (宗), tại Trung Quốc, nói thông thường sẽ có 3 ý nghĩa: Thứ nhất là *chủ yếu*, ý nghĩa thứ hai là *trọng yếu*, ý nghĩa thứ ba là *tôn sùng*.

Vì vậy, chúng ta dùng 3 ý nghĩa này để nói về Phật giáo, giáo dục của Phật Đà là gì? Giáo dục của Phật Thích Ca Mâu Ni trong thế gian này là giáo dục chủ yếu, là giáo học trọng yếu, là sự giáo hóa đáng tôn sùng. Bản thân Phật môn xưng là Tông Giáo, chẳng liên quan gì đến ý nghĩa được bao hàm trong danh từ "tôn giáo" hiện thời. Bản thân Phật môn xưng là Tông Giáo, vì nó có 2 thứ phương pháp giáo học hoàn toàn khác nhau là Tông Môn và Giáo Hạ. Tông Môn là Thiền tông, phương pháp giáo học của Thiền tông và 9 tông còn lại khác nhau. 9 tông kia gọi là Giáo Hạ, giống như trong trường học. Giáo Hạ là nói với ai? Nói với kẻ độn căn. Trong Phật pháp, thường nói là những giáo huấn "giảng cho căn cơ trung, hạ". Căn cơ trung, hạ chiếm tỷ lệ tối đa, nên phải dùng Giáo. Giáo là giáo học trong một thời gian dài. Vì vậy, đề xướng *"thâm nhập một môn, huân tu dài lâu"* dành cho người thuộc căn cơ trung, hạ. Đối với người thượng thượng căn, thông minh tuyệt đỉnh, thiên tài, chẳng cần phải phiền phức như thế, họ có năng lực đốn ngộ.

Vì thế, nói thật ra, đốn ngộ là ngộ như thế nào? Buông xuống bèn khai ngộ. Trong kinh, đức Phật đã nói điều này rất rõ ràng. Chúng ta đều nên ghi nhớ, cũng có thể nói là đối với vọng tưởng, phân biệt, chấp trước như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói, quý vị có thể đốn xả 3 thứ ấy, hễ buông xuống bèn khai ngộ. Thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni ở dưới cội Bồ Đề, ban đêm thấy sao Mai, do triệt để buông xuống bèn đại triệt đại ngộ. Trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, Huệ Năng Đại sư nghe câu *"Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm"*, Ngài buông xuống bèn khai ngộ. Nhất ngộ, hết thảy ngộ.

Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, không có pháp nào chẳng thông đạt, chẳng bị pháp nào chướng ngại, đấy là khai ngộ thật sự. Hễ còn có một pháp chẳng hiểu rõ, chẳng thông đạt, tức là chưa khai ngộ, chẳng phải là triệt ngộ. Bởi lẽ, ngộ có triệt ngộ, đại ngộ, và tiểu ngộ, rất nhiều tầng lớp. Kẻ độn căn tích tập tiểu ngộ thành đại ngộ, tích tập đại ngộ thành đại triệt đại ngộ, dần dần, thời gian ấy rất dài. Phải ngộ như thế nào? Hãy nhớ buông xuống. Không buông xuống, học cách nào cũng chẳng ngộ.

Khai ngộ chẳng dính dáng đến học hay không học, trong *Đàn Kinh* đã ghi chép lời Huệ Năng Đại sư nói với Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Do vậy ta biết, khai ngộ chẳng liên quan đến học tập kinh giáo nhiều hay ít, chẳng có mối liên hệ gì. Thông thường, đối với người khai ngộ, thì người khai ngộ chú trọng buông xuống. Một môn sẽ hữu hiệu nhất, dễ dàng

buông xuống. Học rất nhiều pháp môn, đâm ra sẽ khó khăn, chẳng dễ gì buông xuống, dễ biến thành học thuật, biến giáo huấn của Phật Đà thành Phật học, biến thành một thứ học thuật, không thể thụ dụng.

Thật sự được thụ dụng thì phải đạt được học vị trong Phật môn. Buông chấp trước xuống, quý vị chứng quả A La Hán. Buông phân biệt xuống, quý vị là Bồ tát, đạt được Chính Đẳng Chính Giác. Buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị là Phật Đà, chứng đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Trong kinh Đại thừa, đức Phật giảng như vậy rất nhiều. Chúng ta phải thường thấu hiểu trong tâm, biết phải tu hành ra sao, giúp chính mình đắc định. Điều này vô cùng quan trọng, đắc định là Tam-Muội. Chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, đắc Niệm Phật Tam-Muội, có ích to lớn cho sự vãng sinh của chúng ta. Chưa đạt được Niệm Phật Tam-Muội, vãng sinh sẽ sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu đắc Tam-Muội, sẽ sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu khai ngộ, đại triệt đại ngộ, sẽ sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác nhau!

Do vậy, Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, lịch đại tổ sư Bồ tát buốt lòng rát miệng nói lời chân thật, dạy chúng ta thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Quý vị có thể học tập như vậy, quyết định thành tựu trong một đời. Thành tựu là vãng sinh. Vãng sinh là thật sự thành tựu, vãng sinh đúng là thành Phật trong một đời. Do khăng khăng một mực, tâm người ấy sẽ định. Lan man quá nhiều, tâm luôn xáo động,

phập phều, nói chung là chẳng thể định, chúng ta thử xem sẽ biết. Quý vị đồng thời học mấy pháp môn, tâm sẽ chẳng thể định. Học một pháp môn trong một thời gian dài, tâm sẽ định. Trì giới giúp quý vị đắc định. Vì thế, trì giới vô cùng trọng yếu, chớ nên xem nhẹ.

Tiếp đó, sách viết: *"Hựu lục thành tựu trung, Chủ Thành Tựu tối vi chủ cố"* (Lại nữa, trong 6 thứ thành tựu, Chủ Thành Tựu là chủ yếu nhất). Điều này trọng yếu nhất. Phật là vị chủ giảng, tức là chủ giảng trong buổi học. Không có Ngài, những điều thành tựu khác há có tác dụng gì? Do vậy, Chủ Thành Tựu trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác.

Tiếp đó, sách giải thích chữ "Phật". Chữ này rất trọng yếu. Xã hội hiện tại nảy sinh sự hiểu lầm nghiêm trọng đối với Phật. Sự hiểu lầm ấy chướng ngại rất nhiều người trong cả đời này, khiến cho họ đối với cơ hội tốt đẹp ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Vì nói về mặt lợi ích nhỏ nhất của cơ hội này, thì nó có thể giúp quý vị khỏe mạnh, trường thọ. Phật pháp có thể giúp quý vị thăng quan, phát tài, phá mê, khai ngộ, tăng trưởng trí tuệ.

Những thứ nhân gian chúng ta cần đến, Phật pháp đều giúp được, thật sự có thể giúp, chẳng giả tí nào! Lúc tôi mới học Phật, thầy bảo tôi: *"Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng".* Bất luận quý vị cầu gì, quý vị thấy: Cầu thành Phật mà còn có thể làm được, thì cầu phú quý trong cõi Trời, Người đáng

gọi là "lông gà, vỏ tỏi", quá dễ dàng! Thầy nói trong kinh Phật có căn cứ lý luận, đạo lý, và phương pháp để cầu. Đúng lý, đúng pháp, không có gì chẳng cầu được! Quý vị cầu chẳng được, không có cảm ứng, là do nguyên nhân nào? Quý vị không đúng pháp, chẳng đúng lý. Đúng lý, đúng pháp mà cầu không được là do quý vị nghiệp chướng rất nặng.

Chỉ cần sám trừ nghiệp chướng, những điều mong cầu sẽ cảm ứng lập tức hiện tiền. Thật đấy, chẳng giả đâu! Nói theo nguyên lý, đó là nguyên lý vĩnh hằng không thay đổi trong kinh Phật, hết thảy các pháp sinh từ tâm tưởng, chẳng giả tí nào. Hiện thời, các nhà lượng tử lực học đã phát hiện đạo lý này. Tôi tin tưởng khoa học lượng tử dăm ba năm nữa sẽ rất phổ biến, rất hữu ích cho nhân loại, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết nhiều vấn đề.

Đức Phật dạy chúng ta, nay mọi người cầu của cải, thông minh, trí tuệ, khỏe mạnh, trường thọ, mọi người mong cầu những điều ấy, trong Phật pháp có phương pháp. Tôi biết phương pháp ấy là do thuở tôi học Phật, Chương Gia Đại sư dạy tôi, lúc ấy tôi 26 tuổi. Số mạng tôi rất khổ, là số mạng bần tiện. Bần là không có của cải, tiện là không có địa vị xã hội. Bần tiện đến tột cùng! Thầy dạy tôi cách thoát khỏi bần tiện. Muốn thoát khỏi, dùng phương pháp gì? Ngài bèn dạy tôi: *"Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng".* Của cải do đâu mà có? Của cải là quả báo, quả ắt có nhân. Nhân là gì? Nhân là tài bố thí, xả tài được phúc.

Mạng tôi nhằm trúng vận mạng bần tiện, lấy đâu ra tài? Cuộc sống vô cùng khốn khó, gần như tự lo cho mình còn không xong, tiền đâu để bố thí? Thầy hỏi tôi: "Một cắc có hay không?". Một cắc thì vẫn còn được! "Một đồng có được hay không?". Một đồng cũng rất miễn cưỡng, còn có thể, chứ nhiều hơn thì không nổi! Thầy dạy tôi: "Anh hãy bắt đầu từ một cắc, một đồng, phải dưỡng thành cái tâm bố thí, thường có lòng giúp đỡ người khác". Sau đấy, tôi còn hiểu: Tôi không có tiền, thì tôi làm công quả. Công quả là nội tài bố thí, phúc báo còn lớn hơn nữa. Tiền tài là ngoại tài. Ngoại tài dẫu nhiều, phúc báo không lớn. Nội tài phúc báo lớn. Tôi dùng thể lực, thời gian, và trí tuệ của chính mình để phục vụ đại chúng, đó đều gọi là "nội tài bố thí", đều thuộc tài bố thí, đạt được của cải. Thầy dạy, tôi bèn thật sự làm. Nhân của thông minh, trí tuệ là quả báo là gì? Nhân là bố thí pháp. Pháp là gì? Ta biết, ta hiểu, bèn hoan hỷ truyền dạy người khác, vui vẻ dạy người khác. Người khác chẳng hiểu, ta dạy họ, đó gọi là pháp bố thí. Pháp bố thí có quả báo là tăng trưởng thông minh, trí tuệ.

Loại thứ ba là vô úy bố thí, quả báo là được khỏe mạnh, trường thọ. Vô úy là gì? Giúp hết thảy chúng sinh khổ nạn rời lìa kinh hoảng, sợ hãi. Đó là vô úy bố thí. Đặc biệt là khi đau khổ, ngã bệnh, cần người khác giúp đỡ, khi gặp nạn gấp cần người khác giúp đỡ, gặp người có khó khăn bèn giúp một tay, sẽ được khỏe mạnh, trường thọ. Trong cuộc sống

hằng ngày, quan trọng nhất là chẳng sát sinh, không ăn thịt. Đó là gì? Đấy là vô úy bố thí, quý vị chẳng tổn hại chúng sinh. Tích cực phóng sinh. Phóng sinh là cứu mạng. Một con cá, một con tôm cũng là một cái mạng, quý vị có thể giúp cho chúng sống thêm vài ngày, chúng rất cảm ơn quý vị; quả báo là được khỏe mạnh, trường thọ.

Tôi tiếp nhận lời giáo huấn của thầy; vì thế, quý vị thấy tôi bắt đầu học tập chưa đầy nửa năm bèn ăn chay trường. Vì sao? Vì tôi biết chính mình thọ mạng chẳng dài, rất nhiều người xem tướng, đoán số cho tôi, nói tôi sống không quá 45 tuổi. Tôi tin tưởng, thọ mạng của chính mình đã định sẵn là 45 tuổi, học Phật đến năm 45 tuổi, nhất định phải có thành tựu, vì sau 45 tuổi sẽ chẳng còn cái thân nữa! Do vậy, tôi cũng rất sốt sắng học tập 3 thứ bố thí ấy. Khó khăn đến đâu, tâm bố thí vẫn là chân tâm, thật sự làm. Hiệu quả vô cùng rõ rệt, đúng là từ khi phát tâm ấy, một đồng, một cắc bố thí, sau đôi ba năm, thâu nhập tăng hơn nhiều, hữu hiệu. Bố thí càng nhiều hơn, càng thí càng nhiều, chẳng giả tí nào, chứng minh những điều đức Phật đã giảng trong kinh là thật.

Pháp bố thí là học kinh giáo. Lên đài giảng kinh, 3 thứ bố thí đầy đủ. Giảng kinh cần đến thể lực, thời gian, tinh thần. Đấy là gì? Nội tài bố thí. Giảng giải kinh điển Phật pháp cho mọi người, đó là pháp bố thí. Sau khi quý vị thật sự nghe hiểu kinh điển, học tập, có thể tiêu trừ hết thảy khổ nạn, đó là vô úy bố thí. Vì vậy, thuở ấy, thầy cổ vũ, khích lệ tôi giảng kinh,

lên đài giảng kinh. Khi thầy khích lệ tôi, tôi sợ hãi, thưa: "Con đến Đài Trung là để nghe kinh, theo thầy học tập, con chẳng dám lên đài giảng kinh. Con còn nghe nói, trong Phật môn có lời truyền: 'Nói trật một chữ, sẽ phải đọa làm thân chồn hoang 500 đời', sợ quá, làm sao dám giảng?". Cuối cùng, tôi vẫn nghe theo quyết định của thầy. Thầy nói: "Đúng vậy, nói trật một chữ, tự đọa làm thân chồn hoang, chuyện ấy chẳng phải là giả, thật đấy! Nhưng vào thời cổ, giảng kinh phải chứng quả thì mới có thể giảng kinh; chưa chứng quả, chẳng thể giảng kinh. Vì thế, cổ thánh tiên hiền chú giải kinh đều là người đã chứng quả, chẳng phải là phàm nhân. Nhưng trong thời đại hiện tại, không chỉ chẳng có người chứng quả, mà người khai ngộ cũng không có. Nếu chúng ta chẳng phát tâm giảng, Phật pháp sẽ bị tiêu diệt trong đời này".

Thầy nói lời ấy, lời lẽ nghiêm trọng. Cách làm ra sao? "Chúng ta nhất định phải phát tâm cứu vớt Phật giáo. Do vậy, anh nhất định phải phát tâm học giảng kinh. Giảng bằng cách nào trong khi chính mình chưa khai ngộ? Giảng chú giải của cổ nhân. Chúng ta giảng trật là do cổ nhân chú giải trật, họ chịu trách nhiệm, chúng ta chẳng lãnh trách nhiệm".

Thầy chỉ điểm khiến chúng tôi tỉnh ngộ. Giảng kinh trong hiện thời giống như chú giải của cổ nhân viết bằng lối văn Văn ngôn, chúng ta dịch Văn ngôn thành văn Bạch thoại, chúng ta có thể làm được điều này.

Nếu chúng ta gặp khó khăn khi đọc Văn ngôn, nay các pháp sư cận đại có chú giải bằng văn Bạch thoại, chúng ta dùng những thứ ấy. Thầy chỉ định chú giải của những vị nào có thể đọc, vì sao? Họ có tu, thật sự tu hành, chẳng nói tùy tiện. Thầy chỉ định tôi đọc các bản chú giải của pháp sư Đế Nhàn, pháp sư Đàm Hư, pháp sư Viên Anh, và pháp sư Hưng Từ. Thầy nói: "Anh đọc những tác phẩm của các vị pháp sư ấy sẽ chẳng trật". Chúng tôi đi theo con đường ấy mới phát khởi tâm học giảng kinh; vì lẽ đó, chẳng rời chú giải của cổ nhân.

Tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm* theo 2 vị thầy, một vị là Thanh Lương, vị kia là cư sĩ Lý Thông Huyền, tức là dựa trên 2 bản chú giải *Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao* của Thanh Lương Đại sư và *Hợp Luận* của Lý Thông Huyền. Tôi tham khảo 2 bản chú giải ấy để giảng. Lần này, chúng tôi giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, hoàn toàn dùng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Tôi vô cùng cảm tạ cụ đã soạn chú giải cho kinh này hay như thế, thật khó có!

Tôi và cụ đến lúc tuổi già mới gặp được nhau. Lúc ấy, cụ đã hơn 70 tuổi, tôi ngoài 60. Người đầu tiên gọi tôi là "lão pháp sư" chính là cụ. 60 tuổi là lão nhân. Tôi đã hơn 60 tuổi. Gặp cụ ở Bắc Kinh, cụ liền bảo học trò gọi tôi là lão pháp sư. Viết bản chú giải này chẳng dễ dàng. Cụ một thân bệnh tật nặng nề, ngày đêm chẳng ngủ, chẳng nghỉ ngơi, hoàn thành bản chú giải này. Tôi thấy vậy vô cùng cảm động.

Sau khi sách hoàn thành, cụ muốn tôi viết lời tựa, tôi cũng vâng lệnh viết. Quý vị đã thấy lời tựa ấy trong bản *Chú Giải.* Vì vậy, tôi giảng lần này nhằm kỷ niệm cụ, đặc biệt treo hình cụ ở đây. Lúc cụ vãng sinh, gần như là trong thời gian nửa năm, mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu 14 vạn câu, sinh về thế giới Cực Lạc. Sau khi hoàn thành chú giải, cụ thật sự buông xuống hết thảy. Cụ đã học rất nhiều, từng học Thiền, theo Lão Hòa thượng Hư Vân học Thiền, cũng học Mật, Tông Môn, Giáo Hạ cụ đều đã từng nghiên cứu. Tới lúc mạng chung đều buông xuống hết, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng. Điều này có liên quan đến thầy cụ. Thầy của cụ là cư sĩ Hạ Liên Cư. Cư sĩ Hạ Liên Cư cũng thông Tông, thông Giáo, cuối cùng, lúc mất là một câu Phật hiệu, nhất tâm chuyên cầu Tịnh Độ.

Tôi theo thầy Lý 10 năm, nói thật ra, thầy cũng là Tông, Giáo, Hiển, Mật đều thử qua. Cụ dạy tôi chớ nên lãng phí thời gian, mà hãy thâm nhập một môn, chuyên tu Tịnh Độ, thời gian đã tốn để học các tông, các pháp khác đúng là lãng phí. Quý vị thấy: Đến cuối cùng, hữu dụng vẫn là một câu Phật hiệu, giúp cụ vãng sinh. Do vậy biết: Người thật sự vãng sinh với phẩm vị cao là ai? Ông già bà cả ở làng quê, chuyện gì cũng đều chẳng biết, thứ gì cũng chưa từng học, cứ một câu A Di Đà Phật niệm suốt ngày từ sáng đến tối. Lúc ra đi, đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, thật tuyệt vời! Vì thế, thầy Lý thường nói: *"Học theo kẻ ngu. Tự mình muốn học theo kẻ ngu, mà mấy chục năm học chẳng giống!".*

Ngu nhưng không ai sánh bằng. Cổ nhân nói câu ấy hết sức có lý! Thông minh, tự cho mình là thông minh, chẳng bằng bà cụ già ở nông thôn, suốt đời nhất tâm, một môn, phẩm vị vãng sinh cao.

Quý vị thấy người đồ đệ làm nghề vá nồi, chuyện này rất nhiều người biết. Pháp sư Đế Nhàn đã nói về trình độ và thành tựu của người thợ vá nồi như sau: *"Những vị phương trượng trụ trì các đại đạo tràng tại các danh sơn đương thời đều chẳng bằng ông. Đại pháp sư giảng kinh, giáo học cũng chẳng bằng ông".* Quý vị thấy ông ta chẳng sinh bệnh, biết trước lúc mất, đứng mất. Sau khi đã chết, vẫn đứng sừng sững 3 ngày, chờ thầy đến lo liệu hậu sự. Người đã chết vẫn đứng 3 ngày, có vị pháp sư giảng kinh, hay phương trượng trụ trì nào có thể sánh bằng ông ta? Ông ta niệm một câu A Di Đà Phật 3 năm, thời gian cũng chẳng dài, nêu gương tốt đẹp!

Khoảng 40 năm trước, lúc Phật Quang Sơn vừa mới khai sơn, lập một Phật Học Viện, pháp sư Tinh Vân tìm tôi. Tôi dạy 10 tháng ở đó, đảm nhiệm chức chủ nhiệm giáo vụ. Có một ngày, có một người thợ làm công dài hạn cho nhà chùa bảo tôi: Ở quê ông ta thuộc vùng nông thôn Đài Nam, hàng xóm có một bà cụ già, chuyện gì cũng chẳng biết, con dâu của cụ hiểu Phật pháp đôi chút. Bà cụ lạy thần, lễ Phật, gì cũng lạy tuốt! Cưới cô con dâu ấy về, nàng dâu khuyên mẹ chồng đừng đi khắp nơi lạy lục lung tung, hãy lập Phật đường trong nhà, chuyên niệm Phật A Di Đà. Mẹ chồng rất nghe lời nàng dâu,

thật sự làm, niệm 3 năm, đứng vãng sinh. Người công nhân ấy kể cho tôi biết, đó là chuyện thật, chẳng giả tí nào, chính mắt ông ta thấy. Niệm Phật 3 năm đấy nhé! Những người ấy vãng sinh phẩm vị tuyệt đối chẳng phải là hạ bối vãng sinh. Vãng sinh với thành tựu giống như vậy, phẩm vị chắc chắn là thượng bối, chẳng phải là trung, hạ. Ra đi tiêu sái, tự tại dường ấy, những người ấy thị hiện cho chúng ta thấy.

Chuyện gần nhất là mấy năm trước, phải là 4 hay 5 năm trước, ông Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyến, là một người trẻ tuổi, ba mươi mấy tuổi, phát nguyện thí nghiệm: "Tôi bế quan niệm Phật 3 năm thử coi có được hay không?". Mỗi ngày một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, bản hội tập. Thời gian còn lại đều là niệm A Di Đà Phật. Chiếu theo phương pháp Lão Hòa thượng Đế Nhàn đã dạy người thợ vá nồi, niệm mệt bèn nghỉ ngơi, chẳng phân biệt ngày hay đêm. Niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp.

Ông ta phát tâm niệm 3 năm, niệm tới 2 năm 10 tháng, còn thiếu 2 tháng nữa mới viên mãn, thì đã ra đi. Biết trước lúc mất, niệm 2 năm 10 tháng bèn thành công, vãng sinh. Ông này được bà Hướng Tiểu Lỵ hộ trì. Hướng Tiểu Lỵ đã thật sự bảo vệ, đưa một người về thế giới Cực Lạc, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Đại Từ Bồ tát dạy chúng ta: Quý vị có thể dìu dắt 2 người vãng sinh, công đức ấy vượt trội chính mình niệm Phật. Vì sao quý vị có thể vãng sinh? Đến lúc lâm chung, họ sẽ theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn quý vị. Điều này, cho thấy

công đức đưa người khác đi vãng sinh chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, phải giảng rõ ràng chữ Phật này. Phải giảng minh bạch, thật sự có chuyện ấy, chắc chắn chẳng phải là mê tín.

Đối với bản ý của chữ Phật, chúng ta hãy xem đoạn sau đây: *"Phật giả, Phạn ngữ vi Phật Đà"* (Phật là Buddha trong tiếng Phạn), trong rất nhiều kinh điển, phía sau còn có một từ nữa, tức là Phật Đà Da (Buddhaya). Đó là tiếng Phạn. *"Kim chỉ ngôn Phật, nãi tỉnh văn dã"* (Nay chỉ nói là Phật là lược bớt vậy). Người Hoa chuộng đơn giản, chẳng thích rườm rà, lược bớt âm cuối, đối với từ Phật Đà Da, chỉ chừa lại một chữ Phật, hai chữ ở phía sau đều lược bớt, tỉnh lược. *"Dịch vi Hoa ngôn, tắc vi Giác giả. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn"* (Dịch sang tiếng Hán là Giác giả, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn). Từ này nghĩa là gì? Nghĩa là giác ngộ. Giác giả là người giác ngộ. Giác ngộ là gì? Một là tự giác, tức là chính mình giác ngộ. Thứ hai là giác tha, tức giúp cho người khác giác ngộ. Thứ ba là tự giác và giác tha đều đạt tới viên mãn.

Viên mãn là gì? Minh tâm kiến tính là viên mãn. Nếu giác mãn là hết thảy chúng sinh đều giác ngộ, vậy thì rất nhiều chúng sinh vẫn chẳng giác ngộ, làm sao quý vị có thể thành Phật cho được? Vì thế, giác tha chẳng có ý nghĩa này! Giác tha là gì? Giác tha giúp đỡ tự giác. Người xưa nói: *"Giáo học tương trưởng"* (Dạy và học giúp nhau cùng tiến bộ), thật sự giáo học là giác ngộ. Có rất nhiều thứ chính mình không biết, nhưng trong khi dạy học, khi cùng các bạn học hỏi đáp, trí

tuệ sẽ dấy lên, liền hiểu rõ. Vì thế, *"giáo học tương trưởng".* Trong giáo học cũng có thể đắc Tam-Muội, cũng có thể hoát nhiên đại ngộ. Vì thế, viên mãn là "minh tâm kiến tính bèn viên mãn". Chưa đạt đến minh tâm kiến tính, vẫn là Bồ tát. Minh tâm kiến tính bèn thành Phật.

"Tự giác dị ư phàm phu chi bất giác" (Tự giác khác với phàm phu bất giác). Tự giác thuộc giai đoạn nào? A La Hán. A La Hán thật sự tự giác, cũng có thể nói là buông xuống chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, tự giác rồi. Quý vị chẳng buông xuống, dẫu học nhiều đến đâu, giảng nhiều đến đâu, trước tác suốt một đời, vẫn là bất giác, chẳng thoát ly sinh tử luân hồi.

Người tự giác xuất ly lục đạo, thật sự tự giác. Phàm phu, tức là lục đạo phàm phu, dẫu sinh lên cõi Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, tức là tầng cao nhất trong 28 tầng trời, vẫn không thoát khỏi lục đạo, chẳng thể coi là giác ngộ được! *"Phàm phu"* là chúng sinh trong lục đạo. *"Giác tha dị ư Nhị thừa chi độc giác"* (Giác tha là khác với Nhị thừa chỉ giác ngộ riêng mình), đấy là Bồ tát. Nhị thừa là Thanh Văn và Duyên Giác, cũng là A La Hán và Bích Chi Phật. Tâm lượng của họ chẳng lớn, chỉ cầu tự giác.

Họ cũng giác tha, nhưng chẳng chủ động dạy người khác. Có ai theo họ học tập, họ thích kẻ ấy bèn dạy bảo; nếu chẳng ưa thích bèn chẳng đoái hoài. Đó là nói về duyên phận, chẳng

giống như Bồ tát. Đối với hết thảy chúng sinh, Bồ tát bình đẳng dạy bảo, làm bạn chẳng thỉnh của chúng sinh. Chúng sinh chẳng tìm Ngài, Ngài chủ động tìm đến để dạy quý vị. Chủ động mà! Thích giúp đỡ người khác, đấy là Bồ tát. *"Giác mãn dị ư Bồ Tát chi tại nhân"* (Giác mãn, khác với Bồ tát đang tu nhân). *"Mãn"* là minh tâm kiến tính, viên mãn. Người ấy có thể buông khởi tâm động niệm xuống. Khởi tâm động niệm gọi là vọng tưởng; chẳng khởi tâm, không động niệm, buông vọng tưởng xuống, trở về nương vào tự tính, bèn minh tâm kiến tính. Đấy là thành Phật, cho nên gọi là viên mãn. Bồ tát thì sao? Bồ tát còn đang tu học, vẫn chưa đạt đến viên mãn. Vì thế, Bồ tát chỉ là buông phân biệt, chấp trước xuống, nhưng khởi tâm động niệm chưa buông xuống. Buông khởi tâm động niệm xuống bèn thành Phật.

"Tam giác câu viên, chúng thánh trung tôn, cố xưng vi Phật" (Ba thứ giác đều viên mãn, là bậc cao quý nhất trong các vị thánh, nên gọi là Phật). Sở dĩ, Phật là người giác ngộ viên mãn. Giác giả là bậc giác ngộ viên mãn, mang ý nghĩa này. Vì thế, Phật chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên, mà là người. Người nào vậy? Là chính mình. Bản thân chúng ta đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn chấp trước nữa, biết *"hễ có hình tướng đều là hư vọng"*, thật sự có thể buông xuống, quý vị là tự giác.

Người Ấn Độ gọi bậc tự giác là A La Hán. A La Hán tự giác. Buông phân biệt xuống, không chỉ chẳng chấp trước,

mà đối với hết thảy các pháp ngay cả tâm phân biệt đều không có, người ấy là Bồ tát. Không chỉ chẳng phân biệt, ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có, tâm địa thật sự trở về thanh tịnh, bình đẳng, giác, người ấy thành Phật. Vì thế, Phật là chính mình, chẳng phải là ai khác. Phật, Bồ tát, A La Hán là 3 danh xưng học vị trong Phật giáo, mỗi cá nhân đều có thể đạt được những học vị ấy. Nếu quý vị thật sự hạ tâm quyết định, trong một đời này, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống, quý vị bèn thành Phật. Chẳng phải là ai khác, chẳng liên quan đến người khác.

Người khác thành Phật, liên quan gì đến ta? Phật Thích Ca Mâu Ni giáo học nhằm mong mỏi chính chúng ta sẽ thành Phật, không phải là đi lạy vị Phật nào khác! Lạy vị Phật khác, Ngài sẽ lắc đầu, quý vị đến tìm ta để làm gì? Sai lầm rồi! Sau khi quý vị hiểu rõ, chính mình phải đổ công, chính mình thật sự buông xuống, chuyện này chẳng dính dáng gì đến học hay chẳng học, buông xuống là được! Học mà chẳng thể buông xuống, sẽ biến thành một nhà Phật học.

Thuở xưa, không có những học giả trong Phật môn như hiện thời, chẳng có danh xưng ấy. Cổ nhân đều là thật tu, quý vị có thể buông xuống bao nhiêu, linh tính sẽ được nâng cao lên bấy nhiêu. Quý vị chẳng thể buông xuống, tập khí phiền não sẽ khiến quý vị đọa lạc thấp hơn. Quý vị có thể buông xuống, sẽ được nâng cao lên, đạo lý là như vậy. Vì thế, 3 thứ giác: Tự giác, giác tha, viên mãn. Do đã viên mãn nên

là *"chúng thánh trung tôn"* (bậc tôn quý trong các thánh). *"Chúng thánh"*: Từ Tu Đà Hoàn trở lên là thánh nhân. Từ Tu Đà Hoàn đến A La Hán có 8 đẳng cấp. Bồ tát từ địa vị Sơ Tín tới Phật là 52 đẳng cấp, đều gọi là thánh nhân. Trong nhiều vị thánh nhân như thế, Ngài có địa vị tối cao, được gọi là Phật, chúng thánh trung tôn.

"Hựu vân trí giả, trí tức giác chi nghĩa" (Lại gọi là bậc trí. Trí có nghĩa là giác). Đây là trí tuệ. Phật có trí tuệ. *"Trí vô bất tri, sở vị đắc Nhất thiết chủng trí, tức giác mãn chi nghĩa"* (Trí không gì chẳng biết, nói "đắc Nhất thiết chủng trí", nghĩa là giác mãn). A La Hán chứng đắc Nhất thiết trí, Bồ tát chứng đắc Đạo chủng trí, Phật chứng đắc Nhất thiết chủng trí, đấy là trí tuệ đạt tới rốt ráo viên mãn, không gì chẳng biết. Bồ tát còn có điều chẳng biết, A La Hán cũng thế, còn Phật thì không gì chẳng biết. Phật là ai? Chính mình. Chính mình thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị bèn khế nhập cảnh giới này. *"Tại bổn kinh trung, thử xứ Phật tự, tức chỉ đại ân từ phụ, Bổn Sư Phật Thích Ca Mâu Ni"* (Trong kinh này, chữ Phật ở đây chỉ đấng đại ân từ phụ Bổn Sư Phật Thích Ca Mâu Ni). Trong kinh này, Phật ở chỗ này là ai? Người giảng bộ kinh này là Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng phải ai khác. Đặc biệt, chỉ ra trong bộ kinh này, Phật Thích Ca Mâu Ni tượng trưng ý nghĩa gì.

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 85

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

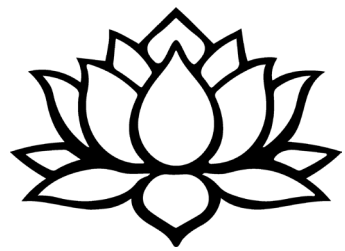

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 94, dòng thứ 4, xem từ câu thứ hai:

"Tại bản kinh trung, thử xứ Phật tự, tức chỉ đại ân từ phụ, Bổn Sư Phật Thích Ca Mâu Ni" (Trong kinh này, chữ Phật ở đây chỉ đức đại ân từ phụ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật). Ngày hôm nay, có các đồng học mới đến tham dự, duyên phận thù thắng khôn sánh. Do vậy, ở đây, tôi phải giới thiệu Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong phần trước, đã giới thiệu ý nghĩa bao hàm trong một chữ Phật này. Đối với 6 thứ thành tựu được nói trong kinh này: *"Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành"* (Tôi nghe như thế này, một thời, đức Phật ngự tại thành Vương Xá). *"Phật"* là Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài là Thuyết pháp chủ trong hội này. Nói theo cách bây giờ, trong khóa giảng này, Ngài là "chủ giảng"; do vậy, vị này vô cùng quan trọng. *"Đại ân từ phụ"* là từ ngữ do người đời sau tán thán ân đức thầy.

Nếu chẳng có Phật Thích Ca giáo huấn, có thể nói chúng ta chắc chắn phải trải qua bao kiếp dài lâu, thời gian rất dài, dùng kiếp làm đơn vị, luân hồi trong lục đạo! Luân hồi trong lục đạo chắc chắn là khổ chẳng thể nói nổi. Phải biết lục đạo là sự thật, chúng tôi giới thiệu Bản Sư bèn bàn tới chuyện này. Người học đạo trước hết phải nhận biết Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu quý vị chẳng nhận biết Ngài, sẽ đi theo rất nhiều đường vòng.

Nếu quý vị nhận biết Ngài, sẽ đỡ phải đi theo rất nhiều đường vòng, thật sự đạt được lợi ích từ sự giáo dục của Phật Đà. Do vậy, chúng ta gọi Phật Đà là Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Đà là danh xưng học vị trong nền giáo dục của đức Phật. Chúng tôi nói theo cách bây giờ là "học vị" cho mọi người dễ hiểu. Giống như trong hiện thời, nhà trường có 3 loại học vị, cao nhất là Tiến sĩ, kế đó là Thạc sĩ, kém hơn nữa là Cử nhân. Trong giáo dục nhà Phật cũng có 3 học vị, cao nhất gọi là Phật Đà, tương đương Tiến sĩ, thứ hai là Bồ tát, tương đương Thạc sĩ, thứ ba là A La Hán, tương đương Học sĩ (Cử nhân). Do vậy, chư vị nhất định phải biết: Phật, Bồ tát, La Hán là người, chẳng phải là thần, mà cũng không phải là tiên. Đấy là những danh xưng rất thông thường, nhất định phải hiểu điều này!

Phật là thầy, Bồ tát và A La Hán đều là học trò, đều là học trò của thầy, bất quá, họ đã đạt được học vị. Nay, chúng ta học Phật vẫn chưa đạt được học vị; tuy chưa đạt được học vị, nhưng quan hệ giữa chúng ta và họ (Bồ tát, A La Hán) là bạn học lớp trước và lớp sau. Vì thế, Bồ tát là bạn học lớp đàn anh của chúng ta. A La Hán cũng là bạn học lớp đàn anh. Hiểu rõ ràng, minh bạch quan hệ này, ở cùng một chỗ với các học trò đàn anh sẽ thuận tiện hơn, chứ ở cùng một chỗ với Phật ắt sẽ nghiêm túc. Đối với thầy do tôn sư trọng đạo, nên ở trước Phật, chúng ta ắt sẽ cung kính, còn đối với Bồ tát sẽ có thể thoải mái hơn một chút. Do vậy, phải hiểu rõ

những danh xưng này, chớ nên mơ hồ. Danh tự Phật Thích Ca Mâu Ni cũng là biểu thị pháp; do vậy, thật ra, danh xưng Phật Đà giống như danh xưng "thánh nhân" tại Trung Quốc. Người Trung Quốc nói "thánh nhân, hiền nhân, quân tử".

Quý vị thấy trong truyền thống văn hóa Trung Quốc cũng có 3 học vị, chúng ta gọi Khổng phu tử là thánh nhân, học trò của Khổng Tử được gọi là hiền nhân. Thánh nhân tương đương với Phật Đà như người Ấn Độ đã nói, ý nghĩa vô cùng gần gũi. Quý vị thấy trong phần trước, chúng tôi đã nói Phật có nghĩa là giác ngộ, có trí tuệ, đại triệt đại ngộ thì gọi là Phật. Thánh của Trung Quốc thì sao? Thánh là hiểu rõ cội gốc. Thánh nhân là gì? Người hiểu rõ. Đối với phàm phu chúng ta mà nói, chúng ta là kẻ hồ đồ, chẳng hiểu rõ. Người hiểu rõ, thông đạt đạo lý và sự tướng vũ trụ, nhân sinh, người như vậy được gọi là thánh nhân.

Học theo thánh nhân, nhưng chưa đạt tới tiêu chuẩn thánh nhân, thì gọi là hiền nhân. Học trò của Khổng Tử được gọi là hiền nhân. Hiền nhân tương đương với Bồ tát trong Phật pháp. Hiện thời, tuy nói Phật giáo rất hưng thịnh, mọi người quý vị nói Phật giáo rất hưng thịnh, nhưng tôi nói: Theo cái nhìn của tôi, Phật pháp hiện thời suy vi đến cùng cực. Vì sao? Mọi người mê tín, sùng bái Phật, Bồ tát, A La Hán như thần tiên. Các Ngài chẳng dính líu gì đến thần tiên. Thần tiên vẫn là phàm phu, chẳng khác chúng ta cho mấy! Rất nhiều thần tiên cũng học Phật. Hễ học Phật, thì là đồng

học với chúng ta, họ chưa chứng A La Hán; vì thế, họ chẳng phải là La Hán, mà cũng chẳng phải là Bồ tát, phải hiểu rõ ràng, minh bạch điều này!

Chúng ta nói danh hiệu của Phật là tông chỉ giáo học của Ngài trong thế gian này. Ở nơi này, Ngài dạy điều gì? Danh hiệu chính là điều Ngài dạy. Quý vị nói Phật giáo dạy điều gì? Thích Ca Mâu Ni. Thích Ca (Śākya) nghĩa là gì? Nghĩa là nhân từ. Danh hiệu Thích Ca Mâu Ni dịch ra là Năng Nhân. Ngài có lòng nhân từ. Trên thực tế, trong sự đối đãi của chúng ta trong xã hội hiện thời, chúng sinh trong xã hội thiếu khuyết lòng nhân từ, thiếu lòng yêu thương. Không chỉ chẳng yêu thương người khác, ngay cả chính mình cũng chẳng yêu thương! Vì thế, yêu thương người khác chẳng dễ dàng. Phải yêu thương chính mình, thì mới có thể yêu thương người khác. Ngay đối với chính mình mà cũng chẳng yêu thương, thì làm sao yêu thương người khác? Vì thế, đức Phật giáo học trên thế gian này nhằm dạy điều gì? Dạy nhân từ. Thích Ca nghĩa là nhân từ, dạy dỗ chúng ta đối đãi người khác phải có lòng yêu thương, phải có tâm từ bi, đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sinh. Ngài dạy điều này.

Đấy là nội dung giáo học của Phật pháp. Đối với chính mình thì sao? Đối với chính mình là Mâu Ni. Những từ ngữ này đều là tiếng Ấn Độ, tức tiếng Ấn Độ thời cổ, Mâu Ni (Muni) nghĩa là gì? Từ "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" trong nhan đề kinh này. Mâu Ni là tịch tĩnh. Tôi dùng 5 từ trong

nhan đề kinh này để giảng từ ngữ Mâu Ni, quý vị sẽ thấy rất dễ hiểu. Mâu Ni là tâm địa Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác chứ không mê. Đấy là ý nghĩa của Mâu Ni, quý vị thấy danh hiệu này thật hay. Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta điều gì? Dạy bản thân chúng ta phải Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác, dạy chúng ta phải đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sinh. Đấy là sự giáo dục của Phật Đà. Dạy điều gì? Dạy những điều ấy! Vì thế, tông chỉ giáo học được nêu bày trong danh hiệu; đấy chẳng phải là tên vốn sẵn có của Ngài. Cái tên ngoài đời của Ngài là Tất Đạt Đa (Siddhārtha).

Do vậy, danh hiệu của Phật, Bồ tát đều là tông chỉ giáo học và các môn học của các Ngài. Quý vị nhìn vào danh hiệu bèn biết Ngài dạy khóa trình nào. Danh hiệu chính là tổng khóa trình, tức là trong những điều được dạy, bởi Phật pháp có vô lượng vô biên khoa mục. Nhưng những khoa mục ấy đều chẳng rời khỏi tông chỉ này, khẳng định môn nào cũng đều tương ứng với "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác, đại từ, đại bi". Hễ rời khỏi những điều ấy sẽ chẳng phải là Phật giáo, đức Phật chẳng dạy quý vị như vậy! Vì thế, quý vị thấy: Do chúng ta không nhận biết Phật, hiểu lệch lạc, nên nay chúng ta đến chùa cầu xin Phật, Bồ tát hòng thăng quan, phát tài, cầu Phật, Bồ tát phù hộ. Đó là mê tín, điên đảo! Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế chẳng có chuyện ấy.

Thuở lão nhân gia tại thế, chiếu theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, sau khi đức Phật diệt độ, từ khi Phật nhập diệt đến

nay, theo như lịch sử Trung Quốc ghi chép là 3037 năm. Theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, đức Phật giáng sinh vào năm thứ 24 đời Châu Chiêu Vương, nhập diệt vào năm thứ 53 đời Châu Mục Vương, người Hoa nói đức Phật có thọ mạng là 80 năm, người ngoại quốc nói theo tuổi thật sự, nên nói đức Phật thọ 79 tuổi. Đúng là 79 tuổi vì người Trung Quốc dùng hư tuế (tuổi ta), nên nói đức Phật khuất bóng khi Ngài 80 tuổi. Chúng ta đọc kinh điển thấy Ngài xuất thân là vương tử, cha Ngài là quốc vương nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatsu) thuở ấy. Nước Ca Tỳ La Vệ hiện thời là Ni Bạc Nhĩ (Nepal), ở phía Nam núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya), nước ấy chẳng lớn, là một tiểu quốc.

Vì trong thuở ấy, Ấn Độ giống như Trung Quốc vào thời nhà Châu. Dưới triều Châu, Trung Quốc chưa thống nhất, cho nên gọi là thời kỳ chư hầu, nước ấy là một nước chư hầu. Cũng có thể nói thông tục, quốc vương Ca Tỳ La Vệ là tù trưởng một bộ lạc, gọi như vậy cho mọi người dễ hiểu hơn, vua Tịnh Phạn là quốc vương một tiểu quốc, là người đứng đầu một bộ lạc. Vì vậy, đức Phật xuất thân là vương tử, bản thân Ngài là quý tộc, tuổi trẻ, hiếu học. Quý vị thấy Ngài có thân phận như vậy, tuổi trẻ, hiếu học. Từ nhỏ, Ngài có tâm địa vô cùng từ bi, thấy những chúng sinh khổ nạn, bèn sinh lòng thương xót, làm thế nào để giúp họ có thể sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn? Trông thấy sinh, lão, bệnh, tử, Ngài dấy lên ý niệm xuất thế. Do thuở đó, tại Ấn Độ có rất nhiều

tôn giáo, Ngài rất ngưỡng mộ cuộc sống của những người tu hành theo tôn giáo. Vì thế, năm 19 tuổi, Ngài rời khỏi gia đình, Phật môn chúng ta nói là "đi tham học", hoặc cũng nói là "tìm thầy, hỏi đạo".

Thời đại của đức Phật sớm hơn Khổng Tử một chút. Tại Ấn Độ, quả thật thời đại ấy là thời đại văn hóa hoàng kim. Trong mỗi tôn giáo, Ấn Độ cũng là một quốc gia tôn giáo và triết học, những tôn giáo và các học phái có một điểm rất đặc thù mà người Trung Quốc không có, đó là tu Thiền Định. Quý vị phải biết Tứ thiền, Bát định được nói trong kinh Phật chẳng phải là Phật giáo. Tứ thiền, Bát định là Bà La Môn giáo, cũng là Hưng Đô giáo (Hinduism) hiện thời, cũng có người gọi Bà La Môn giáo là Ấn Độ giáo. Đối với lịch sử của họ, do tôi có qua lại với họ, những trưởng lão của họ bảo tôi: Tôn giáo của họ phải có lịch sử lâu hơn một vạn năm. Tôi tin tưởng điều đó, bởi Ấn Độ giáo không coi trọng lịch sử, mà chú trọng tu hành. Vì sao không coi trọng lịch sử? Thời gian và không gian là giả, chẳng thật! Đã chẳng thật, cớ gì cứ phải chấp trước nó? Đó là lý do vì sao họ không xem trọng lịch sử, mà coi trọng thiền định. Người đang trong thiền định có thể đột phá các chiều không gian. Khoa học gia biết điều này.

Các khoa học gia cận đại đã thật sự chứng thực có những chiều không gian khác nhau trong thế gian này. Nói theo lý luận, các chiều không gian khác nhau không có ngằn mé,

chẳng biết có bao nhiêu chiều không gian khác nhau. Khoa học gia đã thật sự chứng minh, mọi người thừa nhận chứng minh ấy là xác thực, tối thiểu có 11 chiều không gian khác nhau. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo chúng tôi chuyện này, cụ học khoa học, học vô tuyến điện, trong đại học dạy những khoa mục ấy. Ngài cho tôi biết một số kiến thức thuộc về phương diện khoa học tương ứng với Phật pháp.

Chúng tôi học Phật đã nhiều năm như thế, thấu hiểu ít nhiều về vấn đề chiều không gian. Chiều không gian do đâu mà có? Do phân biệt, chấp trước mà có. Chư vị hãy nghĩ xem, mỗi cá nhân chúng ta có bao nhiêu phân biệt, chấp trước? Khởi tâm động niệm đều là phân biệt, chấp trước, nên tạo thành các không gian có chiều khác nhau. Huống chi trên thế giới này, người lại đông ngần ấy, mỗi cá nhân đều khởi tâm động niệm, cho nên chiều không gian cũng rất phức tạp, đúng là chẳng có cách nào để nhận biết, chẳng có số lượng, nhưng trong thiền định có thể đột phá. Tứ thiền, Bát định tổng cộng gồm 8 cấp bậc thiền định. Nếu quý vị tu các món thiền định ấy, sẽ đúng như cổ nhân đã nói: *"Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, chẳng tu chẳng đắc".*

Nếu quý vị tu, đạt được các món thiền ấy, sẽ thấy lục đạo. Người khác tu cũng trông thấy. Ta tu, ta cũng thấy. Mọi người chúng ta cùng nhau thảo luận, điều anh thấy và những điều tôi thấy đều giống nhau, chứng minh chúng chẳng phải là giả, mà là thật. Đẳng cấp thiền định của quý vị càng cao, quý

vị thấy không gian càng lớn. Tứ thiền gồm 18 tầng trời, lên cao hơn còn có Tứ không thiên. Tứ không thiên chẳng có thân thể. Tứ thiền có thân thể, có cung điện, có nơi cư trụ. Tứ không thiên không có. Phàm nhân chúng ta thường gọi Tứ không thiên là "linh giới". Họ có linh hồn, nhưng không có nhục thể. Vì sao không có nhục thể? Họ chẳng cần nhục thể, nhục thể phiền phức quá, không cần đến nhục thể sẽ tự tại lắm!

Nói thật ra, vào thuở xưa, khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đã có tư tưởng ấy. Lão Tử có nói một câu như sau: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"* (Ta có mối họa hoạn lớn vì ta có thân). Ngài nói: "Mối lo âu lớn nhất của ta là gì? Ta có thân, thân thể là có, không có thân thể sẽ tự tại lắm!". Không có thân thể chính là Tứ không thiên, thật sự có cõi Trời ấy; vì thế, tôi gọi chư thiên trong Tứ không thiên là "phàm phu cao cấp". Khi tôi giảng kinh dùng danh từ ấy, phàm phu cao cấp! Họ chẳng cần thân thể, không cần đến thân thể sẽ chẳng cần phải ăn cơm, cũng chẳng cần phải mặc quần áo, cũng chẳng cần phải có nhà để ở, quý vị thấy giảm bớt nhiều chuyện lắm! Đó là phàm phu cao cấp.

Chỉ cần có công phu định lực, đạt đến Sơ thiền, tuy Sơ thiền chẳng nhìn thấy các cõi cao hơn, nhưng họ có thể thấy những cõi thấp hơn. Cõi thấp hơn là gì? Có thể thấy địa ngục. Địa ngục cũng vô cùng phức tạp, chỗ khổ nhất gọi là Địa

ngục Vô gián (Avīci Niraja), người ấy đều có thể thấy. Vì thế, lục đạo chẳng phải là một thuyết riêng biệt của một tôn giáo nào, chẳng phải là suy nghĩ loạn xạ, mà thật sự có chuyện ấy. Chúng ta hiểu rõ lý luận Phật pháp, vì sao có lục đạo? Vì sao có thiên đường? Thiên đường cũng chẳng đơn thuần như trong tôn giáo đã nói, có rất nhiều loại thiên đường, thiên đường rất phức tạp. Hơn nữa, trời còn có 28 tầng bậc cao thấp khác nhau.

Những điều này do cổ Bà La Môn phát hiện, cũng có thể nói là từ một vạn năm trước khi Phật Thích Ca xuất thế, người ta đã hiểu rõ ràng, rành rẽ. Nhưng vì sao có thiên đường và địa ngục? Trong định, họ (các tu sĩ Bà La Môn) có thể thấy những chuyện ấy. Do nguyên nhân gì có những chuyện ấy? Chẳng ai có thể giải đáp. Do nguyên nhân nào mà có lục đạo? Lục đạo có từ lúc nào? Chẳng ai biết! Lục đạo còn có lúc kết thúc hay chăng? Cũng chẳng ai biết! Ngoài lục đạo còn có thế giới nào khác hay không? Những câu hỏi ấy đều chẳng có ai giải đáp. Chúng ta hãy suy nghĩ: Phật Thích Ca là một người trẻ tuổi, hiếu học, thuở ấy Ngài tham học, tiếp xúc tất cả các tôn giáo tại Ấn Độ. Ngài cũng tiếp xúc tất cả các học phái, cũng đã từng học với họ suốt 12 năm, từ năm 19 tuổi học đến lúc 30 tuổi, tức là 12 năm. Nói chung, những gì có thể tiếp xúc, Ngài đều tiếp xúc toàn bộ. Những vấn đề ấy có được giải quyết hay không? Chẳng giải quyết! Chúng ta hãy so sánh, thuở trẻ chúng tôi cũng giống như vậy, chuyện gì

đều muốn dò tìm cặn kẽ đến nơi đến chốn, chưa tìm đến nơi sẽ chẳng cam lòng; nhưng có những vấn đề giống như mấy vấn đề chúng tôi vừa nêu trên đây, chẳng thể giải đáp.

Vì không học được từ chỗ nào, đức Phật buông những điều đã tham học trong suốt 12 năm xuống, ở dưới cội cây Tất Bát La (Pippala) bên sông Hằng, nhập định dưới cây to ấy, nhập thiền định càng sâu hơn. Quý vị thấy thiền định thông thường là 8 tầng lớp, Ngài nhập càng sâu hơn, thiền định càng sâu hơn Ngài bèn giác ngộ. Sau khi xuất định, đại triệt đại ngộ, đó là "minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật". Những vấn đề ấy hoàn toàn được giải đáp, biết lục đạo hình thành như thế nào, biết vũ trụ hình thành ra sao, hiểu rõ ràng, rành rẽ.

Chúng ta có thể tin tưởng những điều đức Phật đã nói hay chăng? Có thể chứ! Vì sao? Ngài nhập đến tầng lớp ấy, thấy toàn thể vũ trụ, sự phát sinh và nguyên khởi của vũ trụ, nguyên khởi của sinh mạng, ta do đâu mà có, đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Trong các môn đệ của Phật, cũng có những vị nhập định đến tầng lớp ấy cũng trông thấy, mọi người thấy giống như nhau, chẳng giả! Căn bệnh của chúng ta là đa nghi, lắm nỗi hoài nghi. Quý vị thấy, tôi vẫn chưa thấy, nhưng thấy mọi người nói giống hệt nhau, chúng ta có lý do để tin tưởng. Không ngờ 3.000 năm sau, trong hiện tại, các nhà khoa học nghiên cứu khoa học theo 2 phương hướng: Một là thế giới vĩ mô (macrocosm), chuyên nghiên cứu đại

vũ trụ. Hai là đi theo hướng ngược lại, tức thế giới vi mô (micorcosm), thế giới vi mô là lượng tử lực học nghiên cứu nguyên khởi của vật chất. Quý vị thấy: Nói thông thường thì chúng ta nói một tế bào, lại phân tích tế bào liền biến thành phân tử. Lại phân tích phân tử, phân tử do đâu mà có? Do nguyên tử hợp thành.

Nguyên tử do các điện tử (electron) và hạt nhân nguyên tử (atomic nucleus) hợp thành. Lại phân tích nguyên tử sẽ là các hạt cơ bản (elementary particles), hiện thời lại phân tích các hạt cơ bản thành khoa khắc (quark, hạt vi lượng), hiện thời lại phân tích hạt vi lượng thành lượng tử (quantum), lượng tử còn gọi là tiểu quang tử (photon), chẳng biết trong tương lai còn có thể chia nhỏ hơn nữa hay không. Hiện thời là mới phân tích đến đây thì ngừng, chưa thể chia nhỏ hơn nữa. Phát hiện chuyện gì? Phát hiện hiện tượng vật chất vốn là một huyễn tướng do những tiểu quang tử ấy liên tục tích lũy sinh khởi. Vì thế, ở đây, các nhà lượng tử lực học cho chúng ta biết: Trong vũ trụ chỉ có 3 thứ, những thứ gì khác đều không có. 3 thứ ấy là *năng lượng, vật chất,* và *thông tin*.

Quý vị thấy từ 3.000 năm trước, từ trong định, đức Phật đã phát hiện. Ngài trông thấy, tài giỏi hơn các nhà khoa học. Các nhà khoa học trước hết từ toán học mà tìm ra lý luận này, sau đấy mới dùng các dụng cụ để quan sát, thấy gì? Vật chất xuất hiện như thế nào? Vật chất từ trong Không sinh ra Có. Tốc độ của nó lại quá nhanh, trong khoảng sát-na bèn

chẳng còn, từ lúc sinh khởi đến khi tiêu diệt gần như đồng thời, tốc độ quá nhanh, nhanh đến nỗi chúng ta không có cách gì tưởng tượng.

Trong kinh điển, Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi Bồ tát Di Lặc, cũng có thể coi Bồ tát Di Lặc giống như một vị giáo sư chuyên dốc sức nơi Tâm lý học trong nhà trường hiện thời. Chúng ta gọi Ngài là nhà tâm lý học trong Phật môn. Đức Phật hỏi Bồ tát, cuộc hỏi đáp ấy thật ra nhằm chỉ bảo chúng ta. Đức Phật hỏi Ngài, người thế gian bình phàm chúng ta dấy lên một niệm, vậy *"tâm hữu sở niệm"* (tâm có bao nhiêu niệm), nghĩa là dấy lên một niệm thì niệm ấy rất thô, phân tích ra sẽ có bao nhiêu tế niệm? Trong tế niệm có bao nhiêu hiện tượng vật chất? Có bao nhiêu hiện tượng tinh thần? Đức Phật hỏi một vấn đề như vậy.

Bồ tát Di Lặc trả lời: Trong một khảy ngón tay, quý vị thấy thời gian của một cái khảy ngón tay rất ngắn. *"Trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm"*. Trong một giây, tôi có thể khảy khoảng chừng 4 lần, tôi tin có người khảy nhanh hơn tôi, nếu là 5 lần thì trong một giây có bao nhiêu tế niệm? Nói theo cách giảng của Bồ tát Di Lặc sẽ là một tỷ sáu trăm triệu. Quý vị thấy trong một giây có một tỷ sáu trăm triệu niệm, tức tế niệm, đơn vị là một triệu. Đấy cũng là sự sinh diệt của các hiện tượng vật chất như các nhà khoa học đã thấy trong hiện tại. Thời gian ấy là bao lâu? Là một phần trong một tỷ sáu trăm triệu phần của một giây,

tức là trong một giây có một tỷ sáu trăm triệu lần sinh diệt. Quý vị làm sao có thể nắm bắt được? Do vậy, họ phát hiện hiện tượng vật chất chẳng phải là thật.

Vật chất sinh khởi như thế nào? Vật chất là ý thức, là niệm. Niệm là tinh thần. Hiện tượng tinh thần tích lũy liên tục biến thành vật chất. Vì thế nói: Trong vũ trụ chỉ có ba thứ hiện tượng tồn tại; kinh Đại Thừa gọi 3 thứ hiện tượng ấy là 3 tế tướng của A Lại Da. A Lại Da mới là Tạo vật chủ (Tạo hóa), Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nó tạo ra.

Khoa học gia gọi Nghiệp tướng của A Lại Da là Năng lượng, Cảnh giới tướng của A Lại Da được các nhà khoa học gọi là Vật chất, Chuyển tướng của A Lại Da, chuyển tướng là chuyển biến, được khoa học gọi là Thông tin. 3 tế tướng của A Lại Da rất tuyệt. Bất quá, trong kinh, đức Thế Tôn gọi thông tin là thức thứ 6, tức Ý thức. Ý tức là phân biệt, chuyên chú trọng phân biệt. Nó có năng lực phân biệt vô cùng mạnh mẽ, đối với bên ngoài nó có thể duyên tới hư không pháp giới, đối với bên trong nó có thể duyên đến A Lại Da, nhưng chẳng thể kiến tính. Vì sao? Vì nó có phân biệt, chấp trước. Như thế nào thì mới có thể kiến tính? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ kiến tính, sẽ thành Phật. Vì thế, tuy A Lại Da có năng lực ấy, các khoa học gia có năng lực ấy, nhưng họ vẫn là phàm phu, chẳng thể chứng quả A La Hán, mà cũng chẳng phải là Bồ tát.

Phải như thế nào mới chứng đắc Phật, Bồ tát, A La Hán? Phải buông xuống. Khoa học gia chẳng buông xuống. Hễ buông chấp trước xuống bèn chứng quả A La Hán, buông phân biệt xuống bèn chứng Bồ tát, buông khởi tâm động niệm xuống sẽ là Phật Đà. Do vậy, Phật, Bồ tát, A La Hán là ai? Là chính quý vị. Chỉ cần quý vị chịu buông xuống là được! Trong giáo pháp Đại thừa thường nói: *"Hết thảy chúng sinh vốn là Phật"* Đúng vậy, chẳng giả, chẳng sai tí nào! Vì thế, chúng ta phải nhận biết Phật, hiểu rõ ràng, minh bạch.

Rốt cuộc, Phật pháp giảng những gì? Chúng ta dùng danh hiệu để giảng thì Phật pháp giảng về Thích Ca và Mâu Ni, điều này chẳng sai, nhưng rất mơ hồ. Con người hiện thời mong quý vị nói cụ thể hơn một chút có được hay không? Phật Thích Ca Mâu Ni giảng những gì trong 49 năm? Nói theo cách hiện thời, những điều Phật đã giảng trong 49 năm đều ở trong kinh điển. Kinh điển giảng những gì? Giảng luân lý. Luân lý là gì? Nói về các mối quan hệ của con người, tức là quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa người và động vật, người và thực vật, người và khoáng vật, quan hệ với núi, sông, đại địa, quan hệ giữa con người và hiện tượng tự nhiên. Quan hệ với hiện tượng tự nhiên là quan hệ với vũ trụ; lại còn có quan hệ giữa con người và các chiều không gian khác nhau. Những mối quan hệ ấy đều thuộc về luân lý. Phạm vi rộng hơn luân lý được giảng trong học thuật truyền thống Trung Quốc rất nhiều! Luân lý trong truyền thống

Trung Quốc tối đa chỉ giảng quan hệ giữa con người với nhau và quan hệ giữa người với động vật: *"Phàm thị nhân, giai tu ái. Ái ốc cập điểu"* (Phàm là người đều phải yêu. Yêu nhà, yêu lây cả chim). Ta yêu mến căn nhà của ta. Trên mái nhà có chim làm tổ, ta cũng yêu mến chúng.

Quý vị yêu thương những động vật ấy, quan hệ luân lý Trung Quốc chỉ giảng tới đây. Quan hệ luân lý trong nhà Phật nói thật viên mãn, ngay cả các chiều không gian khác nhau trong vũ trụ cũng được bao gồm trong ấy. *"Chiều không gian bất đồng"* là nói tới trời, đất, quỷ thần. Trời, đất, quỷ thần là chúng sinh giống như chúng ta, họ cũng mê, chẳng giác, phúc báo khác nhau, nhưng họ là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Đức Phật giảng đạo đức, nhân quả, lại thưa cùng quý vị, Ngài giảng triết học, khoa học, 5 hạng mục ấy Ngài đều giảng đến rốt ráo viên mãn, thật tuyệt diệu! Vì thế, khoa học được giảng trong kinh Phật đem so với khoa học hiện thời, thì khoa học vẫn thua kinh Phật một khoảng cách lớn, triết học cũng giống như vậy.

Chúng ta sinh nhằm thời đại này chẳng may mắn lắm. Vì sao? Trong thời đại này, chẳng có người chân chính học Phật. Vào thời xưa, 100 năm trước, trong thế kỷ trước, những vị đại đức trong Phật môn, bất luận tại gia hay xuất gia, đều có thể giảng giải đạo lý. Hiện thời không có, người tại gia giảng không được, mà người xuất gia cũng chẳng giảng được! Chúng ta học hành trong nhà trường đã bị

hướng dẫn sai lầm, giáo viên trong nhà trường bảo chúng ta "tôn giáo là mê tín, Phật giáo càng là mê tín". Tôi đã học khái niệm này từ nhỏ trong nhà trường. Vì sao Phật giáo càng là mê tín? Tôn giáo cao cấp chỉ thờ một vị thần, trong vũ trụ chỉ có một vị chân thần (Chúa thật), còn Phật giáo thần thánh gì cũng lạy. Gì cũng lạy thì là đa thần giáo, phiếm thần giáo (Pantheism).

Đa thần giáo và phiếm thần giáo là tôn giáo cấp thấp trong các loại tôn giáo. Từ nhỏ, chúng tôi tiếp nhận sự giáo dục, quan niệm như vậy, cho nên khi lớn khôn, chẳng tiếp xúc tôn giáo, cho là mê tín. Thấy người khác thắp hương, [cười nhạo kẻ ấy] mê tín, ở bên cạnh cười chê kẻ ấy. Chúng tôi sống trong hoàn cảnh như thế. Nếu tôi chẳng gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ, suốt đời này trọn chẳng có duyên với tôn giáo! Tôi theo thầy Phương học triết học. Ảnh chụp ở bên kia là ảnh thầy Phương.

Tôi theo thầy học triết học, thầy giảng cho tôi một bộ *Triết Học Khái Luận*. Tôi vô cùng cảm kích thầy. Trong phần cuối cùng, thầy giảng về triết học trong kinh Phật. Khi ấy, tôi vô cùng kinh ngạc, nói: "Thưa thầy! Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, lại còn là phiếm thần giáo, là tôn giáo cấp thấp, làm sao nó có triết học cho được?". Thuở ấy, tôi 26 tuổi, thầy gần như cùng lứa tuổi với cha tôi, thầy phải lớn hơn tôi hai mươi mấy tuổi. Thầy bảo tôi: *"Anh trẻ tuổi, không hiểu, chúng ta học triết học, Phật Thích Ca Mâu Ni là triết gia vĩ đại nhất*

trên thế giới". Tôi chưa hề nghe ai nói điều ấy, chưa hề có ai bảo tôi, Phật Thích Ca Mâu Ni là triết gia, tôi rất kinh ngạc.

Thầy nói: *"Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thể thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người".* Tôi tiếp xúc Phật giáo do nghe buổi giảng ấy, thay đổi cách nhìn sai lầm trong quá khứ như vậy đó, biết trong Phật giáo có những điều tốt đẹp. Thầy lại đặc biệt dặn dò tôi: "Thời cổ, trong Phật môn có những vị cao tăng đại đức thật sự là những vị đại học vấn, mà cũng là người có đạo tâm, có đạo đức, có học vấn". Thầy nói hiện thời chẳng có: *"Nếu bây giờ anh học triết học trong kinh Phật, học ở nơi nào? Trong kinh điển. Anh đến chùa miếu sẽ không thấy, nhưng trong chùa miếu có kinh điển, anh tìm trong kinh điển sẽ tìm được"*.

Phương hướng này vô cùng trọng yếu! Nếu thầy không chỉ sẵn cho tôi chuyện này, tôi đến chùa miếu nhìn vào những người xuất gia, tôi cảm thấy họ vẫn làm chuyện mê tín, sẽ nảy sinh hoài nghi đối với lời thầy nói. Ngài an bài tốt đẹp con đường ấy cho tôi: "Anh hãy đổ công nơi kinh điển". Ưu điểm của chúng tôi là thật thà, nghe lời, thật sự làm. Từ lúc tiếp xúc thuở ấy cho đến nay là 59 năm, sang năm là một giáp, tức 60 năm. 60 năm tu học, chứng tỏ lời thầy nói chẳng sai chút nào, lại còn nhận thấy trong kinh Phật không chỉ có triết học tối cao, mà còn có khoa học tối cao.

Lại nhìn ra thế giới hiện thời, triết học chẳng thể giải quyết vấn đề, khoa học chẳng thể giải quyết vấn đề, trong kinh Phật vốn đã có toàn bộ giải pháp cho những vấn đề ấy. Từ 3.000 năm trước, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng rõ ràng, thật phi phàm. Vì vậy, vào thập niên 70, tức là trong niên đại 1970, Tiến sĩ Thang Ân Tỷ (A.J. Toynbee) của nước Anh đã nói một câu: *"Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ XXI, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Đại thừa Phật pháp".* Người Anh nói như vậy, ông ta là một triết gia và sử gia nổi tiếng trên thế giới.

Tôi sang thăm Luân Đôn 2 lần, mục tiêu là đến thăm 3 trường đại học của Luân Đôn là Ngưu Tân (Oxford), Kiếm Kiều (Cambridge) và Đại học Luân Đôn. 3 trường này là trung tâm nghiên cứu Hán học của Âu Châu, là các trường có khoa Hán học nổi tiếng trên thế giới. Tôi gặp những giáo sư và sinh viên nơi đó, tôi rất cảm động, họ đều là người phương Tây, nói toàn giọng Bắc Kinh đúng tiêu chuẩn, tôi chẳng bằng họ.

Họ có thể đọc sách vở Trung Quốc, xem văn chương Văn ngôn của Trung Quốc. Lại còn có một sinh viên kể với tôi anh ta dùng kinh *Vô Lượng Thọ* viết luận án tiến sĩ. Tôi hỏi anh ta: "Kinh *Vô Lượng Thọ* hiện thời có 9 phiên bản, anh dùng loại nào?". Anh ta dùng bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, giống như bản chúng ta đang sử dụng, dùng bản ấy để viết luận án tiến sĩ. Ngoài ra, có một đồng học khác, cũng là người

ngoại quốc, dùng sách Mạnh Tử để viết luận văn. Còn có một người dùng tác phẩm của Vương Duy[18] là một nhà văn học đời Đường, tôi thấy vậy rất vui.

Ở nơi ấy, tôi cũng giảng cho họ một buổi. Tuy thời gian chẳng dài, nhưng rất khơi gợi hứng thú nơi họ. Các vị giáo sư và đồng học cùng ngồi nghe. Tôi lên bục giảng, trước hết, nêu câu hỏi. Tôi nói: "Ông Thang Ân Tỷ là người Anh giống như quý vị. Quý vị đều theo ngành Hán học, đối với Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc đều hiểu rất rõ ràng, đều đã dốc công sức nơi ấy". Tôi nói:

- Ông Thang Ân Tỷ đã bảo: "*Để giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ XXI, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Đại thừa Phật pháp*". Nay quý vị đều nghiên cứu những thứ ấy, quý vị hãy nghĩ xem có đúng hay không? Học thuyết Khổng Mạnh có thể giải quyết được hay không? Dùng được hay chăng? Đại thừa Phật pháp có thể giải quyết được không?

Tôi nêu ra câu hỏi ấy. Bọn họ nhìn tôi cười chẳng nói năng gì. Tôi đợi mấy phút. Sau khi tôi đợi mấy phút mà chẳng có ai nói gì, tôi hỏi ngược lại: "Chẳng lẽ Tiến sĩ Thang Ân Tỷ nói sai rồi ư?". Họ cũng không trả lời, nhìn tôi cười, không trả lời, rất lợi hại! Cuối cùng tôi bảo họ: "Lời ông Thang Ân Tỷ nói

[18] Vương Duy (701-761), tự Ma Cật, quê ở huyện Kỳ, tỉnh Sơn Tây. Ông là thi gia và họa gia nổi tiếng đời Đường, có ngoại hiệu là Thi Phật. Ông tinh thông Phật học, đặc biệt sùng mộ kinh *Duy Ma Cật* nên lấy hiệu là Ma Cật. Ông đỗ Tiến sĩ năm Khai Nguyên thứ chín (721), làm quan đến chức Đại Nhạc Thừa. Phong cách vẽ tranh sơn thủy theo lối thủy mặc của ông rất được các thiền sư thời ấy ưa chuộng và mô phỏng theo.

chẳng sai, nhưng rất nhiều người đọc rồi hiểu sai, hiểu lầm ý ông ta". Tôi nói: "Tôi nêu ra câu hỏi này, tôi nói đến Nho, Thích, Đạo, chắc chắn quý vị lập tức liền nghĩ, nói tới Nho, là nói đến *Tứ Thư, Ngũ Kinh*, 13 kinh, đúng hay không?". Họ gật đầu. "Nói tới Phật, quý vị nhất định nghĩ tới *Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã*, những kinh điển Đại thừa ấy. Nói đến Đạo, quý vị nghĩ đến Lão Trang". Đúng vậy! Tôi nói:

- Đấy là gì? Đấy là hoa quả của Nho, Thích, Đạo. Đơm hoa, kết trái, rất đẹp đẽ, dễ coi, những thứ ấy có thể giải quyết vấn đề trong xã hội hiện thời hay không? Chẳng thể! Lời ông Thang Ân Tỷ nói chẳng sai, quý vị phải hiểu, giống như thực vật, hoa quả do đâu mà có? Từ thân cây mọc ra. Hoa quả mọc trên cành nhánh, cành nhánh mọc từ thân cây, thân cây mọc từ rễ, quý vị cứ suy xét ngược lại từng tầng một, đến cuối cùng, thứ gì quan trọng nhất? Rễ! Căn cội của Nho là gì? Căn cội của Đạo là gì? Căn cội của Phật là gì? Rễ trồng vững, sẽ có thể nảy mầm, tăng trưởng mạnh mẽ, trưởng thành, đơm hoa, kết quả.

Hiện thời như thế nào? Không có rễ! Quý vị hằng ngày nghiên cứu Nho, Thích, Đạo, giống như hoa cắm trong bình chẳng có rễ, chết ngắt, chẳng sống; vì thế, biến thành học thuật, vô dụng! Làm thế nào để có thể giải quyết vấn đề? Ông Thang Ân Tỷ nói chẳng sai, chúng ta phải tìm ra căn cơ của Nho, Thích, Đạo, thực hiện từ căn bản. Lời ông ta nói là thật, tuyệt đối chẳng giả. Thật sự có thể cứu vớt tình trạng

xã hội suy đồi trong thế kỷ XXI, mà cũng có thể cứu vớt nguy cơ trên địa cầu. Cội rễ của Nho là *Đệ Tử Quy*, cội rễ của Đạo là *Thái Thượng Cảm Ứng Thiên*, cội rễ của Phật là *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, những thứ ấy là trọng yếu! Trước đây học Nho, học Phật, học Đạo đều vun bồi vững vàng những căn cội ấy. Nếu quý vị chẳng vun bồi vững vàng những căn cội ấy, quý vị học gì cũng vô dụng.

Cuối cùng, tôi bảo họ:

- Tôi rất phục quý vị, thật đấy, chẳng giả đâu, từ trong đáy lòng mà nói như vậy. Chư vị học tập, Nho học, Đạo học, Phật học. Tại ngoại quốc, người ta chẳng viết chữ hoặc xem chữ từ bên này (bên phải trang giấy). Đối với Nho học, Đạo học, Phật học, chư vị có thể đạt được học vị Tiến sĩ, có thể làm một vị giáo sư, có thể là một nhà Hán học của châu Âu; nhưng chắc chắn cả đời này quý vị chẳng thể sung sướng, tự tại, tiêu sái như tôi được. Khẳng định là quý vị chẳng thể! Chắc chắn là suốt một đời này, quý vị vẫn sống trong thế giới phiền não này.

Mọi người đều cười. Tôi nói:

- Vì sao? Tôi học tương phản với quý vị. Quý vị hãy nhìn lại, từ đây hãy nghĩ tới quá khứ, học Phật, học Nho, học Đạo khác hẳn! Ý vị khác hẳn! Học Nho phải học giống như Khổng Tử, *"Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ"* (Học rồi luyện tập, cũng chẳng sướng sao), vui sướng khôn sánh! Học Phật phải học giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, pháp hỷ sung

mãn, thường sinh tâm hoan hỷ. Học Đạo phải học giống như Lão Trang. Đấy là gì? Trí tuệ. Chư vị học hỏi Nho học, Đạo học, đó là tri thức. Tri thức và trí tuệ là hai chuyện khác nhau. Tri thức giải quyết vấn đề chỉ có thể giải quyết cục bộ, còn mang lại rất nhiều hậu quả. Trí tuệ giải quyết vấn đề viên mãn, không để lại hậu quả.

Tôi nói:

- Quý vị hãy khéo học 2 từ ấy, quý vị hãy từ chỗ này mà học Nho. Học Nho và Nho học khác nhau!

Vì thế, Giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) của bọn họ là một nhà Hán học hiện thời, sau khi nghe tôi giảng diễn còn đặc biệt tới Trung Quốc, tới trung tâm Thang Trì để khảo sát, ở nơi đó 4 ngày. Sau khi về nước, lại đến HongKong tìm tôi, nói chuyện với tôi 6 tiếng đồng hồ. Ông ta mời tôi sang Luân Đôn dạy học. Tôi cũng rất cảm ơn ông ta đã coi trọng tôi. Ông ta mời tôi sang Đại học Kiếm Kiều ở Luân Đôn để lập một Học viện Đại Thừa Phật Học. Hệ thống giáo dục của Anh Quốc tuân theo quy chế học viện[19], như Ngưu Tân và Kiếm Kiều, nói chung mỗi trường đều có hơn 50 học viện.

---

[19] Nguyên văn "Thư viện" (書院). Đây là chữ dùng để dịch chữ Academy của tiếng Anh. "Thư viện" theo nghĩa nguyên thủy là một cơ cấu giáo dục trong hệ thống quan học (giáo học do chính quyền chỉ đạo), không phải là thư viện (library) như trong tiếng Việt (Thư viện theo nghĩa tiếng Việt sẽ được gọi là "Đồ thư quán" trong tiếng Hán).

Cơ cấu này bắt nguồn từ thời Khai Nguyên nhà Đường. Về sau thư viện trở thành một hệ thống trường chuyên khoa giảng giải theo một trường phái triết học nào đó, như *Lý Học Thư viện* thời Tống chẳng hạn. Khi giáo dục được tổ chức theo khuôn mẫu Tây phương, người Hoa liền dùng ngay chữ *Thư Viện* để dịch chữ Academy hoặc College trong hệ thống đại học của Anh, hoặc để dịch chữ School trong hệ thống đại học của Mỹ.

Tôi rất cảm kích ông ta, rất khó có, Kiếm Kiều là trường đại học được xếp hạng thứ 3 trên cả thế giới. Tôi cảm ơn ông ta, nói: "Tôi không thể đi". Ông ta hỏi: "Vì sao?". Tôi nói: "Quy chế trong trường quý vị hạn chế tôi, tôi chẳng thể dạy học sinh được!". Ông ta nói: "Thầy dùng phương pháp nào để dạy?". Tôi đáp: "Tôi không có phương pháp, tổ tiên chúng tôi có phương pháp". Ông ta nghe như vậy, rất kinh ngạc, ông ta là nhà Hán học, nghe nói tổ tiên chúng ta còn có phương pháp bí mật, cho nên ông ta hết sức kinh ngạc.

Ông ta nói: "Phương pháp của tổ tiên ở chỗ nào?". Tôi nói: "Nói thật ra, ông đã từng học qua, nhưng không để ý". Ông ta nhìn tôi, tôi hỏi: "Đã đọc *Tam Tự Kinh* hay chưa?". Đọc rồi, ông ta thuộc lòng *Tam Tự Kinh*, thuộc lòng *Luận Ngữ,* chẳng đơn giản! Tôi nói: "8 câu đầu trong *Tam Tự Kinh* là nguyên tắc chỉ đạo tối cao để giáo hóa chúng sinh của tổ tiên Trung Quốc từ ngàn vạn năm qua!". Ông ta nghe xong, ngơ ngác. Tôi nói: "Ông thuộc lòng *Tam Tự Kinh*, cũng đọc nhuyễn nhừ rồi. Tôi tin ông đã từng giảng qua, nhưng chưa giảng đến tầng ý nghĩa này". Ông ta thừa nhận tôi nói đúng.

Tôi nói:

- Giáo dục con người, đầu tiên quý vị phải khẳng định quan điểm: *"Nhân chi sơ, tánh bản thiện"*, quý vị thật sự giáo dục, nhất định khẳng định con người tánh vốn lành. *"Thiện"* ở đây chẳng phải là thiện trong thiện ác, mà *"thiện"* là từ ngữ

ca ngợi, tốt đẹp, viên mãn nhất, chẳng có mảy may khiếm khuyết nào, đó là thiện, chẳng phải là thiện trong thiện ác.

Cũng như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói: *"Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai"*. Người xưa gọi điều đó là *"bản thiện"*, phải thừa nhận điều này! Sau đấy, quý vị phải tin tưởng: *"Tính tương cận, tập tương viễn"* (Tánh giống như nhau, do huân tập (giáo dục) mà khác biệt), bản tính của mỗi cá nhân giống nhau. Phật pháp nói mỗi cá nhân vốn là Phật, còn trong truyền thống Trung Quốc, bản tính của mỗi người đều là bản thiện, đều tương đồng. *"Tập tương viễn"*, vì sao biến thành bất thiện? Do tập tính. "Tập tính" tức là nói quý vị bị ô nhiễm bởi hoàn cảnh.

Cổ nhân nói: *"Cận châu tắc xích, cận mặc tắc hắc"* (Gần son thì đỏ, gần mực thì đen). Nếu quý vị ở cùng thiện nhân, sẽ biến thành thiện nhân. Quý vị ở cùng người ác, sẽ học theo thói xấu, biến thành ác. Đó gọi là "tập tính", chẳng phải là bản tính. Mục đích của giáo dục là gì? Giáo dục nhằm mục đích khiến cho quý vị từ tập tính trở về bản tính, đấy là giáo dục. Giáo dục nhằm biến ác nhân thành thiện nhân, biến người xấu thành người tốt, biến kẻ mê hoặc, điên đảo thành người thông minh, trí tuệ, Đấy là giáo dục. Học trò chẳng thể dạy được, bèn khai trừ nó, đó là giáo dục thất bại, há có lẽ ấy? Học trò chẳng có khuyết điểm, mà do quý vị chẳng khéo dạy, chẳng biết dạy. Cớ sao quý vị dạy chẳng ra gì lại bắt tội học trò? Như vậy là quý vị lầm lẫn quá đỗi rồi!

Tôi nói với ông ta như thế, ông ta bèn hoát nhiên đại ngộ. Quý vị thấy tác phẩm ấy, trong các trường tại Luân Đôn, chẳng có ai theo ngành Hán học chẳng đọc, đó là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Vì thế, *"Cẩu bất giáo, tánh nãi thiên"* (Nếu chẳng dạy, tính sẽ biến đổi). Tư tưởng giáo dục phát sinh từ chỗ này, quý vị nhất định phải dạy. Nếu không dạy, kẻ ấy sẽ càng biến đổi tệ hại hơn! Con người do được dạy dỗ mà thành tốt đẹp, mà cũng do được dạy dỗ mà tệ hại hơn. Kẻ khác biến thành xấu xa, quý vị quyết định chẳng thể trách móc hắn, chính quý vị đã dạy kẻ ấy thành kẻ xấu! Ngày nay, do ai dạy? Hiện thời, trẻ nhỏ vừa sinh ra, mở mắt ra đã học, học từ nơi đâu? Học từ TV.

Trẻ hơi lớn lên, tôi chẳng biết ở nơi khác như thế nào, chứ tôi ở Mỹ rất nhiều năm, lớp một Tiểu học của Mỹ đã dùng điện não (computer), đã xem Internet. Lên Internet chơi gì? Bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, thảy đều học hết. Vì thế, học trò Tiểu học đi học bỏ súng trong túi giết bạn học, nó chẳng có ác ý, đùa chơi mà! Từ Internet nó học được điều ấy, thật sự đùa giỡn, giết thầy, giết bạn học, giết giỡn chơi mà! Quý vị làm thế nào đây? Làm sao kết tội con mình? Đây là một vấn đề lớn trong xã hội. Năm xưa, hình như lúc tôi ở Tân Gia Ba, vào năm 1999, đồng học bên Mỹ gởi cho tôi xem một cuốn tạp chí, trong ấy có bài tường trình tình trạng phạm tội của thanh thiếu niên nước Mỹ. Đọc xong, tôi sững sờ!

Đã rất lâu chẳng sang Mỹ, tôi liên lạc với bên ấy, đặc biệt vì chuyện này mà sang đó một chuyến. Tôi đến Lạc Sam Cơ (Los Angeles) của Gia Châu (California), nhờ đồng học liên lạc cho tôi, thực hiện 2 cuộc phỏng vấn trên Đài Truyền hình California của Mỹ. Một cuộc phỏng vấn về vấn đề giáo dục, chúng tôi có tất cả 4 người, 1 người là kiểm sát trưởng (Attorney General) của địa khu Lạc Sam Cơ (Greater Los Angeles), vị này là quan tòa, là một vị lãnh đạo của ngành tư pháp. 1 người là Thị trưởng Thành phố Phách Tát Địch Na (Pasadena), còn 1 vị là Hiệu trưởng Phân hiệu Los Angeles của Đại học California.

4 người chúng tôi tham dự một giờ phỏng vấn, tọa đàm trên đài truyền hình. Tôi hỏi vị kiểm sát trưởng: "Tôi đọc báo cáo trên số tạp chí này, đó có phải là thật hay chăng?". Ông ta bảo tôi: "Thật đấy". Tôi nói: "Tỷ lệ phạm tội không ngừng tăng lên, quý vị có cách nào khống chế, ổn định nó hay không?". Ông ta đáp: "Chẳng có cách nào!". Chính họ cũng biết vấn đề này rất nghiêm trọng.

Vì thế, tôi hội kiến Tổng thống Bố Thập (Bush), tôi cũng bảo ông ta: "Điều đáng lo ngại của Mỹ trọn chẳng phải là ở ngoại quốc", tôi nói liền khi ấy. Tôi nói: "Đối với thanh thiếu niên thuộc thế hệ kế tiếp, phải làm như thế nào? Có nghĩ tới vấn đề ấy hay không?". Tôi rời nước Mỹ, nghe nói trong khi trò chuyện, ông Bush có nhắc đến vấn đề này, chẳng thể giải quyết! Cuộc phỏng vấn thứ 2 dành cho thân sĩ tôn giáo.

Viện trưởng Học viện Cơ Đốc giáo dẫn theo 2 vị giáo sư, kể cả chúng tôi là 4 người, 3 người đến từ học viện. Chúng tôi thảo luận vấn đề ấy, tôn giáo giải quyết bằng phương pháp nào? Quan điểm như thế nào? Vấn đề vô cùng nghiêm trọng.

Năm xưa, một hôm, có 3 viên chức từ Bộ Giáo dục, hình như một người là bí thư, 2 người kia là xứ trưởng[20] đến phỏng vấn tiên sinh Phương Đông Mỹ. Hôm ấy, khéo sao tôi chạm mặt họ tại nhà thầy Phương. Họ hỏi thầy Phương một vấn đề: "Hiện thời chính phủ bắt đầu phục hưng văn hóa Trung Quốc, phải làm sao thì mới có thể thực hiện?". Nêu ra câu hỏi ấy, tôi thấy thầy biểu lộ thái độ vô cùng nghiêm túc, im lặng 5 phút, nhìn mọi người, không khí trong phòng khách nhỏ hết sức nghiêm túc. 5 phút sau, thầy nói: "Có!". Mọi người rất chú ý nghe.

Điều thứ nhất, tại Đài Loan khi đó có 3 đài truyền hình, hãy đóng cửa 3 đài truyền hình ấy, lại còn rất nhiều đài phát thanh vô tuyến cũng cần phải đóng cửa, ngưng xuất bản báo chí lẫn tạp chí. Mấy quan chức nghe nói đều ngây người: "Thưa thầy! Không thể làm được!". Thầy nói: "Những thứ ấy hằng ngày phá hoại văn hóa Trung Quốc. Đã có những thứ ấy thì còn có thể phục hưng văn hóa truyền thống hay sao?". Đúng là chẳng sai tí nào! Chúng tôi học tập theo thầy, tiếp nhận sự chỉ dạy của thầy; vì thế, từ đấy trở đi, tôi không

[20] Xứ trưởng là tiếng gọi chung những công chức cao cấp, thông thường là các trưởng ban, trưởng phòng, hoặc chính sự vụ trong một bộ hoặc một sở tại Đài Loan.

đọc báo, chẳng xem tạp chí, chẳng nghe radio, chẳng xem TV, gần như là năm 50; vì thế, tâm địa thanh tịnh, không bị ô nhiễm. Những thứ ấy có quyền ô nhiễm quý vị mỗi ngày, nhưng ta có quyền chẳng tiếp nhận. Tôi chẳng thể khuyên người khác đừng tiếp nhận, nhưng chính mình có thể chẳng tiếp nhận.

Tôi mỗi ngày đọc kinh điển Đại thừa, đọc sách vở của cổ thánh tiên hiền, vui sướng khôn sánh, chuyện gì tôi cũng không biết, người khác hỏi tôi như thế nào? Thiên hạ thái bình, không có chuyện gì! Quý vị thấy cuộc sống thoải mái lắm, đừng nên tiếp xúc chúng (truyền hình, truyền thanh, báo chí), chẳng có chuyện gì hết! Đức Phật dạy chúng ta, nhất là trong kinh Đại thừa, dạy chúng ta tu gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng, giác. Mỗi ngày gìn giữ sự thanh tịnh, bình đẳng, giác, quyết định đừng nên nhiễm ô, chớ nên dao động, chớ nên vọng động, chớ nên mê hoặc, đấy là tốt; vì vậy, phải hiểu điều này. Hiện thời, những phiền toái trong xã hội do đâu mà có? Hiểu rõ ràng, rành rẽ!

Giáo dục của đức Phật tốt đẹp như thế, cổ nhân chúng ta thỉnh về Trung Quốc, quý vị phải biết sự kiện lịch sử này! Phật giáo chẳng tự truyền đến, Hán Minh Đế phái đặc sứ sang Tây Vực thỉnh về, do đế vương Trung Quốc thỉnh về. Sau khi truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc được tiếp xúc, đôi bên đàm luận đều hoan hỷ khôn sánh. Vì sao? Căn bản đồng nhất. Văn hóa truyền thống có căn bản là hiếu

đạo, chớ nên không biết điều này. Căn bản của Phật pháp cũng là hiếu đạo, phù hợp khít khao. Nguyên tắc chỉ đạo giáo học trong Phật pháp là Tịnh nghiệp tam phúc.

Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật*, đức Phật đã nói 3 điều là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Điều thứ nhất *"Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp"*, quý vị thấy hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy được đặt hàng đầu, chẳng khác gì quan niệm văn hóa truyền thống, đặt vững căn cơ tại chỗ này. Tu học Phật pháp có thứ tự từ cạn tới sâu, giống như học hành trong nhà trường, từ Tiểu học, Trung học, Đại học, đến Nghiên cứu sinh. Phật pháp cũng giống như vậy, tiến dần dần theo thứ tự. Giáo học trong Phật pháp, nhất định là trước hết học Tiểu thừa. Tiểu thừa là Tiểu học trong Phật pháp; nhưng tại Trung Quốc, từ giữa đời Đường trở đi, chẳng học Tiểu thừa, dùng Nho và Đạo thay thế, còn thù thắng hơn Tiểu thừa. Từ giữa đời Đường đến hiện tại là 1.700 năm, xuất hiện bao nhiêu cao nhân, bất luận tại gia hay xuất gia, trọn chẳng thua kém Ấn Độ, chúng ta vượt lên trước, Phật pháp và văn hóa truyền thống dung hợp thành một thể.

Ông Thang Ân Tỷ cũng từng có nói, ông ta tán thán người xưa có tâm lượng rất lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc. Phật giáo thuộc về Ấn Độ, nhưng người xưa có thể bao dung, dung hợp thành một thể, Phật pháp làm phong phú hóa văn hóa bản địa, nói thật hay!

Chúng ta dùng kinh điển Đại thừa để giải thích sách Nho và kinh điển của Đạo gia, Lão Trang, sẽ nâng cao chúng lên giống như Phật pháp vậy! Chúng ta nói con người tánh vốn thiện, nhưng "thiện" ấy rất khó giảng. Nếu hiểu "thiện" là thiện ác thì rất thấp, trình độ rất thấp. Quý vị dùng câu *"Hết thảy chúng sinh vốn là Phật"* và *"Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai"* để giải thích "bản thiện", nâng cao ý nghĩa của nó giống như kinh *Hoa Nghiêm*.

Phật pháp đã phong phú hóa văn hóa bản địa, phải hiểu đạo lý này! Bởi lẽ, tôn giáo là giáo dục, tôi học nhiều năm như thế, nhận ra những tôn giáo lớn trên cả thế giới, mỗi tôn giáo đều là giáo dục. Trong kinh điển của họ đều giảng về luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học, chỉ là giảng theo mức độ khác biệt, nhưng đều là những thứ tốt đẹp. Đoàn kết tôn giáo có lợi ở chỗ hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình. Đặc biệt năm nay, tôi tham gia 2 lượt hoạt động quốc tế; cuối tháng này, tham gia tại Mã Lai cũng là một hoạt động.

Tôi đi tham dự để làm gì? Không có gì khác, chỉ là tuyên truyền giáo dục tôn giáo, mong mỏi mỗi tôn giáo đều trở về giáo dục, tôn giáo bèn có thể phục hưng, mà cũng là giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả được phục hưng. Trong ấy có triết học, có khoa học, đó là giáo dục dành cho một ít người, còn 3 thứ trước (luân lý, đạo đức, nhân quả) là giáo dục phổ cập trong thế gian, phổ cập khắp thế giới. Mọi người đều có

thể học, học luân lý, đạo đức, nhân quả, cả thế giới sẽ có thể trở về trật tự vô cùng tốt lành.

Tất cả những tai nạn trên địa cầu này đều có thể hóa giải, hiện thời các nhà lượng tử lực học đã chứng thực điều này, chẳng phải là mê tín, mà là có đạo lý. Đối với những điều trọng yếu trong giáo dục truyền thống Trung Quốc và giáo dục tôn giáo của ngoại quốc, làm thế nào để dung hợp giáo dục tôn giáo của ngoại quốc và giáo dục truyền thống của Trung Quốc thành một thể? Đấy là chuyện phải nên làm của người hiện thời.

Vì thế, ở Úc, tôi có Tịnh Tông Học Viện, khóa trình tại Tịnh Tông Học Viện là Nho, Thích, Đạo. Kể từ tháng này trở đi, chúng tôi tăng thêm *Cổ Lan Kinh* (Koran) của Y Tư Lan giáo (đạo Hồi), tăng thêm *Tân, Cựu Ước* của Thiên Chúa giáo. Chúng tôi đã hẹn sẵn với một vị trưởng lão Do Thái giáo, ông ta đã nhận lời, có thể là mùa Xuân năm sau sẽ giảng 616 điều giới luật của Do Thái giáo tại học viện chúng ta. Những giới luật ấy thuộc về luân lý, đạo đức, trong ấy cũng có nhân quả.

Chúng ta học tinh hoa của các tôn giáo khác nhau, nhằm phong phú thêm truyền thống Nho, Thích, Đạo của chúng ta. Đấy là chính xác, chúng ta dẫn đầu thực hiện. Tôi dẫn đầu lần này, những tôn giáo khác sẽ theo bước. Vì sao? Nếu họ chẳng tiến theo, sẽ chẳng có cách nào qua lại với chúng ta,

nhất định phải tiến theo. Vì thế, đoàn kết tôn giáo dựa trên đâu? Dựa trên học tập kinh điển của lẫn nhau, chúng ta mới thật sự có thể hóa giải mâu thuẫn, hóa giải đối lập giữa các tôn giáo, tự nhiên sẽ chẳng còn xung đột.

Mong mỏi dùng giáo dục tôn giáo để dẫn đến an định, hòa bình trên toàn thế giới; đấy là chuyện tốt đẹp! Chúng tôi làm chuyện này mấy năm, có lòng tin đối với chuyện này, chúng ta chớ nên tiến hành một cách cục bộ, thực hiện cục bộ tốt đẹp nhưng đại hoàn cảnh bất hảo, có ảnh hưởng quá lớn, chúng ta phải thực hiện trên cả thế giới. Bởi lẽ, đối tượng giáo hóa của mỗi tôn giáo đều là cả thế giới, chẳng cục bộ, quan niệm hoàn toàn tương đồng. Vì vậy, chúng ta nhất định phải có nhận thức rõ ràng về Phật giáo và Phật. Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia Đại sư dạy tôi: *"Anh muốn học Phật, phải nhận biết Phật Thích Ca Mâu Ni. Anh chẳng nhận biết Ngài, trong tương lai sẽ đi vào đường vòng. Khi đi vào ngõ rẽ, chính anh cũng chẳng biết".* Bởi lẽ, trong xã hội hiện tại có 6 thứ hình thức tôn giáo bất đồng, chúng ta chớ nên không biết.

Năm ấy, tôi giảng tại Miami, Hoa Kỳ, giảng *Nhận Thức Phật Giáo*, hiện thời đã in thành sách. Đó là bài giảng tại Miami. Thuở ấy, tôi từng giảng trong xã hội có 4 thứ Phật giáo khác nhau. Hiện thời có 6 thứ, tức là tăng thêm 2 thứ. Thuở ấy, có 4 thứ:

- Loại thứ nhất là Phật giáo của Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo dục, tức giáo dục của Phật Đà. Nhất định phải biết: Cả đời Phật Thích Ca Mâu Ni kể từ ngày khai ngộ. Ngài 30 tuổi khai ngộ, 79 tuổi viên tịch. Sau khi khai ngộ, Ngài bèn dạy học cả đời, chẳng gián đoạn ngày nào. Kinh thường nói: *"Giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm".*

Hơn 300 hội là tổ chức khóa học, nay chúng ta gọi việc đó là tổ chức khóa học. Cả đời Ngài tổ chức hơn 300 khóa học, giáo học 49 năm. Đức Phật giáo học suốt đời, chẳng hề dựng chùa miếu. Dựng chùa miếu là tình hình khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc mới dựng chùa miếu; dựng chùa, chứ không nói đến miếu. Tự viện, am đường là đạo tràng giáo học của Phật giáo, những nơi ấy là trường học. Tự viện, am đường là trường học, chẳng phải là cơ sở tôn giáo, dạy học ở nơi ấy.

Trong tự viện hiện thời, vẫn gọi các vị chấp sự (có trách nhiệm quản trị) giống như xưa kia, chẳng hạn Trụ trì, Phương trượng, những danh xưng ấy tương đương với Hiệu trưởng của nhà trường hiện thời, Thủ tọa hòa thượng tương đương với Chủ nhiệm Giáo vụ, hoặc Giáo vụ trưởng trong trường đại học; Duy Na tương đương với Huấn đạo trưởng. Hiện thời, Duy Na làm gì? Cầm dùi gõ chuông trong khi tụng kinh. Chẳng phải vậy! Duy Na là người chủ trì trật tự, trông coi đức hạnh, dạy các lớp về giới luật, là Huấn đạo trưởng; Giám viện là Tổng vụ trưởng.

Quý vị thấy danh xưng khác nhau, nhưng tánh chất phân công hoàn toàn tương đồng. Bởi lẽ, Phật giáo Trung Quốc theo chế độ tùng lâm, chính quy hóa giáo học. Thời Phật Thích Ca Mâu Ni tại Ấn Độ không có chế độ này, hoàn toàn là giáo học theo kiểu tư thục, giống như Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử cũng có 3.000 đệ tử, 72 người hiền, tức là có 72 người thật sự thành tựu. Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, chúng ta cũng nên biết Ngài có 3.000 đệ tử, kinh điển chép về *Thường Tùy Chúng*, tức là 1.255 vị chẳng rời Phật. Kinh điển thường ghi chép chuyện ấy. Tôi tin rằng khi đức Phật giảng kinh, số người đến tham dự trong những lúc đó chẳng phải chỉ có vậy. Vì thế, đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni cũng phải là 3.000. Suốt đời giáo học, chẳng dính dáng gì đến tôn giáo. Thuở Phật tại thế, hoàn toàn không có những nghi thức tôn giáo!

Cùng nhau lên lớp, nhưng tu hành là mỗi cá nhân tự thực hiện. Đức Phật chẳng dạy người nào tu như thế nào, không có! Chỉ là lên lớp, quý vị có vấn đề nghi nan gì, hướng về đức Phật thỉnh giáo, Ngài sẽ giải đáp. Vì cuộc sống hằng ngày đều là thác bát (khất thực), giữa trưa ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đó gọi là *"Thầy dẫn trò vào cửa, tu hành do cá nhân".* Thuở đức Thế Tôn tại thế đúng là như vậy, ai nấy đều có thể tự kiềm chế mình. Vì vậy, trong Phật môn không có tổ chức. Học trò Phật Thích Ca Mâu Ni đông dường ấy, chẳng chia thành lớp, chẳng mời ai làm trưởng lớp, không có! Nếu

có, kinh điển sẽ ghi chép, không có! Hoàn toàn là giáo học tư thục.

Trong các học trò, có người thành tựu, học rất khá, bèn giúp đỡ những kẻ kém hơn, giống như là trợ giáo của thầy. Có tình hình ấy, nhưng chưa có tổ chức, chẳng lập đạo tràng. Nay, chúng ta hãy suy nghĩ vì sao đức Phật chẳng lập đạo tràng? Ngài muốn lập đạo tràng sẽ chẳng khó khăn gì, bởi gia tộc là vương tộc. Khi ấy, vua của 16 nước lớn tại Ấn Độ đều là học trò Phật Thích Ca Mâu Ni. Quý vị nói xem, Ngài muốn dựng đạo tràng chẳng phải là rất dễ dàng ư? Trong các học trò, có người là quốc vương, trưởng giả, đại thần, cư sĩ giàu có rất nhiều, nhưng đức Phật không cần! Vì sao không cần? Nay chúng ta hiểu rõ, tạo dựng chùa miếu to lớn, tráng lệ, nguy nga, sẽ có kẻ động lòng, muốn khống chế, toan chiếm hữu, chẳng có đạo tâm. "Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác" bị phá hoại. Chẳng tạo dựng là có lý, chẳng dựng thì những người theo học đều có đạo tâm, chẳng mong cầu, mới có thể đạt được "không có tiếng tăm, lợi dưỡng".

Vì thế, ở nơi đây, chúng ta học tập trong đạo tràng nhỏ này. Đạo tràng này chẳng phải là của tôi, mà do các cư sĩ ở HongKong tạo dựng, mời tôi đến nơi đây giảng kinh, chẳng phải là đạo tràng của tôi. Tôi không có đạo tràng, nơi nào mời, tôi bèn đến đó, tự tại lắm! Trong nước có những người mời tôi, đưa ảnh chụp những ngôi chùa đã dựng cho tôi xem, cung điện nguy nga, tráng lệ mời tôi đến.

Tôi nói: "Tôi không thể đi". Vừa nhìn bèn nói "Tôi không thể đi". Họ hỏi: "Vì sao?". Tôi nói: "Thầy tôi là Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng ở nơi nào to dường ấy. Tôi không dám ở". Tôi nói: "Nếu quý vị thật sự thỉnh tôi đến ở, hãy dựng một tòa nhà nho nhỏ theo lối tứ hợp viện[21], xềnh xoàng, tặng cho người ta, người ta đều chê, chê quý vị quá quê kệch. Đó là gì? Đó là đạo tràng bình an có thể tu đạo. Xây cất nguy nga, tráng lệ dường ấy, mỗi người đều động tâm muốn chiếm lấy, làm sao quý vị sống an ổn cho được?". Bởi lẽ, Phật Thích Ca Mâu Ni có trí tuệ, từ 3.000 năm trước đã nêu gương cho chúng ta. Nay, chúng ta càng nghĩ càng thấy có lý, càng nghĩ thấy càng đúng, vĩnh viễn là tâm an lý đắc, chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu. Chúng ta phải học, học theo Phật Thích Ca Mâu Ni, chớ nên học theo thế tục.

Học theo thế tục là xong luôn, quý vị sẽ luân hồi trong lục đạo. Hãy học theo Phật Thích Ca Mâu Ni, có thể làm Phật trong một đời này, tối thiểu là làm Bồ tát, mới kể như là quý vị tu học có thành tựu. Do vậy, quý vị hãy suy nghĩ xem, nhận thức Phật Thích Ca Mâu Ni quan trọng lắm!

Nếu nói theo cách bây giờ, Phật Thích Ca Mâu Ni mang thân phận gì? Ngài là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa

[21] Tứ hợp viện (còn gọi là Tứ Phòng) là một kiểu xây nhà truyền thống, gồm 4 dãy nhà xây vây kín theo hình chữ Khẩu (口), bao quanh một cái sân ở giữa. Nếu giữa sân không có dãy nhà nào thì gọi là *"nhị tấn nhất viện"* (hai lớp nhà, một sân), nếu chính sân xây một dãy nhà ngăn sân làm đôi (tức chữ Nhật 日) thì gọi là *"tam tấn nhị viện"* (ba dãy nhà, hai sân) v.v...

nguyên. Ngài mang thân phận của một người làm nghĩa vụ giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, dạy học chẳng lấy học phí, vô cùng nhiệt tâm dạy dỗ quý vị, chẳng lấy tiền công. Khổng lão phu tử dạy học còn nhận một chút tiền công, còn có một chút học phí tượng trưng, đức Phật không cần. Ngài làm công tác thiện nguyện.

Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều nhằm nêu gương cho học trò đời sau, chứ chẳng có gì khác! *"Học vi nhân sư, hành vi thế phạm"* (Học làm thầy người, hành làm khuôn mẫu cho đời), Ngài đã làm được. Đối với Tứ đức được giảng trong *Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ*, tức bài luận văn của Hiền Thủ Quốc sư, tức là tác phẩm *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, Ngài thật sự làm được. *"Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hòa chất trực, đại chúng sinh khổ"* (Tùy duyên diệu dụng, oai nghi có chừng mực, nhu hòa, ngay thẳng, chịu khổ thay cho chúng sinh).

Trong kinh Phật, chẳng có một câu nào là lời giả, thật sự làm được, lại còn làm viên mãn ngần ấy. Chúng ta học Phật phải học tập những chỗ này, chẳng có chính mình. Chính mình ở chỗ nào? Vũ trụ là chính mình, hết thảy chúng sinh là chính mình. Chúng ta thấy vũ trụ có cùng một thân thể với chúng ta, thấy hết thảy chúng sinh đều là những tế bào trên thân chúng ta, đó là đúng! Phật Thích Ca Mâu Ni xác thực là thấy như thế. Chúng ta không có cách nào tưởng tượng cách nhìn ấy. Khi nào quý vị thật sự buông vọng tưởng, phân

biệt, chấp trước xuống, minh tâm kiến tính, quý vị sẽ có cách nhìn giống như Phật, hoàn toàn tương đồng, chân thật, chẳng dối. Vì thế, khẳng định Phật giáo là giáo dục. Giáo dục mới là Phật giáo do Phật Thích Ca Mâu Ni truyền lại, là sự giáo dục của Phật Đà.

Nhưng hiện thời, Phật giáo lại biến chất, biến thành tôn giáo. Thời gian biến thành tôn giáo chưa lâu! Chúng ta đọc lịch sử, thấy trước thời đại Càn Long, Gia Khánh của nhà Thanh trước kia, Phật giáo vẫn chưa biến chất. Tự viện, am đường mỗi ngày vẫn giảng học, vẫn lên lớp, nghi thức tôn giáo nhiều nhất là công khóa sớm tối, đó là khoa mục chung. Thời gian tụng niệm công khóa sớm tối cũng không dài. Đó là gì? Đó là kỷ niệm thầy, mang ý nghĩa niệm niệm chẳng quên ân đức của thầy, chẳng phải là lạy thần, mà là kỷ niệm thầy.

Giống như chúng ta học tập ở đây, chúng tôi treo ảnh chụp của thầy ở phía đối diện, chúng ta mỗi ngày học tập ở nơi đây, hướng về thầy khom mình xá do ý nghĩa như sau: Chẳng quên gốc. Hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, đó là chẳng quên gốc! Nhất định phải hiểu ý nghĩa rõ ràng, chớ nên hiểu lầm! Chẳng phải là lạy thần, chẳng phải là cầu Ngài phù hộ. Lên lớp là tách ra thành từng giảng đường riêng biệt. Vì thế, trong một ngôi chùa, có mấy vị Thủ tòa hòa thượng, đó là "phân tòa giảng kinh". Mỗi người có giảng đường riêng. Quý vị thích học khoa mục nào, thì vào giảng đường dành cho

khoa mục ấy, theo vị thầy đó. *"Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên"* (Đường lối giáo hóa chú trọng chuyên nhất). Giáo học trong Phật môn không giống giáo học của thế gian.

Theo truyền thống, Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc gần như đều tuân thủ nguyên tắc sau đây: *"Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu"* (Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài). Chú trọng khai ngộ, nhất định phải hiểu Tam học Giới - Định - Tuệ, Giới là gì? Quy củ! Quý vị nhất định phải giữ quy củ. Những gì thầy dạy quý vị chính là quy củ, quý vị phải tuân thủ. Thâm nhập một môn, cho nên trước hết phải vun bồi căn bản.

Vào thời cổ, trên thực tế, đối với 3 căn bản Nho, Thích, Đạo, tối thiểu là cha mẹ giúp quý vị vun bồi căn cội Nho và Đạo. Vào thời cổ tại Trung Quốc, giáo dục bắt đầu từ khi nào? Bắt đầu từ lúc mẹ có mang, thai giáo! Vun bồi căn cội rất sâu. Thai giáo có hiệu quả hay không? Hiện thời, ở ngoại quốc, qua thuật thôi miên, phương Tây đã phát hiện con ở trong thai mẹ đã hiểu rất rõ ràng. Mẹ khởi tâm động niệm, ăn uống, cử động, sẽ có cảm ứng rất lớn đối với con.

Do vậy, từ thuật thôi miên, họ đã nghĩ cổ nhân nói thai giáo hết sức có lý. Trẻ còn ở trong thai chẳng phải là vô tri. Trẻ nhỏ vừa được sinh ra, cha mẹ là người gần gũi nhất. Phàm những người lớn tiếp xúc với trẻ, ăn nói, cử chỉ đều phải giữ lễ, đoan trang. Vì sao? Cho trẻ thấy, nghe, tiếp xúc,

hoàn toàn là những điều hay lẽ phải. Những thứ phản diện, bất thiện, chẳng để cho trẻ thấy, nghe, tiếp xúc, nhằm bảo vệ trẻ. Bảo vệ đến 3 tuổi tức là 1.000 ngày. 1.000 ngày ấy gọi là "vun bồi cội rễ giáo dục". Trong ấy, người mẹ là chính yếu. Mẹ thật sự yêu thương con, thật sự là yêu thương chính mình, yêu thương con cái. Đối với 1.000 ngày vun bồi cội rễ ấy, cổ ngạn ngữ có câu: *"Tam tuế khán bát thập"*, 3 năm, tức là vun bồi cội rễ 1.000 ngày trong 3 năm, tới 80 tuổi cũng chẳng thể biến đổi. Cội rễ sâu xa lắm! Cũng có nghĩa là trẻ sẽ chẳng tiêm nhiễm những thứ bất thiện trong xã hội.

Hiện tại, vì sao trẻ nhỏ đều học theo cái xấu? Chẳng vun bồi căn cội, đến 3 tuổi mới dạy sẽ chẳng kịp! Trẻ đã học theo thói xấu rồi. Bây giờ mà nói như vậy thì ai hiểu? 100 năm trước, ai nấy đều hiểu. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, xã hội Trung Quốc động loạn, quân phiệt cát cứ, sau đấy, chiến tranh với người Nhật, mãi cho đến hiện nay vẫn chưa có cách nào khôi phục an định. Nhất là trong 8 năm kháng chiến, chúng tôi cảm thấy trong 8 năm kháng chiến tổn thất lớn nhất, chết nhiều người ngần ấy, phá hoại sinh mạng, tài sản nhiều ngần ấy, tôi vẫn cảm thấy là chuyện nhỏ, nhỏ bé không đáng kể; tổn thất lớn nhất là truyền thống văn hóa bị xóa sạch. Tổn thất ấy quá lớn.

Những thứ truyền thống đã duy trì bao năm như vậy, sau khi chiến tranh nổ ra, mọi người bận bịu đối phó người

Nhật, mỗi ngày lo lánh nạn, tôi là kẻ đích thân bị hại nên tôi biết. Sau cuộc chiến, chẳng thể khôi phục lại được, đáng tiếc lắm! Gia tộc của Trung Quốc tuyệt lắm, hiện thời chẳng còn gia tộc, nhà tan, người mất.

Chư vị phải hiểu, quý vị đọc sách cổ thấy nói: *"Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"*. Vì sao tề gia, trị quốc sẽ bình trị? Thời cổ, "gia" là đại gia đình, chẳng phải là tiểu gia đình, một thôn trang là một nhà. Thôn trang kia là Vương thôn, toàn là người một nhà. Một nhà mấy trăm người đều là họ Vương. Các vị nếu đã đọc *Hồng Lâu Mộng*, gia đình họ Giả trong *Hồng Lâu Mộng* là một nhà. Bộ tiểu thuyết ấy miêu tả một nhà. Gia đình thông thường, nói chung có khoảng300 người, nếu nhân đinh hưng vượng sẽ là 6-700 người. Gia đình rất suy, chẳng đông lắm, cũng có một vài trăm người, đó là rất suy. Vì họ là đại gia đình nên phải chú ý đến gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp, có tổ chức, chẳng thể rối loạn chút nào. Hễ loạn, thì nhà ấy coi như tiêu rồi!

Đệ Tử Quy là gia quy, là một phần chung cho gia quy của từng gia tộc. Ngoài phần ấy ra còn có những phần khác nhau, vì sự nghiệp kinh doanh của mỗi gia đình khác nhau, cho nên gia đình nào có gia quy của gia đình nấy. Những điều này đều được chép trong gia phả. Chúng ta mở gia phả ra xem sẽ biết, tổ tông lập ra quy củ. Gia học là tư thục, tức trường học dành cho con em trong gia đình.

Vì thế, tại Trung Quốc, vào thời cổ, xã hội giao việc giáo dục, tức giáo dục cơ sở cho gia đình tự phụ trách. Quốc gia không có chuyện này, chẳng lo việc giáo dục. Giáo dục là chuyện của bản thân gia đình quý vị. Quý vị nói gia trưởng (chủ gia tộc) lo việc học hành, quá nửa dùng từ đường làm trường học, vì từ đường trừ Xuân Thu tế tự ra, chẳng có hoạt động gì. Vì thế, từ đường là trường học.

Quý vị thấy gia trưởng là ông bà nội hoặc ông bà cố, quan tâm đến lớp hậu duệ đời sau ngần ấy, mời thầy sẽ nhất định mời người thật sự có đạo đức, có học vấn đến dạy, phụ trách. Không giống như trường học hiện thời! Trường học hiện thời đối với quý vị chẳng có mối liên quan nào, dẫu quý vị bỏ nhiều tiền trong phong bì đem tặng họ, họ vẫn chẳng quan tâm, chẳng thể mua được lòng yêu thương của họ! Do vậy, người xưa thật sự yêu thương con cháu.

Quý vị thấy họ mời thầy, gia trưởng, tổ tông đều dập dầu lạy thầy. Vì sao? Tôn sư trọng đạo. Đấy là gì? Biểu diễn cho những đứa học trò là con em của chính họ xem. Quý vị thấy: Lúc đó, lũ học trò là con em thấy tổ tông, ông nội, cha mẹ trông thấy thầy đều cúi lạy, quý vị có thể nào chẳng tôn kính thầy ư?

Tôi học được lòng tôn kính thầy, lúc khoảng chừng 6 tuổi, vào trường tư. Chúng tôi là gia học. Cha tôi dẫn tôi đi học. Học trò không đông lắm, khoảng chừng hơn 30 người, chưa

đến 40 người, lớn nhất là mười mấy tuổi, có những học sinh lớn 15, 16 tuổi, học trò nhỏ tuổi giống như tôi là 6, 7 tuổi, cùng học chung một phòng, một thầy. Ngày nhập học, đầu tiên là ở lễ đường. Giữa lễ đường thờ bài vị Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư, tức bài vị của Khổng lão phu tử. Thầy ngồi nơi đó, các đồng học chia ra đứng hai bên.

Trước hết, chúng tôi đến lạy bài vị Khổng Tử. Cha tôi ở đằng trước, tôi ở đằng sau, hướng về bài vị Khổng Tử hành lễ 3 lần quỳ, 9 lần dập đầu, đấy là lễ tiết đời Thanh. Sau khi lạy xong, cha tôi mời thầy ngồi lên ghế. Thầy ngồi phía dưới bài vị Khổng Tử, cha tôi hướng về thầy hành lễ 3 lần quỳ, 9 lần dập đầu. Quý vị nghĩ xem: Thầy tiếp nhận trọng lễ của cha mẹ quý vị như vậy, nếu chẳng dạy học trò đàng hoàng, lẽ nào chẳng có lỗi đối với cha mẹ người ta? Trả tiền công cho thầy tùy ý, thầy trọn chẳng đòi hỏi chuyện ấy.

Quý vị dư giả, thì cấp dưỡng thầy nhiều một chút, nghèo khổ thì châu cấp thầy ít một chút, đạt ý nghĩa là được rồi! Thật sự nghèo túng, mà trò học giỏi, thật sự có thể học, thầy còn bù đắp cho chi dụng trong nhà, chẳng dễ dàng! Thuở ấy, thầy thật sự hữu đạo, thầy thật sự có sư đạo. Hiện thời chẳng có. Hiện nay, trò chẳng thể dạy, quý vị hơi nghiêm khắc một chút, gia trưởng bèn nói thầy xâm phạm nhân quyền, còn đi thưa lên chính quyền, thầy còn bị phạt, làm sao dạy được? Vì thế, hiện thời học sinh ở nhà chẳng hiếu thảo với cha mẹ, ở trường chẳng kính trọng thầy. Chẳng

kính trọng thầy, chẳng có lòng tôn trọng thầy, thứ gì cũng đều chẳng học được!

Vì thế, hiện thời dẫu có thánh hiền làm thầy, nhưng đã không có học trò, tới đâu để tìm được một học trò có lòng tôn kính thầy? Chẳng phải là thầy đòi hỏi học trò phải tôn kính, chẳng phải vậy, ngàn muôn phần chớ nên hiểu lầm! Một phần cung kính được một phần lợi ích, tùy thuộc học trò có thể học được bao nhiêu.

Quý vị nhìn từ lòng cung kính của trò đối với thầy và môn học. Thiếu tâm cung kính sẽ chẳng học được, chớ nên không hiểu đạo lý này! Trong đời này, tôi có một chút thành tựu là do đã được hưởng lợi ích nào? Hưởng lợi ích nhờ lúc 6 tuổi cha tôi dẫn tôi vào trường, cúi lạy thầy. Tôi được hưởng lây lòng cung kính ấy, suốt đời cũng chẳng thể quên, biết cung kính thầy.

Tại Đài Loan, tôi gặp được 3 vị thầy, chẳng thân thuộc, chẳng quen biết, nhưng do tâm cung kính, các thầy đặc biệt chiếu cố tôi. Đạo lý ở ngay đó. Các Ngài thật sự dạy tôi chẳng đi quanh quẹo, đúng là chẳng đi theo những con đường vòng vèo, thật sự dạy. Người khác thân cận thầy, thầy chẳng nói đến những điều ấy, Ngài dạy tôi phải học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Đối với người khác, tôi thường ở bên cạnh thầy quan sát, thầy chẳng dạy người khác học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì sao? Người ta không thể

học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng tôi nghe lời, nên thầy dạy tôi học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng tôi mới hiểu Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời dạy học, chúng tôi đi theo con đường ấy, đi suốt 59 năm chẳng thay đổi phương hướng. Trừ giảng kinh, dạy học ra, không có ý niệm thứ hai, tâm bèn thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ. Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề của chính mình, mà cũng có thể giúp người khác giải quyết vấn đề.

Hiện thời, sau khi tôi đến Úc Châu, tham dự hoạt động trong nhà trường. Tôi đến Úc Châu là do Bộ trưởng Di dân Úc Châu mời tôi đến, cấp cho tôi thẻ thường trú. Thẻ thường trú làm tại HongKong, ông ta mong tôi sang Úc giúp Úc đoàn kết tôn giáo, đoàn kết các sắc dân. Vì vậy, sau khi đến Úc, tôi mới biết chính phủ Úc rất thông minh, họ giao công tác ấy cho trường đại học. Điều này hay lắm, vì đại học sẽ không thiên vị bất cứ tôn giáo nào, mà cũng không thiên vị bất luận sắc dân nào, họ là trung lập. Chấp hành nhiệm vụ ấy là nhà trường. Do vậy, tôi tham dự, thực hiện công tác ấy trong nhà trường.

Tôi cũng giúp nhà trường thành lập một trung tâm, tức là Trung tâm Văn hóa đa nguyên. Đấy là cơ sở hoạt động của chúng tôi. Sau biến cố Mười Một tháng Chín, tôi được nhà trường giao phó đại diện nhà trường, đại diện Úc Châu tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Đã nhiều năm như vậy, trước sau tham dự mười mấy lần, có 7 lần trong số ấy

do Liên Hiệp Quốc chủ đạo. Do tham dự, phạm vi hoạt động và giao tiếp của tôi lớn hơn, có nằm mộng cũng không ngờ tới, đi theo phương hướng quốc tế.

Trong mỗi lần hoạt động quốc tế, chúng tôi đều lấy việc tuyên dương văn hóa truyền thống của Trung Quốc làm đề tài trung tâm. Chúng tôi đã được ông Thang Ân Tỷ khải thị: *"Giải quyết vấn đề trong xã hội hiện tiền, thật sự chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Đại thừa Phật pháp"*; vì thế, cực lực đề xướng 3 món căn bản.

Tại ngoại quốc, tôi còn thêm vào một thứ, tức là giáo dục tôn giáo. 3 cội rễ của Nho, Thích, Đạo, cộng thêm giáo dục tôn giáo. Giáo dục tôn giáo nhất định phải là học tập lẫn nhau, hiểu biết lẫn nhau, mới chẳng đến nỗi nảy sinh mâu thuẫn, chẳng đến nỗi nảy sinh đối lập. Cơ sở của sự hài hòa ở chỗ này. Căn bản hài hòa ở chỗ này. Nhất định phải làm tốt điều này, thì sẽ có thể biến hài hòa xã hội, hài hòa thế giới thành hiện thực, chứ chẳng phải là một điều lý tưởng! Những điều ấy là nguyện vọng chung của tất cả các tôn giáo, mà cũng là mục tiêu giáo học cuối cùng suốt đời của Phật Thích Ca Mâu Ni lão nhân gia.

Năm 2006, tôi tham gia hoạt động của Tổng bộ Văn hóa Khoa học Giáo dục Liên Hiệp Quốc (UNESCO). Lần hoạt động ấy là lần quan trọng nhất trong tất cả các hoạt động của chúng tôi. Tôi lãnh trách nhiệm tổ chức, chủ trì hoạt

động này. Đề mục là kỷ niệm Phật Thích Ca Mâu Ni lần thứ 2.250[22], chủ đề là *"Cống hiến của Phật tử đối với nhân loại".* Chúng tôi thực hiện rất thành công, báo cáo tỉ mỉ cách giáo học truyền thống của Trung Quốc và thành quả thí nghiệm.

Trong bài báo cáo, tôi đề nghị, mong mỏi Liên Hiệp Quốc có thể thành lập một đại học tôn giáo toàn cầu, mỗi tôn giáo có thể thiết lập một học viện, liên kết các tôn giáo trên toàn thế giới, mục tiêu chủ yếu là một thế giới hài hòa. Đề nghị xong, văn tự hãy còn, Liên Hiệp Quốc trọn chẳng thực hiện, không có cách nào thực hiện. Đối với đề nghị này, xưa kia, hình như vào năm 1987, lần đầu tiên trở về nước, gặp gỡ lão cư sĩ Triệu Phác Sơ là đồng hương[23].

Lần gặp mặt ấy, các đồng tu ở HongKong theo tôi cùng đi, chúng tôi có hơn 20 người rất náo nhiệt. Tôi nêu ra vấn đề này với cụ Phác Sơ. Khi ấy, cụ nghe nói, rất vui vẻ, nhưng tuổi đã lớn quá rồi, đúng là tâm thì có thừa, nhưng chẳng đủ sức. Chuyện này trọng yếu, vẫn thường được nhắc đến, thường xuyên nghĩ tới, mong mỏi có một ngày quốc gia có thể thật sự thành lập một trường học như vậy.

Phải nên là 2 trường, một trường về các sắc dân, đoàn kết các sắc tộc; một trường nhằm đoàn kết tôn giáo. Học hiệu văn hóa đa nguyên đoàn kết các sắc tộc. Trung Quốc có

[22] Ở đây, Hòa thượng Tịnh Không nói lầm, năm 2006 phải là Phật lịch 2550.

[23] Cụ Triệu Phác Sơ và Hòa thượng Tịnh Không đều là người tỉnh An Huy. Cụ Triệu quê ở huyện Thái Hồ, còn Hòa thượng quê ở huyện Lư Giang.

56 dân tộc[24]. Văn hóa của mỗi dân tộc đều đáng để học tập, học tập lẫn nhau. Trung Quốc có 5 tôn giáo, nên có thể lập ra 5 học viện. Ngoài 5 học viện ra, còn có thể thiết lập học viện quản lý, bồi dưỡng nhân tài hộ pháp, như vậy sẽ rất có lợi cho quốc gia và văn hóa truyền thống. Chúng ta thường nghĩ tới điều này, tâm tưởng sự thành, rồi sẽ có một ngày thực hiện được. Ngày hôm nay, chúng tôi giới thiệu Bản Sư Phật Thích Ca Mâu Ni, học tập tới đây.

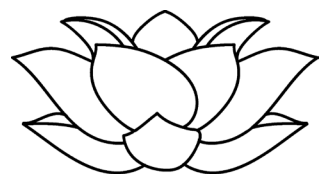

[24] Đây là các dân tộc được chính quyền Hoa Lục công nhận, bao gồm: Hán, Tráng (người Choang), Mãn, Hồi, Miêu (H'mong), Duy Ngô Nhĩ (Uigur), Thổ Gia (Bizika), Di (Nisu), Mông Cổ, Tây Tạng, Bố Y (Buxqyaix), Đồng (Gaem), Dao, Triều Tiên (Chosen), Bạch (Baipho), Cáp Nê (Haqniq), Cáp Tát Khắc (Kazak), Lê, Thái, Xá, Lật Túc (Lisaw), Ngật Lão (Kláo), Đông Hương (Sarta), Cao Sơn, Lạp Hổ (Lad Hull), Thủy, Ngõa, Nạp Tây, Khương, Thổ, Mộc Lão, Tích Bá, Kha Nhĩ Khắc Tư (Kirgiz), Đạt Oát Nhĩ (Daur), Cảnh Pha, Mao Nam, Tát Lạp (Salar), Bố Lang (Blang), Tháp Cát Khắc (Tajik), A Xương, Phổ Mễ, Ngạc Ôn Khắc (Evenki), Nộ, Kinh, Cơ Nặc, Đức Ngang, Bảo An, Nga, Dũ Cố (Yughur), Ô Tư Biệt Khắc (Uzbek), Môn Ba (Monpa), Ngạc Luân Xuân (Oronco, Oroqen), Độc Long, Tháp Tháp Nhĩ (Tatar), Hách Triết (Nanaitsr), và Lạc Ba (Lho pa). Đông nhất là dân Hán (hơn một tỷ) và ít nhất là Lạc Ba (chỉ có 2.965 người). Nếu nói chi tiết thì tại Đài Loan còn có một số các sắc dân thiểu số nữa, ngoài tộc Cao Sơn ra, nhưng chính quyền Hoa Lục không công nhận, như Pangcah Amis, Paiwan, Atayal, Bunun, Rukai v.v...

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 86

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

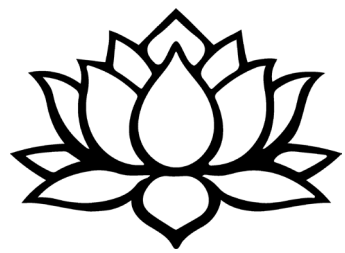

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 94, dòng thứ 5, xem từ câu thứ 2:

"Tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung, Xứ Thành Tựu dã. Vương Xá thành cổ hữu nhị thuyết, nhất viết Thượng Mao thành (hoặc tác Thượng Đệ thành, cựu thành), nhất viết Hàn Lâm thành (tân thành), lưỡng thuyết bất nhất" (Tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật là Xứ Thành Tựu. Thành Vương Xá, xưa kia có hai thuyết, một thuyết nói nó là thành Thượng Mao (còn gọi là thành Thượng Đệ, tức là thành cũ), thuyết kia nói nó là thành Hàn Lâm (thành mới), hai thuyết khác nhau).

Đây là điều thứ 4 trong 6 thứ thành tựu, tức Xứ Thành Tựu, là nơi chốn đức Phật giảng kinh. Đức Phật giảng ở đâu? Kinh văn chép: *"Tại Vương Xá thành"*, chẳng nói *"trụ"* mà nói *"tại"*. Trung Quốc vào thời cổ, dùng chữ hết sức cẩn thận. Đức Phật chẳng còn chấp trước thân tướng, như trong kinh *Kim Cương Bát Nhã* đã nói: *"Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng"*, Đức Phật thật sự chứng đắc, chứng đắc Pháp thân. Pháp thân ở đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại.

Do vậy, chẳng thể nói Ngài ở nơi đâu, trọn khắp pháp giới tận hư không giới đều là chỗ trụ của Ngài. Vì thế, chỉ có thể nói Phật ở tại nơi đâu, giống như chúng ta đến Bắc Kinh thăm

hoàng cung, thấy Tử Cấm Thành to ngần ấy, hoàng thượng ở trong đó. Nơi đó lớn dường ấy, hoàng thượng ngự nơi nào? Ở trong một căn nhà nào? Hay trong đình các nào? Trong quá khứ, chẳng thể nói hoàng thượng *"trụ"*. Vì sao? Vua là *"Tứ hải chi nội, mạc phi vương thổ"* (Trong bốn biển, chẳng có chỗ nào không phải là đất đai của nhà vua). Lãnh thổ quốc gia chính là trụ xứ của vua. Vua ở trong quốc gia này.

Hiện thời, vua đang ở chỗ nào? Ở trong quốc gia, chẳng thể nói vua trụ chỗ nào. Nếu ra ngoại quốc, có thể nói vua trụ trong Trung Quốc. Đối với triều Thanh thì nói [vua nhà Thanh] trụ trong Đại Thanh quốc, nói như vậy thì được. Đối với Phật, quý vị biết Pháp thân của Phật là trọn khắp pháp giới hư không giới, trong đại vũ trụ; đại vũ trụ chẳng có gì ra ngoài, không có lớn ra ngoài, không gì nhỏ chẳng gồm trong. Do vậy, đối với Phật đều nói là *"tại"*. Ngài tại chỗ nào?

Thuở đức Phật tại thế, thành Vương Xá cũng là một tiểu quốc. Đức Phật xuất thế nhằm đời Châu tại Trung Quốc. Chư vị phải hiểu, thuở ấy, quốc gia chưa thống nhất. Vì vậy, chúng ta đọc sách vở thấy vào đời Châu có "800 chư hầu". Một nước chư hầu rộng chừng bằng một huyện hiện thời, còn nhỏ hơn huyện một chút. Một huyện có thể có vài ba nước chư hầu. Bởi lẽ, đại quốc là 100 dặm, tiểu quốc là 50 dặm. Kích thước 50 dặm, có thể nói giống như một hương trấn hiện thời, vào thời cổ là một tiểu quốc. Đời Châu có hơn 800 quốc gia.

Tại Ấn Độ cũng giống như vậy, cũng đều là những tiểu quốc san sát. Trong kinh nói là *"16 đại quốc vương"*. Những nước tương đối lớn, thì ước chừng to bằng một huyện hiện thời, đã rất lớn rồi, đại quốc đấy nhé! Hiểu đại lược hoàn cảnh địa lý và lịch sử như vậy. *"Tại Vương Xá thành"*, nơi nào trong thành Vương Xá? Trong núi Kỳ Xà Quật. Ngoài thành Vương Xá có 5 quả núi; đây là 1 quả núi trong 5 quả núi ấy. Nói ra mọi người đều biết đức Phật đã giảng không ít kinh ở núi này. Phía sau sẽ còn giới thiệu, cho nên trước hết nói về Xứ.

Thành Vương Xá: Có 2 thành Vương Xá, một là cựu thành, hai là tân thành. Chúng ta đọc đoạn này sẽ biết: Từ trước tới nay, các vị tổ sư đại đức đều khẳng định đức Phật trụ nơi cựu thành, vì tân thành sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni viên tịch mới được xây, đương nhiên Phật trụ tại cựu thành, chẳng trụ tại tân thành. Do vậy, Ngài trụ tại thành Thượng Đệ.

Chúng ta xem đoạn kinh văn được trích dẫn kế tiếp và cách giảng của các vị đại đức xưa kia. *"Kim cứ Trí Độ Luận trung viết: Phật Niết-bàn hậu"* (Nay dựa trên *Trí Độ Luận* đã nói: "Sau khi đức Phật nhập Niết bàn"). Điều này rất trọng yếu. Sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni bát Niết bàn, tức là sau khi Ngài nhập diệt, *"A Xà Thế vương, dĩ nhân dân chuyển thiểu cố, xả Vương Xá đại thành, kỳ biên cánh tác tiểu thành"* (Do nhân dân trở nên ít hơn, vua A Xà Thế bèn bỏ thành lớn

Vương Xá, xây một thành nhỏ bên cạnh). Thành nhỏ là tân thành, tức thành Hàn Lâm. Do vậy, có thể biết: Sau khi đức Phật diệt độ, thành thị ấy chẳng hưng vượng cho lắm, dần dần suy vi, số người ít ỏi. Sau khi dân chúng đã ít đi, vua A Xà Thế cảm thấy chẳng thuận tiện lắm, bèn bỏ thành cũ, xây một thành mới ở bên cạnh. Thành mới nhỏ hơn, quy mô nhỏ hơn, đấy là thành Hàn Lâm.

"Chân Giải vân: "Bản Vương Xá thành giả, Thượng Đệ cựu thành dã" (Sách *Chân Giải* viết: "Thành Vương Xá vốn là thành cũ Thượng Đệ). *"Bản"* là nguyên gốc, thành Vương Xá ban đầu là cựu thành. *"Cánh tác tiểu thành giả, Hàn Lâm tân thành dã"* (Lại dựng tiểu thành chính là thành mới Hàn Lâm), đấy là tân thành.

"Thử ký Phật diệt hậu, Xà vương trúc chi, Phật hà trụ hậu thành hồ" (Thành ấy đã do vua A Xà Thế xây dựng sau khi đức Phật diệt độ, lẽ đâu Phật trụ trong thành sau?). Đức Phật đã viên tịch, làm sao Ngài có thể ngự tại thành sau (thành Hàn Lâm)? Đương nhiên thành Vương Xá thường được nhắc tới trong kinh là thành trước (thành Thượng Đệ). Thành trước là cựu thành. *"Kim chính Phật sở trụ xứ, minh tri Thượng Đệ thành dã"* (Nay biết rõ nơi đức Phật trụ chính là thành Thượng Đệ), đó là cựu thành, mà cũng là đại thành. *"Thử thuyết khả chứng, Phật thuyết thử kinh thị tại cựu thành"* (Lời này đủ chứng tỏ: Đức Phật nói kinh này tại cựu thành).

"Từ Ân Truyện vân" (Sách *Từ Ân Truyện* chép). *Từ Ân Truyện* là *Đại Đường Tây Vực Ký. Từ Ân Truyện* là tác phẩm do Huyền Trang Đại sư ghi lại những chuyện trong thời gian Ngài lữ du. Trong sách ấy, có một đoạn như thế này: *"Vương Xá cựu thành, xử Ma Yết Đà quốc trung, cổ tích quân vương đa trụ kỳ nội. Kỳ thành hựu sinh hảo hương mao, cố cử vi xưng"* (Cựu thành Vương Xá thuộc nước Ma Yết Đà (Magadha), xưa kia quân vương thường ngự trong ấy. Thành ấy lại sinh loại cỏ tranh rất thơm, nên gọi như vậy); vì thế, gọi là Hương Mao thành. *"Hựu Nhật Vọng Tây Sớ viết: Nhược y Tông Gia, ưng thị Thượng Mao"* (Lại nữa bộ *Vọng Tây Sớ* của Nhật có nói: "Nếu theo ý Tông Gia, thành Vương Xá phải là Thượng Mao").

Thượng Mao là cựu thành. Tông Gia là Thiện Đạo Đại sư. Người Nhật hết sức sùng kính Thiện Đạo Đại sư, thông thường chẳng gọi tên Ngài mà gọi là Tông Gia. *"Vọng Tây sư ý, diệc vị kinh trung chi Vương Xá thành, tức Thượng Mao cựu thành. Thử thuyết khả tín, cố bất dẫn dị thuyết"* (Ý của sư Vọng Tây cũng là thành Vương Xá trong kinh chính là cựu thành Thượng Mao. Thuyết này đáng tin, nên chẳng dẫn thuyết khác).

Những vị cổ đức khác cũng có những điểm tranh luận, chẳng cần nhắc tới. Chúng ta tin tưởng thuyết này, vì tân thành được xây dựng sau, tức là sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ mới kiến tạo. Đức Phật chẳng thể nào ngự tại tân

thành, cho nên thành Vương Xá được nhắc tới trong kinh phải là cổ thành.

Chúng ta lại đọc đoạn tiếp theo: *"Pháp Hoa Luận vân: Như Vương Xá thành thắng dư nhất thiết thành xá cố, hiển thử pháp môn tối thắng nghĩa"* (*Pháp Hoa Luận* chép: "Như thành Vương Xá vượt trội hết thảy các thành thị khác, cho thấy pháp môn này mang ý nghĩa tối thắng"). Đây là nói đến ý nghĩa biểu thị pháp trong nhà Phật, ý nghĩa này rất quan trọng. Người ta nói là *"địa linh nhân kiệt"*, nơi ấy có linh khí, nhất định có thánh hiền trụ tại nơi ấy.

Chúng ta học Phật nhiều năm như thế, chúng ta biết đức Phật đã dạy chúng ta một câu rất quan trọng: *"Cảnh chuyển theo tâm"*. *"Cảnh"* là hoàn cảnh. Do vậy, chúng tôi đổi lại, *"nhân kiệt địa linh"*, nghĩa là nơi đây có thánh hiền trụ, thì nơi đây tự nhiên có linh khí. Vì sao? Cảnh chuyển theo người. Hai cách nói này đều thông suốt, đều có lý. Nếu nơi này rất linh, nhất định sẽ un đúc, sinh ra thánh hiền, bậc đại thánh, đại hiền sẽ sinh ở nơi đây. Mặt khác, đại thánh đại hiền ở chỗ này, nơi này sẽ tụ tập linh khí.

Vì thế, nhân kiệt địa linh hay địa linh nhân kiệt, nói kiểu nào cũng đều thông suốt, nhưng ý nghĩa khác biệt. Đức Phật trọn chẳng xuất sinh tại thành Vương Xá, nhưng do đức Phật giảng rất nhiều kinh ở nơi ấy, nên nơi ấy có linh khí. Hơn nữa, trong các nước lớn tại Ấn Độ thời cổ, có thể nói là

thành này hưng vượng nhất, là thành thị lớn nhất. Đức Phật giảng kinh tại nơi đây, cho thấy bộ kinh này thù thắng khôn sánh, mang ý nghĩa này.

Vì thế, tiếp đó, sách viết: *"Ngũ Thiên Trúc hữu thập lục đại thành"* (Năm xứ Thiên Trúc có 16 thành lớn). Đây là 16 đại quốc vương thường được kinh nhắc tới, họ đều là đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, đều quy y đức Phật, theo Phật học tập, là hộ pháp tại gia của đức Thế Tôn, họ cũng là tại gia đệ tử. Trong 16 đại thành ấy, thành Vương Xá lớn nhất. Kinh *Pháp Hoa* giảng tại nơi đây, kinh *Vô Lượng Thọ* cũng giảng ở chỗ này, giảng chẳng ít kinh tại đây. Thời gian đức Phật trụ tại nơi này khá dài.

Tiếp đó, sách lại nói: *"Hựu Đại Bảo Tích Kinh Luận vân: 'Vấn vân: Hà cố thử pháp duy Vương Xá thành thuyết, phi dư thành khuếch?"* (Lại nữa, *Đại Bảo Tích Kinh Luận*[25] viết: "Hỏi: Vì sao pháp này chỉ nói ở thành Vương Xá, chẳng giảng diễn tại các thành khác?").

Đây là lời vấn đáp được giả lập trong bộ luận ấy, vì sao kinh *Đại Thừa Vô Lượng Thọ* phải giảng tại thành Vương Xá? Vì sao đức Phật chẳng giảng ở nơi khác? *"Đáp viết: Thích thử pháp môn pháp vương trụ xứ cố. Dụ như Vương Xá, vương sở chỉ trụ, cố danh Vương Xá. Thử pháp môn diệc phục như*

[25] *Đại Bảo Tích Kinh Luận* do Ngài An Huệ soạn, được Ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch sang tiếng Hán vào thời Bắc Ngụy, gồm 4 quyển. Tuy mang nhan đề là *Đại Bảo Tích Kinh Luận*, phần này chỉ nhằm giải thích hội 43 trong kinh *Bảo Tích* (tức hội Phổ Minh Bồ tát). Luận này nhằm giải thích danh xưng Bảo Tích, các thứ tà hạnh và chính hạnh của hàng Bồ tát.

thị, pháp vương trụ xứ, thích thành thử nghĩa cố, thuyết trụ Vương Xá thành" (Đáp: Nhằm nói rõ pháp môn này là trụ xứ của đấng Pháp Vương. Ví như thành Vương Xá là chỗ cư ngụ của vua, nên gọi là Vương Xá. Pháp môn này cũng giống như thế, là chỗ cư ngụ của đấng Pháp Vương. Để biểu thị nghĩa này, nên nói là "trụ thành Vương Xá").

Sự, Lý, biểu thị pháp, hoàn toàn tương ứng. *"Thử pháp"* là pháp "niệm Phật thành Phật" trong kinh *Vô Lượng Thọ*, bởi lẽ *"Pháp vương"* là Phật. Kinh này nói về điều gì? Trụ xứ của Phật, quý vị học bộ kinh này, trụ trong kinh này, quý vị bèn thành Phật, biểu thị ý nghĩa ấy. Vì thế, sánh ví với Vương Xá là "hoàng cung". Ai ngự trong hoàng cung? Hoàng thượng ngự. Chỗ hoàng thượng ở gọi là hoàng cung, là vương xá. *"Thử pháp"* (pháp này), ở đây nói, đối với pháp này, cũng giống như thế.

Bộ kinh này nói về điều gì? Trụ xứ của chư Phật Như Lai, nói tới điều này, quý vị có thể tiến nhập pháp môn này, sẽ thành Phật, nêu bày ý nghĩa này. Do vậy, nói là *"trụ Vương Xá thành"*, quý vị thấy ý nghĩa này thù thắng dường ấy. Do vậy, nhất định phải hiểu nghĩa thú được biểu thị trong Phật pháp, không cần dùng đến ngôn ngữ, quý vị vừa nhìn, vừa tiếp xúc, liền hiểu rõ. Trong đạo tràng của Phật giáo Trung Quốc xưa, hoàn toàn là biểu thị pháp, nhưng người hiện thời chẳng hiểu.

Kiến trúc, hình thức, cho đến màu sắc của đạo tràng, không có gì chẳng nhằm biểu thị pháp. Những gì lục căn của quý vị tiếp xúc toàn là biểu thị pháp. Nếu quý vị thật sự hiểu, chẳng cần nói một câu nào, quý vị vào tự viện, am đường, đi một vòng, Phật pháp ở ngay trong đó, tâm quý vị sẽ đầy ắp. Người hiện thời gọi điều này là "nghệ thuật hóa sự giáo học". Quý vị thấy từ mấy ngàn năm trước, Phật pháp đã đi theo hướng nghệ thuật này.

Trước tiên, giới thiệu ý nghĩa biểu pháp của thành Vương Xá, núi cũng biểu thị pháp. *"Kỳ Xà Quật sơn, thị Vương Xá thành ngoại ngũ sơn chi nhất. Tịnh Ảnh Sớ viết: Kỳ Xà sơn"* (Núi Kỳ Xà Quật là 1 trong 5 quả núi ngoài thành Vương Xá. *Tịnh Ảnh Sớ* giảng: "Núi Kỳ Xà"). Kỳ Xà (Grdhrakūta) là tiếng Ấn Độ, là tiếng Phạn, *"Thử phiên danh Linh Thứu Sơn dã"* (Hán dịch là núi Linh Thứu). Người Trung Quốc thường nói tới Linh Sơn, *"Linh Sơn nhất hội"* là nói về nơi này. Vì sao gọi là Linh Thứu sơn? *"Thử sơn đa hữu linh tiên cư trụ, cố danh vi Linh"* (Núi này có nhiều bậc linh tiên cư trụ, nên gọi là Linh).

Người Hoa gọi là "thánh hiền", người Ấn Độ gọi là *"linh tiên". "Diệc hữu Thứu cư chỉ thử sơn"* (Cũng do có chim Thứu sống trong núi này). Loài chim này giống như chim ưng, cũng sống trên núi này nên gọi là Thứu. *"Hựu thử sơn đảnh tự thứu đầu, hựu danh Thứu Đầu sơn"* (Lại đỉnh núi này giống đầu chim Thứu, nên còn gọi là Thứu Đầu Sơn). Giống như

HongKong của chúng ta, mọi người đều biết núi Sư Tử của HongKong.

Chúng ta từ HongKong nhìn sang Cửu Long[26], núi ấy quả thật rất giống một con sư tử nằm phục nơi ấy, chúng ta gọi núi ấy là Sư Tử Sơn. Núi này (núi Kỳ Xà Quật) cũng có chót núi giống như đầu chim ưng, nên gọi là Thứu Đầu Sơn. *"Tây Vực Ký chí thử sơn viết"* (Sách *Tây Vực Ký* viết về núi này như sau), đây là ghi chép của Huyền Trang Đại sư lão nhân gia: *"Bắc Sơn chi dương"*[27] [nghĩa là] phía Bắc thành Vương Xá, phía Bắc của núi ấy, *"cô tiêu đặc khởi, ký thê thứu điểu, hựu loại cao đài, không thúy tương ánh, nùng đạm phân sắc"* (núi đột nhiên cao vót lên như chim Thứu đậu, cũng giống như cái đài cao. Sắc núi biếc in lên không trung, đậm nhạt rõ nét).

Có thể thấy vẻ đẹp của núi ấy qua lời hình dung của Huyền Trang Đại sư. *"Như Lai ngự thế thùy ngũ thập niên"* (Như Lai ngự trong cõi đời 50 năm), tức là Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, thuyết pháp 49 năm. Trong 49 năm ấy, *"đa cư thử sơn, quảng thuyết diệu pháp"* (thường ở núi ấy, thuyết nhiều diệu pháp). Trong một đời Ngài, thời gian đức Phật trụ tại chỗ này lâu nhất; vì thế, giảng rất nhiều kinh ở nơi đây.

---

[26] HongKong là một hòn đảo nằm đối diện với bán đảo Cửu Long, cách nhau bởi eo biển Lý Ngư Môn. Đặc khu HongKong gồm 3 khu Cửu Long, Tân Giới và đảo HongKong. Khu Tân Giới do chính quyền nhà Thanh cho Anh thuê thêm nhằm mở rộng địa giới đặc khu HongKong, nằm từ phía Bắc giới tuyến bán đảo Cửu Long đến bờ Nam sông Thâm Quyến và 233 hòn đảo lân cận.

[27] Dương là phía Nam của núi, nhưng đối với sông thì Dương lại là phía Bắc. *"Bắc sơn chi dương"* (tức là phía Nam của phía Bắc núi). Nói cho rõ hơn là phía Bắc núi này có chót núi, nhưng vách phía Nam của chót núi ở phía Bắc ấy.

"Trí Độ Luận viết: Kỳ sơn ư ngũ sơn trung tối thắng cố" (*Trí Độ Luận* nói: "Núi Kỳ Xà Quật thù thắng nhất trong 5 quả núi"). Sở dĩ, thù thắng nhất là vì: Thứ nhất, *"thử sơn tinh xá, cận thành nhi nan thượng"* (tinh xá trong núi này gần thành, nhưng khó lên). Núi rất hiểm trở, không dễ gì trèo lên được. *"Cận thành cố khất thực bất bì"* (Gần thành nên khất thực chẳng vất vả). Thuở ấy, đối với nơi cư trụ, giảng học, đức Thế Tôn chọn lựa chỗ gần thành thị hoặc hương trấn. Vì sao? Mọi người đều ra ngoài ôm bát khất thực, nếu ở quá xa sẽ chẳng thuận tiện. Cách xa khoảng ba dặm đường là thích hợp nhất. Ba dặm đường, thì khất thực khá thuận tiện. *"Nan thượng cố tạp nhân bất lai"* (Do khó lên, nên hạng người tạp nhạp chẳng đến).

Do vậy, vào thời cổ, tại Trung Quốc, tự viện, tùng lâm đều được xây dựng trên núi cao, cũng do ý nghĩa này. Người bình thường chẳng có chuyện gì, chẳng muốn trèo lên núi. Vì sao? Lên núi ấy cũng tốn thời gian tối thiểu chừng nửa ngày. Người ta phải làm việc nửa ngày, đâu có thời gian rảnh rỗi để trèo lên núi ấy? Tự viện, am đường thuở ấy, thời đức Phật không có tự viện, đức Phật luôn ở trong núi rừng, nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, không có chỗ trụ cố định, nhưng luôn ở trong một khu núi, vừa thuận tiện khất thực, mà cũng chẳng quá xa, nên có thể hiểu rõ tình trạng sống của họ.

Thứ hai, *"Thị Kỳ sơn phúc đức cát xứ"* (Núi Kỳ Xà Quật là chốn phúc đức cát tường). Vì sao? Chỗ ấy *"chư thánh nhân hỷ*

trụ xứ, Phật vi chư thánh chủ cố đa trụ" (là chỗ các vị thánh nhân thích ở. Đức Phật là chủ các vị thánh, nên hay ngự ở đây). Các vị thánh hiền đều chuộng tu hành ở nơi này, đức Phật cũng chẳng rời họ. Những vị ấy, hiền nhân, La Hán, Bồ tát đều thường hướng về đức Phật thỉnh giáo, nếu đức Phật trụ quá xa, cũng chẳng thuận tiện cho họ. Vì hướng dẫn những vị này, nên đức Phật cũng hay ngự tại nơi này. Đấy là nguyên nhân thứ hai, khiến cho núi này được gọi là *"phúc đức cát xứ".*

Thứ ba, *"Kỳ Xà sơn thị tam thế chư Phật trụ xứ cố"* (Núi Kỳ Xà là trụ xứ của tam thế chư Phật). Đây là một nơi được quá khứ, hiện tại, vị lai Bồ tát thành Phật chọn lựa để tu hành, giáo học, giảng kinh, truyền pháp, là một nơi rất thích đáng. Do vậy, chư Phật đều thích chỗ này.

Thứ tư, *"Thị trung thanh tịnh, hữu phúc đức, nhàn tĩnh cố"* (Do trong núi ấy là nơi thanh tịnh, có phúc đức, vắng vẻ). Núi này thanh tịnh, thích hợp để dưỡng đạo. Kinh Phật thường nói A Lan Nhã. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Tĩnh xứ (chốn vắng lặng, yên tĩnh). A Lan Nhã cũng có tiêu chuẩn, thời cổ, những nơi như vậy quá nửa là lấy nông nghiệp làm phương thức sinh nhai chủ yếu. Làm ruộng chẳng thể không có trâu cày, tiếng trâu kêu rất to. Nơi họ (những người tu hành) ở không nghe thấy tiếng trâu kêu trong nông thôn, nên cũng rất thanh tịnh, hoàn toàn khác với xã hội hiện thời.

Trong xã hội hiện tại, gần như tìm không được nơi thanh tịnh, trên núi cao còn có tạp âm của máy bay. Vì thế, con người trước kia thật sự có phúc báo. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, con người chẳng còn phúc báo nữa. Chúng ta chớ nên không biết điều này. *"Nhất thiết chư Phật hành xứ, thập phương chư Bồ tát tán thán cung kính, bát bộ đại lực chúng thần sở thủ hộ, cung kính cúng dường xứ cố. Chư Đại thừa kinh đa tại thử sơn thuyết"* (Là hành xứ của hết thảy chư Phật, là nơi được mười phương chư Bồ tát cung kính, khen ngợi, tám bộ đại lực chúng thần thủ hộ, cung kính, cúng dường. Các kinh Đại thừa phần nhiều được nói tại núi này).

Đây là nói: Đúng như thế, trên núi này, có nhiều thần tiên, nhiều thánh nhân, có thần hộ pháp cung kính cúng dường nơi ấy. Vì thế, đức Phật nói rất nhiều kinh Đại thừa tại nơi ấy. Chúng ta xem điều thứ 5, tức điều cuối cùng: *"Thị trung thập phương vô lượng trí tuệ phúc đức lực đại Bồ tát, thường lai kiến Phật Thích Ca Mâu Ni, lễ bái, cung kính thính pháp cố. Chư Đại thừa kinh đa tại thử sơn thuyết"* (Trong núi này, mười phương vô lượng đại lực, trí tuệ, phúc đức Bồ tát thường đến gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, lễ bái, cung kính nghe pháp. Các kinh Đại thừa phần nhiều giảng tại núi này). Nêu ra những nhân duyên khiến cho thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế đã ngự tại núi này giảng kinh, thuyết pháp trong một thời gian dài. Núi này hết sức có duyên phận với đức Phật.

Pháp Hoa Luận cũng nói: *"Kỳ Xà Quật sơn thắng dư chư sơn. Phật tại ư thử thuyết, hiển thử pháp tối thắng. Cố bổn kinh tức tại thử sơn thuyết"* (Núi Kỳ Xà Quật vượt trội các núi khác, đức Phật thường ngự ở đây thuyết pháp nhằm hiển thị pháp này là tối thắng. Vì lẽ đó, kinh này được nói tại núi này). Đây là dẫn chứng kinh điển nhằm giới thiệu nơi chốn đức Phật nói kinh này, hòng chứng tín với chúng ta: Thật sự có một nơi để thuyết pháp.

Chúng ta xem câu kế đó: *"Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu"* (Cùng với các vị đại tỳ-kheo một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp). Đó là thính chúng. *"Bổn phẩm độc tiêu tỳ-kheo chúng cập Bồ tát chúng"* (Phẩm này chỉ nêu chúng Tỳ-kheo và chúng Bồ tát). Khi cụ Hạ hội tập bộ kinh này, đã chia phần *Chứng Tín* thành 2 phẩm. Kinh văn rất dài, trong phẩm thứ nhất, thính chúng chỉ nói đến chúng Tỳ-kheo và chúng Bồ tát, số người không nhiều!

Phẩm thứ hai, *"Đệ nhị phẩm mạt quảng tiêu dư tam chúng đệ tử, cập chư thiên chúng"* (Cuối phẩm thứ hai sẽ nêu đủ ba chúng đệ tử và các thiên chúng:). Kinh văn được trích dẫn ở đây, *"Hựu hữu tỳ-kheo-ni ngũ bách nhân, thanh tín sĩ thất thiên nhân"* (Lại có 500 Tỳ-kheo-ni, 7.000 thanh tín sĩ), đấy là tại gia cư sĩ. "Thanh tín sĩ" là tại gia cư sĩ, có 500 người, có *"Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, chư thiên, Phạm chúng, tất cộng đại hội"* (Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, chư thiên, Phạm chúng đều cùng nhóm họp trong đại hội). Cuối kinh

lại có một đoạn văn như thế này: *"Chư Bồ tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành"* (Các vị Bồ tát, Thanh Văn, trời, rồng bát bộ, hết thảy đại chúng nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ lớn, tin nhận, vâng làm).

Từ sự ghi chép này, chúng ta biết pháp hội này rất thù thắng, ngay cả trời, người trong tam giới đều đến tham dự. *"Khả kiến thuyết kinh thời, hội trung hữu chư đại Bồ tát, Thanh Văn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ, trực chí chư thiên, Phạm chúng"* (Có thể thấy lúc Phật thuyết kinh, trong hội có các đại Bồ tát, Thanh Văn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ, cho đến chư thiên, Phạm chúng), đấy là Đại Phạm Thiên, *"thiên long bát bộ"* thảy đều đến nghe pháp. "*Hàm lai thính pháp, thử nãi Lục Thành Tựu trung chi Chúng Thành Tựu"* (Đều đến nghe pháp. Đây chính là Chúng Thành Tựu trong 6 thứ thành tựu), quý vị thấy có những người nào tham gia pháp hội này.

"Hội trung, hữu Bồ tát, Thanh Văn, chư thiên nhân đẳng" (Trong pháp hội có Bồ tát, Thanh Văn, các hàng trời, người v.v...) và những người ở trên thế giới này, địa cầu này. *"Tứ chúng đệ tử nhị vạn nhân đồng văn, phi thị A Nan độc văn, thị khả chứng tín"* (Tứ chúng đệ tử một vạn hai ngàn người cùng nghe, chẳng phải chỉ mình A Nan được nghe. Điều ấy đủ để chứng tín vậy). Chẳng phải là một mình A Nan nghe! Khi ấy, bọn phàm phu mắt thịt chúng ta trông thấy những

người phàm. Chỉ riêng những người phàm mà đã đông hơn hai vạn. Pháp hội này thù thắng quá!

Tiếp đó, lại nói chi tiết, giải thích. Trước hết, nói Tỳ-kheo là gì? *"Dữ đại tỳ-kheo", "dữ giả, cộng đồng chi nghĩa"* (và các đại tỳ-kheo: Dữ (與) có nghĩa là cùng chung). Rất nhiều vị đại Tỳ-kheo tham gia pháp hội này, *"biểu Phật dữ đại chúng cộng tại hội trung"* (biểu thị Phật cùng đại chúng cùng ở trong hội), đều ở trong đại hội này. *"Tỳ-kheo thị Phạn ngữ, danh hàm tam nghĩa, cố bất phiên"* (Tỳ-kheo (Bhiksu) là tiếng Phạn, danh từ này bao hàm 3 ý nghĩa, nên chẳng dịch). Tại Trung Quốc, chẳng tìm được danh từ thích đáng để phiên dịch, nên dịch âm rồi ghi thêm lời giải thích. Danh từ này có 3 ý nghĩa:

- Thứ nhất là Khất Sĩ. Khất (乞) là xin xỏ, người Hoa gọi họ là Khất Cái (乞丐: ăn mày). Khất cái xin cơm ăn, nhưng là Sĩ. Sĩ (士) là người có đạo đức, có học vấn, đúng là mỗi ngày họ đi khất thực. Tại Trung Quốc vào thời cổ, nhân dân được chia thành 4 giai cấp "sĩ, nông, công, thương", địa vị trong xã hội khác nhau. Sĩ là người đọc sách, được thế gian tôn trọng nhất. Tuy người đọc sách chẳng có địa vị, cũng chẳng có của cải, nhưng được mọi người tôn kính. Vì sao? Người ấy đọc sách hiểu lý, nên nhân dân tôn trọng họ.

Trước đây, đọc sách đúng là đọc sách thánh hiền. Từ nhỏ, vỡ lòng đã đọc sách thánh hiền, hiểu lý, hiểu sự. Mãi cho đến đời Hán, nhằm thời Hán Vũ Đế, người đọc sách mới có lối ra

(được trọng dụng). Vì sao? Quốc gia cần họ. Chư vị phải biết: Trung Quốc được thống nhất là do Tần Thủy Hoàng thống nhất. Tuy đã thống nhất, xã hội động loạn, cũng có nghĩa chẳng phải là đời thịnh trị an định đích thực, không có! Mãi cho đến đời Hán, Hán Vũ Đế là vị hoàng đế thứ 7 của nhà Hán mới chính thức đi theo phương hướng chế độ hóa, quốc gia thống nhất, cần nhân tài giúp đỡ nhà vua cai trị. Hình thành một nước lớn thật sự, chẳng phải là tiểu quốc, những chư hầu giống như thời cổ hoàn toàn không còn nữa, các nước chư hầu đều biến thành quận, huyện; quận giống như tỉnh[28] hiện thời. Dưới tỉnh có huyện, đối với các nhân viên công vụ thuộc các tầng lớp ấy, cần phải có nhân tài. Tìm người ở đâu? Tìm người đọc sách. Vì thế, học giỏi sẽ là Sĩ. Sĩ là vì quốc gia phục vụ, tiếp nhận chức vụ do đế vương giao phó. Vì vậy, hình thành chế độ khảo thí.

Do vậy, đối với người đọc sách trong nước, học hành là chuyện thuộc về gia đình, là gia học, dạy dỗ trong nhà. Tư thục là trường học dành cho con em trong gia đình. Bởi lẽ, xưa kia, Trung Quốc từ cổ lấy nông nghiệp để lập quốc, luôn

[28] Khái niệm chia nước thành tỉnh chỉ thật sự xuất hiện từ đời Minh trở đi. Trước đó, đất nước được chia thành quận, huyện, châu, hành châu, đạo, đô hộ phủ, lộ. Thoạt đầu, tỉnh có nghĩa là một cơ quan công vụ trung ương, chẳng hạn Thượng thư tỉnh, Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh. Đến đời Nguyên, mới thành lập những cấp hành chính địa phương gọi là Hành trung thư tỉnh (gọi tắt là Hành tỉnh) trực thuộc Trung thư tỉnh, nhưng có toàn quyền xử lý sự vụ tại địa phương. Đến đời Minh, chữ Hành trong Hành tỉnh bị lược bỏ, chỉ gọi là tỉnh, đồng thời chế độ Tam tỉnh (Thượng thư tỉnh, Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh) ở Trung ương bị phế trừ. Tỉnh ở các địa phương trở thành cơ quan hành chính độc lập, tuy vẫn phải nghe theo lệnh trung ương, nhưng quyền hạn rộng rãi rất nhiều, và khu vực quản hạt của Hành tỉnh; do đó cũng được gọi là tỉnh. Từ đó, cả nước được chia thành 16 tỉnh. Huyện trở thành đơn vị trực thuộc tỉnh. Đến đời Thanh lại chia nhỏ hơn thành 52 tỉnh.

là đại gia đình. Người càng đông, càng dễ làm lụng. Ít người sẽ bị khó khăn. Đông người sẽ dễ kiếm sống. Do vậy, để con em trong gia đình có thể học hành, nhất định phải mời thầy về dạy trong nhà; vì thế, tư thục là trường học của con em trong gia đình. Học hành rất khá, sẽ tham gia các kỳ thi của chính phủ, huyện khảo (thi cử cấp huyện). Thi đậu trong cuộc thi tại huyện sẽ gọi là Tú tài, tức là quý vị đã được chọn. Nhưng vẫn có tuyển cử, tuyển cử cũng là chế độ được đặt ra vào thời Hán Vũ Đế. Quan viên địa phương phải tuyển nhân tài cho quốc gia. Tuyển những ai? Chọn từ nhi đồng, chọn lấy đồng tử. Đồng tử nghĩa là chưa thành niên.

Tại Trung Quốc, *"thành niên"* là 20 tuổi. Tuyển đồng tử là phỏng vấn, điều tra những kẻ chưa tròn 20 tuổi. Quan viên xưa kia chẳng giống hiện thời có TV, có hình chụp, quý vị biết mặt, trước kia dân chúng không biết mặt mũi quan viên. Nếu ông ta chẳng mặc quan phục, quý vị sẽ chẳng biết ông ta là quan. Ông ta mặc thường phục, đi thăm dò, tuyển nhân tài cho quốc gia. Tiêu chuẩn tuyển nhân tài là gì? Chính là 2 từ *"hiếu liêm".* Chọn lấy kẻ hiếu liêm, nghĩa là đứa nhỏ này hiếu thảo với cha mẹ. Ở nhà có thể hiếu thảo với cha mẹ, thì đối với quốc gia sẽ có thể tận trung, trung với đất nước, trung với nhân dân.

Điều kiện thứ hai là liêm khiết. Liêm khiết sẽ chẳng tham ô. Quý vị thấy quốc gia chọn người để dùng dựa trên Hiếu và Liêm. Thi đậu huyện khảo (thi Hương) là Tú tài, sẽ chẳng

cần phải lo lắng về cuộc sống. Quốc gia ban cho quý vị một phần bổng lộc, thuở ấy là cấp gạo. Quý vị đọc *Liễu Phàm Tứ Huấn*, sẽ thấy tiên sinh Liễu Phàm thi đậu Tú tài, một năm được nhận chín mươi mấy thạch gạo, sống được, chẳng phải lo lắng. Chăm chỉ học hành, chuyên tâm học hành, lại tham gia khoa thi của tỉnh (tỉnh khảo, thi Hội). Đỗ khoa thi của tỉnh sẽ là Cử nhân. Những kẻ ưu tú, Cử nhân đặc biệt ưu tú, đều có thể được bổ nhiệm làm huyện trưởng, hiện thời gọi chức vụ này là huyện thị trưởng, hoặc làm những mạc liêu[29] cao cấp, tương đương với chức bí thư trưởng hiện thời, là mạc liêu bậc nhất.

Lại đi thi, vừa nhậm chức, vừa học hành, còn có thể tham gia cuộc khảo thí của quốc gia gọi là Điện Thí (thi Đình), thi đỗ sẽ gọi là Tiến sĩ. Thời đó, Tiến sĩ, Cử nhân, Tú tài đều là danh xưng học vị, là học vị thời cổ, giống như các danh xưng học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ, Học sĩ trong nhà trường hiện thời. Thi đậu Tiến sĩ thường được trung ương bổ nhiệm. Nhân tài của đất nước được bồi dưỡng như vậy. Mãi cho đến đời Mãn Thanh, gần như chế độ này được áp dụng trong 2.000 năm. 2.000 năm đã thay đổi triều đại bao nhiêu lần, nhưng chế độ này chẳng biến đổi. Bất luận kẻ nào làm hoàng đế cũng đều dùng phương pháp này để chọn lựa nhân tài.

Bởi lẽ, đây là một chế độ rất tốt đẹp, đã duy trì Trung Quốc suốt 2.000 năm, đó là quy chế hiếu liêm. Chế độ này

[29] Mạc liêu: Phụ tá, cộng sự của các trưởng quan.

hay lắm! Chế độ này rất trọng yếu, cho nên tuyển cử hiếu liêm. Hiếu liêm là từ nhỏ đã học trong gia đình, học từ trường tư thục, cha mẹ dạy bảo, thầy dạy bảo quý vị: Trung và hiếu là nhất thể. Liêm là không cho sẽ chẳng lấy, trong Phật pháp nói là "chẳng trộm cắp", quý vị mới có thể tận trung giữ chức, giống như ngày nay chúng ta thường nghe: *"Toàn tâm toàn lực vì nhân dân phục vụ"*. Nếu chẳng có hiếu liêm, kẻ ấy chẳng vì nhân dân phục vụ, sẽ vì chính mình mà phục vụ, vấn đề ấy vô cùng nghiêm trọng.

Do vậy, "Khất Sĩ", trong đó nói rõ Sĩ là người đọc sách, thật sự có học vấn, có đức hạnh. Bản thân Phật Thích Ca Mâu Ni cũng là khất sĩ. *"Vị khất thực, khất pháp. Khất thực vị ký xuất gia dĩ, khất cầu tự hoạt, bất sự kinh doanh, vô sở trữ tích. Vạn duyên câu phóng, nhất ý thanh tu, cố viết khất thực dưỡng thân"* (Tức là khất thực, khất pháp. Khất thực là đã xuất gia rồi thì xin ăn để nuôi thân, chẳng làm ăn, không tích chứa, bỏ hết vạn duyên, một dạ thanh tu, nên nói: "Xin ăn để nuôi thân").

Thân thể chúng ta sống trong thế gian này, cần phải có điều kiện cơ bản sinh tồn, điều đầu tiên là ăn uống. Những người tu hành, đọc sách, tu dưỡng đạo đức, chẳng theo đuổi sự nghiệp kinh doanh, họ sống bằng cách nào? Sống bằng cách khất thực, đi xin từng nhà. Người Hoa trọn chẳng tôn trọng kẻ ăn mày, trong xã hội, ăn mày có địa vị thấp nhất, gọi là "bần tiện". Bần (貧) là chẳng có của cải. Tiện (賤) là chẳng có địa vị xã hội. Nhưng người khất thực khác hẳn, có học

vấn, có đức hạnh, nên tại Ấn Độ, hết sức tôn kính loại người này, chỉ cần gặp, nhất định sẽ cúng dường.

Vì thế, khất thực tại Ấn Độ vào thời cổ, cũng như tại Thái Lan hiện thời, theo Phật giáo Nam truyền, không có vấn đề gì, người ta thật sự cúng dường quý vị. Hiện thời, tại Trung Quốc, khất thực cũng rất khó khăn. Quý vị chẳng thể khất thực tại HongKong, không có ai cúng dường quý vị! Vì thuở ấy tại Ấn Độ, theo phong tục, tập quán, mọi người rất tôn trọng những người tu hành ấy, cho nên họ sống theo cách ấy, giữa trưa ăn một bữa. Khất thực mà phải một ngày đi xin 3 lượt sẽ làm phiền người ta, quý vị còn tu hành gì được nữa? Suốt ngày từ sáng đến tối ra ngoài tìm thứ gì để ăn, cũng chẳng tránh khỏi là quá tham lam! Vì thế, đức Phật quy định ăn một bữa, mọi người càng tôn kính.

Ăn một bữa, có đủ hay không? Đủ! Thân thể chúng ta là một cỗ máy, để cỗ máy ấy hoạt động cần phải có năng lượng. Khởi nguồn của năng lượng là ẩm thực. Ẩm thực là nguồn cội để bổ sung năng lượng; nhưng máy móc có máy hao xăng, có máy đỡ tốn xăng, rốt cuộc tiêu hao năng lượng ở chỗ nào? 95% là tiêu hao bởi vọng niệm. Phiền não và vọng niệm tiêu hao năng lượng rất nhiều, quý vị phải bổ sung với một mức độ lớn; 3 bữa vẫn chưa đủ, còn phải ăn điểm tâm. Nếu tâm địa thanh tịnh, không có tạp niệm, một bữa là đủ, khẳng định đã đủ rồi! Dẫu lao tâm, lao lực, khối lượng công việc nhiều đến mấy, tiêu hao năng lượng ít ỏi.

Năm xưa, tôi cầu học, thân cận thầy Lý tại Đài Trung, tức lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, khối lượng công việc của lão nhân gia, nói chung, tối thiểu phải bằng 5 người. Thầy phải làm công việc của 5 người. Nếu quý vị muốn gặp thầy, nhất định phải hẹn trước một tuần. Nếu không, thầy chẳng có thời gian. Thời gian của thầy đã sắp xếp kín hết rồi. Khối lượng công việc to như thế, mỗi ngày thầy chỉ ăn một bữa, bắt đầu từ năm ba mươi mấy tuổi, mãi cho đến khi chết già, mấy chục năm! Mỗi bữa lại còn ăn rất ít, cái bánh mạn đầu năm thầu bé xíu.

Mỗi bữa thầy ăn hai cái mạn đầu (bánh bao không nhân), mỗi cái to bằng quả trứng gà! Thưa quý vị, tiền chi dụng mỗi ngày là 2 đồng Đài Loan, một tháng là 60 đồng. 60 đồng chỉ bằng khoảng một dollar mấy chục xu. Thời đó, hình như một dollar bằng 40 đồng Đài Loan, một dollar rưỡi là tiền chi dụng hằng tháng của thầy. Không dễ dàng! Là cư sĩ tại gia, nhưng lão nhân gia hành trì cả đời giống hệt như người xuất gia, nhưng chẳng mặc y phục của người xuất gia!

Tôi theo học với lão nhân gia tại Đài Trung. Trước khi đến Đài Trung, tôi đã học Phật khoảng hơn một năm. Tôi học Phật nửa năm bèn ăn chay, giữ trường trai. Khoảng một năm rưỡi, tôi luyện tập bỏ bữa tối, mỗi ngày ăn 2 bữa. Đến Đài Trung, thấy thầy hành trì như vậy, tôi nói tôi phải nên học theo Ngài, cũng học giữa trưa ăn một bữa. Tôi học đến tháng thứ 8 mới trình với thầy, thưa với thầy, tôi nói:

"Mỗi ngày con ăn một bữa". Thầy hỏi "Đã bao lâu?". "8 tháng rồi!". "Thế nào? Thân thể có cảm giác chẳng thoải mái hay chăng?". "Thưa không! Rất bình thường". Thầy vỗ bàn: "Hãy vĩnh viễn giữ như thế. Vì sao? Cuộc sống đơn giản, suốt đời chẳng phải cầu cạnh ai".

Cổ nhân nói rất hay: *"Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao"* (Con người đạt tới mức không mong cầu, phẩm hạnh tự cao), buông xuống vạn duyên! Nhưng mỗi bữa tôi ăn nhiều hơn thầy. Rốt cuộc là trẻ tuổi, tu dưỡng chẳng bằng thầy, khối lượng công việc của tôi chẳng nhiều như thầy, nhưng mỗi bữa tôi phải ăn 3 cái mạn đầu. Chi dụng mỗi ngày phải dùng tới 3 đồng, một tháng tốn 90 đồng, còn thầy 60 đồng là được rồi. Chúng tôi không có cách nào, làm không được! Do vậy biết: Tâm vị lão nhân ấy thanh tịnh, chẳng có tạp niệm. Cụ bảo tôi: Cụ bắt đầu hành trì như vậy khoảng 36-37 tuổi.

Khi tôi quen biết thầy, cụ đã 70 tuổi, cụ mất năm 97 tuổi. Tôi ở cùng với thầy, cụ đã 70 mà thoạt nhìn như người năm mươi mấy tuổi. Chúng ta còn thấy tấm hình do ông Giang Dật Tử chụp cho thầy ngồi dưới một gốc cây to. Cụ ngồi nơi đó, hình chụp năm cụ 90 tuổi, quý vị thoạt nhìn ngỡ cụ chừng sáu mươi mấy tuổi. Vì thế, biết: Khỏe mạnh chẳng do ăn những thứ tốt lành.

Thầy Lý ăn những thứ vô cùng đơn giản, do chính mình nấu, chẳng có ai chăm sóc. Tự mình chăm sóc mình. Ăn ở do

chính mình lo liệu. Tự mình nấu cơm, rửa chén, rửa niêu, giặt quần áo. Chúng tôi tiếp xúc, không thể chẳng bội phục cụ. 95 tuổi, cụ mới chịu để cho đồng học chăm sóc. Trước khi 95 tuổi, chẳng có ai chăm sóc, cho thấy thân thể cụ khỏe mạnh nên mới có thể tự lo liệu. Vì thế, thầy đã nêu gương cho chúng tôi. Đức Phật dạy chúng ta khất thực nuôi thân, quý vị mới thật sự có thể buông xuống được, thật sự chẳng có phiền não.

"Khất pháp giả, tham sư phỏng đạo, lộ túc phong xan, tuân cầu diệu pháp, kỳ thành thánh quả, cố viết, khất pháp dưỡng tâm" (Khất pháp là tìm thầy hỏi đạo, nằm sương dãi gió, tìm cầu diệu pháp mong thành thánh quả, nên nói là: "Khất pháp để dưỡng tâm"). Người sống trong thế gian, thật sự giác ngộ thì điều gì trọng yếu nhất? Đạo trọng yếu nhất. Nhà Phật nói như vậy, mà cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng nói một câu, lúc đó, Phật pháp chưa truyền tới Trung Quốc. Quý vị thấy Khổng Tử đã nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng đành), chẳng sống uổng; bởi lẽ, cổ nhân học hành vì trọng đạo.

Người hiện thời học hành, hiện thời tới trường là vì lẽ nào? Để trong tương lai sẽ có công việc tốt trong xã hội, phát đạt, vinh hoa, phú quý, nhằm mục đích này. Bậc thánh hiền không có quan niệm này, Khổng Tử cả đời thật sự sống nghèo hèn, chẳng có của cải, cũng không có địa vị, là dân

nghèo. Ngài làm quan Tư Khấu[30] nước Lỗ. Nước Lỗ hiện thời là huyện Khúc Phụ. Tế Nam là nước Tề. Thuở đó, nước Lỗ là một huyện hiện thời, vua nước Lỗ chẳng phải là huyện trưởng hiện thời ư? Làm quan Tư Khấu nước Lỗ 3 tháng, bị người ta hạ bệ. Vì sao? Ngài muốn làm một vị quan tốt.

Quý vị muốn làm một ông quan tốt, vì nhân dân phục vụ; còn kẻ khác muốn vì công danh, phú quý của chính mình, quý vị sẽ đụng chạm kẻ ấy, chẳng giống như kẻ ấy, còn có thể tiếp tục làm nữa hay chăng? Do vậy, Khổng Tử thông minh, từ chức, không làm nữa, về nhà dạy học, lo giảng dạy, dạy 5 năm, qua đời. Sau này, Hán Vũ Đế chấp nhận đề nghị của Đổng Trọng Thư, Hán Vũ Đế muốn thống trị quốc gia, dạy bảo dân chúng; lúc ấy, đối với chư tử bách gia, dùng phương pháp của ai để dạy? Đổng Trọng Thư[31] đề nghị Khổng Mạnh, Hán Vũ Đế chấp nhận, bèn dùng đạo Khổng Mạnh làm quan niệm chủ yếu để giáo dưỡng nhân dân trong nước, tôn Khổng Tử làm Vạn Thế Sư Biểu. Khổng Tử lúc sống có nằm

---

[30] Tư Khấu là một chức quan được thiết lập từ thời Tây Châu, địa vị kém Tam Công (Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo), ngang hàng với Lục Khanh (Thái Tể, Thái Tông, Thái Sử, Thái Chúc, Thái Sĩ, Thái Bốc). Tư Khấu cùng với Tư Mã, Tư Không, Tư Sĩ, Tư Đồ hợp thành Ngũ Quan. Chức Tư Khấu chuyên chưởng quản nhà giam, lo việc kiểm soát trị an, an ninh nội chính, kể cả tư pháp, tương đương với chức Hình Bộ Thượng thư sau này. Tại các nước chư hầu như Sở, Trần v.v... chức quan này được gọi là Tư Bại.

[31] Đổng Trọng Thư (179-104 trước Công Nguyên), là một nhà tư tưởng, triết gia, chính trị gia, và là một nhà giáo dục, quê ở Quảng Xuyên (nay là huyện Táo Cường, tỉnh Hà Bắc), tinh thông *Xuân Thu Công Dương Truyện*, là bậc đại sư về *Kim Văn Kinh*, nổi danh ngang hàng với Khổng An Quốc. Từ bé, ông nổi tiếng chăm học, do tinh thông *Công Dương Truyện* nên về sau được Hán Cảnh Đế phong tặng danh hiệu Bác Sĩ.

Khi Hán Vũ Đế hạ chiếu cầu hiền, bài đối sách (sớ trả lời) của ông chủ trương tôn sùng Khổng học, biến Khổng học thành tư tưởng chỉ đạo chính thống, áp dụng phương hướng *"tiền đức, hậu hình"* (trước hết dùng đức để cảm hóa, rồi mới dùng đến hình phạt) rất được Vũ Đế tán thưởng. Ông cũng đề xướng trung ương tập quyền, hình thành tư tưởng đế chế.

mộng cũng chẳng nghĩ tới! Nếu nghĩ đến chuyện này, cần gì phải làm quan? Cần gì phải chu du liệt quốc? Giáo học thật hay! Chuyện này có người đã nghĩ tới, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nghĩ tới.

Quý vị thấy Ngài 30 tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ không làm quốc vương, mà dạy học, dạy suốt 49 năm, 79 tuổi viên tịch. Phật pháp gọi con đường mà bậc thánh hiền đã đi là *"Thành Phật chi đạo"* (Con đường thành Phật). Khổng Tử đến tuổi già bất đắc chí, một dạ mong làm quan để thi thố quan niệm ái dân, ái quốc của Ngài, nhưng chẳng có ai dùng, bất đắc dĩ trở về quê nhà dạy học. Về quê hương năm ấy, Ngài đã 68 tuổi, 73 tuổi mất, dạy học 5 năm. Quý vị thấy Ngài dạy học 5 năm, trở thành Vạn Thế Sư Biểu, đấy là sự nghiệp thánh hiền. Tại Ấn Độ, điều này được gọi là *"Thành Phật chi đạo"*, tại Trung Quốc là sự nghiệp thánh hiền. Chẳng phải là bậc thánh hiền sẽ chẳng thấy!

Nói theo bây giờ, con đường này rất khó đi, quý vị thiếu quyết tâm, không có nghị lực, chẳng thể chịu khổ, sẽ đi chẳng lọt! Không chỉ chịu khổ, mà còn phải chịu hết mọi nỗi khuất nhục, thì mới có thể đi trót lọt. Tôi đi theo con đường này 59 năm, rất nhiều đồng học biết, chẳng phải là dễ đi. Trước lúc 70 tuổi, người đến kiếm chuyện nói chung đặc biệt nhiều. Sau 70 tuổi, đỡ hơn một tí, vì 70 tuổi, sắp đi. Khổng Tử 73 tuổi đã mất, nên 70 tuổi gần như là xong rồi! Mọi người buông tha quý vị, chứ trước khi 70 tuổi, người ta chẳng buông tha!

Do vậy, con đường này cũng rất khó đi. Nếu đi hết, quý vị sẽ thành Phật, thành Bồ tát, thành thánh, thành hiền.

Nếu quý vị chẳng thể chịu khổ, bị kẻ khác chướng ngại, chướng nạn, nói thật ra, chẳng phải là ai khác, mà là chính mình. Bất luận kẻ khác hủy báng cũng thế, mà làm nhục cũng thế, hãm hại cũng thế, đều là tốt, đều là các trạm kiểm soát liên tiếp, khảo thí đấy! Nếu quý vị vượt qua được, những người ấy sẽ là những vị thầy tốt. Không có những người đó, làm sao quý vị được mài dũa nên người? Quý vị làm sao có thể bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát nhã? Đều do vượt qua những trạm kiểm soát mà thành. Sau đấy, ta sẽ cảm ơn những người ấy; không có họ, làm sao quý vị thành tựu cho được?

Xưa nay, trong ngoài nước, nói đến chuyện thành tựu thuận buồm xuôi gió, tuyệt đối chẳng tìm được, há có ai được vậy? Phật cũng không được! Quý vị thấy cả đời Phật Thích Ca Mâu Ni, bao nhiêu kẻ đến kiếm chuyện! Trong là Lục Quần tỳ-kheo[32], trong nhà bất hòa, trong các đệ tử, họ gây ra rất nhiều vấn đề. Ngoài là lục sư ngoại đạo, nội ngoại giáp công. Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy: Như như bất động, dùng Định, dùng Tuệ để hóa giải những chướng nạn ấy.

[32] Lục Quần tỳ-kheo (sad-vargīka-bhiksu) là từ ngữ chỉ chung 6 ác tỳ-kheo thường cấu kết kéo bè kéo đảng với nhau, chẳng tuân giữ luật nghi, làm nhiều điều ác. Phần lớn, những giới luật được chế định nhằm ngăn ngừa những lỗi ác do họ vi phạm. Tên họ là Nan Đà (Nanda), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin hoặc Udāyin), Xiển Na (Chanda), A Thuyết Ca (Asvaka), Phất Na Bạt (Punarvasu).

Nay, chúng ta muốn cầu học, khó khăn, từ xưa đến nay chưa hề có ngoại lệ, nhất là trong thời đại hiện tại càng khó khăn. Thiếu công phu nhẫn nhục, chẳng có bố thí, trì giới sẽ càng khó khăn hơn, 3 thứ ấy là cơ bản. Phải nhẫn nhục, nếu không, quý vị sẽ chẳng thể thành tựu. Thật sự phát tâm, nhằm lúc khó khăn hiện tiền, chúng ta chỉ có cách cầu Phật, Phật lực gia trì, tự nhiên có người hảo tâm đến giúp đỡ, hộ trì chúng ta; nhưng bản thân chúng ta tâm niệm phải đoan chính, kiên định, hễ có mảy may nào lệch về phía tiếng tăm, lợi dưỡng là xong luôn. Đấy là gì? Là nghiệp chướng của chính mình! Bao nhiêu kẻ thất bại ở chỗ này, thật đấy, công phu mấy chục năm bị hủy trong một buổi, rất đáng tiếc! Hễ bị hủy bèn phải luân hồi, lại chẳng biết đến đời nào, kiếp nào, quý vị mới được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, quay lại, thử coi quý vị có thể xuôi lọt trong đời ấy hay không? Đời nào có thể xuôi lọt, thì quý vị sẽ thành tựu trong đời ấy.

Trong thuận cảnh, tâm có mảy may tham luyến, là tiêu rồi! Khi gặp nghịch cảnh, có đôi chút tâm oán hận, cũng xong luôn! Quý vị muốn thành công, chỉ có một tấm lòng cảm ơn. Thuận cảnh, thiện duyên, cảm ơn; nghịch cảnh, ác duyên, vẫn cảm ơn, quý vị mới có thể thành tựu.

Tôi vừa mới nói với quý vị, về sau, Hán Vũ Đế chọn lựa nhân tài cho quốc gia, chọn người vừa hiếu vừa liêm. Trong Phật môn, cũng chẳng có ngoại lệ, 2 điều ấy thiếu sót một chút cũng không được. Đạo thánh hiền là văn hóa truyền

thống của Trung Quốc, đạo thánh hiền cũng bao gồm Phật đạo, chẳng có ngoại lệ! Nho, Thích, Đạo muốn thành tựu, phải vun bồi căn cội hiếu, liêm thật sâu. Có căn cội sâu xa ấy, quý vị mới có thể trì giới. Trì giới là gì? Giữ quy củ, quý vị mới có thể nhẫn nhục. Đầy đủ những điều kiện ấy, coi như quý vị đã có phân nửa điều kiện để thành công.

Trong cuộc sống thường nhật, phải tiết kiệm, chính là vì muốn vun bồi phúc. Có phúc thì phải trao cho đại chúng hưởng, chớ nên tự hưởng. Người khổ nạn trong thế gian này nhiều lắm, hãy thường nghĩ đến họ. Phải khiêm hư, phải nhún nhường, thật sự hóa giải, tiêu trừ tập khí ngạo mạn của chính mình. Người khác có tập khí ngạo mạn, chẳng thể nói ta không có. Trong ý niệm "ta không có" đã tràn ngập ngạo mạn, nhưng chính mình chẳng biết. Vì sao nói tràn ngập ngạo mạn? Vì theo như đức Phật đã dạy, ngạo mạn là bẩm sinh. Kể từ đời nào? Kể từ khởi nguyên của sinh mạng. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất hay: *"Nhất niệm bất giác bèn có vô minh"*. Từ trong tự tính biến thành một vọng tâm, tức A Lại Da. Trong A Lại Da, trọn đủ tham, sân, si, mạn. Quý vị thấy Mạt Na là chính mình, chính mình do đâu mà có? Phát sinh đồng thời với vũ trụ.

Có 4 thứ thường đi theo tứ đại phiền não (tham, sân, si, mạn), thứ nhất là Ngã kiến, chấp trước thân là ta. Trong A Lại Da, không chỉ chấp trước thân, mà còn chấp trước ý thức là ta, chúng ta thường gọi ý thức là linh hồn, hoặc gọi là linh

tính. Vì sao linh tính vẫn chấp trước? Trong Tứ thánh pháp giới, gọi là linh tính, hay là A Lại Da, hay Mạt Na, đều do chưa chuyển thức thành trí. Chuyển Mạt Na thành Bình đẳng tánh trí là gì? Là minh tâm kiến tính, là Viên giáo Sơ Trụ Bồ tát trong *Hoa Nghiêm*, vượt thoát mười pháp giới. Chỉ cần chưa vượt thoát mười pháp giới, vẫn là dùng A Lại Da để xử sự.

Bất quá, trong Tứ thánh pháp giới, sử dụng A Lại Da chính đáng. Vì sao sử dụng chính đáng? Hoàn toàn chiếu theo giáo huấn của Phật, Bồ tát, thật sự làm được. Do đó người ấy thuần chính giống như Phật, nhưng chưa dùng chân tâm, mà dùng A Lại Da. Nếu chuyển thức thành trí, bèn vượt thoát mười pháp giới, sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì vậy, trong Tứ thánh pháp giới, Bồ tát, Phật vẫn dùng A Lại Da, vẫn là thức thứ 6, tức ý thức phân biệt, thức thứ 7 là Mạt Na chấp trước, vẫn có những thứ ấy, nhưng rất nhạt. Chúng ta nhất định phải biết điều này. Khi nào ta chẳng còn ngạo mạn? Khi minh tâm kiến tính, quý vị thoát ly mười pháp giới sẽ có thể nói như vậy, tham, sân, si mạn đều không có.

Quý vị chưa vượt thoát mười pháp giới, làm sao có thể nói là chẳng có tham, sân, si, mạn? Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, mới thật sự nhận biết chính mình. Cổ nhân nói: *"Con người phải tự hiểu mình"*, tự mình phải nhận rõ mình, bởi ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân.

Phật, Bồ tát trong mười pháp giới cũng chẳng phải là thánh nhân. Quý vị thấy trong giáo pháp Đại thừa, các hữu tình trong lục đạo gọi là "nội phàm", lục đạo là giới tuyến. Ngoài lục đạo, Tứ thánh pháp giới gọi là "ngoại phàm", vẫn là phàm phu, nhưng là phàm phu ở ngoài lục đạo. Nhất định phải đoạn sạch vô thỉ vô minh, vượt thoát mười pháp giới thì mới là thánh nhân. Trong Phật môn, họ được gọi là tiểu thánh. A La Hán là tiểu thánh, đó là tôn kính họ, bởi họ chưa phải là thánh thật sự. Vì sao? Trong 3 loại đại phiền não (Kiến Tư, Trần Sa và Vô Minh), họ chỉ đoạn Kiến Tư. Đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng chấp trước pháp thế gian và xuất thế gian, nhưng còn có phân biệt, vọng tưởng, nên gọi họ là "tiểu thánh". Nếu lên cao hơn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật thuộc trong Tứ thánh pháp giới, cao hơn tiểu thánh một chút, chúng ta thường gọi chung các Ngài là thánh nhân, chẳng phải là đại thánh.

Đại thánh là gì? Phá vô minh, vượt thoát mười pháp giới, chứng đắc Sơ Trụ trong Viên giáo, đấy là đại thánh. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, 41 địa vị Pháp thân đại sĩ được gọi là đại thánh. Chúng ta gọi họ là Bồ tát Ma Ha Tát, 41 địa vị Pháp thân đại sĩ là Ma Ha Tát. Phật, Bồ tát trong mười pháp giới được gọi là Bồ tát. Thêm vào cụm từ Ma Ha Tát thì chẳng phải là trong mười pháp giới, mà thuộc về Nhất chân pháp giới, là Bồ tát trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đối với người học giáo pháp Đại thừa, đây là kiến thức thông thường, kiến thức cơ bản, chớ nên không biết. Biết những

điều này, chúng ta cũng rất khiêm hư, biết chúng ta thật sự là phàm phu, đúng là phàm phu, làm sao có thể ngạo mạn cho được? Vì thế, nhất định phải học khiêm ty, đạo lý ở chỗ này. Khiêm ty thì mới có thể *"khất pháp dưỡng tâm".*

Những người nào dạy chúng ta? Phải biết, phải học theo Thiện Tài đồng tử. Ai là thiện tri thức? Trừ ta ra, mỗi cá nhân đều là thiện tri thức. Thiện Tài đồng tử thành tựu như thế đó! Thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, thảy đều là thiện tri thức. Thanh Lương Đại sư đã nói rất rõ ràng, 53 lần tham học là trải qua sự việc để luyện tâm. Luyện tâm gì? Luyện thanh tịnh, bình đẳng, giác. Hoàn cảnh có thuận và nghịch, hoàn cảnh và nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) có thiện và ác. Toàn bộ hoàn cảnh và nhân sự đều là thiện tri thức.

Trong tâm mục của Thiện Tài đồng tử, thiện tri thức là Phật, vị thiện hữu ấy là Phật, chẳng phải là Bồ tát, thiện hữu là chư Phật Như Lai thị hiện chỉ dạy ta. Đấy là học đạo sống động, chẳng phải là trên văn tự. Người ấy biểu hiện rất khá, là thiện nhân, chúng ta thấy người ấy trong tâm hoan hỷ, thôi rồi! Hỷ là gì? Hỷ là cảm tình, thất tình, ngũ dục, mừng giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, quý vị động tâm thì sao? Động tâm bèn bị nhiễm dơ.

Thấy thiện hạnh, trong tâm thật sự khởi lòng bắt chước, tôn kính, nhưng chớ nên tham luyến. Người ấy có biểu hiện

rất đáng ghét, gặp mặt quý vị liền căm hận, chửi mắng, đánh đập quý vị, đó là thiện tri thức, chớ nên có tâm oán hận. Hễ có tâm oán hận, thôi rồi, quý vị lại dấy động thất tình, ngũ dục. Do vậy, trong hoàn cảnh, trong quan hệ giữa con người với nhau, phải đoạn gì? Đoạn sạch thất tình, ngũ dục, chẳng phải là quý vị đã thành Phật ư? Nếu quý vị có thất tình, ngũ dục, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo, ngay cả tiểu thánh cũng không thể chứng đắc. Đoạn thất tình, ngũ dục, chứng tiểu thánh, thoát lục đạo. Thoát lục đạo, còn có Tứ thánh, vẫn phải rèn luyện trong Tứ thánh. Đó là rèn luyện vi tế.

Đối với những rèn luyện vi tế ấy, cũng chẳng động tâm, thật sự vĩnh viễn trụ trong *Vô Lượng Thọ*. Cái nhân để tu trong kinh *Vô Lượng Thọ* là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Quý vị thường ở trong thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là nơi chốn chúng ta vừa mới đọc: *"Thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật"*, nó tượng trưng cho ý nghĩa này. Tâm thật sự thường trụ trong thanh tịnh, bình đẳng, giác, sẽ thành công! Quý vị mới có thể thật sự cảm ơn hết thảy hoàn cảnh, cảm ơn hết thảy nhân sự. 6 căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới 6 trần là gì? Toàn là Phật, Bồ tát, quý vị đã thấy Phật, thành tựu rồi! Những điều ghi chép trong kinh Phật chính là sách giáo khoa. Đấy là gì? Hướng dẫn, chỉ dẫn quý vị. Công phu chân thật ở chỗ nào?

Trong cuộc sống. Quý vị thành tựu, đoạn phiền não, chứng Bồ đề là chứng đắc trong cuộc sống, chẳng liên quan gì đến

sách vở. Vì thế, giống như Lục Tổ Đại sư đã nói, Ngài nghe tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng niệm kinh *Niết Bàn*. Niệm xong, Tổ giảng đạo lý cho bà ta, giảng đến nỗi tỳ-kheo-ni vô cùng vui vẻ, cầm kinh bổn đến hỏi, hướng về Tổ thỉnh giáo. Ngài nói: "Ta không biết chữ". Ni sư hỏi: "Không biết chữ, cớ sao Ngài giảng hay như thế?". "Điều ấy chẳng dính dáng tới chuyện biết chữ hay không biết chữ!". Sống động! *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* là gì? Nếu quý vị nghĩ kinh bổn là kinh *Hoa Nghiêm*, trật rồi, đó chẳng phải là kinh *Hoa Nghiêm*.

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là toàn thể vũ trụ, là Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sống động! Cuộc sống sinh động là *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*. Đại Phương Quảng là Thể - Tướng - Dụng của tự tính, lẽ nào nằm trong sách vở? Đâu có đạo lý ấy!

Chúng ta học Phật, chết cứng nơi sách vở, quý vị làm sao có thể khai ngộ cho được? Bởi lẽ, sách vở là hướng dẫn, giống như chúng ta đi đường phải xem bản đồ, bản đồ chẳng phải là nơi đó. Quý vị muốn đến nơi ấy, nhưng chẳng thật sự tìm cách đến nơi đó, chỉ cần nhìn vào bản đồ, có đến được hay chăng? Quý vị vứt bỏ bản đồ thì mới đi đến được. Con người hiện thời cố gắng học và vận dụng sống động. Lời ấy rất có ý vị. Chúng ta phải học và vận dụng sống động. Phật pháp ở chỗ nào? Phật pháp ở ngay trong cuộc sống, trong mặc áo, ăn cơm, trong đãi người, tiếp vật. Đại thừa ở nơi đâu? Đại thừa ở trong công việc.

Vì thế, Phật Thích Ca Mâu Ni thuở ấy được nhiều người tôn kính như vậy. Quý vị thấy pháp hội này có hơn hai vạn người tham dự. Con số hơn hai vạn chỉ là người, mắt chúng ta không thấy những thính chúng chẳng phải là người, còn có những thính chúng thuộc các chiều không gian khác biệt. Chiều không gian khác biệt cũng có thể coi như là chư đại Bồ tát, Thanh Văn, A La Hán, những vị này chẳng thuộc trong lục đạo. Trong lục đạo còn có chư thiên, Dục giới thiên, Tứ thiền thiên. *"Phạm chúng"* là Tứ thiền thiên.

Kinh văn không nhắc tới Tứ không thiên, vì chư thiên Tứ không thiên chẳng đến. Tứ không thiên còn gọi là Trường thọ thiên, họ chẳng đến nghe pháp. Bát bộ quỷ thần cũng thuộc Dục giới, đều là những hữu tình chúng ta chẳng thấy được! Chẳng biết những thính chúng không trông thấy nhiều gấp số thính chúng ta thấy được trong hiện tiền bao nhiêu lần? Đến học đều là học Phật pháp sống động, chẳng phải là học thứ chết cứng, nhất định phải biết điều này. Do vậy, Khất có hai ý nghĩa ấy, quý vị thấy: *"Khất thực dưỡng thân. Khất pháp dưỡng tâm". "Tâm"* ấy là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

Ý nghĩa thứ hai là Phá ác, bởi tỳ-kheo có 3 ý nghĩa. Ác là gì? Ác là phiền não. *"Chính tuệ quán sát, phá phiền não ác, Kiến tư hoặc tận"* (Chính tuệ quán sát, phá phiền não ác, Kiến tư hoặc hết sạch). Hoặc là mê hoặc, nên cần phải đoạn hết Kiến tư hoặc. Kiến là gì? Kiến giải sai lầm, quý vị thấy

sai; Tư là quý vị suy nghĩ sai lầm. Hằng ngày quý vị hoàn toàn nhìn sai, nghĩ trật. Vì sao sai trật? Quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi là trật.

Nếu quý vị có cách nhìn chính xác, không sai, cách nghĩ cũng chẳng trật, bèn thoát lục đạo, tiến vào Tứ thánh pháp giới. Chỉ cần quý vị ở trong lục đạo, chúng ta phải thừa nhận chính mình thấy trật, nghĩ sai. Đức Phật ban cho chúng ta mấy trường hợp cụ thể, quý vị hãy xem, trong kinh nói đến 88 thứ phiền não. Để dạy kẻ sơ học, đức Phật lại đơn giản hóa, quy nạp 88 thứ thành 5 loại lớn: Thân kiến, Biên kiến, Kiến thủ kiến, Giới thủ kiến, Tà kiến. Kiến (見) là quý vị nhìn sai, kiến giải sai lầm. Đầu tiên, có phải là quý vị nghĩ thân này là ta? Vì có ta, sẽ có tự tư, tự lợi, có tiếng tăm, lợi dưỡng, có thị phi, nhân ngã. Đó là sai lầm thứ nhất. Sai lầm thứ hai là Biên kiến. Biên kiến là gì? Đối lập. Ta đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập hết thảy vạn vật. Trong tự tính thanh tịnh viên minh thể, không có Thân kiến, mà cũng chẳng có Biên kiến. 5 thứ Kiến hoặc ấy không có. 5 thứ Tư hoặc cũng chẳng có. Tư hoặc là tư tưởng sai lầm.

Tư hoặc là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi ở đây là nghi hoặc thánh giáo. Trên thực tế là nghi hoặc đối với tất cả hết thảy các pháp, trong đó, trọng yếu nhất là thánh giáo. Thánh giáo quyết định là chính xác, bởi người ta đã minh tâm kiến tính, từ tự tính mà nói ra, lẽ đâu chẳng chính xác? Chúng ta chưa kiến tính, thấy người ta do kiến tính nên thấy những

thứ khác với chúng ta, bèn cho rằng người ấy trật rồi, ta chẳng sai, đó gọi là Nghi. Khi nào đoạn sạch Kiến Tư phiền não, quý vị *"siêu xuất tam giới"* (vượt thoát tam giới). Tam giới là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tức là lục đạo. Vượt thoát tam giới là vượt thoát lục đạo.

Ngoài lục đạo có Tứ thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, đó là "ngoại phàm", tức là phàm phu ở ngoài tam giới. Tuy đã đoạn Kiến Tư, nhưng chưa đoạn Trần Sa, chưa đoạn Vô Minh, vẫn là có phiền não, nhưng không có phiền não thô nặng, chứ vi tế phiền não vẫn còn! Vì thế, tỳ-kheo có ý nghĩa Phá ác. Nay chúng ta tập khí phiền não nặng nề ngần ấy, có thể gọi là tỳ-kheo được chăng? Tỳ-kheo thật sự làm, tức là thật sự đoạn phiền não. Dùng phương pháp gì? Rất nhiều phương pháp, 84.000 pháp môn đều là phương pháp, nhưng đối với người sơ học, quan trọng nhất là trì giới, bắt đầu từ chỗ ấy. Quý vị chẳng trì giới, làm sao có thể đoạn phiền não?

Do trong nhiều năm như vậy, chúng tôi đã đến nhiều nơi trên thế giới, phạm vi tiếp xúc rất rộng, thấy các đồng tu tại gia chẳng thể hành *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, đồng tu xuất gia chẳng thể thực hiện *Sa Di Luật Nghi*. Vấn đề này nghiêm trọng lắm. Nghiêm trọng đến mức độ nào? Chẳng phải là đệ tử Phật thật sự! Đệ tử Phật thật sự phải nghiêm túc làm. Người khác có làm hay không, chẳng ăn nhằm đến ta. Ta phải làm, quý vị mới có thể thành tựu. Chớ nên nói

người khác không làm, ta làm để làm gì? Ta làm, chẳng phải là bị thua thiệt ư? Vậy là quý vị sai mất rồi! Trên thực tế, quý vị làm sẽ chiếm tiện nghi, kẻ khác chẳng làm, sẽ bị thua thiệt, thua thiệt là kẻ ấy. Kẻ ấy bị thua ở chỗ nào? Bị thua ở chỗ phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo. Kẻ ấy bị thua ngay chỗ đó.

Quý vị thật sự làm, luân hồi một lần này, sau đấy chẳng còn luân hồi nữa, chẳng còn làm chuyện ngốc nghếch nữa! Nhất là gặp được pháp môn Tịnh Độ, đời sau ta quyết định sinh về thế giới Cực Lạc, lục đạo nhường cho quý vị rong chơi, ta chẳng còn chơi đùa với quý vị nữa, phải có ý niệm ấy thì mới được! Chúng ta đến đâu? Tới thế giới Cực Lạc, cùng vui chơi với chư Phật, Bồ tát, chư thượng thiện nhân, đó là đúng.

Tâm ấy phải kiên định, có kiên định thì quý vị mới chịu buông xuống. Chưa buông xuống được sẽ chẳng thể vãng sinh. Thật đấy, chẳng giả đâu! Phải buông xuống lúc nào? Buông xuống ngay trong hiện tại. Vì sao? Chúng ta chẳng biết sẽ chết lúc nào, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: *"Mạng người trong hơi thở"*. Một hơi thở không hít vào được sẽ sang đời sau, cho nên phải buông xuống ngay trong hiện tại. Buông xuống sẽ thật sự tự tại! Buông xuống, phiền não sẽ nhẹ nhàng, trí tuệ tăng trưởng. Vì vậy, quý vị thấy tỳ-kheo vượt thoát tam giới, vượt khỏi lục đạo luân hồi, nhưng chưa vượt thoát mười pháp giới.

Ý nghĩa thứ 3 là Bố ma. Ma ở đây là Ma vương. *"Như Niết Bàn thuyết: - Ma tánh cấu"* (Như kinh *Niết Bàn* nói: "Tánh ma nhơ bẩn"). Tánh ma ô nhiễm. *"Cấu"* (垢) là ô nhiễm. *"Cứ Trung Hoa Đại Tự Điển, Cấu hữu bát nghĩa, kim thủ kỳ nhất, cấu giả ác dã"* (Theo *Trung Hoa Đại Tự Điển*, chữ Cấu có 8 nghĩa, nay lấy ý nghĩa thứ nhất thì, Cấu là ác), chẳng lành! *"Tệ, kỵ tha thắng kỷ"* (Tệ là đố kỵ kẻ khác hơn mình). Nay, chúng ta nói "cấu tệ" là ngạo mạn, đố kỵ. Người khác hơn mình, trong tâm khó chịu, đó là sai lầm. Tâm đố kỵ cũng là bẩm sinh, quý vị rất chú tâm quan sát, sẽ thấy gì?

Trẻ nhỏ 3-4 tháng, bé con, còn chưa biết đi, còn đang bò. Quý vị để 2 đứa bé cạnh nhau, chúng lớn như nhau, quý vị cho đứa trẻ này một miếng đường để ăn, đứa bên cạnh trông thấy, ghen tỵ. Nó cũng rất khó chịu, quý vị quan sát cẩn thận sẽ thấy. Vì thế, đố kỵ, ngạo mạn là phiền não bẩm sinh, là tập khí nhiều đời nhiều kiếp. Nếu không khéo rèn luyện, dạy dỗ từ nhỏ, làm sao đoạn được phiền não? Người chẳng có tâm đố kỵ là được, tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có đố kỵ, trong tâm bình đẳng không có ngạo mạn, đấy là Tính đức. Trong hết thảy chỗ, hết thảy mọi lúc, gặp những sự việc, trong tâm vẫn khởi lên ý niệm ấy, thì phải ngay lập tức hồi quang phản chiếu, công phu của chúng ta thua kém quá xa. Hồi quang phản chiếu là giác, cổ đại đức đã nói: *"Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"*. Hễ giác, quý vị bèn quay lại, sinh lòng hổ thẹn, sám trừ nghiệp chướng.

Sám trừ nghiệp chướng là gì? Nay mọi người gọi là *"phát lộ sám hối"*. Sau khi phát lộ sám hối, gặp chuyện vẫn làm y hệt, làm y hệt xong rồi mai lại phát lộ, hằng ngày phát lộ có ích gì đâu. Chư vị phải biết: Khi thật sự sám hối sẽ chẳng còn tạo nữa. Phát lộ sám hối có lợi gì chăng? Phát lộ sám hối là biểu diễn trên sân khấu nhằm khuyên người khác, rất tốt, dùng chính mình làm gương để khuyên dạy người khác, đấy là tốt, tự lợi, lợi tha; nhưng lợi ích chân thật là sau đấy không tạo nữa. Khổng phu tử đã nói *"bất nhị quá"*, nghĩa là chỉ phạm khuyết điểm một lần, chẳng còn lặp lại nữa. Phu tử tán thán, Ngài có học trò đông ngần ấy, chỉ có một người làm được, là Nhan Hồi. Ngài khen ngợi Nhan Hồi bất nhị quá. Do vậy biết: Những học trò khác đều không làm được, quý vị mới biết chuyện này khó khăn, chẳng dễ dàng.

Trong Phật môn, A La Hán mới có thể bất nhị quá, chẳng phải là phàm nhân. Do vậy, đã phát tâm xuất gia, phải thật sự làm. Căn bệnh này vô cùng sâu, có thể sinh ra cả đống ác nghiệp. Do vậy, tâm đố kỵ vô cùng xấu! Chớ nên coi thường nó, phải nỗ lực đổ công sức nơi đây! Ma là như vậy đấy, ngạo mạn, đố kỵ. Do vậy, hắn là ma, chẳng phải là Phật.

"Cố hoài khủng bố" (Nên ôm lòng sợ hãi), là thấy người khác tốt đẹp hơn mình, trong tâm khó chịu, sợ người khác lại hơn mình.

"Hựu cụ kỳ nhân, đa hóa chúng sinh" (Lại sợ người ấy giáo hóa nhiều chúng sinh). Người tu hành ấy, tức tỳ-kheo, giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh đều theo người ấy, người ấy có nhiều tín đồ, ma lại sinh lòng đố kỵ. Vì sao? Hắn tranh giành tín đồ với quý vị, chẳng nề hà bất cứ thủ đoạn nào để lôi kéo tín đồ, phá hoại, chướng ngại quý vị, khiến cho tín đồ của quý vị nảy sinh hiểu lầm, xa lìa quý vị, để hắn lôi kéo, làm chuyện như vậy. Vì thế, hắn sợ người tu hành ấy. *"Đa hóa chúng sinh, đồng xuất sinh tử, không kỳ cảnh giới"* (Giáo hóa nhiều chúng sinh, cùng thoát sinh tử, trống không cảnh giới của ma). Trống không cảnh giới của ma là gì? Người trong ma giới ít đi. Phật giới đông người hơn, hắn sợ điều này. *"Cố sinh khủng bố"* (Nên sinh lòng sợ hãi).

"Nhược nhân xuất gia thọ giới, yết-ma thành tựu, địa hành dạ-xoa, không hành dạ-xoa, thiên hành dạ-xoa, triển chuyển tán thán, thanh truyền Dục Giới Lục Thiên, ma văn tâm bố" (Nếu người xuất gia thọ giới, yết-ma thành tựu, địa hành dạ-xoa, không hành dạ-xoa, thiên hành dạ-xoa lần lượt truyền nhau tán thán, tiếng ca ngợi lên đến tận tầng trời thứ 6 trong Dục giới, ma nghe tiếng, tâm sợ hãi). Ma là Thiên vương của Đệ lục thiên. Ma vương chính là Thiên vương cõi Tha hóa tự tại thiên. Vì sao? Người ấy phát tâm xuất gia thọ giới, yết-ma là hoàn thành nghi thức thọ giới, quỷ dạ-xoa lần lượt truyền nhau tán thán, Đệ lục thiên tha hóa tự tại Thiên vương nghe biết, trong tâm Tha hóa tự tại thiên vương cũng

rất khó chịu. Vì ông ta có lòng đố kỵ, ghen ghét Phật, Bồ tát sẽ độ thoát từng chúng sinh trong lục đạo, người thuộc quyền thống trị của ông ta sẽ dần dần ít đi. Dục giới do ông ta thống lãnh.

Hiện thời, quý vị phải biết, Ma vương rất sung sướng, rất hoan hỷ. Vì sao? Xuất gia thọ giới chẳng thật, là giả, ai có thể trì giới? Ai có thể làm được? Ma xét thấy hiện thời các đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, thì kẻ tại gia chẳng thể hành *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, kẻ xuất gia chẳng thể hành *Sa Di Luật Nghi*. Ma có thể vui sướng đến chết, chẳng phải lo âu tí nào. Thật sự có một vài người, đương nhiên ma vẫn có lòng đố kỵ, nhưng người thật sự xuất gia thọ giới rất ít, ma chẳng bận tâm. Nếu có nhiều người, ma sẽ lo ngại. Khi rất ít người thật sự xuất gia thọ giới, người có cùng một tâm, tâm cùng một lý này, đương nhiên ma chẳng bận lòng! Vì thế, chúng ta chớ nên chẳng biết điều này! Chúng tôi giới thiệu 3 ý nghĩa của tỳ-kheo đến đây.

Chúng ta học những văn tự này, trí tuệ bèn mở mang, chúng ta nên học theo cách nào? Phải biết tận hết sức tránh né những chướng ngại trên đường Bồ đề ư? Chướng ngại tuyệt đối nhất định phải có, quý vị thấy đó: Quý vị thật sự muốn tu đạo, Lục dục thiên chẳng dung tha, sẽ luôn chướng nạn quý vị. Quý vị thật sự thành công thì thưa quý vị, Lục dục thiên là đại thiện tri thức. Vì sao? Ông ta khảo đảo, thử thách quý vị mỗi ngày, kết quả là quý vị vượt qua được, ông

ta sẽ đảnh lễ quý vị, tôn quý vị làm thầy, hộ trì pháp của quý vị, biến thành thần hộ pháp. Ông ta là người tốt, chẳng phải là kẻ xấu. Quý vị không vượt qua được, không vượt qua được sẽ phải trở lại, ông ta bèn vùi dập quý vị. Vì thế, những kẻ thử thách, chướng ngại ta đều là Phật, Bồ tát, là thiện tri thức.

Hãy suy nghĩ: Hiện thời, chẳng phải là quý vị có thể thành tựu hay không đều cậy vào những kẻ làm phiền, thử thách quý vị đó ư? Không có họ, làm sao chúng ta có thể vượt lên cao hơn được? Sau mỗi lần chướng nạn, chắc chắn sẽ được nâng cao hơn với một mức độ lớn, bất luận là trí tuệ, hay phúc báo, thảy đều được nâng cao. Đây là kinh nghiệm của chúng tôi trong gần 60 năm học tập, kinh nghiệm này vô cùng quý báu.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo, giải thích chữ Đại. Trước chữ tỳ-kheo thêm một chữ Đại. *"Đại giả, Phạn ngữ vi Ma Ha"* (Đại, tiếng Phạn là Ma Ha). Đây là chữ dịch âm trong kinh Phật, tiếng Phạn là Ma Ha, tiếng Hán là Đại. Nó *"Cụ hữu tam nghĩa"*, có 3 ý nghĩa là Đại, Đa và Thắng (thù thắng, siêu thắng). *"Đại giả, Di Đà Sớ Sao vân, thiên vương đại nhân sở cộng kính ngưỡng, phi tiểu đức giả, danh Đại"* (Đại là như sách *Di Đà Sớ Sao* giảng: "Thiên vương và đại nhân đều cùng kính ngưỡng, chẳng phải là kẻ đức nhỏ, nên gọi là Đại").

Tỳ-kheo trì giới, tu định, là bậc đại đức, do Giới đắc Định. Nếu quý vị chẳng trì giới, tâm tán loạn, rất nhiều vọng tưởng,

những vị thiên vương và bậc đại nhân chẳng tôn kính quý vị. Quý vị thật sự trì giới, tâm sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là định. Những thiên vương và đại nhân thấy quý vị mạnh mẽ hơn họ, họ chẳng bằng quý vị, lẽ nào chẳng tôn kính quý vị? Giới phải thực hiện từ nơi đâu? Quý vị chớ nên không biết điều này, làm từ *Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên*. 113 chuyện trong *Đệ Tử Quy* có làm được hay chăng? Thật sự làm. 195 chuyện trong *Cảm Ứng Thiên* là quả báo thiện ác. Khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, quý vị có thể tương ứng với những chuyện ấy, quý vị có thiện, có thể đoạn trừ ác. Quý vị là đại đức, chẳng phải là tiểu đức.

Người trong thế gian hiện thời chẳng tôn trọng quý vị, nhưng thiên địa quỷ thần tôn kính, ủng hộ quý vị, bởi họ nhìn thấy, con người chẳng nhìn thấy. Người thế gian thật sự có học vấn, có đức hạnh sẽ nhìn thấy dáng vẻ của quý vị khác hẳn, huống hồ những vị này là đệ tử Phật, mỗi ngày học tập giáo huấn của đức Phật. Chư vị nhất định phải nhớ, học tập, chú trọng tại tập. Tập là thực hiện.

Những gì quý vị đã học nếu làm không được, chỉ có học, không có tập, sẽ biến thành gì? Biến thành học thuật, biến thành Phật học. Học rồi làm được, đấy là học Phật, người ấy giống hệt Phật Thích Ca Mâu Ni. Thầy là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, thật sự học được. *"Tịnh Ảnh"*, trong phần trước đã giới thiệu *Tịnh Ảnh Sớ*. Trong *Tịnh Ảnh Sớ* có nói: *"Khoáng bị cao đức, quá dư cận học"* (Đức cao quý mênh

mông hơn hẳn những kẻ cận học khác). *"Quá"* là vượt hơn, *"cố danh vi Đại"* (nên gọi là Đại). Đức cao, học rộng, Ngài học nhiều thứ lắm. *"Đức cao"* là gì? Những gì Ngài đã học đều làm được. Làm được, đức bèn cao.

Học rất nhiều, đấy là *"học phú"* (học rộng). Học rộng nhưng chẳng làm được, tức là có học vấn rộng rãi, nhưng đức chẳng cao, không được rồi! Đó là học giả (scholar). Hiện thời gọi học giả là chuyên gia (expert), chẳng thể gọi là thánh hiền. Người thật sự làm được, thì là thánh hiền. Làm được phân nửa là hiền nhân; thảy đều có thể làm được thì là thánh nhân. Đấy là ý nghĩa của chữ Đại.

Lại nói đến Đa. *"Đa giả, nội điển ngoại tịch, vô bất bác thông, phi quả giải giả, danh Đa"* (Đa là nội điển, ngoại tịch, không sách vở nào chẳng thông suốt rộng rãi, chẳng phải là kẻ hiểu biết ít ỏi, nên gọi là Đa). Điều này nói về quảng học đa văn. *"Nội điển"* là điển tịch nhà Phật, là giáo huấn của Phật, Bồ tát. *"Ngoại tịch"* là trừ Phật pháp ra, tất cả tôn giáo, tất cả học thuật, không gì Ngài chẳng thông đạt. Vì sao Ngài thông đạt? Trong quá khứ, tổ sư đại đức đã bảo: *"Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông"*. Một môn thông, môn nào cũng đều thông. Vì sao? Thông là gì? Kiến tính là thông. Chưa kiến tính sẽ chẳng thông. Vì sao có thể kiến tính? Hết thảy các pháp chẳng lìa tự tính. Hết thảy tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, thiện pháp, ác pháp, toàn bộ đều từ tự tính lưu xuất. Vấn đề là quý vị thật sự hiểu.

Từ một pháp, quý vị tham cứu, chớ nên nghiên cứu. Nghiên cứu là gì? Quý vị dùng tâm ý thức thì là nghiên cứu, lìa tâm ý thức là tham cứu. Tham cứu mới có thể kiến tính. Nghiên cứu chẳng thể kiến tính. Do vậy, khoa học gia có thể phát hiện A Lại Da, nhưng chẳng thể kiến tính. Vì sao? Kiến tính nhất định phải lìa tâm ý thức, tức là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước bèn kiến tính. Khoa học gia vẫn phân biệt, vẫn chấp trước, vẫn khởi tâm động niệm; vì thế, những thứ họ học được là tri thức, chẳng phải là trí tuệ. Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ là trí tuệ, chẳng phải là tri thức.

Trí tuệ là "một thông, hết thảy đều thông". Huệ Năng Đại sư là một tấm gương rất hay. Ngài chưa hề đi học, nhưng quý vị hỏi Ngài về pháp thế gian lẫn xuất thế gian, không có gì Ngài chẳng thông.

Thời ấy, không có ai hỏi những vấn đề khoa học, nhưng nếu hỏi Ngài, Ngài sẽ trả lời, hiểu toàn bộ, không có gì chẳng hiểu! Xưa nay, trong, ngoài nước, khoa học hiện thời gọi là thế giới vĩ mô và thế giới vi mô, không có gì Ngài chẳng hiểu. Chưa hề tiếp xúc, nhưng chỉ cần tiếp xúc bèn thông đạt, vừa nhìn hay nghe liền hiểu rõ toàn bộ, một thông, hết thảy đều thông, đấy là Đa! Đa do *"tinh chuyên"* mà có. *"Tinh"* là thông, chẳng tinh sẽ chẳng thông. Học dẫu nhiều nhưng không tinh, nên chẳng thông. Học một thứ mà tinh, sẽ thông suốt toàn bộ. Con hơn cha là nhà có phúc, nên người xưa không

có bí mật gì. Do họ không có tâm đố kỵ, nên luôn mong mỏi con cháu có thể hơn họ.

Có thể vượt hơn hay chăng? Thưa quý vị, chắc chắn là chẳng thể, vì họ bình đẳng. Quý vị đạt đến trình độ ấy, sẽ bình đẳng với họ, chẳng có cách nào vượt hơn. Giống như một khối cầu, quý vị thông suốt toàn bộ, trên khối cầu chẳng thể nhô ra chút nào, mà cũng chẳng thể hụt đi chỗ nào. Vì thế, Phật Phật đạo đồng là do đạo lý này, bình đẳng, "thanh tịnh, bình đẳng, giác", quý vị cũng trở về thanh tịnh, bình đẳng, giác. Do vậy, hãy chú ý 2 từ *"tinh thông"*. 2 từ ấy, ý vị vô cùng.

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 87

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

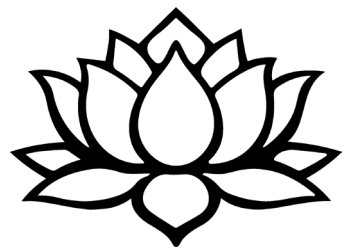

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 97, dòng thứ 4, bắt đầu từ câu cuối cùng:

"Thắng giả, thắng quá dư học, siêu ư cửu thập lục chủng ngoại đạo chi thượng" (Thắng là vượt hơn những kẻ học khác, vượt lên trên cả 96 thứ ngoại đạo). Chữ Đại có 3 ý nghĩa là Đại, Đa, Thắng, trong phần trước đã học Đại và Đa. Nay, chúng ta xem từ chữ Thắng. *"Thắng quá dư học"* (Vượt hơn những kẻ học khác). *"Thắng"* (勝) là thù thắng, cũng có nghĩa là vượt trội. Thuở ấy, tại Ấn Độ, lúc Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, nổi tiếng nhất là 96 loại ngoại đạo. Ngoại đạo trọn chẳng phải là những người tu đạo ở ngoài Phật pháp, chẳng mang ý nghĩa ấy! Các đồng học chúng ta nhất định phải biết: Cầu pháp ngoài tâm đều gọi là ngoại đạo.

Nếu người học Phật chúng ta cũng cầu pháp ngoài tâm, thì cũng gọi là ngoại đạo. Loại ngoại đạo này gọi là *"môn lý ngoại"* (門裡外), tức là ngoại đạo trong Phật môn, trên thực tế, có chẳng ít người! Phật pháp được gọi là *"nội học"*. *"Nội"* (內) là gì? Nội là tự tính, do vậy, hết sức coi trọng trở về tự tính. Vì sao? Chúng ta đã học *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ Đại sư. Tôi nhắc tới cuốn sách này mọi người liền hiểu, sẽ hiểu rất rõ nội và ngoại.

Giáo pháp Đại thừa thường nói: *"Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm"*. Nếu hướng về tâm để cầu, đấy là

nội học, gọi là Phật pháp. Nếu trái ngược phương hướng ấy, hướng ra ngoài để cầu thì là ngoại đạo.

Do vậy, có thể biết: Chúng ta học Phật, ngoại đạo trong Phật môn cũng chẳng ít, mấy ai chẳng phan duyên bên ngoài? Nhãn căn phan duyên Sắc trần bên ngoài. Nhĩ căn phan duyên Thanh trần bên ngoài. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp đều ở bên ngoài. Phàm kẻ học theo những thứ ấy đều gọi là ngoại đạo. Do vậy, biết: Ý nghĩa được bao hàm trong từ ngữ *"ngoại đạo"* vô cùng rộng, mấy ai có thể hướng theo tâm tánh? Quả thật, chỉ có Đại thừa Phật pháp! Tiểu thừa vẫn còn phan duyên bên ngoài; chỉ có Đại thừa Phật pháp khởi tâm động niệm quán chiếu tự tính, nên gọi là *"nội học".*

Vì thế, kinh Phật, đặc biệt là kinh Đại thừa, được gọi là *"nội điển".* Chúng ta hiểu rõ sự khác biệt giữa nội và ngoại. Do vậy, từ "ngoại đạo" chẳng phải là coi rẻ người khác, chẳng phải là xem nhẹ, cũng chẳng có nghĩa là hạ thấp, mà là tông chỉ, phương hướng, mục tiêu tu học của họ khác với pháp Đại thừa. Mục tiêu, phương hướng, và tông chỉ của pháp Đại thừa đều là minh tâm kiến tính. Bất luận pháp môn nào, Tông Môn, Giáo Hạ, Đại thừa, Tiểu thừa, Hiển giáo, Mật giáo, mục tiêu cuối cùng đều là "minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật". Trong sự giáo dục của đức Phật, đạt đến kiến tính, thì người ấy được coi như đã tốt nghiệp, [tức là] tốt nghiệp pháp Đại thừa. Tốt nghiệp là thành Phật.

Thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính dưới cội Bồ đề, điều ấy được gọi là "thành đạo", hoặc còn gọi là "thành Phật". Tại Trung Quốc, mọi người đều coi nhân vật đại biểu cho sự đại triệt đại ngộ là Lục Tổ Huệ Năng Đại sư của Thiền tông đời Đường. Thật ra, tại Trung Quốc, người đại triệt đại ngộ trong Tông Môn và Giáo Hạ rất nhiều. Từ *Cao Tăng Truyện* và *Cư Sĩ Truyện*, quý vị có thể thấy: Bất luận tại gia hay xuất gia đều đạt tới cảnh giới ấy. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới cảnh giới ấy, vì chuyện này hết sức trọng yếu.

Học Phật rốt cuộc là học gì? Kinh giáo chẳng phải là trọng yếu nhất, nhưng những điều được giảng trong kinh điển là phương pháp trọng yếu nhất, phải hiểu điều này. Kinh giáo đã là phương pháp, thì dụng ý ở chỗ nào? Dụng ý là đức Phật giảng rõ ràng, minh bạch nội và ngoại, quý vị sẽ giác ngộ. Sự giác ngộ ấy được gọi là giải ngộ; "tín, giải" là giải ngộ. Sau khi giải ngộ, quý vị có thể khởi hạnh, sau đấy mới có thể chứng ngộ. Chứng ngộ mới đáng kể, chứ giải ngộ chẳng đáng kể đến! Nói theo cách bây giờ, giải ngộ thuộc về Phật học, chứng ngộ là học Phật. Bởi lẽ, quý vị chẳng tin, sẽ không thể lý giải, làm sao tu hành? Tu hành là tu gì?

Chúng ta bèn hiểu rõ ràng, minh bạch dụng ý của kinh điển. Không có kinh điển, chúng ta vĩnh viễn mê hoặc, chẳng liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Kinh điển giảng rõ chân tướng. Vũ trụ do đâu mà có? Trong Phật pháp

nói tới "pháp giới", Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Kinh điển thường nhắc tới những thứ này. Chúng do đâu mà có? Cớ sao có mười pháp giới? Khoa học và triết học hiện thời đều nghiên cứu vấn đề này, không chỉ là trong hiện tại, mà xưa nay, trong ngoài nước, bao nhiêu người đang tra xét, nghiên cứu, thăm dò. Ai hiểu rõ ràng, minh bạch? Phật Thích Ca Mâu Ni hiểu rõ, thật sự hiểu rõ. Các khoa học gia và triết học gia hiện thời thảo luận vấn đề, nhưng chẳng thể giải quyết vấn đề. Trong kinh Đại thừa đã có toàn bộ giải đáp, cho thấy Phật Thích Ca Mâu Ni thật sự hiểu rõ.

Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền, tổ tiên cũng hiểu rõ. Hiểu rõ như thế nào? Một câu thôi, "buông xuống liền hiểu rõ". Vì sao? Hiểu rõ là năng lực sẵn có của chúng ta. Mỗi cá nhân đều hiểu rõ, chẳng có ngoại lệ. Vì vậy, đức Phật thường nói: *"Hết thảy chúng sinh vốn là Phật".* Trong phần trước, chúng tôi đã giảng ý nghĩa chữ Phật rất cặn kẽ, dùng tới 2 tiếng đồng hồ để giới thiệu Phật Thích Ca Mâu Ni. Chữ *"Phật"* có nghĩa là giác ngộ. Chữ "Thánh nhân" của Trung Quốc có nghĩa là hiểu rõ. Danh xưng Phật và "thánh nhân" có ý nghĩa tương đồng. Hiểu rõ là giác ngộ. Giác ngộ là hiểu rõ.

Người Trung Quốc gọi người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh là thánh nhân, cổ Ấn Độ gọi là Phật Đà. Đức Phật dạy: Năng lực sẵn có của chúng ta hoàn toàn đều là thông đạt, hiểu rõ, chẳng có cao hay thấp. Bởi lẽ, hết thảy

chúng sinh vốn là Phật. Nay vì sao biến thành phàm phu? Đã mê rồi, mê mất tự tính.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói về năng lực sẵn có của tự tính rất hay: *"Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai"*. "Hết thảy chúng sinh" bao gồm chúng ta trong ấy. Chúng ta chẳng phải là ngoại lệ, đều có trí tuệ, đức năng và tướng hảo giống hệt Như Lai, chẳng sai biệt. Cuối cùng, đức Thế Tôn nói một câu: *"Nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc"*. Quý vị thấy: Lật lá bài tẩy của chúng ta lên, sẽ thấy rõ vì sao chúng ta chẳng thể giống như Phật?

Chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đó là mê. Vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm là vọng tưởng. Từ vọng tưởng khởi phân biệt, từ phân biệt khởi chấp trước, càng mê càng sâu. Trong giáo pháp Đại thừa, vọng tưởng thường được gọi là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Đó là 3 loại đại phiền não. Chúng ta mê mất tự tính, trọn chẳng phải là thật sự mất đi, mà là mê mất. Khi nào quý vị chẳng mê, nó sẽ hiện tiền, khởi tác dụng. Do vậy, đức Phật chẳng dạy chúng ta điều gì khác, mà dạy chúng ta hãy buông xuống, 3 loại phiền não ấy thảy đều buông xuống, quý vị sẽ thành Phật, bởi lẽ quý vị vốn là Phật.

Phàm phu thành Phật phải mất bao lâu? Nói theo Lý là trong một niệm! Một niệm buông xuống, quý vị bèn thành

Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện cho chúng ta thấy, nhất niệm! Tại Trung Quốc, Lục Tổ Huệ Năng Đại sư cũng thị hiện cho chúng ta thấy, cũng là một niệm. Kinh điển thường nói tới bậc thượng thượng căn, vượt trội 96 loại ngoại đạo. Quý vị phải biết: Phật Thích Ca và Huệ Năng Đại sư biểu diễn, thị hiện, há chỉ vượt trội 96 loại ngoại đạo, mà là siêu việt viên mãn! Điều cốt yếu là quý vị có thể buông xuống. Chúng ta chẳng phải là hạng thượng thượng căn, không có cách nào đốn xả, "trong một niệm hoàn toàn buông xuống" chúng ta làm không được.

Trong giáo pháp Đại thừa, chúng ta thấy chuyện này rất nhiều, rất rõ ràng, rất minh bạch, mà cũng có thể nói: *"Chỗ nào cũng là đạo"*, nhưng làm không được. Thật vậy, chẳng giả! Đức Phật dạy chúng ta: *Chẳng thể đốn xả, thì quý vị xả từ từ.* Nói tóm lại một câu, mỗi ngày đều phải bỏ; chẳng bỏ, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng có tiến bộ.

Thưa chư vị, môn học vấn này chẳng tiến ắt lùi. Quý vị không tiến bộ, chắc chắn sẽ lùi bước; lùi bước rất đáng sợ! Nay, chúng ta được làm thân người, nhưng trong lục đạo, dưới chúng ta là A Tu La đạo, La Sát đạo, Quỷ đạo, Súc sinh đạo, Địa ngục đạo. Quý vị nói xem: Có thể lùi bước hay chăng? Vì thế, chẳng tiến về phía trước sẽ chẳng được, chẳng thể không tiến cao hơn! Nếu muốn tiến lên cao hơn, bí quyết là buông xuống. Buông xuống từ chỗ nào? Trong mấy chục năm qua, tôi thường khích lệ các đồng học: *"Hãy buông tự tư,*

tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham luyến ngũ dục, lục trần, buông tham, sân, si, mạn xuống". Tôi nói 16 từ này: "Tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn" buông xuống được là quý vị có thành tựu.

Tôi chẳng khoa trương mảy may nào, mà thật thà kính khuyên các đồng học: Làm được 16 từ ấy, tự tư, tự lợi chẳng còn; tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng có; ngũ dục, lục trần cũng buông xuống; tham, sân, si, mạn mỏng nhạt, có nhập Phật môn hay không? Thưa quý vị, chưa nhập, tôi dẫn quý vị đến cửa ngõ, chưa nhập môn. Quý vị phải biết, phải hiểu rõ: Nhập môn thì nhất định phải tuân thủ tiêu chuẩn của Phật Thích Ca Mâu Ni. Tiêu chuẩn của tôi thấp hơn Ngài, dẫn quý vị đến cửa ngõ. Tiêu chuẩn của Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng thể biến đổi: Phải buông 88 phẩm Kiến hoặc xuống, quý vị mới có thể nhập môn. 88 phẩm ấy thuộc về 9 địa vị trong tam giới.

Nhằm thuận tiện dạy học, 88 phẩm quá nhiều, quá rắc rối, đức Thế Tôn đã quy nạp chúng thành 5 loại lớn hòng dễ nói hơn: Loại thứ nhất trong 5 loại lớn là Thân kiến. Chúng ta luôn chấp trước thân này là ta, thứ kiến chấp này rất đáng ghét. Quý vị chấp trước có ta, khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác đều nhằm phục vụ ta. Trật rồi! Đức Phật bảo: "*Không có ta, thật sự không có ta*". Quý vị ngỡ là "có ta" sẽ hỏng bét. Một mê, hết thảy đều mê, mê đến cùng cực. Vì vậy, đầu tiên

phải hiểu thân chẳng phải là ta. Thân là gì? Thân là cái ta có, giống như quần áo. Quần áo chẳng phải là ta, nó mặc trên thân ta, ta có nó, phải hiểu rõ ràng quan niệm này. Ta mà còn phải buông xuống, huống gì những thứ ta có! Hễ buông xuống thứ này (chấp Ngã), 5 thứ sau đều buông xuống rất dễ dàng.

Loại thứ hai là Biên kiến. Nay chúng ta gọi Biên kiến là đối lập. Ta còn chẳng có, đối lập với ai? Đương nhiên chẳng có đối lập, quý vị còn có thành kiến nữa chăng? Thành kiến cũng không có. Vì thế, nói thật ra, mấu chốt của 88 phẩm Kiến hoặc là Ta (Ngã).

Sau khi đã phá ngã, thật sự buông xuống, biết vô ngã, giống như Thiền tông Nhị Tổ Huệ Khả đến gặp Đạt Ma Tổ sư, cầu Đạt Ma Tổ sư an tâm cho Ngài. Ngài tìm đến Tổ Đạt Ma. Tổ Đạt Ma nói: "Ông đến tìm ta có chuyện gì?". "Tâm con bất an, cầu đại sư an tâm cho con". Đạt Ma Tổ sư nói: "Ông lấy tâm ra, ta sẽ an nó cho ông". Một câu nói ấy nhắc nhở Ngài, quay lại tìm, chẳng tìm được, tìm nửa ngày rồi nói: "Con tìm tâm trọn chẳng thể được". Đạt Ma Tổ sư nói: *"Dữ nhữ an tâm cánh"*, nghĩa là ta đã an cái tâm cho ông ổn thỏa rồi! Do một câu nói này, Nhị Tổ bèn đại triệt đại ngộ.

Quý vị thấy người ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thảy đều buông xuống, minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật. Tổ Đạt Ma truyền y bát cho Huệ Khả, đấy là vị Tổ đời thứ hai của Thiền tông. Đấy là bậc thượng thượng căn, nhất

thời đốn xả. Có thể đốn xả bèn đốn ngộ, mảy may vòng vèo cũng chẳng có. Mấu chốt là "có Ta", tất cả hết thảy tội ác. Nghiệp chướng đều từ đấy sinh ra, quý vị nói nó có đáng sợ lắm hay không? Nếu thật sự có ta, thân thật sự là ta thì còn thông cảm được, nhưng quý vị vì nó mà tạo những nghiệp chướng ấy là trật. Nó không có, căn bản là chẳng tồn tại! Đức Phật nói những lời ấy, kẻ bình phàm chúng ta rất khó tiếp nhận, rất khó lý giải, nhưng hiện thời, quả thật khoa học đã giúp đỡ Phật giáo rất lớn. Hiện thời, trong ngành khoa học tiên tiến nhất, các nhà vật lý lượng tử học đã phát điều gì? Giống như Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy, vô ngã, về căn bản không có Ngã tồn tại. Nói tới nhục thân này, họ biết nhục thân chẳng phải là ta. Nhục thân là huyễn tướng, chẳng thật, nhưng phải bỏ thì mới được. Chẳng thể bỏ, quý vị tạo nghiệp hằng ngày.

Trong Phật pháp có chân ngã hay không? Thưa quý vị, có! Minh tâm kiến tính, chân ngã bèn hiện tiền. Quý vị thấy trong tự tính có 4 tịnh đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Ngã có nghĩa là gì? Ngã có nghĩa là chủ tể, tự tại. Quý vị hãy nghĩ xem: Trên cái thân này có 2 ý nghĩa ấy hay không? Có chủ tể hay không? Nếu thật sự có chủ tể, năm nào cũng là 18 thì sẽ tốt đẹp lắm! Vì sao con người có già, bệnh, chết? Có thể làm chủ, thì năm nào cũng là 18. Dân gian tán thán Bồ tát, *"Bồ tát, Bồ tát, niên niên thập bát"* (Bồ tát năm nào cũng 18), chẳng già! Chúng ta có cách nào làm được hay chăng? Nếu

quý vị kiến tính, quả thật chẳng có mảy may vấn đề nào, đúng là như vậy.

Đạo lý này rất sâu, nếu giảng ra thì chẳng phải là 2 giờ, ngay cả 24 giờ vẫn giảng không xong. Thật đấy, chẳng giả chút nào! Do vậy, trong tự tính có Ngã, có chủ tể, thật sự tự tại, đắc đại tự tại, trên thân chúng ta chẳng tìm được định nghĩa này. Có chân lạc, có Thường. Thường là vĩnh hằng không thay đổi. Lạc là vĩnh viễn chẳng khổ, lìa khổ là Lạc. Tịnh là vĩnh viễn chẳng nhiễm ô.

Huệ Năng Đại sư kiến tính đã báo cáo đơn giản, ngắn gọn với Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn, câu đầu tiên là: *"Nào ngờ tự tính, vốn tự thanh tịnh"*. Quý vị thấy trong ấy có Tịnh, tức là Tịnh trong 4 tịnh đức. Câu thứ hai là *"Nào ngờ tự tính, vốn chẳng sinh diệt"*, đó là Thường. Bất sinh, bất diệt, đó chính là Thường. *"Nào ngờ tự tính, vốn tự trọn đủ"*, đó là Ngã. Cuối cùng là *"Có thể sinh vạn pháp"*, vốn tự trọn đủ, có thể sinh vạn pháp, đấy là tự tại! Vì vậy, hễ kiến tính sẽ đạt được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Chúng thật sự có; nhưng nơi thân phàm phu hoàn toàn không có. Hữu danh vô thực, tìm 4 từ ấy không được, đều là giả. Chúng ta chớ nên không biết điều này; sau đấy, mới biết chúng ta học Phật là học gì? Mong đạt được gì? Phải biết cách học ra sao? Đây là một điều rất trọng yếu.

Chúng ta đọc lời chú giải tiếp theo: *"Tái giả, Phật Địa Luận lánh hữu tam nghĩa"* (Ngoài ra, *Phật Địa Luận* còn nêu lên 3

nghĩa khác). Cũng là nói về sự thù thắng ấy, *Phật Địa Luận* nêu ra 3 ý nghĩa. Thứ nhất là *"Tối cực lợi căn"*, là căn tánh nhạy bén đạt tới mức cao tột nhất, *"Ba La Mật Đa chủng tánh"*, người xưa nói là "bậc thượng thượng căn", mang ý nghĩa ấy.

Người thượng thượng căn "nghe một, ngộ cả ngàn", hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ. Họ có cần học hay không? Không cần. Vì sao không cần? Bậc thượng thượng căn là người kiến tính, vì hết thảy các pháp là tâm tưởng, thức biến. Kinh *Hoa Nghiêm* nói là *"duy tâm sở hiện"*. Tâm ấy là chân tâm, là tự tính, là tự tính sinh, tự tính hiện, duy thức biến.

Quý vị hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ tánh thức thì 6 căn tiếp xúc cảnh giới sẽ tự nhiên thông đạt, không cần học. Ngài A Nan kết tập kinh tạng, có thật sự cần phải nghe Phật Thích Ca Mâu Ni phức giảng hay chăng? Chẳng phải! Ngài phức giảng như thế nào? Ngài đã kiến tính, chỉ cần quý vị nói Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng một bộ kinh nào đó, Ngài bèn biết toàn bộ, chẳng nghe cũng biết, chẳng học cũng biết. Tánh là cùng một tánh. Tướng là thiên sai vạn biệt, nhưng tánh là một. Vì thế, học Phật giống như nhan đề bộ kinh này rất hay, hoàn toàn viết ra nhân quả của sự minh tâm kiến tính.

Nhân là gì? Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Bất luận tu học pháp môn nào, 84.000 pháp môn, Hiển giáo, Mật giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, tu gì? Tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác.

84.000 pháp môn, *"pháp"* là phương pháp, tu phương pháp thanh tịnh, bình đẳng, giác. *"Môn"* là môn đạo (đường lối), môn kính (đường nẻo), phương pháp tu hành, đường lối vô lượng vô biên. Trong *Tứ Hoằng Thệ Nguyện* có nói: *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học"*, đúng là chẳng giả tí nào!

Thưa chư vị, trong kinh *Bát Nhã*, đức Phật đã nói: *"Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp"*, bất luận một môn nào! Vì sao? Đều do tự tính hiện, tâm sinh, tâm hiện, đều do thức biến; vì vậy, chúng bình đẳng. Nói cách khác, bất luận một môn nào, quý vị chỉ tìm được năng sinh, năng hiện, năng biến của nó, chẳng phải là quý vị thành Phật ư? Từ hết thảy các pháp tướng, chúng ta thấy chúng là sở sinh, sở hiện, sở biến, quý vị tìm được cội nguồn của chúng, chúng do đâu mà có, tìm được cái năng sinh, năng hiện, năng biến rồi, năng biến là A Lại Da, năng sinh, năng hiện là tự tính, chẳng phải là đã kiến tính ư? Đó là nội học. Tìm bên ngoài sẽ vĩnh viễn chẳng tìm được, đức Phật gọi kẻ tìm bên ngoài là ngoại đạo, phương hướng sai lầm.

Hãy hướng vào trong mà tìm, tìm bên ngoài sẽ vĩnh viễn chẳng tìm được. Vì thế, người hễ quay đầu, căn tánh bèn nhạy bén, người xưa nói đó là trí tuệ thượng thượng, là chủng tính Ba La Mật Đa.

Thứ hai, *"Đắc Vô học quả vị"*. Quả Vô học là A La Hán. Ở đây, kinh nói là *"Đại A La Hán"*, quả Vô học này chẳng phải là

Tiểu thừa A La Hán, mà là Đại A La Hán. Đại A La Hán là ai? Thập Địa Bồ tát! Trong Đại thừa, Thập Địa Bồ tát được gọi là Vô học. Trong Tiểu thừa A La Hán là Vô học. Thập Địa Bồ tát thù thắng lắm!

Loại thứ ba: *"Đắc tiểu quả dĩ, xu đại Bồ đề"* (Đã đắc tiểu quả, tiến lên đại Bồ đề) cũng đúng! *"Tiểu quả"* là Tiểu thừa A La Hán hoặc Bích Chi Phật, chứng đắc quả vị này, hồi Tiểu hướng Đại, nên biến thành đại tỳ-kheo. *Phật Địa Luận* giảng 3 ý nghĩa ấy. *"Dĩ thượng tam nghĩa, cố danh viết Đại"* (Do 3 nghĩa trên đây nên gọi là Đại).

"Hựu Gia Tường sư vị Đại hữu tam nghĩa" (Ngài Gia Tường lại bảo: "Đại có 3 nghĩa"). Bản chú giải kinh này của Ngài Gia Tường là *Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*. Khi giải thích chữ Đại, Ngài đã dùng 3 ý nghĩa sau đây: *"Nhất sinh đại giải, nhị phá đại ác, tam chứng đại quả"* (Một là sinh sự hiểu biết lớn lao, hai là phá ác lớn, ba là chứng đại quả). *"Sinh đại giải"* là trí tuệ. *"Phá đại ác"* là buông đại ác xuống. Đại ác là gì? Tham, sân, si, mạn, triệt để buông xuống. "*Chứng đại quả"*, nói theo cách thông thường, đại quả là Pháp thân đại sĩ, vượt thoát mười pháp giới; nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống, đoạn hết.

"Do thượng khả kiến đại tỳ-kheo giả nãi đức cao vọng trọng, hồi Tiểu hướng Đại chi tỳ-kheo, nãi tỳ-kheo chúng trung chi tôn túc" (Do những điều trên, ta thấy đại tỳ-kheo

là bậc tỳ-kheo đức cao trọng vọng, từ Tiểu thừa hướng đến Đại thừa, là bậc tôn túc trong các tỳ-kheo), người xưa gọi các vị ấy là *"trưởng lão"*.

Kinh nói rõ, một vạn hai ngàn người tham gia pháp hội này. *"Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu"* (Và các đại tỳ-kheo một vạn hai người cùng nhóm họp), nay những người đến tham gia pháp hội *Vô Lượng Thọ Kinh* chẳng phải là người thường. Kinh Phật gọi họ là bậc đại quyền thị hiện. *"Đại"* là chư Phật Như Lai, Pháp thân đại sĩ đến giúp đỡ Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa chúng sinh, thị hiện đủ mọi cách. Đấy là *"Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ"*, đấy là nói về Đa (nhiều), chẳng phải chỉ có 1.000! Chư Phật, Pháp thân đại sĩ, có vị thị hiện làm đệ tử Phật, xuất gia hay tại gia, có những vị thị hiện làm hộ pháp của đức Phật. Còn có những vị thị hiện làm nhân vật phản diện đến chướng ngại Phật pháp, đến gây rối Phật Thích Ca Mâu Ni, họ chẳng phải là phàm nhân.

Đề Bà Đạt Đa cũng là cổ Phật tái lai, đến thị hiện, Lục Quần tỳ-kheo cũng thế. Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, quý vị đọc 53 lần tham học của Thiện Tài sẽ thấy có ý vị, bèn hiểu: Đều là chư Phật Như Lai thị hiện đủ mọi lẽ nhằm thành tựu một người tu hành. Nếu người tu hành thật sự hiểu, phải bao lâu mới thành Phật? Một đời! Đấy là kẻ bình phàm, chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Bậc thượng thượng căn thành Phật trong một niệm. Phàm nhân thành

Phật, chắc chắn có thể làm được trong một đời. Quý vị thật sự có thể lý giải, thật sự hạ quyết tâm buông xuống. Trước hết, hãy bắt đầu từ tự tư, tự lợi, từ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn. Thực hiện từ những điều này, không ngừng tiến lên. Tập khí phiền não rất nặng, thật đấy, chẳng giả đâu! Sức dụ dỗ, mê hoặc của ngoại duyên quá lớn. Đấy đều là chân tướng sự thật. Nếu chúng ta chẳng kiên trì, chẳng thể chịu khổ, chẳng thể nhẫn nhục, sẽ chẳng có một tí biện pháp nào. Làm sao để có thể giúp đỡ chúng ta? Đọc kinh, nghe giáo là phương pháp tốt nhất.

Cả đời này, tôi học Phật 59 năm, giảng kinh 52 năm, chẳng bị thế tục cảm nhiễm. Do đâu mà đắc lực? Đắc lực do giảng kinh, và đọc kinh mỗi ngày. Mỗi ngày, chẳng rời khỏi kinh giáo, chẳng tách rời kinh giáo, chẳng lìa khỏi Phật, Bồ tát. Mỗi ngày giảng kinh có nhiều thính chúng như vậy, thính chúng đều là Phật, Bồ tát, đều là thiện tri thức của tôi. Họ đến đốc thúc tôi, mỗi ngày đều muốn nghe, nên tôi phải học mỗi ngày.

Tôi chẳng học, lấy gì để giảng cho họ nghe? Họ đốc thúc tôi. Trong tâm mục của tôi, họ chẳng phải là thính chúng, mà là giám học, đều là thầy của tôi, thị hiện mọi lẽ. Học trò là ai? Chính tôi là học trò. Giống như Thiện Tài đồng tử, chính mình là học trò; trừ chính mình ra, hết thảy đều là chư Phật, Bồ tát, thị hiện đủ mọi cách, thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, đến thành tựu, giúp đỡ tôi. Vì thế, Thiện

Tài thành Phật trong một đời. Nếu tôi tự cho mình là đúng, tôi là thầy, là pháp sư, các vị đều là học trò, là đồ chúng của tôi, thưa quý vị, tôi không chỉ chẳng thể thành tựu, sợ rằng còn phải đọa lạc. Vì sao? Có những ý niệm ấy, chắc chắn sẽ nảy sinh tham, sân, si, mạn, tức ngạo mạn, chắc chắn tạo tội nghiệp. Một vạn hai ngàn người thị hiện, 53 lần tham học của Thiện Tài đồng tử chẳng phải là uổng công ư? Có mấy ai hiểu được, nhìn ra, thấy được đường nẻo này, thật sự đúng lý, đúng pháp, y giáo tu hành.

Tiếp đó nói: *"Vạn nhị thiên nhân câu"* (Một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp). Tham gia pháp hội lần này là một vạn hai ngàn người. *"Tiêu tỳ-kheo chi nhân số"* (Nêu ra số lượng các tỳ-kheo). Chúng ta cần phải biết điều này. Vì sao? Tham gia pháp hội, ngoài các tỳ-kheo còn có rất nhiều người, có thể thấy pháp hội này thù thắng.

"Hội Sớ viết: Chư kinh đa tiêu thiên nhị bách ngũ thập nhân, kim kinh dữ Pháp Hoa tiêu vạn nhị thiên nhân, cái thị xuất thế bổn hoài, nhất đại thắng hội, cố thập phương đại đức giai vân tập hồ" (Bộ *Hội Sớ* viết: "Các kinh thường nêu 1.250 người. Kinh này và kinh *Pháp Hoa* lại nói một vạn hai ngàn người. Đó là do bổn hoài xuất thế, là pháp hội thù thắng trong cả một đời, nên mười phương đại đức đều như mây nhóm đến đó chăng?"). *"Hồ"* (乎) là đánh dấu hỏi, là một nghi vấn, nhằm nói rõ điều gì? Hội này chẳng phải là pháp hội tầm thường, mà là một pháp hội thù thắng khôn sánh.

Đức Phật giảng kinh *Pháp Hoa*, tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị; giảng bộ kinh này cũng là một vạn hai ngàn người, có nghĩa là giáo nghĩa kinh này và kinh *Pháp Hoa* ngang nhau, bình đẳng. Kinh *Pháp Hoa* là Nhất thừa Viên giáo. Từ xưa, các tổ sư phán giáo, phán định Đại thừa, Tiểu thừa. Ngoài Tiểu thừa và Đại thừa còn có Nhất thừa. Đại thừa là Bồ tát, Tiểu thừa là Thanh Văn, Nhất thừa là Phật. Pháp hội này giảng gì? Giảng pháp môn thành Phật, đó là Nhất thừa. Nếu tiêu chuẩn tối cao trong một pháp môn là giảng cách tu thành Bồ tát, đấy là Đại thừa; nếu chỉ giảng phương pháp thành A La Hán, thành Bích Chi Phật, đó là Tiểu thừa.

Tổ sư đại đức thường nói về kinh *Pháp Hoa* như sau: *"Thành Phật Pháp Hoa, khai trí tuệ Lăng Nghiêm".* Kinh *Lăng Nghiêm* khai trí tuệ. Kinh *Pháp Hoa* thành Phật. Bộ kinh này thì sao? Kinh này thành Phật! Kinh *Hoa Nghiêm* cũng là thành Phật. Kinh *Hoa Nghiêm* thành Phật như thế nào? Đến cuối cùng mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ tát dẫn về Cực Lạc. Kinh *Pháp Hoa* cũng không ngoại lệ. Phàm là kinh Nhất thừa thành Phật đều dính líu đến kinh *Vô Lượng Thọ*.

Trong lời tựa cho bản hội tập, lão cư sĩ Mai Quang Hy đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Vì thế, chuyện được ghi chép bởi câu này có ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu. Chúng ta vừa nhìn liền hiểu tầm trọng yếu của bộ kinh này. Thuở trước, vào thời Đông Tấn, Huệ Viễn Đại sư lập Niệm Phật

Đường tại Lô Sơn. Thuở ấy, Ngài đã căn cứ trên kinh *Vô Lượng Thọ*.

Chúng ta không biết Huệ Viễn Đại sư đã dựa theo bản dịch nào, nhưng trong mục lục, chúng ta thấy có ghi bản dịch của An Thế Cao, nên chúng ta có lý do để tin tưởng: Huệ Viễn Đại sư phải dùng bản dịch của Ngài An Thế Cao, đáng tiếc là bản ấy đã thất truyền. Trong các vị đại sư phiên dịch trải các đời, An Thế Cao và Cưu Ma La Thập là 2 vị đại sư phiên dịch được người Trung Quốc thích đọc nhất. Họ dịch theo lối dịch ý, chẳng phải là trực dịch. Nay, chúng ta thấy bản dịch của 2 vị đại đức ấy trong *Đại Tạng Kinh* đều vô cùng hoan hỷ. Do Đông Tấn vẫn còn rất gần với thời đại của Ngài An Thế Cao, chúng tôi có lý do để tin tưởng: Vào thuở ấy, Viễn Công Đại sư phải có được bản dịch ấy.

"Thượng thuyết thậm thị" (Thuyết trên đây thật đúng), tức là cụ Hoàng Niệm Tổ nhận định sách *Hội Sớ* nói rất có lý.

"Hội chúng chi thịnh, chính biểu Thế Tôn thuyết pháp chi thắng dã" (Đại chúng tham dự pháp hội đông đảo, biểu thị đức Thế Tôn thuyết pháp thù thắng). Kinh *Vô Lượng Thọ* giảng pháp thù thắng khôn sánh. *"Hựu Câu giả, cộng tập chi nghĩa"* (Lại nữa, Câu có nghĩa là cùng nhóm họp lại). *"Câu"* (俱) là mọi người cùng nhau học tập, cùng nhau đề xướng, cùng nhau hoằng dương, cùng nhau phổ độ hết thảy đại chúng. "Câu" có ý nghĩa này.

2 câu kế tiếp đó: *"Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Thượng nhị cú, tán chư đại tỳ-kheo chi đức"* (Câu "Hết thảy đại thánh thần thông đã đạt" khen ngợi đức của các đại tỳ-kheo). Đây là tán thán. 2 câu này là tổng tán. Đến phần sau, chúng ta sẽ thấy lời biệt tán, tán thán rất nhiều. Tán thán phẩm đức của các vị đại tỳ-kheo, trong ấy chứa đựng ý nghĩa rất sâu, những đức năng của các vị đại tỳ-kheo chính là đức năng vốn sẵn đủ trong tự tính của chúng ta.

Quý vị thấy những đức năng ấy trong tự tính thảy đều có, chỉ là hiện tại bị mê mất. Đọc xong sẽ có ý niệm: Chúng ta phải tìm lại Tính đức, quá tốt đẹp! Tìm như thế nào? Buông tập khí phiền não xuống, Tính đức sẽ trở lại. Chúng ta có thể buông xuống một phần, Tính đức sẽ hiển lộ một phần. Có thể buông xuống hai phần, Tính đức sẽ hiển lộ hai phần. Không nhất định phải buông xuống viên mãn. Nhưng nếu chúng ta buông xuống viên mãn sẽ thành Phật, viên mãn hiện tiền. Chỉ cần thật sự làm, quý vị sẽ có lòng tin tràn trề, sẽ ngập tràn pháp hỷ. Trong Phật môn thường nói là *"Phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng"*. Phiền não mỗi ngày nhẹ dần, trí tuệ mỗi ngày tăng thêm. Phiền não mỗi năm giảm dần, trí tuệ mỗi năm tăng trưởng. Phiền não mỗi tháng giảm nhẹ, trí tuệ mỗi tháng tăng trưởng. Tới lúc mỗi tháng phiền não nhẹ dần, trí tuệ tăng dần, quý vị sẽ pháp hỷ sung mãn; mỗi ngày đều tăng trưởng, gần như quý vị sẽ nhanh chóng thành Phật, cách Vô Thượng Bồ Đề chẳng xa!

"Nhất thiết, nãi cai la sự vật chi xưng" ("Nhất thiết" là tiếng để gọi chung tất cả sự vật), tức là bao gồm hết thảy. "*Hựu nhất thiết, phổ dã. Nhất thiết đại thánh, tán thán chi từ*" ("Nhất thiết" còn có nghĩa là khắp cả. "Nhất thiết đại thánh" là lời khen ngợi). Trong *Gia Tường Sớ* có giải thích: "*Du tâm Không lý; ẩn, hiển nan trắc, cố xưng thánh nhân"* (Tâm dạo nơi lý Không; ẩn, hiển khó lường, nên gọi là thánh nhân"). Ý nghĩa này dễ hiểu.

Thấy thánh nhân dụng tâm khác với chúng ta, tâm chúng ta trái nghịch tâm họ. Tâm chúng ta chẳng Không, trong ấy có quá nhiều thứ tạp nhạp. Tâm chúng ta trái nghịch lý (lý là tự tính). Tự tính đúng là thứ gì cũng chẳng có, nó là Không, là Lý Thể để vạn sự vạn pháp nương vào. Vạn sự vạn pháp trong vũ trụ do đâu mà có? Những đạo lý, năng sinh, năng hiện, năng biến. Lý Thể là tự tính, mười pháp giới đều bao gồm trong ấy. Thức biến, mười pháp giới là thức biến. Tự tính chẳng phải là vật chất, cũng chẳng phải là tinh thần. Nó có thể hiện vật chất, mà cũng có thể hiện tinh thần. Khi nó hiện, tức là Hiển. Hiển là hiện. Khi chẳng hiện thì gọi là Ẩn. Khi Huệ Năng Đại sư khai ngộ đã nói: *"Nào ngờ tự tính, vốn tự trọn đủ"*, đó là Ẩn, chẳng hiện. Vốn tự trọn đủ, tuy cái gì cũng chẳng phải là nó, nhưng nó có thể hiện bất cứ điều gì. Câu cuối cùng là *"Có thể sinh ra vạn pháp"*, đó là Hiển.

Tổ nói 5 câu thì câu thứ 3 là Ẩn, câu cuối cùng là Hiển, đều chẳng thể nghĩ bàn. Câu *"Chẳng thể nghĩ bàn"* này có ý

nghĩa vô cùng sâu, quý vị chẳng cần phải suy tưởng, chẳng cần phải thảo luận. Vì sao? Hễ suy tưởng, thì toàn bộ đã trật rồi! Quý vị thảo luận cũng sai luôn! Đừng suy tưởng, đừng thảo luận, chân tướng sẽ hiện tiền, quý vị thấy toàn bộ. Quý vị tư duy nó thì toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ hiện tiền.

Cớ sao mê? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bèn mê. Mê thì chẳng thể giác ngộ. Mê chỉ có càng mê hơn, càng mê càng sâu! Đức Phật dạy chúng ta buông xuống là được, đừng quan tâm tới nó, chỉ buông xuống. Buông chấp trước xuống bèn thành A La Hán, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Buông phân biệt xuống, bởi phân biệt là Trần Sa phiền não. Buông phân biệt xuống là Bồ tát. Buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị bèn thành Phật. Trong hội Hoa Nghiêm, những vị ấy được gọi là Pháp thân đại sĩ.

Tu hành trong Phật pháp, ngàn lời, vạn câu đều là một câu, đều khuyên quý vị hãy buông xuống, phải giữ cho thân tâm thanh tịnh. Quan trọng nhất là tâm. Tâm thanh tịnh, thân sẽ thanh tịnh. Vì sao? Thân là một hiện tượng vật chất gần gũi chúng ta nhất, là cảnh giới, là tướng cảnh giới. Cảnh chuyển theo tâm. Tâm là ý niệm. Ý niệm là Mạt Na thức và thức thứ 6, tức Ý thức. Thức thứ 6 (Ý thức) phân biệt; thức thứ 7 chấp trước. Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chuyển thức thứ 7 thành Bình đẳng tánh trí; chuyển thức thứ 6 thành Diệu quán sát trí.

2 thứ này vừa chuyển, A Lại Da và 5 thức trước cũng chuyển theo. 8 thức chuyển có trước sau, thức thứ 6 và thứ 7 chuyển trước, chuyển biến nơi nhân. 5 thức trước và thức thứ 8 chuyển nơi quả. Quý vị thấy cảnh chuyển theo tâm. Có thể chuyển cảnh giới, thì tu hành mới có công phu, mới thật sự biết tu. Chẳng chuyển được cảnh giới, quý vị tu uổng công. Nói "tu uổng công" thì vẫn là ca ngợi quý vị, chứ về căn bản, quý vị chẳng tu! Những sự lý, nhân duyên như vậy, nhất định phải đọc nhiều kinh luận Đại thừa mới hiểu được.

Đọc kinh cũng có bí quyết mầu nhiệm, hễ hiểu sẽ có thụ dụng, lại còn rất nhanh chóng. Chẳng hiểu, sẽ khó khăn. Hiểu là gì? Thâm nhập một môn, huân tu dài lâu, đắc Tam-Muội ngay trong môn ấy. Tam-Muội là định, tâm thanh tịnh hiện tiền. Vì mỗi ngày quý vị nghĩ đến nó, chẳng có hơi sức đâu để nghĩ đến điều gì khác. Toàn bộ những thứ tạp nhạp trong thế gian đều buông xuống, trong tâm chỉ giữ một thứ là Đại thừa *Vô Lượng Thọ Kinh*, chỉ một thứ ấy. Giữ lâu ngày, tập khí phiền não tự nhiên đoạn hết. Đoạn phiền não, Tam-Muội hiện tiền, sau một thời gian lâu dài, quý vị sẽ đại triệt đại ngộ, khai ngộ kinh *Vô Lượng Thọ*. Một ngộ, hết thảy ngộ; không chỉ đối với hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong 49 năm, mà vô lượng đại pháp do mười phương ba đời hết thảy Như Lai đã giảng, quý vị đều thông suốt toàn bộ. Vì sao? Chẳng lìa tự tính.

Quý vị đã tìm được năng sinh, năng hiện, năng biến, đối với sở sinh, sở hiện, sở biến, không gì chẳng thông đạt, hiểu rõ toàn bộ. Tin tức này tốt đẹp, rất khó gặp gỡ, chúng ta đã gặp, phải tin tưởng. Hễ tin tưởng, quý vị bèn có phúc. Vì sao? Tin tưởng thì quý vị sẽ thật sự muốn học, đúng như pháp tu hành, nên thật sự đạt được lợi ích. Nếu quý vị không tin, sẽ chẳng phát khởi ý nguyện học tập; nói theo nhà Phật là "chẳng phát tâm Bồ đề". Bởi lẽ, đối với tín, giải, hành, chứng, chẳng thể lý giải thấu triệt giáo huấn của Phật, Bồ tát, thì quý vị tu tập bằng cách nào?

Quý vị tu học toàn là sai lầm, dẫu dụng công, dù nỗ lực, vẫn chẳng đạt được hiệu quả, cuối cùng mất lòng tin đối với Phật pháp! Nếu bị mất lòng tin, nảy sinh hoài nghi, lại hủy báng Phật pháp, tạo nghiệp quá nặng, chẳng bằng không học. Đồng tu học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, chớ nên không biết điều này!

Thật sự muốn học, thì vun bồi cội rễ giáo dục quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Quý vị không có cội rễ, dẫu nỗ lực cũng uổng công. Giống như trồng cây, thiếu rễ, quý vị trồng cách nào nó cũng chẳng sống được! Rễ quan trọng! Vào thời cổ, người học Phật có 4 cội rễ; vì thế, đời nào cũng đều có người chứng quả, khai ngộ, đắc định rất nhiều. Đắc định là đắc tâm thanh tịnh. Khai ngộ, chứng quả, tâm bình đẳng, tâm chính giác đều hiện tiền. Chính giác là chứng quả. Kể từ giữa đời Đường trở đi, Trung Quốc không còn vun bồi

cội rễ Tiểu thừa. Xưa kia, Tiểu thừa có Thành Thật tông và Câu Xá tông.

Từ giữa đời Đường trở đi, tổ sư đại đức đề xướng dùng Nho, dùng Đạo thay thế Tiểu thừa; vì thế, Nho, Thích, Đạo biến thành một nhà. Ngày nay, chúng ta phải vun bồi căn cội, hãy hành theo giáo huấn của thánh hiền, vì hơn 1.700 năm qua, người thành tựu rất nhiều.

Chúng ta dùng *Đệ Tử Quy* của Nho gia, *Thái Thượng Cảm Ứng Thiên* của Đạo gia, dùng *Thập Thiện Nghiệp Đạo* của Phật pháp, đấy là 3 cội rễ, người xuất gia còn có một thứ nữa là *Sa Di Luật Nghi*, đủ 4 căn cội này, quý vị mới thành tựu thù thắng.

Hiện thời, chúng ta không thể thực hiện câu *"Du tâm Không lý"* trong *Gia Tường Sớ*, nhưng Pháp thân Bồ tát thật sự có thể làm được câu ấy. Hiện thời, chúng ta có thể *"Du tâm Di Đà"* đã tuyệt lắm rồi. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều không có. Cuộc sống, công việc hằng ngày, đãi người, tiếp vật hoàn toàn tuân thủ theo giáo huấn của 3 cội rễ, hoặc 4 cội rễ, sẽ là thánh nhân trong thời hiện đại, đương nhiên Phật pháp sẽ hưng vượng. Phật giáo hưng vượng phải nhờ vào các đệ tử nghiêm túc nỗ lực học tập, khiến cho đại chúng bình phàm trong xã hội chẳng đến nỗi hiểu lầm Phật giáo, tự nhiên tôn trọng, ủng hộ quý vị, hướng theo quý vị học tập.

"Hội Sớ viết: Sơ Quả dĩ thượng, tất danh thánh giả. Dĩ cứu đại A La Hán, cố danh Đại Thánh" (Sách *Hội Sớ* giảng: "Từ Sơ Quả trở lên đều gọi là Thánh. Đã cùng tột quả Đại A La Hán thì gọi là Đại Thánh"). Sách *Hội Sớ* giảng theo lối thông thường. Sơ Quả Tu Đà Hoàn là thánh nhân, là vị tiểu thánh. Vì sao? Ngài có thể đoạn hết 88 phẩm Kiến hoặc trong tam giới, chứng quả Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa. Nếu là Đại thừa, nói theo kinh *Hoa Nghiêm*, người chứng đắc địa vị Sơ Tín trong các địa vị thuộc Thập Tín Bồ tát là nhập môn. Vì vậy, đối với chuyện nhập môn, tiêu chuẩn như tôi đã nói vẫn chưa được.

Tôi thưa cùng quý vị, tiêu chuẩn như tôi đã nói chỉ đưa đến cửa ngõ, hết sức gần gũi, cũng có nghĩa là quý vị thật sự buông tự tư, tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục, lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, quý vị sẽ ở trước cửa ngõ. Muốn vào cửa, nhất định phải đoạn sạch Thân kiến, Biên kiến, Kiến thủ kiến, Giới thủ kiến, Tà kiến. Đoạn hết 5 thứ kiến giải sai lầm ấy, quý vị sẽ chứng đắc Tiểu thừa Sơ Quả. Nếu học Đại thừa, sẽ là Sơ Tín vị Bồ tát, là thánh nhân, thật sự là thánh nhân. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, còn ở trong lục đạo, nhưng chắc chắn chẳng đọa tam ác đạo. Lại còn 7 lần sinh trong cõi Trời hay trong cõi Nhân gian. Luôn tu học, tối đa là 7 lần, quý vị chắc chắn chứng quả A La Hán.

Trong Đại thừa, tái sinh 7 lần, chứng đắc Đệ Thất Tín trong Thập Tín vị, bèn vượt thoát lục đạo. Thất Tín, Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín thuộc vào Tứ thánh pháp giới. Thất Tín là Thanh Văn pháp giới, Bát Tín là Duyên Giác, Cửu Tín là Bồ tát, cao nhất là Phật, lại vượt thoát mười pháp giới, vượt thoát mười pháp giới là đại thánh.

Những địa vị ấy (địa vị thấp hơn Sơ Trụ) đều chẳng thể coi là đại thánh, chỉ được coi là thánh nhân. Vượt thoát mười pháp giới, từ Sơ Trụ của Viên giáo trở lên, là Pháp thân đại sĩ. Trụ tại nơi đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Trên thực tế, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình. Tới khi đó, quý vị mới thật sự hiểu rõ: *"Tự tính Như Lai, duy tâm Tịnh Độ"*. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự tâm hiện, tự tính biến, chẳng phải là bên ngoài. Đó là quê nhà của quý vị, là nơi chốn quý vị vốn sẵn có. Vì thế, trở về cõi Thật Báo của A Di Đà Phật là quay về nhà, đâu có gì khó khăn!

Thật sự học Phật, quý vị chẳng thể không nhận biết Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng thể không liễu giải Phật Thích Ca Mâu Ni. Quý vị học tập giống như Ngài, có lẽ nào chẳng thành Phật trong một đời! Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, Ngài thật sự buông xuống, thứ gì cũng đều không có. Ngài sống cuộc đời đơn giản nhất, ba y một bát, đó là tài

sản của Ngài. Toàn bộ tài sản là ba y một bát, đều mang theo thân. Thật vậy! Nếu nói theo phía tục nhân chúng ta, cái gì trên thân quý vị sẽ là của chính quý vị, chẳng ở trên thân sẽ chẳng phải là của chính mình. Tối thiểu là có quan niệm ấy! Trên thân quý vị có tiền, trong bóp có bao nhiêu tiền, đó là của chính mình, còn tiền cất trong ngân hàng chẳng phải là của quý vị.

Căn nhà quý vị đang ở trong ấy, sống trong ấy, nó là của quý vị. Sau khi quý vị bước ra khỏi cửa, căn nhà ấy chẳng phải là của quý vị. Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị có thể quán như thế, sẽ gần gũi Phật pháp, tham, sân, si dần dần bị hóa giải, đó là chân tướng sự thật, chớ nên không hiểu rõ. Quý vị thấy bà Lưu Tố Vân giảng về *"trượng phu"* rất khéo. Trượng phu là gì? Trong vòng một trượng thì là chồng mình, ngoài một trượng bèn chẳng phải. Tôi nói với mọi người chuyện sít sao nhất, cái gì quý vị có trên thân là của quý vị, cái gì chẳng ở trên thân thì chẳng phải là của quý vị. Tâm khai ý giải, mảy may vướng mắc cũng không có.

Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời nêu gương cho chúng ta. Vì thế, chúng ta phải học theo Ngài, học giống như Ngài. Ngài suốt đời theo đuổi sự nghiệp gì? Giáo học. Kể từ ngày khai ngộ lúc 30 tuổi bèn bắt đầu giáo học, tới 79 tuổi viên tịch, dạy suốt 49 năm chẳng gián đoạn, chẳng thiếu một buổi học nào, là một vị thầy hết sức tận tụy. Ngài mang

thân phận là một vị thầy chuyên nghiệp, thưa quý vị, chẳng hề dính dáng gì đến tôn giáo.

Ngày nay, hễ nhắc tới Phật giáo, hết thảy mọi người đều nghĩ Phật giáo là tôn giáo, chúng ta chẳng xứng đáng, đã "đày" Phật Thích Ca Mâu Ni vào trong tôn giáo. Vì thế, tôi nói tứ chúng đệ tử chúng ta đều phạm tội lỗi, thầy cả đời dạy học, sao lại bị tống vào tôn giáo, lẽ nào lại như vậy? Phật pháp truyền tới Trung Quốc, chúng ta đọc lịch sử, kể từ lúc truyền vào cho tới thời đầu nhà Thanh, trải các triều Khang Hy, Ung Chính, Càn Long cho tới Gia Khánh, Phật pháp vẫn là dạy học.

Trong lịch sử Trung Quốc, Phật giáo biến thành tôn giáo chưa đầy 300 năm, đấy là chuyện trong thời gần đây. Trước đó, tự viện, am đường là trường học. Bao nhiêu người thành danh trong lịch sử học hành ở chỗ nào? Học từ trong chùa chiền! Chùa chiền là trường học, người đọc sách có thể sống trong chùa. Chùa chiền rất từ bi, có thể tiếp đãi người ấy. Trong chùa chiền, người xuất gia đều là thầy tốt, có năng lực dạy bảo quý vị. Trước đây, người đi thi Cử nhân, hay thi Tiến sĩ, đến đâu để học? Đều là đến chùa chiền.

Chùa chiền có kinh sách. Không chỉ là kinh Phật, Tàng kinh lâu (lầu chứa kinh) là thư viện, trong ấy thứ gì cũng có. Không thiếu thầy giáo, học trò bất luận có vấn đề gì,

tìm người xuất gia. Người xuất gia đều có thể dạy quý vị. Vì thế, người có tiền sống trong chùa, bỏ ra một ít tiền ăn ở; người không có tiền, chùa chiền vẫn chiếu cố quý vị.

Quý vị thấy Phạm Trọng Yêm cả đời đọc sách trong chùa, nhà rất nghèo túng, vì thế, sống trong chùa tự lo liệu ăn uống. Mỗi ngày, ông ta nấu một nồi cháo, nấu đặc một chút, chia thành 4 phần, để sống hết ngày. Học hành tốt đẹp, quý vị thấy về sau ông ta thi đỗ, công danh thành tựu, xuất tướng nhập tướng[33], cảm niệm nhà chùa đã thành tựu cho ông ta. Nếu không, ông ta đến đâu để học hành? Vì thế, thời cổ, chùa chiền có cống hiến vô cùng to lớn đối với xã hội, thay quốc gia đào tạo bao nhiêu nhân tài.

Chúng ta chớ nên không thông hiểu những chuyện lịch sử này! Trước đây, chùa chiền là trường học, chẳng có kinh sám Phật sự. Danh xưng của chấp sự trong chùa chiền cho đến nay vẫn giữ nguyên, nhưng đã biến chất. Trụ trì, Phương trượng của tự viện là chức vị gì? Hiệu trưởng. Thủ tọa Hòa thượng là Giáo vụ trưởng, Duy Na là Huấn đạo trưởng, Giám viện là Tổng vụ trưởng.

Quý vị thấy có giống như phân công trong nhà trường hiện thời hay không? Trong một ngôi chùa, có vài vị Thủ tọa Hòa thượng, chẳng phải là một, chia thành các giảng

[33] Xuất tướng nhập tướng (出將入相): Ra ngoài là một vị tướng cầm quân, về triều là người đứng đầu trăm quan. Chữ Tướng (將) thứ nhất là tướng quân, chữ Tướng (相) thứ hai là Thừa tướng hoặc Tể tướng. Về sau, đến đời nhà Thanh, các vị quan được phong làm Đại Học Sĩ, hoặc tuyển vào Bí Thư Các cũng gọi "bái tướng", vì được trực tiếp bàn định triều chính, xử lý chính sự hằng ngày nên rất có thế lực.

tòa giảng kinh. Điện đường là phòng học, pháp sư giảng kinh rất nhiều, chẳng phải là một, giống như trường học, chia thành lớp, nhưng trong mỗi lớp đều là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Giảng đường này giảng kinh *Hoa Nghiêm*, giảng đường kia giảng kinh *Pháp Hoa*, giảng đường khác giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, quý vị muốn học gì bèn vào giảng đường đó.

Quý vị chỉ có thể học một môn, chẳng thể học hai môn. Vì thế, trước đây nói là "đến tự viện, viết thảo kinh đơn", tức là đến nơi ấy ghi danh xin học một bộ kinh nào đó, giảng đường giảng bộ kinh ấy sẽ cho quý vị một chỗ ngồi; ký túc xá cho quý vị một cái giường, để quý vị có thể an tâm học tập ở nơi đó. Kỳ hạn là một bộ kinh, quý vị học xong một bộ kinh có thể rời khỏi.

Nếu muốn học thêm một bộ nữa, lại ghi danh tiếp, học tiếp một bộ, nhưng thông thường, một bộ kinh phải giảng mấy tháng. Kinh dài phải mất một hai năm. Nhà chùa đúng là một trường học, cớ sao biến thành tình trạng như hiện thời? Thuở ấy, tôi học Phật cũng cảm thấy rất kỳ quái, bèn hỏi lão hòa thượng.

Lúc đó, tôi theo Lão hòa thượng Đạo An ở Đài Loan, Ngài rất quan tâm đến tôi. Tuổi Ngài cũng đã rất cao. Tôi thỉnh giáo Ngài, tôi nói kinh sám Phật sự vì sao mà có? Do ai làm? Ngài suy nghĩ, rồi nói: "Rất có thể là do Đường

Minh Hoàng[34] làm". Ngài cũng có căn cứ, vì thời Đường Minh Hoàng gặp phải loạn An Sử, tức là An Lộc Sơn tạo phản, do Dương Quý Phi dẫn khởi. Cuộc bạo loạn ấy khiến cho nhà Đường gần mất ngôi, may mắn là được một nhóm người như Quách Tử Nghi dẹp yên cơn biến loạn ấy. Sau khi yên ổn, tại mỗi nơi chiến trường, Đường Minh Hoàng dựng một ngôi chùa, đặt tên là chùa Khai Nguyên, vì cuộc động loạn xảy ra trong niên hiệu Khai Nguyên. Mỗi địa phương dựng một ngôi Khai Nguyên Tự. Dựng chùa nhằm truy điệu quân dân tử nạn.

Đó là khởi đầu, mang tánh chất kỷ niệm giống như Trung Liệt Từ[35], thỉnh các vị xuất gia tụng kinh siêu độ, hồi hướng

---

[34] Đường Minh Hoàng (695-762) chính là Đường Huyền Tông, tên thật là Lý Long Cơ, con trai thứ 3 của Đường Duệ Tông (Lý Đán). Sử thường gọi là Minh Hoàng vì sau khi nhà vua mất, các văn quan xu phụ đã dâng một thụy hiệu dài dằng dặc là Chí Đạo Đại Thánh Đại Minh Hiếu Hoàng Đế. Lý Long Cơ anh tuấn, oai vệ, lắm tài nghệ, thuở trẻ là một vị vua rất tận tụy. Trước đó, khi Lý Trị (Đường Cao Tông, chồng Võ Tắc Thiên) chết, Võ Tắc Thiên đã đưa con trai là Lý Hiển lên ngôi làm vua bù nhìn, tức Đường Trung Tông, rồi lấy cớ phế vị vua này chỉ trong một tháng, đưa em trai của Lý Hiển là Lý Đán lên ngôi, tức Đường Duệ Tông.

Đường Duệ Tông làm vua được 6 năm, thì bị Võ Tắc Thiên ép phải nhường ngôi cho bà ta lên làm vua nhà Đại Châu. Lý Đán bị giáng xuống làm Thái tử và đổi tên thành Võ Luân. Trong giai đoạn ấy, Lý Long Cơ đã ngấm ngầm tuyển mộ dũng sĩ chờ thời. Khi Võ Tắc Thiên bị ép thoái vị, quần thần lại tôn Lý Hiển làm vua lần nữa. Vi hoàng hậu muốn trở thành Võ Tắc Thiên thứ hai, nên ngấm ngầm hạ độc Lý Hiển, lập Lý Trọng Mậu lên thay, tức Đường Thương Đế. Lý Long Cơ liền liên kết với Thái Bình công chúa (con gái Võ Tắc Thiên) đập tan âm mưu này, hạ ngục Vi Hậu, giáng Lý Trọng Mậu xuống làm Ôn Vương, đón cha là Lý Đán về làm vua như cũ. Nhà Đường đạt đến thời thịnh trị Khai Nguyên khi Lý Long Cơ làm vua.

Vua chỉnh lý hệ thống hành chính, trừ diệt tham quan, trọng dụng hiền tài, trừng trị quý tộc chiếm đoạt đất của dân lành. Về già, ông sủng ái Dương Quý Phi, bỏ mặc cho anh trai Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung lũng đoạn triều chính dẫn đến chuyện An Sử (An Lộc Sơn và Sử Tư Minh) làm loạn, đến nỗi vua tôi phải chạy vào đất Thục (Tứ Xuyên). Mãi cho đến khi Thái tử Lý Hanh được quần thần tôn lên ngôi hoàng đế ở Linh Châu, tức Đường Túc Tông, tập trung quân lực đập tan An Lộc Sơn mới đón Đường Minh Hoàng về lại Trường An, tôn Đường Minh Hoàng làm Thái Thượng Hoàng.

[35] Trung Liệt Từ là nơi thờ các vị anh hùng trung lương liệt sĩ, còn được gọi bằng các danh xưng như Trung Hồn Từ, Anh Liệt Từ, Anh Hồn Từ, Anh Linh Từ, Trung Liệt Miếu, Chiêu Trung Từ, Hiển Trung Từ. Một nơi nổi tiếng nhất chính là Pháp Nguyên Tự ở Bắc Kinh. Ngôi chùa này do Đường Thái Tông hạ chiếu xây dựng với danh xưng Mẫn Trung Tự nhằm kỷ niệm, truy điệu tướng sĩ trận vong trong cuộc Đông chinh Cao Ly, đến đời Thanh chùa được đổi tên thành Pháp Nguyên Tự.

cho họ. Quốc gia làm như vậy, nên trong dân gian, người già qua đời, cũng thỉnh pháp sư đến niệm kinh. Đương nhiên đó là ngẫu nhiên, có thể thỉnh pháp sư về nhà niệm kinh, nhất định đều là những vị quý nhân hay quan chức hiển đạt, chẳng phải là bình dân. Người xuất gia làm chuyện này là kèm thêm, thỉnh thoảng làm kèm thêm. Pháp sư Đạo An bảo tôi, có thể đó là khởi đầu, vì trước đó, chưa hề nghe nói tới chuyện tăng sĩ làm kinh sám Phật sự.

Tôi nghĩ: Thật sự biến thành tình hình như hiện tại là do Từ Hy. Từ Hy Thái Hậu tạo oan nghiệt. Dưới đời nhà Thanh trước kia, đế vương thường lễ thỉnh học giả Nho, Thích, Đạo giảng học trong hoàng cung. Hoàng thượng dẫn phi tần, văn võ bá quan đến nghe giảng, chế độ này mãi cho đến đời Hàm Phong (Hoàng đế Hàm Phong là chồng của Từ Hy Thái Hậu), vẫn còn gìn giữ. Giảng nghĩa trong cung đình, giảng nghĩa Nho, Thích, Đạo. Họ đặc biệt tôn trọng Phật pháp, nhưng giảng nghĩa Phật pháp không bảo lưu trong *Tứ Khố*, giảng nghĩa của Nho gia và Đạo gia đều có trong *Tứ Khố Toàn Thư*.

Đôi khi, tôi mở bộ *Tứ Khố* ra xem, coi cách giảng trong hoàng cung của người thuở trước rốt cuộc là như thế nào. Giảng *Tứ Thư* theo cách nào? Giảng *Ngũ Kinh* theo cách nào? Những bản giảng nghĩa ấy vẫn còn tồn tại, nhưng đối với Phật pháp, bèn đặc biệt biên tập một bộ *Đại Tạng Kinh*, gọi là *Càn Long Đại Tạng Kinh*, không xếp những bài giảng kinh Phật vào *Tứ Khố*, đó là đặc biệt tôn trọng Phật pháp.

Do lịch đại đế vương đều là đệ tử Tam Bảo, những vị đại đức thuộc hàng đức cao vọng trọng đều phong làm quốc sư. Triều đình nhà Thanh làm như vậy đó. Sau khi Hàm Phong qua đời[36], con còn rất nhỏ, con trai Từ Hy Thái Hậu làm tiểu hoàng đế, quyền lực triều chính lọt vào tay bà ta, thùy liêm thính chính[37].

Con trai bà ta có niên hiệu là Đồng Trị, tức là bà ta và con trai cùng trị vì quốc gia, phiền phức khá lớn. Bà ta tin tưởng quỷ thần, bãi bỏ chuyện thỉnh đại đức giảng học trong cung đình. Điều này có ảnh hưởng quá lớn đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc. Vì sao văn hóa truyền thống hiện thời suy vi đến nỗi này? Đầu sỏ là Từ Hy Thái Hậu, tin tưởng cầu cơ, chẳng tin kinh điển, cũng chẳng nghe lời, tin tưởng các vị cao tăng đại đức. Bà ta cầu cơ phù loan, kết quả là quốc gia

[36] Hàm Phong (1831-1861) là vua thứ 9 của nhà Thanh, tên thật là Ái Tân Giác La Dịch Trữ (Ai-sin-Gioro Iju), con thứ 4 của Đạo Quang, lên ngôi năm 19 tuổi. Triều đại của nhà vua bị lung lay bởi cuộc biến loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn khởi xướng, đồng thời miền Bắc Trung Hoa nổ ra cuộc biến loạn của Niệm Quân (một phong trào nông dân dấy loạn do Trương Lạc Hành lãnh đạo). Khi vừa dẹp yên 2 cuộc biến loạn này, chiến tranh Nha Phiến nổ ra, liên quân Anh - Pháp tấn công Thiên Tân, triều đình nhà Thanh phải bỏ chạy về hành cung ở Nhiệt Hà để lánh nạn. Vua chết tại hành cung Nhiệt Hà lúc 31 tuổi. Nói chung, nhà vua nhu nhược, thiếu quyết đoán và ham mê tửu sắc.

[37] Thùy liêm thính chính (buông rèm nghe việc triều chính): Khi vua còn quá nhỏ, thường mời Thái Hậu giúp việc cai trị. Do trong cổ lễ, phụ nữ không tiện lộ mặt trước nam giới nếu người ấy không phải là chồng, cha, anh, hay em trai ruột, nên triều thần thường kê ghế sau ngai vàng, căng rèm cho Thái Hậu ngồi. Trên thực tế, vua còn quá nhỏ nên Thái Hậu toàn quyền cai trị. Khi vua Hàm Phong chết, con là Đồng Trị (Ái Tân Giác La Tải Thuần, Dzai Šun) mới 5 tuổi.

Trước đó, Hàm Phong đã chỉ định 8 vị đại thần làm Cố Mạng Phụ Chính Đại Thần. Khi Hàm Phong chết, Tải Thuần được triều thần tôn lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Kỳ Tường, nhưng Từ An Thái Hậu (Nữu Hỗ Lộc Thị), Từ Hy Thái Hậu (Diệp Hách Na La Thị) và Cung Thân Vương (Dịch Hân) đã đảo chính (sử gọi sự kiện này là Tân Dậu Chính Biến), hạ bệ 8 vị đại thần, đoạt quyền phụ chính, đổi niên hiệu từ Kỳ Tường sang Đồng Trị. Theo các sử gia Trung Hoa, Đồng Trị có nghĩa là "đồng quy ư trị", hoặc "mẫu tử đồng trị thiên hạ". Tuy mang tiếng là vua, Đồng Trị chỉ là bù nhìn trong tay Từ Hy, đến năm 18 tuổi bèn chết. Tuy Từ An cũng mang tiếng cùng thùy liêm thính chính với Từ Hy, nhưng hầu như trên thực tế chẳng có quyền lực gì.

tiêu vong từ đó. Thuở tôi còn trẻ, Chương Gia Đại sư kể cho tôi nghe chuyện này.

Chương Gia đời trước[38] là quốc sư của Từ Hy Thái Hậu, toàn là hữu danh vô thực. Bà ta cũng chẳng hỏi ý Ngài. Trong quá khứ, hễ thật sự gặp đại sự nghi nan, đế vương bèn hỏi ý kiến các vị đại đức, tức các vị đại đức Nho, Thích, Đạo. Họ cũng giống như cố vấn của hoàng thượng. Từ Hy Thái Hậu rất tôn trọng họ, nhưng chẳng nghe lời, mà nghe theo quỷ thần. Vì vậy, Phật giáo Trung Quốc phải là hoàn toàn bị biến chất vào lúc ấy.

Hiện thời, tự viện, am đường Phật giáo nhìn không ra diện mục giáo học của Phật Thích Ca Mâu Ni, hoàn toàn chẳng nhìn thấy, Phật giáo bị biến thành mê tín. Hơn nữa, trong tôn giáo, Phật giáo lại là tôn giáo cấp thấp. Tôn giáo cao cấp chỉ có một thần, một vị chân thần, trong Phật giáo thờ Phật, Bồ tát quá nhiều, người ta nghĩ các Ngài đều là thần, nên gọi Phật giáo là phiếm thần giáo, hoặc đa thần giáo. Phiếm thần giáo, đa thần giáo là tôn giáo cấp thấp.

Tứ chúng đệ tử chúng ta ngày nay đều có nghĩa vụ giảng rõ ràng, rành rẽ chuyện này cho xã hội. Cả đời Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo dục, nói theo cách bây giờ là văn hóa xã hội

[38] Người Mãn Châu và Tây Tạng tin Chương Gia Đại sư là hóa thân của A La Hán Tôn Đạt, chuyển thế đến đời thứ 5 bèn giáng sinh ở tỉnh Thanh Hải (Trung Hoa), từ đời thứ 13 trở đi bèn có hiệu là Chương Gia Hoạt Phật (theo tên gọi của vùng ấy). Vì thế, Chương Gia Đại sư (thầy của lão pháp sư Tịnh Không) được coi là đời thứ 19, tuy Ngài chỉ là vị Chương Gia đời thứ 7. Chương Gia đời thứ 5 và thứ 6 đều là quốc sư dưới thời Từ Hy.

giáo dục đa nguyên, giáo dục trọn khắp thế gian, có thể mang lại an định, hòa bình cho xã hội, có thể mang lại hạnh phúc mỹ mãn cho hết thảy chúng sinh, là giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Những điều ấy đều được gồm trong Phật giáo. Một số ít học giả, chuyên gia lại mong muốn tiến cao hơn, trong kinh Phật có giáo dục triết học và giáo dục khoa học, đều giảng đến mức viên mãn rốt ráo. Ngày nay, kẻ khác nói Phật giáo là tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận, nó đã thật sự biến thành tôn giáo.

Chúng ta đi theo con đường này là đi theo con đường giáo dục của Phật Thích Ca Mâu Ni. Lúc tôi mới xuất gia, các đồng tham, đồng học cũng đều rất muốn đi theo con đường này, nhưng lại sợ hãi. Sợ gì vậy? Sợ đi theo con đường này trong tương lai sẽ chết đói, không có ai cúng dường! Kinh sám Phật sự, học 3 tháng đánh pháp khí, xướng niệm là được rồi, đã có thể kiếm tiền. Làm 10 năm, hay 8 năm, tích cóp có thể dựng một ngôi chùa nhỏ, nên đại đa số người xuất gia đều đi theo con đường ấy, chứ giảng kinh, giáo học mọi người đều sợ. Tôi sống cả đời chẳng chết đói, vẫn sống khá lắm, nhưng con đường này (giáo học, giảng kinh) vô cùng khổ cực. Vì sao khổ sở ngần ấy? Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ nguyên nhân, chẳng đi theo con đường này sẽ chẳng được! Hy vọng mọi người nỗ lực khôi phục nền giáo dục Phật giáo. Nếu chẳng khôi phục giáo dục, Phật giáo chẳng có địa vị trong xã hội, rất đáng thương!

Tất cả các tôn giáo, không chỉ riêng Phật giáo, đều phải trở về giáo dục. Vì sao? Quý vị thấy mỗi vị sáng tổ tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội. Gia Tô (Jesus) dạy 3 năm, bị kẻ khác hại chết. Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed, Muhammad) dạy 27 năm. Quý vị quan sát cẩn thận, vị giáo chủ sáng lập tôn giáo nào thoạt đầu chẳng phải là dạy học? Nếu tôn giáo trở về giáo dục, tôn giáo sẽ được xã hội chấp nhận, vì nó cống hiến, tạo lợi ích cho xã hội, mọi người tự nhiên ủng hộ, giúp đỡ quý vị phát triển. Quý vị là giáo dục, xã hội cần quý vị, khác hẳn! Do vậy, chúng tôi học tập đến chỗ này, cảm khái rất sâu.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *"Diệc khả tuy ngoại hiện Thanh Văn, nội bí Bồ tát chi hạnh, cố danh đại thánh"* (Cũng có thể hiểu là tuy bề ngoài hiện làm Thanh Văn, bên trong ẩn giấu hạnh Bồ tát nên gọi là Đại Thánh). Đây là nói về sự biểu thị pháp, xác thực có ý nghĩa này, nhưng trong kinh Đại thừa, đức Phật cũng dạy rõ, chuyện này chẳng phải là giả.

Trong các đệ tử thường tùy của đức Phật, quả thật có không ít vị đã thành Phật, thả chiếc bè Từ, đến giúp Phật Thích Ca Mâu Ni giáo học, như Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất đều đã sớm thành Phật, lần này Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện làm Phật, các Ngài đến làm đệ tử. Chẳng phải là người thông hiểu, lão luyện, sẽ chẳng thể nêu câu hỏi, họ cùng đức Phật một hỏi, một đáp, cố ý làm bộ không hiểu để đức Phật giải thích cho mọi người nghe, chẳng phải là các Ngài thật

sự không hiểu. Ngay cả ngài A Nan cũng chẳng phải là phàm nhân, A Nan thị hiện Sơ Quả, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất thị hiện làm Tứ Quả La Hán, Bồ tát chúng lại càng không cần phải nói nữa! Chư vị đều biết Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm đã sớm thành Phật, hiện tại mang thân phận Phật ở thế giới phương khác, nhưng đến khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni bèn mang thân phận Bồ tát, đều là đến thị hiện. Do vậy, *"ngoại hiện Thanh Văn"* là ý nghĩa về mặt Hiển, *"nội bí Bồ tát hạnh"* là Ẩn. Ẩn và hiện khác nhau, những vị này đều là bậc đại thánh.

"Tịnh Ảnh Sớ viết, Đại hữu lưỡng nghĩa, nhất, vị cao danh Đại" (*Tịnh Ảnh Sớ* giảng: "Đại có 2 nghĩa: Một là địa vị cao, nên gọi là Đại"), chủ yếu nói các vị tỳ-kheo có địa vị cao. Trong Phật pháp có học vị, nên Phật pháp đích xác là giáo dục. Phật, Bồ tát, A La Hán là các danh xưng học vị trong Phật môn. Quý vị buông chấp trước xuống, đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ đắc Chính Giác, sẽ được gọi là A La Hán.

Vì vậy, đấy là học vị, quý vị chứng đắc học vị thứ nhất. Quý vị lại có thể buông phân biệt xuống, và cũng đoạn sạch Trần Sa phiền não, bèn chứng học vị thứ hai là Chính Đẳng Chính Giác. Đấy là Bồ tát. Lại tiến thêm bước nữa, không khởi tâm, chẳng động niệm, và cũng buông vô thỉ vô minh xuống, sẽ thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, bèn gọi là Phật Đà. Đây là học vị tối cao. Vì thế, Phật Đà, Bồ tát, A La Hán là 3 học vị trong nền giáo dục của đức Phật. Hết thảy

chúng sinh vốn là Phật, tức là ai cũng đều có thể đạt được học vị tối cao.

Điều này khác với tôn giáo! Trong tôn giáo, chỉ có một Thượng Đế, thần cũng chỉ có một, con người và thần chẳng ngang hàng, không thể nào có chuyện con người tu thành Thượng Đế. Nhà Phật chẳng giống như vậy, nhà Phật là *"Hết thảy chúng sinh đều có thể thành Phật"*. Kinh nói rất hay: *"Hết thảy chúng sinh đều có Phật tính"*. Đã có Phật tính, nhất định có thể chứng đắc Phật quả. Do vậy, nói theo tự tính vốn là Phật. Nói theo phương diện tu hành, quý vị nhất định có thể đạt được học vị này. Đó là địa vị cao, là ý nghĩa của chữ Đại.

Hai là *"đức thắng"*, nghĩa là đức thù thắng, vượt trội hết thảy tiểu thánh, nên gọi là Đại. *"Hội chính vi thánh"* (Hiểu biết đúng đắn là thánh). Chính là chính tri chính kiến, đấy là thánh nhân. Tại Trung Quốc, các Ngài được gọi là Thánh, ở Ấn Độ, các Ngài được gọi là Phật. Chúng ta chớ nên không biết những ý nghĩa được bao hàm trong các danh từ thuật ngữ này.

"Tổng thượng khả kiến, hoặc tòng đức nhi ngôn, khế ư Không lý, hội hợp chính đạo viết Thánh" (Tổng hợp những điều trên đây, ta thấy: Nếu từ đức mà nói thì khế hợp lý Không, hiểu đúng chính đạo nên gọi là Thánh). Đây là giải thích ý nghĩa chữ Thánh trong Đại Thánh. *"Hoặc tòng vị nhi ngôn, Sơ Quả dĩ thượng, xưng Thánh"* (Hoặc từ địa vị mà nói thì từ Sơ

Quả trở lên đều gọi là Thánh); đấy là tiểu thánh, chúng ta gọi Tu Đà Hoàn là vị thánh nhỏ. Ngài thật sự là thánh nhân, trọn chẳng phải là phàm nhân. *"Duy hồi Tiểu hướng Đại, hành Bồ tát đạo, trực thú Phật quả giả (nãi danh cứu đại A La Hán)"* (Chỉ có những ai hồi Tiểu hướng Đại, hành Bồ tát đạo, hướng thẳng đến Phật quả (mới gọi là tột cùng quả Đại A La Hán). Thật sự hồi Tiểu hướng Đại, sốt sắng nỗ lực tu học Đại thừa sẽ được là *"đại thánh"*. Mặt khác, *"đại quyền thị hiện"* đương nhiên lại càng chẳng cần phải nói nữa, đều là Bồ tát tái lai, Pháp thân đại sĩ tái lai, đương nhiên là đại thánh. Ý nghĩa *"đại thánh"* được nói đến đây.

Tiếp đó, nói về thần thông, tức *"thần thông dĩ đạt"* (thần thông đã đạt). *"Hựu Tịnh Ảnh viết, thần thông dĩ đạt, thán kỳ đức thắng, sở vi thần dị"* (Ngài Tịnh Ảnh lại nói: "Thần thông đã đạt là khen ngợi đức của họ thù thắng, việc làm thần dị"). *"Sở vi"* (所為) là những việc họ làm, thần thông biến hóa.

Chúng ta phải nhìn ra ý nghĩa của chữ Thần (神). Văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí tuệ. Quý vị thấy chữ này ở trước mặt chúng ta, đối trước văn tự, bên trái là chữ Thị (示), tức chữ Thị trong Thị Hiện (示現). Phía trên chữ Thị là một vạch ngắn, chẳng phải là một chấm, hiện thời [trong chữ Thần, vạch ngắn phía trên chữ Thị được viết thành] một chấm.

Nếu quý vị viết chữ Thần theo lối chữ Triện sẽ thấy trong lối chữ Triện, chẳng phải là một chấm, mà là một vạch. Phía

trên là một vạch ngắn, phía dưới là một vạch dài. Vào thời cổ, chữ này được gọi là Thượng, tại thượng (ở trên). Phía dưới có 3 vạch, 3 vạch là diễn tả hình tượng, tức là hiện tượng tự nhiên, điều đó được gọi là *"thùy tượng"* (biểu thị hình tượng). Thể hiện ý nghĩa gì? Hiện tượng được biểu hiện trên trời.

Nói theo cách bây giờ sẽ là "hiện tượng tự nhiên", mọi người hiểu ngay: Chữ Thị biểu thị hiện tượng tự nhiên. Cạnh đó là chữ Thân (申). Chữ Thân viết theo lối cổ Triện sẽ giống như có 3 cái ải, chính giữa có một thanh gươm báu kéo xuống[39], nên gọi là Thông; ý nói: Vượt qua 3 ải thông suốt. Do vậy chữ Thần có ý nghĩa: Người thông đạt hiện tượng tự nhiên được gọi là Thần, đấy là giải thích ý nghĩa gốc của chữ này.

Có một lần tôi đến thăm Cục Tôn giáo Trung Quốc. Cục trưởng Diệp Tiểu Văn tiếp đãi tôi, có nhắc tới chữ Thần này, tôi viết ra cho ông ta xem, giảng cho ông ta nghe. Ông ta bảo: "Nói như vậy thì vô thần luận nói chẳng suông!". Tôi đáp: "Đúng vậy! Chữ Thần có ý nghĩa ấy". Quý vị phải hiểu ý nghĩa bao hàm trong văn tự Trung Quốc, quả thật là phù hiệu trí tuệ. Người Trung Quốc nói thần nhân và thánh nhân; thần nhân và thánh nhân ý nghĩa tương thông. Thần là người thông đạt hết thảy hiện tượng vũ trụ, người ấy gọi là thần

[39] Để hình dung chữ Thị và chữ Thân viết theo lối triện như thế nào, xin quý vị xem hình ảnh trong các link sau:

- Chữ Thị (http://commons.wikimedia.org/wiki/File:%E7%A4%BA-bigseal.svg)
- Chữ Thân (http://en.wiktionary.org/wiki/File:%E7%94%B3-seal.svg)

nhân. Thánh nhân: Thánh là hiểu rõ. Người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh gọi là thánh nhân. Do vậy, thần thánh thường dùng chung. Họ là người, chẳng dính dáng gì đến quỷ thần. Giảng rõ ràng, minh bạch. Sách *Thuyết Văn Giải Tự*[40] giảng rất rõ ràng, đấy là phù hiệu trí tuệ.

"Vô ủng viết thông" (Không bị úng trệ là Thông). Đây là nói tới chướng ngại. Không có chướng ngại bèn thông đạt. *"Sở vị Thân thông, Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng, cập dữ Lậu tận"* (tức là Thân thông (Thần túc thông), Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng và Lậu tận), những thứ này ngoại trừ Lậu tận được gọi đơn giản là *"ngũ chủng thần thông"* (5 thứ thần thông).

5 thứ ấy, hiện thời, trong nước gọi người có năng lực này là *"công năng đặc dị"*, Phật pháp nói những năng lực ấy là năng lực sẵn có của chúng ta. Mỗi cá nhân chúng ta đều có, nhưng vì sao bị mất đi? Vì quý vị vọng niệm quá nhiều, phiền não dấy lên, nên bị chướng ngại. Nguyên nhân là như vậy đó. Vì thế, tu định nhằm dễ dàng khôi phục năng lực ấy. Tu định là tu tâm thanh tịnh. Tâm phải đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, năng lực ấy sẽ tự nhiên khởi lên hiện tiền. Vì thế, điều này chẳng có gì là hiếm hoi, lạ lùng, bởi chúng là lực sẵn có của con người. Tâm thanh tịnh sẽ khôi phục.

---

[40] *Thuyết Văn Giải Tự* là một trong các bộ tự điển chữ Hán đầu tiên của Trung Quốc, do Hứa Thận biên soạn vào thời Hán Hòa Đế. Ông đã có những lập luận khá độc đáo về cách phân chia bộ thủ, phân loại cách hình thành chữ Hán, lập ra khái niệm *Lục Thư* (6 cách cấu tạo chữ Hán). Nội dung nhằm giải thích 9.353 chữ thông dụng thời ấy và 1.163 chữ được xếp vào loại *Dị Thể Tự*. Cho đến hiện thời, tác phẩm này vẫn được coi là sách gối đầu giường cho các nhà nghiên cứu Hán tự.

Quý vị đọc kinh điển thấy Tu Đà Hoàn có thể đoạn 88 phẩm Kiến hoặc, cũng là buông xuống, bèn khôi phục 2 thứ năng lực: một là Thiên nhãn, hai là Thiên nhĩ. Hạng người bình phàm như chúng ta không thấy, nhưng họ có thể thấy, có thể nhìn xuyên vách tường. Chúng ta gọi đó là "công năng đặc dị". Họ có thể nghe những âm thanh chúng ta không nghe được. Nếu là Tu Đà Hoàn, chúng ta đang tiến hành hoạt động giảng kinh giáo học ở tầng 11. Người ở 10 tầng dưới làm gì, quý vị vừa nhìn liền thấy toàn bộ. Đó là Tu Đà Hoàn thật sự. Nếu nói "ta đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn", mà hỏi có thấy chuyện sát vách hay không? Chẳng thấy! Đó là giả, chẳng thật. Tu Đà Hoàn nhất định có năng lực ấy.

Nếu quý vị chứng Nhị Quả Tư Đà Hàm, quý vị có thêm 2 thứ năng lực nữa là Tha tâm và Túc mạng. Trong tâm người khác nghĩ chuyện gì, quý vị sẽ biết. Túc mạng là đối với chính mình, đời đời kiếp kiếp quá khứ của ta đều biết rõ. A La Hán có thể biết 500 đời quá khứ. Tôi tin Nhị Quả phải biết 3 đời, 5 đời, 10 đời, 20 đời, chẳng có vấn đề gì. Ngài biết trạng huống trong đời đời kiếp kiếp quá khứ. Tam Quả A Na Hàm, Thần túc thông giống như Tôn Ngộ Không, có thể biến hóa, có thể phân thân, nhưng lợi hại hơn, vì đó là thánh nhân Tam Quả mà! Tứ Quả là A La Hán. Lậu tận thông, cũng có nghĩa là đoạn hết Kiến Tư phiền não, thoát ly lục đạo luân hồi.

Trong lục đạo, Ngài chẳng có tí chướng ngại nào, cũng là ra vào lục đạo tự tại. Nay, chúng ta chẳng thể ra khỏi lục đạo,

nhưng Ngài có thể thoát ra. Đấy là năng lực sẵn có, chẳng hiếm hoi, lạ lùng tí nào. Công phu định lực của quý vị càng sâu, năng lực càng mạnh. A La Hán chỉ có thể biết 500 đời quá khứ; nói cách khác, năng lực ấy chẳng phải là rất lớn. Bồ tát có nhiều tầng cấp, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, càng lên cao, năng lực ấy càng lớn, càng thù thắng.

Thiên nhãn của A La Hán có thể thấy một tiểu thiên thế giới. Ngài A Nậu Lâu Đà là một vị A La Hán đặc biệt trong các vị A La Hán, vì mắt Ngài đã hỏng, đức Thế Tôn dạy Ngài tu Thiên nhãn, Ngài tu thành công. Thiên nhãn của Ngài khác các vị A La Hán thông thường, có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. A La Hán thông thường chỉ có thể thấy một tiểu thiên thế giới, chỉ riêng Ngài có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới là khả năng thấy được bằng Thiên nhãn của các vị Bồ tát thông thường. Đối với tam thiên đại thiên thế giới, các phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và *Thế Giới Thành Tựu* của kinh *Hoa Nghiêm* nói thế giới vô lượng vô biên, quý vị không có chướng ngại, sẽ đều có thể thấy. Vì vậy, triết học và khoa học được giảng trong kinh Phật là cảnh giới hiện lượng, chẳng phải là tầm thường. Những cảnh giới ấy do đức Phật đích thân trông thấy.

Các nhà khoa học hiện thời suy diễn từ toán học rút ra những thông tin. Sau đấy, dùng dụng cụ khoa học để quan sát, thấy được một chút. Nói chung, họ vẫn chưa thể nói rõ

ràng, nhưng Phật pháp giảng vô cùng rõ ràng. Vì sao? Đức Phật trông thấy, năng lực ấy được khôi phục toàn bộ, còn các khoa học gia và triết học gia chẳng có cách nào sánh bằng, phải biết điều này! Ở đây, đức Phật dạy chúng ta, chỉ cần quý vị khéo tu, sẽ có thể chứng đắc, đó là năng lực sẵn có của quý vị. Ngài giảng trí tuệ, đức năng, tướng hảo. Những đức năng ấy đều là những thứ chính quý vị vốn sẵn có, phải nên khôi phục. Sau khi quý vị khôi phục, đúng là không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, chẳng phải là giả, tuyệt đối chẳng phải là mê tín.

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 88

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

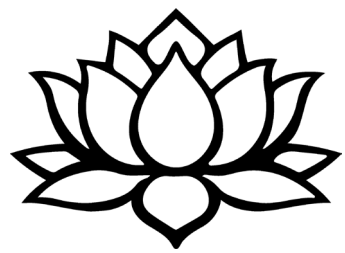

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 98, xem từ dòng thứ 5:

"Hựu Tịnh Ảnh viết: Thần thông dĩ đạt, thán kỳ đức thắng. Sở vi thần dị, cố danh viết Thần. Vô ủng viết Thông. Sở vị Thân thông, Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng, cập dữ Lậu tận. Cố tri Thần vi bất trắc chi nghĩa, Thông vi vô ngại chi nghĩa" (Ngài Tịnh Ảnh lại nói: "Thần thông đã đạt: Khen ngợi đức của họ thù thắng. Việc làm thần dị nên gọi là Thần. Không bị úng trệ là Thông. Thần thông chính là Thân thông (Thần túc thông), Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng và Lậu tận. Vì vậy, Thần nghĩa là chẳng lường được, Thông nghĩa là vô ngại"). Chúng ta đã học đến chỗ này, nay lại tiếp tục giảng lần nữa.

"Thần thông dĩ đạt". *"Đạt"* (達) là thông đạt (通達). Trong Phật pháp, nói đến 6 thứ thần thông này. Thuở đức Thế Tôn tại thế, chúng ta biết Ấn Độ thuở ấy là một nước tôn giáo, tôn giáo thịnh vượng nhất, cũng là một nơi có trình độ học thuật cao nhất, nếu nói theo quy mô cả thế giới. Vì thế, đức Phật xuất hiện ở nơi ấy, vô cùng hợp lý! Đức Phật chẳng xuất hiện tại Trung Quốc, mà xuất hiện ở Ấn Độ, tức là trình độ văn hóa của Ấn Độ cao hơn Trung Quốc.

Thật ra, Phật cũng xuất thế ở Trung Quốc, nhưng chẳng dùng thân phận Phật, tôi cảm thấy Khổng, Mạnh, Lão, Trang,

Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang đều là Phật, Bồ tát tái lai. Trong quá khứ, tôi từng hỏi lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam xin Ngài chứng thực một phen. Sau khi nghe xong, Ngài cười, bảo tôi: *"Nói theo Lý thì hợp lẽ, nhưng về mặt Sự chẳng có chứng cứ"*. Thiếu chứng cứ về mặt Sự, nhưng nói theo Lý cũng suông.

Nay, chúng ta gọi 6 thứ năng lực ấy là "công năng đặc dị", thật ra chúng là năng lực sẵn có của chúng ta. Hết thảy chúng sinh ai nấy trọn đủ, thì ai không có? Ai nấy đều có. Vì sao chúng chẳng hiện ra? Do có chướng ngại ngăn trở. Chướng ngại ấy thường được gọi là "nghiệp chướng", nói tóm lại là phiền não. Phiền não có 3 loại lớn: Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, và Kiến Tư phiền não. 3 loại này khiến cho bản năng, trí tuệ và tướng hảo của chúng ta thảy đều bị chướng ngại.

Vì thế, trong kinh Đại thừa đức Phật thường nói: *"Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai"*. 6 thứ ấy là đức, thuộc về năng lực, nhưng cũng bị chướng ngại. *"Tướng"* là tướng hảo, nó cũng được người Hoa gọi là "phúc báo". Trong nhà Phật, phúc báo được gọi là "tướng hảo". Do phiền não mà trí tuệ, đức tướng đều bị chướng ngại, chứ Phật và chúng sinh vốn là bình đẳng.

Người phát hiện 6 thứ ấy sớm nhất chẳng phải là Phật Thích Ca Mâu Ni. Vậy ai phát hiện? Bà La Môn giáo, tức là Hưng Đô giáo (Hinduims) hiện thời. Họ có lịch sử hơn 10.000

năm, tôi tin họ. Tôi có qua lại với họ. Hình như lầu 3 trong cao ốc này là Ấn Độ giáo. Họ không coi trọng lịch sử, cho nên không ghi chép lịch sử, tương truyền Ấn Độ giáo đã tồn tại hơn 10.000 năm. Hiện thời, những người nghiên cứu lịch sử trên thế giới thừa nhận họ có tối thiểu 8.500 năm lịch sử.

Chiếu theo ghi chép của Trung Quốc cổ đại về Phật giáo, như những người cùng thời đại với Lão Hòa thượng Hư Vân đều dùng niên đại Phật giáo theo cách ghi chép của Trung Quốc thời cổ: Năm Phật Thích Ca Mâu Ni xuất sinh tương đương với năm thứ 24 đời Châu Chiêu Vương của Trung Quốc. Đức Phật viên tịch nhằm năm thứ 53 đời Châu Mục Vương. Sách vở Trung Quốc đều ghi chép như thế. Nếu ghi chép theo lối ấy, từ lúc Phật Thích Ca Mâu Ni viên tịch cho tới ngày nay phải là 3.037 năm, gần như sai lệch 600 năm so với cách nói của người ngoại quốc. Chúng ta không cần phải khảo sát chuyện này, vì nó chẳng có mảy may ý nghĩa gì. Chúng ta chỉ quan tâm liễu giải chân tướng sự thật. Do thuở đức Thế Tôn xuất hiện tại Ấn Độ, Ấn Độ đã có văn hóa cao như vậy; đương nhiên 5 thứ thần thông trong Bà La Môn giáo đều có, chỉ có Lậu tận là không có. 5 thứ trước họ đều có. Vì thế, chúng ta cũng chớ nên xem thường Bà La Môn giáo. Hãy suy nghĩ sẽ thấy vì sao Phật Thích Ca Mâu Ni xuất sinh nơi ấy, rất có lý!

Phàm phu làm như thế nào để đạt được các loại năng lực ấy? Hiện thời, công năng đặc dị có 2 loại:

1) Một là do bẩm sinh. Nói chung, người bình thường, lúc còn chưa biết nói có thể là đều có. Vì bẩm tánh thiên chân, tâm địa thanh tịnh, chưa bị ô nhiễm, nên có năng lực ấy. Chúng ta quan sát cẩn thận trẻ thơ, sẽ nhận thấy khi trẻ đang ngủ trong nôi, có lúc nó tự mỉm cười, cũng như nó có rất nhiều động tác biểu lộ giống như có người đùa với nó, chơi với nó. Thật đấy! Nó có thể thấy, nghe. Dần dần khôn lớn, công năng đặc dị bẩm sinh bị mất đi, phổ biến nhất là Thiên nhãn, Thiên nhĩ. Người bình thường chúng ta nhìn không thấy, nhưng họ (người có công năng đặc dị) thấy được. Người bình phàm chúng ta chẳng nghe được, nhưng họ có thể nghe được 2 thứ năng lực này bình thường nhất, và khôi phục cũng dễ dàng nhất. Năng lực bẩm sinh ấy, chúng ta gọi là "công năng đặc dị", có thể mất đi hay không? Có thể! Tôi đã từng phỏng vấn vài ba người có năng lực ấy. Tôi hỏi họ tới hai mươi mấy tuổi có bị mất đi hay không? Có thể! Năng lực của họ lúc hai mươi mấy tuổi kém lúc mười mấy tuổi. Lúc mười mấy tuổi, năng lực mạnh mẽ, hai mươi mấy tuổi yếu đi, khoảng chừng ba mươi mấy tuổi sẽ chẳng còn nữa. Vì sao? Đầu óc có quá nhiều thứ, quá phức tạp, nên mất đi năng lực. Vì thế, chúng tôi biết công năng đặc dị có thể bị mất.

2) Một loại khác là người tu đạo. Ngoài Phật giáo ra, gần như tất cả các tôn giáo ở Ấn Độ đều tu thiền định. Do thiền định có thể đạt được thần thông. Đạt được lớn hay nhỏ tùy thuộc công phu định lực của quý vị sâu hay cạn. Công phu

sâu, năng lực đặc biệt mạnh. Công phu cạn hơn một chút, năng lực cũng yếu hơn một chút, tỷ lệ thuận với công phu tu hành. Quý vị thấy Bà La Môn của cổ Ấn Độ đã nhìn thấy lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là thật, chẳng giả, chẳng do đức Phật nói, chẳng phải là điểm đặc biệt của Phật giáo, mà do Bà La Môn giáo nói. Vì sao họ biết? Họ thấy trong định. Người trong trạng thái thiền định sẽ đột phá các chiều không gian. Các khoa học gia đã chứng thực điều này, thật sự tồn tại những chiều không gian khác nhau. Rốt cuộc có bao nhiêu chiều không gian? Nói theo lý luận thì chẳng có số lượng, nhưng nói theo tình hình thực tế, hiện thời các khoa học gia khẳng định tối thiểu có 11 chiều không gian khác nhau!

Năm xưa, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ kể cho tôi nghe chuyện ấy. Cụ nghiên cứu khoa học, có căn cơ Phật pháp rất sâu, bản chú giải chúng ta đang đọc hiện thời là do cụ viết. Tôi đến thăm cụ rất nhiều lần, là bạn già của cụ, mà cụ cũng là thầy của tôi. Cụ là truyền nhân của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Từ bản chú giải này, chúng ta có thể thấy lão cư sĩ đã vun đắp Phật học khá sâu dày, duyên phận với Phật thù thắng khôn sánh.

Nếu nói theo cách nói thông thường của Trung Quốc, cụ chẳng phải là phàm nhân tái lai, cụ và Hạ lão cư sĩ cũng phải do có sứ mạng mà đến đây, tức là chỉnh lý kinh *Vô Lượng Thọ* một lần nữa, biên tập thành một bản hoàn hiện để hết thảy chúng sinh trong 9.000 năm đời mai sau thuộc thời

Mạt pháp học Phật sẽ đắc độ trong một đời do nương tựa bộ kinh điển này. Cụ Hạ hội tập hoàn thành, để học trò của cụ là cụ Hoàng Niệm Tổ soạn chú giải cho kinh này. Sau khi hội tập kinh này thành công, cụ Hạ đã giảng mấy lượt. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nghe từ đầu đến cuối. Cụ bảo tôi, khi đó cụ có chép bút ký, đáng tiếc là khi viết bản chú giải này thì những bản bút ký, tài liệu thời đó đều bị mất sạch. Hơn nữa, cụ viết tác phẩm này trong khi đang bệnh, chính mắt tôi thấy. Tôi vô cùng cảm động.

Vì thế, đức Phật bảo chúng ta 6 thứ năng lực ấy là năng lực sẵn có. Ngũ thông của thiên thần là báo đắc (do quả báo mà có). Quý vị sinh lên cõi Trời tự nhiên sẽ có. Quỷ thần cũng có ngũ thông, cũng do báo đắc. Nói thật ra, con người cũng có "báo đắc ngũ thông", nhưng vì tập khí phiền não quá nặng nên bị mất đi. Tâm chúng ta càng thanh tịnh, chúng sẽ được khôi phục. Quý vị thấy trong nhan đề kinh này, học Phật là học gì? Tuy nói là 84.000 pháp môn, đó là phương pháp. *"Pháp"* là phương pháp. *"Môn"* là môn kính (門徑: đường lối). Phương pháp và đường lối rất nhiều, không phải chỉ là 84.000 ngàn.

Quý vị thấy trong *Tứ Hoằng Thệ Nguyện* có nói: *"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học".* Thật đấy, chẳng có số lượng. Tu gì? Bất luận pháp môn nào, nói theo nhan đề kinh này, đều là tu "thanh tịnh, bình đẳng, giác". Tu những điều ấy. Hiện nay, chúng ta chọn lựa phương pháp Trì danh Niệm

Phật của Tịnh Độ tông. Phương pháp ấy thuận tiện, chẳng có bất cứ trói buộc gì, đi, đứng, ngồi, nằm đều có thể tu. Thật sự tu đến mức công phu tương ứng, nói thật ra, cũng chẳng kém "Tam mật tương ứng" của Mật tông. Trì danh của Tịnh tông và Mật tông chẳng khác gì nhau. Trong tâm quán tưởng, chúng ta niệm Phật. Trong tâm phải có Phật A Di Đà, đó là tâm quán tưởng. Miệng niệm, ra tiếng hay không ra tiếng đều được, niệm thầm, hoặc là Kim cương trì. Nói Kim cương trì, nghĩa là miệng máy động nhưng không có âm thanh. Tay kết ấn, chúng ta tay lần tràng hạt cũng là kết ấn, không dùng tràng hạt cũng là kết ấn. Vì thế, phương pháp này vô cùng thuận tiện, hết sức thiện xảo.

Phải niệm đến mức nào? Phải niệm đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền, phải biết điều này. Hằng ngày niệm Phật, một ngày niệm mấy vạn tiếng, mà trong tâm vẫn rối ren tơi bời, thì niệm bao nhiêu cũng chẳng có công phu. Điều trọng yếu nhất là công phu hiện tiền. Quý vị thấy kinh *Di Đà* dạy *"Nhất tâm bất loạn"*; kinh *Vô Lượng Thọ* dạy *"Nhất hướng chuyên niệm"* (Một dạ chuyên niệm), tâm thanh tịnh có thể hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, 6 thứ năng lực sẵn có ấy sẽ dần dần khôi phục.

Vì vậy, vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật xuất hiện như thế nào? Ta do đâu mà có? Các khoa học gia hiện thời cũng rất lỗi lạc, dần dần nói càng ngày càng giống với Phật pháp, nhưng từ 3.000 năm trước, đức Thế Tôn chẳng có dụng cụ khoa

học, vì sao Ngài biết? Ngài thấy bằng Thiên nhãn, nghe bằng Thiên nhĩ, đó là cảnh giới hiện lượng trong định, chẳng phải là tỷ lượng. Quá nửa những thứ do các khoa học gia hiện thời phát hiện là tỷ lượng. Họ quan sát hiện lượng bằng các máy móc tinh vi. Không có máy móc, họ sẽ chẳng thể nhìn thấy. Họ dùng kính hiển vi có độ khuếch đại rất cao để quan sát tế bào hoặc quan sát nguyên tử. Hiện thời, ngày càng thấy tinh vi hơn, họ thấy lượng tử. Lượng tử còn gọi là tiểu quang tử. Phát hiện hạt căn bản do đâu mà có? Từ các tiểu quang tử tích lũy thành, trở thành một hạt căn bản. Hạt căn bản tích lũy thành nguyên tử, càng ngày càng lớn, đó là thế giới vi mô.

Tha tâm là trong tâm người khác dấy lên niệm gì đều biết, rất lợi hại. Có chuyện này hay không? Có! Năm xưa, tôi ở Đài Loan, thuở ấy vừa mới học Phật chưa bao lâu đã xuất gia. Lão pháp sư Lạc Quan, hiện thời những vị pháp sư thuở ấy đều đã mất, họ thuộc thế hệ trước. Ở Đài Loan có pháp sư Chử Vân là bạn già của tôi. Ngài lớn hơn tôi 5 tuổi, cũng đã khuất, có viết một cuốn sách nhan đề *Kim Sơn Hoạt Phật* (Phật sống chùa Kim Sơn). Đấy là chùa Giang Thiên ở Nam Kinh thuộc Trung Quốc Đại Lục, tức Kim Sơn Tự, ở trên một hòn đảo nhỏ trong sông Trường Giang. Đây là một đạo tràng Thiền tông rất nổi tiếng. *Kim Sơn Hoạt Phật* xuất hiện ở đấy. Ngài có pháp danh là Diệu Thiện, tức là pháp sư Diệu Thiện. Hành vi, dáng vẻ rất giống Tế Công, cũng rất lôi thôi, suốt

năm khoác một chiếc áo dài, bên trong là một cái quần ngắn, bên ngoài mặc áo dài, ăn mặc không giống ai! Xuân, Hạ, Thu, Đông đều đóng bộ như thế, mùa Đông cũng chẳng lạnh, mùa Hè cũng chẳng nóng.

Ngài có Tha tâm thông. Pháp sư Lạc Quan ở cùng chỗ với Ngài suốt 4 tháng. Người sùng bái pháp sư Diệu Thiện rất nhiều. Pháp sư Lạc Quan thường nghĩ xem thử có thể phát hiện pháp sư Diệu Thiện có lỗi lầm nào hay chăng, rất chú ý nhìn Sư. Dường như khi pháp sư Lạc Quan khởi tâm động niệm, Kim Sơn Hoạt Phật đều biết, trong khi nói năng, hoàn toàn nói toạc ra những điều pháp sư đang suy nghĩ.

Vị pháp sư ấy nói: Kim Sơn Hoạt Phật thật sự có Tha tâm thông. Quý vị thấy vị pháp sư ấy (Kim Sơn Hoạt Phật) cả đời chẳng tắm rửa, cổ áo đóng ghét đen thui, nhưng quý vị ngửi thấy mùi hoa sen. Đích thân Ngài trông thấy. Pháp sư Chử Vân rất hâm mộ, đến khắp nơi hỏi dò chuyện Kim Sơn Hoạt Phật rồi viết thành sách. Về sau, pháp sư Lạc Quan cũng viết một bộ[41]. Pháp sư Lạc Quan đích thân ở cùng Ngài chừng 4 tháng, hiểu Ngài khá rõ. Quả thật, qua cuộc sống thường nhật của Ngài có thể thấy những năng lực ấy. Ngài có Tha tâm thông.

Túc mạng là biết một vài đời quá khứ. Đức Phật nói A La Hán có thể biết 500 đời quá khứ, 500 đời vị lai. Ngài có thể

[41] Tức là bộ *Kim Sơn Hoạt Phật Thần Dị Lục*.

biết quá khứ, vị lai, đấy là Túc mạng thông. Thần túc thông: Thần túc là biến hóa đủ mọi lẽ, Ngài có thể phân thân, có thể biến hóa, giống như trong tiểu thuyết Tôn Ngộ Không có 72 phép biến hóa. Nhưng trên thực tế, A La Hán không chỉ có 72 phép biến hóa. So với A La Hán, Tôn Ngộ Không thua kém quá xa. Lậu tận là đoạn Kiến Tư phiền não, tức là chứng quả A La Hán, đó là Tiểu thừa. Đây là nêu ra các thứ thần thông. Thông thường, kinh Phật nói 6 thứ thần thông.

Trong 6 thứ thần thông ấy, trừ Lậu tận thông ra, các tôn giáo khác tại Ấn Độ, thậm chí các học phái đều tu thiền định, ít nhiều đều đạt được 5 thứ thần thông ấy. Vì thế, đức Phật xuất thế ở nơi nào, chúng ta có thể tưởng tượng bèn biết trình độ văn hóa và tôn giáo nơi ấy phải là như vậy. Tại Trung Quốc, tuy học thuật cũng rất phát triển, nhưng người Hoa chẳng chú trọng tu thiền định. Cũng tu, cũng nói tới chuyện "tu thân dưỡng tánh", nhưng chưa đạt tới trình độ ấy, chưa phát hiện thần thông. Trong Phật môn bảo "tu định, nhưng chưa đắc định". Người ấy tu định, nhưng công phu chưa tới mức. Nếu công phu đạt tới mức, thần thông sẽ hiện tiền. Công phu ấy nhất định phải là từ đoạn phiền não mà có!

Quý vị thấy trong Phật môn, từ phần trước của bản kinh này, chúng ta đã học: Kiến Tư phiền não là chấp trước. Chúng ta buông xuống chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, tâm đạt được thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh, 6 thứ thần thông đều trọn đủ,

đều xuất hiện, đấy là cảnh giới của A La Hán. Chứng đắc A La Hán, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Vì thế, các tôn giáo tại Ấn Độ tu định, có thể đạt tới Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, tức là chỗ cao nhất trong lục đạo, nhưng vẫn chưa thoát khỏi lục đạo. Nguyên nhân là do họ chẳng đoạn tập khí phiền não. Nếu thật sự đoạn trừ, sẽ vượt thoát. Do vậy, A La Hán tu Đệ cửu định.

Quý vị thấy Tứ thiền Bát định. Thiền định thế gian chỉ đạt tới chỗ này. Định thứ 9 là vượt thoát, tức là vượt thoát lục đạo luân hồi, trong Phật pháp mới được coi là tu hành đắc Tiểu Quả. Tiểu Quả là A La Hán hay Bích Chi Phật, vượt thoát tam giới, vượt khỏi lục đạo. Lại lên cao hơn nữa, phải đoạn trừ Trần Sa phiền não. Kinh *Hoa Nghiêm* gọi Trần Sa phiền não là phân biệt. Cũng tức là chẳng phân biệt hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, phân biệt vi tế hơn chấp trước, điều này cũng phải đoạn trừ, quý vị nâng cao lên thành Bồ tát, Phật. Ở đây là nói Bồ tát, Phật trong mười pháp giới, đạt tới cảnh giới ấy. Tu hành trong cảnh giới ấy, phải buông căn bản vô minh xuống. Căn bản vô minh là khởi tâm động niệm, vi tế cùng cực nhất.

Quý vị nhìn vào cuộc đối thoại giữa đức Thế Tôn và Bồ tát Di Lặc sẽ thấu hiểu tin tức ấy. Vi tế đến mức độ nào? Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Buông niệm vi tế xuống, quý vị sẽ thành Phật, bèn vượt thoát mười pháp giới. Cảnh giới gì hiện tiền? Cõi Thật

Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, người bình phàm chúng ta gọi cảnh giới ấy là Nhất chân pháp giới hiện tiền.

Chư vị phải biết: Mười pháp giới có sinh, có diệt, trong Nhất chân pháp giới không có sinh diệt, cảnh giới ấy hiện tiền. Theo kinh *Hoa Nghiêm* là từ Sơ Trụ trở lên, tức là từ Sơ Trụ của Viên giáo trở lên. Để đạt đến quả vị rốt ráo còn có 42 địa vị là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác... Khi chúng ta học *Hoa Nghiêm* sẽ hiểu rõ, khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra các đẳng cấp? 42 tầng cấp lại do đâu mà có? Có 42 tầng cấp sẽ chẳng bình đẳng. Chẳng bình đẳng sẽ không ra khỏi mười pháp giới.

Do vậy, chúng ta thật sự hiểu rõ, thật sự là pháp giới bình đẳng, chẳng có giai cấp. Vì sao không có giai cấp mà đức Thế Tôn phải nói 42 địa vị? Đấy là để cho chúng ta hiểu rõ tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn. Những vị tổ sư đại đức trong quá khứ khi giảng kinh Đại thừa đã nói rất tỉ mỉ: Quả thật các vị ấy (hàng Pháp thân đại sĩ) đã thật sự đoạn phiền não, nhưng chưa đoạn tập khí. Tập khí có trở ngại Sự hay không? Chẳng trở ngại Sự. Tập khí Vô Minh chẳng trở ngại Sự, nhưng tập khí Kiến Tư trở ngại Sự, sẽ tạo nghiệp; tập khí Trần Sa tương đối nhẹ hơn một chút. Vì thế, có thể nói là trí tuệ, thần thông, đạo lực của các Ngài chẳng khác gì Phật quả rốt ráo viên mãn.

Từ kinh Đại thừa, chúng ta thấy các Ngài có thể đối với chúng sinh hữu duyên trong mười phương các cõi Phật

khắp pháp giới tận hư không giới, hễ chúng sinh có cảm, các Ngài bèn có thể ứng, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy. Nên dùng thân Phật để đắc độ bèn hiện thân Phật; nên dùng thân Bồ tát đắc độ bèn hiện thân Bồ tát, cho đến nên dùng hoa, cỏ, cây cối để độ bèn hiện thân hoa, cỏ, cây cối, thật sự đắc đại tự tại! Năng lực ứng hóa bình đẳng, viên mãn, chẳng có mảy may sai biệt, đó là 6 thứ năng lực có sẵn trong chúng ta được khôi phục viên mãn. Chúng ta phải liễu giải thần thông, chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng! Chúng là năng lực sẵn có, bị nghiệp chướng của chính chúng ta ngăn trở nên chẳng thể hiển hiện. Hễ nghiệp chướng tiêu trừ, năng lực bèn khôi phục.

Tiếp theo đó là giải thích đơn giản ý nghĩa của thần và thông. Thần là thần kỳ, chẳng thể lường, vượt ngoài kiến thức thông thường của chúng ta. Ngày hôm qua, tôi đã phân tích cùng quý vị, thông đạt chân tướng của vạn sự vạn vật, kinh Phật gọi chân tướng ấy là *"Chư pháp thật tướng"*. Thông đạt Chư pháp thật tướng sẽ được gọi là thần, người Trung Quốc gọi hạng người ấy là thánh. Thần và thánh có cùng một ý nghĩa, đều là "thông đạt, hiểu rõ". Tiếp đó, thông là chẳng có chướng ngại. Thần là thông đạt chẳng bị chướng ngại.

Tiếp đó, *"Đạt giả, Gia Tường viết: Đạt giả, ngôn chứng"*, ("Đạt", Ngài Gia Tường bảo: "Đạt ý nói là chứng"), có nghĩa là chứng. *"Chứng Lục thông, Tam minh đẳng thị dã"* (Chính

là chứng Lục thông, Tam minh v.v...). Tam minh vẫn là Lục thông. Tam minh là Thiên nhãn minh, Túc mạng minh, và Lậu tận minh, 3 thứ năng lực ấy đã đạt tới rốt ráo viên mãn. Trên thực tế, 3 thứ này đạt tới rốt ráo viên mãn thì cả 6 thứ kia đều đạt đến rốt ráo viên mãn. Tại Như Lai quả địa gọi là Tam minh. Tại địa vị Bồ tát gọi là Lục thông. Do trình độ công phu sai khác mà có danh xưng khác biệt.

"A Nan đương thời, tuy vị đắc Lậu Tận" (Tuy thuở ấy, Ngài A Nan chưa đắc Lậu tận). Lúc đức Thế Tôn tại thế, Ngài A Nan thị hiện làm Tu Đà Hoàn, chỉ chứng Sơ Quả. Vì sao? Vì đa văn, chuộng đa văn, cũng có nghĩa là: Công phu định lực còn yếu kém một chút. Những đồng học khác đều là chuyên tâm tu hành, đều có thể chứng từ Tứ Quả trở lên, còn Ngài A Nan vẫn mang thân phận Tu Đà Hoàn. Vì sao cũng có thể gọi là "đại thánh"? Ở đây, tuy Ngài chưa đắc Lậu tận, *"đản dĩ đương cơ, ưng tu tịnh liệt"* (do là đương cơ nên cũng xếp vào số các vị đại thánh), nhưng vì A Nan sẽ truyền giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni. Có 2 người truyền pháp của đức Thế Tôn: Tôn giả Đại Ca Diếp truyền Thiền, truyền Tông Môn, A Nan truyền Giáo Hạ, đa văn đệ nhất. Trên thực tế, 2 Ngài đều là đại quyền thị hiện. Đại quyền là Pháp thân Bồ tát, thậm chí là cổ Phật tái lai. Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ. Trên sân khấu, các Ngài mang thân phận khác nhau, nhưng sau sân khấu đều là chư Phật Như Lai lỗi lạc. Do vậy, cũng xếp Ngài A Nan vào hàng đại thánh.

Tiếp đó, trong *Tịnh Ảnh Sớ* có giải thích: *"A Nan tăng thượng lợi căn, tuy cư học địa, vị đắc Vô học quả vị"* (A Nan lợi căn tăng thượng, tuy còn ở địa vị Hữu học, chưa đạt được quả vị Vô học). Vô học là A La Hán, đấy là Tứ Quả, Tứ Hướng trong Tiểu thừa. Quả vị A La Hán là Vô học, đã tốt nghiệp. Ngài A Nan mới là Sơ Quả, trong 8 tầng cấp. Sơ Quả thuộc loại thứ hai. *"Nhi thành vô thượng thắng diệu công đức, cố viết đại thánh"* (Nhưng thành tựu công đức vô thượng thắng diệu, nên gọi là đại thánh). Ngài là bậc lợi căn tăng thượng, *"nghe một, ngộ cả ngàn"*. Trí nhớ và sức lý giải vô cùng mạnh mẽ, không chỉ các vị A La Hán dưới tòa của đức Thế Tôn chẳng bằng Ngài, mà rất nhiều vị Quyền Giáo Bồ tát cũng chẳng bằng, đều kém hơn. Pháp thân đại sĩ chẳng cần phải nói nữa, Quyền Giáo Bồ tát đều chẳng bằng Ngài. Vì thế, Ngài cũng được xếp vào đây, gọi là *"đại thánh"*.

"Ư thần thông trung, liễu giải tất cánh" (Đã hiểu biết trọn vẹn thần thông), phải đặc biệt mở dấu ngoặc ở đây: *"Liễu giải tất cánh"* là liễu giải triệt để, nên gọi là *"dĩ đạt"*. *"Thị cố A Nan diệc đắc danh liệt nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt"* (Do vậy, Ngài A Nan cũng được nêu tên trong số "nhất thiết đại thánh thần thông dĩ đạt"). Vì thế, đây là lời tán thán, Ngài A Nan cũng được kể trong ấy. Đây là giới thiệu đơn giản, tán thán đức hạnh của chúng Thanh Văn.

Tiếp đó, liệt kê 5 vị tôn giả. 5 vị này đều có tính chất đại biểu. Ý nghĩa được bao hàm trong danh hiệu của mỗi vị đều

vô cùng sâu. Sau khi hiểu rõ, mới biết những người được kể tên trong kinh điển nhất định là để biểu thị sự thù thắng của pháp hội ấy. Giống như hội nghị trong thế gian, quý vị thấy những ai tham gia hội nghị bèn hiểu rõ hội nghị ấy có tính chất gì, họ đang thảo luận vấn đề gì. Xin quý vị hãy nhìn vào những vị ấy, thật sự liễu giải, biết bộ kinh này đại biểu điều gì, bàn luận những gì. Trên thực tế, những vị đệ tử ấy hội nào của đức Thế Tôn cũng tham gia, vì sao khi kết tập phải nhắc đến danh hiệu vị này, mà chẳng nhắc tới vị kia? Biểu thị pháp; dụng ý ở chỗ này.

"Kỳ danh viết, tôn giả Kiều Trần Như" (Tên các Ngài là: Tôn giả Kiều Trần Như), đây là vị thứ nhất. *"Tôn giả"* là văn tự Trung Quốc, tiếng Phạn là A Lê Da (Ārya). A Lê Da dịch sang nghĩa tiếng Hán là: *"Thánh giả, tôn giả, vị trí đức cụ tôn giả, nãi A La Hán chi tôn xưng"* (Thánh giả, Tôn giả, tức là bậc trí và đức đầy đủ đáng tôn trọng, cũng là tiếng tôn xưng bậc A La Hán).

Hiện thời, ở Trung Quốc cũng có thói quen xưng hô như vậy. Tại Trung Quốc Đại Lục rất phổ biến, tôn kính người nào đó thì thêm từ ngữ "đáng tôn kính" vào sau tên người đó, đấy chính là "tôn giả". Đây là một cách xưng hô tôn kính nhất. Tại Trung Quốc, rất nhiều từ ngữ được dùng trong đàm thoại vốn phát xuất từ kinh Phật. Vì vậy, trước kia, cụ Triệu Phác Sơ thường nói: *"Nếu người Trung Quốc không dùng đến Phật giáo, thì nói năng cũng chẳng được!"*. Câu nói

ấy rất có lý. Quý vị thấy rất nhiều ngôn từ trong đàm thoại toàn bộ đều phát xuất từ kinh Phật. *"Tôn kính"* là chữ phát xuất từ *"tôn giả"* trong kinh Phật. Có đức đáng tôn trọng nên nói là tôn giả, đấy là bậc có đạo đức, có địa vị. *"Hội Sớ viết: Tôn vị tôn quý, hữu đức khả quý, cố viết Tôn giả"* (Sách *Hội Sớ* giảng: "Tôn là tôn quý, có đức đáng quý, nên gọi là Tôn giả"), nhằm giải thích 2 từ ấy có nghĩa là người ấy đức hạnh, học vấn, địa vị, cống hiến cũng đều có điểm đặc thù. Vì thế, được đại chúng trong xã hội gọi là "tôn giả", nghĩa là đáng tôn kính.

Tiếp, nói về tên của các Ngài*: "Kiều Trần Như Phạn văn toàn danh, tác A Nhã Kiều Trần Như. A Nhã thị danh, Kiều Trần Như thị tánh"* (Kiều Trần Như: Tên gọi đầy đủ trong tiếng Phạn là A Nhã Kiều Trần Như (Ājñātakaundinya). A Nhã là tên, Kiều Trần Như là họ). Họ ấy được dịch ra tiếng Hán sẽ là Liễu Bổn Tế, hoặc Tri Bổn Tế. Đơn giản hơn một chút sẽ dịch là Dĩ Tri hoặc Vô Tri, có mấy ý nghĩa ấy. Lão cư sĩ rất dụng tâm, nhằm thuận tiện cho chúng ta, cụ đã giải thích từ Vô tri: *"Vô tri chi nghĩa, phi vô sở tri, thị tri Vô chi nghĩa"* (Vô tri không có nghĩa là chẳng biết gì, mà có nghĩa là biết được cái Không).

Đối với ý nghĩa này, chắc kẻ sơ học vẫn chẳng hiểu rõ lắm. Kinh *Bát Nhã* dạy: *"Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết"*, Vô tri là Căn bản trí. Không gì chẳng biết là Hậu đắc trí. Vô tri là Căn bản trí, tức là biết Vô. Ngài là người thứ nhất khai

ngộ, chứng A La Hán sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo. Kinh *Niết Bàn* có nhắc tới câu chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể.

Thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, một mực tu hành, người ta thường gọi Ngài là Nhẫn Nhục tiên nhân. Một hôm, gặp vua Ca Lợi. Ca Lợi (Kalingarāja) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Bạo Ngược, là một ông vua hung bạo, chẳng phải là một ông vua tốt. Nhẫn Nhục tiên nhân gặp phải một người như thế, bị nhà vua cắt chặt thân thể. Vua hỏi tiên nhân: "Nhà ngươi sống trong hang núi, tu gì vậy?". Tiên nhân nói: "Tu Nhẫn Nhục". Được lắm, ta coi thử ngươi có nhẫn nổi hay không? Chặt ngươi một đao, có thể nhẫn hay không? Nhẫn được! Lại chặt một nhát nữa, một mực xử tử lăng trì tiên nhân. Vua Ca Lợi nói: "Thử coi ngươi còn sinh lòng tức giận hay chăng? Có oán hận hay không?". "Chẳng oán hận".

Cuối cùng, trước khi chết, tiên nhân bảo vua Ca Lợi: "Trong tương lai, tôi thành Phật, người tôi sẽ độ đầu tiên là bệ hạ". Nhẫn Nhục tiên nhân là Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôn giả Kiều Trần Như là vua Ca Lợi thuở ấy. Nói sao làm vậy, đúng là người thứ nhất được độ là tôn giả. Vì thế, Ngài là đệ tử đầu tiên của đức Thế Tôn, là người thành tựu đầu tiên. Điều này, đại biểu điều gì? Đại biểu bộ kinh này là bộ kinh bậc nhất của Phật Thích Ca Mâu Ni, nương theo bộ kinh này tu hành sẽ là đệ tử bậc nhất của Phật Thích Ca, biểu

thị ý nghĩa ấy. Pháp môn này là pháp môn bậc nhất để Phật Thích Ca Mâu Ni phổ độ chúng sinh, nên xếp Ngài Kiều Trần Như lên đầu. Các vị thấy rất nhiều kinh điển có nêu tên Ngài Kiều Trần Như đầu tiên hay không? Chẳng có! Chỉ có kinh *Vô Lượng Thọ* xếp tên Ngài vào đây, chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Tri Vô (biết cái Không) là thật sự liễu giải Chư pháp thật tướng, đúng như kinh *Đại Bát Nhã* đã nói: *"Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được".* Đó là Căn bản trí. Thật sự hiểu rõ, khẳng định, quý vị nói Ngài còn có gì chẳng thể buông xuống? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống sẽ chứng quả. Chứng quả gì? Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, thành Phật. Nếu thành Phật mà tập khí còn chưa đoạn hết, Thiên Thai Đại sư gọi quả vị Phật ấy là Phần Chứng Tức Phật, chưa phải là viên mãn Phật, mà là Phần Chứng Tức Phật.

Xét theo Lý, Phần Chứng Tức Phật và viên mãn Phật có sai biệt do tập khí phiền não chưa đoạn trọn vẹn, nhưng về mặt Tướng, mặt Sự, chẳng có sai biệt mảy may. Vì tập khí chẳng phải là Kiến Tư phiền não, chẳng phải là Trần Sa phiền não. Tập khí Kiến Tư và Trần Sa phiền não có tác dụng; tập khí Vô Minh gọi là khởi tâm động niệm. Tập khí Vô Minh chẳng trở ngại Sự, chẳng hề chướng ngại tự hành, hóa tha, cho nên Ngài có thể hiện thân khắp pháp giới.

Trong *Tịnh Ảnh Sớ* nói: A là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô. Quý vị thấy A Di Đà Phật, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, hoặc dịch là Trí. Danh hiệu này chẳng phải là không thể dịch sang tiếng Hán, nhưng do tôn trọng nên không dịch. Do bao hàm nhiều nghĩa nên không dịch. Nó có 2 ý nghĩa, nên vẫn phải dịch âm rồi chú giải thêm. *"Nhã chi ngôn Trí"* (Nhã là Trí), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Trí. Hợp 2 chữ A và Nhã lại là Vô trí. Vô trí nghĩa là gì? *"Chứng vô thành trí"*, tức là vô sở hữu trí, thật sự liễu giải hết thảy các pháp vô sở hữu, *"cố danh Vô trí"* (nên gọi là Vô trí). *"Vô, thị nhất thiết chư pháp bản tính"* (Vô là bản tính của hết thảy các pháp), cho nên *"danh vi bổn tế"* (gọi là bổn tế). Bổn tế là bản tính.

Trong giáo pháp Đại thừa, chúng ta học bản tính đã nhiều năm ngần ấy, tuy chưa phải là cảnh giới của chính mình, nhưng nghe đức Phật giảng trong kinh, nghe nhiều lượt, cũng biết một hai điều, có thể nói rõ ràng, minh bạch chuyện này, tuy chưa phải là cảnh giới của chính mình. Vì sao? Chưa buông khởi tâm động niệm xuống. Trong kinh giáo Đại thừa, đức Phật thường giảng: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"*. Kinh *Kim Cương* dạy: *"Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế"*. Đó là Liễu bổn tế. Bổn tế là bản tính, là chân tâm. Kinh *Hoa Nghiêm* dạy chúng ta về Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới: *"Duy*

tâm sở hiện. Duy thức sở biến". Quý vị có thể tham thấu suốt 2 câu ấy, tâm sẽ định. Hết thảy các pháp do tâm hiện, do tự tính hiện, mà cũng do bổn tế hiện.

Bổn tế, bản tính, chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, hiện tượng gì cũng đều không có, nhưng nó có thể sinh, có thể hiện. Thuở ấy, Huệ Năng Đại sư kiến tính, đã nói 5 câu nhằm hình dung tình trạng kiến tính, được Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn chứng minh. Trong đó, câu thứ 3 là *"Nào ngờ tự tính, vốn tự trọn đủ".*

Câu cuối cùng là *"Nào ngờ tự tính, có thể sinh ra vạn pháp".* Gộp 2 câu này lại để xem, khi tự tính chẳng khởi tác dụng, thứ gì cũng đều không có, nhưng quý vị chẳng thể nói nó là Không, vì thứ gì nó cũng trọn đủ. Thứ gì cũng trọn đủ, nhưng đều chẳng hiện. Khi nó khởi tác dụng bèn có thể sinh ra vạn pháp. Vì thế, khi nó chẳng hiện, tức là ẩn, khi hiện là hiển lộ. Ẩn và hiển chẳng hai. Khi ẩn, chẳng thể nói nó là Vô, khi hiện tướng, nó có thể sinh ra vạn pháp, chẳng thể nói là nó Hữu.

Giống như hiện thời chúng ta nhìn vào màn hình TV. Quý vị thấy màn hình TV hễ vặn trúng băng tần, tướng bèn hiện tiền. Khi tướng hiện tiền, chẳng thể nói nó là Có. Khi tắt máy đi, chẳng còn hiện tướng, chẳng thể nói nó là Không. Chúng ta dùng tỷ dụ này, tỷ dụ này rất thô, nhưng dễ liễu giải. Tự tính giống như vậy đó. Vì sao nó có thể hiện? Điều này được

kinh Phật giảng rất nhiều. Kinh Đại thừa thường nói: *"Nhất niệm bất giác bèn có vô minh"*. Vô minh là gì? Vô minh là A Lại Da. A Lại Da do đâu mà có? Nhất niệm bất giác.

Bổn tế là từ trong bản tính dấy lên A Lại Da, A Lại Da chẳng có lý do gì, quý vị cũng chẳng thể hỏi vì sao một niệm bất giác? Vì sao có A Lại Da? Chính quý vị hãy khéo suy nghĩ. Quý vị hỏi câu ấy, phân biệt nổi lên, chấp trước cũng dấy lên, quý vị càng mê sâu hơn. Làm như thế nào mới có thể liễu bổn tế? Liễu (了) là hiểu rõ. Vì thế, các nhà khoa học chẳng thể sánh bằng các vị đại thánh này. Những vị đại thánh này có thể kiến tính, khoa học gia chẳng thể kiến tính. Vì sao? Họ biết hỏi, phát hiện: "Vì sao có cái này, vì sao có cái kia?", thêm vô đó bao nhiêu dấu hỏi. Quý vị thấy từ khởi tâm động niệm biến thành phân biệt. Phân biệt do khởi tâm động niệm mà có; chấp trước do phân biệt mà có, càng bị hãm sâu hơn.

Trong kinh Đại thừa, đức Phật đã nói chuyện này từ 3.000 năm trước. Ngài giảng cho chúng ta biết 8 thức, giảng về tác dụng của mỗi thức. Nói theo cách bây giờ, A Lại Da là ký ức. Vì sao chúng ta có thể nhớ được những chuyện đã từng trải qua? Có nhớ được chuyện trong đời quá khứ hay không? Vẫn nhớ! Vì sao biết quý vị nhớ được? Quý vị thấy hiện thời thuật thôi miên ở ngoại quốc có thể làm cho một người trở về khá nhiều đời trong quá khứ. Tôi đọc một báo cáo, nói chung là rất khó có, người được thôi miên ấy có thể trở lại hơn 80 đời trong quá khứ. Tình hình mỗi đời đều biết rõ ràng.

80 đời là trở lại hơn 4.000 năm trước, còn ở trong hang động, chưa có nhà ở, người ấy có thể nói ra tình hình cuộc sống lúc đó. Vì sao người ấy có thể nhớ được? A Lại Da là kho tài liệu. Những chuyện chúng ta đã trải qua trong đời đời kiếp kiếp, tài liệu đều được gìn giữ trong đó. Quý vị thấy thôi miên có thể lôi ra các tài liệu. "Tái lai" là công phu định lực bình thường. Trong thiền định có thể lấy ra toàn bộ những ký ức từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. A Lại Da là ký ức. Mạt Na là chấp trước. Ý thức là phân biệt. 5 thức trước chỉ có tác dụng chiếu kiến, chứ không có tác dụng nào khác.

Chúng ta mắt thấy, tai nghe, giống như máy chụp ảnh. Mắt giống như máy chụp ảnh, thu vào sắc tướng bên ngoài, tác dụng của nó ở chỗ này. Nhãn thức không phân biệt, cũng chẳng chấp trước. Thức thứ 6, tức Ý thức, thấy như thế nào? Thức thứ 6, tức Ý thức, chẳng thấy bên ngoài, mà thấy hình ảnh được soi chiếu bởi Nhãn thức. Thức thứ 6, tức Ý thức, duyên theo tướng phần của Nhãn thức. Tướng phần từ bên ngoài chiếu vào Ý thức, Ý thức bèn duyên theo tướng phần ấy, khởi lên phân biệt nơi tướng phần. Thức thứ 7 lại duyên theo tướng phần của thức thứ 6. Từ tướng phần của thức thứ 6 mà khởi chấp trước, hư vọng! Thức thứ 6 và thứ 7 chẳng thật sự thấy cảnh giới bên ngoài. Cảnh giới bên ngoài chỉ có trong 5 căn trước, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Chúng là cảnh giới hiện lượng.

Do vậy, thức thứ 6 và thức thứ 7 là đối tượng được duyên (sở duyên) bởi A Lại Da. A Lại Da có cảnh giới hiện lượng. Thức thứ 6 và thức thứ 7 chẳng có cảnh giới hiện lượng, chúng đúng là tỷ lượng, đó là hư vọng. Quý vị thấy chúng khởi phân biệt, khởi chấp trước nơi đó, há chẳng phải là giống như chúng ta xem TV. Từ hình tướng của TV bèn dấy lên phân biệt, chấp trước, chẳng phải là ở ngay nơi hiện trường (cảnh giới thật sự). Khi nào có thể đạt đến hiện trường? Chuyển A Lại Da thành Đại viên kính trí, quý vị sẽ thấy hiện trường.

Khi quý vị chưa chuyển thức thành trí, thì quý vị chưa thấy hiện trường. Nay, chúng ta ngỡ đó là hiện trường là sai rồi, chẳng phải vậy! Chẳng phải là hiện trường! Tâm lý học của Duy thức cao lắm. Khoa Tâm lý học trong đại học hiện thời đem so với Duy thức sẽ thua kém quá xa. Duy thức giảng thật vi tế, giảng thật sự có lý. Vì vậy, mỗi ngày chúng ta tạo nghiệp, quý vị nói xem có phải là tạo nghiệp oan uổng lắm không? Chẳng phải là hiện trường! Thật sự thấy hiện trường, sẽ chẳng tạo nghiệp. Hiện trường là cảnh giới gì? Quý vị trông thấy chân tướng, trong kinh Phật nói *"Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không"*.

Hết sức khó có, phát hiện của các khoa học gia lượng tử hiện thời ngày càng gần với giáo pháp Đại thừa. Họ phát hiện 3 tế tướng của A Lại Da. 8 thức, 51 Tâm sở. 8 thức có 4 phần. Tâm sở cũng có 4 phần: Tự chứng phần, Chứng tự

chứng phần, Tướng phần, và Kiến phần. Đó kiến thức cơ bản thông thường trong Phật pháp Đại, Tiểu thừa, quý vị chớ nên không biết. Nếu quý vị không biết, sẽ chẳng có phương pháp nào tác quán, chẳng có cách nào tu chỉ quán. Phương pháp tu hành chỉ quán được kiến lập trên cơ sở này, quý vị phải liễu giải chân tướng sự thật.

Hiện thời, khoa học có thể hiểu rõ cuộc đàm thoại giữa đức Thế Tôn và Bồ tát Di Lặc. Bồ tát Di Lặc đáp câu hỏi của đức Phật: *"Tâm hữu sở niệm?"* (Tâm có mấy niệm). Phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, trong tâm dấy lên một niệm thì trong một niệm ấy có bao nhiêu niệm vi tế hiển hiện? Trong niệm ấy có mấy Tướng phần, có mấy Kiến phần? Kiến phần là thức. Tướng phần là hình trạng. Chúng ta gọi nó là vật chất. Do vậy, Tướng phần là Cảnh giới tướng. Kiến phần là Chuyển tướng. Vì sao? Nó có thể chuyển biến. *"Duy thức sở biến"* là nói về Chuyển tướng, nó có thể biến. Bồ tát Di Lặc trả lời: *"Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm"*. Hiện thời, khoa học dùng giây làm đơn vị, tức là đối với thời gian dùng giây làm đơn vị.

Trong một giây, chúng ta có thể khảy ngón tay mấy lần? Nói chung, tôi khảy vẫn chưa đủ nhanh. Tôi tin là có người khảy nhanh hơn tôi. Tôi có thể khảy 4 lần. Tôi tin người khác có thể khảy đến 5 lần. Chúng ta tính ra, một cái khảy ngón tay là ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, tức là ba trăm hai mươi triệu niệm. Nếu tính một giây có thể khảy 5 lần, sẽ là

một tỷ sáu trăm triệu, đơn vị là triệu. Một giây có một tỷ sáu trăm triệu niệm vi tế. Niệm ấy xuất hiện gì? Xuất hiện hiện tượng vật chất, và cũng xuất hiện hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời. Khoa học gia phát hiện, họ nói hiện tượng vật chất là từ Không sinh ra Có, tốc độ quá nhanh, giống như vừa sinh ra bèn tiêu diệt ngay lập tức.

Trước mắt, chúng ta thấy hiện tượng vật chất là gì? Là huyễn tướng do ý niệm liên tục tích lũy phát sinh. Phát hiện của các nhà lượng tử lực học hiện đại và lời giảng của Bồ tát Di Lặc đúng là "không bàn định mà cùng phù hợp". Đức Phật dạy: *"Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"* là nói tới chuyện này, giống như chúng ta vặn đúng một băng tần của TV, trên màn hình bèn hiện tướng. Tình trạng là như vậy đó. Quý vị thấy tướng được hiện trên màn hình là do những điểm sáng nhỏ liên kết thành, hợp thành, chẳng thật. Mỗi điểm sáng nhỏ chẳng phải là giống như Bồ tát Di Lặc đã giảng, trong một giây lóe sáng bao nhiêu lần? Một tỷ sáu trăm triệu lượt, trong một giây đã là như vậy, thì nó có thật ở chỗ nào?

Chúng ta hoa mắt, lầm tưởng là chân thật, vẫn khởi phân biệt, khởi chấp trước trong ấy rồi tạo nghiệp. Quý vị nói xem có oan uổng hay không? Nhưng chúng ta chẳng biết những vị thánh giả đã thấy rất rõ ràng: *"Bản thể chính là không, trọn chẳng thể được!".* Do vậy, quý vị có thể tán thưởng hiện

tượng, nhưng ngàn muôn phần đừng nên chấp trước chúng, chớ khởi ý niệm khống chế, chiếm hữu chúng. Nếu khống chế, chiếm hữu, quý vị đã hoàn toàn trật lất rồi. Căn bản là không có chuyện này!

Chúng ta phải học theo chư Phật, Bồ tát, phải biết nhìn những hiện tượng ấy như thế nào? Chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng thể nói là nó có, cũng chẳng thể nói là nó không có, giữ thái độ ấy, quyết định chẳng chấp trước. Dùng tâm thái gì? Dùng tâm thái thuần tịnh, thuần thiện để nhìn vũ trụ. Vũ trụ hoàn toàn bảo trì hiện tượng bình thường. Nói theo cách bây giờ, sự bình thường ấy là lành mạnh nhất, viên mãn nhất, tốt lành nhất. Người xưa nói *"Chỉ ư chí thiện"* (Đạt tới tốt lành tột bậc). Thuần tịnh, thuần thiện là *"Chỉ ư chí thiện"*. Trong tôn giáo gọi *"Chỉ ư chí thiện"* là thiên đường, Phật môn gọi nó là thế giới Hoa Tạng hay thế giới Cực Lạc.

Thật ra, thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc và chúng ta có gì khác nhau? Thưa quý vị, giống hệt, chẳng có sai biệt một tí nào. Nhưng trong sự giới thiệu của đức Thế Tôn, thì có sai biệt rất lớn. Sai biệt do đâu mà có? Sai biệt là do tâm tưởng khác nhau, nên sai biệt to lớn. Trong tâm quý vị tưởng thiện, thứ gì trong thế giới này cũng đều tốt đẹp. Trong tâm quý vị nghĩ đến tham, sân, si, mạn, nghĩ đến tự tư, tự lợi, thị phi, nhân ngã, thì chẳng có gì trong thế giới này là thiện. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất hay, tướng tùy tâm sinh, cảnh chuyển theo tâm. Ý niệm của quý vị có thể chuyển biến thế

giới. Tôi nghĩ dăm ba năm nữa, lượng tử lực học sẽ phổ biến khắp cả thế giới. Sau khi đại chúng đều có thể tiếp nhận, địa cầu là nơi chúng ta cư trụ sẽ biến đổi. Vì sao? Con người liễu giải, hiểu rõ chân tướng sự thật, chỉ cần ý niệm của chúng ta là thiện, tất cả tai nạn trên địa cầu đều không có, vì nó là cảnh giới. Cảnh giới do tâm hiện, thức biến.

Vì sao trước đây hoàn cảnh tốt đẹp như vậy, sau khi khoa học phát triển, bèn có lắm tai nạn dường ấy? Cũng vì trước kia, tâm con người thuần hậu, dục vọng rất thấp. Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta thấy Ngài gần như không có dục vọng, suốt đời sống một cuộc đời đơn giản nhất, ba y, một bát, tối nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, cả đời lão nhân gia đã làm cho chúng ta thấy. Thứ gì cũng đều không có, thứ gì Ngài cũng chẳng cần, mỗi ngày giảng kinh, giáo học, mang thân phận gì? Thầy giáo! Nói theo cách chúng ta, Ngài mang chức nghiệp giáo sư.

30 tuổi khai ngộ. Sau khi khai ngộ bèn dạy học, chẳng gián đoạn ngày nào. 79 tuổi viên tịch. Vì thế, trong kinh thường nói lão nhân gia cả đời giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Hội giảng kinh giống như hiện thời chúng ta mở khóa học. Ngài tổ chức các khóa học hơn 300 lần, thời gian có lúc dài, lúc ngắn, nhỏ thì là mấy người, giảng mấy giờ; lớn là mấy năm, thảo luận một chuyên đề lớn. Pháp hội lớn hay nhỏ như vậy rất nhiều, Ngài thị hiện cho chúng ta, chẳng chấp trước mảy may, hết sức cởi mở. Có những quốc vương

hay đại thần có hoa viên, có biệt thự, thỉnh Ngài đến đó, trụ ở nơi ấy giảng kinh, Ngài cũng nhận lời. Ngài cũng chẳng nhất định cần phải có nơi chốn u tịch để giảng dạy. Ngài không nhất định phải trụ trên núi. Chẳng phải vậy, mà duyên vô cùng tùy thuận, hòa đồng. Kinh giảng xong, nơi khác có người mời đi, Ngài bèn đến nơi khác. Sống động, hoạt bát, tự tại lắm, chẳng có mảy may trói buộc gì!

Chúng ta phải quan sát sâu xa, liễu giải, học tập những điều ấy. Bởi lẽ, lão nhân gia thật sự tùy duyên tự tại, mảy may dục vọng đều chẳng có. Vì sao? Ngài thật sự đạt được vô ngã. Vì thế, vô ngã mới là thật sự nhập môn Phật giáo. Quý vị thấy Tu Đà Hoàn đã phá Thân kiến, chẳng còn nghĩ thân là ta. Phá Biên kiến sẽ chẳng thấy đối lập. Biên (邊) là nhị biên (hai bên), tức đối lập. Đối lập mới có mâu thuẫn, mới có xung đột. Do vậy, những điều ấy thảy đều không có. Không có thành kiến. Kiến thủ kiến và Giới thủ kiến đều thuộc về thành kiến. Thành kiến được nói thành 2 loại như thế. Đức Phật giảng sâu hơn một chút, một là thành kiến nơi nhân, hai là thành kiến nơi quả.

Giới thủ kiến là thành kiến nơi nhân. Kiến thủ kiến là thành kiến nơi quả. Loại cuối cùng là Tà kiến, tức cách nhìn sai lầm. Những thứ ấy đều buông xuống hết, đều đoạn sạch hết, sẽ chứng quả Tu Đà Hoàn. Trong Đại thừa, theo kinh *Hoa Nghiêm*, đó là địa vị Sơ Tín Bồ tát, chính là thánh nhân, mới nhập môn! Nhập môn rất khó, sau khi nhập môn sẽ dễ

dàng, đúng là thuận buồm xuôi gió, từng bước tiến cao hơn.

Thuở ấy, lúc tôi mới học Phật, người xuất gia tôi được tiếp xúc lần đầu tiên là Chương Gia Đại sư. Tôi hướng về lão nhân gia thỉnh giáo: "Tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho con, nên con biết trong ấy có đại học vấn, triết học cao cấp, có phương pháp nào khiến cho chúng ta khế nhập rất nhanh hay chăng?". Chương Gia Đại sư bảo: *"Thấy thấu suốt, buông xuống, anh sẽ khế nhập!".* Đúng vậy, Ngài chẳng nói lời giả, ngày đầu tiên đã giãi bày toàn bộ. Tôi học nhiều năm như thế mới biết, từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, dùng công phu gì? Thấy thấu suốt giúp buông xuống. Buông xuống giúp thấy thấu suốt.

2 thứ này giúp lẫn nhau thành tựu mãi cho đến địa vị Như Lai. Bắt đầu từ chỗ nào? Trước hết, bắt đầu từ buông xuống. Buông tự tư, tự lợi xuống. Buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống. Buông ngũ dục, lục trần xuống. Quý vị bắt đầu từ chỗ ấy. Quý vị chẳng thực hiện từ chỗ ấy, sẽ chẳng có cách nào thấy thấu suốt. Sau khi thấy thấu suốt, nó sẽ giúp quý vị buông xuống sâu hơn. Đó là công phu giúp đỡ, thành tựu lẫn nhau. Đấy là bí quyết trong Phật pháp, không có gì khác, nói xuyên suốt, chẳng có tí ti hiếm hoi, lạ lùng nào, siêu phàm nhập thánh! Hiện thời, các nhà khoa học lượng tử nói hết thảy các pháp đều thuộc về "trong Không sinh ra Có", sinh rồi bèn diệt, sinh diệt đồng thời, đấy là nói chúng ta đã hiểu rõ bổn tế, nên gọi là liễu bổn tế.

"Kiều Trần Như ư Thế Tôn sơ chuyển pháp luân, độ ngũ tỳ-kheo thời, thủ tiên ngộ đạo" (Lúc đức Thế Tôn chuyển pháp luân lần đầu tiên, độ 5 tỳ-kheo. Ngài Kiều Trần Như ngộ đạo đầu tiên). Ngài chứng quả A La Hán. Người đầu tiên chứng quả A La Hán chính là Ngài. Trong *Pháp Hoa Văn Cú*, do Trí Giả Đại sư soạn, có nói: *"Thị Thích Ca pháp trung đệ nhất đệ tử"* (Là đệ tử thứ nhất trong pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni). Câu này rất quan trọng. Trong kinh này, nếu đã ghi tên của Ngài, tức là biểu thị pháp: Kinh này là kinh bậc nhất để Phật Thích Ca độ chúng sinh, biểu thị ý nghĩa ấy.

"Tăng Nhất A Hàm Kinh Đệ Tử phẩm trung, Phật xưng vi chi: - Ngã Thanh Văn trung đệ nhất tỳ-kheo, khoan nhân, bác thức, thiện năng khuyến hóa, tương dưỡng thánh chúng, bất thất oai nghi" (Trong phẩm *Đệ Tử* của kinh *Tăng Nhất A Hàm*, đức Phật đã khen ngợi Kiều Trần Như: "Tỳ-kheo bậc nhất trong các Thanh Văn của ta, lòng nhân rộng lớn, kiến thức rộng rãi, khéo khuyên răn, giáo hóa, dẫn dắt bồi dưỡng thánh chúng, oai nghi chẳng thiếu sót").

Đây là Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán tôn giả, giống như Khổng lão phu tử tán thán những người thành tựu trong các môn đệ, phu tử thường khen ngợi Nhan Hồi. Điều khó có nhất của Nhan Hồi là *"bất nhị quá"* (chẳng tái phạm lầm lỗi), điều này rất khó thực hiện, thật sự sám hối. Ngài Kiều Trần Như là tỳ-kheo bậc nhất trong các đệ tử Thanh Văn, là người chứng A La Hán đầu tiên.

"Khoan nhân": Khoan hồng, độ lượng, nhân từ, bác ái; lại hiếu học. *"Bác thức"* là hiếu học, chúng ta nói là tri thức uyên bác. *"Thiện năng khuyến hóa"*: Ngài giáo học vô cùng thành công. Đệ tử Phật Thích Ca Mâu Ni thuở ấy không có khoa học kỹ thuật hiện đại, đức Phật muốn phổ độ chúng sinh nhất định phải có các đệ tử giúp sức. Những môn đệ hằng ngày đi khất thực đều nhằm giáo hóa chúng sinh. Khi khất thực, nhất định phải thuyết pháp cho trai chủ, chẳng thể nào xin xong bèn bỏ đi, chẳng có đạo lý ấy.

Người ta dùng tài bố thí, bố thí quý vị một bát cơm, người xuất gia báo đền thí chủ bằng pháp bố thí. Nếu người ta hỏi vấn đề gì, nhất định quý vị phải giải đáp giúp người ấy. Lúc chẳng có câu hỏi nào, quý vị phải biết quan sát căn cơ, thuyết pháp cho người tức là "vô vấn tự thuyết" (không hỏi mà tự nói), phải thuyết pháp cho người ấy.

Nếu chẳng có gì hết, thì cuối cùng tối thiểu là phải chúc phúc cho người ấy. Chúng ta nói là "kỳ đảo chúc phúc", phải chúc phúc cho thí chủ, thì mới có thể tiếp nhận sự cúng dường của người ta. Chẳng nói, tức là đã tiếp nhận cúng dường suông, sau đó chẳng có gì hết, không thể được! Vì thế, hễ gặp dịp bèn giáo dục, giáo dục trọn khắp cõi đời.

Lời đức Phật làm cách nào để truyền đến tai quần chúng, khiến cho quần chúng nghe sự giáo hóa của Phật bèn y pháp phụng hành? Kinh thường nói những vị đệ tử

ấy là 1.255 người. Kinh này nói có một vạn hai ngàn vị tỳ-kheo, nhiều quá, giống như kinh *Pháp Hoa*. Vì thế, quý vị hiểu thuở Phật Đà tại thế, Phật giáo là gì? Là giáo dục, giáo dục chính cống! Đức Phật chẳng thay đổi, mãi cho đến khi Ngài viên tịch lúc 79 tuổi, hoàn toàn là giáo học, chúng ta phải biết điều này.

Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, thế hệ chúng ta những kẻ học trò đời sau, là kẻ đại bất hiếu, cớ sao biến giáo hóa của thầy thành tôn giáo và mê tín? Dựa vào điều này, chúng ta đáng đọa địa ngục, lẽ nào chẳng có lỗi đối với thầy? Vì thế, ngày hôm nay, chúng ta có sứ mạng phải thay thầy đảo ngược tình thế, xoay ngược lại cục diện bằng cách nào? Bản thân chúng ta làm gương. Chúng ta đi theo phương hướng giáo dục của đức Phật, khiến cho mọi người thấy chúng ta chẳng phải là tôn giáo. Trong tôn giáo có thần, trong Phật giáo chẳng có thần.

Chúng tôi tiếp xúc rất nhiều tôn giáo. Các tôn giáo đều nói trong vũ trụ chỉ có một chân thần. Chúng ta gọi chân thần là bản tính, chân tâm là tự tính. Vũ trụ do tâm hiện, thức biến. Họ nói chân thần tạo ra vũ trụ, tạo ra vạn vật, còn Phật giáo bảo vạn vật do tâm hiện, thức biến. Chúng ta nói với họ như vậy, họ có thể tiếp nhận thì rất khó có.

Vì thế, tôi hy vọng các tín ngưỡng, tôn giáo hãy khéo học tập giáo dục tôn giáo. Dùng tiếng Hán để giải thích 2 từ "Tôn

giáo" sẽ thấy hay tột bực. Tiếng ngoại quốc truyền tới Trung Quốc, thuở ấy, người Trung Quốc đã dùng 2 từ *"tôn giáo"* (宗教)[42] để dịch chữ *Religion* rất hay! Phải giảng chữ Tôn như thế nào? Quý vị tra tự điển sẽ thấy nó có 3 ý nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, tôn sùng. Giáo là giáo dục, giáo học, giáo hóa. Hợp lại để nhìn, tôn giáo sẽ trở thành gì? Giáo dục chủ yếu, giáo học trọng yếu, giáo hóa đáng tôn sùng. Chúng ta đem những ý nghĩa trong danh từ này để nói rõ với các tôn giáo trên thế giới, chẳng có ai không hoan hỷ.

Kinh chẳng phải để cho quý vị tụng. Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, chưa có kinh sách, chúng ta biết kinh có từ lúc nào? Sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni vãng sinh, các môn đệ trong quá khứ đã từng nghe thầy giáo huấn, ghi chép lại theo trí nhớ thành văn tự, lưu truyền cho hậu thế, đấy là kinh điển. Kinh điển do vậy mà có! Thuở ấy, thầy dạy học toàn là nói miệng, ngay cả bản thảo bài giảng cũng không có, đại cương cũng không có. Quý vị nghe hiểu rõ ràng, thông suốt, phải làm theo, phải thực hiện, y giáo phụng hành. Cuối mỗi bài giảng đều là *"y giáo phụng hành"*, hoặc *"tín thọ phụng hành"* (tin nhận vâng làm), thường dùng 4 từ ấy. Tin tưởng thầy chẳng hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận, tiếp nhận là làm theo, đó gọi là học Phật. Chỉ niệm kinh suông, chẳng thể thực hiện những giáo huấn và nghĩa lý trong kinh thì sẽ là mê tín, tôn giáo ấy có ích gì cho xã hội?

[42] Đúng ra phải đọc là Tông Giáo, nhưng chúng ta quen đọc chữ này thành "tôn giáo".

Tháng trước, vào đầu tháng Sáu, tôi đã theo phái đoàn tôn giáo Mã Lai đến thăm Phạm Đế Cương (Vatican), gặp gỡ Giáo hoàng và các giám mục thuộc Tòa Thánh, nghe họ báo cáo. Hồng Y Đào Nhiên (Jean-Louis Tauran) bảo tôi: "Trong thời đại này, người tín ngưỡng, tôn giáo mỗi năm một ít hơn". Họ đã thống kê, người chẳng tin tưởng tôn giáo mỗi năm một đông hơn, họ rất lo ngại. Trong lúc trao đổi, tôi cũng có trình bày, báo cáo, tôi nói vì sao thuở giáo chủ lập giáo có nhiều người tin tưởng dường ấy, có nhiều tín chúng ngần ấy, học trò đều có thể y giáo phụng hành? Do giáo dục tốt!

Quý vị xem nhé: Tôn giáo là giáo dục trọng yếu, giáo học chủ yếu, giáo hóa đáng tôn sùng, ai chẳng hoan hỷ? Trải qua các đời mãi cho đến hiện thời, trên cả thế giới, đạo Thiên Chúa có hơn mười ức tín đồ, nếu tính cả đạo Cơ Đốc, họ là một nhà, gộp thành hơn hai mươi ức; đây là tôn giáo lớn nhất trên thế giới. Phỏng đoán Y Tư Lan giáo (Islam) tối thiểu cũng có hơn mười ba ức tín đồ, Phật giáo ít hơn một chút, khoảng chừng bảy sáu ức. Đó là những tôn giáo lớn trên thế giới, số người của 3 tôn giáo gộp lại sẽ chiếm đến 2/3 số người trên cả thế giới.

Hiện thời, ta thấy có hiện tượng suy yếu, vì sao bị suy yếu? Trước đây, tôn giáo là giáo học, lên lớp. Đặc biệt là Phật giáo. Phật giáo truyền tới Trung Quốc, tự viện, am đường là trường học, chẳng phải là miếu thờ; miếu là nơi cúng tế

quỷ thần. Phật giáo gọi là Tự, mọi người hãy hiểu nguồn gốc của Tự là gì? Cơ quan làm việc của chính phủ, trực tiếp cai quản bởi hoàng thượng được gọi là Tự. Tự có địa vị cao nhất trong các cơ quan làm việc của chính phủ. Lại còn, được vĩnh viễn thiết lập, chẳng thể thay đổi.

Nếu quý vị có dịp đến thăm Cố Cung tại Bắc Kinh, sẽ thấy trong Cố Cung có 9 Tự, tức 9 cơ sở làm việc, treo biển đề bên ngoài cho biết đó là cơ cấu trông nom việc gì. Những cơ quan công quyền thuộc về Tể tướng gọi là Bộ. Bộ có thể dẹp đi, hay thay đổi, có thể tăng thêm, tức là lập thêm, mà cũng có thể phế trừ; nhưng Tự thì không thể, Tự được thiết lập vĩnh cửu. Bởi lẽ, Phật giáo truyền đến Trung Quốc được đế vương tôn trọng như vậy, nên gọi cơ cấu ấy là Tự.

Vì thế, dưới hoàng đế có 10 Tự, cũng viên mãn. Trước kia là 9 Tự, thêm vào Phật Tự, trở thành 10 Tự, viên mãn. Hoàng thượng dẫn đầu, dân chúng tôn kính hoàng thượng, cho nên giáo dục của Phật giáo phổ cập nhanh hơn Nho và Đạo, khắp mọi nơi trên cả nước đều có, ảnh hưởng rất lớn. Trong Tự luôn luôn là giáo học, Phật Thích Ca Mâu Ni dạy suốt một đời. Vì thế, những người xuất gia trong chùa chiền có đức hạnh, có học vấn, thật sự dạy! Dạy ai? Quá nửa là người đọc sách; bởi lẽ, trước kia không có trường học, quốc gia chẳng lập trường học. Trường học rất ít, những kẻ thích đọc sách đến đâu? Đến chùa miếu. Quý vị thấy Trung Quốc trải các đời, bao nhiêu Trạng nguyên, Tể tướng, toàn

là học hành trong chùa miếu. Mọi người đều biết Phạm Trọng Yêm, ông ta là điển hình, học ở đâu? Trong chùa miếu. Chùa miếu bồi dưỡng nhân tài cho quốc gia, học khá rồi bèn đi thi, thi cử để lấy học vị.

Trước kia học vị cấp huyện là Tú tài, ở tỉnh là Cử nhân, thi ở trung ương gọi là Điện thí (thi Đình), thi đậu sẽ có học vị Tiến sĩ, giống như Tiến sĩ, Thạc sĩ và Học sĩ hiện thời. Thi lấy công danh, thuở ấy gọi là công danh. Công danh là học vị. Giành được học vị, chính phủ bổ nhiệm quý vị phục vụ đất nước, giao phó chức vụ. Do vậy, nhà chùa là trường học. Các cơ cấu của Nho, Thích, Đạo đều là trường học.

Lần này, tôi tham gia hoạt động của họ vì nghe những tin tức ấy; lúc đó, tôi nói: "Tôn giáo nhất định phải khôi phục giáo dục, thật sự có cống hiến đối với xã hội, chẳng còn là mê tín. Làm chuyện hình thức là không được rồi! Chỉ có những nghi thức suông, không có giáo học, chắc chắn sẽ đi vào con đường diệt vong. Người ta không tin quý vị, cầu đảo có ích lợi hay không? Hữu dụng, nhưng người ta nói quý vị chẳng hợp khoa học, là phường mê tín. Nhất định phải là dạy học. Thuở tại thế, Gia Tô dạy 3 năm, Ngài bị kẻ khác hại chết. Lúc còn sống, Mục Hãn Mặc Đức dạy 27 năm. Thích Ca Mâu Ni dạy 49 năm, có vị nào chẳng dạy học? Các Ngài đều là những vị thầy vô cùng tốt, thật sự có đức hạnh, có học vấn, chúng ta nhất định phải biết điều này. Đi theo con đường cũ của Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo dục

Phật giáo, không có những nghi thức siêu độ như trong nhà chùa hiện thời.

Thời đức Phật hoàn toàn không có, ngay cả khóa tụng sáng tối cũng không có. Quý vị tự mình tu hành như thế nào là chuyện của quý vị. Phật Thích Ca Mâu Ni mỗi ngày cùng đại chúng lên lớp, quý vị có nghi vấn có thể nêu ra để thảo luận, trong kinh Phật là một bên hỏi, một bên đáp. Vì thế, muốn duy trì tôn giáo tồn tại, nhất định phải coi trọng giáo học và giáo dục tôn giáo. Hiện thời, do khoa học kỹ thuật phát triển, giao thông thuận tiện, nhanh chóng, địa cầu đã biến thành người một nhà, chẳng thể giống như trong quá khứ, dẫu đến già chết chẳng qua lại với nhau. Thời đại ấy đã qua rồi! Vì thế, hiện thời, cần phải nghĩ đến những vị thánh hiền, đại thánh đại hiền đã giáo hóa chúng sinh, nay chúng ta hiểu rõ, phương hướng là một, mục tiêu là một, nhưng phương pháp khác nhau. Do vậy, chúng ta tiếp xúc kinh điển của mỗi tôn giáo, phải chọn lấy những điểm tương đồng, chấp nhận những điểm dị biệt, nhằm phong phú hóa sự giáo học trong hiện tại của chúng ta, giúp chính mình nâng cao cảnh giới nhằm giải quyết vấn đề xã hội, đặc biệt là hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình.

Tôn giáo như vậy sẽ có cống hiến lớn nhất đối với thế giới và nhân loại, ai chẳng ủng hộ quý vị? Ai chẳng tán thán? Điều ấy sẽ dẫn đến các sự nghiệp đều có thể cùng

tồn tại. Phật giáo theo hình thức tôn giáo cũng có thể tồn tại, chẳng cần phải biến đổi nó.

Hiện thời, tại Trung Quốc còn có Phật giáo kiểu du lịch ngoạn cảnh. Phật giáo học thuật đã có từ rất lâu. Các đại học thường dùng kinh điển Phật giáo để giảng dạy, đó là Phật giáo theo kiểu học thuật. Hiện tại, nghe nói còn có Phật giáo theo mô hình xí nghiệp. Những hình thức ấy đều được, đều có thể cùng tồn tại, nhưng Phật giáo theo kiểu giáo dục là cội rễ. Đó là nguyên thủy Phật giáo, trọng yếu hơn bất cứ hình thức Phật giáo nào khác!

Người xưa coi trọng giáo dục nhất: *"Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên"* (Dựng nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu). Trước đây là gia tộc, tức đại gia đình, trong gia đình trọng yếu nhất là giáo dục, tức gia giáo! Tư thục là trường học dành cho con em trong gia đình, gia đình theo kiểu đại gia đình. Một gia đình giống như trong *Hồng Lâu Mộng* đã viết là một gia đình thông thường. Nói chung là nhân số trong một gia đình gồm khoảng 300 người, rất bình thường. Nhân đinh hưng vượng thì 600-700 người, rất suy cũng có một vài trăm người. Đó là một đại gia đình! Vì thế, chẳng có giáo dục sẽ không được, nhất định là coi trọng giáo dục, coi trọng quy củ.

Đệ Tử Quy là gia quy. Vì lẽ đó, người Trung Quốc nói *"tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ"*. Có thể tề gia, sẽ có thể

trị quốc. Quý vị cai quản gia đình tốt đẹp, sẽ có thể chăm lo những chuyện quốc gia, mở rộng ra là được rồi! Hiện thời, chúng ta đáng thương, không có gia tộc. Sau chiến tranh Trung - Nhật, chúng ta bị tổn thất lớn nhất không phải là sinh mạng hay tài sản, mà là truyền thống gia tộc của Trung Quốc bị xóa sạch, chẳng còn. Trước kháng chiến thì có, sau kháng chiến chẳng tìm thấy nữa. Đó là chuyện khiến chúng tôi đau lòng nhất. Gia tộc phát huy hiệu quả thật to. Với tôi, quá tốt đẹp. Bởi lẽ, người yêu mến gia đình, yêu mến quê hương, tự nhiên sẽ ái quốc. Gia tộc không có, quý vị nói đến chuyện hiếu thảo cha mẹ, tôn kính thầy, nói đến chuyện yêu thương người khác sẽ rất khó khăn.

Sáng hôm nay, tôi thức dậy, tôi chẳng đọc báo, mấy chục năm qua, tôi chẳng xem báo, nhưng chúng tôi hiện thời ở chung cư, mở cửa ra, cách vách là một nhà khác, sáng ra là báo được đặt ở cửa nhà họ. Tôi đi qua, liếc qua tờ báo đặt ở cửa, tin thứ nhất là gì? Một đứa trẻ 15 tuổi giết mẹ và em gái, còn ra thể thống chi nữa! Mỗi ngày đều thấy chuyện như vậy, trước kia chẳng thể nào như vậy được! Xưa kia, thầy Lý giảng kinh có kể cho chúng tôi nghe một chuyện, dường như là vào đời Thanh, có một huyện thành, nảy ra một đứa con bất hiếu giết cha. Triều đình biết chuyện, đây là chuyện lớn, phải tâu lên triều đình. Huyện trưởng bị cách chức, tri huyện bị cách chức. Tri phủ bị ghi trong hồ sơ là 2 lần phạm lỗi lớn. Tuần phủ (tỉnh trưởng) bị ghi 1 lần.

Ngoài ra còn như thế nào? Trước kia là mỗi thành thị có tường thành, tường thành bị phá một góc, triệt một góc thành, xấu hổ, nhục nhã quá! Cớ sao thành ấy lại nảy sinh một kẻ tồi bại dường ấy! Hiện thời quý vị đọc báo, giết mẹ vẫn chẳng sao! Xưa nay, nghe nói có chuyện giết cha, chưa nghe nói giết mẹ! Xã hội hiện thời đến nông nỗi này, do nguyên nhân nào? Con người không hiểu luân lý, không biết đạo đức, không biết nhân quả, cả thế giới hiện thời thiếu sót những điều này. Khéo sao tôn giáo đảm nhận 3 loại giáo dục ấy. Trong kinh điển của bất luận tôn giáo nào cũng đều nhấn mạnh giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Trong tôn giáo cao cấp, có giáo dục triết học và giáo dục khoa học. Tôn giáo có thể gánh vác sự nghiệp hoằng dương rực rỡ giáo họ. Chính mình nghiêm túc học tập, cảm hóa chúng sinh, tôn giáo thật sự có cống hiến đối với xã hội. Xưa kia, những vị giáo chủ sáng lập tôn giáo đã dụng tâm như thế, chúng ta chớ nên không biết!

Đây là nói Tôn giả Kiều Trần Như khéo khuyên răn, giáo hóa. Khéo khuyên răn, giáo hóa, thì quan trọng nhất là lấy thân làm gương. Chính mình không làm được, bảo người khác làm, người ta chẳng tin tưởng, tự mình phải làm trước. *"Tương dưỡng thánh chúng"*. *"Tương"* (將) có nghĩa là dẫn đầu, quý vị thấy Ngài nêu gương, dẫn đầu, xướng xuất các đồng học, quả thật là đã thực hiện *"học vi nhân sư, hành vi thế phạm"* (học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho

cõi đời). Đoàn thể của Phật Thích Ca Mâu Ni không có tổ chức, quý vị thấy những học trò ưu tú đều là những tấm gương tốt cho các học trò bình phàm, chẳng đánh mất oai nghi. Đấy chính là *"oai nghi hữu tắc"* trong Tứ đức như trong *Hoàn Nguyên Quán* đã nói.

"Kim kinh thủ liệt tôn danh" (Nay kinh này kể tên tôn giả đầu tiên). Quý vị thấy trong bộ kinh này, nêu tên vị thượng thủ thứ nhất là Ngài (Tôn giả Kiều Trần Như). *"Chính biểu năng văn thọ thử kinh pháp giả, giai thị đệ nhất đệ tử"* (Nhằm biểu thị những người có thể nghe nhận kinh pháp này đều là đệ tử thứ nhất của đức Phật). Trong đây có 2 tầng ý nghĩa:

1) Thứ nhất là quý vị có thể nghe. Nghe bộ kinh này là ai? Là đệ tử bậc nhất của Thích Ca Như Lai.

2) Thứ hai là quý vị có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành, sẽ có thân phận giống như Ngài Kiều Trần Như, là nhân vật giống hệt như Ngài Kiều Trần Như.

"Bản kinh Phi Thị Tiểu Thừa phẩm viết" (phẩm *Chẳng Phải Là Tiểu Thừa* trong kinh này có đoạn). Kinh văn có một đoạn như thế này: *"Đắc văn A Di Đà Phật danh hiệu, năng sinh nhất niệm hỷ ái chi tâm, quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành. Đương tri thử nhân, phi thị Tiểu thừa. Ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử"* (Được nghe danh hiệu A Di Đà Phật, có thể sinh một tâm vui thích, quy y, chiêm lễ, tu

hành đúng như lời dạy. Hãy nên biết người ấy chẳng phải là Tiểu thừa. Ở trong pháp ta, được gọi là đệ tử bậc nhất).

Đây là lấy kinh này để làm chứng, nhằm chứng tỏ những ý nghĩa bao hàm trong việc Ngài Kiều Trần Như được nêu danh đầu tiên trong các vị thượng thủ. Đây cũng chẳng phải là xếp đặt tùy tiện. Câu kinh văn này quan trọng, quý vị thấy đó: Được nghe danh hiệu A Di Đà Phật. Danh hiệu A Di Đà Phật chẳng dễ gì được nghe, nghe xong, nếu có thể hiểu ý nghĩa, thì mới có thể tu hành. Nghe danh hiệu này, chẳng hiểu ý nghĩa, cũng gieo trồng thiện căn, cũng gieo chủng tử trong A Lại Da. Nhưng trong đời này, chủng tử ấy chẳng dễ gì hiện hành, cũng chẳng dễ gì khởi tác dụng!

Do vậy, chúng ta học Phật phải biết: Nghe kinh quan trọng hơn bất cứ điều gì khác! Thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni giảng suốt 49 năm, những vị thường tùy đệ tử nghe chẳng thiếu buổi nào. 1.255 vị ấy, chẳng thiếu một buổi giảng nào!

Đây là kinh nghiệm của bản thân chúng tôi trong một đời này. Nhân duyên khiến tôi xuất gia là do tiếp nhận lời khuyến cáo của Chương Gia Đại sư. Lão nhân gia khuyên tôi xuất gia. Lại còn khuyên tôi học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi nghe lời, thật sự đi theo con đường của Phật Thích Ca Mâu Ni, suốt đời học tập, dạy học. Tôi học tập 7 năm, bắt đầu dạy học. Học tập 7 năm rồi xuất gia. Vừa xuất gia bèn

dạy trong Phật học viện, cũng nhận lời mời giảng kinh bên ngoài, bắt đầu dạy học, đến nay là 52 năm! Trong xã hội như vậy, tôi đến rất nhiều nơi trên các quốc gia, chẳng bị lui sụt, không trở thành tệ hại, nhờ vào đâu? Nhờ vào kinh điển, mỗi ngày chẳng rời khỏi kinh điển.

Chẳng rời khỏi kinh điển là chẳng rời khỏi Phật Thích Ca Mâu Ni. Mỗi ngày, tôi ở cùng một chỗ với Phật, tận hết sức đoạn tuyệt ngoại duyên. Ngoại duyên có sức dụ dỗ, mê hoặc con người lớn nhất. Thời chúng tôi chưa có Internet, hiện thời có Internet, radio, TV, nhật báo, tạp chí. Tôi một mực cự tuyệt những phương tiện truyền thông ấy, vài chục năm chẳng tiếp xúc những thứ ấy.

Người ta hỏi tôi, tôi cảm thấy thế giới này khá lắm, mỗi ngày đều thái bình, đều chẳng có chuyện gì phát sinh, chẳng nghe, chẳng hỏi tới, mỗi ngày tiếp xúc Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi ngày tiếp xúc chư đại Bồ tát. Vì thế, tâm yêu thích sự giáo dục của đức Phật ngày một tăng trưởng, pháp hỷ sung mãn. Đúng là thường sinh tâm hoan hỷ, thấu hiểu lời cổ nhân đã nói: *"Thế vị chẳng nồng đậm bằng pháp vị",* nghĩa là ý vị trong nhân gian thiên thượng lục đạo chẳng thể sánh bằng pháp vị. Nếu quý vị thật sự nếm được, sẽ nảy sinh tâm hoan hỷ. Quy y, chiêm lễ, tu hành đúng như lời dạy, nhất định tuân theo giáo huấn của đức Phật, những khuyết điểm, tập khí,

hành vi bất thiện thảy đều uốn nắn, sửa sai. Đấy là nói về Tịnh tông. Hãy nên biết người ấy chẳng phải là Tiểu thừa, ở trong pháp ta được gọi là đệ tử bậc nhất. Tức là trong pháp môn Tịnh Độ, chứ chẳng phải pháp môn nào khác. Hãy ghi nhớ ý nghĩa biểu thị pháp của Ngài Kiều Trần Như.

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 89

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

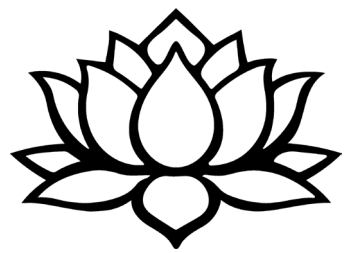

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 99, hàng thứ 7, từ dưới đếm lên. Đây cũng là đoạn thứ 2 trong trang này:

"Tôn giả Xá Lợi Phất, Phạn ngữ Xá Lợi, dịch vi Thu Lộ. Phạn ngữ Phất, dịch vi Tử, cố viết Thu Tử, nhân mẫu đắc danh" ("Tôn giả Xá Lợi Phất": Chữ Xá Lợi trong tiếng Phạn là chim Thu Lộ. Phất (Putra) trong tiếng Phạn được dịch là Tử (con). Do vậy, tên Ngài được dịch là Thu Tử, do mẹ mà có tên ấy). Trước hết, giới thiệu Tôn giả Xá Lợi Phất.

Trong Phật pháp, Ngài Xá Lợi Phất tượng trưng trí tuệ bậc nhất. Trong các kinh Đại, Tiểu thừa thường thấy nhắc đến Ngài. 2 vị đại đệ tử thường được nhắc đến nhiều nhất là Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên. Đại Mục Kiền Liên tượng trưng thần thông bậc nhất. Trong hết thảy các kinh do đức Phật đã nói đều có trí tuệ, đều có thần thông. "Thần thông" là thông đạt, hiểu rõ. Xá Lợi (Śāri) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thu Lộ, là tên một loài chim, người Hoa gọi loài chim ấy là Lộ Tư (鷺鷥).

Chữ Phất (Putra) trong tiếng Phạn dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tử; vì thế, danh hiệu Xá Lợi Phất dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thu Tử, tức là con bà Thu Lộ. *"Nhân mẫu đắc danh"* (Do mẹ mà có tên ấy). *"Kỳ mẫu thân hình đoan chính, nhãn tịnh như Thu Lộ, nãi danh Thu Tử"* (Bà mẹ Ngài thân

hình đoan chính, mắt trong trẻo như mắt chim Thu Lộ, nên Ngài có tên là Thu Tử). Nêu ra nguyên do Ngài mang tên ấy, mẹ Ngài vô cùng xinh đẹp, vô cùng đoan chính, trang nghiêm, đặc biệt là tròng mắt vô cùng trong sáng giống như [mắt] chim Thu Lộ, nên người ta gọi bà là Thu Lộ và con bà được gọi là Thu Tử.

"Vị thị Thu Lộ chi tử. Hựu danh Châu Tử, diệc biểu kỳ mẫu nhãn tịnh như châu. Hựu danh Thân Tử, biểu mẫu thân đoan chính" (Ý nói Ngài là con bà Thu Lộ. Ngài lại còn được gọi là Châu Tử, cũng là ý nói mắt mẹ Ngài trong trẻo như hạt châu. Ngài lại còn được gọi là Thân Tử, biểu thị ý nghĩa thân mẹ Ngài đoan chính). Tên họ Ngài có liên quan đến mẹ; mẹ Ngài tướng mạo vô cùng đoan trang. *"Xá Lợi Phất tại Phật Thanh Văn đệ tử trung, trí tuệ đệ nhất"* (Trong các hàng đệ tử Thanh Văn của đức Phật, Ngài Xá Lợi Phất trí tuệ bậc nhất).

Tiếp theo đó là một câu chuyện nhỏ, ở đây bèn tiện dịp nhắc tới: *"Tại mẫu thai thời, năng linh mẫu đắc diệu biện, thắng ư nãi cữu Câu Hy La"* (Lúc còn trong thai, Ngài đã khiến cho mẹ nói năng hùng hồn hơn cả ông cậu Câu Hy La). Vị này về sau cũng chứng A La Hán. Trong kinh *Lăng Nghiêm* có kể câu chuyện này. Cậu của Ngài là Tôn giả Câu Hy La (Kaustthila) biện tài vô ngại; chị của vị này là mẹ Ngài Xá Lợi Phất. Mỗi lần biện luận, bà đều cãi thua em trai. Người em trai bà ta quả thật rất tài giỏi. Nhưng sau khi bà có mang Xá Lợi Phất, đột nhiên biện tài nâng cao trên một mức

độ to lớn; hễ cùng Câu Hy La biện luận, Câu Hy La thường thua cuộc! Do vậy, Ngài nghĩ: "Nói chung, đây chẳng phải là biện tài của chị. Bà ta mang thai đứa bé này nhất định nó là người hết sức có trí tuệ". Ngài nói với chị như vậy, sau này quả nhiên chẳng sai! Đứa bé ấy đúng là trí tuệ bậc nhất.

Quý vị thấy phần kế tiếp nêu lên hành trạng của Ngài Xá Lợi Phất. *"Bát tuế đăng tọa"* (8 tuổi lên giảng tòa), lên tòa giảng kinh là một tiểu Sa Di. Tiểu Sa Di giảng kinh, A La Hán đều ở bên cạnh nghe. *"Thập lục xuất quốc, nghị luận vô song. Thất nhật chi nội, biến đạt Phật pháp"* (16 tuổi đi các nước, nghị luận chẳng ai sánh bằng. Trong vòng 7 ngày, hiểu trọn Phật pháp).

Ở đây, *"biến đạt Phật pháp"* bao hàm ý nghĩa đại triệt đại ngộ. 16 tuổi vẫn còn là một thiếu niên, đã thông đạt trọn khắp Phật pháp. Vì vậy, phàm phu thành Phật đúng là trong một niệm. Tại Trung Quốc, Thiền tông Lục Tổ Huệ Năng thông hiểu trọn khắp Phật pháp lúc 24 tuổi, còn Ngài Xá Lợi Phất là 16 tuổi. Trong kinh Đại thừa, đức Thế Tôn cũng bộc lộ thân phận của tôn giả: Ngài là cổ Phật tái lai, cùng với Mục Kiền Liên, 2 vị ấy đều đã thành Phật, đến thị hiện trong thế gian này. Thị hiện làm đệ tử Thanh Văn của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đấy là các vị Pháp thân đại sĩ, hoặc chư Phật Như Lai, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy. Các Ngài là

những người đến giúp đỡ, đúng là *"một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ".* Từ chỗ này, chúng ta có thể thấy điều ấy. Những bậc giác ngộ trong Phật pháp, họ chẳng có ý niệm ham cao, chuộng xa, chẳng bị ghen ghét chướng ngại.

Pháp duyên của Phật Thích Ca Mâu Ni chín muồi, đến xuất hiện trong thế gian này dưới thân phận Phật. Ngài xuất hiện một mình có thể độ nổi chúng sinh hay chăng? Lúc ấy sẽ chẳng thể độ, nhất định phải có rất nhiều người phối hợp với Ngài, đến giúp đỡ. Những ai sẽ giúp đỡ? Nhất định là những vị nội hạnh (thông hiểu, lão luyện), chứ những kẻ lơ mơ ngoài rìa sẽ chẳng thể giúp được! Những vị nội hạnh ấy tuyệt đại đa số là chư Phật Như Lai, một số ít là Pháp thân Bồ tát. Pháp thân Bồ tát đều là Địa Thượng Bồ tát. Tức là trong 41 địa vị như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói. Các Ngài thuộc tầng lớp cao nhất là Thập Địa Bồ tát, chẳng phải là Tam Hiền. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng được gọi chung là Tam Hiền. Tập khí vô thỉ vô minh của Tam Hiền Bồ tát vẫn còn nồng đậm, Thập Địa Bồ tát rất mỏng, ngày càng gần với quả vị Diệu Giác viên mãn rốt ráo. Các đệ tử Phật là những vị ấy.

Chúng ta hiểu rõ, kinh đã nói tỉ mỉ, Sơ Trụ Bồ tát thị hiện trong lục đạo, hay trong mười pháp giới, có năng lực thị hiện 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thị hiện thân Phật trong lục đạo để phổ độ chúng sinh. Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thân Phật, Lục Tổ Huệ Năng Đại sư thị hiện thân tỳ-kheo. Ở đây, Tôn

giả Xá Lợi Phất cũng thị hiện thân tỳ-kheo. Chúng ta phải biết, phải học tập điều này, phải có tâm rất hoan hỷ, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giúp cho người khác thành tựu những điều tốt đẹp. Người ta làm chuyện tốt đẹp cần có kẻ khác chạy việc vặt, cần có người phục vụ. Thấy không có ai làm những chuyện đó, thì chúng ta phải đến giúp đỡ. Còn có những vị thị hiện làm quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ để ngoại hộ. Những vị ấy chẳng phải là phàm nhân!

"Bản kinh thuyết thử nhất thiết thế gian nan tín chi pháp, duy đại trí giả thỉ năng thâm tín bất nghi. Cố liệt thượng thủ, cẩn thứ Kiều Trần Như" (Kinh này nói đến pháp hết thảy thế gian khó tin được, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng sâu xa chẳng nghi ngờ. Vì vậy, tên Ngài được kể trong các vị thượng thủ, ngay sau Ngài Kiều Trần Như). Ngài được xếp vào thứ 2. Trong hội này, đức Thế Tôn thuyết pháp gì? Pháp môn này là vô thượng vi diệu pháp trong hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Vì sao? Có thể làm cho chúng sinh chưa đoạn tập khí phiền não thành Phật trong một đời, đúng là khó tin.

Một phẩm tập khí phiền não chưa đoạn, làm sao có thể thành Phật ngay trong thân này? Khó tin, thì ai có thể tin? Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát chẳng tin. Vì thế, họ phải đi lòng vòng. Lòng vòng là *"thụ xuất"* (thoát khỏi tam giới theo chiều dọc). Con đường này là hoành xuất, tức là thoát ra từ ngay trong lục đạo! Quý vị nghĩ thử xem, thoát ra theo chiều

dọc khó dường nào? Quý vị phải trải qua Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, Tứ thiền, Bát định. Quý vị còn phải trải qua Tứ thánh pháp giới mới có thể thoát ra.

Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật trong Tứ thánh pháp giới phải đoạn sạch sành sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mới có thể vượt thoát mười pháp giới. Chuyện này cần thời gian bao lâu? Kinh Phật thường nói là vô lượng kiếp. Trên thực tế, thời gian chẳng phải là một pháp cố định. Pháp do đức Phật nói là viên dung. Đối với vô lượng kiếp, có thể nói là kẻ kém may mắn sẽ thật sự phải trải vô lượng kiếp. Vô lượng kiếp nên nói như thế nào? Nhân đạo trong lục đạo là chỗ mấu chốt, hễ chuyển biến chỗ đó, sẽ nhất định thành Phật trong Nhân đạo. Trong lục đạo, chưa hề nghe nói Phật có thể thị hiện thân Phật để thuyết pháp trong đường nào khác, không có! Lục đạo chúng sinh có cảm, Phật đều ứng, nhưng chẳng thể dùng thân Phật để xuất hiện, chỉ có trong nhân gian. Nhân gian là mấu chốt!

Con người tạo tác các thứ nghiệp. Người tạo thiện nghiệp, quả báo là trong 3 đường lành. Vì sao vào trong 3 đường lành? Để tiêu phúc báo. Phúc chẳng phải là chuyện tốt. Người thế gian nghĩ nó là chuyện tốt đẹp, nhưng người tu đạo biết nó chẳng phải là chuyện tốt. Tạo tác hết thảy nghiệp bất thiện thì sao? Vào trong tam ác đạo để tiêu nghiệp bất thiện. Do vậy, quý vị biết nhân gian, cõi Trời, lục đạo luân hồi, nói xuyên suốt là chẳng qua để "tiêu nghiệp" mà thôi. Nếu quý

vị chẳng tạo nghiệp, lục đạo sẽ chẳng có, quý vị vĩnh viễn thoát lìa lục đạo. Thật đấy, chẳng giả tí nào. Chẳng tạo "chấp trước" như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói, tức là chẳng còn chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo bèn chẳng còn.

Lục đạo không có, Tứ thánh pháp giới sẽ hiện tiền, vẫn là 4 tầng bậc. Thấp nhất là Thanh Văn A La Hán. Ở nơi ấy, toàn bộ đều là A La Hán. Lên cao hơn là Bích Chi Phật, lên cao hơn nữa Bồ tát, lên cao hơn nữa là Phật. Phật ở đây là Phật trong mười pháp giới. Trong Tịnh Độ, Tứ thánh pháp giới được gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư; lục đạo được gọi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư; vượt thoát mười pháp giới mới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Những cõi ấy do đâu mà có? Toàn là do tâm của chính mình biến hiện, phải nhớ điều này! Bốn cõi, mười pháp giới toàn là do "tâm hiện, thức biến". Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Thật đấy, chẳng giả đâu! Chính mình biến hiện cho chính mình thụ dụng, ngay cả địa ngục A Tỳ cũng do chính mình biến hiện. Tâm hạnh quý vị bất thiện bèn biến hiện cảnh giới ấy, quý vị đến đó chịu khổ, đấy là tự làm, tự chịu!

Vì thế, hiểu đạo lý này, chúng ta bèn hiểu rõ ý niệm có quan hệ quá lớn. Khởi tâm động niệm chớ nên có ác niệm. Ác niệm là phiền não. Đừng nên sinh phiền não. Sinh phiền não sẽ có quả báo, chẳng phải là sinh xong rồi thôi! Dẫu thân và miệng chúng ta chưa làm, mới dấy lên một niệm, thì niệm

ấy đã kết thành nghiệp, chẳng cần đến thân và miệng. Hễ khởi tâm động niệm, quý vị đã tạo nghiệp.

Trong A Lại Da có chủng tử của nghiệp tập ấy, gặp duyên, quả báo sẽ hiện tiền. Do vậy, chẳng đoạn một phẩm phiền não, cớ sao có thể thành Phật? Há có đạo lý ấy? Ngay cả Tu Đà Hoàn mà còn chưa đạt được, làm sao có thể thành Phật cho được? Thật vậy! Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chưa đoạn phiền não. "Phiền não" ở đây nhằm nói tới Kiến Tư phiền não chưa đoạn. Sinh đến thế giới Cực Lạc, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, vẫn là A Duy Việt Trí Bồ tát. Trong lời nguyện thứ 12, A Di Đà Phật đã nói như vậy. A Di Đà Phật chẳng nói lời giả! A Duy Việt Trí là Bồ tát như thế nào? Bồ tát đã đạt Tam vị bất thoái.

Chúng ta biết, vừa mới chứng đắc Vị bất thoái là Tu Đà Hoàn; do vậy, Tu Đà Hoàn là thánh nhân; tuy là vị thánh nhỏ nhoi mới đoạn hết 88 phẩm Kiến hoặc, chứng Vị bất thoái. Vị bất thoái là gì? Chẳng lui sụt thành phàm phu, chẳng đọa trong tam ác đạo. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, vị ấy đã được đảm bảo chẳng đọa trong tam đồ, 7 lần sinh tử trong cõi Trời hay trong nhân gian, bất luận có Phật xuất hiện trên thế gian hay không, vị ấy đều có thể chứng đắc quả A La Hán, luôn có thể chứng quả. Cũng tức là tuy vị ấy chưa vượt thoát lục đạo luân hồi, nhưng Ngài là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân. Vị bất thoái là như thế. Hạnh bất thoái là Bồ tát.

Bồ tát phát Bồ đề tâm, Hạnh bèn chẳng thoái; chẳng phát Bồ đề tâm sẽ thoái chuyển. Bồ đề tâm chẳng dễ phát. Địa vị cao nhất là Niệm bất thoái. Chúng ta thường nói Niệm bất thoái là "một mục tiêu, một phương hướng, dũng mãnh tinh tấn". Đấy là ai? Pháp thân Bồ tát, vượt thoát mười pháp giới.

Từ giáo pháp Đại thừa, chúng ta thấy chân tướng sự thật ấy, mới hiểu pháp môn này thật sự khó tin. Thật sự khó tin, nhưng chúng ta tin. Chúng ta tin vào khái niệm ấy có đúng hay không? Lòng tin ấy có tầng cấp, quý vị thấy phàm nhân chúng ta thường nói "mê tín, chính tín, và chân tín", tức là 3 cấp bậc. Kẻ mê tín đông đảo, thấy kẻ khác tin nên chúng ta cũng tin, trong kinh luận Tịnh Độ rốt cuộc giảng lý luận gì, không biết! Do không biết, nên gọi là mê tín.

Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch kinh giáo thì gọi là chính tín. Chính tín vẫn chưa phải là chân tín. Tuy hiểu minh bạch, rõ ràng, vẫn chưa muốn sinh về, vẫn còn rất lưu luyến thế gian này, đó chẳng phải là chân tín; chẳng thể nói quý vị mê tín, vì quý vị thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch. Khi nào tình chấp của quý vị đối với lục đạo, cõi Trời, nhân gian đều buông xuống hết, quý vị sẽ thật sự tin tưởng. Chỉ có người chân tín mới có thể thành tựu trong một đời. Vì sao? Người ấy chắc chắn vãng sinh.

Nếu quý vị hỏi vì sao người ấy có thể chắc chắn vãng sinh? Người ấy chẳng hề có mảy may vướng mắc thế gian

này. Đạo lý là như thế đó! Không ai chướng ngại quý vị, mà là chính mình chướng ngại chính mình. Vì sao quý vị vẫn tham luyến thế gian này? Nói thật ra, do tập khí đấy! Cổ thánh tiên hiền gọi tập khí là "tập tánh". Bản tính vốn thiện, tập tánh bất thiện. Tập tánh là từ vô thỉ kiếp cho tới nay, đời đời kiếp kiếp dưỡng thành, chẳng phải chỉ trong một đời này, mà là đời đời kiếp kiếp, rất phiền phức. Do vậy, phải có tâm dũng mãnh mới có thể đoạn dứt chuyện ấy, cắt đứt hoàn toàn. Thật sự nhận biết Tây Phương Cực Lạc thế giới, mảy may hoài nghi đều không có, quyết tâm sinh về thế giới Cực Lạc trước để thân cận A Di Đà Phật.

Thân cận để làm gì? Một mục tiêu là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính trong hội của A Di Đà Phật, tới thế giới Cực Lạc để làm chuyện ấy. Triệt ngộ thì quý vị sẽ sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới; nhưng thế giới Cực Lạc rất kỳ diệu, 4 cõi chẳng chướng ngại, 4 cõi dung hội cùng một chỗ, đấy là chỗ chẳng thể nghĩ bàn. Thích Ca Thế Tôn cũng có 4 cõi, nhưng 4 cõi của Ngài có chiều không gian khác nhau, Ngài ngự trong cõi Thật Báo.

Pháp thân Bồ tát trong cõi Thật Báo biết chúng ta tồn tại, nhưng chúng ta chẳng biết các Ngài ở đâu. Đó là có chướng ngại, không chỉ Lý Sự chướng ngại, mà còn là Sự Sự chướng ngại; nhưng trong cõi Thật Báo bèn hoàn toàn đột phá những chướng ngại ấy. Trong cõi Phương Tiện, Lý Sự vô ngại, nhưng Sự Sự có ngại. Tới cõi Thật Báo, hết thảy chướng

ngại đều không có! Trong đời này, chúng ta có duyên phận thù thắng như vậy, cho thấy thiện căn trong đời quá khứ sâu dày. Nếu chẳng phải là thiện căn rất sâu dày, quý vị làm sao có thể gặp gỡ pháp môn này?

Người học Phật đông lắm, nhưng mấy kẻ gặp gỡ pháp môn này? Khi gặp gỡ, có nhận biết hay không? Có liễu giải hay chăng? Nhận biết, liễu giải, thật sự liễu giải, chẳng ai không phát tâm. Phát nhất niệm tâm cầu sinh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm ấy được gọi là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Trong *Di Đà Kinh Yếu Giải,* Ngẫu Ích Đại sư đã giảng như vậy. Ấn Quang Đại sư đọc câu ấy, bội phục năm vóc sát đất, bảo: *"Chẳng phải là bậc tái lai sẽ chẳng thể thốt lên lời ấy".*

Chúng ta hiểu Bồ đề tâm, nói theo cách hiện thời, Bồ đề tâm là trọn đủ Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chính giác, Từ bi. Nhất niệm chân tâm hướng tới Tịnh Độ, 5 thứ ấy thảy đều trọn đủ. Vì thế, danh tự của Ngài Xá Lợi Phất được ghi ở đây nhằm nói rõ, chẳng phải là đại trí tuệ thì làm sao có thể tin tưởng sâu đậm, chẳng nghi ngờ pháp môn này? *"Danh liệt đệ nhị"* (Tên được nêu thứ hai): Đệ nhất đương nhiên quan trọng hơn, trong phần trước chúng ta đã học, vị thứ nhất là Tôn giả Kiều Trần Như. Tôn giả Kiều Trần Như tượng trưng cho đệ tử bậc nhất của đức Thế Tôn.

Tại Lộc Dã Uyển, Phật Thích Ca Mâu Ni vừa mới thuyết pháp, liền độ 5 tỳ-kheo, Ngài là người đầu tiên chứng A La

Hán. Nói rõ pháp môn này là pháp thành Phật bậc nhất, chẳng phải là chứng A La Hán, mà là thành Phật bậc nhất. Vì thế, tên của Ngài được xếp vào bậc nhất.

Chúng ta lại xem vị thứ ba, *"Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tức A Di Đà kinh trung Ma Ha Mục Kiền Liên"* (Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tức Ma Ha Mục Kiền Liên trong kinh *A Di Đà*). Ma Ha là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đại. Ma Ha có nghĩa là lớn. *"Mục Kiền Liên thị tánh, dịch vi"* (Mục Kiền Liên là họ, dịch là), Mục Kiền Liên là tiếng Phạn, dịch sang chữ Hán có nghĩa là Tán Tụng, thông thường rất ít nhắc đến ý nghĩa này, mà nói là *"Thái Thục, Lai Bặc Căn đẳng"* (Thái Thục, Lai Bặc Căn v.v...), đấy mới là ý nghĩa gốc trong tiếng Phạn, nêu ra nguyên do danh xưng của dòng họ Ngài.

Thục (菽) thuộc loại đậu[43], chúng ta thường gọi Lai Bặc (萊菔) là La Bặc (蘿蔔: củ cải). Chúng ta biết dòng họ của Ngài là nông dân. Nhìn từ ý nghĩa này, nay chúng ta nói họ là "thái nông", tức nông dân trồng rau. *"Kỳ tộc xuất gia nhân đa, cố ư tôn giả tánh thị quán dĩ Đại tự, viết Đại Thái Thục (Đại Mục Kiền Liên) dĩ giản biệt chi"* (Dòng họ ấy có nhiều người xuất gia, nên trước tên họ của tôn giả, thêm chữ Đại, thành Đại Thái Thục (Đại Mục Kiền Liên) để phân biệt).

[43] Thục là tên gọi chung các loại đậu.

Thời cổ, nông dân rất khổ cực, cũng chẳng thể rất giàu có, người Trung Quốc bảo "nhờ trời kiếm miếng ăn", chắc chắn họ là người thật thà, thuần phác. Người đến thế gian này, xuất hiện trong thế gian này để theo đuổi công việc ấy, suốt đời làm việc, ít tạo bất thiện nghiệp, nên thiện nghiệp tích lũy dần dần. Thiện nghiệp là gì? Những nhà nông ấy trồng trọt, thâu hoạch mùa màng, nuôi sống hết thảy đại chúng trong xã hội, âm thầm cày cấy. Con người có tập khí này, động vật cũng có tập khí này. Họ chỉ mong mùa màng sung túc, hằng ngày đều nghĩ tới chuyện ấy.

Vì thế, đối với nghề nghiệp này, có thể là cả mấy đời đều làm nghề ấy, chẳng nghĩ đổi nghề, mà cũng có thể là hoàn cảnh khách quan cũng không cho phép. Do đức Phật nói *"Hết thảy các pháp sinh từ tâm tưởng"*, chúng ta có thể lý giải: Dòng họ ấy có nhiều người xuất gia, chắc chắn là xuất gia tu hành thành tựu thù thắng, mọi người thấy vậy nhất định rất hâm mộ, có mấy vị thành tựu sẽ khơi gợi rất nhiều người học tập theo. Vì thế, trong danh xưng của tôn giả, phải thêm từ Đại vào trước cụm từ Mục Kiền Liên để phân biệt, gọi *"Đại Mục Kiền Liên"* là tôn xưng Ngài.

"Kỳ danh vi Câu Luật Đà, phụ vi Tướng quốc" (Tên Ngài là Câu Luật Đà (Kolita), cha làm Tướng quốc). Chúng ta biết thuở ấy, Trung Quốc chưa thống nhất, đời Châu có 800 chư hầu, đều là những bộ lạc nhỏ. Ấn Độ cũng giống như thế. Cha của Phật Thích Ca Mâu Ni là Quốc vương, tức

Quốc vương nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatsu). Nước này hiện thời thuộc địa bàn nước Ni Bạc Nhĩ (Nepal), dấu tích xưa hãy còn.

Đến Ấn Độ triều thánh, rất nhiều người nhất định đến thăm nơi Phật Thích Ca Mâu Ni giáng sinh. Nước ấy không lớn, nói chung còn nhỏ hơn một huyện hiện thời. Một hương, một trấn của chúng ta hiện thời vào thuở ấy là một tiểu quốc. Cha của Ngài Đại Mục Kiền Liên làm Tướng quốc, cũng là trợ thủ của quốc vương, có thân phận giống như Tổng lý (Thủ tướng) hiện thời. *"Tùng Câu Luật Đà thụ thần kỳ cầu đắc tử, nhân dĩ danh chi"* (Do cầu khấn thần cây Câu Luật Đà mà có con; vì thế, đặt tên như vậy). Cha Ngài cầu con từ thần cây, kết quả sinh được một con trai, nên dùng tên cây Câu Luật Đà để đặt tên con, nhằm nhớ ơn. *"Ư Phật đệ tử, thần thông đệ nhất"* (Thần thông bậc nhất trong các vị đệ tử đức Phật). Trong các vị đệ tử đức Phật, Ngài có thần thông đệ nhất. Các đệ tử đức Phật có thần thông nhưng không bộc lộ, riêng Ngài thường thể hiện thần thông; nhưng trong kinh giáo, Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta chẳng được dùng thần thông để làm Phật sự.

Vì sao? Nếu dùng thần thông để làm Phật sự, sẽ có kẻ giả mạo Phật, Bồ tát, sẽ có chuyện ấy phát sinh. Yêu ma, quỷ quái đều có thần thông. Đức Phật dùng giảng kinh, giáo học, bọn chúng sẽ chẳng có cách nào. Đức Phật dùng giới luật, giảng kinh, giáo học, dùng các phương pháp ấy để giáo hóa

chúng sinh, đấy là chính pháp tồn tại trong thế gian, tà môn, ngoại đạo chẳng thể làm được.

Trong *Trí Độ Luận* có mấy câu như thế này: *"Như Xá Lợi Phất ư trí tuệ trung đệ nhất. Mục Kiền Liên thần túc đệ nhất"* (Như Xá Lợi Phất là trí tuệ bậc nhất. Mục Kiền Liên thần túc bậc nhất). Người Trung Quốc thường gọi Thần Túc là *"thông linh"*, thuộc loại cảm ứng. Trong 6 thứ thần thông, Thần túc thông cao nhất, có thể phi hành, biến hóa. Chúng ta đọc *Tây Du Ký*, thấy Tôn Ngộ Không thị hiện thần thông, bất quá thần thông rất bé. Quý vị thấy sách viết Tôn Ngộ Không chỉ có 72 phép biến hóa. Đúng ra, 72 chẳng phải là con số. Nếu là con số, năng lực của hắn vô cùng hữu hạn. Nếu nói theo ý nghĩa biểu thị pháp, sẽ nói thông suốt, thần thông rộng lớn, đúng là tự tại vô ngại.

Trong các đệ tử đức Phật, Mục Kiền Liên có năng lực ấy. *"Hựu Xá Lợi Phất thị Phật hữu diện đệ tử, Mục Kiền Liên thị Phật tả diện đệ tử"* (Lại nữa, Xá Lợi Phất là đệ tử bên phải Phật, Mục Kiền Liên là đệ tử bên trái Phật). Bên phải là trí tuệ, bên trái là thần thông. Trí tuệ và thần thông hợp lại bèn viên mãn, năng lực giáo hóa chúng sinh đúng là tự tại vô ngại. *"Tôn giả thần thông thậm quảng, lệ như cử nhất thành Thích chủng, thượng thăng Phạm thiên"* (Tôn giả thần thông rất rộng, chẳng hạn như đem toàn bộ người họ Thích trong một thành bay lên trời Phạm thiên). Chuyện này là do Lưu Ly Vương (Virūdhaka) diệt dòng họ Thích

Ca[44], đương nhiên đức Thế Tôn cũng rất đau buồn, nhưng không có hành động gì. Vì sao? Phật Thích Ca Mâu Ni biết đấy là nhân quả, quá khứ tạo tác cái nhân bất thiện, đời này nhất định phải chịu quả báo ấy, không thể tránh được.

Ngài Mục Kiền Liên không biết cái nhân ấy thì cái nhân ấy nhất định là đã rất lâu, vì như thường nói "A La Hán có thể biết 500 đời quá khứ, và 500 đời vị lai". Chuyện này chắc chắn phải lâu hơn 500 đời, nên sức thần thông của A La Hán chẳng thấu đạt.

Đức Phật biết, hiểu rất rõ ràng, khuyên dạy người trong họ hãy tránh né. Do lẽ đó, khi ấy, Ngài Mục Kiền Liên bèn

[44] Tỳ Lưu Ly (còn phiên âm là Duy Lâu Lặc) là con trai thứ của vua Ba Tư Nặc (Prasenajit), em trai thái tử Kỳ Đà (Jetakumāra), và là vua nước Câu Tát La (Kosala). Sau khi vua A Xà Thế (Ajatasatru) hại chết cha là Tần Bà Sa La (Bimbisara), bèn tấn công Câu Tát La, chiếm vùng Kashi. Tỳ Lưu Ly thừa dịp hạ bệ Ba Tư Nặc, khiến cha phải chết trên đường lưu đày, trở thành vua nước Câu Tát La rồi tấn công Ca Tỳ La Vệ, sát nhập nước này vào Câu Tát La. Cuối cùng, nước Câu Tát La cũng bị A Xà Thế sát nhập vào nước Ma Kiệt Đà (Magadha).

Theo kinh *Tăng Nhất A Hàm, Tứ Phần Luật, Nghĩa Túc Kinh* và *Duy Lâu Lặc Vương Kinh*, nguyên nhân gần khiến Tỳ Lưu Ly tàn sát dòng họ Thích Ca là do vua Ba Tư Nặc muốn cưới một công chúa dòng họ Thích Ca để tăng thêm thanh thế. Vợ của Ngài Ma Ha Nam (trưởng tộc dòng Thích Ca khi ấy) chê dòng dõi Ba Tư Nặc chẳng xứng với dòng họ thánh nhân của mình bèn đem một tỳ nữ (tức cô Nāgamundā) giả danh là công chúa của dòng họ Thích Ca gả cho Ba Tư Nặc, cô này trở thành phu nhân Vāsavakhattiyā. Lúc Tỳ Lưu Ly lên 8 tuổi, vua cha bảo về quê ngoại thăm viếng họ hàng, đồng thời xin học bắn cung với Ngài Ma Ha Nam (nổi tiếng thiện xạ thuở ấy).

Lúc đó, họ Thích vừa kiến tạo một giảng đường mới, muốn thỉnh Phật đến cúng dường. Khi ấy, Tỳ Lưu Ly và 500 đồng tử vào giảng đường chơi, lên tòa sư tử ngồi. Hoàng tộc Thích Ca trông thấy, chửi bới "ngươi là đồ tiện dân, con của mụ đầy tớ", tống Tỳ Lưu Ly cổ ra ngoài. Hoàng tử ôm hận, thề quyết chí báo thù.

Sau khi hạ được thành, Tỳ Lưu Ly giết đến chín ngàn chín trăm chín mươi vạn người họ Thích, máu chảy thành sông. Vua tuyển 500 mỹ nữ họ Thích làm thiếp, nhưng họ khảng khái chống cự, nên vua tức giận, sai chặt chân tay, khoét mắt, quăng xuống hầm sâu. Nghe thảm trạng ấy, đức Phật bèn dẫn các tỳ-kheo đến thành Ca Tỳ La, thuyết pháp cho 500 Thích nữ, khiến họ đắc pháp nhẫn tịnh, sinh thiên (chuyện này cũng được chép trong kinh *Đại Phương Tiện Phật Báo Ân*). Sau khi quay về Xá Vệ, vua sát hại anh là Kỳ Đà để trừ hậu họa.

Đến ngày thứ bảy, vua dẫn quân đội và các cung nữ cắm trại vui chơi bên sông A Chi Hà, do sát nghiệp đã giết quá nhiều người, trong số đó có cả những vị tu hành chân chính, nên nửa đêm cuồng phong bạo vũ, nước sông dâng lên nhấn chìm toàn bộ đại quân và nhà vua.

cứu 500 người, đặt trong bát, đem bát ấy lên cõi Đại phạm thiên. Đại phạm thiên là Sơ Thiền, đặt ở nơi ấy để lánh nạn, chờ cho chuyện ấy qua đi. Còn dòng họ Thích Ca thì sao? Nghe lời Phật Thích Ca Mâu Ni, một nhóm bỏ trốn. Nhóm này trốn sang Tây Tạng, vì Nepal ở phía Nam núi Himalayas, vượt sang bên kia núi là Tây Tạng.

Sau khi họ trốn tới Tây Tạng, từ đấy chẳng còn trở lại nữa. Vì thế, dòng họ Thích Ca còn có một chi họ hiện đang sống ở vùng Hậu Tạng[45]. Năm xưa, Chương Gia Đại sư kể cho tôi biết chuyện này. Ngài Mục Kiền Liên cứu những người ấy, đưa lên Đại phạm thiên. Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Ngài: "Ông hãy đi xem coi người trong bát hiện thời như thế nào?". Ngài lên xem, hoàn toàn hóa thành máu loãng, không ai còn sống. Đức Phật dạy: "Định nghiệp! Phật cũng chẳng có năng lực xoay chuyển!".

Những sự thị hiện này cũng nhằm bảo chúng ta: Chúng ta là người thật sự học Phật, sống trong thế gian này, từng ly, từng tý, bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, thảy đều là chư Phật Như Lai đang thị hiện, hay 53 lần tham học của Thiện Tài đồng tử, cách nghĩ như vậy quyết định là chính xác. Thị hiện điều gì vậy? Quý vị giết người khác, chắc chắn người ta sẽ giết quý vị, oán hận chẳng giải trừ, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng xong. Phật

[45] Hậu Tạng (Yü-Zang, hoặc Ü-Tsang, còn gọi là Vệ Tạng), bao gồm miền Tây và trung ương Tây Tạng hiện thời, bao gồm lưu vực sông Tsangpo, các quận phía Tây núi Kailash, và phần lớn đồng bằng Chang Tang. Thật ra vùng này gồm 2 vùng là Ü và Tsang, thủ đô Lhasa nằm trong vùng Tsang.

Thích Ca Mâu Ni khuyên người trong họ nhất định đừng chống lại Tỳ Lưu Ly, chớ nên có oán hận, món nợ ấy đến đây kết liễu, sau này chẳng còn đối địch nữa.

Điều ấy chắc chắn là chính xác. Mấy ai có trí tuệ như vậy, thấy địch thủ đến xâm phạm mà chẳng chống cự? Chỉ có Phật pháp biết. Chiến tranh ắt phải có nhân. Có cuộc chiến tranh nào chẳng do cái nhân trước đó gây ra hay chăng? Không thể nào có chuyện ấy! Chúng ta biết quá khứ đã tạo tác tội nghiệp, những người bị sát hại trong chiến tranh, nếu chẳng giết người, mà bị kẻ khác giết, sẽ sinh lên trời, chẳng đọa tam đồ; kẻ sát nhân có tội, trong tương lai đọa tam đồ. Quý vị thấy kẻ ấy đọa tam đồ, đưa quý vị sinh lên trời.

Đức Phật thấy rõ ràng chuyện này, A La Hán, Bồ tát thấy rõ ràng: Trốn chẳng được, giết người phải đền mạng, thiếu nợ phải trả tiền. Trốn chẳng được! Thiếu nợ bèn hoan hỷ trả nợ. Cách trả nợ cũng khác nhau. Có lúc quý vị cho kẻ khác mượn tiền, hắn chẳng trả lại, có thể là gì? Kiếp trước quý vị đã vay tiền hắn, sau khi mượn, quý vị chẳng trả, nên kẻ ấy cũng lấy lại bằng cùng một cách. Vậy thì sao? Hoan hỷ, chớ nên ghim chuyện này trong lòng nữa, coi như thiếu nợ hắn, đưa cho hắn.

Nếu chẳng phải là thiếu nợ hắn, đời sau hắn phải trả lại quý vị. Chúng ta có muốn như vậy hay là không? Chớ nên! Vì sao? Nếu muốn, quý vị vẫn phải luân hồi. Quý vị chẳng luân hồi, hai bên chẳng gặp nhau, không thể tháo gỡ được!

Quý vị có chịu luân hồi nữa hay không? Nếu chẳng muốn luân hồi nữa, nay ta sang thế giới Cực Lạc làm Phật, hãy một nét bút sổ toẹt. Thiếu hắn, bèn trả cho hắn; chẳng thiếu hắn thì chẳng cần đến nữa! Tặng cho hắn, như vậy là xong! Điều gì cũng chẳng cần so đo, buông xuống vạn duyên, chúng ta mới tới thế giới Cực Lạc được.

Chỉ cần có một chuyện, có mảy may vướng mắc sẽ chẳng xong. Vì thế, nay chúng ta sống trên thế gian này, bất luận kẻ nào đối xử với ta ra sao, chúng ta đều phải tiếp nhận, chớ nên có chút ý kiến nào, sao cũng được, chuyện gì cũng đều gật đầu. Đó là gì? Đó là đại đạo để chúng ta về Tây Phương thành Phật.

Nếu chuyện tí tẹo mà vẫn so đo, thì mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu vẫn chẳng đáng trông cậy. Tới lúc đó, quý vị không đi được! Một niệm cuối cùng vẫn so đo cùng kẻ khác, còn làm sao được nữa? Chúng ta nói học Phật có tiến bộ, vậy tiến bộ là gì? Hết thảy đều chẳng so đo, điều gì thấy cũng chấp nhận được, điều gì cũng đều tốt đẹp, đó là tiến bộ. Đây là một ví dụ về thần thông của Ngài Mục Kiền Liên.

Tiếp đó, lại nói đến ví dụ thứ hai: *"Ngoại đạo di sơn, chế chi bất động"* (Ngoại đạo dời núi, ngăn trở chẳng cho lay động). Có thể dời núi hay không? Có thể dời núi, lấp biển. Hiện thời dùng máy móc, xưa kia, thật sự có thể dùng pháp thuật để thực hiện. Hiện tại, các nhà lượng tử lực bảo chúng

ta: Nếu ý niệm của con người có thể thật sự tập trung tại một chỗ, sức mạnh của nó sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Nói theo lý luận là *"cảnh chuyển theo tâm".*

Vì thế, trên địa cầu có tai nạn, chúng ta là những kẻ sống trên đó, sức một người chẳng đủ, nhưng ý thức của tập thể sẽ có sức mạnh to lớn. Bao nhiêu người? Có thể là mấy chục người, hoặc một trăm người, sức mạnh ấy vô cùng đáng kể. Chúng ta thấy một thí dụ thực tế từ Tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản. Hồ Tỳ Bà (Biwa Ko)[46] là một eo biển, trong khoảng hơn 20 năm, eo biển ấy rất bẩn thỉu, mùi vị rất khó ngửi.

Ông ta tìm hơn 100 người, dùng phương pháp cầu đảo. Cầu đảo là tập trung ý niệm, tìm một vị lão hòa thượng cầm đầu mọi người. Văn kỳ đảo rất đơn giản: "Nước hồ trong sạch, ta yêu mến ngươi". Quý vị thấy một câu nói đơn giản dường ấy, khiến cho mọi người thảy đều buông xuống ý niệm, trong tâm tưởng ý niệm ấy, miệng đọc câu ấy, nước hồ trong sạch. Hơn 100 người: "Nước hồ trong sạch, ta yêu mến ngươi". Đọc câu này tiếp nối câu kia, tập trung ý niệm suốt một giờ, làm suốt một giờ.

Quả nhiên 3 ngày sau, nước eo biển ấy thật sự sạch sẽ, chẳng còn mùi hôi. Truyền thông và TV Nhật Bản đều đăng

[46] Hồ Biwa nằm ở phía Đông Bắc thành phố Kyoto (Kinh Đô) rất to, có diện tích đến 670 km^2, đổ ra vịnh Osaka bằng sông Seta. Người Nhật tin hồ này là trụ xứ của Đại Biện Thiên trên mặt đất, vì hồ có tên là Tỳ Bà, vốn là một nhạc cụ yêu thích của Đại Biện Thiên (Sarasvatī).

tin. Giữ được nửa năm lại trở lại tình trạng cũ, lại dơ bẩn. Tôi bảo ông ta: "Tốt nhất là cứ 2 tháng, quý vị tới đó cầu nguyện một lần, eo biển ấy nói chung sẽ có thể suốt năm chẳng dơ bẩn, chẳng có mùi hôi".

Vì thế, cầu đảo hữu dụng! Những kinh sám Phật sự trong Phật môn chúng ta, kể cả Tam Thời Hệ Niệm do chúng tôi đề xướng đều thuộc loại này, nhưng loại này trị đằng ngọn, chứ chẳng trị tận gốc. Trị tận gốc là phải chuyển biến ý niệm của chúng ta, đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện; đấy là trị tận gốc. Trị tận gốc mới có năng lượng hóa giải nhiều tai nạn trên địa cầu. Trị tận gốc đòi hỏi giáo dục: giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo sẽ có thể làm được. Ngài Mục Kiền Liên có thể dùng pháp thuật để chế ngự, khiến núi ấy bất động, ngoại đạo dời núi nhưng chẳng dời được, vì Ngài Mục Kiền Liên đã giằng xuống.

Tiếp đó, nói: *"Cập hàng phục độc long đẳng đẳng, nan dĩ cụ thuật"* (Và những chuyện như hàng phục rồng độc v.v... khó thể thuật trọn). Sự tích thần thông của Ngài rất nhiều. Miệng rồng nhả hơi độc tổn hại con người, Ngài có năng lực bắt nó hàng phục. Đây là nêu ra rất nhiều ví dụ về thần thông. Vì sao đức Phật cần có đệ tử như vậy? Trong khi hướng dẫn, giáo hóa chúng sinh, có những lúc cần phải dùng đến. Bản thân đức Phật chẳng hiện thần thông, thần thông của đức Phật to hơn Mục Kiền Liên, nhưng chẳng hiện, mà để ngài Mục Kiền Liên thị hiện; khiến cho hết thảy đại chúng, từ bản thân của

đệ tử Phật, sẽ liễu giải chính mình sẵn có năng lượng chẳng hạn chế. Đó là bản năng trong tự tính, là Tính đức của tự tính.

Lại xem vị thứ ba: *"Tôn giả Ca Diếp, Ca Diếp tánh dã, thử dịch vi Quy hoặc Ẩm Quang, danh Tất Ba La, diệc thụ danh"* (Tôn giả Ca Diếp: Ca Diếp (Kāśyapa) là họ, Hán dịch là Quy, hoặc Ẩm Quang. Ngài tên Tất Ba La (Pippali), cũng là tên một loài cây). *"Nhân phụ mẫu đảo ư cai thụ thần nhi sinh, cố dụng dĩ vi danh"* (Do cha mẹ cầu đảo nơi thần cây ấy sinh ra Ngài, nên lấy tên cây để đặt tên). Vị này đại diện cho người truyền pháp của Tông Môn.

Phật pháp phân chia tổng quát thì có 2 chi phái: Một là Tông Môn, hai là Giáo Hạ. Ngài Ca Diếp truyền Thiền tông, Ngài A Nan truyền Giáo Hạ. 49 năm giáo học, dùng 2 phương pháp ấy. Đức Phật dạy kẻ thượng thượng căn học Thiền, còn đối với kẻ trung, hạ căn, đức Phật dạy họ học Giáo; thuở ấy, có 2 loại căn tánh như thế. Nay, chúng ta gọi người thượng thượng căn là "học trò thiên tài", ngộ tánh đặc biệt cao, thật sự là "nghe một, ngộ cả ngàn". Loại học trò này rất dễ dạy, giống như Ngài Đại Ca Diếp là "nghe một, ngộ cả ngàn". Ba căn thượng, trung, hạ giống như chúng ta đi học trong nhà trường hiện thời, từ Tiểu học, Trung học, Đại học tiến dần theo thứ tự.

Quý vị thấy đức Phật suốt đời giảng kinh, lúc đại triệt đại ngộ, giảng bộ kinh đầu tiên là *Đại Phương Quảng Phật*

Hoa Nghiêm Kinh, giảng kinh ấy trong định. Người thế gian chúng ta không thấy, người thế gian thấy Phật Thích Ca Mâu Ni ở dưới cội Tất Bát La (Pippala Vrksha), tức là loại cây hiện thời gọi là cây Bồ Đề. Ngài nhập định dưới cội cây. Kinh chép là 14 ngày, cũng có kinh nói là 21 ngày, đức Phật nhập định dưới cội cây. Ai biết Ngài đang giảng kinh *Hoa Nghiêm* tại đó? Vì vậy, hiện thời Nam truyền Tiểu thừa chẳng thừa nhận có Đại thừa, họ bảo Đại thừa chẳng phải do đức Phật nói. Họ thừa nhận Đại thừa Phật pháp do ai tạo? Long Thọ Bồ tát. Tiểu thừa cho rằng kinh *Hoa Nghiêm* do Long Thọ Bồ tát giảng, chẳng phải do đức Phật nói.

Sau khi đức Phật diệt độ 600 năm, tại Ấn Độ xuất hiện Ngài Long Thọ. Trong kinh, đức Phật có tiên đoán, có bài kệ tiên đoán đến lúc ấy sẽ xuất hiện Ngài Long Thọ là Sơ Địa Bồ tát. Ngài quả thật thông minh, trong 3 tháng thông đạt hết thảy các pháp, đối với các pháp do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm. Ngài học xong trong 3 tháng. Thế là tâm ngạo mạn dấy lên, cảm thấy trọn khắp Ấn Độ, hiện thời nói là "cả thế giới", chẳng ai có thể hơn nổi chính mình.

Do vậy, Đại Long Bồ tát, Đại Long là Đẳng Giác Bồ tát, dẫn Ngài Long Thọ vào trong Long cung. Đến Long cung, thấy *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* do Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới thành đạo đã giảng trong định suốt 14 ngày. Phân lượng bao nhiêu? *"Mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm!".* Ngài vừa nhìn

bèn choáng váng, tập khí ngạo mạn ngay lập tức chẳng còn nữa, những thứ Ngài đã học quá ít. Vì sao? Trong định, thời gian và không gian đều chẳng có. Vì thế, một niệm có thể triển khai thành vô lượng kiếp, vô lượng kiếp có thể rút gọn thành một niệm.

Long Thọ Bồ tát đến nhìn, lại xem đến *Trung bổn Hoa Nghiêm*, nhân gian vẫn chưa thể tiếp nhận, phân lượng quá lớn. Lại xem tới Hạ bổn. Trung bổn giống như bản tinh hoa. Hạ bổn là mục lục đề yếu (tóm tắt những điểm chính yếu). Ngài thấy bản ấy, được! Mười vạn bài kệ, bốn mươi phẩm, bèn lưu truyền bộ này trong nhân gian. Người ta rất tài giỏi, sau khi đọc xong một lần, có thể ghi nhớ toàn bộ; vì thế, [kinh *Hoa Nghiêm*] do Ngài chuyển thuật (thuật lại). Đương nhiên, Ngài chẳng thêm một chữ nào vào kinh văn, Ngài có thể tụng thuộc lòng. Kinh *Hoa Nghiêm* do Ngài truyền. Vì thế, Nam truyền Phật giáo chẳng thừa nhận, cho kinh ấy do chính Long Thọ Bồ tát soạn ra, mạo nhận danh nghĩa Phật Thích Ca Mâu Ni để lưu hành.

Đại thừa và Tiểu thừa cách biệt hơn 1.000 năm, mà cũng chẳng kính phục nhau! Đại thừa coi thường Tiểu thừa. Tiểu thừa nói Đại thừa chẳng đúng pháp, giả trất, chẳng thật! Chúng ta nói theo *Lục Hòa Kính*, đấy là bất hòa. Đại thừa và Tiểu thừa bất hòa, đều do Phật Thích Ca Mâu Ni truyền lại mà quý vị thấy con cháu đời sau bất hòa. Trên thực tế, nếu đều học, vấn đề bèn có thể giải quyết, chớ nên vạch giới hạn,

không chịu học tập, đó là trật mất rồi! Nếu đều chịu học tập sẽ có thể dung thông.

Nam truyền Tiểu thừa khá chấp trước. Năm xưa, hình như là lần thứ 2 hay lần thứ 3 tôi sang Cát Long Ba (Kuala Lumpur), gặp một pháp sư Tiểu thừa rất có tiếng tăm tại Nam Dương (Indonesia), bước đến hỏi tôi, trách móc Phật Thích Ca Mâu Ni, rất chẳng phục. Tôi hỏi vì sao? Ông ta nói: "Đức Phật đã nói nếu Ngài chẳng độ hết chúng sinh sẽ chẳng thành Phật, nay tôi vẫn chưa thành Phật, cớ sao Ngài đã thành Phật trước?". Vặn hỏi tôi chuyện như thế. Tôi nói: "Thuở Phật tại thế, Ngài đã độ hết các chúng sinh, thật sự đã độ hết, ông cũng đã được Ngài độ rồi!". Ông ta ngơ ngác: "Độ tôi như thế nào?". "Ngày nay ông luôn miệng nói đến Phật, trong A Lại Da thức của ông đã có Phật, ông có biết hay không? Đức Phật do độ chúng sinh nên đến thế gian này, chẳng phải là đã nói rất rõ ràng ư? Độ chúng sinh căn cơ chín muồi! Ông chưa chín muồi!". Giống như trồng cây, trồng một cây đào chẳng hạn.

Tôi xách giỏ tới cây ấy hái trái đào. Tôi hái quả nào? Đương nhiên, hái quả chín trước. Trái nào chín trước, tôi bẻ lấy, trái chưa chín bèn đợi hai hôm sau". Tôi nói: "Ông vẫn chưa chín muồi, lại qua hai, ba đời sau, ông sẽ chín muồi, sẽ được hái đi, chẳng phải là không độ ông, mà do ông chưa chín muồi! Vì sao chưa chín muồi? Thấy ông hời hợt, bộp chộp, chẳng phục, đương nhiên biết ông chưa chín muồi. Hễ

chín, đức Phật sẽ đến độ ông!". Đấy là lời thật, Phật độ chúng sinh quả thật là như vậy. Căn cơ chín muồi sẽ giúp cho quý vị thành Phật, chưa chín muồi sẽ giúp quý vị chín muồi; nếu không có thiện căn, sẽ giúp quý vị gieo thiện căn, chia ra khá nhiều tầng lớp. Mỗi lần Ngài đến đều là độ khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều gồm thâu, thật sự chẳng sót một ai!

Hiện thời, trên thế giới này, rất nhiều người chẳng tin Phật, bài xích Phật giáo, quý vị nói xem Phật có độ họ hay không? Thảy đều đắc độ. Vì sao? Trong đầu họ có một chữ Phật, miệng họ có thể nói đến tiếng Phật. Đó là đắc độ, do đã có chủng tử Phật trong A Lại Da thức. Hủy báng Phật, hãm hại Phật, trong tương lai thảy đều được độ, kinh Đại thừa thường nói như thế!

Tiếp đó, sách *Chú Giải* trích dẫn *Pháp Hoa Văn Cú*. Pháp *Hoa Văn Cú* do Trí Giả Đại sư soạn. *"Kỳ tiên đại học đạo"* (Đời trước học đạo). Đây là nói về tổ tiên của Tôn giả Ca Diếp. Tổ tiên Ngài học đạo. *"Linh quy phụ tiên đồ dĩ ứng, tùng đức mạng tộc, cố vân Quy thị"* (Rùa thiêng đội bản đồ của tiên ứng hiện. Tên dòng họ được đặt theo đức hạnh, nên gọi là họ Quy).

Có chuyện như thế đấy! Vì thế, tổ tông của Ngài gọi bộ tộc của mình là Ca Diếp. Ca Diếp là tiếng Phạn. *"Hựu vân Ẩm Quang, nhân ư Tỳ Bà Thi Phật thời"* (Còn dịch là Ẩm Quang vì trong thời Tỳ Bà Thi Phật). Đây là thời gian xa xưa, Ngài là vị Phật thứ nhất trong 7 vị Phật quá khứ.

Trong thời Tỳ Bà Thi Phật (Vipashyin), đức Thế Tôn (Phật Thích Ca Mâu Ni) là Bồ tát, đã có thành tựu kha khá. Từ kinh Phật, chúng ta đọc thấy: Trước khi thành Phật, Bồ tát nhất định phải dùng thời gian 100 kiếp để tu tướng hảo. Đấy chẳng phải là chấp tướng. Tướng hảo thuộc về phúc báo, thành Phật là trí tuệ. Trí tuệ viên mãn, nhưng phúc báo chưa viên mãn sẽ không được, khi quý vị độ chúng sinh sẽ có chướng ngại.

Nếu phúc báo rất viên mãn, người ta trông thấy ai nấy đều ưa thích quý vị, muốn tiếp xúc quý vị, sẽ độ họ dễ dàng. Nếu vừa nhìn liền chán ghét, tránh xa quý vị, quý vị chẳng thể độ họ được! Vì thế, tướng hảo là một loại phương tiện nhằm tiếp dẫn chúng sinh. Quý vị thấy thị hiện kiểu ấy, không gì khác, chỉ là thị hiện nhằm dạy chúng ta chẳng thể không tu phúc. Phúc huệ viên mãn mới gọi là Phật. Có huệ thiếu phúc chẳng được, có phúc thiếu tuệ cũng không được, nhất định phải là phúc tuệ viên mãn, biểu thị ý nghĩa này.

Vào thuở đó, tức nhằm thời Tỳ Bà Thi Phật, Tôn giả Ca Diếp *"vi dã kim sư"* (là thợ luyện kim). Nay, chúng ta gọi là người làm đồ trang sức, giống như người hành nghề làm các món trang sức bằng vàng hiện thời. Trên đường phố HongKong, chúng ta thường thấy tiệm Châu Đại Phúc bán đồ trang sức, kinh doanh ngành vàng bạc, trang sức. Tôn giả là thợ kim hoàn, *"dữ nhất bần nữ, cộng dĩ hoàng kim trang nghiêm Phật tượng"* (cùng một cô gái nghèo dùng vàng ròng

trang hoàng tượng Phật). Dùng vàng ròng trang nghiêm tượng Phật, tức là thếp vàng, dùng những mảnh vàng để thếp tượng Phật. *"Tự nhĩ dĩ lai, cửu thập nhất kiếp, thân như hoàng kim, quang sắc hoảng diệu, yểm tế dư sắc, cố danh Ẩm Quang"* (Từ đấy trở đi, trong 91 kiếp, thân như vàng ròng, quang sắc chói lòa che lấp các sắc khác nên gọi là Ẩm Quang).

Từ ấy tới nay, trong 91 kiếp, Ngài đạt được quả báo. Quý vị thấy: Dùng vàng ròng cúng dường Phật. Cúng dường Phật là gì? Trang hoàng tượng Phật, thếp vàng tượng Phật. Hiện thời, tại Thái Lan, tập quán này cũng rất phổ biến. Tại Thái Lan, đối với những tượng Phật được thờ bên ngoài chùa, bên cạnh có bán vàng lá, có rất nhiều người đến mua, mua xong tự mình thếp vàng, đấy là do có điển cố vậy. Vì thế, tôn giả được quả báo thân kim sắc, đắc quả báo ấy. Kim sắc có quang minh, màu sắc, quang minh chói ngời, rất mạnh, che lấp, phủ trùm các sắc khác; do đó gọi là Ẩm Quang. Ẩm (飲) giống như nuốt, *"quang thốn chư sắc, tức Ẩm Quang nghĩa"* (ánh sáng nuốt mất các sắc khác, chính là ý nghĩa của Ẩm Quang).

Ở đây, trọng yếu nhất là Ngài Ca Diếp biểu thị Thiền, Tịnh bất nhị. Trong kinh *Đại Tập*, Phật Thích Ca Mâu Ni có nói một câu, xưng niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật là tu gì? Chính là tu vô thượng thâm diệu thiền. Phật Thích Ca Mâu Ni bảo niệm Phật là vô thượng thâm diệu thiền. Mục tiêu chung cực của thiền là "minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật". Mục tiêu chung cực của niệm Phật cũng là điều ấy, chỉ là tới

Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong hội của A Di Đà Phật sẽ chứng đắc viên mãn rốt ráo. Điều này cũng có nghĩa là tu hành trong thế giới Sa Bà có quá nhiều chướng duyên, quá nhiều chướng ngại, tam căn thượng, trung, hạ đều chẳng có cách nào hóa giải những chướng nạn và chướng duyên ấy. Tới thế giới Cực Lạc sẽ chẳng có chướng ngại. Ở nơi ấy, mỗi ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, quý vị tiếp xúc toàn là chư Phật Như Lai, chư thượng thiện nhân.

Chúng ta biết những vị thượng thiện nhân là các Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị. Những người quý vị được tiếp xúc toàn là những người như vậy. Vì sao biết toàn bộ đều là thượng thiện nhân? Chính mình cũng vậy! Sinh về thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ tát. A Duy Việt Trí Bồ tát chính là 41 địa vị Pháp thân đại sĩ. Tuy người ấy chưa đoạn phiền não, nhưng sẽ được trí tuệ và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, nên trí tuệ, thần thông và đạo lực của người ấy chẳng khác A Duy Việt Trí Bồ tát, mang ý nghĩa này! Đó là pháp khó tin!

Tiếp đó, vẫn chưa giới thiệu xong. *"Tôn giả, Đầu Đà hạnh đệ nhất"*. Ý nghĩa này rất trọng yếu. *"Đầu Đà giả, Phạn ngữ"* (Đầu Đà (Dhuta) là tiếng Phạn), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đẩu Tẩu, hoặc Đào Thải. Đẩu Tẩu là gì? Khi trên thân chúng ta có tro bụi, lắc mình tro bụi bèn rơi rớt, vì thế, cũng có nghĩa là *"đào thải"* (gạt bỏ). *"Dĩ thập nhị hạnh đào thải trần lao phiền não"* (Dùng 12 hạnh ấy để trừ bỏ trần lao phiền

não). 12 hạnh ấy là khổ hạnh. Nói thật ra, Tôn giả Đại Ca Diếp sinh trong gia đình phú quý, có địa vị rất cao trong xã hội, là con em nhà giàu sang, nhưng tu khổ hạnh, đại diện cho những người tu khổ hạnh. Lúc diệt độ, đức Phật cũng dạy chúng ta *"Lấy khổ làm thầy. Lấy giới làm thầy"*. Tôn giả Ca Diếp là một tấm gương tốt.

12 hạnh, ở đây nói tới 12 hạnh của Ngài. Thứ nhất là *"Trụ A Lan Nhã".* A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch tĩnh xứ (Nơi yên vắng). A là Vô, Lan Nhã là nơi thanh tịnh, tức là nơi chẳng ồn ào. Nơi chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu sẽ gọi là Lan Nhã. Vào thời cổ, nói chung, tiếng kêu của động vật là âm thanh lớn nhất, vì nơi Phật hoạt động đều ở ngoài thành, Ngài chẳng trụ trong đô thị, luôn ở núi, rừng, bên bờ sông, những nơi ấy đều là nơi đức Phật thường du hóa. Do trong nông thôn, xã hội nông nghiệp nuôi gia súc, tiếng trâu kêu lớn nhất, Ngài lấy điều này làm tiêu chuẩn. Nơi các Ngài ở không nghe thấy tiếng trâu kêu trong thôn làng, cũng rất an tĩnh, lấy chuyện này làm tiêu chuẩn; đấy là *"Trụ Lan Nhã".*

Thứ hai là *"Thường hành khất thực"*. Đây là phương cách sinh hoạt của họ, mỗi ngày ra ngoài khất thực.

Thứ ba là *"Thứ đệ khất"* (Khất thực theo thứ tự), cách khất thực bình đẳng. Nhà này bố thí cúng dường quý vị một ít cơm, không nhất định là đầy một bát, có người chỉ

cúng dường chút ít, chẳng hạn như cúng dường chừng một muỗng, chắc chắn chẳng đủ, sang khất thực ở nhà thứ hai, nhà thứ hai vẫn chưa đủ, đến nhà thứ ba... Đức Phật cho phép quý vị khất thực 7 nhà. 7 nhà không đủ, chẳng thể đến nhà thứ 8. Đến nhà thứ 8 là quý vị có tâm tham. Nếu một nhà, hai nhà đã đủ, quý vị chẳng thể đến nhà thứ ba. Đây là quy củ khất thực, phải tuân theo quy củ này. Khất thực theo thứ tự là bình đẳng.

Thứ tư là *"Nhật trung nhất thực"* (Giữa trưa ăn một bữa). Mỗi ngày chỉ có một lần ra ngoài khất thực.

Thứ năm là *"Tiết lượng thực"* (Ăn có chừng mực); bởi lẽ, Phật pháp thật sự là pháp bình đẳng. Khất thực trong Phật pháp, xin được một bát cơm có phải là xin được bèn ăn ngay hay không? Vừa đi vừa ăn trông không đẹp mắt, chắc chắn người ta sẽ coi thường quý vị. Sau khi xin xong, trở về tăng đoàn, chẳng hạn như cùng tụ tập dưới cội cây, dồn cơm chung lại, sau đó, chính mình cần bao nhiêu bèn xớt lấy bấy nhiêu, ăn có chừng mực.

Do vậy, đúng như cổ nhân đã nói: *"Nhất bát thiên gia phạn"* (Một bát cơm ngàn nhà), chẳng phải là giả. Quý vị thấy chúng thường trụ trong tăng đoàn, thường tùy chúng 1.255 người, kể thêm Phật Thích Ca Mâu Ni thành 1.256 người, thảy đều ra ngoài khất thực, đúng là "cơm ngàn nhà", khi trở về, dồn chung một chỗ, lợi hòa đồng quân! Quý vị xin

được bát cơm ngon, người kia xin được cơm dở hơn một chút, gộp chung lại, thực hiện lợi hòa đồng quân, là tăng đoàn *Lục Hòa Kính*.

Thứ sáu, *"Quá trung bất ẩm tương"*. Điều này chẳng thể hiểu là giờ Ngọ, vì nếu hiểu là giờ Ngọ sẽ không thích đáng. *"Quá trung"* là sau giữa trưa, nếu hiểu là giờ Ngọ thì tại Trung Quốc giờ Ngọ từ 11 giờ sáng đến 1 giờ chiều. Hơn nữa, thời gian giữa trưa mỗi ngày khác nhau, phải sai lệch vài phút, sai lệch từ 3 đến 4 phút, mỗi ngày đều có chênh lệch. Trước kia, dùng Nhật Quỹ (Sundial, đồng hồ mặt trời) để đo bóng nắng coi khi nào là giữa trưa. Hiện thời thì sao? Hiện thời, đài thiên văn phát hành nhật lịch, tức thiên văn nhật lịch (astronomical almanac), mỗi ngày đều ghi chép rất rõ ràng, giữa trưa ngày hôm nay là mấy giờ, mấy phút, mấy giây. *"Quá trung bất ẩm tương"* (Sau giữa trưa không được uống chất tương), có thể uống nước. Tương (漿) là gì? Có chất trầm lắng, như sữa bò, hoặc nói như người Trung Quốc là sữa đậu nành, loại này có chất trầm lắng. Nước đường thì được, nước đường chẳng trầm lắng, mật ong pha với nước, có thể dùng. Sau giữa trưa, hết thảy những thứ trầm lắng đều không ăn.

Thứ bảy, *"Trước phấn tảo y"* (Mặc áo phấn tảo). Phấn tảo y (糞掃衣) là gì? Quần áo của người khác đã mặc rách, chẳng cần nữa, vứt đi, quý vị nhặt lấy, lượm lấy những thứ nhất định còn có thể dùng, lọc ra, những chỗ rách nát không

thể dùng bèn cắt bỏ, chỗ có thể dùng thì giữ lại, trong tương lai, đã gom góp được khá nhiều, bèn chằm từng miếng lại; đấy chính là ca-sa hiện thời. Với những miếng vải nhỏ thì quý vị may được y 25 điều, miếng lớn thì may y 7 điều, hoặc y 5 điều. Vì thế, y sau khi may xong phải đem nhuộm màu. Chẳng nhuộm màu sẽ rất khó coi, chất liệu khác nhau, màu sắc khác nhau. Nhuộm cho chúng có cùng màu là được rồi. Nhuộm thành màu cà-phê nên gọi là *"nhiễm sắc y".*

Thứ tám, *"Đản tam y"* (Chỉ có 3 y). Ấn Độ là xứ nhiệt đới, không có 4 mùa, chỉ có một mùa, nên 3 y là đủ rồi. Buổi tối nghỉ dưới gốc cây, 3 y có thể dùng làm mền đắp giữ ấm, đến sáng, khi đi khất thực. Khất thực là một môn công khóa trọng yếu, cho nên phải mặc lễ phục, 3 y đều phải khoác trên thân. Bình thường, ở trong đoàn thể, nghe kinh bèn đắp y 7 điều là được rồi. Khi làm việc, đắp y 5 điều, một cái y 5 điều là đủ rồi. Vì thế, y 5 điều được gọi là *"công tác y"*, tức quần áo lao động.

Thứ chín là *"Trủng gian tọa"* (Ngồi nơi mồ mả). *"Trủng"* (塚) là phần mộ. Đến nơi nào để tọa thiền? Đến bên cạnh mộ phần, để quý vị thường nghĩ đến cái chết, có thể giúp quý vị buông xuống vạn duyên, buông tham, sân, si, mạn xuống. Ngài chọn nơi ấy để ngồi.

Thứ mười là *"Thụ hạ túc"* (Nghỉ dưới cội cây). Buổi tối, lúc nghỉ ngơi bèn ở dưới cội cây.

Thứ mười một là *"Lộ địa tọa",* tức ngồi nơi trên mặt đất.

Thứ mười hai là *"Đản tọa bất ngọa"* (Chỉ ngồi không nằm). Trong Phật môn gọi là *"Bất đảo đơn"* (Chẳng ngả mình xuống đơn). Lúc nghỉ ngơi bèn ngồi, tĩnh tọa, chẳng nằm xuống ngủ.

"Dĩ tư khổ hạnh, tảo trừ trần lụy, trừng tịnh thân tâm, Ca Diếp niên lão, bất xả Đầu Đà. Phật mẫn kỳ suy, khuyến mạng hưu tức, Ca Diếp Đầu Đà như cố" (Dùng các khổ hạnh ấy để quét sạch trần lụy, lắng trong thân tâm. Ca Diếp tuổi già chẳng bỏ hạnh Đầu Đà. Đức Phật thương Ngài suy yếu, khuyên hãy thôi nghỉ, Ca Diếp vẫn giữ hạnh Đầu Đà như cũ).

Đến lúc tuổi già, đức Phật khuyên Ngài chẳng cần tu khổ hạnh như vậy, nhưng Ngài Ca Diếp vẫn chẳng thay đổi, suốt đời tu khổ hạnh nêu gương tốt cho các đồng học. Mọi người thấy vậy đều phấn chấn tinh thần, sốt sắng, nỗ lực tu hành. *"Phật nãi thâm tán vân: 'Hữu Đầu Đà hạnh, ngã pháp cửu tồn'. Cố vân Đầu Đà đệ nhất"* (Đức Phật bèn ca ngợi sâu xa: "Có hạnh Đầu Đà, pháp của ta sẽ tồn tại lâu dài". Vì thế, Ngài được gọi là bậc Đầu Đà đệ nhất). Do vậy, trong di giáo dạy bảo các đệ tử đời sau, đức Phật chỉ nói 2 câu: *"Lấy giới làm thầy. Lấy khổ làm thầy"*. Giới được đặt vào hàng thứ nhất, vì sao? Không có giới, Phật pháp sẽ tiêu diệt.

Chư vị phải biết Phật pháp tiêu diệt chẳng phải do không có chùa miếu hay không có kinh Phật, chẳng phải vậy! Chùa

miếu càng tráng lệ, giàu có, nguy nga hơn, nhưng là nơi để ngắm cảnh, du lịch, vẫn tồn tại, kinh điển hãy còn, nhưng kinh điển bị các trường học trong thế gian coi như học thuật để nghiên cứu, gọi bằng danh xưng đẹp đẽ là "Phật học".

Quý vị thấy Phật pháp đã biến thành Phật học, còn lại thứ ấy. Điều gì chẳng có? Người trì giới chẳng có, người khổ hạnh chẳng có, Phật pháp bèn diệt. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Điều gì khiến cho chính pháp tồn tại lâu dài? Ai nấy đều trì giới, ai nấy chẳng sợ khổ, bằng lòng tu khổ hạnh, trong cuộc sống bằng lòng chịu khổ một chút, tốt lắm, vì sao? Khiến cho chúng ta chẳng tham luyến thế gian này. Nếu cuộc sống quá giàu có, dư dả, sống rất khá, quý vị chẳng nỡ rời khỏi thế gian này, A Di Đà Phật duỗi tay mời quý vị sang thế giới Cực Lạc, quý vị vẫn thưa với Ngài: "Con ở đây khá lắm, sợ rằng chẳng kém thế giới Cực Lạc".

Quý vị sẽ nghĩ như vậy, chẳng muốn ra đi. Do vậy, quý vị thấy Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, Tôn giả Đại Ca Diếp là cổ Phật tái lai, nêu gương cho chúng ta. Vì sao chúng ta khó đoạn phiền não dường ấy? Rất nhiều đồng tu đã rất cảm khái nói với tôi, rất muốn đoạn, nhưng vì sao chẳng thể đoạn nổi? Quý vị chẳng thể chịu khổ, nên chẳng đoạn được! Quý vị chẳng thể trì giới, sẽ đoạn không được, đơn giản như thế đấy! Vì sao người trước kia đều có thể làm được, nhưng nay chúng ta chẳng thể làm? Người hiện thời học khoa học, chú trọng dinh dưỡng, ăn uống bèn chú trọng màu sắc, hương

vị. Đó là gì? Mỗi ngày đều tăng trưởng phiền não, làm sao quý vị có thể đoạn phiền não được? Quý vị đã đi theo đường lối trái ngược!

Vì thế, quý vị lắng lòng tư duy sẽ biết, hiện thời chúng ta tu hành bị chướng ngại chỗ nào? Do chính mình tạo tác, chẳng có người nào khác chướng ngại chính mình. Thật sự muốn Phật pháp hưng vượng, mà chẳng tuân thủ lời răn dạy của Phật Đà, sẽ chẳng có cách nào thành tựu. Vì thế, trong *Kim Cương Kinh Giảng Nghĩa*, lão cư sĩ Giang Vị Nông vẫn đề xướng khất thực. Trong quá khứ, tôi giảng kinh *Kim Cương* có tham khảo bộ *Giảng Nghĩa* của cụ. Hiện thời, có thể khất thực hay không? Có thể, nhưng chắc là chẳng thể nào khất thực theo thứ tự được! Ở HongKong, quý vị đi khất thực 7 nhà, sợ rằng chẳng có ai cúng dường quý vị.

Nếu quý vị đi hết một con đường, có lẽ sẽ gặp được một người, người học Phật ở HongKong chẳng ít. Thật sự học Phật, sẽ có long thiên, thiện thần, Phật, Bồ tát gia hộ, quý vị sẽ gặp người thiện tâm tới cúng dường quý vị. Nói chung, phải hình thành một phong khí mới được, sẽ bớt nhiều việc lắm; nhưng chúng ta ở nơi này thuộc vùng ôn đới, chẳng phải là nhiệt đới, 3 y chẳng đủ.

Vì thế, Phật pháp truyền tới Trung Quốc, 3 y tại Trung Quốc hoàn toàn biến thành lễ phục. Người Trung Quốc vẫn mặc y phục của chính mình. Áo hải thanh rộng tay chính là y

phục đời Hán. Phật giáo được truyền vào từ đời Hán, vẫn y như cũ gìn giữ trang phục đời Hán, điều này rất tốt. Áo rộng tay to là lễ phục của chúng ta. Bình thường chúng ta mặc *"trường quải"* (áo tràng tay hẹp, áo nhật bình) là y phục đời Minh, làm việc khá thuận tiện, áo hải thanh đời Hán dùng làm lễ phục. Trong khi làm Phật sự, cũng như trong học tập, về phương diện lễ tiết, chúng ta đắp y. Y ấy là y 25 điều, là đại lễ phục. Y 7 điều là lễ phục thông thường, bình thường. Y ấy (y 25 điều) là đại lễ phục, khi giảng kinh, lên lớp là đại lễ, bèn mặc lễ phục đại lễ. Khi lạy Phật là đại lễ. Bình thường, trong sinh hoạt hằng ngày, ăn cơm, y 7 điều là được rồi. Tiếp đãi tân khách, thì thông thường y 7 điều là được rồi. Đó là lễ phục chia theo đẳng cấp.

Y 5 điều là quần áo lao động, nhưng tại Trung Quốc đã chẳng còn thích hợp, chỉ giữ lại làm kỷ niệm, chẳng thích hợp để sử dụng. Vì thế, Phật pháp sống động, hoạt bát, trọn chẳng khô khan, như Tôn giả Ca Diếp vì chúng ta thị hiện 12 hạnh Đầu Đà ấy; có những điều chúng ta có thể làm được, có những điều không bắt buộc phải làm theo, sống động, cũng chẳng chết cứng. Nhưng chúng ta phải hiểu dụng ý của Ngài ở chỗ nào, vì sao Ngài phải làm theo cách như vậy? Thật sự quét sạch trần lụy, lắng trong thân tâm, phương pháp ấy rất có hiệu quả.

Đoạn tiếp theo là *"Vưu ưng thâm tỉnh giả"* (Càng phải nên phản tỉnh sâu xa). Chúng ta càng phải nên phản tỉnh sâu xa.

"Đại Ca Diếp tôn giả, tức truyền Phật tâm ấn chi Thiền tông Sơ Tổ" (Tôn giả Đại Ca Diếp là Sơ Tổ Thiền tông truyền tâm ấn của Phật). Công án và điển cố này xuất phát từ quyển thứ 3 của bộ *Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Quyết Nghi Kinh.* Điển cố *"Niêm hoa vi tiếu"* (Giơ cành hoa, mỉm cười) xuất phát từ kinh ấy. *"Phạm vương chí Linh Sơn"* (Phạm vương đến Linh Sơn). Phạm vương là Đại Phạm thiên vương. Linh Sơn là núi Kỳ Xà Quật thuộc thành Vương Xá. *"Dĩ kim sắc Bát La hoa hiến Phật"* (Dùng hoa sen[47] sắc vàng dâng lên đức Phật), tức là Ngài dùng hoa cúng dường Phật. *"Xả thân vi tòa"* (Xả thân làm tòa), Đại Phạm vương cũng đến biểu diễn pháp. Nếu chẳng phải là cổ Phật tái lai, thì tối thiểu là Thập Địa Bồ tát, tức Pháp Vân Địa Bồ tát tới biểu diễn. *"Xả thân vi tòa"*, quý vị thấy thiên vương rất cung kính đức Phật, thỉnh Phật ngồi trên người ông ta. *"Thỉnh Phật vị chúng sinh thuyết pháp"* (Xin đức Phật hãy vì chúng sinh mà thuyết pháp). Đại Phạm vương chẳng phải là người thường. *"Thế Tôn đăng tọa, niêm hoa thị chúng"* (Đức Thế Tôn lên tòa, cầm cành hoa giơ lên cho đại chúng thấy). Đức Thế Tôn cũng cho ông ta được mãn nguyện liền ngồi đôi chút, chẳng thể ngồi quá lâu. Ngồi quá lâu là chẳng thông hiểu nhân tình.

Do có vấn đề tình người trong ấy, nên thời gian càng ngắn càng hay. Được thỉnh thuyết pháp, đức Phật bèn giơ cành hoa lên. Hoa ấy là gì? Chính là đóa hoa do Đại Phạm thiên

[47] *"Bát La hoa"* là gọi tắt của chữ *"Ưu Bát La hoa"* (Utpala), tức hoa sen.

vương cúng dường. *"Niêm hoa thị chúng"*, đưa lên cho mọi người xem. *"Nhân thiên bách vạn"* (Trời và người trăm vạn). Người chẳng đông lắm, nhưng thiên thần đông đảo, do các Ngài theo Đại Phạm vương đến nơi ấy.

"Tất giai võng thố" (Thảy đều ngơ ngác). Mọi người chẳng hiểu ý nghĩa cầm hoa của đức Phật, chẳng ai biết! *"Độc hữu Kim Sắc Đầu Đà phá nhan vi tiểu"* (Chỉ mình Kim Sắc Đầu Đà lộ vẻ mỉm cười). Chỉ có Tôn giả Ca Diếp mỉm cười. *"Thế Tôn vân: Ngô hữu chính pháp nhãn tàng, Niết bàn diệu tâm, Thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, phó chúc Ma Ha Ca Diếp"* (Đức Thế Tôn nói: "Ta có chính pháp nhãn tàng, diệu tâm Niết bàn, Thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, phó chúc Ma Ha Ca Diếp"). Đức Phật trao cành hoa ấy cho Ngài Ca Diếp. Đây là công án đầu tiên trong Thiền tông. Tôn giả Ca Diếp lộ vẻ mỉm cười là vì Ngài đã hiểu rõ, minh bạch, khai ngộ, từ một động tác của đức Thế Tôn, Ngài bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Về sau, Ngài truyền y bát của Phật Thích Ca Mâu Ni. Thoạt đầu, Phật Thích Ca Mâu Ni truyền cho Ca Diếp chẳng phải là y bát, mà là đóa hoa do Đại Phạm vương cúng dường. Đấy là công án *"Niêm hoa vi tiếu".*

Tiếp đó, sách viết: *"Thử tức thế truyền chi niêm hoa công án. Thế Tôn truyền tâm ư Ca Diếp, vi Thiền tông Sơ Tổ, Ca Diếp tái truyền ư A Nan"* (Đấy chính là công án "Niêm hoa" được lưu truyền trong cõi đời, đức Thế Tôn truyền tâm cho Ngài Ca Diếp, làm Sơ Tổ Thiền tông. Ca Diếp lại truyền cho A

Nan). A Nan là Nhị Tổ. *"Kim thượng thủ trung, tiêu cử Đại Ca Diếp, chính biểu Thiền Tịnh bất nhị chi thâm ý"* (Nay nêu tên Ngài Đại Ca Diếp trong các vị thượng thủ chính là biểu thị ý nghĩa sâu xa "Thiền, Tịnh chẳng hai").

Quý vị xem thấy ý nghĩa biểu thị pháp của Ngài. Phật giáo truyền tới Trung Quốc, thì Phật Thích Ca Mâu Ni đã diệt độ 1.000 năm. Đức Phật có tiên đoán, Ngài nói 1.000 năm sau khi pháp hội này truyền đến nước Chấn Đán ở phương Đông. Chấn Đán là Trung Quốc. Trong pháp vận của đức Phật, đức Phật đã nói Chính pháp là 1.000 năm, Tượng pháp 1.000 năm, Mạt pháp một vạn năm. Chính pháp, giới luật thành tựu, người có thể trì giới sẽ có thể chứng quả. Thời Tượng pháp, trì giới không được, căn khí của con người chẳng tốt đẹp như trước kia, phải tu thiền định. Vì thế, 1.000 năm trong thời kỳ Tượng pháp là thiền định thành tựu. Mạt pháp một vạn năm, Tịnh Độ thành tựu. Đức Phật nói lời ấy trong kinh *Đại Tập*. Phật pháp truyền tới Trung Quốc nhằm đúng 1.000 năm sau khi đức Phật diệt độ, bắt đầu thời Tượng pháp. Tượng pháp là Thiền thành tựu, nên Thiền tông hưng vượng tại Trung Quốc, đúng là 1.000 năm.

Thiền tông Trung Quốc vượt trội Ấn Độ rất nhiều; do vậy, nhiều người tu Thiền, đông đảo người ngưỡng mộ Thiền, phong khí Thiền học rất hưng thịnh. Cũng có kẻ hiểu biết Thiền tông nửa vời, số ấy càng đông, những kẻ ấy càng kiêu căng, ngã mạn, không chỉ coi thường Tịnh Độ, ngay cả Giáo

Hạ cũng không để vào mắt, toàn là nảy sinh hiểu lầm, nhưng trong xã hội đã tạo thành ảnh hưởng trái nghịch. Phải làm như thế nào để hưng khởi pháp môn thù thắng như vậy hòng thật sự lợi ích chúng sinh? Vì vậy, các vị tổ sư đại đức thiện xảo phương tiện, quý vị thấy bao nhiêu vị giống như Vĩnh Minh Diên Thọ đã làm như vậy.

Trước hết, Ngài tham thiền, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính trong nhà thiền rồi quay về tu Tịnh Độ. Sự thị hiện ấy nhằm dụng ý gì? Biết có rất nhiều kẻ học thiền chẳng thể thành tựu, quý vị quay về tu Tịnh Độ sẽ có thể vãng sinh, chắc chắn thành tựu. Vì thế, Ngài mới nói: *"Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ, do như đới giác hổ"* (Có Thiền, có Tịnh Độ, giống như hổ mọc sừng). Câu này nhằm khuyên lơn người học thiền, chẳng phải dành cho người tu Tịnh Độ. Tu Tịnh Độ lại muốn tập thiền, quý vị sai mất rồi! Thấy tu thiền chẳng thể thành tựu, khuyên họ, họ chẳng tiếp nhận, không chịu nghe.

Vì thế, nói quý vị đã có thiền, lại còn thêm Tịnh Độ càng hay hơn! Phương tiện thiện xảo như vậy để dẫn dắt, tiếp dẫn kẻ ấy, mang ý nghĩa như thế đó. Vì thế, người tu Tịnh Độ, chớ nên đi theo đường vòng. Nếu học thiền là trật rồi, mật ý ở chỗ này, nhất định phải hiểu! Chẳng phải là những vị tổ sư đại đức xưa kia kiếm chuyện phiền phức, bảo quý vị phải học 2 pháp môn. Ta thâm nhập một môn, quý vị phải hiểu đạo lý này, phải hiểu lời ấy tổ sư dùng để nói với ai, chẳng phải là nói với chúng ta! Ngàn muôn phần đừng nên

thấy chư tổ dạy người khác thứ gì, chúng ta bèn vớ lấy để dùng, lầm rồi, chẳng thích hợp cho chúng ta. Thật sự hiểu rõ cái gọi là *"Thiền Tịnh bất nhị"*, khăng khăng một mực một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Thật vậy, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo một câu A Di Đà Phật là vô thượng thậm thâm vi diệu Thiền.

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

TẬP 90

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo duyệt: **Huệ Trang và Đức Phong**

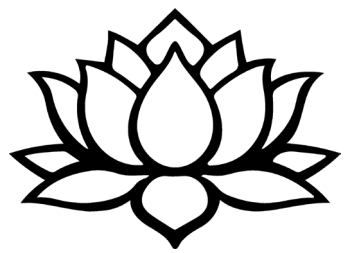

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 101, dòng thứ 5, đọc từ dưới lên, xem từ câu *"Tôn giả A Nan đẳng"* (Tôn giả A Nan v.v...):

"Tôn giả A Nan đẳng, Đường, Tống dịch tác A Nan Đà, lược xưng A Nan, dịch viết Khánh Hỷ, Hoan Hỷ, hựu vân Vô Nhiễm, nãi Bạch Phạn Vương chi tử, Phật chi đường đệ dã. Sinh ư Phật thành đạo nhật, Tịnh Phạn Vương ký văn Thái Tử thành Phật, hựu văn cung trung đản tử, cánh tăng hoan hỷ, nãi viết: 'Kim nhật đại cát, thị hoan hỷ nhật'. Ngữ lai sứ ngôn, thị nhi đương tự vi A Nan" ("Tôn giả A Nan v.v...": Đời Đường, Tống dịch là A Nan Đà (Ānanda), gọi tắt là A Nan, Hán dịch là Khánh Hỷ, Hoan Hỷ, còn dịch là Vô Nhiễm. Ngài là con của vua Bạch Phạn (Śuklodana), em họ của Phật, sinh nhằm ngày Phật thành đạo. Vua Tịnh Phạn (Śuddhodana) nghe tin Thái tử thành Phật, lại nghe trong cung sinh con trai càng thêm hoan hỷ, bèn phán: "Hôm nay đại cát, là ngày hoan hỷ", bảo với sứ giả: "Đứa trẻ ấy nên đặt tên là A Nan"). Chúng ta xem tới đây.

Ở đây, sau *"Tôn giả A Nan"* có chữ Đẳng (等). Đẳng là còn có những người khác, vì trong 5 bản dịch gốc, bản kể tên nhiều nhất có hơn 30 vị, khi cụ Hạ hội tập, đã chọn lấy những vị mang tính chất biểu thị pháp trọng yếu, những vị khác đều tỉnh lược; vì thế, dùng chữ Đẳng. Bản Đường dịch và Tống dịch đều phiên âm là A Nan Đà. Đà là âm cuối, người

Trung Quốc, đặc biệt là cổ nhân Trung Quốc chuộng đơn giản, nên lược bớt âm cuối.

Giống như chữ Phật, sau chữ Phật có âm cuối, tức Phật Đà Da, âm cuối cũng bị tỉnh lược. Vì thế, gọi gọn là A Nan, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Khánh Hỷ, hoặc Hoan Hỷ, cũng có nghĩa là Vô Nhiễm. Ngài là con của vua Bạch Phạn. Cha của đức Thế Tôn là vua Tịnh Phạn có 4 anh em, mỗi người đều có 2 con trai. Vì thế, Phật Thích Ca có 8 người anh em họ. Trong số 8 người anh em họ, đức Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất, đứng vào hàng thứ 8.

A Nan sinh nhằm ngày đức Phật thành đạo. Phật Thích Ca Mâu Ni 30 tuổi thành đạo, người em này nhỏ hơn đức Phật 30 tuổi, vì đức Phật thành đạo lúc 30 tuổi. Sinh nhằm ngày hôm ấy, cũng là ngày đức Phật thành đạo, tin vui báo về hoàng cung, vua Tịnh Phạn nghe tin Thái tử thành Phật, chứng quả, lại nghe trong cung sinh ra đứa bé này, là em họ của đức Phật, tức là cháu trai của nhà vua, nên vô cùng hoan hỷ. Vua bèn nói: "Hôm nay là ngày đại cát, là ngày hoan hỷ", bảo người đến báo tin: "Đứa bé ấy nên đặt tên là A Nan", tức A Nan Đà, mang ý nghĩa hoan hỷ.

"Hựu tôn giả đoan chính, thanh tịnh, như hảo minh kính, kiến kỳ tướng giả, văn kỳ thanh giả, đổ kỳ oai nghi giả, mạc bất hoan hỷ, cố dĩ vi danh" (Hơn nữa, tôn giả đoan chính, thanh tịnh như tấm gương trong vắt. Trông thấy hình dạng

Ngài, nghe tiếng Ngài, xem oai nghi của Ngài, không ai chẳng hoan hỷ, nên đặt tên như vậy). Cái tên này vô cùng thích hợp. A Nan cũng là bậc tái lai, chẳng phải là phàm nhân.

Đức Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, A Nan có 30 tướng tốt; vì thế, rất hiếm có. *"Đoan chính, thanh tịnh, như hảo minh kính"*, gương sáng đặc biệt đẹp đẽ; vì thế, có người thấy đứa bé ấy, hoặc nghe tiếng nó nói, thấy động tác của nó, không ai chẳng hoan hỷ, ai trông thấy cũng yêu mến đứa bé ấy. Vì thế, bác cả đặt tên cho đứa bé là A Nan, danh tương xứng thực. *"Hựu tôn giả tùy Phật nhập thiên cung, long cung, tâm vô nhạo trước, cố danh Vô Nhiễm"* (Ngoài ra, tôn giả theo Phật vào long cung, thiên cung, tâm không ham đắm, nên gọi là Vô Nhiễm).

Sau khi xuất gia, Phật Thích Ca Mâu Ni từng dẫn Ngài lên xem thiên cung, tức Dục Giới Thiên, cũng đã từng đến thăm long cung, là nơi Đại Long Bồ tát ở, bất luận tại long cung hay thiên cung, Ngài đều chẳng bị nhiễm ô, tâm địa thanh tịnh. Vì thế, danh hiệu ấy cũng có nghĩa là Vô Nhiễm.

"Phật thọ ngũ thập ngũ tuế thời, A Nan xuất gia" (Khi đức Phật đã 55 tuổi, A Nan mới xuất gia). A Nan xuất gia lúc 25 tuổi, *"thị Phật nhị thập ngũ niên"* (hầu Phật 25 năm), thì gặp lúc Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ. Người Trung Quốc nói theo tuổi ta nên bảo đức Phật diệt độ lúc 80 tuổi. Người ngoại quốc nói theo tuổi thật sự, tuổi thật sự là 79

tuổi. Ngài làm thị giả cho đức Phật 25 năm, chăm sóc đức Phật 25 năm.

"Phật sở tuyên thuyết, tất năng ức trì, bất vong nhất tự" (Các pháp do đức Phật tuyên thuyết Ngài đều nhớ giữ, chẳng quên một chữ). Trong các vị đệ tử của đức Phật, Ngài có trí nhớ tốt nhất, sức lý giải đặc biệt mạnh mẽ. Từ hội Lăng Nghiêm, chúng ta có thể thấy đức Thế Tôn giảng kinh *Lăng Nghiêm*, Ngài có thể hoàn toàn lý giải những ý nghĩa do đức Phật đã nói. Cùng lúc ấy, Tôn giả Phú Lâu Na đã đắc Tứ Quả La Hán, nhưng nghe chẳng hiểu, mà Ngài A Nan có thể nghe hiểu, chứng tỏ căn tánh của Ngài chẳng giống người khác! Vì thế, Ngài truyền thừa pháp tạng của đức Phật. Tôn giả Ca Diếp truyền Thiền tông của đức Phật, còn Giáo Hạ do ngài A Nan truyền. "Thảy đều có thể ghi nhớ, chẳng quên một chữ" vô cùng khó, nên Ngài đương nhiên là bậc tái lai. *"Niết Bàn xưng A Nan đa văn sĩ. Hựu Ca Diếp tán viết: 'Phật pháp đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm'. Cố viết, đa văn đệ nhất"* (Kinh *Niết Bàn* gọi A Nan là bậc đa văn. Ngài Ca Diếp cũng khen rằng: "Nước biển cả Phật pháp chảy vào tâm A Nan", nên gọi Ngài là đa văn bậc nhất). Trong 10 vị đại đệ tử, Ngài là đa văn đệ nhất.

"Đẳng giả, Ngụy dịch trung liệt tam thập nhất nhân" (Chữ "đẳng": Trong bản Ngụy dịch nêu tên 31 vị thượng thủ). Đấy là bản dịch của Ngài Khang Tăng Khải đời Ngụy, kể tên 31 vị thượng thủ; trong quá khứ, bản này lưu hành rộng

nhất. Trong 5 bản dịch gốc, bản dịch này hoàn bị nhất, phiên dịch rất khá; vì thế, mọi người học tập kinh *Vô Lượng Thọ* đều dùng bản này. Trong quá khứ, tôi học bộ kinh này tại Đài Trung. Thầy Lý giảng từ đầu đến cuối một lần, giảng bản dịch của Ngài Khang Tăng Khải.

Lần đầu tiên, Ngài giảng chỉ dùng bản của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Lần thứ hai, chỉ dùng bản của Ngài Khang Tăng Khải. *"Kim hội bản cẩn liệt cử kỳ trung thượng thủ ngũ nhân chi danh, cố viết A Nan đẳng, dĩ khái kỳ dư"* (Nay bản hội tập chỉ nêu tên 5 vị thượng thủ trong số ấy, nên viết là "A Nan đẳng" để chỉ chung các vị còn lại). Những vị khác đều tỉnh lược, nêu tên 5 vị như đã nói trên nhằm biểu thị pháp. Trong pháp môn này, A Nan biểu thị niệm Phật là đa văn đệ nhất. Chúng ta chớ nên không biết ý nghĩa này. Học rộng nghe nhiều liên quan gì với niệm Phật? Có liên quan! Niệm Phật mà có thể niệm tới mức đạt Niệm Phật Tam-Muội, đấy là nhập định, đã đắc thiền định. Sau khi đắc thiền định, công phu định lực đạt tới một trình độ nhất định, hoát nhiên đại ngộ, người ấy sẽ khai ngộ. Sau khi khai ngộ sẽ là đa văn, đối với các kinh, quý vị chưa từng nghe, vừa nghe liền hiểu rõ, vừa đọc liền hiểu rõ. Vì thế, 6 căn vừa tiếp xúc bèn thông đạt; đó đúng là đa văn bậc nhất!

Đối với trường hợp này, chúng ta không nói đến các đệ tử đức Thế Tôn, mà nhìn vào Thiền tông Lục Tổ Huệ Năng thuộc đời Đường của Trung Quốc, đó là một thí dụ rất hay.

Ngài chưa nghe kinh, Huệ Năng Đại sư không biết chữ, đương nhiên chẳng thể đọc kinh, nhưng Ngài nghe liền hiểu. Quý vị thấy người đầu tiên gặp Ngài là tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Vị tỳ-kheo-ni này suốt đời thọ trì kinh *Đại Niết Bàn*. Kinh *Đại Niết Bàn* phân lượng cũng rất nhiều, có 2 loại bản dịch: Một là bản 40 quyển, hai là bản 36 quyển[48]. Sau khi được truyền y bát, thầy bảo Huệ Năng Đại sư hãy đi lánh nạn, ẩn cư, đi xuống phương Nam.

Ngài hỏi thầy: "Con nên đi ẩn cư nơi đâu?". Thầy nói: "Ông từ đâu đến, hãy trở lại nơi đó". Trên đường, Tổ gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, nghe bà ta đọc kinh *Niết Bàn*. Sau khi nghe xong, bèn giảng bộ kinh ấy cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, tức là giảng kinh *Đại Niết Bàn*. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe giảng, vô cùng hoan hỷ, bèn cầm kinh hướng về Tổ thỉnh giáo. Tổ bảo bà ta: "Ta không biết chữ". Ni sư hỏi: "Ngài không biết chữ, cớ sao có thể giảng hay như thế?". Tổ nói: "Chuyện ấy chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không". Câu nói này vô cùng trọng yếu, minh tâm kiến tính, đấy là điều khẩn yếu! Chỉ cần kiến tính, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều là tâm hiện, thức biến.

Quý vị kiến tính, sự nhận biết cũng chẳng có vấn đề gì, thông suốt toàn bộ. Sự nhận biết do đâu mà có? A Lại Da. A

[48] Bản 40 quyển do Ngài Đàm Vô Sấm dịch vào đời Bắc Lương. Khi bản này truyền đến phương Nam, các vị như Huệ Nghiêm, Huệ Quán, Tạ Linh Vận đã chiếu theo bản dịch mang nhan đề *Nê Hoàn Kinh* của Ngài Pháp Hiển để hội tập thành bản gồm 36 quyển. Do vậy, bản này được gọi là *Nam Bổn Niết Bàn Kinh*, còn bản dịch gốc của Ngài Đàm Vô Sấm được gọi là *Bắc Bổn Niết Bàn Kinh*.

Lại Da vẫn do tâm hiện. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều hoàn toàn hiểu rõ. Ngài ở nơi đó vài ngày, tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng niệm kinh cho Ngài nghe, Ngài bèn giảng cho bà ta nghe. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghiễm nhiên khai ngộ. Trong đời Huệ Năng Đại sư, có tất cả 43 người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính dưới tay Ngài, trong đó có một nữ nhân là vị tỳ-kheo-ni này. Vì sao? Chúng ta phải hiểu một câu nói của cổ nhân: *"Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài".* Tâm tỳ-kheo-ni thanh tịnh, nếu bà ta niệm bộ kinh ấy 5 năm, 10 năm, tâm sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ. Tâm thanh tịnh đoạn phiền não, tối thiểu là khuất phục phiền não, phiền não chẳng thể dấy lên hiện hành. Thật sự gặp gỡ cao nhân, gặp thiện tri thức, đối với bộ kinh quý vị đang thọ trì, đúng vào lúc mấu chốt bèn chỉ điểm một chút, quý vị sẽ thông, được chỉ điểm đôi chút bèn quán thông.

Huệ Năng Đại sư chưa từng đọc kinh, đi bán củi ngẫu nhiên nghe có người đọc kinh. Ngài ở ngoài cửa sổ nghe tiếng đọc kinh bên trong, nghe rất hoan hỷ. Đứng nghe một hồi lâu, nghe xong, tiến vào gõ cửa. Vị cư sĩ đọc kinh ấy mở cửa, gặp Ngài, giảng cho Ngài nghe ý nghĩa của bản kinh Ngài vừa mới nghe. Ngài nghe xong, vô cùng kinh ngạc. Vị lão cư sĩ ấy cũng chẳng phải là phàm nhân, trò chuyện cùng Ngài, nhận biết Ngài, nói theo cách chúng ta bây giờ là "thiện căn thật sự sâu dày, chẳng phải là phàm nhân",

bèn khuyên Ngài đến Hoàng Mai[49], bái Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn làm thầy. Ngài kể với ông ta tình cảnh khó khăn của chính mình: Trong nhà còn mẹ già, mỗi ngày phải cậy vào Ngài bán củi để sống qua ngày. Ngài ra đi, sẽ không có ai chăm sóc mẹ già.

Vị cư sĩ ấy hết sức nhiệt tâm, mời mấy đồng tu họp lại, quyên góp, tặng cho Ngài 10 lượng bạc để làm chi phí lo liệu việc nhà: "Mẹ anh đã có người chăm sóc". Ngài bèn yên tâm ra đi, đến núi Hoàng Mai ở 8 tháng, chẳng hề bước vào giảng đường, cũng chẳng vào thiền đường. Lão hòa thượng chỉ giao cho Ngài công việc giã gạo và chẻ củi trong xưởng xay gạo. Đó là việc chính của Ngài, đúng với nghề cũ, bảo Ngài làm công quả suốt 8 tháng. Tới khi truyền pháp lại nghiễm nhiên truyền cho Ngài, chẳng ai ngờ được! Truyền pháp vào một đêm khuya, nửa đêm canh ba trong phương trượng thất, 2 Ngài là *"tâm tâm tương ấn"*[50]. Nhẫn hòa thượng giảng đại ý kinh *Kim Cương* cho Ngài nghe, chắc chắn không dùng đến sách, chúng tôi phỏng đoán chẳng thể lâu hơn 2 giờ, giảng đến câu *"Ưng vô sở trụ, nhi sinh kỳ*

[49] Hoàng Mai nay thuộc thành phố Hoàng Cương, phía Đông tỉnh Hồ Bắc, thuộc vùng giáp ranh của 3 tỉnh Hồ Bắc, An Huy và Giang Tây.

[50] Nguyên văn *"linh tê nhất điểm thông"*, dựa theo một câu thơ cổ của Lý Thương Ẩn: *"Thân vô thái phượng song phi dực, tâm hữu linh tê nhất điểm thông",* ý nói tâm không đôi cánh như chim phượng để bay lượn, nhưng tâm linh giống như sừng con tê ngưu (tê giác), hễ có một điểm trắng bèn thông suốt.

Theo truyền thuyết, có một loại tê ngưu tên là Thiên Tê, mình có một vệt trắng kéo dài từ đầu đến đuôi nên được coi là một con vật thiêng, gọi là Linh Tê, chạm vào sừng nó, bất cứ điểm trắng nào trên sừng cũng có thể thông qua được phía bên kia sừng. Do đó sừng Linh Tê cũng được dùng để chỉ sự tương thông của đôi bên. Từ ngữ này về sau mở rộng với ý nghĩa là đôi bên tâm tương ứng chỉ cần nói một câu liền hiểu nhau ngay, và thường được coi là từ ngữ tương ứng của "tâm tâm tương ấn".

tâm", Ngài bèn khai ngộ. Một ngộ, toàn bộ thông, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thấu suốt. Quý vị chỉ cần đem kinh điển nhà Phật đọc cho Ngài nghe, Ngài có thể giảng cho quý vị nghe. Há chẳng phải là đa văn đệ nhất ư? Bí quyết trong sự truyền pháp của Phật pháp là ở chỗ này, nhưng quý vị phải có căn bản. Quý vị thấy đó: Do Giới đắc Định, do Định khai Tuệ.

Trong một đời này, có thể nói là chúng tôi nhận thấy sau khi kháng chiến nổ ra, trong thời chiến tranh, từ lúc chiến tranh bắt đầu mãi cho đến hiện thời, trong Phật môn, bất luận tại gia hay xuất gia chẳng có ai khai ngộ. Lão pháp sư Đàm Hư đã nói lời này. Thuở trước, tại HongKong, cụ Đàm Hư là học trò của lão pháp sư Đế Nhàn, suốt đời cũng là pháp sư giảng kinh. Ngài sáng lập Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán tại HongKong.

Năm 1977, tôi giảng kinh *Lăng Nghiêm* suốt 2 tháng tại đó. Tôi giảng tất cả 4 tháng. 4 tháng sau, tôi giảng tại giảng đường Quang Minh của Lão Hòa thượng Thọ Dã tại đường Lam Đường (Blue Pool road), HongKong, giảng suốt 2 tháng. Cụ Đàm nói cả đời Ngài chưa nghe nói có ai khai ngộ, đắc định thì có như Lão Hòa thượng Hư Vân đắc định, đắc thiền định, nhưng chưa nghe nói có ai khai ngộ.

Trong thời đại hiện tại, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi: "Ngay cả tu Thiền đắc Định cũng chưa hề nghe nói có ai!".

Đối với chuyện học Mật, thì cụ là Kim Cương Thượng Sư bên Mật tông. Cụ bảo tôi, từ thời kháng chiến mãi cho đến nay, trước lúc vãng sinh, cụ nói với tôi như vậy. Người học Mật tông tại Trung Quốc, thành tựu Tam mật tương ứng chỉ có 6 người! Vì vậy, cụ bảo tôi: *"Từ nay về sau, chẳng có cách nào học Mật và học Thiền, chẳng thể thành tựu. Thật sự có thể thành tựu chỉ có pháp môn Niệm Phật"*. Bởi vậy, lúc lão nhân gia vãng sinh, thân thể chẳng khỏe lắm. Cụ cho tôi biết mỗi ngày cụ niệm 14 vạn câu Phật hiệu, chuyên niệm A Di Đà Phật, ngày đêm chẳng gián đoạn. Hễ mệt mỏi bèn nghỉ ngơi đôi chút, mỗi ngày là 14 vạn câu, lúc lâm chung cũng biết trước khi mất. Quý vị thấy học Thiền, học Mật, nhưng đến lúc khẩn yếu sẽ thảy đều buông xuống, chỉ giữ một câu A Di Đà Phật. Đấy là lão nhân gia thị hiện cho chúng ta.

Chúng ta sinh nhằm thời Mạt pháp. Hiện thời, chưa phải là lúc cuối cùng của thời Mạt pháp. Mạt pháp hãy còn 9.000 năm nữa. Trong 9.000 năm ấy, Phật pháp có lúc hưng thịnh, có khi suy vi, lên xuống như hình sóng. Trước kia, Chương Gia Đại sư đã bảo tôi điều ấy. Hiện thời, suy đến cùng cực, có người tu hành thật sự hay không? Chúng tôi tin chắc là có! Tuy không ai biết, nhưng có người chân tu. Vì sao biết? Nếu không có người tu hành chân chính, thì địa cầu này chẳng thể như bây giờ. Người tu hành chân chính có đại phúc báo. Chúng sinh trên địa cầu tạo nghiệp nhiều dường ấy, nhưng người tu hành chân thật có thể khống chế, khiến địa cầu

chẳng đến nỗi bị hủy diệt. Điều đó, khẳng định chúng sinh có người đại phúc đức gánh vác.

Chúng ta chẳng biết những người ấy, họ ở trong núi sâu, không có duyên, thì quý vị gặp gỡ cũng chẳng thể thấy. Trong tương lai, Phật giáo lại hưng thịnh. Hưng thịnh trong tương lai, chẳng phải là Thiền hay Mật, mà là Giáo. Trong Giáo, chúng ta biết, có thể là Tịnh tông hưng vượng nhất. Trong kinh *Đại Tập*, Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy chúng ta điều ấy, Ngài thọ ký, người hiện thời bảo là "dự ngôn", thời kỳ Mạt pháp, Tịnh Độ thành tựu. Thời kỳ Chính pháp, Giới luật thành tựu; thời kỳ Tượng pháp, Thiền định thành tựu, và thời kỳ Mạt pháp, Tịnh Độ thành tựu.

Kinh *Vô Lượng Thọ* là kinh điển trọng yếu trong Tịnh Độ, là kinh điển căn bản của Tịnh tông như vậy. Nhưng trước nay chẳng có một bản tiêu chuẩn, đấy là điều khiến cho những người tu học pháp môn này từ xưa đến nay đều cảm thấy tiếc nuối. Phiên dịch thật nhiều, trong hết thảy các kinh, chẳng có kinh nào có nhiều bản dịch như kinh này, tới 12 bản dịch! Từ đời Hán đến đời Bắc Tống có 12 lần phiên dịch trong khoảng 800 năm, nhưng những bản dịch ấy nay chỉ còn giữ được 5 loại, thất truyền 7 loại, rất đáng tiếc! Gộp chung 5 bản dịch lại để xem, trong ấy sai biệt rất lớn. Vì thế, cổ đại đức phán đoán, không phải chỉ có một bản gốc. Nhìn vào 5 bản dịch gốc hiện thời, nguyên bản tiếng Phạn tối thiểu phải có 3 loại, nên các Ngài đoán định thuở Phật

Thích Ca Mâu Ni tại thế, tối thiểu phải giảng kinh *Vô Lượng Thọ* 3 lượt, cho nên có 3 phiên bản khác nhau.

Hãy còn 7 loại thất truyền, nếu thật sự có thể tìm được 7 loại ấy, rất có thể là sẽ phát hiện bản gốc còn nhiều hơn nữa! Điều này cho thấy Phật Thích Ca Mâu Ni thuở tại thế, mỗi kinh chỉ giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai, nhưng kinh này tối thiểu giảng 3 lượt, từ 3 lượt trở lên. Nhiều lần tuyên giảng, cho thấy kinh này trọng yếu. Thời Mạt pháp tính đến sau này, hãy còn có 9.000 năm nữa, kinh này có thể độ hết thảy chúng sinh thành tựu trong một đời, chẳng tuyệt lắm ư?

Vì vậy, các vị đại đức xưa nay đều có ý nghĩ phải hội tập. Người hội tập đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư, người đời Tống. Người hội tập thứ hai là cư sĩ Ngụy Mặc Thâm trong niên hiệu Hàm Phong, nhà Thanh trước kia. Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba, vì hội tập không dễ dàng. Những điều được chọn giữ lại hay bỏ đi từ 5 bản dịch gốc là đại học vấn, biên tập cũng là học vấn. Những bản hội tập trong quá khứ, chọn lọc, biên tập đều chưa được viên mãn cho lắm, đều có những điểm đáng tiếc nuối. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư bỏ ra 10 năm công phu, hội tập trọn 3 năm, bế quan 3 năm, chỉnh lý thành một bản hội tập.

Sau đấy, lại tốn thời gian 7 năm, qua 10 lần san đính, tạo thành bản hoàn thiện cuối cùng. Bản chúng ta thấy hiện thời là bản hoàn thiện cuối cùng. Những bản biên soạn lúc đầu,

chúng ta còn tìm được. Bản đầu tiên là bản hoàn thành sau 3 năm. Cụ Hạ bế quan 3 năm hoàn thành bản hội tập. Gần đây, chúng tôi cũng ấn hành bản ấy để làm kỷ niệm cho các đồng học. Bản gốc là 37 phẩm, bản hiện thời chúng ta đang đọc là 48 phẩm. Trong lời tựa, cụ Mai Quang Hy cho biết, thuở ấy, lão pháp sư Từ Châu đã giảng bản hội tập tại Bắc Kinh, Ngài cũng giảng tại Tế Nam, lại còn soạn khoa phán. Đó là bản 37 phẩm thuở ấy, chẳng phải là bản hiện tại. Đối chiếu 2 bản ấy, chúng ta biết lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã thật sự dụng tâm khổ nhọc, ta thấy lòng kiên trì, cảnh giới, cũng như văn tài của cụ, cuối cùng đã biên soạn thành một bản kinh viên mãn, soạn thành một bản kinh tiêu chuẩn.

Cụ đã giảng bản ấy một lần, học trò cụ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng giống như A Nan, đã nghe thầy giảng, lại còn ghi bút ký tỉ mỉ. Cụ bảo tôi, trong Cách mạng Văn hóa, bản bút ký ấy bị Hồng Vệ Binh vứt bỏ. Vì thế, khi viết bản *Chú Giải* này, cụ hoàn toàn dựa vào ký ức, tham khảo hơn 100 loại kinh, luận, chú giải, trích dẫn những lời chú giải trong ấy, biên soạn thành một bản chú giải kinh hoàn thiện. Chúng ta có phúc báo, có duyên phận, ngày nay có thể gặp gỡ, vô cùng khó có! Tôi và kinh này quả thật có duyên phận, vừa thấy liền hoan hỷ, hết sức hoan hỷ. Trong quá khứ, tôi đã giảng 10 lượt, lần này là lần thứ 11.

Lần thứ 11 bèn quyết định chọn *Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải*, giảng bản chú giải của cụ, khiến cho chúng ta lý giải

Tịnh tông càng thâm nhập hơn, mới có thể phát khởi tâm nguyện cầu sinh Tịnh độ, chẳng còn nghi hoặc, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, lẽ đâu chẳng thành tựu! Người trẻ tuổi hạ quyết tâm dùng thời gian 10 năm để bài trừ hết thảy khó khăn. Khó khăn là gì? Là xóa bỏ vọng niệm, chuyên dốc công sức nơi một môn, sau 10 năm, quý vị sẽ là đệ tử truyền thừa Tịnh tông của đức Thế Tôn, là đệ tử bậc nhất của Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài Kiều Trần Như đã biểu thị pháp ở chỗ này. Đời này, chúng ta đến thế gian này đáng giá, làm những chuyện khác đều là giả, làm chuyện này là thật.

Hãy nghiêm túc học tập cư sĩ Lưu Tố Vân, bà ta đã đem lại lòng tin cho mọi người chúng ta. Tới lúc 55 tuổi, bà ta mới bắt đầu học Phật. Khi học Phật, duyên phận cũng vẫn là khá lắm. Một đồng tu tặng cho bà ta một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, nên biết đấy là bộ tôi giảng năm 1999 tại Tân Gia Ba, 60 giờ, tôi giảng một tháng, mỗi ngày 2 tiếng. Khi ấy, chỉ dùng băng cassette để thâu.

Sau này, làm thành đĩa từ, tức CD, không có hình ảnh. Bà ta kể với tôi, bà ta học bộ kinh ấy, niệm một câu A Di Đà Phật, 10 năm giống như một ngày. Mỗi ngày nghe kinh 10 tiếng. Nghe như thế nào? Nghe một đĩa, tức là nghe băng giảng 1 giờ, nghe một đĩa suốt 10 lần. Dẫu công việc bận rộn cũng nghe tối thiểu 4 lần, không hề ít hơn 4 lần, thông thường thời gian mỗi ngày đều là 10 biến. Tâm tín nguyện của bà ta do đấy phát khởi. Tín, Giải, Hành, Chứng, bà ta đều

làm được. Những nghĩa lý trong kinh biến thành tư tưởng của chính mình. Những răn dạy trong kinh biến thành hành vi của chính mình. Năm nay, bà ta 65 tuổi, làm như thế suốt 10 năm. Quý vị thỉnh bà ta giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, bà ta chẳng cần dùng đến cuốn kinh, mà giảng rành rẽ, mỗi ngày giảng 8 tiếng hay 10 tiếng chẳng hề mệt nhọc.

Trước kia, chúng tôi không biết đến người này. Năm ngoái, tôi chữa răng tại Đài Loan, có một đồng tu gởi cho tôi một CD, đó là phim tài liệu do ngành truyền thông quay, dài nửa tiếng, tức là CD về bà Lưu Tố Vân. Người ta đi săn tin, chứ không phải đến phỏng vấn bà ta, đến chỗ bà ta, nghe nói có một người như thế, bị mắc chứng Hồng Ban Lang Sang (Systemic Lupus Erythematosus) vô cùng nghiêm trọng, vì sao niệm Phật được lành bệnh, họ cảm thấy rất lạ lùng, bèn đến phỏng vấn bà ta, phỏng vấn nửa tiếng.

Tôi xem CD ấy, cảm thấy rất kinh ngạc, và cũng vô cùng bội phục. Bà ta dụng công vô cùng đúng phương pháp. Học Phật thật sự nhập cảnh giới, chẳng bận tâm đến căn bệnh. Mỗi người đều lo lắng thay cho bà ta, còn bà ta ngày nào cũng vui sướng, mỗi ngày nghe kinh, niệm Phật chẳng gián đoạn. Bác sĩ bảo bà ta: "Bệnh ấy chẳng có cách nào trị". Được rồi! Không có cách thì khỏi cần trị, về nhà niệm Phật, niệm đến mức lành bệnh. Bác sĩ bảo bà ta, dẫu lành bệnh, dấu sẹo trên mặt chắc chắn chẳng thể mất đi.

Kết quả là bác sĩ gặp mặt bà ta, chẳng có dấu sẹo nào hết, bèn hỏi: "Bà bôi thuốc gì mà ngay cả dấu sẹo cũng chẳng có?". Bà ta đáp: "Chẳng bôi gì hết, thứ gì cũng chẳng bôi". Bà ta kể, lúc kết hôn có mua 2 lọ Tuyết Hoa Cao để bôi chân, chứ chưa hề bôi lên mặt. Bà ta nói niệm Phật được lành bệnh, bác sĩ tin tưởng. Vì sao tin tưởng? Người này cả đời chẳng vọng ngữ, thật sự khó có! Suốt đời chẳng nói dối! Còn một ưu điểm nữa là cả đời chẳng có tâm ham danh lợi. Người ta luôn tranh danh đoạt lợi, còn bà vô cùng coi nhẹ danh lợi. Vì thế, tôi cảm thấy bà ta trong quá khứ là một người tu hành, có thiện căn sâu dày dường ấy! Bà ta thị hiện phương pháp cho chúng ta, 10 năm bèn thành công; thành công nơi một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, học tập bất luận kinh điển nào cũng chẳng có tí ti khó khăn nào! Đúng như Phật pháp đã nói: *"Một kinh thông, hết thảy các kinh thông"*. Đấy là một tấm gương tốt.

Từ tấm gương này, chúng tôi biết: Sau này, Phật pháp sẽ rất hưng vượng. Vì sao? Gương này được đề ra, học tập kinh giáo chẳng khó! Chỉ cần một bộ kinh, học kỹ càng suốt 10 năm, chẳng phải là sẽ thấu suốt ư? Nếu quý vị muốn mọi người cùng học, chúng ta lập một Phật học viện. Thành lập một lớp Phật học, thì cần phải có đại phúc báo. Bản thân chúng ta có phúc báo, mà chúng sinh cũng phải có phúc báo. Chúng sinh không có phúc báo sẽ chẳng thể thành công! Vì thế, nhân duyên chẳng dễ gì đạt được! Cả đời này, tôi mấy lần bỏ lỡ duyên phận, chẳng biết làm sao được, trong tâm

tôi hiểu rất rõ, chẳng có cách nào! Lần đầu tiên là duyên phận của tôi với pháp sư Tinh Vân.

40 năm trước, Phật Quang Sơn vừa mới thành lập, trên núi ấy chỉ có một Phật học viện, tức Đông Phương Phật Giáo Học Viện. Sư mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ; khi ấy, học trò là 130 người. Tôi có ý nghĩ chia 130 người ấy thành nhiều tổ, cứ 3 người 1 tổ, tức là chia thành 40 tổ, mỗi tổ chuyên học một kinh. Thâm nhập một môn, huân tu dài lâu. 40 tổ là 40 bộ kinh, học suốt 10 năm, chẳng thể nói là 130 người đều thành tựu, nhưng 1/3, tức 40 người, mỗi người đều là chuyên gia của một bộ kinh. Quý vị nói người học kinh *Di Đà* 10 năm là gì? A Di Đà Phật tái lai.

Tiểu tổ 3 người khác, học phẩm *Phổ Môn* suốt 10 năm, họ là Quán Thế Âm Bồ tát tái lai. Chọn ra 10 bộ kinh, nếu chúng ta cả đời chẳng rời khỏi Phật Quang Sơn, bao nhiêu năm qua, có nhiều nhân tài hoằng pháp như thế, có thể nói là tột đỉnh. Ai tu một bộ kinh 10 năm đều đứng đầu, đúng là Phật quang chiếu khắp toàn cầu. Hết sức đáng tiếc, pháp sư Tinh Vân không chấp nhận đề nghị ấy. Sư bảo tôi: "Làm như vậy không giống như trường học". Khi ấy, tôi thưa với Sư: - Trường học chưa chắc đã tạo nên nhân tài, nhưng biện pháp cố hữu ấy của Trung Quốc đã đào tạo nhân tài. Vì sao?

Tôi học trong hội của lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam 10 năm, học theo cách thức xưa cũ. Thầy Lý dùng phương pháp dạy học

trong tư thục mà hữu hiệu! Một bộ kinh, giảng xong lần thứ nhất bèn giảng lần thứ hai, giảng xong lần thứ hai bèn giảng lần thứ ba, trọn chẳng dùng cùng một bài giảng, mỗi biến tự mình đều phải tích cực chuẩn bị, 10 lần sẽ đặt vững cơ sở. Nếu giảng 10 năm, tối thiểu là giảng 40-50 lần, nhuyễn nhừ. Cổ nhân nói đó là "quen tay thành khéo", lẽ nào chẳng thành công! Nếu quý vị có thể vun bồi bền vững 4 căn cội (*Cảm Ứng Thiên, Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo* và *Sa Di Luật Nghi*), Phật pháp sẽ hưng vượng, sẽ trở lại đời thịnh trị. Duyên phận đầu tiên ấy chẳng thành, rất đáng tiếc, tôi rời khỏi Phật Quang Sơn.

Duyên phận thứ hai là khi Hàn quán trưởng vãng sinh. Trước khi bà ta vãng sinh, chúng tôi đã dự định mở một lớp hướng dẫn vài ba chục đồng học chuyên tu. Nào ngờ, sau khi bà ta mất, con cái bà ta chẳng có hứng thú đối với chuyện ấy, chúng tôi cũng cảm thấy chính mình phúc đức, nhân duyên chẳng đủ. Lần thứ hai chúng tôi cũng thất vọng.

Lần thứ ba là tại Cư Sĩ Lâm của cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba. Trước tiên, chúng tôi làm thí nghiệm, mở lớp ngắn hạn trong 3 tháng. Lớp ấy dạy được 5 lần, rất có thành tích. Chúng tôi trọn đủ lòng tin, muốn mở lớp Phật học dài hạn, từ 3 năm đến 5 năm, nhưng lại có một người phá hoại trong ấy, khiến cho chúng tôi chẳng thể không rời khỏi Tân Gia Ba. Chúng tôi không thể trách móc bất luận kẻ nào, đó là duyên phận trong Phật pháp. Duyên phận Phật pháp đáng

ở chỗ nào, chúng tôi không biết, chúng tôi là phàm phu tục tử. Tới Úc. Sang năm, chúng tôi đến Úc được 10 năm, Tịnh Tông Học Viện thành lập 10 năm, hoàn cảnh tu học ổn định, nhưng trong các đồng học, bất luận xuất gia hay tại gia chẳng y giáo phụng hành. Hiện thời, có thể ép họ được hay không? Chẳng thể! Trong thời đại hiện tại, thời đại rộng lớn, hoàn cảnh rộng lớn, dân chủ, tự do rộng mở, chúng ta chỉ có thể khuyên lơn, hướng dẫn, chẳng thể đòi hỏi quá mức. Khuyên lơn, hướng dẫn mọi người chuyên dốc công sức nơi một môn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khuyên mọi người vun bồi 3 hay 4 căn cội. Họ đã học lung tung, chẳng học một thứ. Nếu học một thứ, chắc chắn 10 năm sẽ có thành công, chẳng kém cư sĩ Lưu Tố Vân.

Vì thế, Lưu cư sĩ đã nêu gương tốt nhất. Chỉ cần thật sự học, có một bộ CD, hoặc một bộ băng thâu âm, là được rồi! Thật sự buông tiếng tăm, lợi dưỡng, buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, chẳng sợ chịu khổ, ai nấy đều thành tựu. Ưu điểm của cư sĩ Lưu Tố Vân là có thể chịu khổ, có thể trì giới, điều này kẻ bình phàm chẳng dễ gì làm được, nhưng bà ta làm được. Tôi nghe bà ta nói trong CD, bà ta có một người bạn thân, mời người bạn thân ấy dùng cơm, chỉ có một món ăn, giá xào với đậu hũ sợi, một món thôi! Người bạn nói: "Mời tôi đến để ăn món này sao?". Đúng vậy! Bà ta hỏi: "Chẳng đủ ăn thì tôi xào thêm một chút nữa". "Vẫn là món đó hả?". "Đúng vậy, vẫn món đó".

Quý vị bèn hiểu bình thường người ta ăn cơm chỉ có một món, đơn giản, chẳng lãng phí thời gian, vì thời gian quý báu nhất! Chẳng thể chịu khổ, không được rồi! Trì giới chịu khổ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đấy là bí quyết thành công và hộ trì chính pháp tồn tại lâu dài, chúng ta chớ nên không lưu ý.

Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới: *"Nhi vi Thượng thủ, kim xưng Thủ tọa vi Thượng thủ"* ("Mà là Thượng thủ": Hiện tại gọi vị Thủ tọa là Thượng thủ). Trong Phật môn hiện thời, Thủ tọa Hòa thượng được gọi là Thượng thủ.

"Các kinh trung thượng thủ nhân số bất đồng, lệ như Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh ư đại Bật Sô nhất thiên nhị bách ngũ thập nhân, liệt Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nê Luật Đà đẳng tứ nhân đẳng vi Thượng thủ. Kim kinh tắc Kiều Trần Như ngũ nhân đẳng vi Thượng thủ, thị nãi nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt chi đại tôn giả trung chi Thượng thủ" (Trong các kinh, số lượng thượng thủ khác nhau, chẳng hạn như *Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh* là 1.250 Đại Bật Sô, kể tên 4 vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, và A Nê Luật Đà cùng làm thượng thủ; nay kinh này lấy 5 vị như Kiều Trần Như v.v... làm thượng thủ. Họ là thượng thủ trong các đại tôn giả "hết thảy đại thánh, thần thông đã đạt").

Đặc biệt, giới thiệu một chút. *Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh* là kinh *A Di Đà* do Ngài Huyền Trang Đại sư

phiên dịch. Bản dịch của Cưu Ma La Thập Đại sư có 16 vị tôn giả, trong ấy có tên họ của 16 vị; bản dịch của Huyền Trang Đại sư chỉ kể tên 4 vị. Đây là do người phiên dịch, chúng ta biết Cưu Ma La Thập và Huyền Trang phải dịch từ cùng một nguyên bản, ý nghĩa trong 2 bản dịch ấy đại đồng tiểu dị.

Những vị này là thượng thủ của Thanh Văn chúng. Trong Thanh Văn chúng, các Ngài đều là Đại A La Hán. Từ Đại trong *"đại tỳ-kheo, đại A La Hán"* là mấu chốt. Đại là gì? Đại thừa. Tiểu thừa A La Hán là Tiểu thừa Tứ Quả, Đại thừa A La Hán là Pháp Vân Địa Bồ tát. Vì A La Hán dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô học, Ngài đã học xong những khóa trình (lớp học, môn học) cần phải học, tốt nghiệp rồi! Vô học trong Tiểu thừa gọi là A La Hán; Vô học trong Đại thừa cũng gọi là A La Hán. A Lan Hán có nghĩa là Vô học, nhưng Vô học trong Đại thừa là Thập Địa Bồ tát, tức Pháp Vân Địa Bồ tát, được gọi là Đại A La Hán. Do kinh này là kinh Đại thừa, quý vị thấy cụm từ Đại A La Hán có ý nghĩa khác biệt.

Chúng ta xem tiếp đoạn kế đó: *"Án 'nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt' chi cú"* (Xét ra, câu "Hết thảy đại thánh thần thông đã đạt"). Câu này, *"Bổn vị Bồ tát thán đức"* (Vốn để ca ngợi đức hạnh của Bồ tát). 2 câu này là để tán thán Bồ tát. *"Như Mật Tích Kim Cương Lực Sĩ Kinh vân: - Dữ đại tỳ-kheo chúng tứ vạn nhị thiên câu, Bồ tát bát vạn tứ thiên, nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt"* (Như kinh *Mật Tích*

Kim Cương Lực Sĩ[51] chép: "Cùng với bốn vạn hai ngàn đại tỳ-kheo, tám vạn bốn ngàn Bồ tát, hết thảy đại thánh thần thông đã đạt"). Đây là tham khảo lời Phật dạy trong kinh khác. *"Kim thử kinh trung, dĩ tán thán Bồ tát công đức chi ngữ, dĩ tán Thanh Văn"* (Nay trong kinh này, dùng lời tán thán công đức của Bồ tát để tán thán Thanh Văn).

Câu tiếp đó là khẩn yếu, *"Chính biểu thử đẳng thường tùy thánh chúng, bổn Pháp thân đại sĩ, ẩn bổn thùy tích"* (Chính là nhằm biểu thị các vị thánh chúng thường theo hầu Phật vốn là Pháp thân đại sĩ, ẩn bổn thùy tích). Những vị này là ai? Cổ nhân đã nói rất hay: *"Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ"*. Giống như đóng tuồng, người này đóng vai chính, người khác đóng vai phụ; chẳng có những vai phụ diễn, tuồng sẽ hát không hay. Duyên của Phật Thích Ca Mâu Ni chín muồi, Ngài đến thế gian này thị hiện thành Phật, đóng vai chính. Những vai phụ diễn thì sao? Vai phụ diễn có thể là thầy Ngài, hoặc có thể là giống như Ngài, đều đã thành Phật, đó gọi là "cổ Phật tái lai". Thật đấy! Trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật đã nói rõ: Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đã thành Phật từ kiếp lâu xa, đến tham gia pháp hội của Phật Thích Ca Mâu Ni. Đến nơi đây, gặp dịp đóng một vai, làm học trò của Phật Thích Ca Mâu Ni. Các Ngài thật sự là đại thánh, cũng chẳng phải là tiểu thánh, giống như các vị Đẳng Giác Bồ tát hoặc Thập Địa Bồ tát rất nhiều!

[51] Đây là hội thứ ba, tức hội Kim Cương Mật Tích trong kinh *Đại Bảo Tích*. Kinh này do Ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch.

Do vậy, trong hội này, há thật sự có phàm phu? Còn có những vị hộ pháp thời đức Phật tại thế, những vị tại gia cư sĩ. Trong số ấy cũng có rất nhiều chư Phật, Bồ tát tái lai. Hoằng pháp lẫn hộ pháp đều là hạng nội hạnh, bởi chẳng phải là bậc nội hạnh sẽ không được! Do vậy, chúng ta có thể hiểu, cư dân sống tại Ấn Độ thuở ấy phúc báo to lớn, cảm chư Phật, Bồ tát giáng lâm, vì chúng sinh tuyên nói diệu pháp. Đặc biệt là pháp môn này tiếp dẫn đại chúng, thành tựu viên mãn trong một đời, đến đâu để tìm pháp môn này? Bởi thế, những vị Pháp thân đại sĩ này, như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói, 41 địa vị Pháp thân đại sĩ ẩn bổn, tức là ẩn giấu quả vị sẵn có của chính mình. *"Thùy tích"* là biểu diễn, sắm một vai trên sân khấu, [đó là] ẩn bổn thùy tích.

"Hoặc tha phương thánh chúng, trợ Phật hoằng hóa, vi ảnh hưởng chúng" (Hoặc thánh chúng từ phương khác, giúp Phật hoằng hóa, đóng vai trò làm những người gây ảnh hưởng). Cũng có những vị Phật từ thế giới phương khác, thấy Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật tại nơi đây, cũng đến góp sức vào cuộc vui, đến sắm một vai diễn. Sắm vai gì không nhất định, có vị sắm vai tỳ-kheo xuất gia, có vị sắm vai tại gia Bồ tát, chẳng nhất định, đúng là nên dùng thân gì đắc độ, bèn hiện thân ấy, đều nhằm giúp Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa chúng sinh. Đấy gọi là Chúng ảnh hưởng.

"Nhất thiết đại thánh, chỉ kỳ bổn địa, bổn thị cứu cánh Bồ đề chi nhân cố" (Câu "Hết thảy đại thánh" chỉ bổn địa của họ:

Vốn là bậc Bồ đề rốt ráo). Rốt ráo Bồ đề là người đã chứng đắc địa vị Diệu Giác. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đây là địa vị Bồ tát tối cao. Diệu Giác còn cao hơn Đẳng Giác một cấp, đấy là rốt ráo Bồ đề. *"Thần thông dĩ đạt giả"* (Thần thông đã đạt là...), đó là *"thị quyền tích"*, tức là thần thông biến hóa, mang thân phận Thanh Văn trong hội này. Quý vị thấy 4 vị trước đã chứng đắc địa vị A La Hán, còn Ngài A Nan là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đấy là sắm những vai biểu diễn khác nhau, *"du hý thần thông lai thử độ cố"* (do du hý thần thông mà đến cõi này). Các vị này đều có duyên với chúng sinh trong thế giới Sa Bà, không có duyên sẽ chẳng đến, đều là hữu duyên. Vì thế, chúng sinh có cảm, toàn bộ các Ngài đều đến, cùng theo Phật Thích Ca Mâu Ni đến đây.

"Cố tri sở liệt chi Thanh Văn chúng, giai thị đại quyền thị hiện, trợ ngã Thế Tôn, khai hiển Tịnh Độ pháp môn dã" (Do vậy, biết các hàng Thanh Văn vừa được nêu trên đều là bậc đại quyền thị hiện hỗ trợ đức Thế Tôn ta khai hiển pháp môn Tịnh Độ). Nhất định phải hiểu ý nghĩa này; vì thế, đọc kinh quý vị chớ nên không liễu giải sự quyền biến thị hiện, chớ nên chẳng liễu giải Ẩn và Hiện, tức Ẩn Bổn Hiện Tích. *"Thùy tích"* là hiện ra hình tướng, dấu vết.

"Tổng thượng ngũ thánh" (Xét chung, 5 vị thánh nói trên). Sau khi giới thiệu riêng từng vị xong, bèn gộp chung lại để nói. Chúng ta xem 5 vị thượng thủ được nêu tên trong phần trước. *"Liễu bổn tế"*, tức Tôn giả Kiều Trần Như, *"vị liễu tri*

kỳ cửu viễn chi bổn tế, cố thủ liệt chi" (do biết rõ bổn tế lâu xa nên được nêu tên đầu tiên). Liễu là hiểu rõ, bổn tế là bản tính. Người xưa thường gọi liễu bổn tế là "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật". Kiến tính là chân Phật, chẳng phải là giả Phật.

Người kiến tính thoát ly mười pháp giới. Còn bị giới hạn trong mười pháp giới là chưa giác ngộ, chưa kiến tính, kiến tính bèn thoát lìa. Người kiến tính vẫn ở lại trong mười pháp giới, nên gọi là đại quyền thị hiện, giống như những vị này, ẩn bổn thùy tích, là thật, chẳng giả. Chư vị nhất định phải biết, trong kinh Đại thừa, đức Phật thường nói *"Tướng chuyển theo tâm. Cảnh chuyển theo tâm".* Tâm quý vị vừa chuyển, bèn là Pháp thân Bồ tát. Trong giáo pháp Đại thừa, chúng ta thấy thân tướng của Pháp thân Bồ tát: *"Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo"*, chẳng phải là 32 tướng tốt, 80 thứ hảo. Hoàn cảnh cư trụ của các Ngài là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, là Nhất chân pháp giới, chẳng phải là uế độ.

Những người minh tâm kiến tính trong thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, cùng ở với chúng ta. Chúng ta thấy họ giống hệt như chúng ta, chẳng có gì khác biệt. Khác nhau ở chỗ chúng ta là phàm phu mắt thịt thấy Phật, Bồ tát toàn là phàm phu mắt thịt, còn Phật, Bồ tát thấy chúng ta thảy đều là Phật, Bồ tát. Mỗi người có cách nhìn khác nhau. Vì sao? Chư Phật, Bồ tát nhìn vào tự tính của chúng ta. Tự tính của

quý vị là Phật. Chúng ta nhìn Phật, Bồ tát, chẳng thấy tánh, chỉ thấy tướng của các Ngài, chấp tướng, cho nên các Ngài chẳng giống bọn phàm phu chúng ta. Mỗi ngày ăn cơm, đi ra ngoài khất thực, người ta cho gì ăn nấy, chúng ta thấy như vậy, không có cách nào lý giải họ. Họ ra ngoài xin được một bát cơm, cơm ấy chẳng dễ ăn cho lắm. Có thể là kẻ ăn mày ra ngoài xin một chút đồ ăn.

Trong kinh *A Hàm* thường nói cơm ấy như thế nào? Thiu rồi, hư rồi, bốc mùi. Kẻ ăn xin rất đáng thương, xin được một chút đồ, gặp Phật, Phật có phúc báo, bèn lấy bát cơm ấy cúng dường Phật để tu phúc. Đức Phật cũng rất vui vẻ, ăn ngay trước mặt người ấy, chúc phúc cho kẻ ấy. Cơm ấy kẻ bình phàm chẳng thể nuốt trôi, nhưng Phật có thể ăn. Phật ăn vào mùi vị ra sao? *Thiên trù diệu cúng* (Đồ cúng dường mầu nhiệm từ bếp cõi Trời). Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm.

Tâm người ăn mày ô nhiễm, nên cơm dơ bẩn. Khi dâng lên Phật, Phật là thân tâm thanh tịnh, thứ ấy liền biến thành thứ tốt đẹp nhất. Thật đấy, chẳng giả đâu! Thần thông diệu dụng mà! Chúng ta thấy đức Phật ngồi dưới cội Bồ đề, dưới gốc cây lót cỏ, tĩnh tọa nơi ấy. Bồ tát chẳng thấy như vậy, mà sẽ thấy phía trên có lọng báu, phía dưới là tòa báu Kim cương. Thân tướng đức Phật chẳng phải là 32 tướng tốt, mà là thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, các Ngài thấy như vậy. Cảnh chuyển theo tâm, tướng do tâm

sinh, chúng ta xem nhiều kinh luận, sẽ dần dần thấu hiểu chuyện ấy là thật, chẳng giả. Vì thế, Tôn giả Kiều Trần Như tượng trưng minh tâm kiến tính. Trong kinh này, điều đó có nghĩa là kinh này là kinh điển để minh tâm kiến tính trong một đời. Trong đời này, quả thật chúng ta chưa minh tâm kiến tính, nhưng vãng sinh thế giới Cực Lạc sẽ minh tâm kiến tính. Tổ sư đại đức đã nói: *"Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ?"* (Chỉ cần thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ), lẽ đâu chẳng khai ngộ? Kể tên Ngài đầu tiên nhằm làm cho chúng ta phát khởi lòng tin, tức là lòng tin đối với Tịnh tông, sinh khởi nguyện tâm.

"Thân Tử trí tuệ đệ nhất". Thân Tử là Xá Lợi Phất, *"biểu Di Đà chi Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí chi thâm quảng vô nhai"* (biểu thị Phật trí, trí chẳng nghĩ bàn, trí chẳng thể nói, trí Đại thừa rộng lớn, trí thù thắng tối thượng không gì bằng, không chi sánh, sâu rộng không bờ bến của Phật Di Đà). Tượng trưng điều gì? Tượng trưng trí tuệ Bát nhã viên mãn vốn sẵn có trong tự tính.

Ở nơi đâu? Trong bộ kinh này! Nếu chúng ta muốn khai phát trí tuệ Bát nhã sẵn có trong tự tính của chính mình, thì kinh này là một phương pháp. Trí tuệ ấy đúng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh *Hoa Nghiêm*: *"Hết thảy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai".* 5 thứ trí được nói đến ở đây chính là trí tuệ vốn sẵn có của Như Lai. Nói Như Lai là

nói tới tự tính của chúng ta. Trong tự tính của chúng ta vốn có 5 thứ trí tuệ viên mãn ấy. 5 thứ trí tuệ được dành lại để giảng trong phần sau, nên ở đây chẳng chú giải, trong phần sau sẽ có.

"Mục Liên chi thần thông đệ nhất, hiển du hý thần thông chi thệ nguyện" (Mục Liên thần thông bậc nhất, hiển thị thệ nguyện du hý thần thông). Trong lúc tu nhân, Bồ tát đã phát nguyện *"Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ"*. Muốn độ chúng sinh, nhưng quý vị chẳng có năng lực, sẽ không thể độ được. Vừa có trí tuệ vừa có năng lực, ở đây năng lực được biểu hiện ra chính là thần thông. Thần là chẳng có chướng ngại. Kinh *Hoa Nghiêm* giảng 4 thứ vô ngại: Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Đó là thần thông. Thông là thông đạt. Nói gộp lại, pháp giới chẳng chướng ngại, quý vị mới có thể phổ độ chúng sinh, mới có thể thực hiện Tứ hoằng thệ nguyện đã phát trong lúc tu nhân. Trong lục đạo, trong mười pháp giới, nên dùng thân gì đắc độ, quý vị có thể hiện thân ấy, hiện thân vô ngại. Cần dùng phương pháp gì để giúp người ấy giác ngộ, bèn dùng phương pháp đó.

Thân chẳng phải là thân nhất định, pháp cũng chẳng có định pháp (pháp nhất định), sống động, hoạt bát, như kinh *Lăng Nghiêm* đã nói: Bồ tát hiện thân, *"tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng"* (thuận theo tâm chúng sinh, ứng với khả

năng tiếp nhận của họ). Chính Ngài không có thân, chúng sinh thích thân gì Ngài bèn hiện thân ấy. Chúng sinh mong Phật đến độ họ, hoặc là Bồ tát đến độ họ, bèn thuận theo lòng quý vị mong muốn mà hiện thân. Quý vị hoan hỷ sẽ dễ đắc độ, chẳng hoan hỷ sẽ khó khăn!

"Đại Ẩm Quang", đây là Tôn giả Ca Diếp, tức Ngài Đại Ca Diếp. *"Hiển Di Đà thù thắng quang minh, vô bất chiếu kiến, quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"* (Đại Ẩm Quang hiển thị quang minh thù thắng của Phật Di Đà không gì chẳng chiếu tỏ, là tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các đức Phật). Câu này là lời đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật đến tột bậc. Chúng ta biết, Phật Phật bình đẳng, trong pháp bình đẳng, đức Thế Tôn vẫn tán thán A Di Đà Phật *"quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"*. Ngài Đại Ẩm Quang trong quá khứ, 91 kiếp trước, dùng vàng ròng cúng dường Phật, thếp vàng tượng Phật, nên cảm 91 kiếp quang minh kim sắc, mang ý nghĩa này, hiển thị quang minh thù thắng của A Di Đà Phật.

"Hựu Ca Diếp thị Tông Môn Sơ Tổ, A Nan vi Nhị Tổ" (Lại nữa, Ca Diếp là Sơ Tổ Thiền tông, Ngài A Nan là Nhị Tổ). Trong Thiền tông, Thiền tông do Phật Thích Ca Mâu Ni truyền cho Ma Ha Ca Diếp; Tôn giả Ca Diếp lại truyền cho A Nan. A Nan là Sơ Tổ Giáo Hạ, là Nhị Tổ của Thiền tông. *"A Nhã Kiều Trần Như biểu đương nhân chi Bổn Tế"* (A Nhã Kiều Trần Như biểu thị bổn tế của hành nhân). Bổn tế là bản

tính, tượng trưng cho bản tính của chúng ta. *"Xá Lợi Phất biểu chúng sinh bổn cụ chi trí tuệ"* (Xá Lợi Phất tượng trưng trí tuệ vốn có của chúng sinh). Kinh nói tới 5 thứ trí tuệ viên mãn. *"Mục Liên tức chúng sinh bổn hữu chi thần thông"* (Mục Liên chính là thần thông vốn có của chúng sinh).

Quý vị thấy: Đều là trở về tự tính. Ẩm Quang biểu thị *"Linh quang độc diệu. Huýnh thoát căn trần"* (Linh quang riêng chiếu. Vượt thoát căn trần). 2 câu ấy là của Thiền tông. Linh quang là trí tuệ trong tự tính. Căn là 6 căn. Trần là 6 trần. Huýnh (迥) là xa xôi. *"Huýnh thoát"* là vượt thoát xa lìa lục căn, lục trần, đấy là vượt thoát mười pháp giới. *"Khánh Hỷ biểu khánh khoái bình sinh, tâm tâm tương kế"* (Khánh Hỷ biểu thị luôn luôn vui sướng, tâm tâm tiếp nối). Gặp gỡ Phật pháp, hoan hỷ, tin nhận phụng hành hoan hỷ, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề hoan hỷ. Niệm niệm liên tiếp, chính pháp thường trụ thế gian, vĩnh viễn bất đoạn.

Khi pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni kết thúc, tức là một vạn hai ngàn năm sau, nói thật ra, thời gian trọn chẳng dài. Một vạn hai ngàn năm Phật pháp bèn kết thúc, chẳng còn nữa! Vị Phật kế tiếp, tức vị Phật thứ 5, chính là Bồ tát Di Lặc đến thành Phật trong thế gian này. Khi nào Ngài sẽ giáng hạ? Trong bản chú giải này, cụ Niệm Tổ cũng cho biết: Năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, Bồ tát Di Lặc mới đến thành Phật trong thế gian này.

Bởi vậy, hiện thời có kẻ nói Bồ tát Di Lặc đã chưởng quản Thiên Bàn, đó là nói dối, chẳng thật, chẳng có lẽ ấy! Cách tính toán thời gian như thế nào? Tính theo thời gian trên cõi Trời Đâu Suất. Một ngày trên Trời Đâu Suất bằng 400 năm trong nhân gian, thời gian sai biệt rất lớn! Một năm trên cõi Trời ấy cũng giống như chúng ta, vì họ tính theo độ số của một vòng tròn là 360^{o}, nên một năm là 360 ngày. Họ có thọ mạng dài bao lâu? 4.000 năm. Tuổi thọ trên cõi Trời Đâu Suất là 4.000 năm.

Quý vị hãy tính toán từ từ, sẽ tính ra thời gian khớp với thế gian này là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, khi ấy, Ngài sẽ giáng thế. Trong thời gian rất dài ấy, chẳng có Phật pháp. Không có Phật pháp, con người rất khổ. Vì thế, đức Phật từ bi đến tột bậc, không có Phật thì kiếm người thay mặt Phật. Có người thay mặt đức Phật, người thay mặt đức Phật là ai? Người thay mặt đức Phật là Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ tát. Thời gian Bồ tát Địa Tạng Vương độ chúng sinh còn dài hơn Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni độ chúng sinh mới là một vạn hai ngàn năm.

Quý vị thấy Địa Tạng Vương độ chúng sinh phải trải qua thời gian bao lâu? Phàm khi Phật chẳng xuất thế, thảy đều do Địa Tạng Bồ tát thay mặt. Vì thế, quý vị thấy mở đầu kinh *Địa Tạng* thật sự náo nhiệt, kinh này chẳng sánh bằng; kinh *Hoa Nghiêm* cũng chẳng sánh bằng. Mười phương hết thảy chư Phật đều tới tham gia pháp hội. Vì sao? Trong quá khứ,

mười phương chư Phật đều là học trò của Địa Tạng Bồ tát. Học trò chẳng quên ân thầy, ngày hôm nay thầy mở pháp hội, lẽ nào trò chẳng đến? Đã thành Phật cũng phải đến để trang nghiêm đạo tràng. Vì vậy, pháp hội Địa Tạng trang nghiêm thù thắng khôn sánh.

"Cố tri nhất bộ đại kinh, chính thị phó pháp truyền tâm" (Vì vậy, biết một bộ đại kinh đúng là phó pháp, truyền tâm). 4 từ "phó pháp truyền tâm" trọng yếu! Ngày nay, chúng ta tiếp nhận bản kinh này, chẳng khác nào Phật Thích Ca Mâu Ni đem vô thượng diệu pháp truyền cho quý vị. *"Phó pháp"* là A Nan, tức truyền Giáo. Người *"truyền tâm"* là truyền Thiền tông, tức Tôn giả Ca Diếp. Trao một bộ kinh này cho quý vị, pháp và tâm đều truyền cho quý vị. Đó là Tông Môn lẫn Giáo Hạ thảy đều truyền cho quý vị. *"Nhất cú danh hiệu, trực hiển bổn lai diện mục"* (Một câu danh hiện hiển lộ thẳng thừng diện mạo vốn có).

Bổn lai diện mục là gì? Thường Tịch Quang! Vô Lượng Thọ! Trong kinh *Di Đà*, đức Phật nói rõ câu danh hiệu ấy biểu thị ý nghĩa Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Quang là Thường Tịch Quang, Vô Lượng Thọ là bất sinh bất diệt, chính là như khi Huệ Năng Đại sư khai ngộ đã nói: *"Nào ngờ tự tính, vốn chẳng sinh diệt"*. Vốn chẳng sinh diệt là Vô Lượng Thọ. Ai nhận biết một câu A Di Đà Phật? Người niệm rất nhiều, nhưng chẳng nhận biết. Thật sự nhận biết, quý vị sẽ khăng khăng một câu Phật hiệu, thật sự buông xuống vạn

duyên. Một câu Phật hiệu là bản tính của quý vị, là hết thảy kinh giáo do Như Lai đã nói. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng tôi đã giảng điều này rất rõ ràng, chẳng giả tí nào, những vị tổ sư đại đức xưa kia đã phân tích. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai độ vô lượng vô biên chúng sinh, nói vô lượng vô biên Phật pháp, cuối cùng nói gọn một câu là A Di Đà Phật để tổng kết.

"Ư thử tiến đắc, thỉ xưng đới giác chi hổ" (Lãnh hội được điều này, thì mới đáng xưng là "hổ mọc thêm sừng"), phải hiểu đây là một thứ phương tiện thiện xảo để tổ sư tiếp dẫn người học Thiền tông. Vì sao tổ sư nói như vậy? Dường như do Vĩnh Minh Diên Thọ Đại sư nói. Đúng rồi, Ngài nói trong *Tứ Liệu Giản*. Vĩnh Minh Diên Thọ Đại sư đại triệt đại ngộ trong Thiền tông, quay trở lại chuyên tu Tịnh Độ, chuyên niệm A Di Đà Phật. Ngài là Tổ sư đời thứ 6 của Tịnh Độ tông, tức Tịnh tông Lục Tổ, là A Di Đà Phật tái lai.

Quý vị thấy thuở ấy, phong thái Thiền vô cùng hưng thịnh, coi rẻ tu Tịnh Độ, Ngài đến biểu diễn, trước hết là tu Thiền, đại triệt đại ngộ nơi Thiền rồi tu Tịnh, nhằm bảo với người khác ý nghĩa gì? Tịnh còn thù thắng hơn Thiền, làm sao có thể khinh mạn cho được? Vì thế, Ngài khuyên những kẻ tu Thiền, *"có Thiền, có Tịnh Độ, giống như cọp thêm sừng".* Quý vị tu Thiền, lại còn thêm Tịnh, tuyệt lắm! Vốn là cọp mà cọp lại mọc sừng. Khuyên người học Thiền, biết kẻ ấy chẳng phải là căn tánh Thiền tông, mê nơi Thiền, chẳng thể khai ngộ, mà

cũng chẳng đắc Định, dùng phương pháp ấy để dẫn dắt, tiếp dẫn kẻ ấy. Quý vị bảo kẻ ấy trực tiếp bỏ Thiền tu Tịnh, hắn sẽ chẳng cam lòng, chẳng vâng chịu, chẳng thể tiếp nhận, nên dùng phương tiện thiện xảo như thế để khuyên chỉ hắn. Lại còn đích thân nêu gương.

"Ư thử tiến đắc" (Lãnh hội điều này), giống như Thiền sư Trung Phong. Quý vị thấy Thiền sư Trung Phong vì người đời sau, soạn một bản nghi thức *Tam Thời Hệ Niệm.* Tác phẩm ấy do chính Ngài biên soạn. Trong ấy, có 4 câu trọng yếu: *"A Di Đà Phật tức thị ngã tâm. Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật. Tịnh Độ tức thử phương. Thử phương tức Tịnh Độ"* (A Di Đà Phật chính là tâm ta. Tâm ta chính là A Di Đà Phật. Tịnh Độ chính là phương này. Phương này chính là Tịnh Độ). Hễ mê, quý vị thấy có sinh, có diệt. Sau khi ngộ, sẽ là bất sinh bất diệt. Do mê hay ngộ nên cảm nhận cảnh giới sai khác, chứ cảnh giới chẳng có mê hay ngộ. Mê hay ngộ là do tự tâm của chúng ta. Sự thật là chẳng có sinh diệt.

Vì thế, các vị tổ sư đại đức khuyên dạy chúng ta, *"Đản đương mạch trực niệm khứ, tiện thị vô thượng thâm Thiền"* (Chỉ nên thẳng thừng mà niệm sẽ là vô thượng thâm Thiền). Câu *"Vô thượng thâm Thiền"* là do chính Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói, nhất tâm trì danh, tức là niệm một câu A Di Đà Phật, chính là vô thượng thâm diệu Thiền. Hình như câu này được chép trong kinh *Đại Tập*.

"Vô luận định trì, tán niệm, quyết định công bất đường quyên" (Chẳng nệ định trì hay tán niệm, quyết định chẳng phí uổng công lao). *"Định trì"* là định khóa (ấn định thời hạn, giờ khắc nhất định). *"Tán niệm"* là chẳng thuộc về định khóa, hễ có dịp bèn niệm Phật. Tán niệm chẳng phải là tâm tán loạn. Tâm tán loạn niệm Phật chẳng được, phải nhất tâm, phải dùng cái tâm cung kính để niệm Phật. *"Tán"* có nghĩa là chẳng thuộc vào lúc thực hiện định khóa. Định khóa của chúng ta là khóa tụng sáng tối. Nhằm lúc chẳng phải là định khóa, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, Phật hiệu chẳng gián đoạn thì gọi là *"tán niệm"*, chắc chắn chẳng phí uổng công phu định lực. Những lời này đều do lão cư sĩ đã trích lược từ kinh văn và ngữ lục của tổ sư đại đức, đúng là chẳng giả tí nào!

"Bổn kinh tiên liệt Thanh Văn, hậu chương Bồ tát" (Kinh này trước nêu Thanh Văn, sau kể Bồ tát). *"Chương"* (彰) là nêu rõ, trước hết, nêu bày chúng Thanh Văn, sau đó là Bồ tát chúng. *"Chính như Phật Địa Luận đệ nhị"* (Đúng như trong quyển 2 của *Phật Địa Luận*). Điều này được nói trong quyển thứ 2 của bộ luận ấy: *"Tiên thuyết Thanh Văn, hậu thuyết Bồ tát. Thanh Văn chúng giả, cận đối Thế Tôn, thân thọ hóa cố. Hựu chư Thanh Văn, thường tùy Phật cố, hình đồng Phật cố. Thị cố chư kinh đa thị tiên Thanh Văn, nhi hậu Bồ tát"* (Trước nói Thanh Văn, sau nêu Bồ tát. Chúng Thanh Văn gần gũi Thế Tôn vì được đức Phật đích thân giáo hóa. Hơn nữa, các

Thanh Văn do thường theo đức Phật nên hình tướng giống với đức Phật. Vì vậy, phần nhiều các kinh thường nêu Thanh Văn rồi mới nói đến Bồ tát).

Đây là nói về sự biểu thị pháp của đại chúng, trình bày đơn giản về sự sắp xếp theo thứ tự thuận của các Ngài. Thanh Văn là học trò chưa khai ngộ, tuy đắc định. A La Hán là đắc định. Cửu thứ đệ định chứng quả A La Hán, nhưng chưa đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tính, chúng ta biết các Ngài chỉ đoạn Kiến Tư phiền não.

Trong kinh Đại thừa thường nói đến tam giới trong lục đạo. Tam giới là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Đoạn 88 phẩm Kiến hoặc, chứng Tiểu thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Nếu đem Tư hoặc gồm 81 phẩm, chia ra phối hợp với 9 địa, mỗi địa gồm 9 phẩm, thì 9 lần 9 thành 81 phẩm Tư hoặc. Đoạn hết Tư hoặc. Tư hoặc là tham, sân, si, mạn, nghi, gồm 5 loại lớn ấy. Vì thế, Nghi là phiền não rất nghiêm trọng. Hoài nghi đấy! Đối với gì mà nói là nghi? Đối với thánh giáo mà nói, quý vị hoài nghi Phật Thích Ca Mâu Ni, hoài nghi kinh điển nhà Phật, hoài nghi giáo huấn của đức Phật. Còn có một thứ nữa là hoài nghi chính mình. Bản thân ta tạo tác tội nghiệp quá nặng, ta có thể thành tựu trong một đời này hay không? Niệm ấy thuộc về nghi, đó là phiền não rất nghiêm trọng.

Đoạn hết tham, sân, si, mạn, nghi, 88 phẩm trong tam giới thảy đều đoạn hết, lục đạo sẽ chẳng còn. Lục đạo là giả,

chẳng thật. Lục đạo giống như nằm mộng. Quý vị đoạn được nó là tỉnh mộng. Vĩnh Gia Đại sư nói rất hay: *"Mộng lý minh minh hữu lục thú, Giác hậu không không vô đại thiên"* (Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Tỉnh rồi. Tỉnh giấc là cảnh giới gì? Là Tứ thánh pháp giới, vẫn còn ở trong mộng. Bởi lẽ, lục đạo là mộng trong mộng. Sau khi ra khỏi lục đạo, từ trong mộng tỉnh giấc, vẫn thuộc về giấc mộng này. Vẫn phải đoạn nữa, số lượng phiền não cũng rất nhiều. Kinh *Hoa Nghiêm* gọi chúng là "phân biệt". Phân biệt nhẹ hơn chấp trước, nhưng rất khó đoạn. Vì sao? Quá nhiều! Quý vị thấy ý niệm phân biệt, niệm trước diệt, niệm sau liền sinh. Phân biệt được gọi là Trần Sa phiền não. Trần Sa là tỷ dụ rất nhiều, khởi tâm động niệm đều phân biệt.

Đoạn phân biệt phiền não thì là Bồ tát. Do vậy, trong Tứ thánh pháp giới, chúng ta biết, Thanh Văn đoạn Kiến Tư, vẫn có tập khí Kiến Tư. Bích Chi Phật đoạn tập khí Kiến Tư, có Trần Sa phiền não. Đoạn Trần Sa phiền não, thành Bồ tát, lại tiến cao hơn một cấp, nhưng vẫn có tập khí Trần Sa. Tập khí Trần Sa đoạn hết, sẽ thành Phật, tức là Phật trong mười pháp giới, là vị trí cao nhất trong mười pháp giới. Tuy thành Phật, hãy còn vô thỉ vô minh phiền não, tức là khởi tâm động niệm. Phải đoạn hết vô minh phiền não, chẳng khởi tâm, không động niệm, khi ấy, thật sự tỉnh giấc, Tứ thánh pháp giới chẳng còn, mười pháp giới không có. Do vậy, Tứ thánh

pháp giới cũng chẳng phải là thật. Mười pháp giới không có, xuất hiện cảnh giới gì? Nhất chân pháp giới. Vì sao gọi là Nhất chân? Trong pháp giới ấy không có biến hóa, trong mười pháp giới có biến hóa, chứ pháp giới này không có biến hóa. Vì sao? Không có phân biệt, chấp trước. Biến hóa do phân biệt, chấp trước sinh ra, ngay cả thời gian và không gian cũng đều có biến hóa. Vì thế, hễ vào trong Nhất chân pháp giới, thời gian lẫn không gian đều không có. Thời gian không có, chẳng có trước sau. Không gian không có, khoảng cách chẳng còn. Trọn khắp pháp giới hư không giới là Nhất chân pháp giới. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ngay nơi đây. A Di Đà Phật thành Phật khi nào? Ngay giây phút này! Thời gian và không gian chẳng có, đó là thật sự thành Phật.

Thiên Thai Đại sư giảng: Phật trong mười pháp giới gọi là Tương Tự Tức Phật. Vượt thoát mười pháp giới sẽ là thật, tức Phần Chứng Tức Phật. Vì sao phần chứng? Chưa viên mãn. Vì sao chưa viên mãn? Chẳng khởi tâm động niệm, nên vô thỉ vô minh chẳng còn, nhưng tập khí vô thỉ vô minh hãy còn. Tập khí ấy chẳng dễ đoạn, không giống với những thứ trước đó. Trước đó là tập khí Kiến Tư và tập khí Trần Sa đều dễ đoạn, đều có phương pháp đối trị, chỉ riêng vô thỉ vô minh là không có phương pháp đối trị.

Quý vị chỉ có một phương pháp, nếu đối trị nó sẽ ngay lập tức lọt vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, toàn bộ đều có! Vì vậy, khi đó, cổ đại đức nói là "vô công dụng đạo",

để mặc nó, tuyệt đối chẳng quan tâm tới nó. Tuyệt đối đừng khởi tâm động niệm, tự nhiên tập khí ấy sẽ bị đào thải từ từ. Phải mất thời gian bao lâu? Kinh nói 3 đại A-tăng-kỳ kiếp, chúng sẽ chẳng còn. Do vậy, thành Phật phải mất 3 đại A-tăng-kỳ kiếp là nói với ai? Chẳng phải là nói với kẻ phàm nhân! Nói theo phía người phàm sẽ là vô lượng kiếp! Nói 3 đại A-tăng-kỳ kiếp là nói với Pháp thân Bồ tát, tức Viên giáo Sơ Trụ. Ngày nào quý vị minh tâm kiến tính, đại triệt đại ngộ, tính từ lúc ấy, sẽ phải trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp, tập khí vô thỉ vô minh sẽ tự nhiên chẳng còn. Do vậy, trong Nhất chân pháp giới, đức Phật nói có 41 tầng cấp, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, 41 giai cấp. 41 giai cấp ấy do đâu mà có?

Do tập khí vô minh dày hay mỏng, do vậy mà có! Không có cách nào có thể đoạn tập khí vô minh. Hễ quý vị có một cách, quý vị thấy đó, nhất định là quý vị khởi phân biệt, khởi chấp trước, bèn đọa lạc. Vì thế, ở đây, chẳng thể khởi tâm động niệm. Trong cảnh giới ấy, quả thật không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Vì thế, chúng ta phải liễu giải, thế giới ấy là thế giới bình đẳng, 41 địa vị là bình đẳng. Không chỉ 41 địa vị bình đẳng, ngay cả Phật quả rốt ráo, tức địa vị Diệu Giác cũng bình đẳng, thật sự bình đẳng.

Từ kinh *Hoa Nghiêm,* chúng ta thấy, Sơ Trụ Bồ tát vừa mới giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, có năng

lực: Chúng sinh trong mười pháp giới có cảm, Ngài có thể ứng. Nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn có thể hiện 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, có thể hiện thân Phật. Nên dùng thân Bồ tát đắc độ, có thể hiện thân Bồ tát. Thân nào cũng đều có thể hiện, pháp gì cũng đều có thể giảng, chẳng có chướng ngại, có khác gì với địa vị Diệu Giác hay chăng? Đúng là chẳng sai biệt! Quý vị thấy: Khởi tác dụng, tự hành, hóa tha chẳng bị chướng ngại, chỉ có một chỗ khác biệt là chưa hoàn toàn thoát khỏi tập khí. Do vậy có Nhất chân pháp giới. Trong cảnh giới ấy, thân tướng quý vị vĩnh hằng không thay đổi, cũng có nghĩa là chẳng có sinh, lão, bệnh, tử.

Trong thế gian này, chúng ta có sinh, lão, bệnh, tử, có biến hóa! Trong thế giới ấy chẳng có, cây cối, hoa, cỏ chẳng có Xuân sinh, Hạ tăng trưởng, Thu gặt hái, chẳng có! Hoa vĩnh viễn tươi tốt như vậy, vĩnh viễn đẹp đẽ như vậy, vĩnh viễn thơm tho như vậy. Núi, sông, đại địa, những thứ ấy đều chẳng thay đổi, là vĩnh hằng. Vì thế gọi là Nhất chân, chẳng có biến hóa. Do vậy, phải biết: Biến hóa là do cái tâm chúng ta. Tâm chúng ta biến hóa, nên cảnh giới bên ngoài thảy đều có biến hóa. Vì vậy, người nhập định, trong định chẳng có biến hóa. Cảnh giới trong định chẳng biến hóa. Do đó, trong định có thể thấy quá khứ, có thể thấy vị lai. Vì quý vị chẳng có biến hóa, nên có thể thấy cảnh giới bên ngoài biến hóa. Quý vị không có thời gian và không gian, nên có thể đến quá

khứ, và cũng có thể đến tương lai. Vì thế, định phát sinh thần thông, đó là đức năng, năng lực sẵn có của quý vị bộc lộ.

Nhất chân pháp giới là thật ư? Thật ra, chẳng phải là thật. Nhất chân pháp giới cũng chẳng thật. Nó là gì? Tập khí vô thỉ vô minh biến hiện. Ngày nào đoạn hết tập khí vô thỉ vô minh, cảnh giới này sẽ chẳng thấy nữa! Sau khi không thấy, thì thứ gì hiện tiền? Thường Tịch Quang hiện tiền.

Thường Tịch Quang là bản tính của chính mình, hoàn toàn trở về tự tính. Trong Thường Tịch Quang, quý vị chẳng thấy hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng thấy hiện tượng tinh thần, một bầu quang minh. Do vậy, trong kinh có 4 từ để hình dung nó, tức là Đại Quang Minh Tạng, đấy là Thường Tịch Quang.

Huệ Năng Đại sư có nói đến cảnh giới Thường Tịch Quang. Câu cuối cùng nói về cảnh giới trong pháp giới hư không giới. Quý vị thấy phần trước đã nói: Câu đầu tiên là *"Vốn tự thanh tịnh"*, chẳng nhiễm ô, tự tính chẳng có nhiễm ô. Nay, chúng ta ở trong lục đạo, cho đến đọa trong tam đồ, có nhiễm ô hay không? Không có! Tự tính vĩnh viễn chẳng bị nhiễm ô. Nhiễm ô là gì? Nhiễm ô là A Lại Da, đặc biệt là Mạt Na. Mạt Na gọi là "nhiễm ô ý". Do tự tính chẳng bị nhiễm ô, tự tính không có sinh diệt *"Vốn chẳng sinh diệt"*, đấy mới là chính mình, là linh tính của chính mình, là bản tính của chính mình, chớ nên không biết điều này. *"Vốn tự trọn đủ"*,

câu này nói về Ẩn, nó trọn đủ, nhưng chẳng hiển hiện. Trọn đủ gì vậy? Trọn đủ hết thảy Y báo và Chính báo trang nghiêm trong pháp giới hư không giới, vốn tự trọn đủ. *"Vốn chẳng dao động"*, chưa từng lay động. Động là khởi hiện tướng, không động bèn chẳng hiện tướng.

Như vậy thì pháp giới do đâu mà có? Nhất niệm bất giác bèn có vô minh. Vô minh là A Lại Da, hay nói rõ hơn vô minh là Nghiệp tướng của A Lại Da. Từ Nghiệp tướng biến hiện Chuyển tướng. Từ Chuyển tướng biến hiện Cảnh giới tướng. Chúng được gọi là 3 tế tướng của A Lại Da. Tốc độ chuyển biến quá nhanh. Bồ tát Di Lặc bảo là trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Bao nhiêu nghiệp tướng? Đối với nghiệp, chư vị phải biết nghiệp là chấn động, khoa học hiện tại gọi nó là chấn động, tức là nó động. Đối với nhất niệm của chúng ta, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu chấn động, tần suất ra sao? Ngài bảo chúng ta, ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu. Quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu.

"Niệm niệm thành hình". *"Hình"* là hiện tượng vật chất. Mỗi một niệm đều có một hiện tượng vật chất. Trong một cái khảy ngón tay, sẽ thấy một hiện tượng vật chất, nó là ba trăm hai mươi triệu niệm, các hình tướng ấy tích lũy tại nơi đó, các khoa học gia dùng kính hiển vi trông thấy. Nếu quý

vị nhìn trong một giây, sẽ thấy nó tồn tại một giây rồi bỗng nhiên không có, một giây tích lũy bao nhiêu? Tôi nghĩ khảy nhanh, có thể khảy 5 lần. Khảy 5 lần là một ngàn sáu trăm triệu, quý vị thấy một ngàn sáu trăm triệu lượt tích lũy, để cho quý vị thấy hiện tượng ấy trong một giây, sau một giây sẽ chẳng còn thì các khoa học gia có thể thấy được; chứ các khoa học gia chẳng có cách nào thấy một phần trong một ngàn sáu trăm triệu phần của một giây. Họ chẳng nhìn thấy điều ấy, nhưng thấy được trong một giây là đã rất giỏi rồi, chúng tôi thật sự rất bội phục. Trong một giây họ có thể thấy chuyện này, biết trong Không sinh ra Có, sinh rồi liền lập tức diệt, tốc độ quá nhanh chóng!

Chuyển tướng là thông tin, khoa học gia gọi nó là thông tin. Nghiệp tướng là năng lượng, dao động là năng lượng. Cảnh giới tướng là vật chất. Do vậy, các khoa học gia, tức các khoa học gia lượng tử, nói trong vũ trụ chỉ có 3 thứ ấy (Năng lượng, Thông tin và Vật chất). Trừ 3 thứ ấy ra, thứ gì cũng đều không có. Trong Phật pháp, quý vị thấy các vị đại sư thuộc Pháp Tướng Duy thức nói trong vũ trụ thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ có A Lại Da. Đấy cũng là 3 tế tướng của A Lại Da, nên gọi là Duy thức. Chỉ có mình thức, ngoài thức ra, toàn bộ đều là giả.

Giống như kính vạn hoa. Kính vạn hoa có gì? Có 3 mảnh màu khác nhau. Chuyển động là năng lượng, năng lượng đang chuyển động. Nhìn từ chuyển động, quý vị thấy có vô

lượng vô biên kiểu mẫu kết cấu (pattern) xuất hiện. Thật sự hiểu rõ, thì chúng đâu có nhiều ngần ấy! Chẳng qua là 3 mảnh nhỏ màu sắc rực rỡ khác nhau mà thôi! Nay, chúng ta thấy Y báo và Chính báo trang nghiêm trong cả vũ trụ, tức là chúng đang động. Nếu chúng không động, sẽ biến thành 3 thứ (Nghiệp tướng, Chuyển tướng, Cảnh giới tướng). Khoa học lượng tử đối với Phật pháp rất hữu dụng. Dựa theo cách ghi chép năm tháng của Trung Quốc, cho đến năm nay, Phật Thích Ca Mâu Ni đã diệt độ 3.000 năm, người Trung Quốc nói là 3.037 năm. Từ khi đức Phật diệt độ cho đến hiện thời, khoa học gia phát hiện A Lại Da, cho thấy Pháp Tướng tông nói chẳng sai tí nào!

MỤC LỤC

TẬP 81.....5

TẬP 82..... 57

TẬP 83.....103

TẬP 84.....153

TẬP 85.....197

TẬP 86.....249

TẬP 87.....299

TẬP 88.....345

TẬP 89.....393

TẬP 90.....437

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA - QUYỂN 9

Chủ giảng: **LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG**

*****

Trưởng ban biên dịch: **TK. Thích Đồng Bổn**

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **TT Phật Học Chánh Trí**
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**
****

Đối tác liên kết:
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM
****

In 500 cuốn, khổ 19,5x26,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số XNĐKXB:1423-2024/CXBI-PH/3-47/HĐ ngày 02/05/2024. Số QĐXB của NXB: 944/QĐ-NXB-HĐ cấp ngày 08/05/2024. In xong và nộp lưu chiểu năm 2024. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-89-7916-4